National Center for Water Resources
Planning and Investigation (NAWAPI)

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
ĐỊA CHỈ: SỐ 93/95, VŨ XUÂN THIỀU, SÀI ĐỒNG, LONG BIÊN, HÀ NỘI
WEBSITE: HTTP://WWW.NAWAPI.GOV.VN
SỐ ĐIỆN THOẠI: 0243.674.0498/0243.674.0668/0243.674.0499

BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

NIÊN GIÁM
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÙNG BẮC TRUNG BỘ NĂM 2023

HÀ NỘI, NĂM 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

NIÊN GIÁM
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÙNG BẮC TRUNG BỘ NĂM 2023



HÀ NỘI, NĂM 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Mạng quan trắc tài nguyên nước là một thành phần của mạng quan trắc tài nguyên môi trường. Thông tin quan trắc tài nguyên nước ngày càng quan trọng và được nhà nước, các cấp lãnh đạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm đầu tư và hàng năm cấp kinh phí duy trì quan trắc. Mạng quan trắc quốc gia tài nguyên nước do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý, vận hành tính đến tháng 12 năm 2023 bao gồm 833 công trình quan trắc nước dưới đất và 6 trạm quan trắc tài nguyên nước mặt trên toàn quốc. Mạng lưới quan trắc quốc gia tài nguyên nước đã được xây dựng ở 5 vùng: đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Trong đó, các trạm quan trắc tài nguyên nước mặt được xây dựng ở Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, bắt đầu quan trắc từ tháng 4 năm 2011. Năm 2017, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia đã thi công và đưa vào vận hành 121 công trình quan trắc ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng trị và Thừa Thiên Huế nhằm hoàn thiện mạng lưới quan trắc phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất cho cả vùng Bắc Trung Bộ. Các yếu tố quan trắc TNN bao gồm mực nước, lưu lượng, nhiệt độ, hàm lượng chất lơ lửng và chất lượng nước.

Để phục vụ cho việc quản lý và quy hoạch tài nguyên nước trên phạm vi toàn quốc, dữ liệu quan trắc hàng năm được công bố dưới dạng niên giám tài nguyên nước. Từ năm 1999 đến 2015 đã thực hiện biên soạn niên giám tài nguyên nước dưới đất theo các năm. Từ năm 2015, thực hiện biên soạn niên giám tài nguyên nước (bao gồm tài nguyên nước mặt và nước dưới đất). Năm 2024 thực hiện biên soạn Niên giám tài nguyên nước 2023 cho các vùng: đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ.

Niên giám tài nguyên nước dưới đất vùng Bắc Trung Bộ được biên soạn từ số liệu quan trắc của 167 công trình quan trắc nước dưới đất.

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp về nội dung niên giám nhằm nâng cao chất lượng thông tin cũng như hiệu quả mạng lưới quan trắc quốc gia tài nguyên nước.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

THUYẾT MINH
TÓM TẮT NỘI DUNG
QUYỂN NIÊN GIÁM TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Quyển niên giám tài nguyên nước dưới đất năm 2023 của các công trình quan trắc gồm 4 phần:

- Phần 1: Đánh giá tổng quát đặc điểm tài nguyên nước dưới đất
- Phần 2: Mực nước
- Phần 3: Nhiệt độ
- Phần 4: Chất lượng nước

Nội dung quyển niên giám được mô tả ở các phần dưới đây:

I. Cách sử dụng danh sách các sơ đồ bố trí các công trình quan trắc

1. Sơ đồ

- Sơ đồ phân bố các công trình quan trắc được thể hiện trên cơ sở nền địa hình in lược tỷ lệ đã được số hoá và in thu nhỏ vào khổ A4 kèm theo quyển niên giám.

- Công trình quan trắc độc lập hoặc nhóm công trình quan trắc nước dưới đất được ký hiệu bằng hình tròn đỏ, phía trên là số hiệu, trong ngoặc là số công trình trong nhóm.

2. Danh sách công trình quan trắc

• Danh sách công trình quan trắc được lập theo các cột mục: số thứ tự, số hiệu điểm quan trắc, số hiệu công trình quan trắc, đối tượng quan trắc, độ sâu tầng chứa nước, vị trí, toạ độ, thời kỳ hoạt động các yếu tố quan trắc.

Tất cả các ký hiệu công trình quan trắc nước dưới đất đều có chữ QT ở đầu.

Đối với số hiệu các công trình quan trắc nước dưới đất, các chữ số La mã chỉ số hiệu nhóm công trình, còn các chữ cái (a, b, c…) chỉ công trình cụ thể trong nhóm được đánh theo vần a, b, c từ trên xuống, tiếp đến là dấu gạch ngang (-) và chữ viết tắt thể hiện tỉnh có các công trình quan trắc, TH cho Thanh Hóa và HT cho Hà Tĩnh. *Ví dụ: QT1a-TH chỉ số thứ tự điểm là 1, tầng chứa nước Pleistocen và phân bố ở Thanh Hóa*.

• Thống kê công trình theo thứ tự số đếm.

• Đối tượng quan trắc là nước dưới đất. Ký hiệu của các tầng chứa nước khác nhau theo kết quả phân tầng ĐCTV. Trong đó có ghi chú (để trong ngoặc đơn) các ký hiệu thường dùng trong một số tài liệu địa chất thuỷ văn khác như sau:

- Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)
- Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)
- Tầng chứa nước đá gốc có tuổi Triat, Cacbon, Pecmi...

• Độ sâu tầng chứa nước là độ sâu của mái (từ...) và đáy (đến ...) của tầng tính từ mặt đất với đơn vị đo là mét.

• Vị trí điểm đo ghi theo tên đơn vị hành chính: xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).

• Toạ độ (x, y) của công trình được đo đạc và tính toán theo hệ tọa độ VN 2000 từ mốc cố định gắn ở bệ bê tông gần miệng công trình.

• Độ cao công trình đo đạc và tính toán theo cùng một mốc cố định gắn ở gần miệng công trình theo độ cao gốc là hệ độ cao Hải Phòng 1972. Mốc cao độ được tính tương đương với mặt đất, đồng thời là điểm mốc để đo mực nước kể từ mặt đất.

• Thời kỳ hoạt động ghi từ ngày có tài liệu, kết thúc chỉ ghi đối với trạm đã ngừng đo.

• Các yếu tố quan trắc được viết tắt, trong đó H- là mực nước, T- là nhiệt độ, CS- là chiều sâu, CLN- Chất lượng nước dưới đất.

II. Phần đánh giá tổng quát đặc điểm tài nguyên nước dưới đất

Đánh giá tổng quát nêu các đặc điểm tài nguyên nước trong năm và có so sánh với năm trước và cả thời kỳ quan trắc 2011-2023. Việc đánh giá tổng hợp được tiến hành cho 2 tầng chứa nước chính nghiên cứu trong vùng (qh và qp). Các tầng chứa nước đá gốc gồm nhiều tầng khác nhau, mỗi tầng chỉ có 1 vài công trình phân bố rải rác nên không được đánh giá tổng quát. Trong mỗi một tầng chứa nước tiến hành thống kê đánh giá đặc điểm khái quát của các yếu tố động thái nước dưới đất (mực nước, nhiệt độ, thành phần hoá học) bao gồm các giá trị (tổng hợp theo tháng) trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất trong năm 2023 để so sánh với năm 2022 và giá trị trung bình của cả thời kỳ 2011 - 2023.

Phần đặc điểm chất lượng nước dưới đất, các chỉ tiêu phân tích được đánh giá so sánh với Quy chuẩn quốc gia QCVN09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất..

III. Phần mực nước

- Đối với mực nước dưới đất (được quan trắc ở lỗ khoan) giá trị trong niên giám là độ cao tuyệt đối mực nước (đơn vị là mét).

- Phần mực nước được thống kê theo vùng, trong mỗi vùng thống kê theo tầng chứa nước (theo thứ tự địa tầng từ "trẻ" đến "già"). Trong đó tách riêng vùng không ảnh hưởng triều và ảnh hưởng triều.
- Các giá trị mực nước trong niên giám là số liệu bình quân trong ngày. Thống kê đặc trưng mực nước trung bình (tổng hợp bình quân số học trong tháng và trong năm), cao nhất và thấp nhất chọn từ các giá trị bình quân ngày trong tháng hoặc trong năm, biên độ dao động năm (ΔH) là hiệu số giữa hai giá trị cao nhất và thấp nhất trong năm. Đối với giá trị cao nhất và thấp nhất trong năm ghi rõ thời gian xuất hiện.
- Đối với vùng không ảnh hưởng triều, các giá trị mực nước trong niên giám là mực nước bình quân ngày (giá trị tổng hợp bình quân số học từ các số liệu mực nước thực đo trong ngày) hoặc mực nước thực đo trong ngày (chỉ đo mực nước một lần trong ngày). Thống kê đặc trưng mực nước trung bình (tổng hợp bình quân số học trong tháng và trong năm), cao nhất và thấp nhất chọn từ các giá trị bình quân ngày trong tháng hoặc trong năm, biên độ dao động năm (ΔH) là hiệu số giữa hai giá trị cao nhất và thấp nhất trong năm. Đối với giá trị cao nhất và thấp nhất trong năm ghi rõ thời gian xuất hiện.
- Đối với vùng ảnh hưởng triều việc đo đạc được thực hiện theo chế độ đo liên tục 2 giờ một lần (vào giờ lẻ) trong ngày, mực nước bình quân ngày là giá trị tổng hợp bình quân số học từ mực nước thực đo theo giờ, ngoài ra còn biên soạn mực nước thực đo theo giờ cho các thời gian dao động triều đặc trưng trong năm (tháng 2, 5, 8 và 11).

IV. Phần nhiệt độ nước dưới đất

Nhiệt độ nước dưới đất được đo đồng thời cùng với mực nước. Số liệu về nhiệt độ được tổng hợp để thống kê các giá trị trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất, biên độ dao động (ΔT) trong tháng và trong năm. Việc thống kê cũng được sắp xếp theo các tầng chứa nước tương tự như phần mực nước.

V. Chất lượng nước

Số lần lấy mẫu phân tích chất lượng nước của nước dưới đất được thực hiện 2 lần trong năm tương ứng vào giữa mùa khô và mùa mưa. Số liệu trong niên giám là toàn bộ kết quả phân tích chất lượng nước đã phân tích trong năm.

VI. Ký hiệu chung

- Dấu (*) trong bản danh sách trạm để chỉ yếu tố quan trắc.

- Ô trống □ và dấu gạch ngang (-) trong thống kê đặc trưng để chỉ không có tài liệu.
- Thời gian ngày và năm viết chữ số thường, tháng viết chữ số La Mã.

MỤC TRA CỨU

Số TT	Yếu tố / Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều				
			Bình quân ngày	Biên độ dao động		Đa lượng	Vi lượng
1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)							
1	QT2-TH	57			291	315	339
2	QT3-TH	58			291	315	339
3	QT4-TH	59			291	315	339
4	QT5-TH	60			291	315	339
5	QT6-TH	61			291	315	339
6	QT11-TH	62			291	315	339
7	QT12-TH	63			291	315	339
8	QT13-TH	64			291	315	339
9	QT2a-NA	65			291	315	-
10	QT4a-NA	66			292	316	-
11	QT6a-NA	67			292	316	340
12	QT8a-NA	68			292	316	340
13	QT9a-NA	69			292	316	340
14	QT10a-NA	70			292	316	-
15	QT11a-NA	71			292	316	340
16	QT13a-NA	72			292	316	340
17	QT14a-NA	73			292	316	340
18	QT15a-NA	74			292	316	340
19	QT16a-NA	75			293	317	340
20	QT1a-CC	76			293	317	340
21	QT1a-HĐ	77			293	317	341
22	QT2-HĐ	78			293	317	341
23	QT5a-HĐ	79			293	317	341
24	QT2-HT	80			293	317	341
25	QT3-HT	81			293	317	341
26	QT4-HT	82			293	317	341
27	QT5-HT	83			293	317	341
28	QT7-HT	84			294	318	341
29	QT1a-HS	85			294	318	341
30	QT2a-HS	86			294	318	342

Số TT	Yếu tố / Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều				
			Bình quân ngày	Biên độ dao động		Đa lượng	Vi lượng
31	QT3-HS	87			294	318	342
32	QT4-HS	88			294	318	342
33	QT5a-HS	89			294	318	342
34	QT1a-QB	90			294	318	342
35	QT2-QB	91			294	318	342
36	QT6a-QB	92			294	318	342
37	QT7-QB	93			295	319	342
38	QT8a-QB	94			295	319	342
39	QT10-QB	95			295	319	343
40	QT11a-QB	96			295	319	343
41	QT12a-QB	97			295	319	343
42	QT14-QB	98			295	319	343
43	QT16a-QB	99			295	319	343
44	QT17-QB	100			295	319	343
45	QT3a-QT	101			295	319	343
46	QT7a-QT	102			296	320	343
47	QT9a-QT	103			296	320	343
48	QT12-QT	104			296	320	344
49	QT1a-H	105			296	320	344
50	QT2a-H	106			296	320	344
51	QT4a-H	107			296	320	-
52	QT7a-H	108			296	320	344
53	QT8-TH		109	123	296	320	344
54	QT9-TH		110	-	296	320	344
55	QT14-TH		111	127	297	321	344
56	QT1-NA		112	131	297	321	-
57	QT3-NA		113	-	297	321	-
58	QT12a-NA		114	-	297	321	-
59	QT1-HT		115	135	297	321	344
60	QT3a-QB		116	139	297	321	344
61	QT4a-QB		117	-	297	321	345
62	QT9a-QB		118	143	297	321	345

Số TT	Yếu tố / Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều				
			Bình quân ngày	Biên độ dao động		Đa lượng	Vi lượng
63	QT10a-QT		119	147	297	321	345
64	QT3a-H		120	151	298	322	345
65	QT6a-H		121	-	298	322	345
66	QT8a-H		122	-	298	322	345
2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)							
67	QT1a-TH	155			299	323	347
68	QT2a-TH	156			299	323	347
69	QT4a-TH	157			299	323	347
70	QT5a-TH	158			299	323	347
71	QT6a-TH	159			299	323	347
72	QT7a-TH	160			299	323	347
73	QT9a-TH	161			299	323	-
74	QT10a-TH	162			299	323	347
75	QT11a-TH	163			299	323	347
76	QT12a-TH	164			300	324	347
77	QT13a-TH	165			300	324	-
78	QT2b-NA	166			300	324	-
79	QT5a-NA	167			300	324	348
80	QT6b-NA	168			300	324	348
81	QT8b-NA	169			300	324	-
82	QT9b-NA	170			300	324	-
83	QT10b-NA	171			300	324	348
84	QT11b-NA	172			300	324	348
85	QT14b-NA	173			301	325	348
86	QT15b-NA	174			301	325	348
87	QT16b-NA	175			301	325	348
88	QT17a-NA	176			301	325	348
89	QT18a-NA	177			301	325	348
90	QT1b-CC	178			301	325	348
91	QT2a-CC	179			301	325	349
92	QT3-CC	180			301	325	349
93	QT3a-HĐ	181			301	325	349

Số TT	Yếu tố / Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều				
			Bình quân ngày	Biên độ dao động		Đa lượng	Vi lượng
94	QT5b-HĐ	182			302	326	349
95	QT2a-HT	183			302	326	-
96	QT5a-HT	184			302	326	349
97	QT6-HT	185			302	326	349
98	QT1a-HK	186			302	326	349
99	QT2a-HK	187			302	326	349
100	QT3a-HK	188			302	326	349
101	QT4a-HK	189			302	326	349
102	QT5a-HK	190			302	326	350
103	QT1b-HS	191			303	327	350
104	QT2b-HS	192			303	327	350
105	QT5b-HS	193			303	327	350
106	QT1b-QB	194			303	327	350
107	QT5-QB	195			303	327	350
108	QT12b-QB	196			303	327	350
109	QT13a-QB	197			303	327	350
110	QT15a-QB	198			303	327	350
111	QT1a-QT	199			303	327	350
112	QT3b-QT	200			304	328	351
113	QT5-QT	201			304	328	351
114	QT6-QT	202			304	328	351
115	QT7b-QT	203			304	328	351
116	QT8b-QT	204			304	328	-
117	QT9b-QT	205			304	328	351
118	QT11a-QT	206			304	328	351
119	QT1b-H	207			304	328	351
120	QT2b-H	208			304	328	351
121	QT4b-H	209			305	329	-
122	QT5-H	210			305	329	351
123	QT6b-H	211			305	329	351
124	QT7b-H	212			305	329	352
125	QT9-H	213			305	329	352

Số TT	Yếu tố / Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều				
			Bình quân ngày	Biên độ dao động		Đa lượng	Vi lượng
126	QT8a-TH		215	227	305	329	352
127	QT14a-TH		216	231	305	329	352
128	QT7-NA		217	235	305	329	352
129	QT12b-NA		218	-	305	329	352
130	QT13b-NA		219	237	306	330	352
131	QT7a-HT		220	241	306	330	352
132	QT4b-QB		221	245	306	330	-
133	QT9b-QB		222	-	306	330	352
134	QT4-QT		223	-	306	330	352
135	QT10b-QT		224	247	306	330	353
136	QT3b-H		225	-	306	330	353
137	QT8b-H		226	251	306	330	353
3. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)							
138	QT8b-QB	255			307	331	355
139	QT1b-QT	256			307	331	355
140	QT3c-QT	257			307	331	355
141	QT7c-QT	258			307	331	355
142	QT8c-QT	259			307	331	-
143	QT10c-QT	260			307	331	355
144	QT11b-QT	261			307	331	355
145	QT13-QT	262			307	331	355
4. Tầng chứa nước khe nứt trong đá Bazan (Bz)							
146	QT2-QT	263			307	333	355
5. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Triat (t) và Triat giữa (t_2)							
147	QT4b-NA	265			309	333	-
148	QT5b-NA	266			309	333	357
149	QT18b-NA	267			309	333	357
150	QT1b-HĐ	268			309	333	357
151	QT3b-HT	269			309	333	-
152	QT6b-HT	270			309	334	357
153	QT1b-HK	271			309	334	357

Số TT	Yếu tố / Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều				
			Bình quân ngày	Biên độ dao động		Đa lượng	Vi lượng
154	QT2b-HK	272			309	334	357
155	QT3b-HK	273			309	334	357
156	QT4b-HK	274			310	334	357
157	QT5b-HK	275			310	334	357
6. Tầng chức nước khe nứt - karst trong trầm tích carbonat Carbon-Pecmi (c-p)							
158	QT3b-HĐ	277			311	335	359
159	QT4-HĐ	278			311	335	359
7. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Cacbon dưới (c_1)							
160	QT2b-CC	279			311	335	359
8. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)							
161	QT3b-QB	281			311	337	-
162	QT6b-QB	282			311	337	359
163	QT11b-QB	283			311	337	360
164	QT13b-QB	284			311	337	360
165	QT15b-QB	285			312	337	360
166	QT16b-QB	286			312	337	360
9. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur dưới (o_3-s_1)							
167	QT17b-NA	287			312	337	360

Mạng quan trắc vùng Bắc Trung Bộ hiện có 10 trạm quan trắc nước dưới đất với 96 điểm gồm 167 công trình quan trắc phân bố tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Năm 2018, mạng lưới quan trắc quốc gia vùng Bắc Trung Bộ tại một số tỉnh được hoàn thành xây dựng và bắt đầu đưa vào vận hành như: Trạm Hương Sơn ở tỉnh Hà Tĩnh; Trạm Nghệ An, Trạm Con Cuông, Trạm Quỳ Hợp-Nghĩa Đàn ở tỉnh Nghệ An; Trạm Quảng Bình ở tỉnh Quảng Bình; Trạm Quảng Trị ở tỉnh Quảng Trị và trạm Huế ở tỉnh Thừa Thiên Huế).

Các công trình quan trắc nước dưới đất trong vùng Bắc Trung Bộ được bố trí quan trắc các tầng chứa nước lỗ hổng trầm tích đệ tứ (qh và qp) và tầng chứa nước khe nứt (n, t_2, d_1, c-p, c_1, o_3-s_1 và bazan). Trong đó, quan trắc tầng chứa nước qh có 66 công trình, quan trắc tầng chứa nước qp có 71 công trình, tầng chứa nước neogen (n) có 8 công trình, tầng chứa nước t_2 có 11 công trình…

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
1	QT10-TH	QT10a-TH	qp	0,0	26,0	Thọ Dân	Triệu Sơn	Thanh Hoá	2.196.148,21	556.744,74	6,942	III-2011	*	*	*
2	QT11-TH	QT11a-TH	qp	12,2	16,2	Hoằng Sơn	Nông Cống	Thanh Hoá	2.179.939,46	571.401,17	3,751	III-2011	*	*	*
3		QT11-TH	qh	0,0	10,5	Hoằng Sơn	Nông Cống	Thanh Hoá	2.179.939,46	571.401,17	3,751	III-2011	*	*	*
4	QT12-TH	QT12a-TH	qp	26,3	30,9	Quảng Chính	Quảng Xương	Thanh Hoá	2.169.705,29	582.797,00	3,621	III-2011	*	*	*
5		QT12-TH	qh	0,0	12,9	Quảng Chính	Quảng Xương	Thanh Hoá	2.169.705,29	582.797,00	3,621	III-2011	*	*	*
6	QT13-TH	QT13a-TH	qp	22,6	50,5	Nga Hưng	Nga Sơn	Thanh Hoá	2.210.853,42	602.145,82	3,991	III-2011	*	*	*
7		QT13-TH	qh	0,0	6,0	Nga Hưng	Nga Sơn	Thanh Hoá	2.210.853,42	602.145,82	3,991	III-2011	*	*	*
8	QT14-TH	QT14a-TH	qp	38,5	47,0	Ngọcc Linh	Tĩnh Gia	Thanh Hoá	2.162.279,60	580.449,31	5,869	III-2011	*	*	*
9		QT14-TH	qh	0,0	20,8	Ngọc Linh	Tĩnh Gia	Thanh Hoá	2.162.279,60	580.449,31	5,869	III-2011	*	*	*
10	QT1-TH	QT1a-TH	qp	14,6	35,0	Yên Thái	Yên Định	Thanh Hoá	2.212.406,76	565.038,45	10,726	III-2011	*	*	*

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
11	QT2-TH	QT2a-TH	qp	30,5	43,5	Hoằng Trung	Hoằng Hoá	Thanh Hoá	2.202.283,64	584.253,25	6,002	III-2011	*	*	*
12		QT2-TH	qh	0,0	19,0	Hoằng Trung	Hoằng Hoá	Thanh Hoá	2.202.283,64	584.253,25	6,002	III-2011	*	*	*
13	QT3-TH	QT3-TH	qh	0,0	16,8	Minh Lộc	Hậu Lộc	Thanh Hoá	2.203.826,73	599.184,43	0,994	III-2011	*	*	*
14	QT4-TH	QT4a-TH	qp	16,0	23,0	Xuân Hoà	Thọ Xuân	Thanh Hoá	2.206.326,09	552.315,64	13,739	III-2011	*	*	*
15		QT4-TH	qh	0,0	14,0	Xuân Hòa	Thọ Xuân	Thanh Hoá	2.206.326,09	552.315,64	13,739	III-2011	*	*	*
16	QT5-TH	QT5a-TH	qp	25,0	35,0	Thọ Nguyên	Thọ Xuân	Thanh Hoá	2.203.933,63	559.539,95	10,164	III-2011	*	*	*
17		QT5-TH	qh	0,0	18,0	Thọ Nguyên	Thọ Xuân	Thanh Hoá	2.203.933,63	559.539,95	10,164	III-2011	*	*	*
18	QT6-TH	QT6a-TH	qp	31,0	35,8	Thiệu Viên	Thiệu Hoá	Thanh Hoá	2.197.596,70	567.686,92	7,314	III-2011	*	*	*
19		QT6-TH	qh	0,0	20,0	Thiệu Viên	Thiệu Hoá	Thanh Hoá	2.197.596,70	567.686,92	7,314	III-2011	*	*	*
20	QT7-TH	QT7a-TH	qp	24,0	35,6	Đông Lĩnh	Đông Sơn	Thanh Hoá	2.193.610,64	576.513,73	5,606	III-2011	*	*	*
21	QT8-TH	QT8a-TH	qp	33,0	53,0	Đông Hải	TP. Thanh Hoá	Thanh Hoá	2.189.197,80	584.852,16	3,528	III-2011	*	*	*
22		QT8-TH	qh	0,0	20,0	Đông Hải	TP. Thanh Hóa	Thanh Hoá	2.189.197,80	584.852,16	3,528	III-2011	*	*	*
23	QT9-TH	QT9a-TH	qp	11,0	22,0	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	Thanh Hoá	2.182.752,21	592.961,19	3,639	III-2011	*	*	*
24		QT9-TH	qh	0,0	9,0	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	Thanh Hoá	2.182.752,21	592.961,19	3,639	III-2011	*	*	*
25	QT10-NA	QT10a-NA	qh	20,1	23,0	Nghi Vạn	Nghi Lộc	Nghệ An	2.074.092,00	567.057,00	1,85	I-2018	*	*	*
26		QT10b-NA	qp	42,5	46,5	Nghi Vạn	Nghi Lộc	Nghệ An	2.074.092,00	567.057,00	1,85	I-2018	*	*	*
27	QT11-NA	QT11a-NA	qh	7,0	14,0	TT.Nam Đàn	Nam Đàn	Nghệ An	2.067.535,00	553.641,00	7,25	I-2018	*	*	*
28		QT11b-NA	qp	21,0	23,0	TT.Nam Đàn	Nam Đàn	Nghệ An	2.067.535,00	553.641,00	7,25	I-2018	*	*	*
29	QT12-NA	QT12a-NA	qh	6,0	13,5	Hưng Hoà	TP Vinh	Nghệ An	2.066.690,00	577.689,00	0,75	I-2018	*	*	*
30		QT12b-NA	qp	32,5	50,0	Hưng Hoà	TP Vinh	Nghệ An	2.066.690,00	577.689,00	0,75	I-2018	*	*	*
31	QT13-NA	QT13a-NA	qh	5,0	11,0	Hưng Dũng	TP Vinh	Nghệ An	2.065.078,00	575.567,00	0,87	I-2018	*	*	*
32		QT13b-NA	qp	34,5	42,0	Hưng Dũng	TP Vinh	Nghệ An	2.065.078,00	575.567,00	0,87	I-2018	*	*	*

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
33	QT14-NA	QT14a-NA	qh	1,0	13,1	Hưng Phúc	Hưng Nguyên	Nghệ An	2.059.186,00	569.204,00	2,36	I-2018	*	*	*
34		QT14b-NA	qp	27,3	40,0	Hưng Phúc	Hưng Nguyên	Nghệ An	2.059.186,00	569.204,00	2,36	I-2018	*	*	*
35	QT15-NA	QT15a-NA	qh	7,0	11,0	Hưng Xuân	Hưng Nguyên	Nghệ An	2.056.693,00	565.253,00	4,31	I-2018	*	*	*
36		QT15b-NA	qp	30,0	38,0	Hưng Xuân	Hưng Nguyên	Nghệ An	2.056.693,00	565.253,00	4,31	I-2018	*	*	*
37	QT16-NA	QT16a-NA	qh	3,0	11,0	Nam Phúc	Nam Đàn	Nghệ An	2.055.383,00	561.405,00	3,94	I-2018	*	*	*
38		QT16b-NA	qp	35,0	42,0	Nam Phúc	Nam Đàn	Nghệ An	2.055.383,00	561.405,00	3,94	I-2018	*	*	*
39	QT17-NA	QT17a-NA	qp	13,1	18,5	Nghi Lâm	Nghi Lộc	Nghệ An	2.082.149,00	555.960,00	13,25	I-2018	*	*	*
40		QT17b-NA	o_3-s_1	18,5	70,0	Nghi Lâm	Nghi Lộc	Nghệ An	2.082.149,00	555.960,00	13,25	I-2018	*	*	*
41	QT18-NA	QT18a-NA	qp	7,0	19,0	Đại Sơn	Đô Lương	Nghệ An	2.079.327,00	548.578,00	22,35	I-2018	*	*	*
42		QT18b-NA	t_2	27,0	72,5	Đại Sơn	Đô Lương	Nghệ An	2.079.327,00	548.578,00	22,35	I-2018	*	*	*
43	QT1-CC	QT1a-CC	qh	14,8	32,6	Long Sơn	Anh Sơn	Nghệ An	2.094.176,00	512.370,00	21,533	I-2018	*	*	*
44		QT1b-CC	qp	42,7	77,0	Long Sơn	Anh Sơn	Nghệ An	2.094.176,00	512.370,00	21,533	I-2018	*	*	*
45	QT1-HĐ	QT1a-HĐ	qh	3,7	10,7	Quang Phong	Thái Hoà	Nghệ An	2.138.587,00	543.848,00	47,594	I-2018	*	*	*
46		QT1b-HĐ	t_2	10,7	70,0	Quang Phong	Thái Hoà	Nghệ An	2.138.587,00	543.848,00	47,594	I-2018	*	*	*
47	QT1-NA	QT1-NA	qh	24,5	28,5	Quỳnh Dị	Quỳnh Lưu	Nghệ An	2.127.669,00	575.109,00	3,52	I-2018	*	*	*
51	QT2-NA	QT2b-NA	qp	22,4	27,4	Quỳnh Thạch	Quỳnh Lưu	Nghệ An	2.120.099,00	569.307,00	2,27	I-2018	*	*	*
49		QT2a-NA	qh	12,3	17,5	Quỳnh Thạch	Quỳnh Lưu	Nghệ An	2.120.099,00	569.307,00	2,27	I-2018	*	*	*
48	QT2-CC	QT2a-CC	qp	17,6	30,0	Hùng Sơn	Anh Sơn	Nghệ An	2.099.829,00	501.171,00	27,662	I-2018	*	*	*
50		QT2b-CC	c_1	72,0	75,0	Hùng Sơn	Anh Sơn	Nghệ An	2.099.829,00	501.171,00	27,662	I-2018	*	*	*
52	QT2-HĐ	QT2-HĐ	qh	12,6	17,0	Châu Quang	Quỳ Hợp	Nghệ An	2.137.276,00	515.331,00	78,68	I-2018	*	*	*
53	QT3-HĐ	QT3a-HĐ	qp	13,6	20,0	Tam Hợp	Quỳ Hợp	Nghệ An	2.140.996,00	528.586,00	58,435	I-2018	*	*	*
54		QT3b-HĐ	c-p	20,0	80,0	Tam Hợp	Quỳ Hợp	Nghệ An	2.140.996,00	528.586,00	58,435	I-2018	*	*	*
55	QT3-CC	QT3-CC	qp	8,4	14,0	Bồng Khê	Con Cuông	Nghệ An	2.106.045,00	488.429,00	30,051	I-2018	*	*	*

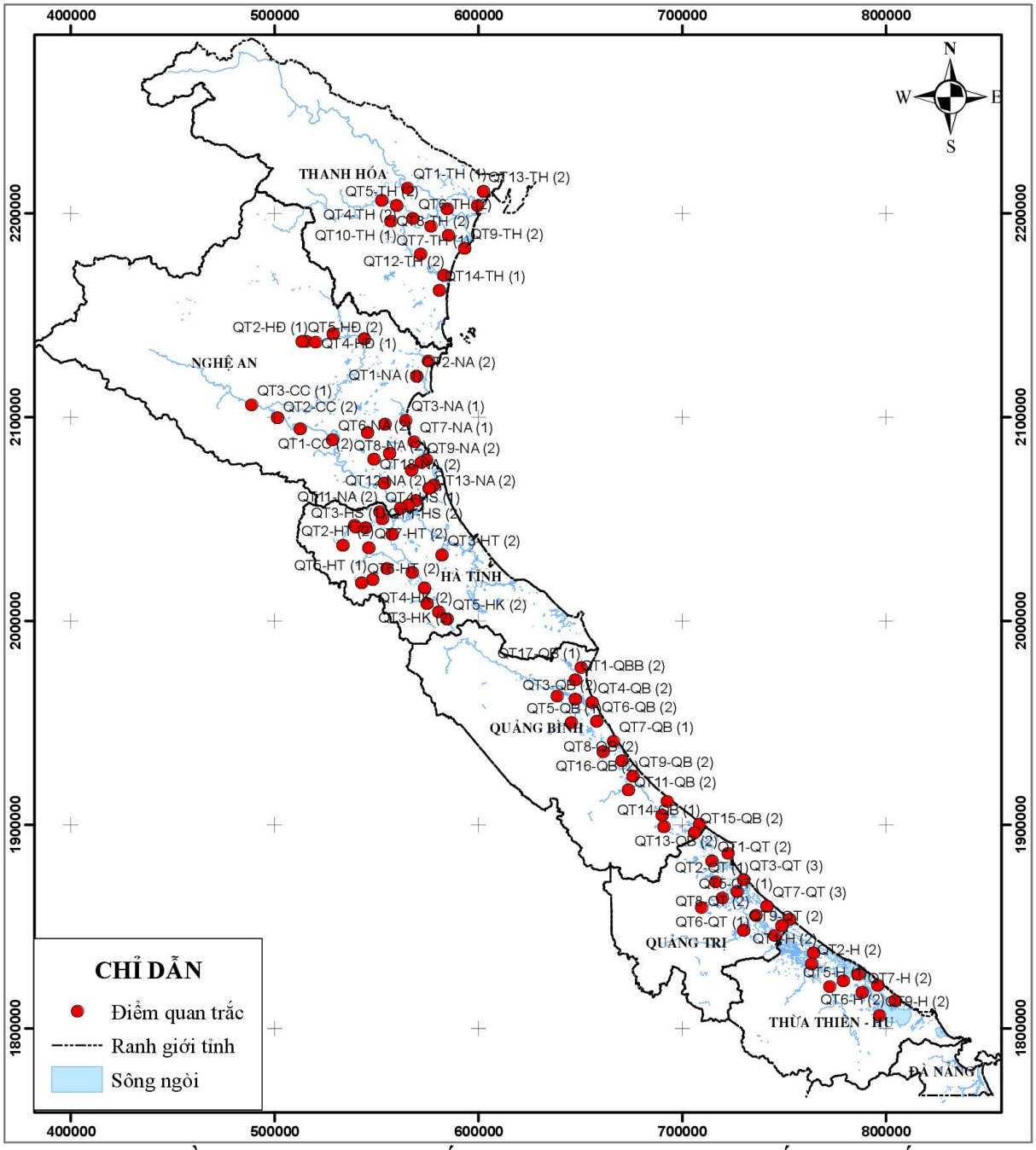
Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
56	QT3-NA	QT3-NA	qh	11,5	16,5	Diễn Thành	Diễn Châu	Nghệ An	2.098.399,00	563.949,00	2,63	I-2018	*	*	*
57	QT4-NA	QT4a-NA	qh	20,4	24,5	Vĩnh Thành	Yên Thành	Nghệ An	2.092.545,00	545.449,00	5,23	I-2018	*	*	*
58		QT4b-NA	t_2	30,0	70,0	Vĩnh Thành	Yên Thành	Nghệ An	2.092.545,00	545.449,00	5,23	I-2018	*	*	*
59	QT4-HĐ	QT4-HĐ	c-p	30,0	80,0	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	Nghệ An	2.136.813,00	520.051,00	65,209	I-2018	*	*	*
60	QT5-HĐ	QT5a-HĐ	qh	5,0	15,0	Châu Quang	Quỳ Hợp	Nghệ An	2.137.184,00	513.314,00	86,557	I-2018	*	*	*
62		QT5b-HĐ	qp	31,5	85,0	Châu Quang	Quỳ Hợp	Nghệ An	2.137.184,00	513.314,00	86,557	I-2018	*	*	*
61	QT5-NA	QT5a-NA	qp	10,5	15,0	Công Thành	Yên Thành	Nghệ An	2.096.480,00	553.877,00	1,93	I-2018	*	*	*
63		QT5b-NA	t_2	18,2	70,0	Công Thành	Yên Thành	Nghệ An	2.096.480,00	553.877,00	1,93	I-2018	*	*	*
64	QT6-NA	QT6a-NA	qh	11,0	16,0	Yên Sơn	Đô Lương	Nghệ An	2.088.917,00	528.157,00	13,85	I-2018	*	*	*
65		QT6b-NA	qp	21,5	30,0	Yên Sơn	Đô Lương	Nghệ An	2.088.917,00	528.157,00	13,85	I-2018	*	*	*
66	QT7-NA	QT7-NA	qp	27,9	36,0	Nghi Yên	Nghi Lộc	Nghệ An	2.087.934,00	568.192,00	3,51	I-2018	*	*	*
67	QT8-NA	QT8a-NA	qh	3,0	4,8	Nghi Thu	TX Cửa Lò	Nghệ An	2.078.922,00	574.304,00	2,63	I-2018	*	*	*
68		QT8b-NA	qp	26,0	28,0	Nghi Thu	TX Cửa Lò	Nghệ An	2.078.922,00	574.304,00	2,63	I-2018	*	*	*
69	QT9-NA	QT9a-NA	qh	4,0	12,0	Nghi Thịnh	Nghi Lộc	Nghệ An	2.077.665,00	571.714,00	1,74	I-2018	*	*	*
70		QT9b-NA	qp	33,8	39,2	Nghi Thịnh	Nghi Lộc	Nghệ An	2.077.665,00	571.714,00	1,74	I-2018	*	*	*
71	QT1-HK	QT1a-HK	qp	9,0	38,5	Phương Điền	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.023.928,80	567.194,80	7,397	III-2011	*	*	*
73		QT1b-HK	t	38,5	70,0	Phương Điền	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.023.928,80	567.194,80	7,397	III-2011	*	*	*
72	QT1-HS	QT1a-HS	qh	9,1	18,0	Sơn Ninh	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.050.156,00	552.756,00	6,82	III-2011	*	*	*
74		QT1b-HS	qp	24,8	30,0	Sơn Ninh	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.050.156,00	552.756,00	6,82	III-2011	*	*	*
75	QT1-HT	QT1-HT	qh	0,0	16,1	Thịnh Lộc	Lộc Hà	Hà Tĩnh	2.046.976,38	538.972,47	7,91	III-2011	*	*	*
76	QT2-HK	QT2a-HK	qp	0,0	15,0	Hương Thuỷ	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.016.163,80	573.404,85	11,678	III-2011	*	*	*
79		QT2b-HK	t	15,0	76,0	Hương Thuỷ	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.016.163,80	573.404,85	11,678	III-2011	*	*	*

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
77	QT2-HS	QT2a-HS	qh	15,5	19,5	TT Phố Châu	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.045.878,00	544.463,00	11,949	III-2011	*	*	*
80		QT2b-HS	qp	26,0	32,0	TT Phố Châu	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.045.878,00	544.463,00	11,949	III-2011	*	*	*
78	QT2-HT	QT2a-HT	qp	24,0	35,0	Thạch Kênh	Thạch Hà	Hà Tĩnh	2.037.116,91	533.323,20	1,874	III-2011	*	*	*
81		QT2-HT	qh	0,0	10,4	Thạch Kênh	Thạch Hà	Hà Tĩnh	2.037.116,91	533.323,20	1,874	III-2011	*	*	*
82	QT3-HK	QT3a-HK	qp	9,0	19,4	Phú Phong	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.008.551,60	574.630,56	16,456	III-2011	*	*	*
83		QT3b-HK	t	19,4	80,0	Phú Phong	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.008.551,60	574.630,56	16,456	III-2011	*	*	*
85	QT3-HS	QT3-HS	qh	10,3	14,0	Sơn Diệm	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.046.008,00	539.440,00	15,989	III-2011	*	*	*
86	QT3-HT	QT3-HT	qh	0,0	11,9	Sơn Lộc	Can Lộc	Hà Tĩnh	2.032.431,80	581.821,44	2,019	III-2011	*	*	*
84		QT3b-HT	t	11,9	45,0	Sơn Lộc	Can Lộc	Hà Tĩnh	2.032.431,80	581.821,44	2,019	III-2011	*	*	*
87	QT4-HK	QT4a-HK	qp	0,0	17,8	Phúc Trạch	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.004.453,70	580.082,37	18,272	III-2011	*	*	*
88		QT4b-HK	t	17,8	80,0	Phúc Trạch	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.004.453,70	580.082,37	18,272	III-2011	*	*	*
89	QT4-HS	QT4-HS	qh	14,1	17,2	Sơn Tiến	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.053.706,00	551.443,00	4,81	III-2011	*	*	*
90	QT4-HT	QT4-HT	qh	0,0	17,0	Cẩm Hoà	Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	2.025.818,66	554.899,04	6,75	III-2011	*	*	*
92	QT5-HS	QT5a-HS	qh	6,7	9,2	Đức Lạc	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.042.548,00	557.423,00	5,751	III-2011	*	*	*
95		QT5b-HS	qp	30,8	34,2	Đức Lạc	Hương Sơn	Hà Tĩnh	2.042.548,00	557.423,00	5,751	III-2011	*	*	*
96	QT5-HT	QT5-HT	qh	0,0	12,8	Cẩm Thành	Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	2.020.478,35	547.859,88	2,893	III-2011	*	*	*
93		QT5a-HT	qp	12,8	50,0	Cẩm Thành	Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	2.020.478,35	547.859,88	2,893	III-2011	*	*	*
91	QT5-HK	QT5a-HK	qp	0,0	10,5	Hương Trạch	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.000.941,20	584.335,36	22,788	III-2011	*	*	*
94		QT5b-HK	t	10,5	80,0	Hương Trạch	Hương Khê	Hà Tĩnh	2.000.941,20	584.335,36	22,788	III-2011	*	*	*
97	QT6-HT	QT6b-HT	t	7,0	47,0	Cẩm Thạch	Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	2.018.762,17	542.360,89	7,712	III-2011	*	*	*
98		QT6a-HT	qp	0,0	6,5	Cẩm Thạch	Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	2.018.762,17	542.360,89	7,712	III-2011	*	*	*
99	QT7-HT	QT7a-HT	qp	34,0	39,5	Thạch Đỉnh	Thạch Hà	Hà Tĩnh	2.035.893,39	545.880,19	1,64	III-2011	*	*	*
100		QT7-HT	qh	0,0	19,6	Thạch Đỉnh	Thạch Hà	Hà Tĩnh	2.035.893,39	545.880,19	1,64	III-2011	*	*	*

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
101	QT10-QB	QT10-QB	qh	0,0	19,0	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.911.504,00	692.354,00	9,825	I-2018	*	*	*
102	QT11-QB	QT11a-QB	qh	21,4	26,8	Hiền Ninh	Quảng Ninh	Quảng Bình	1.917.171,00	673.477,00	4,313	I-2018	*	*	*
103		QT11b-QB	d_1	30,0	53,5	Hiền Ninh	Quảng Ninh	Quảng Bình	1.917.171,00	673.477,00	4,313	I-2018	*	*	*
104	QT12-QB	QT12a-QB	qh	13,5	16,8	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.904.651,00	689.873,00	2,844	I-2018	*	*	*
105		QT12b-QB	qp	29,5	45,0	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.904.651,00	689.873,00	2,844	I-2018	*	*	*
106	QT13-QB	QT13a-QB	qp	10,0	16,2	Thái Xá	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.898.988,00	690.879,00	3,897	I-2018	*	*	*
107		QT13b-QB	d_1	16,2	45,0	Thái Xá	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.898.988,00	690.879,00	3,897	I-2018	*	*	*
108	QT14-QB	QT14-QB	qh	6,2	18,0	Ngư Thủy Nam	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.900.377,00	708.196,00	15,929	I-2018	*	*	*
109	QT15-QB	QT15a-QB	qp	0,0	19,0	Sen Thủy	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.896.182,00	705.837,00	14,385	I-2018	*	*	*
110		QT15b-QB	d_1	19,0	58,0	Sen Thủy	Lệ Thủy	Quảng Bình	1.896.182,00	705.837,00	14,385	I-2018	*	*	*
111	QT16-QB	QT16a-QB	qh	9,0	13,0	Nam Trạch	Bố Trạch	Quảng Bình	1.935.953,00	660.987,00	16,114	I-2018	*	*	*
112		QT16b-QB	d_1	30,0	37,5	Nam Trạch	Bố Trạch	Quảng Bình	1.935.953,00	660.987,00	16,114	I-2018	*	*	*
113	QT17-QB	QT17-QB	qh	8,0	12,0	Quảng Tùng	Quảng Trạch	Quảng Bình	1.977.283,00	650.228,00	3,91	I-2018	*	*	*
114	QT1-QBB	QT1a-QB	qh	4,0	9,0	Quảng Lưu	Quảng Trạch	Quảng Bình	1.971.042,00	647.284,00	7,216	I-2018	*	*	*
115		QT1b-QB	qp	62,5	68,0	Quảng Lưu	Quảng Trạch	Quảng Bình	1.971.042,00	647.284,00	7,216	I-2018	*	*	*
116	QT2-QB	QT2-QB	qh	0,5	9,0	Quảng Tiên	TX Ba Đồn	Quảng Bình	1.963.188,00	638.303,00	8,365	I-2018	*	*	*
117	QT3-QB	QT3a-QB	qh	10,0	14,3	Quảng Hòa	TX Ba Đồn	Quảng Bình	1.961.668,00	647.372,00	2,594	I-2018	*	*	*
118		QT3b-QB	d_1	35,0	47,0	Quảng Hòa	TX Ba Đồn	Quảng Bình	1.961.668,00	647.372,00	2,594	I-2018	*	*	*
119	QT4-QB	QT4a-QB	qh	0,5	17,0	Quảng Phúc	TX Ba Đồn	Quảng Bình	1.960.080,00	655.540,00	1,656	I-2018	*	*	*
120		QT4b-QB	qp	43,0	54,0	Quảng Phúc	TX Ba Đồn	Quảng Bình	1.960.080,00	655.540,00	1,656	I-2018	*	*	*
121	QT5-QB	QT5-QB	qp	21,5	26,0	Hưng Trạch	Bố Trạch	Quảng Bình	1.950.264,00	645.322,00	5,487	I-2018	*	*	*
122	QT6-QB	QT6a-QB	qh	4,0	8,6	Phú Trạch	Bố Trạch	Quảng Bình	1.950.768,00	657.701,00	8,931	I-2018	*	*	*
123		QT6b-QB	d_1	39,1	50,0	Phú Trạch	Bố Trạch	Quảng Bình	1.950.768,00	657.701,00	8,931	I-2018	*	*	*

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
124	QT7-QB	QT7-QB	qh	5,2	23,0	Đại Trạch	Bố Trạch	Quảng Bình	1.940.839,00	665.990,00	8,038	I-2018	*	*	*
125	QT8-QB	QT8a-QB	qh	3,5	23,0	Nam Lý	TP Đồng Hới	Quảng Bình	1.931.268,00	670.079,00	2,228	I-2018	*	*	*
126		QT8b-QB	n	66,0	72,0	Nam Lý	TP Đồng Hới	Quảng Bình	1.931.268,00	670.079,00	2,228	I-2018	*	*	*
127	QT9-QB	QT9a-QB	qh	1,2	7,0	Võ Ninh	Quảng Ninh	Quảng Bình	1.923.711,00	675.649,00	2,202	I-2018	*	*	*
128		QT9b-QB	qp	10,0	14,2	Võ Ninh	Quảng Ninh	Quảng Bình	1.923.711,00	675.649,00	2,202	I-2018	*	*	*
129	QT10-QT	QT10a-QT	qh	27,8	35,0	Hải Khê	Hải Lăng	Quảng Trị	1.853.571,00	752.374,00	3,634	I-2018	*	*	*
130		QT10b-QT	qp	61,3	68,0	Hải Khê	Hải Lăng	Quảng Trị	1.853.571,00	752.374,00	3,634	I-2018	*	*	*
131		QT10c-QT	n	69,7	84,0	Hải Khê	Hải Lăng	Quảng Trị	1.853.571,00	752.374,00	3,634	I-2018	*	*	*
132	QT11-QT	QT11a-QT	qp	38,1	45,0	Hải Dương	Hải Lăng	Quảng Trị	1.850.550,00	748.747,00	1,543	I-2018	*	*	*
133		QT11b-QT	n	51,7	63,0	Hải Dương	Hải Lăng	Quảng Trị	1.850.550,00	748.747,00	1,543	I-2018	*	*	*
134	QT12-QT	QT12-QT	qh	33,0	41,0	Hải Trường	Hải Lăng	Quảng Trị	1.845.668,00	745.062,00	1,735	I-2018	*	*	*
135	QT13-QT	QT13-QT	n	31,5	38,0	Vĩnh Thạch	Vĩnh Linh	Quảng Trị	1.885.898,00	722.171,00	52,741	I-2018	*	*	*
136	QT1-QT	QT1a-QT	qp	12,8	19,1	Vĩnh Lâm	Vĩnh Linh	Quảng Trị	1.882.097,00	714.308,00	1,814	I-2018	*	*	*
137		QT1b-QT	n	27,1	56,0	Vĩnh Lâm	Vĩnh Linh	Quảng Trị	1.882.097,00	714.308,00	1,814	I-2018	*	*	*
138	QT2-QT	QT2-QT	bz	19,0	25,0	Gio An	Gio Linh	Quảng Trị	1.872.089,00	716.234,00	30,013	I-2018	*	*	*
139	QT3-QT	QT3a-QT	qh	0,0	19,0	Gio Hải	Gio Linh	Quảng Trị	1.872.908,00	729.789,00	3,292	I-2018	*	*	*
140		QT3b-QT	qp	72,4	81,0	Gio Hải	Gio Linh	Quảng Trị	1.872.908,00	729.789,00	3,292	I-2018	*	*	*
141		QT3c-QT	n	124,0	134,0	Gio Hải	Gio Linh	Quảng Trị	1.872.908,00	729.789,00	3,292	I-2018	*	*	*
142	QT4-QT	QT4-QT	qp	34,2	57,0	Gio Mai	Gio Linh	Quảng Trị	1.867.122,00	726.850,00	1,585	I-2018	*	*	*
143	QT5-QT	QT5-QT	qp	13,4	15,2	Cam Thanh	Cam Lộ	Quảng Trị	1.864.015,00	719.276,00	4,214	I-2018	*	*	*
144	QT6-QT	QT6-QT	qp	9,3	20,0	Cam Thành	Cam Lộ	Quảng Trị	1.859.479,00	709.131,00	12,606	I-2018	*	*	*
145	QT7-QT	QT7a-QT	qh	36,6	45,0	Triệu Sơn	Triệu Phong	Quảng Trị	1.860.080,00	741.465,00	7,223	I-2018	*	*	*
146		QT7b-QT	qp	58,2	83,0	Triệu Sơn	Triệu Phong	Quảng Trị	1.860.080,00	741.465,00	7,223	I-2018	*	*	*
147		QT7c-QT	n	156,0	170,0	Triệu Sơn	Triệu Phong	Quảng Trị	1.860.080,00	741.465,00	7,223	I-2018	*	*	*

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động	Các yếu tố quan trắc		
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	H	T	CLN
148	QT8-QT	QT8b-QT	qp	33,5	54,0	Triệu Tài	Triệu Phong	Quảng Trị	1.855.536,00	735.863,00	4,352	I-2018	*	*	*
149		QT8c-QT	n	62,2	85,0	Triệu Tài	Triệu Phong	Quảng Trị	1.855.536,00	735.863,00	4,352	I-2018	*	*	*
150	QT9-QT	QT9a-QT	qh	6,0	13,0	Hải Lệ	Triệu Phong	Quảng Trị	1.848.182,00	729.907,00	9,828	I-2018	*	*	*
151		QT9b-QT	qp	27,6	40,0	Hải Lệ	Triệu Phong	Quảng Trị	1.848.182,00	729.907,00	9,828	I-2018	*	*	*
152	QT1-H	QT1a-H	qh	12,5	20,5	Quảng Lợi	Quảng Điền	Thừa Thiên Huế	1.837.174,83	764.307,16	3,856	I-2018	*	*	*
153		QT1b-H	qp	42,5	56,0	Quảng Lợi	Quảng Điền	Thừa Thiên Huế	1.837.174,83	764.307,16	3,856	I-2018	*	*	*
154	QT2-H	QT2a-H	qh	13,2	20,7	Phong Hiền	Phong Điền	Thừa Thiên Huế	1.831.669,49	763.187,35	4,372	I-2018	*	*	*
155		QT2b-H	qp	27,2	37,5	Phong Hiền	Phong Điền	Thừa Thiên Huế	1.831.669,49	763.187,35	4,372	I-2018	*	*	*
156	QT3-H	QT3a-H	qh	0,0	25,0	Phú Xuân	Phú Vang	Thừa Thiên Huế	1.826.631,62	786.074,94	1,632	I-2018	*	*	*
157		QT3b-H	qp	54,8	63,1	Phú Xuân	Phú Vang	Thừa Thiên Huế	1.826.631,62	786.074,94	1,632	I-2018	*	*	*
158	QT4-H	QT4a-H	qh	25,6	28,0	Thủy Vân	Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	1.823.459,45	778.807,45	1,911	I-2018	*	*	*
159		QT4b-H	qp	40,0	58,0	Thủy Vân	Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	1.823.459,45	778.807,45	1,911	I-2018	*	*	*
160	QT5-H	QT5-H	qp	17,7	24,0	Thủy Biều	Tp Huế	Thừa Thiên Huế	1.820.519,87	772.066,23	5,252	I-2018	*	*	*
161	QT6-H	QT6a-H	qh	0,0	26,2	Vinh Xuân	Phú Vang	Thừa Thiên Huế	1.821.202,74	795.568,55	3,001	I-2018	*	*	*
162		QT6b-H	qp	48,5	60,5	Vinh Xuân	Phú Vang	Thừa Thiên Huế	1.821.202,74	795.568,55	3,001	I-2018	*	*	*
163	QT7-H	QT7a-H	qh	27,0	30,1	Thủy Lương	Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	1.817.593,58	788.024,74	2,743	I-2018	*	*	*
164		QT7b-H	qp	43,0	49,4	Thủy Lương	Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	1.817.593,58	788.024,74	2,743	I-2018	*	*	*
165	QT8-H	QT8a-H	qh	0,0	23,0	Vinh Mỹ	Phú Lộc	Thừa Thiên Huế	1.813.689,67	804.150,29	5,777	I-2018	*	*	*
166		QT8b-H	qp	68,0	78,0	Vinh Mỹ	Phú Lộc	Thừa Thiên Huế	1.813.689,67	804.150,29	5,777	I-2018	*	*	*
167	QT9-H	QT9-H	qp	13,7	19,2	Lộc Điền	Phú Lộc	Thừa Thiên Huế	1.806.446,04	796.618,70	2,219	I-2018	*	*	*



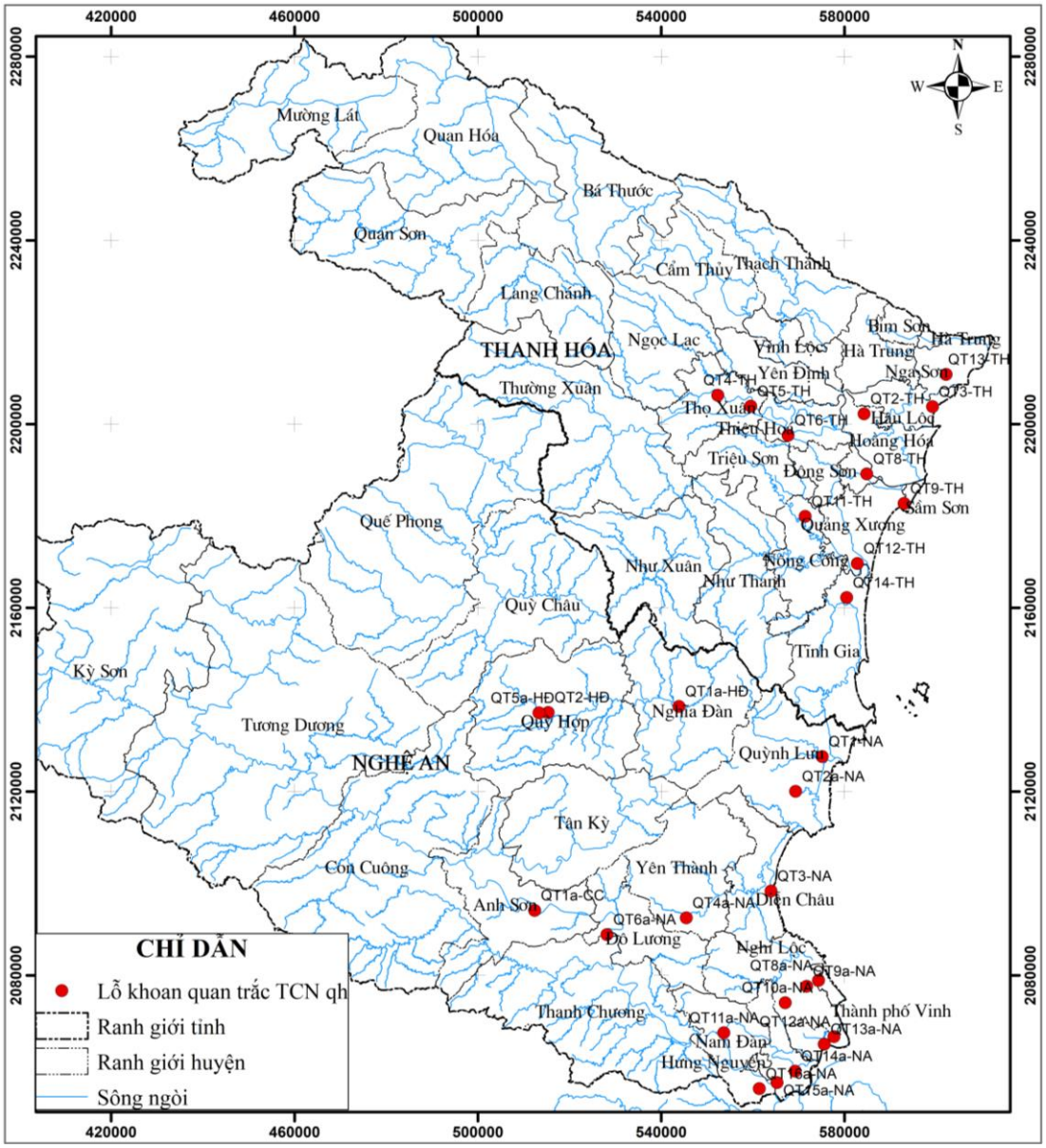
Hình. 1. Sơ đồ mạng lưới quan trắc tài nguyên nước dưới đất vùng Bắc Trung Bộ

PHẦN 1
ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT
ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
A. KHU VỰC THANH HÓA - NGHỆ AN
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Đây là tầng chứa nước thứ nhất kể từ trên xuống, phân bố theo các sông và khu vực ven biển khu vực Thanh Hóa- Nghệ An.

Trầm tích gồm nhiều nguồn gốc nhìn chung khả năng chứa nước yếu, thành phần hạt nhỏ, mịn chiếm chủ yếu.

Trong tầng này có 29 công trình quan trắc được bố trí trên toàn diện tích tầng chứa nước.



Hình. 2. Sơ đồ mạng lưới quan trắc tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) khu vực Thanh Hóa - Nghệ An

Đặc điểm khái quát của các yếu tố tài nguyên nước dưới đất trong tầng được thống kê đánh giá cụ thể như sau:

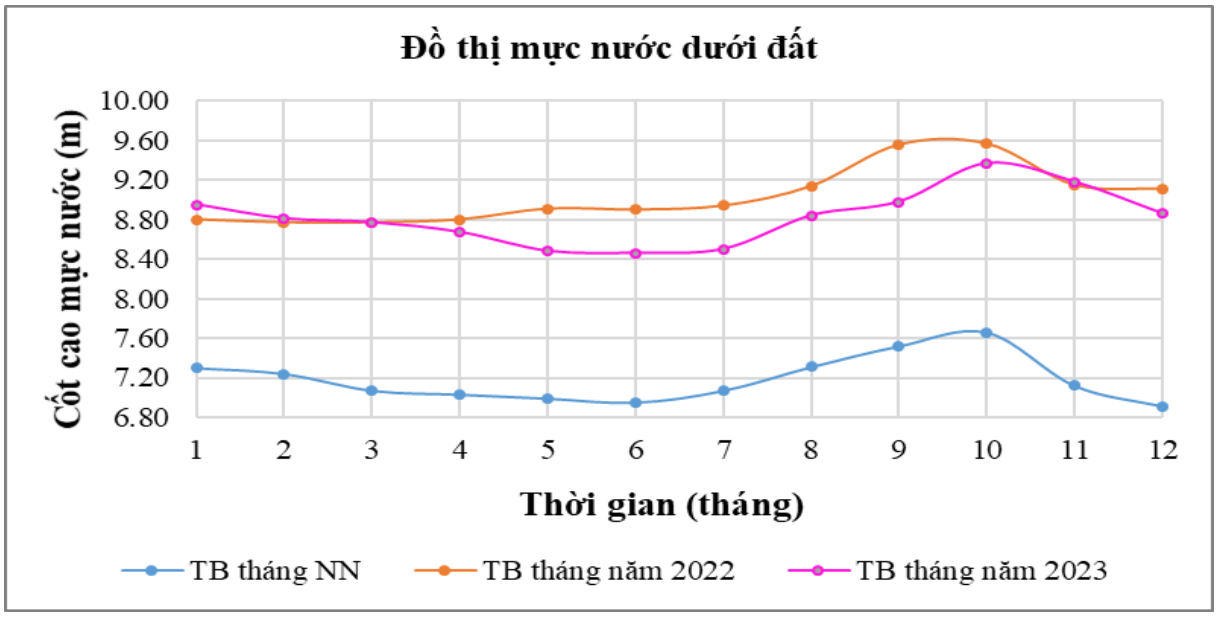
I.1. Đặc điểm mực nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp mực nước trung bình từ các công trình quan trắc trong tầng chứa nước qh thống kê ở bảng 1.

Bảng. 1. Trung bình tháng mực nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), khu vực Thanh Hóa - Nghệ An (độ cao tuyệt đối, m)

Đặc trưng \ Thời gian	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	7,30	7,24	7,07	7,03	6,99	6,95	7,07	7,31	7,52	7,66	7,12	6,91	7,18	7,66	6,91
TB tháng năm 2022	8,80	8,77	8,77	8,80	8,91	8,90	8,94	9,14	9,56	9,57	9,15	9,11	9,03	9,57	8,77
TB tháng năm 2023	8,95	8,81	8,77	8,67	8,48	8,46	8,50	8,84	8,98	9,37	9,18	8,86	8,82	9,37	8,46
Chênh lệch so với TB nhiều năm	1,65	1,57	1,70	1,64	1,49	1,50	1,43	1,53	1,46	1,71	2,06	1,95	1,64	1,70	1,43
Chênh lệch so với năm trước(2022)	0,15	0,04	-0,01	-0,13	-0,43	-0,44	-0,43	-0,30	-0,57	-0,20	0,03	-0,25	-0,21	0,15	-0,57

Theo số liệu bảng 1 cho thấy, mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng cao hơn so với cùng kỳ nhiều năm. Chênh lệch mực nước lớn nhất là 2,06m vào tháng 11, nhỏ nhất là 1,43 vào tháng 7. Mực nước trung bình tháng năm 2023 có xu hướng hạ thấp hơn so với năm 2022, duy chỉ có các tháng 1, 2, 11 dâng cao hơn. Chênh lệch mực nước dao động từ 0,01-0,57m; độ chênh lệch lớn nhất vào tháng 9, nhỏ nhất vào tháng 3.



Hình. 3. Đồ thị mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và trung bình tháng nhiều năm

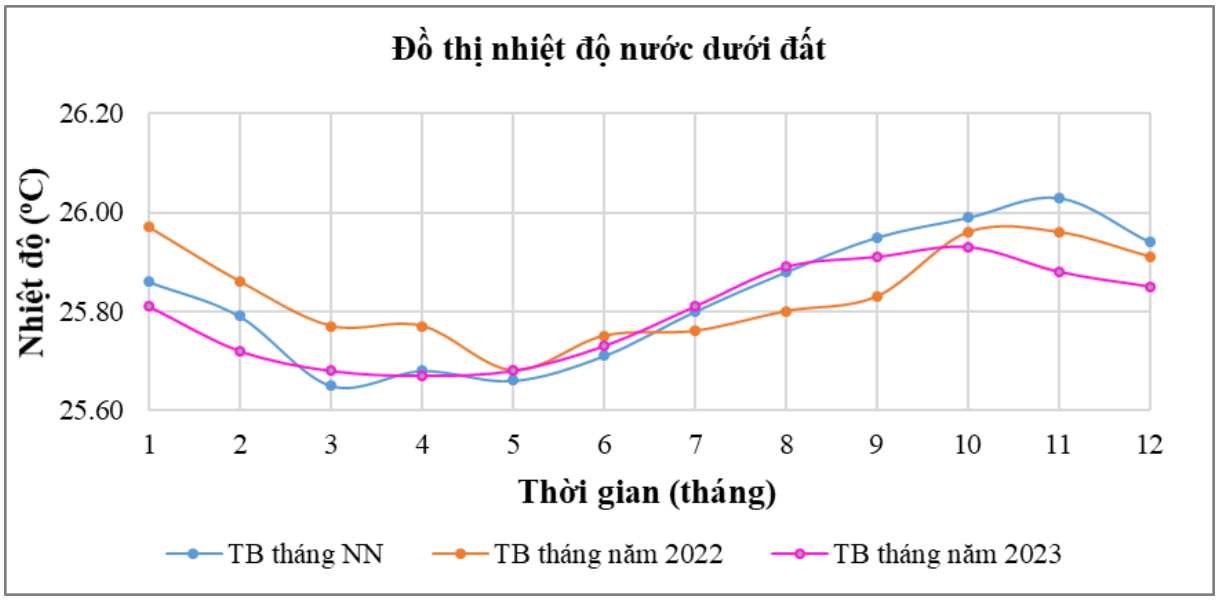
I.2. Đặc điểm nhiệt độ nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp nhiệt độ nước trung bình từ 29 công trình quan trắc trong tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) thống kê ở bảng 2.

Bảng. 2. Trung bình tháng nhiệt độ nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) vùng Bắc Trung Bộ (°C)

Đặc trưng \ Thời gian	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	25,86	25,79	25,65	25,68	25,66	25,71	25,80	25,88	25,95	25,99	26,03	25,94	25,83	26,03	25,65
TB tháng năm 2022	25,97	25,86	25,77	25,77	25,68	25,75	25,76	25,80	25,83	25,96	25,96	25,91	25,84	25,97	25,68
TB tháng năm 2023	25,81	25,72	25,68	25,67	25,68	25,73	25,81	25,89	25,91	25,93	25,88	25,85	25,80	25,93	25,67
Chênh lệch so với TB nhiều năm	-0,05	-0,07	0,03	-0,02	0,02	0,02	0,01	0,00	-0,04	-0,06	-0,14	-0,09	-0,03	0,03	-0,07
Chênh lệch so với năm trước(2022)	-0,16	-0,14	-0,10	-0,10	0,00	-0,02	0,05	0,09	0,08	-0,04	-0,08	-0,06	-0,04	0,09	-0,16

Theo số liệu bảng 2 cho thấy, nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng cả năm 2023 là 25,8°C. So với trung bình nhiều năm, nhiệt độ năm 2023 có xu hướng giảm từ tháng 1, 2, 4 và từ tháng 9 đến tháng 12. Chênh lệch mực nước dao động từ 0,02-0,14°C. Từ tháng 3, 5 đến 8 có xu hướng tăng, chênh lệch mực nước dao dông từ 0-0,03°C. So với năm 2022, nhiệt độ có xu hướng giảm từ tháng 1 đến tháng 4, tháng 6 và từ tháng 10 đến tháng 12. Chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,02-0,16°C. Từ tháng 5, tháng 7 đến tháng 9 có xu hướng tăng hơn. Chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0-0,09°C.



Hình. 4. Đồ thị nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, 2023 và trung bình tháng nhiều năm

I.3. Đặc điểm chất lượng nước

❖ ***Các thông số đa lượng:***

Quan trắc 29 công trình vào cả mùa mưa và mùa khô trình trên toàn diện tích tầng chứa nước. Đặc trưng tổng hợp một số thành phần hoá học chủ yếu trong nước dưới đất tầng qh được thống kê trong bảng 3.

Bảng. 3. Trung bình tháng một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) năm 2023

Yếu tố / Đặc trưng	Na^{+} (mg/l)	Ca^{+2} (mg/l)	Mg^{+2} (mg/l)	Fe^{+2} (mg/l)	Fe^{+3} (mg/l)	Cl^{-} (mg/l)	SO_4^{-2} (mg/l)	HCO_3^{-} (mg/l)	TDS-105° (mg/l)
TB nhiều năm									
Mùa khô	270,28	58,28	44,86	0,27	0,51	563,85	39,98	275,64	1.065
Mùa mưa	258,03	55,76	44,85	0,19	0,46	451,14	40,14	285,71	1.029
TB Năm 2023									
Mùa khô	464,04	72,20	72,96	0,92	1,92	891,01	29,48	299,52	1.727
Mùa mưa	383,37	61,45	62,37	0,27	0,89	711,23	44,35	283,11	1.450
Độ lệch so với TB nhiều năm									
Mùa khô	193,76	13,91	28,10	0,65	1,41	327,16	-10,50	23,89	663
Mùa mưa	125,34	5,69	17,52	0,08	0,43	260,10	4,20	-2,59	421

Theo số liệu bảng 3 cho thấy, giá trị các chỉ tiêu chất lượng nước trung bình năm 2023 có xu hướng cao hơn so với trung bình nhiều năm. Chỉ có chỉ tiêu SO_4^{-2} có hàm lượng giảm vào mùa khô, chỉ tiêu HCO_3^{-} có hàm lượng giảm vào mùa mưa.

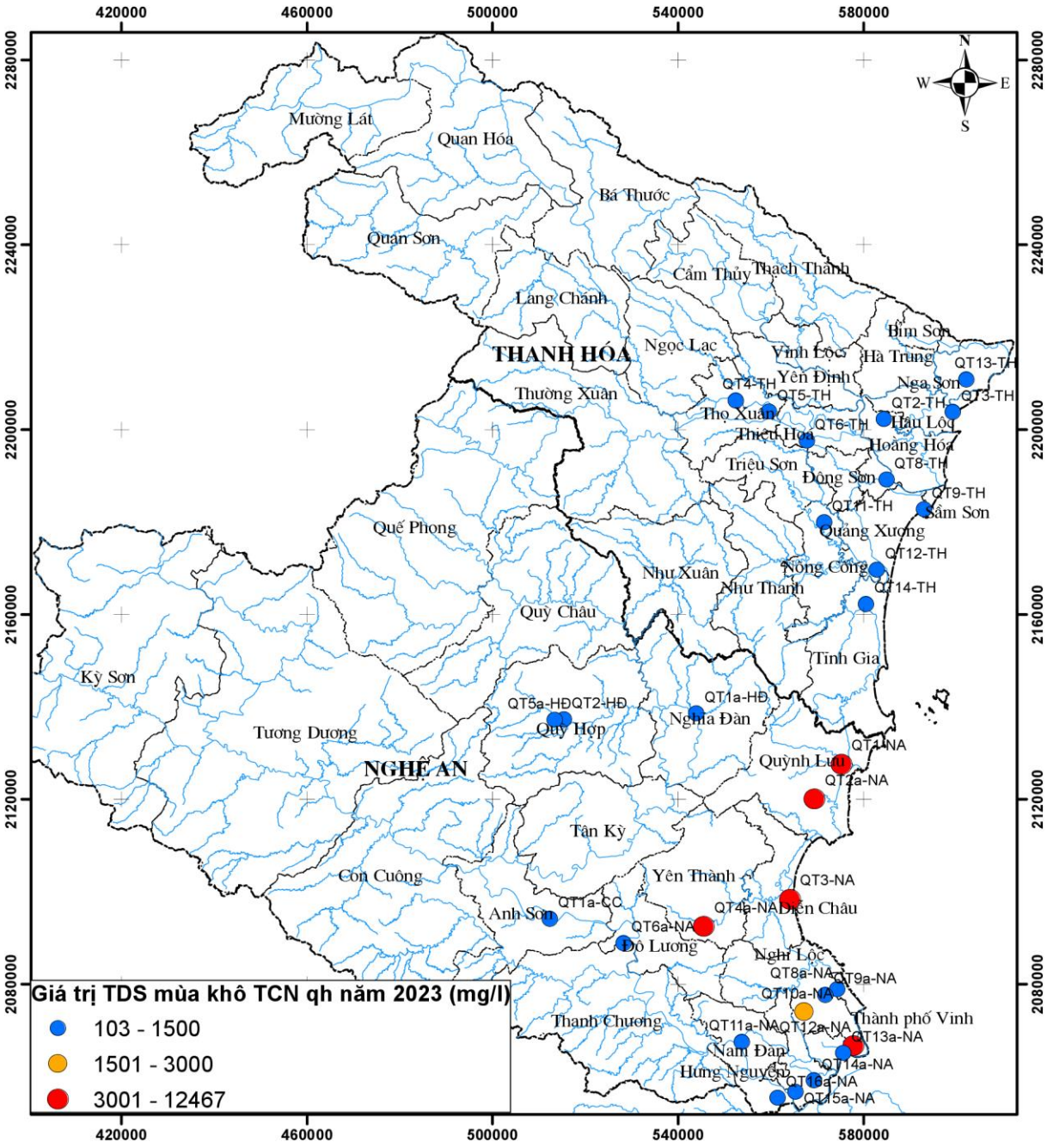
- Thông số TDS

Mùa khô: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500 mg/l), giá trị các công trình dao động từ 103-12.467 mg/l. Giá trị cao nhất là 12.467 mg/l tại công trình QT1-NA (Quỳnh Dị, Quỳnh Lưu, Nghệ An). Một số nơi vượt quá giới hạn cho phép như sau:

+ 01 công trình có giá trị TDS từ 1500 - 3000mg/l phát hiện chủ yếu ở vùng ven biển tỉnh Nghệ An: QT10a-NA (Nghi Lộc).

+ 05 công trình có giá trị TDS > 3000g/l phát hiện chủ yếu ở vùng ven biển tỉnh Nghệ An gồm có: QT1-NA, QT2a-NA (Quỳnh Lưu), QT3-NA (Diễn Châu), QT4a-NA (Yên Thành), QT12a-NA (TP Vinh).

(*Chi tiết xem bản đồ hình 5 và phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng*).



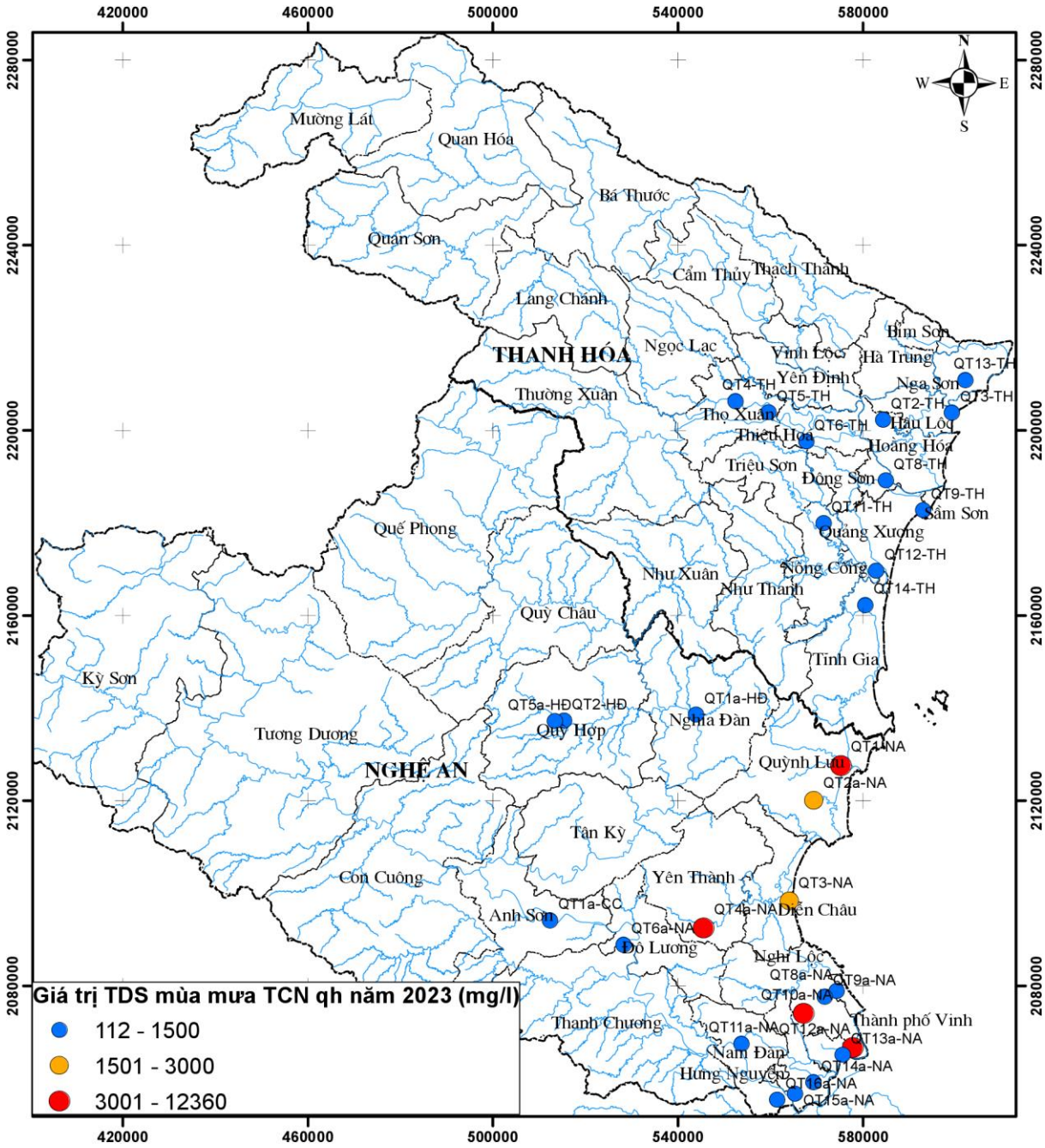
Hình. 5. Phân bố giá trị TDS mùa khô năm 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Mùa mưa: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500 mg/l), giá trị TDS tại các công trình dao động từ 112-12.360mg/l. Giá trị cao nhất là 12.360 mg/l tại công trình QT1-NA (Quỳnh Lưu, Nghệ An). Một số nơi vượt quá giới hạn cho phép như sau:

+ 02 công trình có giá trị TDS từ 1500 - 3000mg/l phát hiện chủ yếu ở vùng ven biển tỉnh Nghệ An gồm: QT2a-NA (Quỳnh Lưu), QT3-NA (Diễn Châu).

+ 04 công trình có giá trị TDS > 3000g/l phát hiện chủ yếu ở vùng ven biển tỉnh Nghệ An gồm: QT1-NA (Quỳnh Lưu), QT4a-NA (Yên Thành), QT10a-NA (Nghi Lộc), QT12a-NA (TP Vinh).

(*Chi tiết xem bản đồ hình 6 và phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng*).



Hình. 6. Sơ đồ phân bố giá trị TDS mùa mưa 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

❖ ***Các thông số vi lượng*:**

Quan trắc mỗi mùa 23 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Chì (Pb) và Asen (As).

Các công trình quan trắc có hàm lượng một số chỉ tiêu vi lượng cao hơn GHCP phân bố như sau:

Tỉnh Thanh Hóa

- **Chỉ tiêu Mn**: Công trình có hàm lượng Mn cao nhất là 8,36mg/l vào mùa khô tại công trình QT12-TH phân bố xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Có 08/11 công trình có hàm lượng Mn cao hơn GHCP (0,5mg/l). Vào cả hai mùa phân bố ở các huyện: Thọ Xuân (QT4-TH, QT5-TH), Thiệu Hóa (QT6-TH), Nga Sơn (QT13-TH), Tp. Thanh Hóa (QT8-TH); Vào mùa khô phân bố ở các huyện: Hậu Lộc (QT3-TH), Nông Cống (QT11-TH), Quảng Xương (QT12-TH).

- **Chỉ tiêu As**: Phát hiện 01/11 công trình có hàm lượng As vượt GHCP (0,05mg/l) vào mùa khô, tại công trình QT5-TH (Thọ Xuân).

Tỉnh Nghệ An

- **Hàm lượng Mn** cao hơn GHCP (0,5mg/l) phát hiện ở 06/12 công trình quan trắc với giá trị cao nhất là 8,76 mg/l tại công trình QT14a-NA (xã Hưng Phúc, Hưng Nguyên, Nghệ An) vào mùa khô. Hàm lượng Mn cao hơn GHCP vào cả hai mùa phân bố ở các huyện: huyện Nam Đàn (QT11a-NA), Hưng Nguyên (QT14a-NA); Vào mùa khô phân bố ở huyện Anh Sơn (QT1a-CC), Nam Đàn (QT11a-NA), Quỳ Hợp (QT5a-HĐ), Tp. Vinh (QT13a-NA).

- **Chỉ tiêu Pb**: Phát hiện 01/11 công trình có hàm lượng Pb vượt GHCP (0,01mg/l) vào mùa khô, tại công trình QT1a-HĐ (Thái Hòa).

- **Hàm lượng As** cao hơn GHCP (0,05mg/l) phát hiện tại 01/12 công trình quan trắc. Đó là các công trình QT15a-NA phân bố ở huyện Hưng Nguyên vào cả 2 mùa mưa và mùa khô.

(*Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn*)

❖ ***Thông số nhiễm bẩn***

- Thông số Amôni:

Quan trắc ở 23 công trình vào cả mùa mưa và mùa khô. Kết quả phân tích cho thấy hàm lượng Amoni dao động trong khoảng từ 0,01-26,43 mg/l, giá trị cao nhất là 26,43 mg/l vào mùa mưa, tại công trình QT13-TH phân bố ở xã Nga

Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Các địa phương có công trình quan trắc hàm lượng Amoni cao hơn GHCP (1mg/l) phân bố như sau:

Tỉnh Thanh Hóa

Kết quả phân tích cho thấy hàm lượng Amoni cao hơn GHCP (1 mg/l) ở 09/11 công trình quan trắc, với giá trị lớn nhất là 26,43mg/l tại công trình QT13-TH (xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn). Các công trình quan trắc khác có hàm lượng Amoni cao hơn GHCP vào cả hai mùa phân bố ở các huyện: Hoằng Hóa (QT2-TH), Thọ Xuân (QT5-TH), Thiệu Hóa (QT6-TH), Sầm Sơn (QT9-TH), Nông Cống (QT11-TH), Quảng Xương (QT12-TH), Nga Sơn (QT13-TH), Tĩnh Gia (QT14-TH). Các công trình phát hiện vào mùa khô phân bố tại cac huyện: Tp. Thanh Hóa (QT8-TH).

Tỉnh Nghệ An

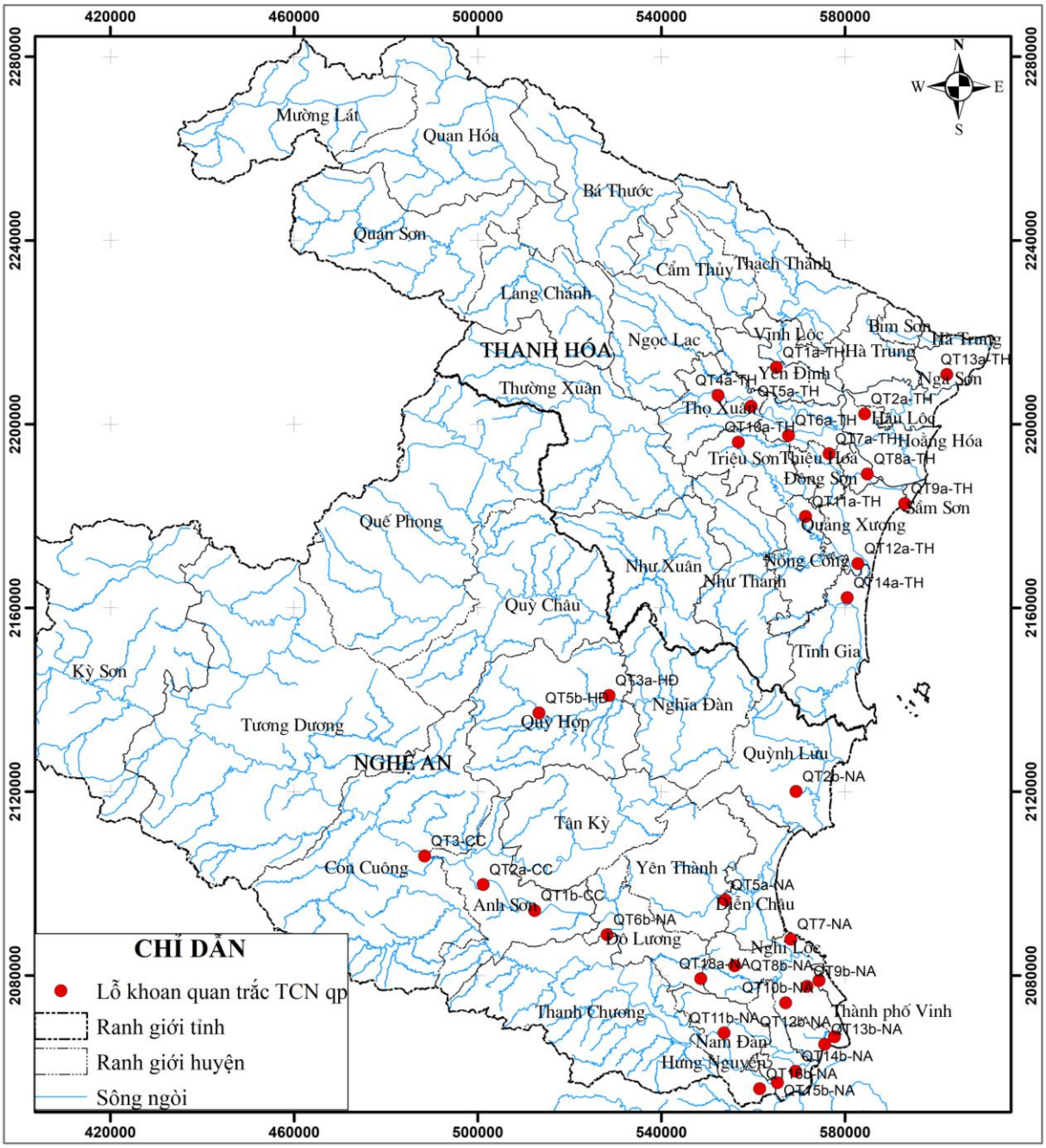
Hàm lượng Amoni cao hơn GHCP (1 mg/1) tại 06/12 công trình quan trắc với giá trị cao nhất là 17,5 mg/l tại QT15a-NA thuộc xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên. Các địa phương khác có công trình quan trắc hàm lượng Amoni cao hơn GHCP vào cả hai mùa mưa và khô là: huyện Nghi Lộc (QT9a-NA), Nam Đàn (QT11a-NA), Tp. Vinh (QT13a-NA), Hưng Nguyên (QT14a-NA, QT15a-NA). Các công trình phát hiện vào mùa khô phân bố tại huyện: Quỳ Hợp (QT5a-HĐ).

(*Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn*)

II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Tầng chứa nước nằm bên dưới tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh). Bề mặt đồng bằng có nhiều đồi núi thấp quyết định đến dạng phân bố của tầng qp rất không đồng đều và kém ổn định, phân thành từng khoảng, thành dải dọc theo bờ biển từ Thanh Hóa đến Nghệ An rồi rộng ra biển. Chiều dày tăng dần theo hướng tây bắc - đông nam.

Mạng lưới quan trắc gồm 33 công trình quan trắc được bố trí đều để nghiên cứu diễn biến các yếu tố tài nguyên nước.



Hình. 7. Sơ đồ mạng lưới quan trắc tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) khu vực Thanh Hóa - Nghệ An

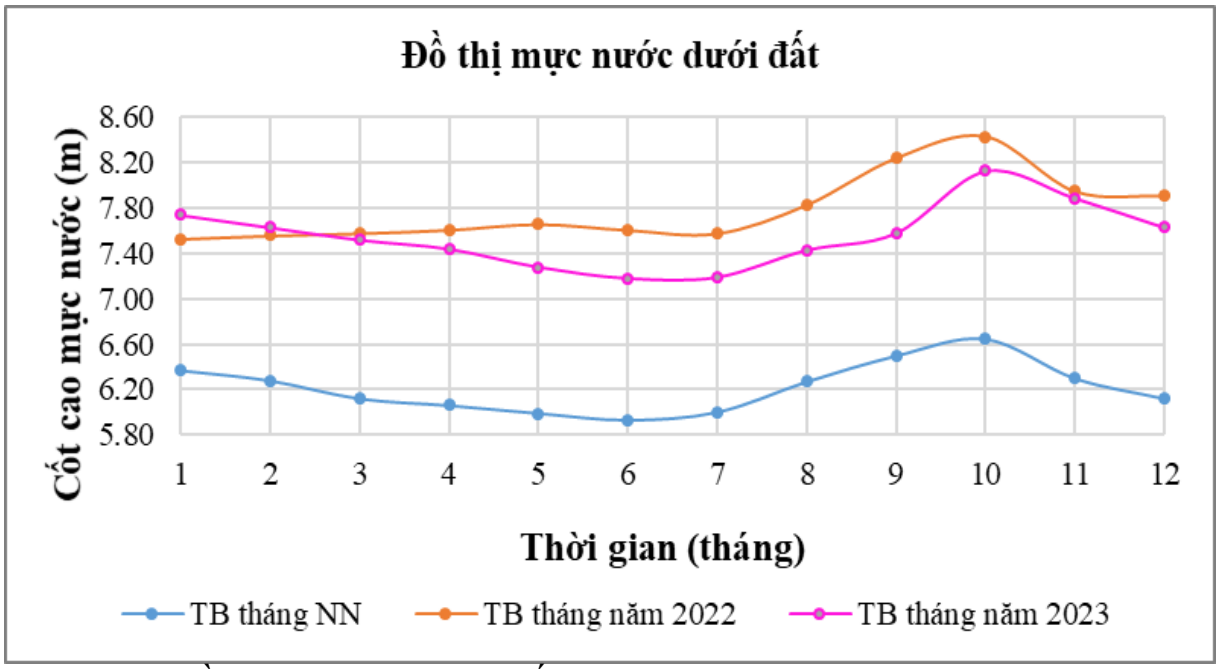
II.1. Đặc điểm mực nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp mực nước trung bình từ các công trình quan trắc trong tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) thống kê ở bảng 4.

Bảng. 4. Trung bình tháng mực nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) khu vực Thanh Hóa - Nghệ An (độ cao tuyệt đối, m)

Đặc trưng \ Thời gian	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	6,37	6,28	6,12	6,06	5,99	5,93	6,00	6,27	6,50	6,65	6,30	6,12	6,22	6,65	5,93
TB tháng năm 2022	7,53	7,56	7,58	7,61	7,66	7,61	7,58	7,83	8,24	8,43	7,95	7,91	7,79	8,43	7,53
TB tháng năm 2023	7,74	7,63	7,52	7,44	7,28	7,18	7,19	7,43	7,58	8,13	7,89	7,63	7,55	8,13	7,18
Chênh lệch so với TB nhiều năm	1,37	1,35	1,40	1,38	1,29	1,25	1,18	1,16	1,08	1,48	1,58	1,51	1,34	1,40	1,16
Chênh lệch so với năm trước(2022)	0,21	0,07	-0,06	-0,17	-0,38	-0,43	-0,40	-0,40	-0,66	-0,30	-0,07	-0,29	-0,24	0,21	-0,66

Theo số liệu bảng 4 cho thấy, mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng nhiều hơn so với cùng kỳ nhiều năm. Mực nước chênh lệch dao động từ 1,08-1,58m. Trong đó chênh lệch lớn nhất vào tháng 11, nhỏ nhất vào tháng 9. Mực nước trung bình tháng năm 2023 có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2022, chỉ có tháng 1, 2 mực nước trung bình tháng tăng 0,21m và 0,07m. Độ chênh lệch mực nước dao động trong khoảng 0,06-0,66m. Chênh lệch lớn nhất vào tháng 9, nhỏ nhất vào tháng 3.



Hình. 8. Đồ thị mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và trung bình tháng nhiều năm

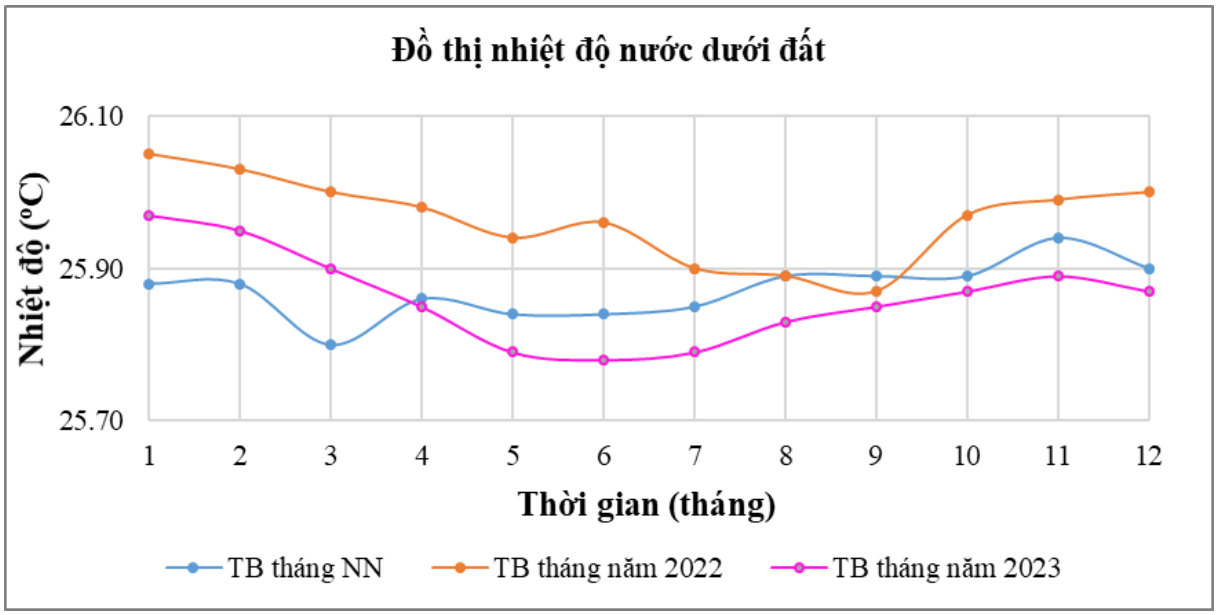
II.2. Đặc điểm nhiệt độ nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp nhiệt độ nước trung bình tháng từ 33 công trình quan trắc trong tầng chứa nước qp thống kê ở bảng 5.

Bảng. 5. Trung bình tháng nhiệt độ nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) khu vực Thanh Hóa- Nghệ An (°C)

Đặc trưng \ Thời gian	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	25,88	25,88	25,80	25,86	25,84	25,84	25,85	25,89	25,89	25,89	25,94	25,90	25,87	25,94	25,80
TB tháng năm 2022	26,05	26,03	26,00	25,98	25,94	25,96	25,90	25,89	25,87	25,97	25,99	26,00	25,96	26,05	25,87
TB tháng năm 2023	25,97	25,95	25,90	25,85	25,79	25,78	25,79	25,83	25,85	25,87	25,89	25,87	25,86	25,97	25,78
Chênh lệch so với TB nhiều năm	0,09	0,07	0,09	0,00	-0,05	-0,06	-0,06	-0,05	-0,04	-0,02	-0,05	-0,02	-0,01	0,09	-0,06
Chênh lệch so với năm trước(2022)	-0,08	-0,08	-0,10	-0,13	-0,15	-0,18	-0,11	-0,05	-0,02	-0,10	-0,10	-0,13	-0,10	-0,02	-0,18

Theo số liệu bảng 5 cho thấy, nhiệt độ nước dưới đất trung bình cả năm 2023 là 25,86°C, nhiệt độ trung bình lớn nhất là 25,97°C vào tháng 1, nhiệt độ thấp nhất 25,78°C vào tháng 6. So với cùng kỳ năm 2022, nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 có xu hướng giảm. Độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,02-0,18 °C. So với trung bình nhiều năm, nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 có xu hướng giảm, chỉ vào các tháng 1, 2, 3 nhiệt độ trung bình lại tăng; chênh lệnh nhiệt độ dao động từ 0-0,09 °C.



Hình. 9. Đồ thị nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, 2023 và trung bình tháng nhiều năm

II.3. Đặc điểm chất lượng nước

❖ ***Các thông số đa lượng:***

Quan trắc ở 33 công trình. Đặc trưng tổng hợp một số yếu tố thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng chứa nước qp được thống kê trong bảng 6.

Bảng. 6. Trung bình tháng một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng chứa nước qp năm 2023

Yếu tố / Đặc trưng	Na^+ (mg/l)	Ca^{+2} (mg/l)	Mg^{+2} (mg/l)	Fe^{+2} (mg/l)	Fe^{+3} (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{-2} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	TDS-105° (mg/l)
TB nhiều năm									
Mùa khô	449,69	93,67	74,30	0,29	0,58	978,03	16,99	195,18	1.703
Mùa mưa	522,01	102,04	100,78	0,28	0,51	1183,15	19,83	185,21	2.060
TB Năm 2023									
Mùa khô	434,12	87,71	86,05	0,89	2,66	981,67	10,68	199,79	1.742
Mùa mưa	417,26	85,38	81,64	0,23	0,74	925,19	32,04	186,85	1.676
Độ lệch so với TB nhiều năm									
Mùa khô	-15,57	-5,97	11,75	0,59	2,08	3,64	-6,31	4,61	39
Mùa mưa	-104,76	-16,66	-19,14	-0,05	0,24	-257,96	12,21	1,64	-384

Theo số liệu bảng 6 cho thấy, giá trị các chỉ tiêu chất lượng nước trung bình năm 2022 có xu hướng giảm so với trung bình nhiều năm. Tuy nhiên vẫn có các chỉ tiêu tăng so với trung bình nhiều năm: Vào cả 2 mùa có chỉ tiêu HCO_3^-, Fe^{+3}; vào mùa khô có chỉ tiêu Fe^{+2}, Mg^{+2}, TDS-105°, Cl^-.

- **Thông số TDS:**

Mùa khô: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500mg/l), giá trị TDS tại các công trình dao động từ 51-13.743mg/l. Giá trị cao nhất là 13.743mg/l tại công trình QT9a-TH (phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

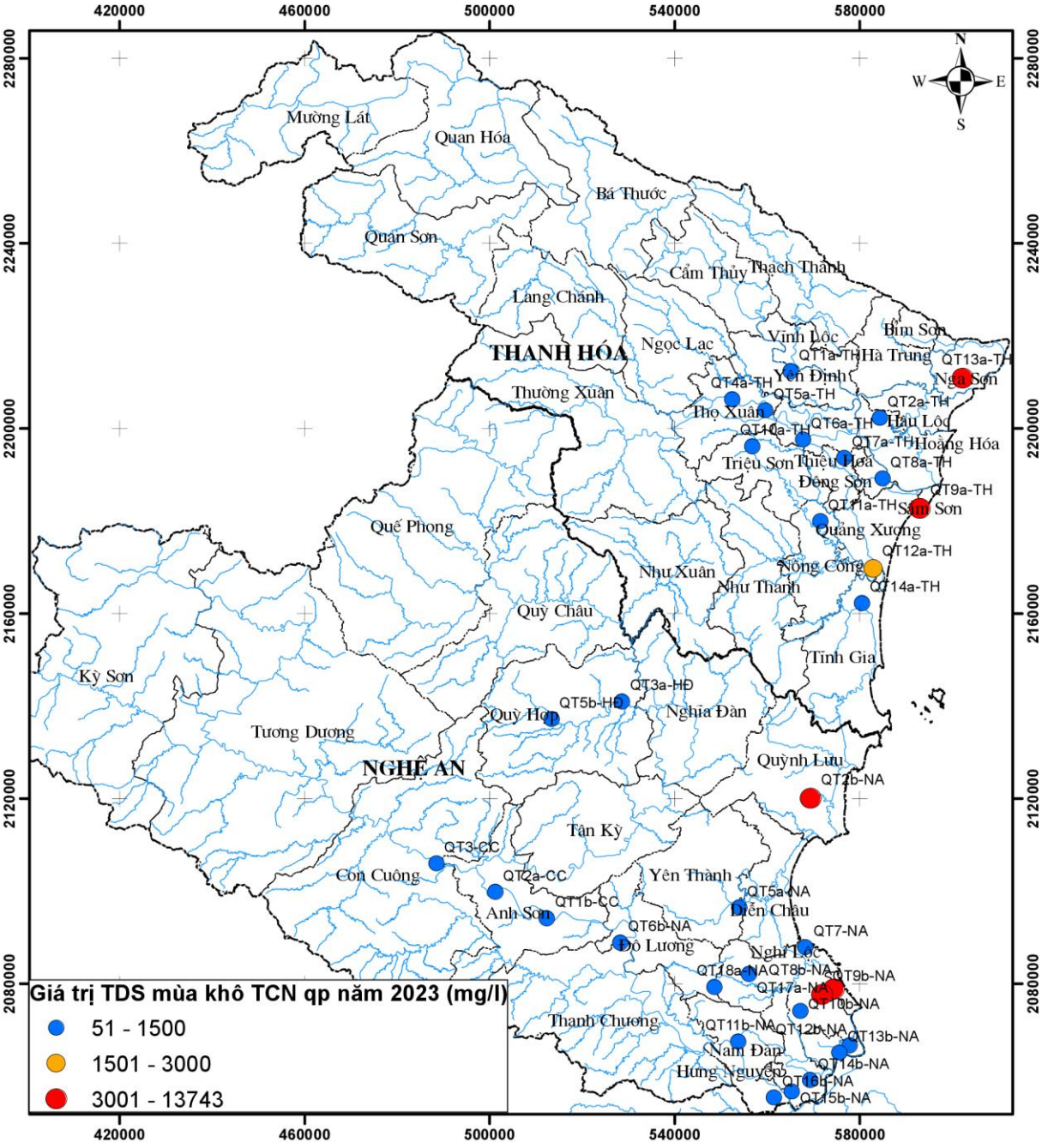
+ Có 01 công trình có giá trị TDS từ 1500-3000mg/l là QT12a-TH (huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa).

Có 05 công trình có giá trị TDS > 3000mg/l, các công trình phân bố như sau:

+ Tỉnh Thanh Hóa có 02 công trình: QT9a-TH (thị xã Sầm Sơn), QT13a-TH (huyện Nga Sơn).

+ Tỉnh Nghệ An có 03 công trình: QT2b-NA (huyện Quỳnh Lưu), QT8b-NA (TX Cửa Lò), QT9b-NA (huyện Nghi Lộc).

(Chi tiết xem bản đồ hình 10 và phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng)



Hình. 10. Phân bố giá trị TDS mùa khô năm 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Mùa mưa: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500mg/l), giá trị TDS tại các công trình dao động từ 71 – 13.745mg/l. Giá trị cao nhất là 13.745mg/l tại công trình QT9a-TH (phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

Phát hiện 03 công trình có giá trị TDS trong khoảng 1500-3000mg/l là công trình QT12a-TH (xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa),

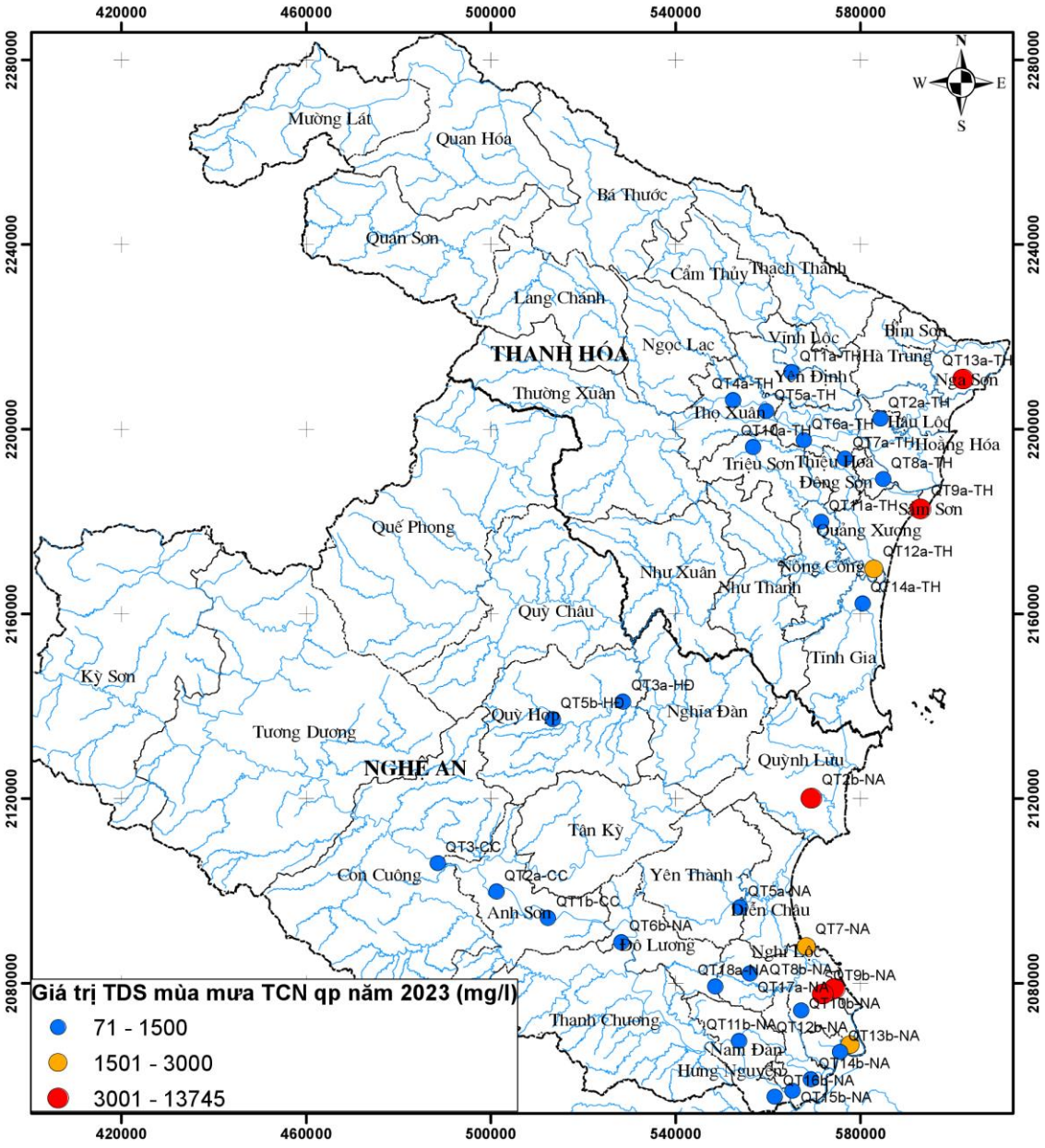
QT7-NA (xã Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An); QT12b-NA (xã Hưng Hòa, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An).

Phát hiện 05 công trình có giá trị > 3000mg/l, các công trình phân bố như sau:

+ Tỉnh Thanh Hóa có 02 công trình: QT9a-TH (TX Sầm Sơn), QT13a-TH (huyện Nga Sơn).

+ Tỉnh Nghệ An có 03 công trình: QT2b-NA (huyện Quỳnh Lưu), QT8b-NA (TX Cửa Lò), QT9b-NA (huyện Nghi Lộc).

(Chi tiết xem bản đồ hình 11 và Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng)



Hình. 11. Phân bố giá trị TDS mùa mưa 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

❖ ***Các thông số vi lượng*:**

Quan trắc ở 28 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Chì (Pb), Asen (As). Các địa phương có công trình quan trắc hàm lượng các thông số vi lượng cao hơn GHCP phân bố như sau:

Tỉnh Thanh Hóa

Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Chì (Pb), Asen (As).

- Hàm lượng Mn cao hơn GHCP (0,5mg/l) phát hiện ở 02/11 công trình quan trắc, với giá trị cao nhất là 4,81mg/l tại công trình QT14a-TH (xã Ngọc Linh, huyện Tĩnh Gia). Các công trình quan trắc khác có hàm lượng Mn cao hơn GHCP vào mùa khô phân bố ở các huyện: Nông Cống (QT11a-TH), Tĩnh Gia (QT14a-TH).

- Hàm lượng Chì Pb cao hơn GHCP (0,01mg/l) phát hiện duy nhất tại công trình QT10a-TH thuộc xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn vào cả hai mùa.

- Hàm lượng As cao hơn GHCP (0,05mg/l) phát hiện tại 01 công trình quan trắc QT5a-TH (xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân) vào mùa mưa.

Tỉnh Nghệ An

Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Asen (As).

- Hàm lượng Mn cao hơn GHCP (0,5mg/l) phát hiện ở 06/17 công trình quan trắc với giá trị cao nhất là 8,61mg/l tại công trình QT1b-CC (xã Long Sơn, huyện Anh Sơn) vào mùa khô. Các công trình quan trắc khác có hàm lượng Mn cao hơn GHCP vào cả mùa mưa và mùa khô phát hiện ở các huyện: Anh Sơn (QT1b-CC); vào mùa khô phát hiện ở huyện: Đô Lương (QT6b-NA); Anh Sơn (QT2a-CC); Nghi Lộc (QT10b-NA; QT17a-NA); Quỳ Hợp (QT5b-HĐ).

- Hàm lượng As cao hơn GHCP (0,05mg/l) phát hiện duy nhất công trình QT16b-NA tại xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn vào cả hai mùa.

(*Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn*)

❖ ***Thông số nhiễm bẩn:***

- Thông số Amôni:

Hàm lượng Amoni cao phát hiện ở 15/28 công trình quan trắc với giá trị cao nhất là 44,22mg/l tại xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (QT12b-NA)

vào mùa khô. Các địa phương có công trình quan trắc hàm lượng Amoni cao hơn GHCP (1mg/l) phân bố như sau:

Tỉnh Thanh Hóa

- Hàm lượng Amoni cao hơn GHCP (1 mg/1) tại 06/11 công trình quan trắc với giá trị cao nhất là 9,25 mg/l tại xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân (QT5a-TH). Các công trình quan trắc khác có hàm lượng Amoni cao hơn GHCP phân bố ở: huyện Hoằng Hoá (QT2a-TH), huyện Thọ Xuân (QT5a-TH), huyện Thiệu Hóa (QT6a-TH), TP. Thanh Hóa (QT8a-TH), huyện Nông Cống (QT11a-TH), huyện Quảng Xương (QT12a-TH) vào cả hai mùa mưa và mùa khô.

Tỉnh Nghệ An

- Hàm lượng Amoni cao hơn GHCP (1 mg/1) tại 09/17 công trình quan trắc với giá trị cao nhất là 44,22mg/l tại QT12b-NA. Các công trình quan trắc khác có hàm lượng Amoni cao hơn GHCP phân bố ở: huyện Nam Đàn (QT11b-NA, QT16b-NA), TP. Vinh (QT12b-NA, QT13b-NA), huyện Hưng Nguyên (QT14b-NA, QT15b-NA), huyện Anh Sơn (QT2a-CC); Nghi Lộc (QT10b-NA). vào cả hai mùa mưa và mùa khô; công trình phân bố ở huyện Đô Lương (QT6b-NA) phát hiện vào mùa khô.

(*Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn*)

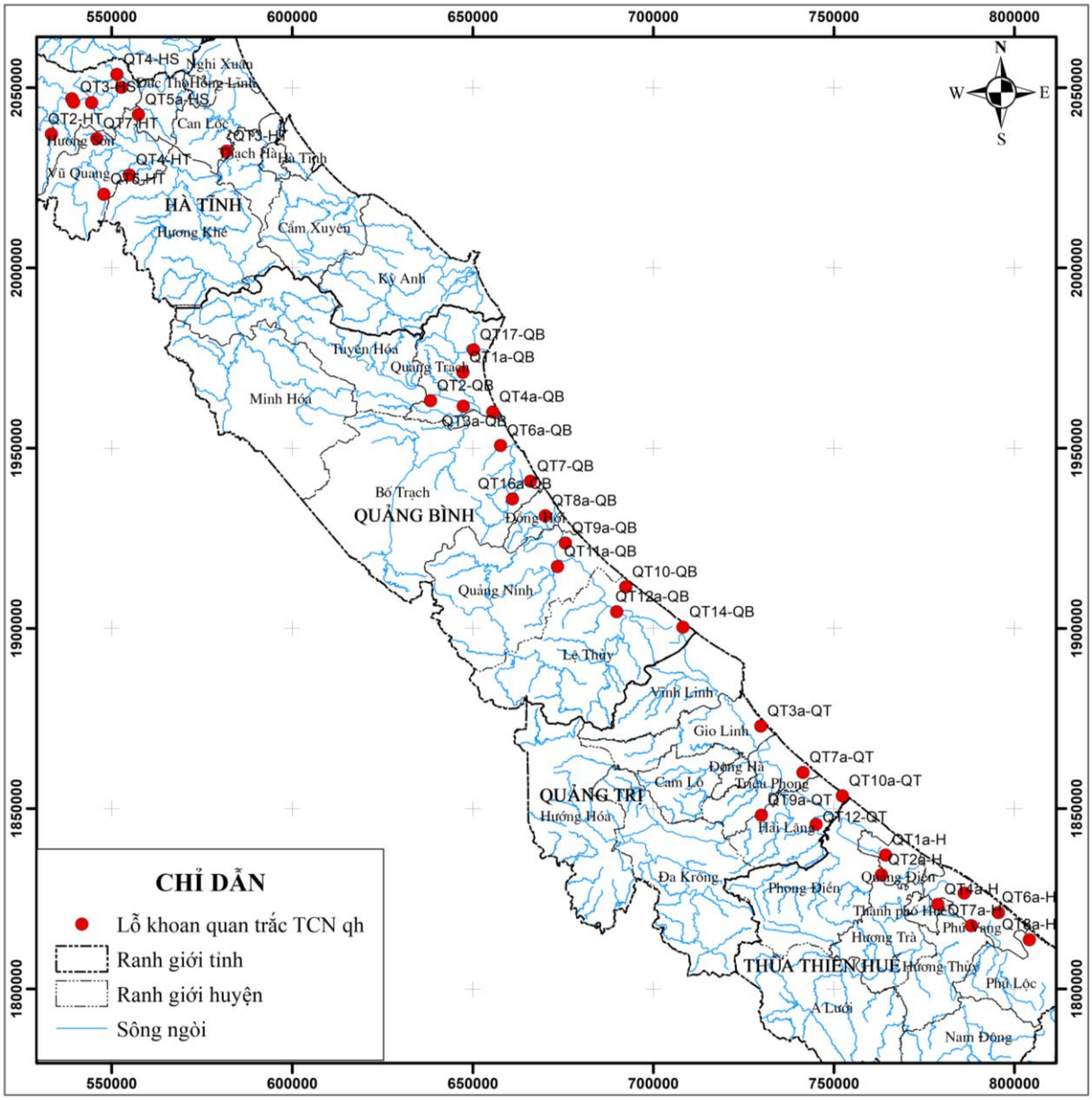
B. KHU VỰC HÀ TĨNH - QUẢNG BÌNH - QUẢNG TRỊ - THỪA THIÊN HUẾ

I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Đây là tầng chứa nước thứ nhất kể từ trên xuống, phân bố theo các sông và khu vực ven biển Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế.

Trầm tích gồm nhiều nguồn gốc, khả năng chứa nước kém, thành phần hạt nhỏ, mịn chiếm chủ yếu.

Trong tầng này có 37 công trình quan trắc được bố trí trên toàn diện tích tầng chứa nước.



Hình. 12. Sơ đồ mạng lưới quan trắc tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) khu vực Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế

Đặc điểm khái quát các yếu tố tài nguyên nước dưới đất trong tầng được thống kê đánh giá cụ thể như sau:

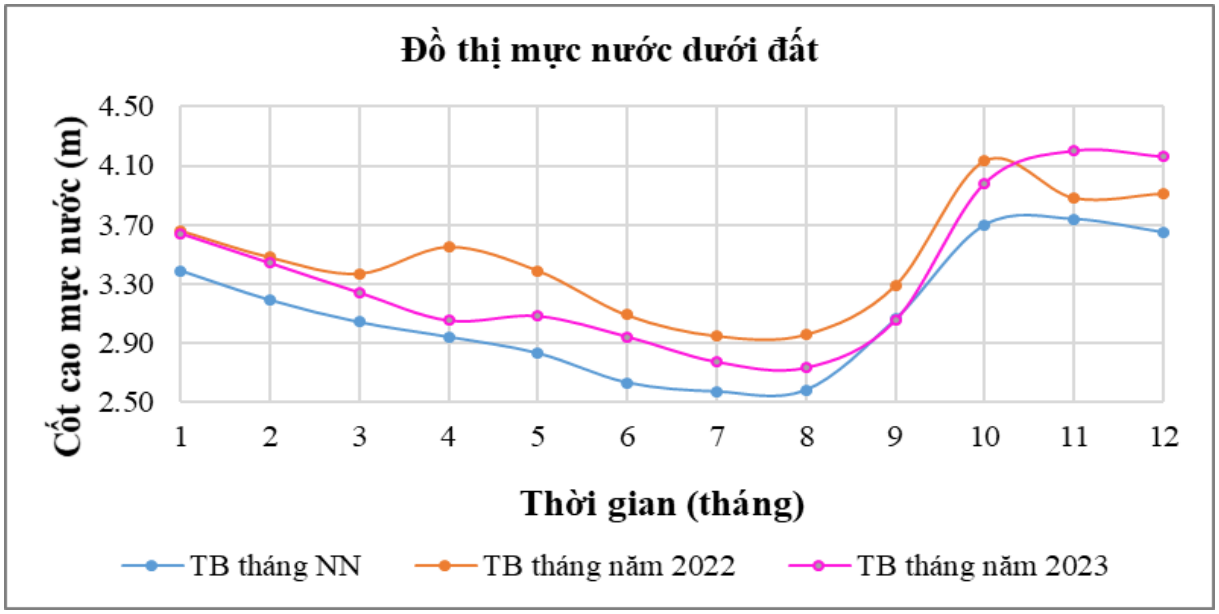
I.1. Đặc điểm mực nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp mực nước trung bình tháng từ 37 công trình quan trắc trong tầng chứa nước qh thống kê ở bảng 7.

Bảng. 7. Trung bình tháng mực nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) khu vực Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế (độ cao tuyệt đối, m)

Thời gian / Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	3,39	3,19	3,04	2,94	2,83	2,63	2,57	2,58	3,06	3,70	3,74	3,65	3,11	3,74	2,57
TB tháng năm 2022	3,66	3,48	3,37	3,55	3,39	3,09	2,95	2,96	3,29	4,13	3,88	3,91	3,47	4,13	2,95
TB tháng năm 2023	3,64	3,44	3,24	3,05	3,08	2,94	2,77	2,73	3,05	3,98	4,20	4,16	3,36	4,20	2,73
Chênh lệch so với TB nhiều năm	0,25	0,25	0,20	0,11	0,25	0,30	0,20	0,15	0,00	0,29	0,46	0,51	0,25	0,30	0,11
Chênh lệch so với năm trước(2022)	-0,02	-0,04	-0,13	-0,50	-0,31	-0,16	-0,18	-0,23	-0,24	-0,15	0,32	0,25	-0,12	0,32	-0,50

Theo số liệu bảng 7 cho thấy, thấy mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng so với cùng kỳ nhiều năm, độ chênh lệch lmực nước dao động từ 0-0,51m. So với cùng kỳ năm 2022, mực nước dưới đất trung bình tháng tăng vào tháng 11 và tháng 12; độ chênh lệch mực nước dao động từ 0,25-0,32m. Từ tháng 1 đến tháng 10, mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 lại có xu hướng giảm so với năm 2022. Độ chênh lệch mực nước dao động từ 0,02-0,5m.



Hình. 13. Đồ thị mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và trung bình tháng nhiều năm

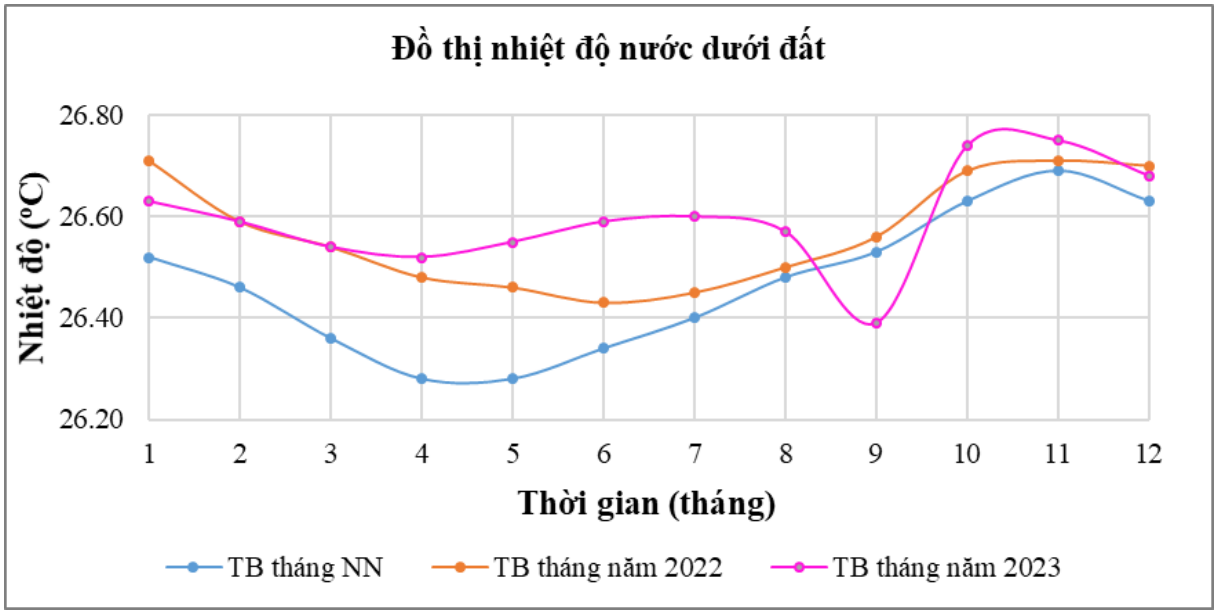
I.2. Đặc điểm nhiệt độ nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp nhiệt độ nước trung bình từ 37 công trình quan trắc trong tầng chứa nước qh thống kê ở bảng 8.

Bảng. 8. Trung bình tháng nhiệt độ nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) khu vực Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế (°C)

Thời gian / Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	26,52	26,46	26,36	26,28	26,28	26,34	26,40	26,48	26,53	26,63	26,69	26,63	26,47	26,69	26,28
TB tháng năm 2022	26,71	26,59	26,54	26,48	26,46	26,43	26,45	26,50	26,56	26,69	26,71	26,70	26,57	26,71	26,43
TB tháng năm 2023	26,63	26,59	26,54	26,52	26,55	26,59	26,60	26,57	26,39	26,74	26,75	26,68	26,60	26,75	26,39
Chênh lệch so với TB NN	0,11	0,14	0,18	0,24	0,27	0,25	0,20	0,08	-0,13	0,12	0,07	0,05	0,13	0,27	0,08
Chênh lệch so với năm trước(2022)	-0,07	0,00	0,00	0,05	0,09	0,16	0,16	0,07	-0,17	0,05	0,04	-0,02	0,03	0,16	-0,17

Theo số liệu bảng 8 cho thấy, thấy nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng trong năm 2023 là 26,6°C. Nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng so với cùng kỳ nhiều năm; độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,05-0,27°C. Duy chỉ có tháng 9 nhiệt độ giảm 0,13 °C so với cùng kỳ nhiều năm. So với năm 2022, nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng từ tháng 2 đến tháng 8 và tháng 10, 11. Độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0-0,16 °C. Chỉ có các tháng 1, 9, 12 lại có xu hướng giảm từ tháng. Độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,02-0,17°C.



Hình. 14. Đồ thị nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, 2023 và trung bình tháng nhiều năm tầng

I.3. Đặc điểm chất lượng nước

❖ ***Các thông số đa lượng:***

Mỗi mùa quan trắc 37 công trình trên toàn diện tích tầng chứa nước. Đặc trưng tổng hợp một số thành phần hoá học chủ yếu trong nước dưới đất tầng lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) được thống kê trong Bảng 9.

Bảng. 9. Trung bình tháng một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) năm 2023

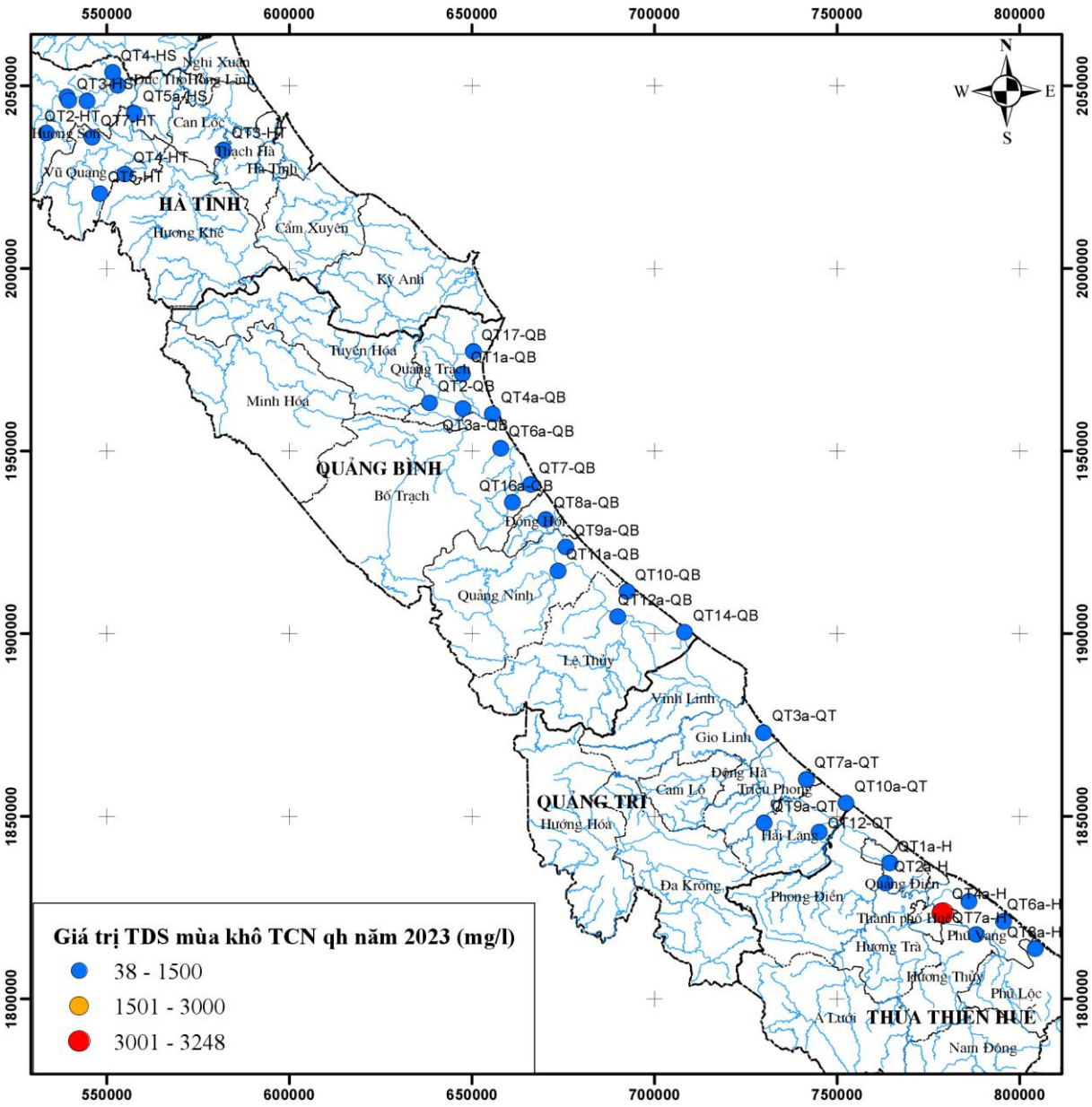
Yếu tố / Đặc trưng	Na^{+} (mg/l)	Ca^{+2} (mg/l)	Mg^{+2} (mg/l)	Fe^{+2} (mg/l)	Fe^{+3} (mg/l)	Cl^{-} (mg/l)	SO_4^{-2} (mg/l)	HCO_3^{-} (mg/l)	TDS-105° (mg/l)
TB nhiều năm									
Mùa khô	93,57	31,52	14,78	0,14	0,29	101,84	68,23	165,79	411
Mùa mưa	93,51	30,53	14,93	0,24	1,11	113,34	54,25	159,86	404
TB Năm 2023									
Mùa khô	89,87	17,14	12,40	0,08	0,36	126,52	20,46	111,49	343
Mùa mưa	87,16	17,54	13,96	0,36	0,97	119,14	24,20	133,17	350
Độ lệch so với TB nhiều năm									
Mùa khô	-3,70	-14,38	-2,38	-0,07	0,07	24,68	-47,77	-54,30	-67
Mùa mưa	-6,35	-12,99	-0,97	0,12	-0,14	5,80	-30,04	-26,68	-55

Theo số liệu bảng 9 cho thấy, giá trị các chỉ tiêu chất lượng nước trung bình năm 2023 có xu hướng giảm so với trung bình nhiều năm. Tuy nhiên vẫn có các chỉ tiêu tăng so với trung bình nhiều năm: Vào cả 2 mùa có chỉ tiêu Cl^{-}; vào mùa khô có chỉ tiêu Fe^{+3}; vào mùa mưa có chỉ tiêu Fe^{+2}.

Thông số TDS:

Mùa khô: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500 mg/l), giá trị TDS tại các công trình dao động trong khoảng từ 38-3248 mg/l. Chỉ có duy nhất 01 công trình có giá trị TDS > 3000 mg/l, với giá trị TDS cao nhất là 3248 mg/l, tại công trình QT4a-H (xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế).

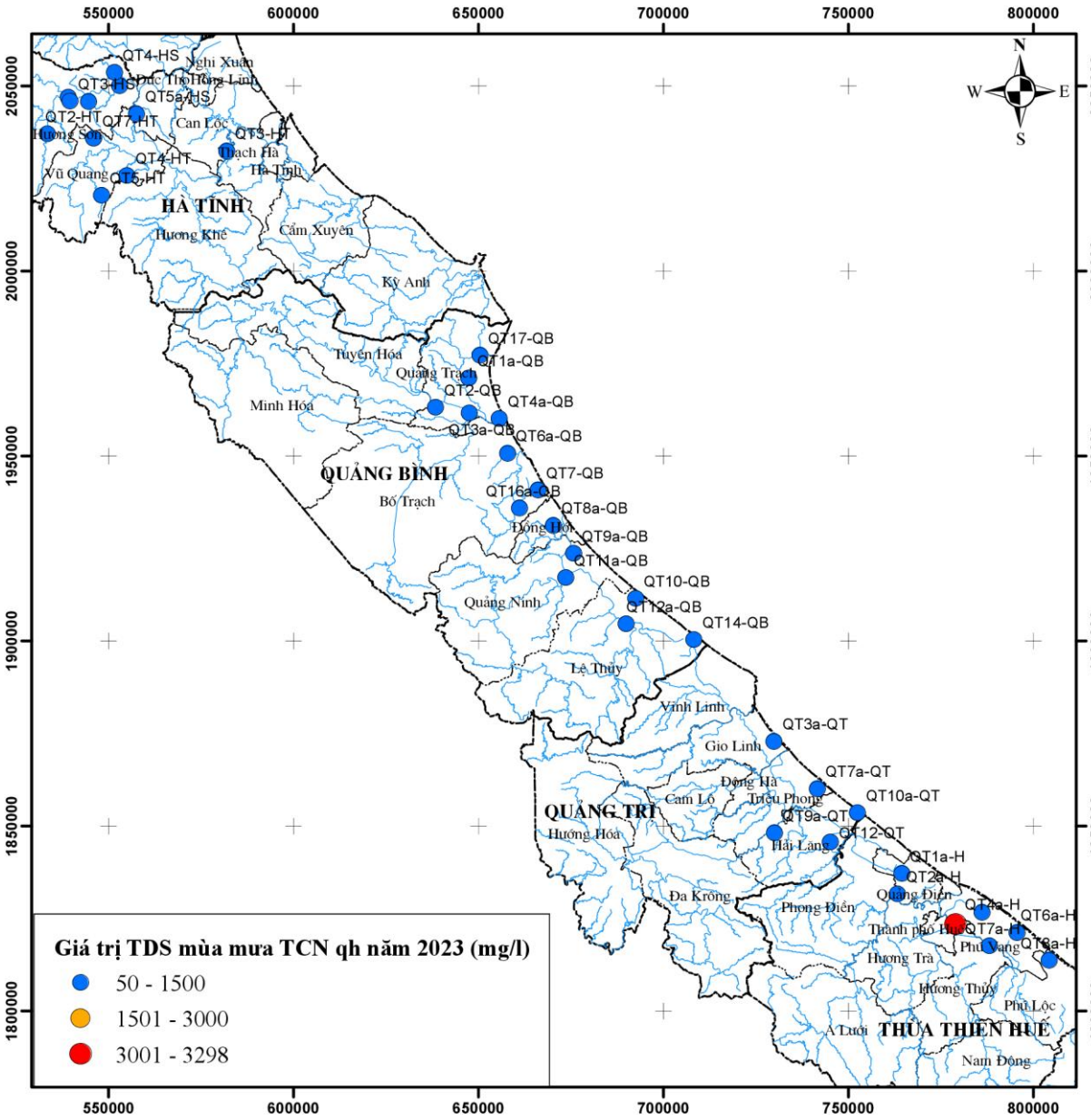
Chi tiết xem bản đồ hình 15 và phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng.



Hình. 15. Sơ đồ phân bố giá trị TDS TDS mùa khô năm 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Mùa mưa: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500 mg/l), giá trị TDS tại các công trình dao động trong khoảng từ 50-3298 mg/l. Chỉ có 01 công trình có giá trị TDS vượt GHCP nằm trong khoảng >3000 mg/l tại công trình QT4a-H (xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế).

Chi tiết xem bản đồ hình 16 và phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng.



Hình. 16. Sơ đồ phân bố giá trị TDS TDS mùa mưa năm 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

❖ ***Các thông số vi lượng*:**

Quan trắc ở 36 công trình trong cả hai mùa. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Chì (Pb).

Các địa phương có công trình quan trắc có hàm lượng các thông số vi lượng cao hơn GHCP như sau:

Tỉnh Hà Tĩnh

Mỗi mùa quan trắc ở 11 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Chì (Pb).

- **Hàm lượng Mn** cao nhất là 1,86 mg/l vào mùa mưa tại công trình QT4-HS (xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn). Có 04/11 công trình quan trắc có hàm lượng Mn

cao hơn GHCP (0,5 mg/l), phân bố ở: huyện Can Lộc (QT3-HT), huyện Cẩm Xuyên (QT4-HT), huyện Hương Sơn (QT4-HS) phát hiện cả hai mùa mưa và mùa khô; huyện Thạch Hà (QT2-HT) phát hiện vào mùa khô.

- **Hàm lượng Pb** cao hơn GHCP (0,01mg/l) phát hiện 2/11 công trình. Đó là các công trình tại huyện Can Lộc (QT3-HT); Hương Sơn (QT5a-HS) vào cả 2 mùa khô và mùa mưa.

Tỉnh Quảng Bình

Mỗi mùa quan trắc ở 14 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn).

- **Hàm lượng Mn** cao nhất là 4,65mg/l vào mùa mưa tại công trình QT2-QB (xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn). Có 02/14 công trình quan trắc có hàm lượng Mn cao hơn GHCP (0,5 mg/l), phân bố ở: thị xã Ba Đồn (QT2-QB), huyện Quảng Ninh (QT11a-QB) phát hiện cả hai mùa mưa và mùa khô; huyện Quảng Ninh (QT11a-QB) phát hiện vào mùa khô.

Tỉnh Quảng Trị

Mỗi mùa quan trắc ở 05 công trình quan trắc. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP.

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Mỗi mùa quan trắc ở 06 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số vi lượng đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn).

- **Hàm lượng Mn** cao hơn GHCP (0,5 mg/l) phát hiện tại công trình QT7a-H (xã Thủy Lương, huyện Hương Thủy) vào mùa khô, hàm lượng cao nhất là 0,64 mg/l.

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

❖ ***Các thông số nhiễm bẩn*:**

- Thông số Amôni:

Mỗi mùa quan trắc ở 36 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng Amoni thấp hơn GHCP (1 mg/l), có 06/36 công trình có hàm lượng Amoni cao hơn GHCP, giá trị cao nhất là 12,75mg/l vào mùa khô tại QT12-QT (xã Hải Trường, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị). Các công trình quan trắc khác có hàm lượng Amoni cao hơn GHCP, phân bố như sau:

- Vào cả hai mùa: tại huyện Hải Lăng, Quảng Trị (QT12-QT).

- Vào mùa khô: huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh (QT4-HT); huyện Triệu Phong, Quảng Trị (QT9a-QT); huyện Phong Điền (QT2a-H), huyện Hương Thủy (QT7a-H) Thừa Thiên Huế.

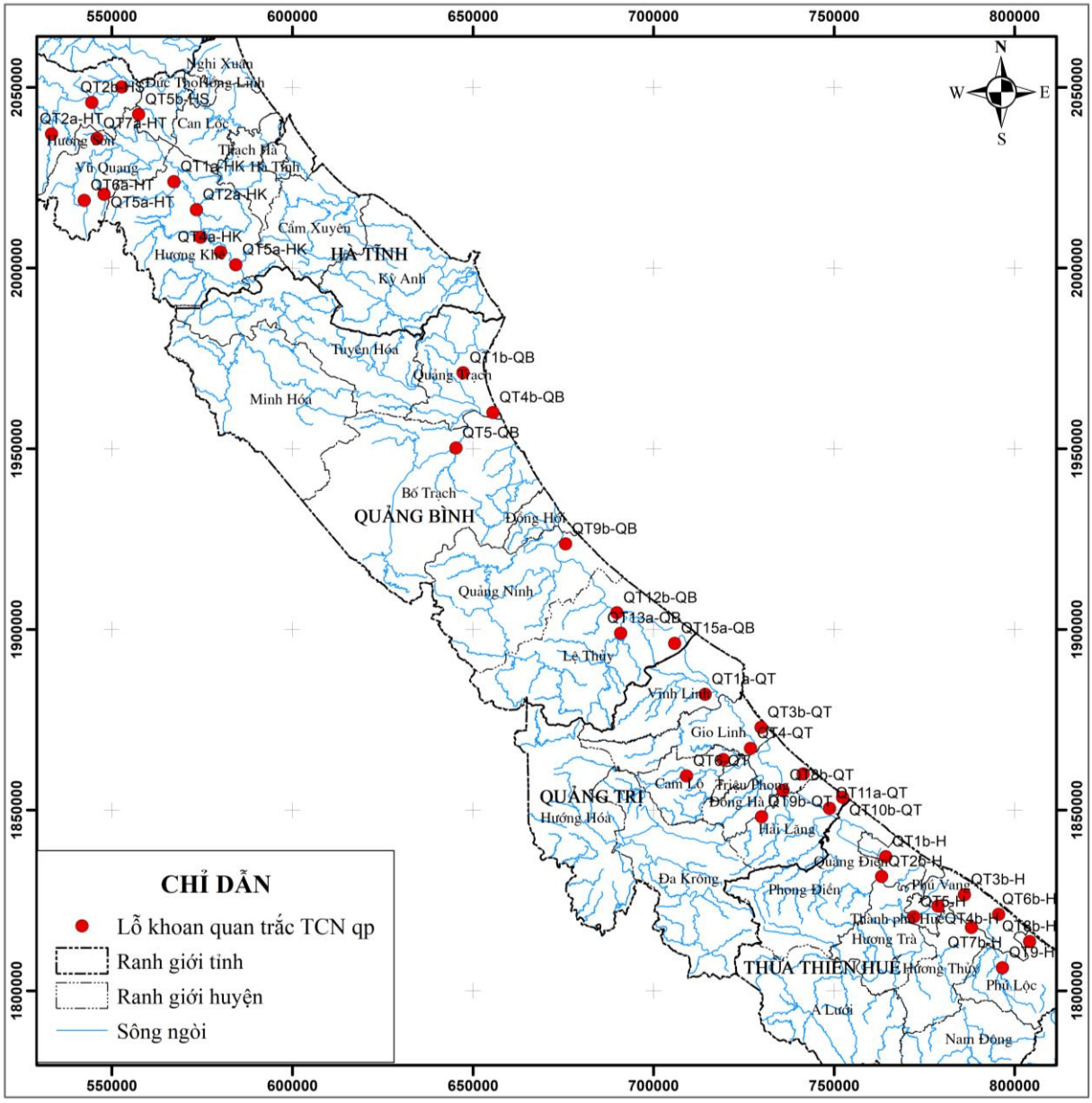
- Vào mùa mưa: tại huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh (QT7-HT).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Tầng chứa nước nằm bên dưới tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh). Bề mặt đồng bằng có nhiều đồi núi thấp quyết định đến dạng phân bố của tầng qp rất không đồng đều và kém ổn định, phân thành từng khoảng, thành dải dọc theo bờ biển từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế ra biển. Chiều dày tăng dần theo hướng tây bắc-đông nam và tây sang đông.

Mạng lưới quan trắc gồm 38 công trình quan trắc được bố trí đều để nghiên cứu diễn biến các yếu tố tài nguyên nước.



Hình. 17. Sơ đồ mạng lưới quan trắc tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) khu vực Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế

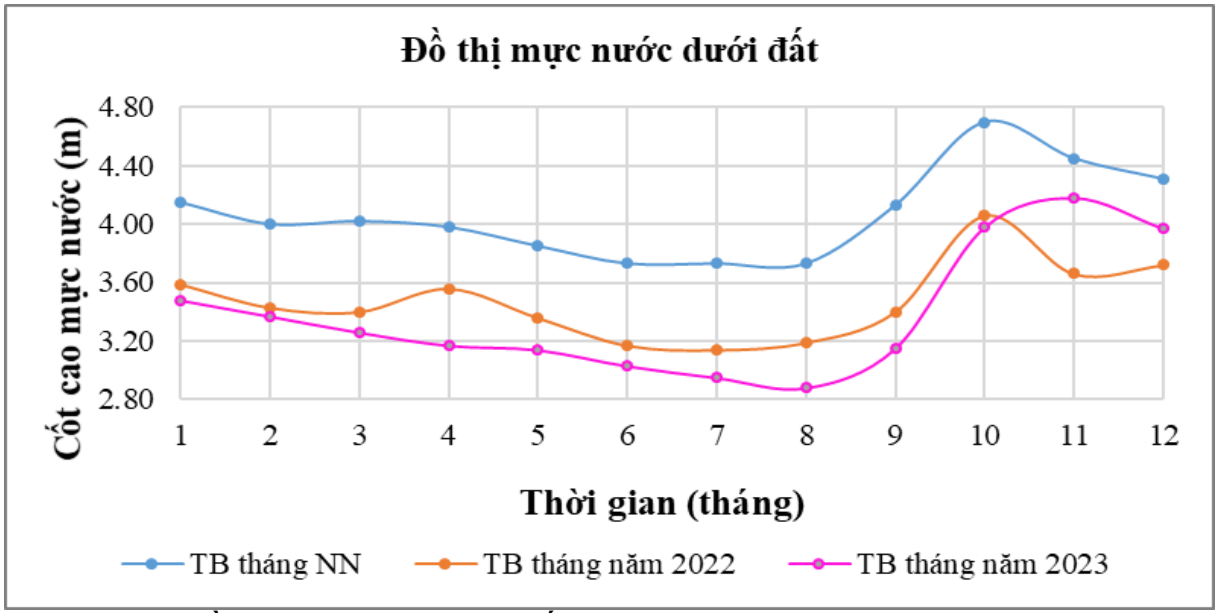
II.1. Đặc điểm mực nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp mực nước trung bình từ các công trình quan trắc trong tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) thống kê ở bảng 10.

Bảng. 10. Trung bình tháng mực nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) khu vực Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế (độ cao tuyệt đối, m)

Đặc trưng \ Thời gian	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	4,15	4,00	4,02	3,98	3,85	3,73	3,73	3,73	4,13	4,70	4,45	4,31	4,07	4,70	3,73
TB tháng năm 2022	3,59	3,43	3,40	3,56	3,36	3,17	3,14	3,19	3,40	4,06	3,66	3,72	3,47	4,06	3,14
TB tháng năm 2023	3,48	3,37	3,26	3,17	3,14	3,03	2,95	2,88	3,15	3,98	4,18	3,97	3,38	4,18	2,88
Chênh lệch so với TB nhiều năm	-0,67	-0,63	-0,76	-0,81	-0,71	-0,70	-0,78	-0,86	-0,97	-0,72	-0,27	-0,34	-0,69	-0,63	-0,86
Chênh lệch so với năm trước(2022)	-0,11	-0,05	-0,14	-0,39	-0,22	-0,14	-0,19	-0,31	-0,25	-0,08	0,52	0,25	-0,09	0,52	-0,39

Theo số liệu bảng 10 cho thấy, mực nước trung bình cả năm 2023 là 3,38m. Mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 có xu hướng giảm so với cùng kỳ nhiều năm, độ chênh lệch mực nước dao động từ 0,27-0,97m. Độ chênh lệch lớn nhất vào tháng 9, nhỏ nhất vào tháng 11. So với năm 2022, mực nước trung bình tháng cũng có xu hướng giảm từ tháng 1 đến tháng 10; hai tháng cuối năm mực nước lại có xu hướng dâng lên. Độ chênh lệch mực nước dao động từ 0,05-0,52m. Độ chênh lệch lớn nhất vào tháng 11, nhỏ nhất vào tháng 2.



Hình. 18. Đồ thị mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và trung bình tháng nhiều năm

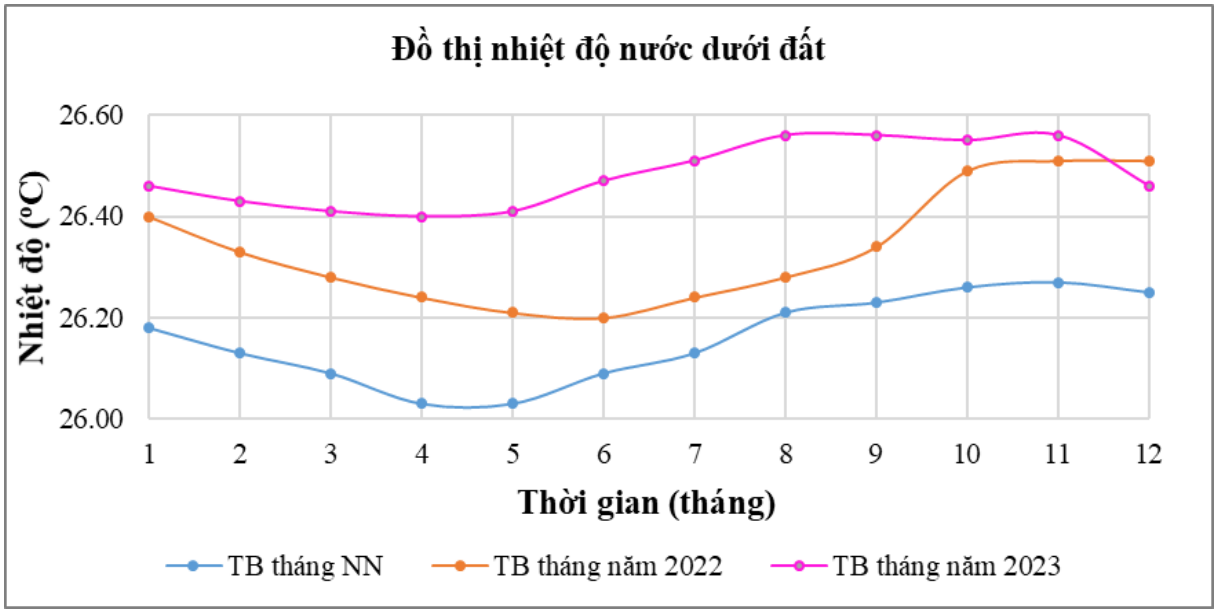
II.2. Đặc điểm nhiệt độ nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp nhiệt độ nước trung bình từ 38 công trình quan trắc trong tầng chứa nước qp thống kê ở bảng 11.

Bảng. 11. Trung bình tháng nhiệt độ nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) khu vực Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế (°C)

Đặc trưng \ Thời gian	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	26,18	26,13	26,09	26,03	26,03	26,09	26,13	26,21	26,23	26,26	26,27	26,25	26,16	26,27	26,03
TB tháng năm 2022	26,40	26,33	26,28	26,24	26,21	26,20	26,24	26,28	26,34	26,49	26,51	26,51	26,33	26,51	26,20
TB tháng năm 2023	26,46	26,43	26,41	26,40	26,41	26,47	26,51	26,56	26,56	26,55	26,56	26,46	26,48	26,56	26,40
Chênh lệch so với TB nhiều năm	0,28	0,30	0,32	0,38	0,39	0,39	0,38	0,35	0,33	0,29	0,29	0,21	0,32	0,39	0,28
Chênh lệch so với năm trước(2022)	0,05	0,11	0,13	0,16	0,21	0,27	0,27	0,28	0,23	0,06	0,05	-0,05	0,15	0,28	-0,05

Theo số liệu bảng 11 cho thấy, thấy nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng cả năm 2023 là 26,48°C. Nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng so với cùng kỳ nhiều năm; Độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,21-0,39°C, độ chênh lệch lớn nhất vào các tháng 5, 6, nhỏ nhất vào tháng 12. So với năm 2022, nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 cũng có xu hướng tăng, duy chỉ có tháng 12 nhiệt độ lại giảm xuống. Độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,05-0,28°C, độ chênh lệch lớn nhất là 0,28°C vào tháng 8, nhỏ nhất vào các tháng 1, 11, 12.



Hình. 19. Đồ thị nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, 2023 và trung bình tháng nhiều năm

II.3. Đặc điểm chất lượng nước

❖ ***Các thông số đa lượng:***

Quan trắc 38 công trình trong cả hai mùa. Đặc trưng tổng hợp một số yếu tố thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) được thống kê trong bảng 12.

Bảng. 12. Trung bình tháng một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) năm 2023

Yếu tố / Đặc trưng	Na^+ (mg/l)	Ca^{+2} (mg/l)	Mg^{+2} (mg/l)	Fe^{+2} (mg/l)	Fe^{+3} (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{-2} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	TDS-105° (mg/l)
TB nhiều năm									
Mùa khô	230,43	48,27	45,44	0,43	0,27	506,11	13,20	140,06	941
Mùa mưa	215,77	47,03	44,07	0,38	0,51	469,16	12,00	138,70	882
TB Năm 2023									
Mùa khô	263,84	25,84	33,99	0,29	0,77	465,54	21,77	142,92	914
Mùa mưa	200,86	27,13	27,61	0,67	0,95	351,07	10,11	164,43	728
Độ lệch so với TB nhiều năm									
Mùa khô	33,42	-22,43	-11,45	-0,13	0,50	-40,58	8,57	2,85	-27
Mùa mưa	-14,91	-19,90	-16,46	0,30	0,44	-118,09	-1,89	25,74	-155

Theo số liệu bảng 12 cho thấy, giá trị các chỉ tiêu chất lượng nước trung bình năm 2023 có xu hướng giảm so với trung bình nhiều năm. Tuy nhiên vẫn có các chỉ tiêu tăng so với trung bình nhiều năm: Vào cả 2 mùa có chỉ tiêu Fe^{+3}, $HCO3^-$; vào mùa khô có chỉ tiêu Na^+, SO_4^{-2}; vào mùa mưa có chỉ tiêu Fe^{+2}.

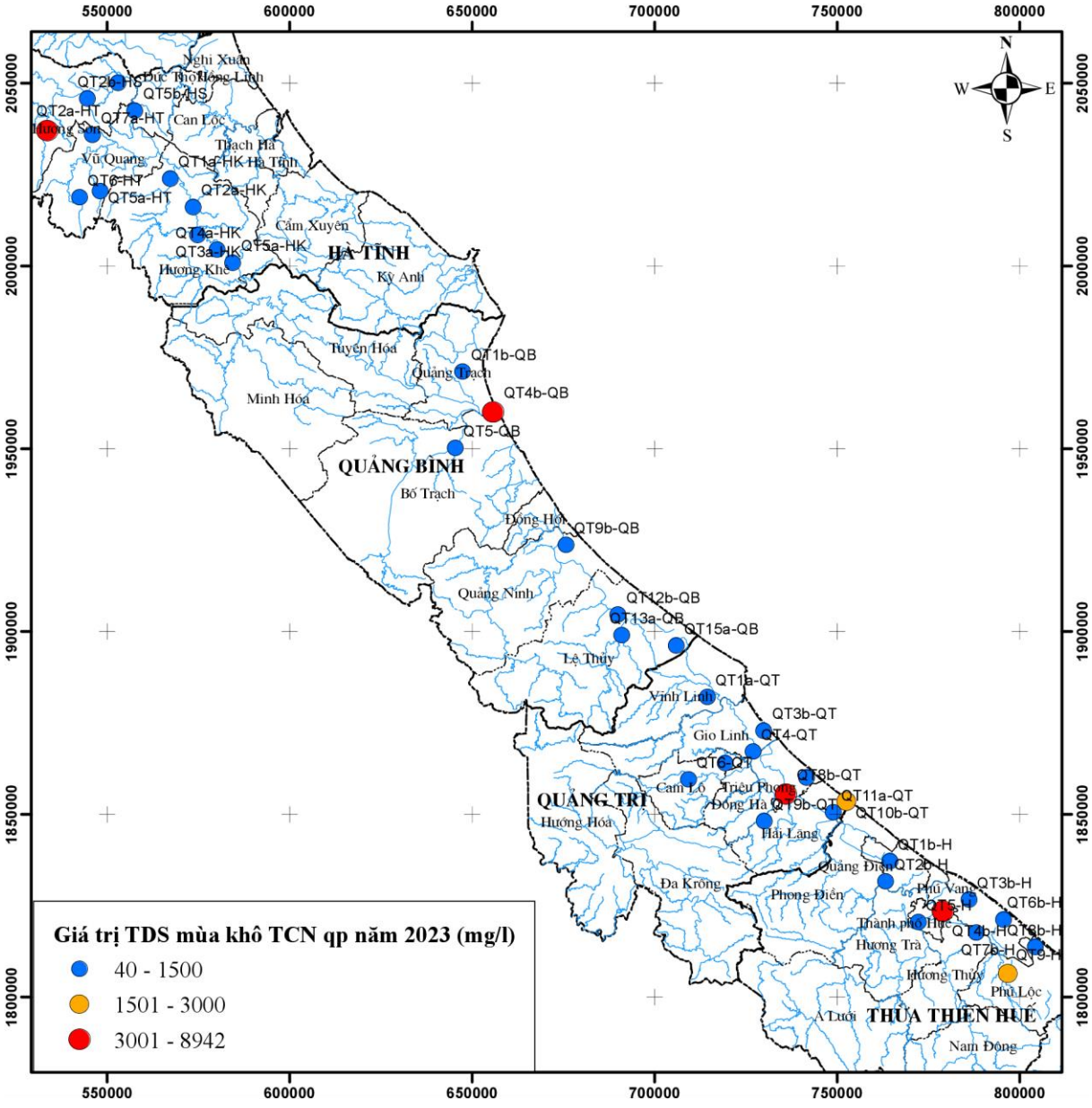
- ***Thông số TDS:***

Mùa khô: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500mg/l), giá trị TDS tại các công trình dao động từ 40-8942 mg/l. Giá trị cao nhất là 8942mg/l tại công trình QT4b-QB (xã Quảng Phúc, TX Ba Đồn, Quảng Bình). Có 06/38 công trình có giá trị > 1500mg/l, phân bố các công trình như sau:

- Giá trị TDS trong khoảng 1500-3000 mg/l (nước lợ): có 02/38 công trình, phân bố ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (QT10b-QT) và huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (QT9-H).

- Giá trị TDS > 3000 mg/l (nước mặn): có 04/38 công trình có giá trị > 3000 mg/l, phát hiện tại các công trình: QT2a-HT (huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh), QT4b-QB (thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình), QT8b-QT (huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị), QT4b-H (Hương Thủy, Thừa Thiên Huế).

(*Chi tiết xem bản đồ hình 20 và phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng*)



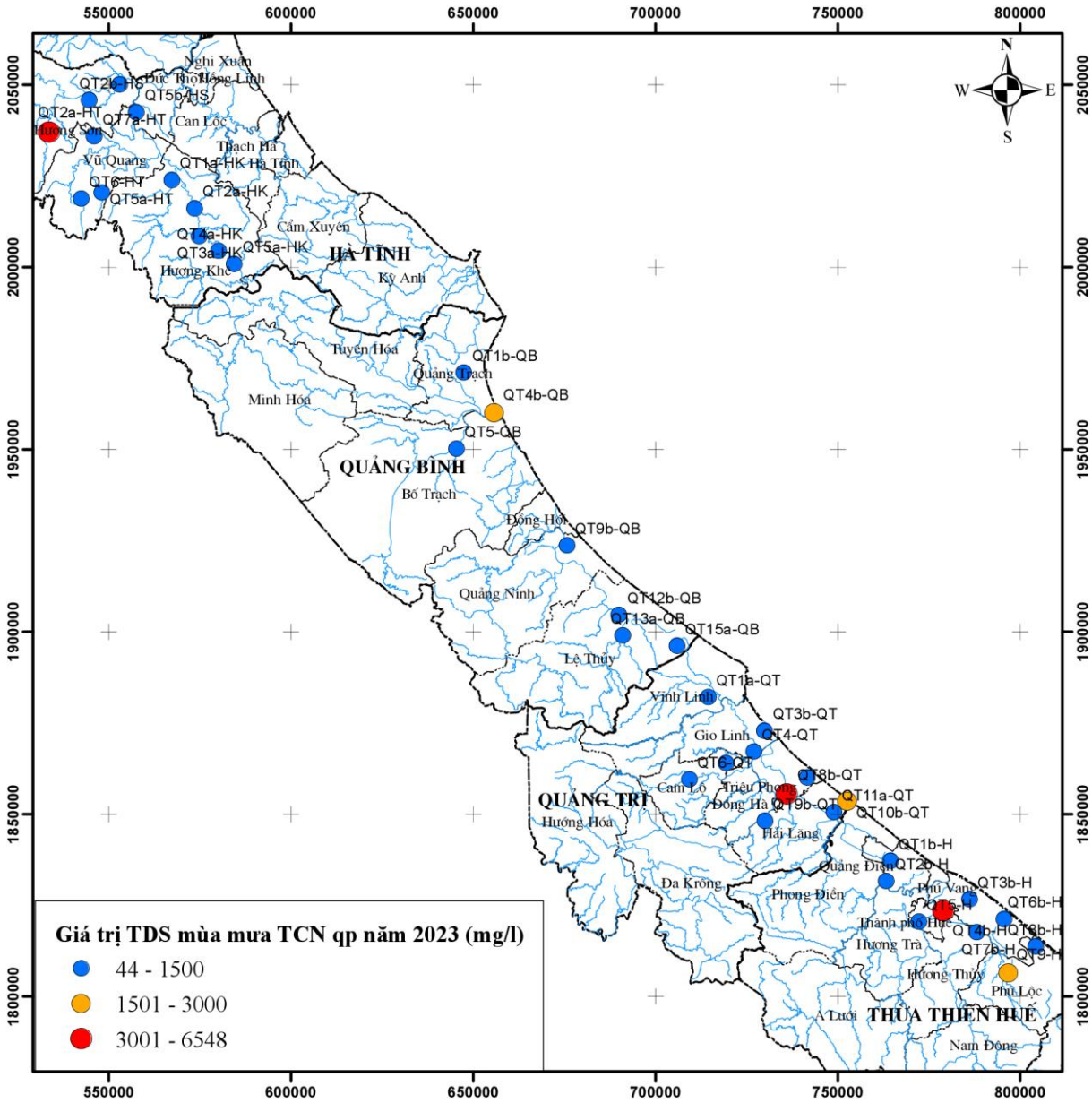
Hình. 20. Sơ đồ phân bố giá trị TDS mùa khô năm 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Mùa mưa: Phần lớn các công trình quan trắc đều có giá trị TDS thấp hơn GHCP (1500mg/l), giá trị TDS tại các công trình dao động từ 44 - 6548 mg/l. Giá trị cao nhất là 6548mg/l tại công trình QT2a-HT (xã Thạch Khê, Thạch Hà, Hà Tĩnh). Có 06/38 công trình có giá trị > 1500mg/l, phân bố các công trình như sau:

- Giá trị TDS trong khoảng 1500-3000 mg/l (nước lợ): có 03/38 công trình, phân bố tại các huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (QT10b-QT), huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (QT9-H), Tx. Ba Đồn, Quảng Bình (QT4b-QB).

- Giá trị TDS > 3000 mg/l (nước mặn): có 03/38 công trình phân bố ở các địa phương: QT2a-HT (huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh), QT8b-QT (huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị), QT4b-H (huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế).

(*Chi tiết xem bản đồ hình 21 và phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng*)



Hình. 21. Sơ đồ phân bố giá trị TDS mùa mưa 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

❖ ***Các thông số vi lượng*:**

Quan trắc ở 34 công trình trong cả hai mùa. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Asen (As). Các địa phương có công trình quan trắc có hàm lượng các thông số vi lượng cao hơn GHCP như sau:

Tỉnh Hà Tĩnh

Mỗi mùa quan trắc ở 11 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Asen (As).

- **Hàm lượng Mn:** Hầu hết các công trình ở Hà Tĩnh đều có hàm lượng Mangan nằm trong giới hạn cho phép (0,5 mg/l). Chỉ phát hiện 01 công trình QT5a-HT (huyện Cẩm Xuyên) có hàm lượng vượt quá giới hạn cho phép vào cả mùa mưa và mùa khô.

- **Hàm lượng As** cao hơn GHCP (0,05mg/l) chỉ phát hiện tại công trình QT7a-HT thuộc huyện Thạch Hà vào cả hai mùa mưa và mùa khô, và công trình QT1b-HS thuộc huyện Hương Sơn vào mùa khô.

Tỉnh Quảng Bình

Mỗi mùa quan trắc ở 06 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn).

- Hàm lượng Mn: Hầu hết các công trình ở Quảng Bình đều có hàm lượng Mangan nằm trong giới hạn cho phép (0,5 mg/l). Chỉ phát hiện 01 công trình QT1b-QB thuộc huyện Quảng Trạch có hàm lượng vượt quá giới hạn cho phép

Tỉnh Quảng Trị

Mỗi mùa quan trắc ở 09 công trình quan trắc. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn).

- **Hàm lượng Mn** cao hơn GHCP (0,5mg/l) được phát hiện tại 02/09 công trình. Đó là công trình tại huyện huyện Hải Lăng (QT10b-QT) vào cả 2 mùa. Phát hiện vào mùa khô tại huyện Triệu Phong (QT7b-QT).

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Mỗi mùa quan trắc ở 08 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số vi lượng đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn) và Asen (As).

- **Hàm lượng Mn** cao hơn GHCP (0,5mg/l) chỉ phát hiện tại công trình QT7-H thuộc huyện Hương Thủy vào mùa khô.

- **Hàm lượng As** cao hơn GHCP (0,05mg/l) chỉ phát hiện tại công trình QT2-H thuộc huyện Phong Điền vào cả hai mùa mưa và mùa khô.

(*Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn*)

❖ ***Các thông số nhiễm bẩn:***

- Thông số Amôni:

Mỗi mùa quan trắc ở 34 công trình. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng Amoni thấp hơn GHCP (1mg/l). Tuy nhiên vẫn phát hiện 10/34 công trình có hàm lượng Amoni cao hơn GHCP, giá trị cao nhất là 57,3mg/l vào mùa khô tại công trình QT5-H (phường Thuỷ Biểu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế).

- 06 công trình quan trắc được phát hiện vào cả 2 mùa được phân bố như sau:

Quảng Trị: huyện Triệu Phong (QT7b-QT), huyện Hải Lăng (QT10b-QT);

Thừa Thiên Huế: huyện Phong Điền, (QT2b-H), thành phố Huế (QT5-H), huyện Phú Lộc (QT9-H).

- 03 công trình quan trắc được phát hiện vào mùa khô phân bố như sau:

Thừa Thiên Huế: huyện Hương Thủy (QT7b-H), Quảng Điền (QT1b-H);

Quảng Bình: huyện Gio Linh (QT3b-QT).

(*Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn*)

PHẦN 2
MỰC NƯỚC

❖ Đối với các công trình quan trắc tài nguyên NDĐ, tại thực địa tiến hành đo chiều sâu mực nước cách mặt đất (tính từ mốc cố định đặt ở miệng công trình quan trắc tương đương với mặt đất). Trong quá trình chỉnh lý tổng hợp, mực nước được chuyển sang giá trị độ cao tuyệt đối để biên soạn, do đó khi muốn xác định độ sâu mực nước dưới đất cách mặt đất thì lấy độ cao tuyệt đối mực nước trừ độ cao tuyệt đối của công trình quan trắc. Nếu giá trị nhận được là âm (-) tức là mực nước nằm dưới mặt đất, còn là dương (+) tức là mực nước phun lên và ổn định ở trên mặt đất. Ví dụ:

Độ cao tuyệt đối mực nước ngày 06/01/2023 của công trình quan trắc QT2-TH là 3,06 m.

Độ cao tuyệt đối miệng công trình là: 6,00 m.

Độ sâu mực nước là: 3,06 - 6,00 = -2,94 m, tức là mực nước nằm dưới mặt đất là 2,94m.

❖ Dụng cụ đo mực nước: năm 2023 mạng quan trắc vùng Bắc Trung Bộ có 167 công trình và được đầu tư hệ thống máy bán tự ghi cho tất cả các công trình. Độ chính xác đo đạc thực hiện trên máy chính xác đến 0,001 cm, khi tổng hợp lấy đơn vị tính là m với độ chính xác đến cm (2 số sau phần thập phân).

➢ ***Đối với trạm không ảnh hưởng triều***

- Các giá trị mực nước trong niên giám là mực nước bình quân ngày (giá trị tổng hợp bình quân số học từ các số liệu mực nước thực đo trong ngày) hoặc mực nước thực đo số liệu quan trắc trong ngày (chỉ đo mực nước một lần trong ngày).

- Mực nước bình quân tháng tính theo phương pháp bình quân số học từ các giá trị mực nước bình quân ngày trong tháng, mực nước bình quân năm tính như trên từ mực nước bình quân tháng.

- Mực nước cao nhất và thấp nhất được hiểu là giá trị mực nước bình quân ngày cao nhất và thấp nhất trong năm.

- Biên độ dao động (ΔH) trong năm (hoặc tháng) là hiệu số giữa giá trị mực nước cao nhất và giá trị thấp nhất trong năm (hoặc tháng).

➢ ***Đối với các trạm ảnh hưởng triều***

Vùng ảnh hưởng triều, mực nước dưới dất dao động ngoài ảnh hưởng của các yếu tố khí tượng còn chịu ảnh hưởng của dao động thuỷ triều, trong đó đáng kể nhất là ảnh hưởng bởi chu kỳ dao động ngày. Mực nước được đo liên tục 2 giờ đo một lần (12 lần trong ngày). Tài liệu mực nước trong niên giám được biên soạn ở hai dạng sau:

- Mực nước bình quân ngày được tổng hợp bằng phương pháp bình quân số học từ mực nước giờ thực đo, và các giá trị tổng hợp khác tương tự như ở vùng không ảnh hưởng triều.

- Mực nước giờ thực đo được biên soạn đối với thời gian đặc trưng trong năm là các tháng 11 (dao động triều mạnh nhất), tháng 5 (dao động triều yếu nhất) và các tháng 2, 8 thời kỳ chuyển tiếp. Biên độ dao động ngày (Δh) là hiệu số giữa mực nước cao nhất và thấp nhất trong ngày.

I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

I.1. Vùng không ảnh triều

1. Công trình: QT2-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,57									
2												
3					3,59	3,58	3,74	4,00	4,02	3,89		
4												
5												
6	3,06	3,35	3,52	3,34	3,54	3,65	3,69	4,05	4,08	3,84	3,80	3,60
7												
8												
9					3,49	3,59	3,75	4,10	4,15	3,80		
10												
11												
12	3,15	3,44	3,47	3,40	3,55	3,54	3,80	4,15	4,08	3,85	3,85	3,66
13												
14												
15					3,61	3,60	3,74	4,20	4,02	3,80		
16												
17												
18	3,24	3,53	3,42	3,48	3,66	3,66	3,82	4,12	3,95	3,74	3,79	3,72
19												
20												
21					3,73	3,74	3,87	4,04	3,90	3,69		
22												
23												
24	3,33	3,62	3,35	3,57	3,65	3,80	3,93	3,96	3,85	3,64	3,70	3,63
25												
26												
27					3,60	3,85	3,88	4,03	3,90	3,70		
28												
29												
30	3,26		3,40	3,64	3,54	3,80	3,94	3,97	3,95	3,75	3,65	3,57
31												
T.Bình	3,21	3,49	3,46	3,49	3,60	3,68	3,82	4,06	3,99	3,77	3,76	3,64
Max	3,33	3,62	3,57	3,64	3,73	3,85	3,94	4,20	4,15	3,89	3,85	3,72
Min	3,06	3,35	3,35	3,34	3,49	3,54	3,69	3,96	3,85	3,64	3,65	3,57
ΔH	0,27	0,27	0,22	0,30	0,24	0,31	0,25	0,24	0,30	0,25	0,20	0,15

Mực nước trung bình năm: 3,72

Mực nước lớn nhất trong năm: 4,20 Ngày: 15/08/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 3,06 Ngày: 06/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,14

2. Công trình: QT3-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,16									
2												
3					-0,41	-0,42	-0,21	-0,07	0,27	0,38		
4												
5												
6	0,19	-0,17	-0,21	-0,37	-0,46	-0,36	-0,26	-0,01	0,22	0,33	0,03	-0,18
7												
8												
9					-0,51	-0,43	-0,20	0,04	0,29	0,28		
10												
11												
12	0,11	-0,11	-0,27	-0,32	-0,47	-0,48	-0,13	0,09	0,34	0,21	0,08	-0,12
13												
14												
15					-0,42	-0,41	-0,19	0,14	0,39	0,13		
16												
17												
18	0,02	-0,06	-0,32	-0,36	-0,37	-0,33	-0,12	0,19	0,33	0,07	0,01	-0,06
19												
20												
21					-0,31	-0,26	-0,06	0,24	0,28	0,01		
22												
23												
24	-0,07	-0,10	-0,38	-0,41	-0,36	-0,18	-0,15	0,31	0,34	-0,04	-0,08	-0,15
25												
26												
27					-0,41	-0,11	-0,20	0,26	0,39	0,02		
28												
29												
30	-0,12		-0,31	-0,36	-0,46	-0,16	-0,14	0,20	0,44	0,07	-0,13	-0,20
31												
T.Bình	0,03	-0,11	-0,27	-0,36	-0,41	-0,31	-0,16	0,14	0,33	0,15	-0,01	-0,14
Max	0,19	-0,06	-0,16	-0,32	-0,31	-0,11	-0,06	0,31	0,44	0,38	0,08	-0,06
Min	-0,12	-0,17	-0,38	-0,41	-0,51	-0,48	-0,26	-0,07	0,22	-0,04	-0,13	-0,20
ΔH	0,31	0,11	0,22	0,09	0,20	0,37	0,20	0,38	0,22	0,42	0,21	0,14

Mực nước trung bình năm: -0,08

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,44 Ngày: 30/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,51 Ngày: 09/05/2023

Biên độ dao động năm: 0,95

3. Công trình: QT4-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			4,59									
2												
3					4,43	4,34	4,13	4,41	4,61	4,49		
4												
5												
6	5,17	4,85	4,64	4,38	4,38	4,27	4,08	4,46	4,55	4,43	4,64	4,61
7												
8												
9					4,33	4,20	4,14	4,51	4,59	4,50		
10												
11												
12	5,11	4,78	4,58	4,44	4,39	4,14	4,19	4,56	4,54	4,56	4,69	4,56
13												
14												
15					4,44	4,09	4,12	4,61	4,58	4,63		
16												
17												
18	5,04	4,69	4,53	4,49	4,39	4,04	4,20	4,56	4,53	4,58	4,64	4,47
19												
20												
21					4,44	4,10	4,29	4,61	4,48	4,52		
22												
23												
24	4,95	4,64	4,49	4,43	4,38	4,19	4,37	4,55	4,40	4,45	4,72	4,39
25												
26												
27					4,33	4,24	4,32	4,60	4,48	4,54		
28												
29												
30	4,90		4,44	4,48	4,28	4,18	4,36	4,54	4,54	4,59	4,67	4,34
31												
T.Bình	5,03	4,74	4,54	4,44	4,38	4,18	4,22	4,54	4,53	4,53	4,67	4,47
Max	5,17	4,85	4,64	4,49	4,44	4,34	4,37	4,61	4,61	4,63	4,72	4,61
Min	4,90	4,64	4,44	4,38	4,28	4,04	4,08	4,41	4,40	4,43	4,64	4,34
ΔH	0,27	0,21	0,20	0,11	0,16	0,30	0,29	0,20	0,21	0,20	0,08	0,27

Mực nước trung bình năm: 4,48

Mực nước lớn nhất trong năm: 5,17 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 4,04 Ngày: 18/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,13

4. Công trình: QT5-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			6,43									
2												
3					6,16	5,97	5,80	5,96	6,11	6,00		
4												
5												
6	6,48	6,36	6,38	6,09	6,12	6,03	5,75	6,01	6,06	5,95	6,26	6,08
7												
8												
9					6,07	5,98	5,81	6,06	6,12	6,01		
10												
11												
12	6,43	6,44	6,33	6,15	6,11	5,93	5,86	6,11	6,05	6,06	6,31	6,14
13												
14												
15					6,16	5,88	5,80	6,16	6,11	6,12		
16												
17												
18	6,37	6,53	6,28	6,10	6,11	5,83	5,87	6,11	6,07	6,07	6,23	6,20
19												
20												
21					6,05	5,78	5,93	6,15	6,02	6,14		
22												
23												
24	6,32	6,48	6,20	6,05	6,00	5,84	6,01	6,07	5,96	6,09	6,18	6,11
25												
26												
27					5,95	5,90	5,96	6,12	6,01	6,16		
28												
29												
30	6,27		6,15	6,11	5,90	5,85	5,91	6,06	6,06	6,21	6,13	6,06
31												
T.Bình	6,38	6,46	6,30	6,10	6,07	5,90	5,87	6,08	6,06	6,08	6,23	6,12
Max	6,48	6,53	6,43	6,15	6,16	6,03	6,01	6,16	6,12	6,21	6,31	6,20
Min	6,27	6,36	6,15	6,05	5,90	5,78	5,75	5,96	5,96	5,95	6,13	6,06
ΔH	0,21	0,17	0,28	0,10	0,26	0,25	0,26	0,20	0,16	0,26	0,18	0,14

Mực nước trung bình năm: 6,09
Mực nước lớn nhất trong năm: 6,53 Ngày: 18/02/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 5,75 Ngày: 06/07/2023
Biên độ dao động năm: 0,78

5. Công trình: QT6-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,53	5,56	5,64	5,67	5,62	5,70	6,14	5,77	5,77	6,72	5,65	5,44
2	5,55	5,56	5,64	5,68	5,62	5,68	6,08	5,82	5,75	6,63	5,61	5,44
3	5,57	5,58	5,65	5,67	5,63	5,68	6,02	5,89	5,76	6,56	5,57	5,45
4	5,58	5,59	5,64	5,65	5,67	5,72	5,99	5,94	5,75	6,47	5,58	5,45
5	5,63	5,60	5,63	5,61	5,67	5,76	5,97	6,00	5,77	6,36	5,58	5,43
6	5,68	5,60	5,64	5,57	5,67	5,74	5,95	6,01	5,79	6,29	5,61	5,45
7	5,68	5,60	5,64	5,51	5,66	5,71	5,93	6,00	5,79	6,28	5,64	5,42
8	5,65	5,60	5,64	5,47	5,69	5,81	5,88	5,97	5,80	6,25	5,62	5,36
9	5,66	5,61	5,63	5,46	5,72	5,83	5,77	5,94	5,78	6,18	5,62	5,31
10	5,69	5,62	5,63	5,47	5,74	5,91	5,79	5,92	5,72	6,13	5,59	5,30
11	5,72	5,63	5,64	5,48	5,79	5,91	5,80	5,94	5,68	6,08	5,56	5,33
12	5,70	5,63	5,65	5,48	5,95	5,91	5,74	6,00	5,67	6,02	5,55	5,36
13	5,60	5,61	5,65	5,48	6,02	5,87	5,70	6,04	5,76	5,94	5,57	5,38
14	5,63	5,60	5,66	5,49	6,03	5,79	5,69	6,09	5,85	5,88	5,48	5,38
15	5,58	5,58	5,66	5,51	6,03	5,86	5,69	6,14	5,97	5,88	5,54	5,38
16	5,58	5,59	5,65	5,55	6,02	5,88	5,68	6,10	6,09	5,87	5,66	5,46
17	5,58	5,60	5,68	5,58	5,98	5,99	5,65	6,02	6,20	5,88	5,69	5,53
18	5,57	5,61	5,69	5,62	5,91	6,01	5,66	5,94	6,28	5,87	5,67	5,50
19	5,57	5,60	5,69	5,64	5,86	6,02	5,75	5,93	6,27	5,84	5,63	5,47
20	5,56	5,59	5,69	5,65	5,80	6,00	5,85	5,90	6,20	5,85	5,58	5,48
21	5,53	5,59	5,68	5,65	5,76	5,95	5,94	5,84	6,17	5,82	5,51	5,50
22	5,55	5,60	5,67	5,66	5,72	5,77	5,96	5,77	6,11	5,73	5,48	5,53
23	5,57	5,62	5,64	5,65	5,70	5,80	5,95	5,77	6,12	5,73	5,49	5,55
24	5,54	5,64	5,61	5,63	5,69	5,99	6,02	5,83	6,14	5,71	5,50	5,47
25	5,54	5,63	5,59	5,65	5,71	6,02	5,84	5,85	6,09	5,70	5,50	5,45
26	5,53	5,62	5,58	5,64	5,71	6,15	5,82	5,83	6,20	5,73	5,50	5,41
27	5,52	5,63	5,58	5,63	5,72	6,21	5,77	5,81	6,58	5,74	5,50	5,38
28	5,52	5,63	5,59	5,63	5,71	6,24	5,74	5,86	6,86	5,73	5,49	5,38
29	5,53		5,60	5,61	5,70	6,23	5,70	5,87	6,87	5,71	5,46	5,39
30	5,55		5,63	5,61	5,69	6,19	5,68	5,85	6,80	5,69	5,45	5,42
31	5,56		5,65		5,69		5,69	5,83		5,66		5,41
T.Bình	5,59	5,60	5,64	5,59	5,77	5,91	5,83	5,92	6,05	6,00	5,56	5,43
Max	5,74	5,66	5,72	5,70	6,05	6,26	6,19	6,16	6,91	6,79	5,75	5,58
Min	5,48	5,53	5,56	5,43	5,59	5,63	5,59	5,71	5,64	5,63	5,41	5,26
ΔH	0,26	0,13	0,16	0,27	0,46	0,63	0,60	0,45	1,27	1,16	0,34	0,32

Mực nước trung bình năm: 5,74

Mực nước lớn nhất trong năm: 6,91 Ngày: 29/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 5,26 Ngày: 09/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,65

6. Công trình: QT11-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	3,14	2,86	2,89	2,97	2,89	2,88	2,80	2,74	2,60	3,18	2,80	2,66
2	3,17	2,86	2,88	2,96	2,88	2,87	2,80	2,76	2,64	3,17	2,76	2,76
3	3,16	2,87	2,88	2,95	2,86	2,88	2,77	2,80	2,67	3,15	2,72	2,81
4	3,14	2,89	2,89	2,93	2,84	2,88	2,75	2,86	2,69	3,10	2,70	2,82
5	3,17	2,90	2,87	2,92	2,83	2,90	2,73	2,90	2,72	3,01	2,70	2,78
6	3,20	2,90	2,85	2,90	2,81	2,86	2,70	2,86	2,74	2,96	2,72	2,79
7	3,18	2,89	2,87	2,88	2,79	2,77	2,67	2,84	2,74	2,98	2,73	2,77
8	3,15	2,89	2,90	2,87	2,81	2,82	2,66	2,86	2,73	2,98	2,70	2,70
9	3,14	2,91	2,91	2,87	2,82	2,80	2,68	2,84	2,73	2,94	2,70	2,64
10	3,14	2,94	2,91	2,88	2,84	2,91	2,71	2,83	2,70	2,93	2,69	2,61
11	3,15	2,93	2,90	2,88	2,93	2,92	2,73	2,85	2,65	2,93	2,66	2,62
12	3,13	2,92	2,90	2,88	2,99	2,93	2,69	2,90	2,65	2,91	2,64	2,63
13	3,01	2,91	2,90	2,92	3,00	2,89	2,66	2,90	2,69	2,87	2,71	2,64
14	3,00	2,89	2,89	2,97	2,98	2,86	2,65	2,91	2,73	2,83	2,70	2,62
15	2,96	2,88	2,88	2,99	2,96	2,84	2,64	2,92	2,77	2,84	2,75	2,61
16	2,95	2,87	2,88	3,01	2,94	2,82	2,63	2,89	2,83	2,84	2,88	2,73
17	2,93	2,87	2,87	3,01	2,90	2,88	2,60	2,83	2,89	2,84	2,90	2,97
18	2,87	2,88	2,87	3,00	2,86	2,91	2,60	2,79	2,93	2,84	2,87	2,96
19	2,86	2,89	2,87	2,98	2,85	2,89	2,67	2,81	2,91	2,83	2,80	2,93
20	2,88	2,89	2,86	2,97	2,86	2,88	2,78	2,84	2,85	2,85	2,73	2,94
21	2,90	2,89	2,85	2,96	2,87	2,79	2,85	2,80	2,84	2,84	2,64	2,96
22	2,91	2,90	2,84	2,93	2,88	2,67	2,91	2,73	2,83	2,77	2,59	3,07
23	2,92	2,92	2,82	2,91	2,87	2,65	2,89	2,77	2,85	2,75	2,59	3,12
24	2,91	2,93	2,83	2,88	2,88	2,72	2,84	2,87	2,81	2,74	2,58	2,97
25	2,92	2,91	2,85	2,87	2,86	2,75	2,84	2,74	2,81	2,73	2,56	3,07
26	2,93	2,89	2,89	2,87	2,85	2,81	2,82	2,67	2,90	2,76	2,56	3,09
27	2,92	2,89	2,91	2,86	2,84	2,82	2,76	2,63	2,98	2,79	2,55	3,04
28	2,91	2,89	2,92	2,85	2,82	2,84	2,72	2,63	3,13	2,76	2,55	3,03
29	2,89		2,94	2,87	2,83	2,84	2,72	2,65	3,16	2,78	2,50	3,03
30	2,89		2,95	2,89	2,86	2,82	2,72	2,64	3,17	2,81	2,50	3,03
31	2,88		2,97		2,88		2,72	2,62		2,80		3,03
T.Bình	3,01	2,90	2,88	2,92	2,87	2,84	2,73	2,80	2,81	2,89	2,68	2,85
Max	3,22	2,96	2,98	3,02	3,01	2,96	2,92	2,94	3,19	3,21	2,95	3,14
Min	2,85	2,85	2,81	2,85	2,77	2,60	2,56	2,58	2,58	2,70	2,47	2,58
ΔH	0,37	0,11	0,17	0,17	0,24	0,36	0,36	0,36	0,61	0,51	0,48	0,56

Mực nước trung bình năm: 2,85

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,22 Ngày: 07/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,47 Ngày: 29/11/2023

Biên độ dao động năm: 0,75

7. Công trình: QT12-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,27									
2												
3					2,03	2,12	1,94	2,22	2,61	2,56		
4												
5												
6	2,65	2,41	2,22	2,06	1,98	2,17	1,89	2,27	2,54	2,51	2,52	2,31
7												
8												
9					1,93	2,11	1,95	2,32	2,60	2,57		
10												
11												
12	2,57	2,34	2,16	2,12	1,99	2,06	2,01	2,37	2,53	2,62	2,57	2,37
13												
14												
15					2,07	2,01	1,96	2,42	2,59	2,56		
16												
17												
18	2,49	2,39	2,11	2,17	2,12	1,96	2,02	2,47	2,52	2,48	2,49	2,42
19												
20												
21					2,17	1,91	2,09	2,62	2,47	2,42		
22												
23												
24	2,40	2,32	2,05	2,13	2,08	1,97	2,17	2,67	2,52	2,34	2,41	2,34
25												
26												
27					2,02	2,04	2,12	2,73	2,57	2,40		
28												
29												
30	2,35		2,11	2,08	2,07	1,99	2,18	2,66	2,62	2,47	2,36	2,30
31												
T.Bình	2,49	2,37	2,15	2,11	2,05	2,04	2,03	2,48	2,56	2,49	2,47	2,35
Max	2,65	2,41	2,27	2,17	2,17	2,17	2,18	2,73	2,62	2,62	2,57	2,42
Min	2,35	2,32	2,05	2,06	1,93	1,91	1,89	2,22	2,47	2,34	2,36	2,30
ΔH	0,30	0,09	0,22	0,11	0,24	0,26	0,29	0,51	0,15	0,28	0,21	0,12

Mực nước trung bình năm: 2,29

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,73 Ngày: 27/08/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,89 Ngày: 06/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,84

8. Công trình: QT13-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,69	2,65	2,65	2,70	2,83	2,75	3,00	3,03	2,69	3,22	2,88	2,80
2	2,72	2,68	2,66	2,70	2,79	2,73	2,97	3,03	2,66	3,18	2,82	2,78
3	2,73	2,72	2,66	2,70	2,76	2,70	2,94	3,06	2,67	3,15	2,77	2,79
4	2,71	2,74	2,66	2,68	2,75	2,71	2,92	3,05	2,69	3,09	2,77	2,79
5	2,73	2,77	2,66	2,66	2,73	2,74	2,89	3,09	2,70	2,99	2,77	2,75
6	2,75	2,77	2,67	2,65	2,70	2,82	2,88	3,03	2,73	2,94	2,79	2,76
7	2,71	2,76	2,66	2,64	2,71	2,79	2,87	3,00	2,73	2,94	2,82	2,72
8	2,68	2,89	2,66	2,65	2,83	2,82	2,84	2,99	2,72	2,93	2,78	2,66
9	2,68	2,93	2,65	2,67	2,81	3,01	2,70	2,95	2,87	2,90	2,78	2,61
10	2,76	2,92	2,64	2,68	2,79	3,14	2,72	2,91	2,77	2,89	2,78	2,60
11	2,82	2,88	2,64	2,71	2,97	3,10	2,71	2,92	2,78	2,89	2,76	2,63
12	2,82	2,85	2,64	2,74	3,18	3,03	2,63	2,88	2,81	2,89	2,77	2,65
13	2,67	2,81	2,62	2,78	3,10	2,95	2,57	2,89	2,78	2,85	2,98	2,67
14	2,66	2,77	2,62	2,80	3,03	2,88	2,57	2,99	2,79	2,79	2,87	2,67
15	2,64	2,75	2,61	2,93	2,97	3,00	2,58	3,01	3,14	2,79	2,88	2,67
16	2,68	2,74	2,62	2,95	2,93	2,92	2,57	2,93	3,22	2,80	2,99	2,73
17	2,67	2,73	2,63	2,90	2,88	2,95	2,54	2,83	3,25	2,81	3,00	2,77
18	2,67	2,73	2,64	2,86	2,84	3,11	2,53	2,77	3,23	2,81	2,97	2,71
19	2,67	2,73	2,64	2,83	2,82	3,19	2,72	2,79	3,19	2,80	2,92	2,68
20	2,66	2,73	2,65	2,80	2,79	3,12	3,00	2,85	3,09	2,83	2,86	2,69
21	2,65	2,72	2,65	2,77	2,90	2,99	3,00	2,81	3,04	2,81	2,81	2,70
22	2,66	2,71	2,64	2,75	2,87	2,85	3,03	2,71	2,98	2,76	2,78	2,75
23	2,65	2,71	2,62	2,72	2,83	2,82	2,94	2,78	3,01	2,75	2,80	2,77
24	2,63	2,69	2,63	2,71	2,81	2,94	2,88	3,09	2,95	2,74	2,81	2,68
25	2,63	2,66	2,64	2,70	2,90	2,92	2,80	3,00	2,95	2,71	2,81	2,70
26	2,64	2,64	2,66	2,67	2,88	3,13	2,76	2,88	3,19	2,75	2,80	2,65
27	2,64	2,64	2,72	2,66	2,84	3,13	2,68	2,81	3,28	2,76	2,79	2,63
28	2,62	2,64	2,72	2,67	2,82	3,10	2,61	2,80	3,33	2,75	2,79	2,60
29	2,62		2,70	2,72	2,82	3,06	2,54	2,80	3,29	2,77	2,75	2,59
30	2,63		2,70	2,86	2,81	3,03	2,53	2,78	3,25	3,02	2,75	2,59
31	2,64		2,70		2,77		2,96	2,75		2,92		2,58
T.Bình	2,68	2,75	2,65	2,74	2,85	2,95	2,77	2,91	2,96	2,88	2,83	2,69
Max	2,87	3,01	2,75	3,00	3,23	3,23	3,11	3,16	3,39	3,26	3,10	2,82
Min	2,59	2,62	2,59	2,62	2,67	2,67	2,46	2,64	2,63	2,69	2,71	2,55
ΔH	0,28	0,39	0,16	0,38	0,56	0,56	0,65	0,52	0,76	0,57	0,39	0,27

Mực nước trung bình năm: 2,80

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,39 Ngày: 28/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,46 Ngày: 29/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,93

9. Công trình: QT2a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,83									
2												
3					0,78	0,80	0,67	0,85	0,81	1,06		
4												
5												
6	1,08	1,00	0,99	0,85	0,76	1,01	0,64	0,87	0,79	1,01	0,98	0,95
7												
8												
9					0,85	0,95	0,61	0,88	0,82	0,98		
10												
11												
12	1,03	0,99	0,95	0,83	1,00	0,91	0,58	0,89	0,85	0,95	1,23	0,88
13												
14												
15					0,95	0,87	0,55	0,90	0,88	0,92		
16												
17												
18	0,98	0,98	0,91	0,90	0,93	0,83	0,78	0,91	0,93	0,89	1,17	0,84
19												
20												
21					0,90	0,79	0,88	0,88	0,98	0,86		
22												
23												
24	0,91	0,89	0,89	0,84	0,87	0,76	1,08	0,86	1,02	0,80	0,94	0,87
25												
26												
27					0,85	0,73	0,98	0,85	1,23	0,93		
28												
29												
30	1,01		0,87	0,80	0,83	0,70	0,90	0,83	1,13	1,15	1,03	0,85
31												
T.Bình	1,00	0,97	0,91	0,84	0,87	0,84	0,77	0,87	0,94	0,96	1,07	0,88
Max	1,08	1,00	0,99	0,90	1,00	1,01	1,08	0,91	1,23	1,15	1,23	0,95
Min	0,91	0,89	0,83	0,80	0,76	0,70	0,55	0,83	0,79	0,80	0,94	0,84
ΔH	0,17	0,11	0,16	0,10	0,24	0,31	0,53	0,08	0,44	0,35	0,29	0,11

Mực nước trung bình năm: 0,90
Mực nước lớn nhất trong năm: 1,23 Ngày: 27/09/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,55 Ngày: 15/07/2023
Biên độ dao động năm: 0,68

10. Công trình: QT4a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,35									
2												
3					1,97	1,17	2,68	2,96	2,45	3,40		
4												
5												
6	4,20	3,90	3,30	3,09	1,60	2,80	2,60	2,97	2,40	3,30	3,62	3,17
7												
8												
9					1,45	2,40	2,57	2,95	2,46	3,20		
10												
11												
12	4,00	3,60	3,25	3,20	1,30	2,20	2,54	2,93	2,50	3,22	3,60	3,08
13												
14												
15					1,12	2,05	2,51	2,80	2,55	3,24		
16												
17												
18	3,80	3,40	3,18	3,08	1,20	1,90	2,62	2,70	2,60	3,26	3,25	2,99
19												
20												
21					1,29	1,75	2,80	2,62	2,65	3,28		
22												
23												
24	3,60	3,20	3,12	3,00	1,35	2,70	2,90	2,55	2,75	3,30	3,10	2,90
25												
26												
27					1,30	2,75	2,92	2,52	3,70	3,68		
28												
29												
30	3,95		3,10	2,25	1,24	2,80	2,95	2,48	3,50	3,65	3,30	2,85
31												
T.Bình	3,91	3,53	3,22	2,92	1,38	2,25	2,71	2,75	2,76	3,35	3,37	3,00
Max	4,20	3,90	3,35	3,20	1,97	2,80	2,95	2,97	3,70	3,68	3,62	3,17
Min	3,60	3,20	3,10	2,25	1,12	1,17	2,51	2,48	2,40	3,20	3,10	2,85
ΔH	0,60	0,70	0,25	0,95	0,85	1,63	0,44	0,49	1,30	0,48	0,52	0,32

Mực nước trung bình năm: 2,79
Mực nước lớn nhất trong năm: 4,20 Ngày: 06/01/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,12 Ngày: 15/05/2023
Biên độ dao động năm: 3,08

11. Công trình: QT6a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,74									
2												
3					2,33	1,31	1,49	2,64	3,58	6,29		
4												
5												
6	4,54	3,84	4,14	3,94	2,24	1,94	1,44	3,09	3,49	6,04	7,34	3,03
7												
8												
9					2,14	1,64	1,39	2,84	3,64	6,44		
10												
11												
12	4,14	3,64	4,04	3,84	2,04	1,49	1,34	2,64	3,79	6,50	7,24	2,91
13												
14												
15					1,94	1,34	1,29	2,79	3,92	6,56		
16												
17												
18	3,79	3,50	3,99	3,34	1,84	1,19	1,76	2,54	4,04	6,62	4,64	2,79
19												
20												
21					1,74	1,04	2,12	3,04	3,99	6,68		
22												
23												
24	3,44	3,34	4,14	2,61	1,64	1,64	2,64	3,84	3,94	6,74	2,94	2,64
25												
26												
27					1,52	1,59	2,33	3,71	7,54	7,54		
28												
29												
30	3,94		4,03	2,41	1,39	1,54	2,09	3,64	6,64	7,52	3,20	2,04
31												
T.Bình	3,97	3,58	4,01	3,23	1,88	1,47	1,79	3,08	4,46	6,69	5,07	2,68
Max	4,54	3,84	4,14	3,94	2,33	1,94	2,64	3,84	7,54	7,54	7,34	3,03
Min	3,44	3,34	3,74	2,41	1,39	1,04	1,29	2,54	3,49	6,04	2,94	2,04
ΔH	1,10	0,50	0,40	1,53	0,94	0,90	1,35	1,30	4,05	1,50	4,40	0,99

Mực nước trung bình năm: 3,41
Mực nước lớn nhất trong năm: 7,54 Ngày: 27/09/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,04 Ngày: 21/06/2023
Biên độ dao động năm: 6,50

12. Công trình: QT8a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,92	0,75	0,70	0,66	0,47	0,47	0,22	0,12	0,08	1,20	1,44	1,34
2	0,91	0,74	0,69	0,65	0,44	0,51	0,19	0,13	0,07	1,17	1,40	1,38
3	0,91	0,76	0,68	0,63	0,43	0,49	0,17	0,19	0,06	1,14	1,37	1,36
4	0,90	0,76	0,67	0,60	0,42	0,46	0,16	0,30	0,05	1,12	1,34	1,33
5	0,90	0,75	0,66	0,58	0,40	0,43	0,15	0,32	0,07	1,09	1,32	1,37
6	0,89	0,75	0,66	0,57	0,40	0,42	0,14	0,33	0,08	1,07	1,30	1,30
7	0,88	0,74	0,65	0,56	0,38	0,41	0,13	0,35	0,08	1,05	1,33	1,27
8	0,87	0,73	0,65	0,56	0,44	0,40	0,13	0,34	0,07	1,03	1,33	1,25
9	0,87	0,73	0,64	0,57	0,44	0,38	0,12	0,32	0,06	1,03	1,29	1,27
10	0,87	0,77	0,63	0,56	0,44	0,38	0,11	0,30	0,05	1,04	1,27	1,27
11	0,88	0,79	0,62	0,56	0,46	0,36	0,10	0,30	0,04	1,07	1,25	1,25
12	0,91	0,77	0,61	0,55	0,47	0,35	0,09	0,29	0,04	1,07	1,23	1,24
13	0,89	0,76	0,61	0,55	0,48	0,34	0,07	0,28	0,03	1,09	1,38	1,29
14	0,86	0,76	0,61	0,54	0,49	0,30	0,06	0,29	0,05	1,23	1,36	1,31
15	0,85	0,77	0,60	0,55	0,57	0,28	0,06	0,29	0,05	1,29	1,32	1,30
16	0,85	0,77	0,60	0,54	0,55	0,27	0,05	0,27	0,22	1,25	1,29	1,25
17	0,85	0,76	0,59	0,53	0,54	0,25	0,05	0,25	0,32	1,22	1,27	1,14
18	0,84	0,75	0,58	0,52	0,54	0,24	0,04	0,23	0,34	1,19	1,25	1,14
19	0,84	0,74	0,57	0,51	0,54	0,23	0,04	0,22	0,37	1,16	1,23	1,14
20	0,84	0,74	0,57	0,50	0,53	0,22	0,03	0,21	0,36	1,14	1,21	1,14
21	0,83	0,73	0,56	0,49	0,59	0,20	0,05	0,20	0,36	1,11	1,20	1,13
22	0,82	0,76	0,55	0,48	0,55	0,19	0,09	0,19	0,35	1,10	1,18	1,08
23	0,81	0,76	0,53	0,47	0,53	0,18	0,09	0,18	0,33	1,09	1,17	1,08
24	0,80	0,75	0,52	0,46	0,50	0,18	0,09	0,17	0,32	1,09	1,16	1,08
25	0,80	0,73	0,52	0,45	0,49	0,18	0,07	0,16	0,40	1,49	1,14	
26	0,79	0,72	0,52	0,44	0,48	0,28	0,06	0,15	0,63	1,91	1,20	
27	0,78	0,71	0,56	0,43	0,47	0,30	0,04	0,13	1,05	1,70	1,24	
28	0,77	0,70	0,61	0,43	0,45	0,29	0,04	0,12	1,16	1,50	1,21	
29	0,77		0,65	0,44	0,42	0,28	0,12	0,11	1,29	1,58	1,18	
30	0,76		0,65	0,49	0,43	0,25	0,13	0,10	1,24	1,63	1,18	0,91
31	0,76		0,66		0,46		0,13	0,09		1,50		
T.Bình	0,85	0,75	0,61	0,53	0,48	0,32	0,10	0,22	0,32	1,24	1,27	1,24
Max	0,92	0,81	0,70	0,66	0,64	0,55	0,24	0,35	1,32	1,97	1,46	1,42
Min	0,75	0,70	0,51	0,42	0,37	0,18	0,01	0,08	0,03	1,02	1,13	0,91
ΔH	0,17	0,11	0,19	0,24	0,27	0,37	0,23	0,27	1,29	0,95	0,33	0,51

Mực nước trung bình năm: 0,65

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,97 Ngày: 26/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,01 Ngày: 28/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,96

13. Công trình: QT9a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,87									
2												
3					0,49	0,42	0,45	0,19	0,38	0,77		
4												
5												
6	0,92	0,73	0,77	1,02	0,47	0,57	0,42	0,15	0,45	0,72	0,97	1,09
7												
8												
9					0,45	0,49	0,38	0,27	0,47	0,84		
10												
11												
12	0,90	0,87	0,72	0,83	0,43	0,44	0,34	0,32	0,49	0,90	1,22	0,77
13												
14												
15					0,41	0,39	0,30	0,37	0,51	0,97		
16												
17												
18	0,88	0,79	0,67	0,69	0,47	0,34	0,26	0,42	0,53	0,92	1,11	0,47
19												
20												
21					0,56	0,29	0,29	0,47	0,55	0,89		
22												
23												
24	0,87	0,82	0,62	0,55	0,65	0,40	0,34	0,52	0,40	0,87	1,07	0,27
25												
26												
27					0,57	0,47	0,27	0,47	0,92	1,06		
28												
29												
30	0,81		0,56	0,51	0,50	0,50	0,22	0,42	0,82	1,04	1,12	0,12
31												
T.Bình	0,88	0,80	0,70	0,72	0,50	0,43	0,33	0,36	0,55	0,90	1,10	0,54
Max	0,92	0,87	0,87	1,02	0,65	0,57	0,45	0,52	0,92	1,06	1,22	1,09
Min	0,81	0,73	0,56	0,51	0,41	0,29	0,22	0,15	0,38	0,72	0,97	0,12
ΔH	0,11	0,14	0,31	0,51	0,24	0,28	0,23	0,37	0,54	0,34	0,25	0,97

Mực nước trung bình năm: 0,60

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,22 Ngày: 12/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,12 Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,10

14. Công trình: QT10a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,09									
2												
3					-0,32	-0,41	-0,67	-0,68	-0,72	-0,51		
4												
5												
6	0,11	0,01	0,04	0,04	-0,33	-0,46	-0,71	-0,66	-0,74	-0,66	-0,19	-0,21
7												
8												
9					-0,34	-0,51	-0,74	-0,65	-0,76	-0,41		
10												
11												
12	0,09	0,09	0,02	-0,09	-0,35	-0,56	-0,76	-0,64	-0,78	-0,26	-0,26	-0,31
13												
14												
15					-0,36	-0,61	-0,78	-0,63	-0,80	-0,11		
16												
17												
18	0,07	0,04	-0,01	-0,16	-0,31	-0,66	-0,80	-0,62	-0,82	-0,21	-0,27	-0,23
19												
20												
21					-0,29	-0,71	-0,76	-0,61	-0,84	-0,30		
22												
23												
24	0,04	-0,01	-0,04	-0,31	-0,26	-0,74	-0,71	-0,64	-0,86	-0,36	-0,28	-0,16
25												
26												
27					-0,31	-0,66	-0,70	-0,66	-0,21	-0,06		
28												
29												
30	0,03		-0,06	-0,32	-0,36	-0,61	-0,69	-0,69	-0,41	-0,09	-0,13	-0,21
31												
T.Bình	0,07	0,03	0,01	-0,17	-0,32	-0,59	-0,73	-0,65	-0,69	-0,30	-0,23	-0,22
Max	0,11	0,09	0,09	0,04	-0,26	-0,41	-0,67	-0,61	-0,21	-0,06	-0,13	-0,16
Min	0,03	-0,01	-0,06	-0,32	-0,36	-0,74	-0,80	-0,69	-0,86	-0,66	-0,28	-0,31
ΔH	0,08	0,10	0,15	0,36	0,10	0,33	0,13	0,08	0,65	0,60	0,15	0,15

Mực nước trung bình năm: -0,39
Mực nước lớn nhất trong năm: 0,11 Ngày: 06/01/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,86 Ngày: 24/09/2023
Biên độ dao động năm: 0,97

15. Công trình: QT11a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			5,05									
2												
3					4,82	4,55	4,72	4,83	4,71	5,20		
4												
5												
6	4,65	4,98	5,00	4,90	4,95	4,70	4,70	4,82	4,69	5,15	5,28	5,20
7												
8												
9					5,04	4,65	4,68	4,81	4,65	5,23		
10												
11												
12	4,35	4,96	4,95	4,87	4,97	4,62	4,66	4,80	4,61	5,33	5,20	5,15
13												
14												
15					4,85	4,59	4,64	4,79	4,57	5,40		
16												
17												
18	4,17	4,94	4,90	4,85	4,80	4,56	4,62	4,78	4,53	5,17	5,08	5,05
19												
20												
21					4,75	4,53	4,74	4,77	4,51	5,07		
22												
23												
24	5,02	4,93	4,95	4,85	4,70	4,65	4,90	4,80	4,50	5,00	5,05	4,95
25												
26												
27					4,65	4,70	4,85	4,77	5,35	5,47		
28												
29												
30	5,00		4,97	4,83	4,60	4,75	4,84	4,73	5,25	5,45	5,28	4,90
31												
T.Bình	4,64	4,95	4,97	4,86	4,81	4,63	4,73	4,79	4,74	5,25	5,18	5,05
Max	5,02	4,98	5,05	4,90	5,04	4,75	4,90	4,83	5,35	5,47	5,28	5,20
Min	4,17	4,93	4,90	4,83	4,60	4,53	4,62	4,73	4,50	5,00	5,05	4,90
ΔH	0,85	0,05	0,15	0,07	0,44	0,22	0,28	0,10	0,85	0,47	0,23	0,30

Mực nước trung bình năm: 4,86

Mực nước lớn nhất trong năm: 5,47 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 4,17 Ngày: 18/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,30

16. Công trình: QT13a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,03	-0,22	-0,08	-0,01	-0,15	-0,66	-0,51	-0,46	-0,50	0,24	0,36	0,12
2	0,05	-0,18	-0,07	-0,01	-0,22	-0,68	-0,56	-0,42	-0,51	0,15	0,29	0,17
3	0,06	-0,13	-0,03	-0,02	-0,27	-0,70	-0,59	-0,29	-0,60	0,08	0,21	0,16
4	0,06	-0,06	0,01	-0,03	-0,32	-0,59	-0,63	-0,16	-0,69	0,02	0,14	0,12
5	0,05	-0,04	0,01	-0,06	-0,38	-0,48	-0,65	-0,17	-0,72	-0,05	0,09	0,09
6	0,04	-0,05	0,00	-0,09	-0,45	-0,48	-0,66	-0,21	-0,68	-0,07	0,04	0,06
7	0,02	-0,05	0,00	-0,11	-0,50	-0,50	-0,69	-0,24	-0,74	-0,14	0,09	0,03
8	0,00	-0,07	-0,01	-0,10	-0,18	-0,49	-0,72	-0,28	-0,67	-0,09	0,09	0,02
9	-0,02	-0,09	-0,03	-0,08	-0,08	-0,45	-0,75	-0,32	-0,67	-0,04	0,10	0,00
10	-0,02	-0,07	-0,04	-0,07	-0,07	-0,43	-0,77	-0,35	-0,69	-0,04	0,13	-0,01
11	-0,02	0,00	-0,05	-0,09	-0,06	-0,44	-0,78	-0,37	-0,71	-0,01	0,13	-0,03
12	0,01	0,02	-0,06	-0,11	0,01	-0,45	-0,81	-0,37	-0,75	0,03	0,16	-0,04
13	0,00	0,00	-0,05	-0,11	0,02	-0,49	-0,84	-0,37	-0,79	0,07	0,32	-0,04
14	-0,03	-0,02	-0,06	-0,12	-0,02	-0,52	-0,87	-0,32	-0,75	0,13	0,26	-0,03
15	-0,07	-0,01	-0,05	-0,13	-0,04	-0,55	-0,89	-0,33	-0,76	0,13	0,24	-0,02
16	-0,05	0,01	-0,08	-0,14	-0,07	-0,59	-0,90	-0,34	-0,71	0,10	0,20	-0,03
17	0,00	0,02	-0,09	-0,09	-0,15	-0,62	-0,85	-0,36	-0,39	0,07	0,15	0,01
18	0,01	0,01	-0,10	-0,04	-0,27	-0,65	-0,83	-0,38	-0,38	0,05	0,11	0,03
19	-0,01	0,00	-0,11	-0,04	-0,38	-0,67	-0,84	-0,40	-0,32	0,05	0,07	0,04
20	-0,02	-0,01	-0,07	-0,05	-0,45	-0,71	-0,73	-0,42	-0,35	0,01	0,05	0,02
21	-0,04	-0,01	-0,04	-0,06	-0,51	-0,73	-0,55	-0,43	-0,39	0,01	0,02	0,00
22	-0,06	0,02	-0,03	-0,07	-0,55	-0,77	-0,39	-0,44	-0,45	0,04	0,00	0,00
23	-0,10	0,01	-0,03	-0,08	-0,59	-0,79	-0,39	-0,41	-0,50	0,03	-0,01	0,00
24	-0,14	-0,02	-0,04	-0,10	-0,60	-0,80	-0,40	-0,41	-0,49	-0,01	-0,02	0,00
25	-0,17	-0,04	-0,05	-0,11	-0,60	-0,80	-0,41	-0,41	-0,35	0,05	-0,02	-0,02
26	-0,19	-0,04	-0,05	-0,10	-0,61	-0,72	-0,42	-0,42	-0,12	0,14	0,04	-0,02
27	-0,19	-0,04	-0,03	-0,13	-0,63	-0,66	-0,45	-0,45	0,06	0,12	0,07	-0,02
28	-0,21	-0,06	-0,02	-0,16	-0,63	-0,54	-0,45	-0,48	0,16	0,09	0,06	-0,04
29	-0,25		-0,01	-0,19	-0,63	-0,48	-0,35	-0,49	0,23	0,19	0,04	-0,05
30	-0,31		-0,01	-0,12	-0,64	-0,48	-0,37	-0,49	0,27	0,34	0,04	-0,04
31	-0,33		-0,01		-0,65		-0,43	-0,50		0,41		-0,03
T.Bình	-0,06	-0,04	-0,04	-0,09	-0,34	-0,60	-0,63	-0,37	-0,47	0,07	0,12	0,01
Max	0,12	0,10	0,08	0,06	0,11	-0,36	-0,30	-0,09	0,29	0,49	0,46	0,24
Min	-0,39	-0,29	-0,20	-0,28	-0,69	-0,87	-1,00	-0,59	-0,88	-0,23	-0,07	-0,14
ΔH	0,51	0,39	0,28	0,34	0,80	0,51	0,70	0,50	1,17	0,72	0,53	0,38

Mực nước trung bình năm: -0,20

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,49 Ngày: 31/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -1,00 Ngày: 16/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,49

17. Công trình: QT14a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,79									
2												
3					1,42	1,07	0,86	1,56	1,55	1,81		
4												
5												
6	1,74	1,71	1,73	1,71	1,33	1,01	0,83	1,66	1,61	1,71	1,86	1,96
7												
8												
9					1,41	0,95	0,80	1,65	1,51	1,79		
10												
11												
12	1,69	1,81	1,71	1,66	1,50	0,89	0,77	1,64	1,46	1,86	2,01	1,91
13												
14												
15					1,39	0,83	0,74	1,63	1,41	2,01		
16												
17												
18	1,63	1,76	1,68	1,73	1,34	0,77	0,81	1,62	1,38	1,91	1,95	1,93
19												
20												
21					1,31	0,71	0,85	1,62	1,35	1,86		
22												
23												
24	1,57	1,71	1,66	1,68	1,27	0,81	0,91	1,61	1,31	1,81	1,91	1,94
25												
26												
27					1,21	0,86	1,16	1,59	2,16	2,09		
28												
29												
30	1,56		1,64	1,51	1,14	0,91	1,36	1,57	1,91	2,06	2,01	1,91
31												
T.Bình	1,64	1,75	1,70	1,66	1,33	0,88	0,91	1,61	1,57	1,89	1,95	1,93
Max	1,74	1,81	1,79	1,73	1,50	1,07	1,36	1,66	2,16	2,09	2,01	1,96
Min	1,56	1,71	1,64	1,51	1,14	0,71	0,74	1,56	1,31	1,71	1,86	1,91
ΔH	0,18	0,10	0,15	0,22	0,36	0,36	0,62	0,10	0,85	0,38	0,15	0,05

Mực nước trung bình năm: 1,50

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,16 Ngày: 27/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,71 Ngày: 21/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,45

18. Công trình: QT15a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,45	1,21	1,17	1,03	0,97	1,03	0,93	0,92	0,94	1,94	3,03	1,78
2	1,44	1,20	1,16	1,03	0,97	1,01	0,92	0,94	0,95	2,12	2,96	1,94
3	1,43	1,20	1,14	1,02	0,97	1,01	0,91	0,94	0,95	2,23	2,85	1,95
4	1,42	1,19	1,14	1,02	0,97	1,03	0,91	0,96	0,96	2,27	2,74	1,92
5	1,40	1,19	1,13	1,01	0,97	1,03	0,90	0,97	0,96	2,26	2,63	1,87
6	1,39	1,19	1,13	1,01	0,96	1,03	0,90	0,96	0,97	2,22	2,52	1,83
7	1,38	1,20	1,12	1,01	0,96	1,03	0,90	0,97	0,98	2,22	2,45	
8	1,37	1,19	1,11	1,01	0,99	1,02	0,89	0,98	0,97	2,69	2,41	
9	1,36	1,19	1,11	1,01	1,00	1,02	0,89	0,97	0,96	2,80	2,31	
10	1,35	1,19	1,10	1,02	1,00	1,02	0,89	0,95	0,96	2,75	2,21	
11	1,34	1,19	1,09	1,02	1,03	1,03	0,89	0,95	0,96	2,66	2,11	
12	1,34	1,18	1,08	1,01	1,09	1,03	0,88	0,94	0,95	2,58	2,03	
13	1,33	1,18	1,07	1,01	1,16	1,02	0,87	0,95	0,94	2,54	2,25	
14	1,32	1,17	1,07	1,01	1,18	1,01	0,86	0,94	0,94	2,64	2,46	
15	1,30	1,17	1,07	1,00	1,19	1,00	0,86	0,94	0,94	2,81	2,45	2,34
16	1,29	1,18	1,07	1,00	1,20	1,00	0,86	0,93	0,95	2,75	2,40	
17	1,28	1,18	1,06	1,00	1,19	0,99	0,86	0,93	0,97	2,64	2,34	
18	1,27	1,18	1,06	0,99	1,17	0,98	0,86	0,93	0,99	2,56	2,26	2,54
19	1,27	1,18	1,05	0,99	1,16	0,97	0,87	0,93	1,03	2,47	2,18	
20	1,26	1,18	1,05	0,98	1,15	0,96	0,87	0,93	1,04	2,38	2,10	
21	1,26	1,17	1,04	0,98	1,14	0,95	0,88	0,93	1,05	2,30	2,03	
22	1,26	1,17	1,04	0,98	1,12	0,94	0,90	0,94	1,06	2,23	1,96	
23	1,25	1,18	1,03	0,98	1,11	0,93	0,91	0,94	1,06	2,17	1,89	
24	1,24	1,19	1,03	0,98	1,10	0,94	0,92	0,95	1,06	2,13	1,84	2,74
25	1,25	1,17	1,02	0,98	1,09	0,94	0,92	0,96	1,09	2,21	1,78	
26	1,24	1,17	1,01	0,97	1,08	0,95	0,92	0,95	1,15	2,45	1,76	
27	1,24	1,17	1,02	0,97	1,07	0,94	0,92	0,95	1,29	2,45	1,78	
28	1,23	1,18	1,02	0,97	1,07	0,94	0,92	0,94	1,39	2,36	1,74	
29	1,22		1,02	0,97	1,06	0,94	0,93	0,94	1,52	2,56	1,70	
30	1,22		1,03	0,98	1,05	0,93	0,93	0,95	1,70	2,90	1,66	2,04
31	1,21		1,03		1,04		0,93	0,95		3,03		
T.Bình	1,31	1,18	1,07	1,00	1,07	0,99	0,90	0,95	1,06	2,46	2,23	1,92
Max	1,46	1,21	1,18	1,04	1,20	1,04	0,94	0,98	1,81	3,05	3,05	2,74
Min	1,21	1,16	1,01	0,96	0,95	0,92	0,85	0,92	0,93	1,83	1,64	1,65
ΔH	0,25	0,05	0,17	0,08	0,25	0,12	0,09	0,06	0,88	1,22	1,41	1,09

Mực nước trung bình năm: 1,30

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,05 Ngày: 31/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,85 Ngày: 14/07/2023

Biên độ dao động năm: 2,20

19. Công trình: QT16a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,77									
2												
3					1,47	1,39	1,12	0,81	0,68	1,59		
4												
5												
6	1,84	1,69	1,64	1,89	1,59	1,32	0,99	0,79	0,66	1,74	2,44	2,34
7												
8												
9					1,71	1,25	0,89	0,81	0,69	1,89		
10												
11												
12	1,79	1,89	2,59	1,79	1,87	1,18	0,79	0,79	0,72	2,14	2,65	2,19
13												
14												
15					1,74	1,11	0,69	0,78	0,75	2,39		
16												
17												
18	1,73	1,79	2,56	1,69	1,69	1,04	0,74	0,77	0,78	2,21	2,29	2,04
19												
20												
21					1,64	0,97	0,81	0,76	0,73	2,17		
22												
23												
24	1,66	1,69	1,64	1,59	1,59	1,07	0,89	0,74	0,69	2,14	2,14	1,89
25												
26												
27					1,52	1,19	0,86	0,72	1,04	2,68		
28												
29												
30	1,64		1,58	1,51	1,46	1,29	0,83	0,70	1,44	2,64	2,41	1,79
31												
T.Bình	1,73	1,77	1,96	1,69	1,63	1,18	0,86	0,77	0,82	2,16	2,39	2,05
Max	1,84	1,89	2,59	1,89	1,87	1,39	1,12	0,81	1,44	2,68	2,65	2,34
Min	1,64	1,69	1,58	1,51	1,46	0,97	0,69	0,70	0,66	1,59	2,14	1,79
ΔH	0,20	0,20	1,01	0,38	0,41	0,42	0,43	0,11	0,78	1,09	0,51	0,55

Mực nước trung bình năm: 1,47

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,68 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,66 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 2,02

20. Công trình: QT1a-CC

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			11,77									
2												
3					10,33	10,57	11,37	10,75	12,13	14,82		
4												
5												
6	12,77	11,97	11,97	11,22	10,11	11,41	11,22	11,53	12,01	14,67	14,87	11,55
7												
8												
9					10,04	10,87	11,07	11,69	12,27	14,57		
10												
11												
12	12,37	12,07	11,72	11,67	9,97	10,67	10,92	11,85	12,57	14,72	15,17	11,50
13												
14												
15					9,90	10,52	10,77	12,01	12,67	14,77		
16												
17												
18	11,97	11,38	11,57	11,55	10,32	10,37	10,97	12,17	12,77	14,82	13,07	11,38
19												
20												
21					10,68	10,22	11,27	12,33	12,87	14,87		
22												
23												
24	11,57	11,57	11,37	11,34	11,12	11,27	11,47	12,52	12,77	14,97	11,87	11,27
25												
26												
27					10,95	11,41	11,11	12,37	15,37	15,27		
28												
29												
30	11,77		11,32	10,69	10,76	11,57	10,94	12,25	14,97	15,22	11,67	10,87
31												
T.Bình	12,09	11,75	11,62	11,30	10,42	10,89	11,11	11,95	13,04	14,87	13,33	11,32
Max	12,77	12,07	11,97	11,67	11,12	11,57	11,47	12,52	15,37	15,27	15,17	11,55
Min	11,57	11,38	11,32	10,69	9,90	10,22	10,77	10,75	12,01	14,57	11,67	10,87
ΔH	1,20	0,69	0,65	0,98	1,22	1,35	0,70	1,77	3,36	0,70	3,50	0,68

Mực nước trung bình năm: 12,00

Mực nước lớn nhất trong năm: 15,37 Ngày: 27/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 9,90 Ngày: 15/05/2023

Biên độ dao động năm: 5,47

21. Công trình: QT1a-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			43,84									
2												
3					43,34	42,99	45,09	46,55	45,88	46,03		
4												
5												
6	44,72	43,00	43,93	43,69	43,20	45,11	45,04	46,34	45,85	45,91	45,54	44,54
7												
8												
9					43,43	44,74	44,99	46,26	45,82	45,82		
10												
11												
12	44,61	42,89	43,82	43,63	43,72	44,34	44,94	46,21	45,79	45,71	45,09	44,33
13												
14												
15					43,63	44,14	44,89	46,16	46,09	45,63		
16												
17												
18	44,39	42,78	43,75	43,78	43,55	43,94	45,04	46,11	45,99	45,50	44,74	44,52
19												
20												
21					43,47	43,74	45,09	46,06	45,94	45,42		
22												
23												
24	44,09	43,20	43,69	43,67	43,38	45,06	45,14	45,98	45,88	45,32	44,49	44,75
25												
26												
27					43,24	45,18	45,64	45,94	46,43	46,49		
28												
29												
30	43,13		43,74	43,48	43,11	45,14	46,24	45,91	46,12	46,34	44,69	44,64
31												
T.Bình	44,19	42,97	43,80	43,65	43,41	44,44	45,21	46,16	45,98	45,82	44,91	44,56
Max	44,72	43,20	43,93	43,78	43,72	45,18	46,24	46,55	46,43	46,49	45,54	44,75
Min	43,13	42,78	43,69	43,48	43,11	42,99	44,89	45,91	45,79	45,32	44,49	44,33
ΔH	1,59	0,42	0,24	0,30	0,61	2,19	1,35	0,64	0,64	1,17	1,05	0,42

Mực nước trung bình năm: 44,80

Mực nước lớn nhất trong năm: 46,55 Ngày: 03/08/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 42,78 Ngày: 18/02/2023

Biên độ dao động năm: 3,77

22. Công trình: QT2-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			64,21									
2												
3					63,83	64,16	64,78	65,34	66,47	66,80		
4												
5												
6	66,46	64,91	64,41	64,18	63,74	64,92	64,74	65,81	66,35	66,68	66,70	66,61
7												
8												
9					64,29	64,61	64,70	66,00	66,23	66,64		
10												
11												
12	65,91	64,73	64,36	64,06	64,56	64,51	64,66	66,19	66,11	66,58	66,39	66,21
13												
14												
15					64,47	64,46	64,62	66,40	66,56	66,52		
16												
17												
18	65,36	64,58	64,24	64,16	64,41	64,41	64,96	66,58	66,51	66,46	66,21	66,36
19												
20												
21					64,35	64,36	65,16	66,66	66,47	66,39		
22												
23												
24	64,73	64,38	64,15	64,09	64,31	64,84	65,39	66,79	66,44	66,34	66,43	66,43
25												
26												
27					64,26	64,91	65,36	66,71	67,41	67,56		
28												
29												
30	64,71		64,23	63,92	64,21	64,83	65,35	66,59	66,99	67,41	67,11	66,36
31												
T.Bình	65,43	64,65	64,27	64,08	64,24	64,60	64,97	66,31	66,55	66,74	66,57	66,39
Max	66,46	64,91	64,41	64,18	64,56	64,92	65,39	66,79	67,41	67,56	67,11	66,61
Min	64,71	64,38	64,15	63,92	63,74	64,16	64,62	65,34	66,11	66,34	66,21	66,21
ΔH	1,75	0,53	0,26	0,26	0,82	0,76	0,77	1,45	1,30	1,22	0,90	0,40

Mực nước trung bình năm: 65,45

Mực nước lớn nhất trong năm: 67,56 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 63,74 Ngày: 06/05/2023

Biên độ dao động năm: 3,82

23. Công trình: QT5a-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	81,35	81,36	81,23	81,31	81,24	81,48	81,49	81,57	81,43	82,24		
2	81,41	81,38	81,24	81,31	81,23	81,47	81,46	81,84	81,40	82,03		
3	81,45	81,40	81,26	81,30	81,22	81,46	81,43	81,74	81,41	81,91		
4	81,45	81,42	81,28	81,28	81,22	81,52	81,41	81,71	81,41	81,83		
5	81,44	81,44	81,30	81,27	81,22	81,53	81,39	81,77	81,39	81,78		
6	81,44	81,45	81,30	81,26	81,21	81,56	81,38	81,71	81,40	81,73	81,72	81,64
7	81,43	81,45	81,30	81,26	81,19	81,52	81,37	81,65	81,40	81,78		
8	81,42	81,44	81,29	81,26	81,33	81,48	81,36	81,62	81,38	81,85		
9	81,40	81,44	81,28	81,27	81,41	81,48	81,36	81,59	81,38	81,74		
10	81,42	81,50	81,27	81,27	81,40	81,47	81,41	81,55	81,41	81,67		
11	81,46	81,48	81,27	81,27	81,72	81,45	81,40	81,51	81,38	81,62		
12	81,45	81,43	81,28	81,27	81,78	81,46	81,42	81,48	81,37	81,59	81,54	81,24
13	81,44	81,39	81,29	81,29	81,71	81,44	81,40	81,50	81,48	81,56		
14	81,43	81,37	81,30	81,29	81,63	81,43	81,38	81,67	81,57	81,53		
15	81,41	81,36	81,29	81,30	81,58	81,42	81,37	81,68	81,52	81,50		
16	81,40	81,35	81,29	81,32	81,53	81,40	81,43	81,71	81,82	81,45		
17	81,39	81,34	81,30	81,33	81,48	81,40	81,41	81,61	82,11	81,40		
18	81,38	81,34	81,30	81,32	81,45	81,44	81,40	81,55	81,90	81,37	81,29	81,32
19	81,37	81,35	81,30	81,29	81,41	81,46	81,57	81,51	81,76	81,35		
20	81,36	81,34	81,31	81,27	81,38	81,45	81,59	81,51	81,69	81,32		
21	81,37	81,34	81,30	81,26	81,36	81,43	81,58	81,52	81,61	81,31		
22	81,37	81,34	81,29	81,24	81,34	81,42	81,58	81,56	81,55	81,30		
23	81,37	81,33	81,28	81,24	81,32	81,42	81,53	81,61	81,49	81,30		
24	81,37	81,32	81,27	81,26	81,34	81,45	81,49	81,95	81,44	81,31	81,77	81,35
25	81,38	81,30	81,27	81,28	81,41	81,50	81,45	81,80	81,41			
26	81,37	81,27	81,28	81,28	81,53	81,67	81,42	81,70	81,70			
27	81,38	81,25	81,30	81,28	81,63	81,63	81,44	81,63	82,56	82,12		
28	81,37	81,24	81,33	81,25	81,58	81,63	81,46	81,57	82,21			
29	81,36		81,34	81,24	81,54	81,58	81,48	81,54	82,23			
30	81,36		81,33	81,25	81,52	81,52	81,56	81,50	82,22	82,14	82,09	81,29
31	81,36		81,32		81,50		81,57	81,47				
T.Bình	81,40	81,37	81,29	81,28	81,43	81,49	81,45	81,62	81,63	81,61	81,68	81,37
Max	81,47	81,51	81,35	81,34	81,82	81,69	81,61	82,06	83,18	82,40	82,09	81,64
Min	81,33	81,24	81,23	81,22	81,18	81,39	81,35	81,45	81,36	81,29	81,29	81,24
ΔH	0,14	0,27	0,12	0,12	0,64	0,30	0,26	0,61	1,82	1,11	0,80	0,40

Mực nước trung bình năm: 81,45
Mực nước lớn nhất trong năm: 83,18 Ngày: 27/09/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 81,18 Ngày: 07/05/2023
Biên độ dao động năm: 2,00

24. Công trình: QT2-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,15	1,09	0,86	0,68	0,77	0,62	0,67	0,74	0,56	1,52	1,58	1,76
2	1,14	1,09	0,85	0,65	0,71	0,55	0,63	0,85	0,55	1,46	1,54	1,75
3	1,13	1,08	0,87	0,67	0,65	0,49	0,59	1,02	0,52	1,42	1,53	1,66
4	1,13	1,06	0,87	0,71	0,62	0,47	0,56	1,07	0,47	1,38	1,51	1,63
5	1,13	1,04	0,86	0,73	0,55	0,60	0,56	1,06	0,46	1,35	1,52	1,64
6	1,16	1,01	0,84	0,73	0,49	0,60	0,55	1,04	0,44	1,29	1,55	1,62
7	1,16	1,02	0,84	0,72	0,47	0,69	0,54	1,00	0,42	1,28	1,63	1,62
8	1,13	1,00	0,83	0,71	0,68	0,71	0,52	0,97	0,42	1,60	1,65	1,59
9	1,11	0,96	0,84	0,68	0,75	0,71	0,51	0,94	0,42	1,58	1,63	1,58
10	1,12	0,95	0,83	0,66	0,74	0,69	0,54	0,91	0,52	1,58	1,59	1,55
11	1,14	1,00	0,81	0,65	0,68	0,65	0,54	0,87	0,51	1,57	1,56	1,53
12	1,28	0,97	0,79	0,64	1,03	0,60	0,51	0,87	0,50	1,56	1,56	1,51
13	1,28	0,93	0,77	0,63	1,27	0,56	0,51	0,86	0,46	1,58	1,78	1,48
14	1,24	0,90	0,78	0,62	1,24	0,50	0,50	0,86	0,45	1,65	1,72	1,45
15	1,19	0,90	0,75	0,62	1,21	0,49	0,49	0,87	0,47	1,60	1,64	1,45
16	1,22	0,89	0,77	0,63	1,17	0,43	0,48	0,85	0,52	1,52	1,62	1,41
17	1,23	0,88	0,79	0,63	1,12	0,41	0,61	0,85	0,94	1,48	1,61	1,45
18	1,27	0,86	0,79	0,62	1,06	0,35	0,63	0,84	0,94	1,45	1,57	1,49
19	1,24	0,83	0,76	0,59	0,99	0,36	0,61	0,82	0,97	1,43	1,53	1,52
20	1,22	0,83	0,76	0,60	0,90	0,40	0,68	0,80	0,99	1,40	1,51	1,55
21	1,21	0,83	0,78	0,59	0,85	0,43	0,84	0,85	0,95	1,35	1,49	1,51
22	1,23	0,82	0,78	0,57	0,76	0,44	1,06	0,86	0,91	1,30	1,47	1,50
23	1,22	0,82	0,77	0,55	0,68	0,42	1,03	0,83	0,88	1,39	1,46	1,47
24	1,21	0,89	0,77	0,56	0,69	0,47	1,01	0,77	0,84	1,49	1,42	1,46
25	1,19	0,88	0,76	0,59	0,73	0,56	0,97	0,70	1,11	1,50	1,40	1,44
26	1,17	0,87	0,74	0,71	0,67	0,71	0,93	0,67	1,44	1,52	1,51	1,41
27	1,15	0,85	0,74	0,73	0,66	0,72	0,89	0,62	1,55	1,61	1,62	1,41
28	1,14	0,85	0,81	0,67	0,78	0,74	0,83	0,58	1,50	1,57	1,60	1,40
29	1,12		0,78	0,66	0,77	0,73	0,79	0,57	1,54	1,53	1,57	1,40
30	1,10		0,75	0,78	0,71	0,70	0,76	0,58	1,57	1,54	1,56	1,40
31	1,11		0,72		0,65		0,74	0,58		1,64		1,41
T.Bình	1,18	0,93	0,80	0,65	0,81	0,56	0,68	0,83	0,79	1,49	1,56	1,52
Max	1,30	1,10	0,87	0,81	1,29	0,75	1,07	1,08	1,59	1,70	1,89	1,80
Min	1,06	0,74	0,65	0,45	0,36	0,30	0,47	0,54	0,36	1,22	1,38	1,35
ΔH	0,24	0,36	0,22	0,36	0,93	0,45	0,60	0,54	1,23	0,48	0,51	0,45

Mực nước trung bình năm: 0,99

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,89 Ngày: 13/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,30 Ngày: 18/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,59

25. Công trình: QT3-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,30	1,49	1,40	1,38	1,32	0,99	1,26	1,22	1,27	1,56	1,80	1,74
2	1,29	1,52	1,38	1,40	1,31	0,98	1,24	1,24	1,25	1,65	1,73	1,78
3	1,30	1,55	1,38	1,40	1,30	0,97	1,24	1,30	1,23	1,69	1,69	1,73
4	1,30	1,52	1,36	1,41	1,27	1,03	1,25	1,32	1,19	1,60	1,66	1,71
5	1,31	1,47	1,36	1,42	1,18	1,06	1,24	1,35	1,18	1,54	1,57	1,70
6	1,32	1,47	1,37	1,39	1,18	1,06	1,23	1,38	1,18	1,54	1,68	1,64
7	1,34	1,47	1,35	1,38	1,17	1,10	1,22	1,38	1,18	1,52	1,71	1,63
8	1,35	1,48	1,33	1,33	1,18	1,14	1,20	1,39	1,19	1,69	1,77	1,63
9	1,38	1,47	1,34	1,31	1,17	1,15	1,17	1,40	1,19	1,72	1,74	1,64
10	1,41	1,46	1,34	1,30	1,16	1,15	1,16	1,36	1,18	1,64	1,72	1,64
11	1,44	1,45	1,34	1,28	1,15	1,16	1,24	1,35	1,17	1,62	1,71	1,65
12	1,46	1,45	1,37	1,29	1,21	1,16	1,26	1,32	1,17	1,57	1,70	1,65
13	1,46	1,44	1,39	1,29	1,24	1,14	1,21	1,32	1,15	1,59	1,87	1,63
14	1,46	1,45	1,43	1,29	1,23	1,09	1,18	1,30	1,13	1,69	1,90	1,61
15	1,45	1,47	1,45	1,29	1,22	1,12	1,18	1,29	1,12	1,75	1,79	1,63
16	1,45	1,46	1,47	1,29	1,22	1,18	1,25	1,28	1,12	1,66	1,73	1,63
17	1,45	1,45	1,47	1,29	1,22	1,20	1,27	1,29	1,16	1,60	1,68	1,58
18	1,45	1,42	1,46	1,30	1,21	1,23	1,31	1,29	1,18	1,57	1,67	1,57
19	1,45	1,41	1,43	1,39	1,20	1,25	1,31	1,26	1,22	1,56	1,65	1,59
20	1,45	1,44	1,40	1,40	1,19	1,23	1,30	1,25	1,27	1,54	1,65	1,58
21	1,44	1,43	1,38	1,42	1,17	1,25	1,30	1,31	1,28	1,51	1,64	1,56
22	1,44	1,44	1,36	1,44	1,16	1,25	1,31	1,36	1,28	1,48	1,64	1,59
23	1,44	1,45	1,35	1,42	1,13	1,26	1,28	1,40	1,28	1,47	1,64	1,58
24	1,43	1,47	1,35	1,38	1,13	1,28	1,27	1,40	1,28	1,50	1,60	1,57
25	1,44	1,46	1,35	1,35	1,13	1,35	1,27	1,41	1,33	1,51	1,59	1,56
26	1,39	1,45	1,34	1,34	1,12	1,36	1,27	1,41	1,41	1,62	1,60	1,55
27	1,39	1,43	1,34	1,35	1,09	1,36	1,27	1,40	1,59	1,77	1,61	1,53
28	1,41	1,41	1,34	1,35	1,00	1,34	1,25	1,38	1,57	1,77	1,62	1,55
29	1,43		1,33	1,35	1,00	1,32	1,23	1,35	1,55	1,65	1,62	1,62
30	1,41		1,32	1,35	0,99	1,29	1,23	1,33	1,57	1,62	1,60	1,64
31	1,47		1,36		1,00		1,23	1,29		1,76		1,64
T.Bình	1,40	1,46	1,38	1,35	1,17	1,18	1,25	1,33	1,26	1,61	1,69	1,62
Max	1,49	1,56	1,48	1,44	1,33	1,38	1,33	1,47	1,62	1,83	1,97	1,80
Min	1,28	1,39	1,31	1,28	0,98	0,97	1,15	1,22	1,11	1,46	1,11	1,49
ΔH	0,21	0,17	0,17	0,16	0,35	0,41	0,18	0,25	0,51	0,37	0,86	0,31

Mực nước trung bình năm: 1,39

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,97 Ngày: 13/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,97 Ngày: 02/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,00

26. Công trình: QT4-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			4,73									
2												
3									4,20	4,89	5,72	5,68
4												
5												
6	4,90	4,88	4,68	4,75	4,55	4,54	4,39	4,38	4,18	4,91	5,79	5,59
7												
8												
9									4,14	4,87	5,77	5,53
10												
11												
12	4,85	4,85	4,75	4,78	4,65	4,56	4,31	4,37	4,13	4,90	5,76	5,50
13												
14												
15									4,09	5,34	5,91	5,44
16												
17												
18	4,83	4,81	4,78	4,74	4,69	4,51	4,29	4,34	4,08	5,51	5,88	5,27
19												
20												
21									4,23	5,53	5,84	5,20
22												
23												
24	4,76	4,77	4,74	4,71	4,63	4,49	4,44	4,27	4,22	5,50	5,82	5,16
25												
26												
27									4,37	5,54	5,49	5,23
28												
29												
30	4,80		4,72	4,61	4,58	4,46	4,40	4,26	4,73	5,58	5,43	5,25
31												
T.Bình	4,83	4,83	4,73	4,72	4,62	4,51	4,37	4,32	4,24	5,26	5,74	5,39
Max	4,90	4,88	4,78	4,78	4,69	4,56	4,44	4,38	4,73	5,58	5,91	5,68
Min	4,76	4,77	4,68	4,61	4,55	4,46	4,29	4,26	4,08	4,87	5,43	5,16
ΔH	0,14	0,11	0,10	0,17	0,14	0,10	0,15	0,12	0,65	0,71	0,48	0,52

Mực nước trung bình năm: 4,88

Mực nước lớn nhất trong năm: 5,91 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 4,08 Ngày: 18/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,83

27. Công trình: QT5-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,56	1,86	1,61	1,79	1,98	1,70	1,29	1,55	0,86	2,12	2,58	2,92
2	1,54	1,83	1,59	1,75	1,97	1,68	1,23	1,56	0,85	2,07	2,50	2,86
3	1,65	1,82	1,59	1,74	1,96	1,67	1,18	1,70	0,84	2,01	2,47	2,71
4	1,97	1,81	1,60	1,77	1,94	1,64	1,13	1,78	0,82	1,98	2,41	2,66
5	2,03	1,81	1,61	1,79	1,92	1,60	1,09	1,78	0,83	1,94	2,35	2,62
6	2,10	1,80	1,63	1,79	1,88	1,61	1,05	1,76	0,81	1,90	2,41	2,61
7	2,13	1,79	1,63	1,78	1,83	1,68	1,01	1,72	0,80	1,95	2,50	2,65
8	2,11	1,77	1,62	1,76	2,08	1,74	0,98	1,68	0,79	2,81	2,62	2,58
9	2,10	1,75	1,61	1,75	2,16	1,79	0,94	1,65	0,78	2,50	2,56	2,55
10	2,12	1,73	1,62	1,73	2,14	1,81	0,92	1,61	0,76	2,60	2,50	2,51
11	2,14	1,71	1,63	1,73	2,12	1,94	0,90	1,57	0,74	2,52	2,45	2,47
12	2,24	1,71	1,63	1,71	2,19	1,95	0,87	1,53	0,75	2,68	2,41	2,44
13	2,25	1,71	1,64	1,69	2,30	1,92	0,87	1,49	0,72	2,74	2,78	2,39
14	2,24	1,69	1,67	1,66	2,27	1,87	0,85	1,45	0,72	2,77	2,72	2,37
15	2,19	1,65	1,68	1,64	2,23	1,82	0,87	1,40	0,78	2,59	2,61	2,35
16	2,14	1,63	1,68	1,63	2,20	1,77	0,99	1,34	0,84	2,46	2,77	2,30
17	2,11	1,62	1,69	1,65	2,15	1,71	1,16	1,32	1,07	2,40	2,67	2,29
18	2,09	1,60	1,72	1,66	2,11	1,65	1,31	1,29	1,18	2,35	2,58	2,42
19	2,07	1,58	1,76	1,65	2,07	1,60	1,33	1,23	1,24	2,32	2,52	2,48
20	2,03	1,57	1,79	1,66	2,02	1,56	1,46	1,16	1,25	2,28	2,47	2,63
21	2,01	1,55	1,79	1,66	1,98	1,51	1,79	1,14	1,18	2,23	2,44	2,59
22	2,03	1,56	1,79	1,67	1,94	1,50	1,91	1,13	1,09	2,19	2,40	2,59
23	2,03	1,57	1,78	1,70	1,89	1,46	1,86	1,09	1,01	2,25	2,40	2,52
24	2,02	1,59	1,77	1,71	1,88	1,43	1,82	1,04	0,95	2,47	2,44	2,46
25	2,01	1,56	1,77	1,72	1,87	1,39	1,79	0,99	1,07	2,64	2,53	2,43
26	1,98	1,58	1,77	1,74	1,86	1,37	1,76	0,96	2,09	2,68	2,58	2,40
27	1,95	1,60	1,75	1,77	1,84	1,36	1,73	0,92	2,23	2,70	2,63	2,39
28	1,94	1,61	1,84	1,76	1,82	1,39	1,69	0,88	2,13	2,47	2,56	2,37
29	1,93		1,87	1,74	1,78	1,39	1,66	0,86	2,21	2,47	2,50	2,35
30	1,91		1,84	1,93	1,73	1,35	1,62	0,86	2,16	2,80	2,48	2,34
31	1,88		1,82		1,71		1,58	0,87		2,76		2,34
T.Bình	2,02	1,68	1,70	1,72	2,00	1,63	1,31	1,33	1,12	2,41	2,53	2,50
Max	2,27	1,87	1,88	1,97	2,32	1,96	2,64	1,80	2,99	3,09	2,98	3,15
Min	1,53	1,53	1,58	1,62	1,70	1,30	0,81	0,84	0,70	1,83	1,98	2,23
ΔH	0,74	0,34	0,30	0,35	0,62	0,66	1,83	0,96	2,29	1,26	1,00	0,92

Mực nước trung bình năm: 1,83

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,15 Ngày: 01/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,70 Ngày: 14/09/2023

Biên độ dao động năm: 2,45

28. Công trình: QT7-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,47	1,61	1,36	0,93	0,83	0,78	0,43	0,81	0,53	1,60	1,93	2,25
2	1,47	1,59	1,33	0,91	0,78	0,74	0,43	0,88	0,50	1,57	1,90	2,28
3	1,55	1,58	1,33	0,92	0,74	0,73	0,40	1,05	0,49	1,55	1,90	2,23
4	1,75	1,58	1,31	0,91	0,70	0,69	0,38	1,09	0,49	1,51	1,89	2,19
5	1,74	1,58	1,30	0,91	0,68	0,64	0,36	1,08	0,50	1,50	1,93	2,19
6	1,75	1,60	1,29	0,91	0,63	0,74	0,36	1,05	0,49	1,48	1,97	2,17
7	1,71	1,62	1,27	0,90	0,61	0,88	0,34	1,04	0,50	1,45	1,98	2,14
8	1,69	1,59	1,26	0,90	0,89	0,88	0,32	1,01	0,50	1,62	1,99	2,12
9	1,67	1,56	1,26	0,89	1,03	0,87	0,32	0,98	0,48	1,71	1,98	2,12
10	1,67	1,54	1,23	0,88	1,03	0,83	0,35	0,94	0,45	1,83	1,97	2,12
11	1,69	1,53	1,19	0,87	1,09	0,80	0,31	0,90	0,46	1,91	1,94	2,12
12	1,70	1,53	1,20	0,85	1,17	0,76	0,29	0,87	0,45	1,95	1,93	2,11
13	1,67	1,51	1,20	0,82	1,23	0,70	0,26	0,82	0,43	2,03	2,11	2,11
14	1,64	1,50	1,18	0,82	1,21	0,67	0,25	0,82	0,42	2,07	2,09	2,08
15	1,63	1,49	1,16	0,85	1,18	0,67	0,24	0,78	0,43	2,04	2,04	2,09
16	1,69	1,52	1,14	0,83	1,14	0,60	0,29	0,75	0,44	2,00	2,05	2,08
17	1,69	1,51	1,12	0,87	1,08	0,56	0,35	0,75	0,44	1,98	2,03	2,08
18	1,66	1,50	1,09	0,86	0,99	0,55	0,37	0,73	0,46	1,98	2,01	2,08
19	1,66	1,49	1,06	0,84	0,95	0,53	0,37	0,70	0,50	1,96	1,99	2,10
20	1,66	1,46	1,05	0,84	0,90	0,49	0,35	0,68	0,53	1,91	1,98	2,10
21	1,64	1,44	1,04	0,83	0,85	0,47	0,58	0,68	0,52	1,90	1,98	2,08
22	1,62	1,43	1,01	0,82	0,82	0,47	0,93	0,68	0,51	1,87	1,97	2,07
23	1,62	1,44	1,00	0,81	0,79	0,44	0,98	0,69	0,49	1,97	1,98	2,03
24	1,65	1,47	0,99	0,78	0,80	0,50	0,99	0,64	0,48	2,00	2,05	2,01
25	1,66	1,47	0,98	0,77	0,90	0,54	0,97	0,63	0,55	1,96	2,09	2,00
26	1,67	1,42	0,97	0,86	0,89	0,54	0,95	0,61	0,78	1,94	2,13	1,99
27	1,65	1,38	0,95	0,85	0,84	0,51	0,92	0,56	1,25	1,90	2,14	2,00
28	1,64	1,38	1,00	0,80	0,82	0,51	0,88	0,54	1,37	1,88	2,11	2,00
29	1,63		0,98	0,78	0,89	0,50	0,90	0,52	1,57	1,87	2,11	2,00
30	1,63		0,95	0,85	0,87	0,50	0,85	0,54	1,60	1,90	2,13	2,00
31	1,61		0,95		0,82		0,81	0,54		1,98		2,00
T.Bình	1,65	1,51	1,13	0,86	0,91	0,64	0,53	0,79	0,62	1,83	2,01	2,10
Max	1,80	1,66	1,40	0,97	1,27	0,94	1,03	1,14	1,63	2,13	2,20	2,31
Min	1,43	1,35	0,91	0,72	0,56	0,39	0,16	0,47	0,37	1,39	1,83	1,96
ΔH	0,37	0,31	0,49	0,25	0,71	0,55	0,87	0,67	1,26	0,74	0,37	0,35

Mực nước trung bình năm: 1,21

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,31 Ngày: 02/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,16 Ngày: 14/07/2023

Biên độ dao động năm: 2,15

29. Công trình: QT1a-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,64									
2												
3									0,38	2,15	2,05	2,16
4												
5												
6	1,42	0,95	0,60	0,63	0,67	0,57	0,50	0,70	0,43	2,07	2,01	2,08
7												
8												
9									0,37	2,13	1,94	2,14
10												
11												
12	1,35	0,82	0,67	0,60	0,75	0,63	0,43	0,54	1,19	1,94	2,06	2,28
13												
14												
15									1,74	2,03	2,21	2,40
16												
17												
18	1,28	0,75	0,63	0,58	0,70	0,60	0,42	0,39	2,66	1,86	2,23	2,29
19												
20												
21									2,71	1,65	2,09	2,44
22												
23												
24	1,21	0,67	0,59	0,55	0,66	0,58	0,51	0,46	2,57	1,48	1,96	2,35
25												
26												
27									2,64	1,59	2,09	2,57
28												
29												
30	1,06		0,57	0,72	0,61	0,55	0,57	0,40	2,60	1,66	1,94	2,50
31												
T.Bình	1,26	0,80	0,62	0,62	0,68	0,59	0,49	0,50	1,73	1,86	2,06	2,32
Max	1,42	0,95	0,67	0,72	0,75	0,63	0,57	0,70	2,71	2,15	2,23	2,57
Min	1,06	0,67	0,57	0,55	0,61	0,55	0,42	0,39	0,37	1,48	1,94	2,08
ΔH	0,36	0,28	0,10	0,17	0,14	0,08	0,15	0,31	2,34	0,67	0,29	0,49

Mực nước trung bình năm: 1,34

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,71 Ngày: 21/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,37 Ngày: 09/09/2023

Biên độ dao động năm: 2,34

30. Công trình: QT2a-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	10,44	10,67	10,42	9,66	10,19	9,51	9,28	8,66	8,25	11,60	11,63	11,61
2	10,47	10,77	10,48	9,71	10,15	9,62	9,22	8,90	8,11	11,50	11,58	11,72
3	10,44	10,81	10,38	9,76	10,00	9,59	9,19	9,12	7,93	11,32	11,59	11,70
4	10,33	10,98	10,40	9,66	9,81	9,53	9,12	9,27	7,83	10,91	11,40	11,68
5	10,31	10,89	10,46	9,80	9,69	9,49	9,12	9,27	7,94	10,74	11,36	11,65
6	10,32	10,79	10,36	9,83	9,68	9,57	9,05	9,21	8,09	10,77	11,28	11,59
7	10,37	10,67	10,44	9,75	9,64	10,24	9,05	8,92	7,89	10,65	11,10	11,56
8	10,43	10,61	10,45	9,73	9,75	10,30	9,00	8,66	7,82	11,59	10,96	11,40
9	10,31	10,55	10,35	9,75	9,72	10,30	8,95	8,74	7,91	11,46	10,91	11,23
10	10,27	10,57	10,45	9,73	9,66	10,30	8,94	8,78	8,30	11,35	10,84	11,18
11	10,20	10,59	10,42	9,81	9,82	10,25	8,88	8,57	8,31	11,21	10,86	11,02
12	10,33	10,59	10,37	9,67	11,03	10,19	8,84	8,53	8,29	10,96	11,01	10,97
13	10,48	10,59	10,46	9,78	11,16	10,11	8,76	8,52	8,36	11,02	11,75	10,82
14	10,57	10,59	10,38	9,76	10,91	10,04	8,75	8,37	8,88	11,58	11,76	10,72
15	10,56	10,58	10,40	9,73	10,72	9,98	8,71	8,45	8,90	11,63	11,71	10,66
16	10,55	10,57	10,46	9,69	10,60	9,93	8,94	8,36	9,23	11,49	11,69	10,59
17	10,55	10,57	10,36	9,68	10,25	9,85	8,91	8,18	9,90	11,45	11,67	10,88
18	10,60	10,59	10,44	9,74	10,33	9,78	8,83	7,96	9,90	11,36	11,58	11,01
19	10,52	10,67	10,45	9,87	10,09	9,73	8,81	7,95	10,17	11,09	11,38	10,88
20	10,52	10,84	10,35	9,90	10,05	9,69	8,85	8,12	9,97	10,75	11,09	10,81
21	10,43	10,83	10,45	9,76	10,22	9,62	8,92	8,26	9,90	10,65	11,06	10,79
22	10,43	10,73	10,42	9,63	10,11	9,56	8,95	8,51	9,73	10,76	10,87	10,87
23	10,50	10,37	10,37	9,60	9,82	9,48	8,84	8,24	9,51	10,64	10,87	10,89
24	10,54	10,48	10,15	9,46	9,89	9,47	8,79	8,08	9,68	10,45	11,10	10,96
25	10,60	10,48	9,93	9,48	10,08	9,43	8,74	7,96	10,19	10,43	11,25	10,90
26	10,65	10,59	9,92	9,39	10,06	9,45	8,71	7,92	10,93	11,01	11,32	10,69
27	10,60	10,56	9,88	9,29	10,02	9,49	8,59	7,88	11,51	11,16	11,58	10,77
28	10,58	10,34	9,81	9,30	9,87	9,46	8,65	7,84	11,70	11,19	11,51	10,80
29	10,51		9,96	9,61	9,68	9,42	8,90	8,20	11,72	11,13	11,35	10,71
30	10,76		9,93	10,21	9,56	9,36	8,86	8,28	11,70	11,18	11,22	10,77
31	10,75		9,72		9,55		8,77	8,25		11,57		10,84
T.Bình	10,48	10,64	10,28	9,69	10,07	9,76	8,90	8,37	9,06	11,12	11,31	11,05
Max	10,85	11,03	10,53	10,23	11,28	10,34	9,31	9,34	11,76	11,71	11,82	11,80
Min	10,13	10,29	9,64	9,23	9,46	9,26	8,55	7,72	7,47	10,35	10,74	10,55
ΔH	0,72	0,74	0,89	1,00	1,82	1,08	0,76	1,62	4,29	1,36	1,08	1,25

Mực nước trung bình năm: 9,97

Mực nước lớn nhất trong năm: 11,82 Ngày: 13/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 7,47 Ngày: 08/09/2023

Biên độ dao động năm: 4,35

31. Công trình: QT3-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			9,92									
2												
3									7,76	9,72	10,92	10,98
4												
5												
6	10,60	10,22	9,70	8,94	8,17	7,80	7,71	8,03	7,80	9,88	10,88	10,90
7												
8												
9									7,78	10,16	10,83	10,97
10												
11												
12	10,52	10,18	9,56	8,78	8,22	7,88	7,66	7,82	8,54	10,12	10,95	11,03
13												
14												
15									9,06	10,57	11,10	11,14
16												
17												
18	10,45	10,14	9,40	8,62	8,05	7,82	7,64	7,76	9,95	10,50	11,14	11,06
19												
20												
21									10,00	10,45	11,01	11,17
22												
23												
24	10,38	10,07	9,18	8,54	7,91	7,76	7,73	7,80	9,87	10,38	10,87	11,10
25												
26												
27									9,83	10,46	10,95	11,14
28												
29												
30	10,34		9,03	8,34	7,85	7,74	7,78	7,77	9,81	10,57	10,81	11,26
31												
T.Bình	10,46	10,15	9,46	8,64	8,04	7,80	7,70	7,84	9,04	10,28	10,95	11,07
Max	10,60	10,22	9,92	8,94	8,22	7,88	7,78	8,03	10,00	10,57	11,14	11,26
Min	10,34	10,07	9,03	8,34	7,85	7,74	7,64	7,76	7,76	9,72	10,81	10,90
ΔH	0,26	0,15	0,89	0,60	0,37	0,14	0,14	0,27	2,24	0,85	0,33	0,36

Mực nước trung bình năm: 9,54

Mực nước lớn nhất trong năm: 11,26 Ngày: 30/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 7,64 Ngày: 18/07/2023

Biên độ dao động năm: 3,62

32. Công trình: QT4-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,86									
2												
3									2,90	3,37	4,08	3,73
4												
5												
6	3,02	2,99	2,82	2,70	2,90	2,99	2,92	3,13	2,88	3,13	3,85	3,67
7												
8												
9									2,84	3,22	3,57	3,74
10												
11												
12	2,95	3,07	2,79	2,67	3,17	3,09	2,84	3,06	3,20	3,10	3,75	3,83
13												
14												
15									3,49	3,49	3,99	3,92
16												
17												
18	2,89	3,00	2,73	2,63	3,14	3,03	2,82	3,00	3,92	3,43	3,88	3,85
19												
20												
21									3,98	3,37	3,80	3,97
22												
23												
24	2,80	2,91	2,67	2,58	3,08	2,98	3,03	2,99	3,87	3,28	3,53	3,88
25												
26												
27									3,83	3,37	3,65	3,90
28												
29												
30	2,88		2,65	2,98	3,04	2,96	3,10	2,95	3,74	3,45	3,54	3,95
31												
T.Bình			2,86									
Max												
Min									2,90	3,37	4,08	3,73
ΔH												

Mực nước trung bình năm: 3,26
Mực nước lớn nhất trong năm: 4,08 Ngày: 03/11/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,58 Ngày: 24/04/2023
Biên độ dao động năm: 1,50

33. Công trình: QT5a-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,50									
2												
3									-0,21	1,26	1,79	2,21
4												
5												
6	0,76	0,57	0,45	0,47	0,01	-0,17	-0,26	0,14	-0,23	1,18	1,64	2,17
7												
8												
9									-0,24	1,29	1,56	2,23
10												
11												
12	0,65	0,73	0,53	0,42	-0,02	-0,08	-0,31	-0,04	0,41	1,10	1,67	2,31
13												
14												
15									1,12	1,23	2,14	2,39
16												
17												
18	0,54	0,64	0,46	0,30	0,04	-0,13	-0,34	-0,11	1,97	1,17	2,17	2,30
19												
20												
21									2,02	1,14	2,12	2,34
22												
23												
24	0,47	0,55	0,38	0,28	-0,09	-0,20	-0,17	-0,14	1,90	1,02	2,09	2,22
25												
26												
27									1,83	1,14	2,27	2,25
28												
29												
30	0,42		0,35	0,12	-0,14	-0,22	-0,13	-0,18	1,78	1,21	2,14	2,33
31												
T.Bình	0,57	0,62	0,45	0,32	-0,04	-0,16	-0,24	-0,07	1,04	1,18	1,96	2,28
Max	0,76	0,73	0,53	0,47	0,04	-0,08	-0,13	0,14	2,02	1,29	2,27	2,39
Min	0,42	0,55	0,35	0,12	-0,14	-0,22	-0,34	-0,18	-0,24	1,02	1,56	2,17
ΔH	0,34	0,18	0,18	0,35	0,18	0,14	0,21	0,32	2,26	0,27	0,71	0,22

Mực nước trung bình năm: 0,89
Mực nước lớn nhất trong năm: 2,39 Ngày: 15/12/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,34 Ngày: 18/07/2023
Biên độ dao động năm: 2,73

34. Công trình: QT1a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			5,11									
2												
3									3,78	4,88	6,16	6,30
4												
5												
6	5,57	5,31	5,07	4,99	4,52	4,55	4,28	4,20	3,76	4,91	6,11	6,24
7												
8												
9									4,00	6,16	6,11	6,17
10												
11												
12	5,54	5,18	5,13	4,87	4,68	4,45	4,25	3,97	4,02	6,23	6,11	6,11
13												
14												
15									3,96	6,45	6,39	6,02
16												
17												
18	5,49	5,12	5,09	4,81	4,64	4,39	4,23	3,93	4,10	6,35	6,27	6,28
19												
20												
21									4,07	6,30	6,20	6,30
22												
23												
24	5,46	5,15	5,05	4,68	4,59	4,27	4,31	3,84	4,04	6,24	6,08	6,24
25												
26												
27									4,96	6,17	6,04	6,16
28												
29												
30	5,39		5,07	4,61	4,57	4,32	4,11	3,81	4,92	6,22	6,01	6,03
31												
T.Bình	5,49	5,19	5,08	4,79	4,60	4,39	4,23	3,95	4,16	5,99	6,14	6,18
Max	5,57	5,31	5,13	4,99	4,68	4,55	4,31	4,20	4,96	6,45	6,39	6,30
Min	5,39	5,12	5,05	4,61	4,52	4,27	4,11	3,81	3,76	4,88	6,01	6,02
ΔH	0,18	0,19	0,08	0,38	0,16	0,28	0,20	0,39	1,20	1,57	0,38	0,28

Mực nước trung bình năm: 5,16
Mực nước lớn nhất trong năm: 6,45 Ngày: 15/10/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 3,76 Ngày: 06/09/2023
Biên độ dao động năm: 2,69

35. Công trình: QT2-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			6,47									
2												
3									6,54	7,37	7,16	7,25
4												
5												
6	6,58	6,53	6,45	6,49	6,74	6,76	6,53	6,75	6,52	7,32	7,03	7,19
7												
8												
9									6,90	7,54	6,98	7,15
10												
11												
12	6,54	6,48	6,58	6,54	6,95	6,72	6,50	6,69	6,88	7,43	6,98	7,06
13												
14												
15									6,84	7,56	7,16	6,98
16												
17												
18	6,50	6,55	6,55	6,51	6,86	6,68	6,46	6,64	7,05	7,38	7,13	7,18
19												
20												
21									6,97	7,30	7,06	7,21
22												
23												
24	6,47	6,52	6,53	6,48	6,79	6,59	6,48	6,59	6,89	7,27	7,00	7,11
25												
26												
27									7,45	7,22	6,97	7,10
28												
29												
30	6,44		6,52	6,45	6,77	6,57	6,46	6,57	7,42	7,28	6,94	7,07
31												
T.Bình	1,69	1,57	1,46	1,44	1,50	1,26	1,08	1,26	1,47	2,12	2,13	2,08
Max	1,82	1,59	1,53	1,49	1,60	1,41	1,11	1,45	1,90	2,22	2,21	2,22
Min	1,60	1,56	1,41	1,40	1,33	1,13	1,06	1,08	1,03	1,93	2,07	1,98
ΔH	0,22	0,03	0,12	0,09	0,27	0,28	0,05	0,37	0,87	0,29	0,14	0,24

Mực nước trung bình năm: 1,68

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,22 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,03 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,19

36. Công trình: QT6a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	7,55	6,14	5,49	5,01	5,42	7,02	3,45	3,10	5,04	7,52	8,37	
2	7,39	6,08	5,57	5,02	5,19	6,84	3,48	3,30	5,09	7,43	8,23	
3	7,38	6,12	5,57	5,00	5,22	6,71	3,54	4,31	5,10	7,32	8,07	8,37
4	7,33	6,17	5,58	4,99	5,17	6,65	3,56	4,76	5,05	7,22	7,98	
5	7,25	6,14	5,58	4,89	5,09	6,58	3,50	4,86	5,07	7,12	7,83	
6	7,19	6,10	5,49	4,82	4,87	6,65	3,22	4,61	5,11	7,00	7,76	8,25
7	7,16	6,03	5,44	4,82	4,92	6,35	2,89	4,48	4,99	6,92		
8	7,11	5,98	5,44	4,84	5,82	6,05	3,17	4,37	5,11	7,67		
9	7,06	5,95	5,43	4,75	6,05	5,73	3,20	4,08	5,07	7,83		8,17
10	7,02	5,94	5,43	4,78	5,77	5,46	3,14	4,00	5,02	7,89		
11	6,97	5,83	5,43	4,83	5,91	5,30	3,20	4,05	5,09	8,00		
12	6,95	5,80	5,44	4,76	6,65	4,90	3,20	3,80	5,05	8,11		8,12
13	6,90	5,74	5,52	4,59	7,73	4,75	3,03	3,73	5,08	8,26		
14	6,85	5,72	5,61	4,71	7,71	4,84	3,04	3,81	5,04	8,25		
15	6,78	5,90	5,61	4,87	7,54	4,80	3,08	3,69	5,07	8,24	8,52	8,07
16	6,71	5,89	5,71	5,40	7,46	4,62	3,25	3,68	5,11	8,19		
17	6,71	5,86	5,61	5,30	7,34	4,56	3,27	3,70	4,99	8,15		
18	6,69	5,64	5,61	5,34	7,27	4,51	3,10	3,55	5,11	8,20	8,38	8,19
19	6,64	5,64	5,61	5,28	7,15	4,40	3,05	3,38	5,07	8,12		
20	6,60	5,42	5,58	5,21	7,06	4,35	3,11	3,31	5,02	8,05		
21	6,50	5,66	5,61	5,11	6,98	4,43	3,28	3,27	5,09	8,08	8,26	8,14
22	6,49	5,65	5,61	5,03	6,84	4,38	3,47	3,20	5,05	8,08		
23	6,50	5,69	5,61	4,97	6,78	4,32	3,38	3,10	5,08	8,08		
24	6,42	5,72	5,19	5,07	6,75	4,12	3,32	4,47	4,60	8,04	8,20	8,08
25	6,40	5,61	4,85	5,20	6,87	4,30	3,27	5,05	4,65	7,95		
26	6,34	5,66	5,17	5,27	6,92	4,28	3,33	5,08	6,13	7,82		
27	6,32	5,57	5,05	5,23	6,91	4,12	3,20	5,11	6,83	7,70	8,24	8,04
28	6,28	5,63	5,18	5,30	6,97	3,88	3,18	5,05	7,36	7,71		
29	6,24		5,18	5,26	6,93	3,91	3,06	5,05	7,54	7,70		
30	6,23		5,19	5,40	7,07	3,71	3,05	5,11	7,58	7,69	8,22	8,00
31	6,18		5,15		7,06		2,83	5,07		8,35		
T.Bình	6,78	5,83	5,44	5,03	6,50	5,08	3,22	4,13	5,37	7,83	8,09	8,14
Max	7,59	6,24	5,80	5,50	7,79	7,16	3,88	5,21	7,64	8,43	8,52	8,37
Min	6,12	5,19	4,46	4,13	4,56	3,30	2,43	2,81	4,22	6,84	7,73	8,00
ΔH	1,47	1,05	1,34	1,37	3,23	3,86	1,45	2,40	3,42	1,59	0,79	0,37

Mực nước trung bình năm: 5,58

Mực nước lớn nhất trong năm: 8,52 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,43 Ngày: 07/07/2023

Biên độ dao động năm: 6,09

37. Công trình: QT7-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,71	3,69	3,00									
2	5,61	3,65	3,01									
3	5,50	3,64	3,00						2,99	5,23	6,37	6,32
4	5,43	3,64	2,98									
5	5,36	3,63	2,97									
6	5,28	3,61	2,96	2,99	2,83	3,87	3,63	3,62	2,97	5,21	6,30	6,21
7	5,21	3,59	2,96									
8	5,11	3,57	2,95									
9	5,04	3,55	2,94						3,22	6,26	6,37	6,06
10	4,96	3,54	2,93									
11	4,88	3,52	2,89									
12	4,82	3,48	2,88	3,05	3,48	3,84	3,59	3,37	3,16	6,23	6,30	5,98
13	4,72	3,46	2,89									
14	4,63	3,43	2,90									
15	4,49	3,39	2,89						3,11	6,43	6,53	5,90
16	4,35	3,35	2,89									
17	4,24	3,32	2,89									
18	4,17	3,26	2,87	3,01	3,80	3,79	3,62	3,16	3,23	6,31	6,37	6,21
19	4,06	3,24	2,86									
20	3,98	3,20	2,85									
21	3,96	3,18	2,85						3,12	6,19	6,19	6,24
22	3,94	3,18	2,83									
23	3,92	3,15	2,80									
24	3,88	3,12	2,77	2,96	3,93	3,71	3,56	2,98	3,02	6,08	6,19	6,10
25	3,84	3,08	2,83									
26	3,82	3,06	2,96									
27	3,81	3,04	3,03						5,31	6,15	6,03	6,05
28	3,78	3,03	3,03									
29	3,75		3,02									
30	3,72		3,03	2,90	3,91	3,67	3,48	3,03	5,27	6,15	5,99	6,01
31	3,70											
T.Bình	4,51	3,38	2,92	2,98	3,59	3,77	3,57	3,23	3,54	6,02	6,26	6,11
Max	5,79	3,71	3,06	3,05	3,93	3,87	3,63	3,62	5,31	6,43	6,53	6,32
Min	3,66	3,01	2,68	2,90	2,83	3,67	3,48	2,98	2,97	5,21	5,99	5,90
ΔH	2,13	0,70	0,38	0,15	1,10	0,20	0,15	0,64	2,34	1,22	0,54	0,42

Mực nước trung bình năm: 3,68

Mực nước lớn nhất trong năm: 6,53 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,68 Ngày: 25/03/2023

Biên độ dao động năm: 3,85

38. Công trình: QT8a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,53									
2												
3									1,06	1,96	2,19	2,22
4												
5												
6	1,82	1,58	1,50	1,40	1,33	1,41	1,11	1,45	1,03	1,93	2,16	2,20
7												
8												
9									1,41	2,08	2,13	2,14
10												
11												
12	1,75	1,56	1,47	1,46	1,52	1,34	1,06	1,38	1,49	2,05	2,10	2,06
13												
14												
15									1,46	2,22	2,21	2,00
16												
17												
18	1,69	1,59	1,45	1,49	1,60	1,27	1,09	1,28	1,54	2,20	2,17	2,12
19												
20												
21									1,50	2,18	2,12	2,08
22												
23												
24	1,62	1,57	1,41	1,45	1,56	1,15	1,08	1,11	1,52	2,22	2,10	2,04
25												
26												
27									1,85	2,18	2,07	2,01
28												
29												
30	1,60		1,43	1,40	1,49	1,13	1,06	1,08	1,90	2,22	2,10	1,98
31												
T.Bình												
Max	1,69	1,57	1,46	1,44	1,50	1,26	1,08	1,26	1,47	2,12	2,13	2,08
Min	1,82	1,59	1,53	1,49	1,60	1,41	1,11	1,45	1,90	2,22	2,21	2,22
ΔH	1,60	1,56	1,41	1,40	1,33	1,13	1,06	1,08	1,03	1,93	2,07	1,98

Mực nước trung bình năm: 1,68

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,22 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,03 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,19

39. Công trình: QT10-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	8,29	8,05	7,64	7,26	6,96	6,92	6,69	6,56	6,52	7,52	8,48	8,70
2	8,27	8,03	7,64	7,25	6,96	6,91	6,68	6,55	6,54	7,51	8,40	8,55
3	8,29	8,03	7,62	7,24	6,96	6,90	6,67	6,56	6,54	7,50	8,34	8,47
4	8,30	8,02	7,60	7,23	6,95	6,89	6,67	6,55	6,54	7,53	8,28	8,41
5	8,30	8,00	7,59	7,22	6,96	6,88	6,66	6,55	6,54	7,54	8,24	8,36
6	8,39	7,99	7,58	7,20	6,95	6,87	6,66	6,55	6,54	7,52	8,21	8,34
7	8,36	7,97	7,57	7,18	6,94	6,86	6,65	6,54	6,55	7,49	8,24	8,32
8	8,34	7,96	7,56	7,16	7,01	6,86	6,65	6,54	6,55	7,48	8,21	8,28
9	8,32	7,94	7,54	7,15	7,05	6,85	6,64	6,54	6,55	7,46	8,19	8,24
10	8,31	7,93	7,53	7,15	7,05	6,84	6,63	6,53	6,55	7,54	8,19	8,22
11	8,30	7,91	7,50	7,14	7,04	6,83	6,63	6,53	6,55	7,69	8,18	8,20
12	8,31	7,90	7,48	7,13	7,02	6,82	6,62	6,53	6,54	7,89	8,19	8,18
13	8,30	7,88	7,47	7,13	7,12	6,82	6,61	6,52	6,54	8,19	8,35	8,16
14	8,29	7,85	7,47	7,12	7,15	6,81	6,60	6,51	6,54	8,38	8,34	8,15
15	8,26	7,82	7,46	7,11	7,19	6,80	6,60	6,50	6,75	8,40	8,30	8,13
16	8,23	7,81	7,45	7,11	7,21	6,79	6,59	6,50	6,81	8,39	8,30	8,13
17	8,21	7,81	7,44	7,10	7,21	6,78	6,59	6,49	6,83	8,38	8,30	8,31
18	8,26	7,80	7,42	7,09	7,20	6,77	6,58	6,48	6,86	8,64	8,25	8,41
19	8,24	7,78	7,41	7,09	7,18	6,77	6,59	6,47	6,88	8,59	8,22	8,43
20	8,21	7,77	7,40	7,09	7,15	6,76	6,58	6,47	6,89	8,49	8,20	8,49
21	8,19	7,76	7,40	7,09	7,13	6,75	6,60	6,46	6,90	8,45	8,19	8,46
22	8,18	7,78	7,39	7,07	7,09	6,74	6,60	6,45	6,90	8,42	8,18	8,38
23	8,15	7,79	7,38	7,07	7,08	6,74	6,58	6,43	6,90	8,40	8,19	8,33
24	8,13	7,74	7,35	7,05	7,07	6,73	6,58	6,43	6,90	8,62	8,17	8,31
25	8,12	7,69	7,33	7,01	7,05	6,73	6,60	6,43	7,03	8,53	8,17	8,29
26	8,11	7,67	7,31	6,99	7,02	6,72	6,59	6,42	7,33	8,42	8,43	8,28
27	8,09	7,66	7,30	6,99	7,01	6,72	6,58	6,41	7,44	8,35	8,50	8,27
28	8,16	7,65	7,28	6,99	6,98	6,71	6,57	6,40	7,48	8,30	8,40	8,26
29	8,11		7,27	6,98	6,97	6,70	6,57	6,40	7,50	8,26	8,33	8,25
30	8,08		7,27	6,96	6,95	6,70	6,57	6,40	7,51	8,66	8,40	8,24
31	8,06		7,26		6,94		6,56	6,46		8,68		8,23
T.Bình	8,23	7,86	7,45	7,11	7,05	6,80	6,61	6,49	6,82	8,10	8,28	8,31
Max	8,41	8,06	7,65	7,28	7,24	6,93	6,69	6,57	7,53	8,80	8,72	8,82
Min	8,06	7,65	7,25	6,95	6,92	6,69	6,56	6,40	6,49	7,44	8,15	8,13
ΔH	0,36	0,41	0,40	0,32	0,31	0,24	0,14	0,17	1,03	1,35	0,56	0,70

Mực nước trung bình năm: 7,42

Mực nước lớn nhất trong năm: 8,82 Ngày: 01/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 6,40 Ngày: 28/08/2023

Biên độ dao động năm: 2,43

40. Công trình: QT11a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,21									
2												
3									1,51	2,70	3,15	3,20
4												
5												
6	2,53	2,39	2,16	1,94	1,64	1,82	1,61	1,88	1,46	2,61	2,93	3,01
7												
8												
9									1,80	2,86	3,15	2,86
10												
11												
12	2,44	2,27	2,10	1,99	2,06	1,81	1,53	1,65	1,88	2,90	3,15	2,69
13												
14												
15									1,82	3,13	3,26	2,58
16												
17												
18	2,33	2,25	2,04	2,03	2,00	1,71	1,60	1,61	2,04	3,19	3,16	2,91
19												
20												
21									2,01	2,92	2,95	2,97
22												
23												
24	2,21	2,26	1,98	1,98	1,93	1,62	1,78	1,50	1,92	2,89	2,98	2,85
25												
26												
27									2,57	2,80	2,95	2,91
28												
29												
30	2,37		2,01	1,83	1,88	1,71	1,66	1,43	2,79	2,72	2,90	2,86
31												
T.Bình	2,38	2,30	2,09	1,96	1,90	1,74	1,64	1,62	1,98	2,88	3,06	2,89
Max	2,53	2,39	2,21	2,03	2,06	1,82	1,78	1,88	2,79	3,19	3,26	3,20
Min	2,21	2,25	1,98	1,83	1,64	1,62	1,53	1,43	1,46	2,61	2,90	2,58
ΔH	0,32	0,14	0,23	0,20	0,42	0,20	0,25	0,45	1,33	0,58	0,36	0,62

Mực nước trung bình năm: 2,32

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,26 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,43 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,83

41. Công trình: QT12a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,94	0,91	0,83	0,75	0,78	0,72	0,64	0,54	0,38	1,06	1,61	1,54
2	0,93	0,89	0,84	0,74	0,79	0,70	0,62	0,54	0,43	1,04	1,55	1,72
3	0,94	0,88	0,82	0,75	0,79	0,69	0,62	0,56	0,47	1,03	1,50	1,74
4	0,95	0,88	0,80	0,72	0,79	0,67	0,61	0,59	0,48	1,03	1,60	1,67
5	0,95	0,90	0,80	0,71	0,78	0,64	0,57	0,62	0,48	1,01	1,58	1,60
6	0,99	0,91	0,81	0,67	0,76	0,61	0,54	0,64	0,46	1,00	1,61	1,52
7	1,00	0,92	0,80	0,64	0,72	0,61	0,54	0,63	0,46	0,98	1,58	1,48
8	1,01	0,91	0,78	0,65	0,72	0,62	0,52	0,61	0,47	0,99	1,58	1,42
9	1,01	0,87	0,76	0,67	0,76	0,63	0,48	0,56	0,50	0,99	1,60	1,35
10	0,99	0,82	0,73	0,67	0,79	0,68	0,48	0,53	0,56	1,06	1,58	1,29
11	0,95	0,78	0,72	0,65	0,79	0,68	0,46	0,50	0,60	1,06	1,61	1,22
12	0,93	0,75	0,71	0,66	0,82	0,67	0,43	0,49	0,61	1,12	1,58	1,16
13	0,93	0,74	0,73	0,68	0,87	0,67	0,40	0,46	0,63	1,18	1,58	1,12
14	0,91	0,73	0,80	0,73	0,88	0,66	0,39	0,44	0,64	1,22	1,60	1,09
15	0,88	0,76	0,79	0,72	0,92	0,64	0,38	0,43	0,68	1,27	1,66	1,06
16	0,85	0,80	0,80	0,74	0,94	0,62	0,41	0,40	0,71	1,29	1,63	1,04
17	0,84	0,82	0,81	0,76	0,90	0,61	0,50	0,38	0,75	1,28	1,63	1,10
18	0,84	0,85	0,82	0,75	0,87	0,60	0,57	0,37	0,78	1,39	1,55	1,15
19	0,86	0,84	0,80	0,73	0,83	0,58	0,62	0,36	0,78	1,51	1,46	1,21
20	0,85	0,83	0,79	0,71	0,79	0,55	0,64	0,31	0,79	1,43	1,37	1,27
21	0,84	0,84	0,78	0,69	0,76	0,52	0,65	0,31	0,79	1,37	1,30	1,32
22	0,83	0,83	0,78	0,63	0,72	0,51	0,68	0,33	0,78	1,32	1,24	1,33
23	0,85	0,84	0,77	0,59	0,72	0,51	0,69	0,34	0,75	1,27	1,20	1,32
24	0,85	0,83	0,73	0,61	0,74	0,48	0,69	0,32	0,76	1,36	1,17	1,30
25	0,88	0,84	0,71	0,60	0,75	0,55	0,68	0,30	0,82	1,52	1,16	1,29
26	0,91	0,85	0,69	0,63	0,78	0,61	0,67	0,29	0,93	1,51	1,24	1,28
27	0,91	0,83	0,73	0,73	0,77	0,64	0,66	0,27	0,96	1,44	1,30	1,27
28	0,92	0,83	0,76	0,77	0,76	0,68	0,63	0,25	1,03	1,37	1,34	1,25
29	0,93		0,77	0,77	0,75	0,67	0,61	0,23	1,07	1,31	1,33	1,22
30	0,94		0,78	0,76	0,74	0,66	0,59	0,23	1,07	1,41	1,31	1,21
31	0,93		0,79		0,74		0,56	0,27		1,58		1,21
T.Bình	0,91	0,84	0,78	0,70	0,79	0,62	0,57	0,42	0,69	1,24	1,47	1,31
Max	1,02	0,93	0,85	0,79	0,97	0,72	0,69	0,64	1,08	1,62	1,70	1,77
Min	0,81	0,72	0,68	0,57	0,64	0,47	0,38	0,21	0,33	0,95	1,15	1,02
ΔH	0,21	0,21	0,17	0,22	0,33	0,25	0,31	0,43	0,75	0,67	0,55	0,75

Mực nước trung bình năm: 0,86
Mực nước lớn nhất trong năm: 1,77 Ngày: 02/12/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,21 Ngày: 29/08/2023
Biên độ dao động năm: 1,56

42. Công trình: QT14-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			11,97									
2												
3									11,48	11,45	11,83	11,65
4												
5												
6	12,39	12,21	11,92	11,77	11,60	11,69	11,64	11,66	11,42	11,56	11,77	11,58
7												
8												
9									11,47	11,64	11,92	11,64
10												
11												
12	12,37	12,12	11,86	11,72	11,81	11,66	11,61	11,55	11,44	11,57	11,88	11,72
13												
14												
15									11,40	11,54	11,83	11,79
16												
17												
18	12,34	12,03	11,82	11,70	11,78	11,80	11,87	11,41	11,56	11,65	11,77	11,75
19												
20												
21									11,60	11,74	11,83	11,78
22												
23												
24	12,32	12,01	11,81	11,66	11,76	11,70	11,81	11,27	11,52	11,90	11,88	11,67
25												
26												
27									11,59	11,92	11,76	11,83
28												
29												
30	12,25		11,78	11,65	11,72	11,68	11,74	11,24	11,48	11,88	11,82	11,89
31												
T.Bình	12,33	12,09	11,86	11,70	11,73	11,71	11,73	11,43	11,49	11,68	11,83	11,73
Max	12,39	12,21	11,97	11,77	11,81	11,80	11,87	11,66	11,60	11,92	11,92	11,89
Min	12,25	12,01	11,78	11,65	11,60	11,66	11,61	11,24	11,40	11,45	11,76	11,58
ΔH												

Mực nước trung bình năm: 11,75

Mực nước lớn nhất trong năm: 12,39 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 11,24 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,15

43. Công trình: QT16a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	13,25	11,92										
2	13,21	11,88										
3	13,16	11,86							10,65	14,01	14,34	14,19
4	13,12	11,84										
5	13,07	11,81										
6	13,04	11,78	11,14	10,74	10,40	11,06	10,89	10,91	10,64	13,95	14,26	14,15
7	13,00	11,74										
8	12,95	11,71										
9	12,91	11,68							10,97	13,87	14,34	14,06
10	12,86	11,65										
11	12,82	11,62										
12	12,78	11,59	11,06	10,66	10,69	10,99	10,70	10,83	11,01	13,80	14,26	14,01
13	12,74	11,56										
14	12,71	11,52										
15	12,65	11,50							10,96	14,12	14,13	13,94
16	12,60	11,46										
17	12,55	11,44										
18	12,50	11,42	10,94	10,56	11,00	10,96	10,77	10,78	11,22	14,04	14,34	14,59
19	12,46	11,39										
20	12,42	11,36										
21	12,37	11,33							11,19	13,88	14,26	14,44
22	12,34	11,31										
23	12,29	11,30										
24	12,24	11,28	10,86	10,51	11,12	10,88	10,83	10,71	11,11	13,76		14,35
25	12,20											
26	12,17											
27	12,12								13,46	13,70	13,74	14,29
28	12,07	11,23										
29	12,02											
30	11,98		10,81	10,44	11,09	10,81	10,80	10,69	14,10	13,96	13,81	14,23
31	11,95											
T.Bình	12,60	11,59	10,97	10,59	10,86	10,94	10,80	10,79	11,54	13,91	14,17	14,23
Max	13,27	11,93	11,14	10,74	11,12	11,06	10,89	10,91	14,10	14,12	14,34	14,59
Min	11,94	11,23	10,81	10,44	10,40	10,81	10,70	10,69	10,64	13,70	13,74	13,94
ΔH	1,33	0,70	0,33	0,30	0,72	0,25	0,19	0,22	3,46	0,42	0,60	0,65

Mực nước trung bình năm: 12,18

Mực nước lớn nhất trong năm: 14,59 Ngày: 18/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 10,40 Ngày: 06/05/2023

Biên độ dao động năm: 4,19

44. Công trình: QT17-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,93		1,69									
2	2,05											
3									1,58	2,39	3,04	3,05
4												
5												
6	1,91	1,92	1,76	1,60	1,10	1,44	1,43	1,66	1,60	2,18	3,21	2,92
7												
8												
9									1,81	2,59	3,02	2,78
10												
11												
12	1,77	1,99	1,88	1,69	1,46	1,37	1,36	1,79	1,73	2,54	2,89	2,65
13												
14												
15									1,56	2,70	3,18	2,56
16												
17												
18	1,65	1,85	1,70	1,63	1,68	1,26	1,24	1,60	1,90	2,56	3,04	2,91
19												
20												
21									1,68	2,48	2,96	2,99
22												
23												
24	1,81	1,76	1,76	1,55	1,54	1,32	1,21	1,84	1,62	2,41	2,88	2,72
25												
26												
27									2,46	2,33	2,81	2,69
28												
29												
30	1,68		1,72	1,33	1,50	1,29	1,12	1,76	2,24	2,76	2,74	2,62
31												
T.Bình	1,93	1,88	1,75	1,56	1,46	1,34	1,27	1,73	1,82	2,49	2,98	2,79
Max	2,16	1,99	1,88	1,69	1,68	1,44	1,43	1,84	2,46	2,76	3,21	3,05
Min	1,64	1,76	1,69	1,33	1,10	1,26	1,12	1,60	1,56	2,18	2,74	2,56
ΔH	0,52	0,23	0,19	0,36	0,58	0,18	0,31	0,24	0,90	0,58	0,47	0,49

Mực nước trung bình năm: 2,04

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,21 Ngày: 06/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,10 Ngày: 06/05/2023

Biên độ dao động năm: 2,11

45. Công trình: QT3a-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,77	2,65	2,59	2,40	2,11	1,95	1,81	1,83	1,87	2,63	2,86	2,80
2	2,74	2,64	2,58	2,38	2,10	1,93	1,80	1,83	1,86	2,62	2,85	2,80
3	2,78	2,64	2,57	2,37	2,08	1,92	1,79	1,85	1,85	2,67	2,82	2,79
4	2,79	2,63	2,55	2,35	2,07	1,91	1,79	1,86	1,85	2,71	2,80	2,80
5	2,77	2,62	2,55	2,33	2,05	1,90	1,78	1,84	1,85	2,70	2,78	2,82
6	2,75	2,61	2,54	2,31	2,03	1,90	1,77	1,82	1,86	2,67	2,83	2,83
7	2,72	2,60	2,54	2,31	2,02	1,95	1,77	1,81	1,90	2,66	2,90	2,88
8	2,70	2,59	2,52	2,30	2,05	1,98	1,76	1,80	1,89	2,73	2,95	2,81
9	2,69	2,59	2,52	2,29	2,04	1,94	1,75	1,78	1,88	2,73	2,89	2,76
10	2,68	2,58	2,51	2,29	2,02	1,91	1,74	1,77	1,87	2,82	2,86	2,73
11	2,67	2,57	2,51	2,28	2,10	1,89	1,74	1,76	1,85	2,84	2,85	2,76
12	2,66	2,56	2,50	2,27	2,21	1,88	1,73	1,75	1,84	2,91	2,84	2,78
13	2,65	2,55	2,52	2,27	2,29	1,88	1,72	1,74	1,83	3,02	2,90	2,78
14	2,64	2,57	2,51	2,26	2,27	1,89	1,71	1,73	1,82	2,92	2,92	2,77
15	2,63	2,65	2,50	2,27	2,26	1,87	1,70	1,73	1,85	2,88	3,01	2,75
16	2,62	2,71	2,50	2,27	2,23	1,90	1,77	1,73	2,02	2,84	2,98	2,76
17	2,63	2,67	2,49	2,26	2,19	2,00	2,03	1,71	2,03	2,83	2,89	2,92
18	2,72	2,65	2,48	2,24	2,16	1,98	2,06	1,70	2,02	2,97	2,85	3,02
19	2,72	2,63	2,47	2,22	2,13	1,95	2,04	1,70	2,00	2,91	2,83	2,93
20	2,70	2,66	2,47	2,20	2,11	1,92	2,02	1,69	1,99	2,86	2,81	2,98
21	2,68	2,66	2,46	2,18	2,09	1,89	2,01	1,68	1,97	2,87	2,80	2,97
22	2,66	2,64	2,45	2,16	2,07	1,87	1,99	1,68	1,96	2,85	2,79	3,00
23	2,64	2,62	2,44	2,15	2,06	1,87	1,97	1,67	1,94	3,07	2,78	3,07
24	2,69	2,59	2,43	2,14	2,05	1,85	1,96	1,66	1,99	3,07	2,77	3,05
25	2,69	2,58	2,42	2,13	2,03	1,83	1,94	1,65	2,32	2,94	2,77	2,98
26	2,67	2,60	2,44	2,13	2,01	1,84	1,92	1,64	2,66	2,88	2,88	2,91
27	2,67	2,61	2,42	2,13	2,00	1,89	1,90	1,64	2,65	2,85	2,85	2,86
28	2,71	2,61	2,41	2,11	1,99	1,87	1,88	1,63	2,68	2,82	2,81	2,81
29	2,70		2,41	2,11	1,99	1,86	1,87	1,63	2,67	2,80	2,78	2,81
30	2,67		2,41	2,12	1,97	1,83	1,85	1,66	2,65	2,95	2,79	2,80
31	2,66		2,41		1,96		1,84	1,80		2,94		2,80
T.Bình	2,69	2,62	2,49	2,24	2,09	1,90	1,85	1,73	2,05	2,84	2,85	2,86
Max	2,80	2,73	2,60	2,41	2,30	2,01	2,07	1,87	2,70	3,19	3,10	3,12
Min	2,61	2,54	2,40	2,09	1,95	1,82	1,69	1,62	1,82	2,61	2,75	2,69
ΔH	0,19	0,19	0,20	0,32	0,35	0,19	0,38	0,25	0,88	0,58	0,35	0,43

Mực nước trung bình năm: 2,35

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,19 Ngày: 23/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,62 Ngày: 28/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,57

46. Công trình: QT7a-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,52	5,02	4,93	4,40	4,13	4,01	3,80	3,62	3,57	4,44	5,32	5,35
2	5,42	4,99	4,90	4,38	4,12	4,00	3,79	3,62	3,58	4,40	5,28	5,32
3	5,45	4,97	4,86	4,37	4,11	3,99	3,79	3,62	3,58	4,39	5,26	5,29
4	5,54	4,94	4,84	4,36	4,10	3,98	3,78	3,62	3,58	4,39	5,21	5,26
5	5,45	4,91	4,82	4,35	4,09	3,98	3,77	3,61	3,58	4,41	5,17	5,26
6	5,38	4,88	4,80	4,33	4,08	3,98	3,77	3,60	3,59	4,39	5,19	5,28
7	5,37	4,86	4,77	4,32	4,07	3,97	3,76	3,58	3,61	4,37	5,40	
8	5,32	4,84	4,75	4,31	4,06	3,96	3,76	3,58	3,64	4,36	5,40	
9	5,27	4,81	4,73	4,30	4,05	3,95	3,75	3,57	3,66	4,37	5,34	
10	5,23	4,79	4,70	4,29	4,05	3,95	3,74	3,57	3,68	4,48	5,31	
11	5,19	4,77	4,68	4,28	4,05	3,93	3,73	3,56	3,69	4,71	5,27	
12	5,15	4,75	4,79	4,27	4,09	3,92	3,73	3,57	3,70	4,91	5,23	
13	5,11	4,71	4,77	4,27	4,19	3,92	3,72	3,57	3,70	5,34	5,32	
14	5,07	4,68	4,75	4,26	4,25	3,91	3,71	3,57	3,71	5,47	5,55	
15	5,07	4,73	4,73	4,26	4,27	3,90	3,70	3,57	3,72	5,36	5,88	5,30
16	5,06	4,97	4,70	4,26	4,26	3,90	3,70	3,57	3,75	5,29	5,91	
17	5,06	5,07	4,74	4,25	4,23	3,91	3,70	3,58	3,78	5,24	5,72	
18	5,06	5,07	4,78	4,24	4,20	3,89	3,72	3,59	3,79	5,52	5,57	5,34
19	5,08	5,02	4,76	4,23	4,17	3,88	3,72	3,59	3,80	5,50	5,47	
20	5,09	4,98	4,74	4,22	4,14	3,87	3,70	3,59	3,80	5,38	5,40	
21	5,08	4,95	4,71	4,20	4,12	3,86	3,70	3,59	3,80	5,31	5,34	5,41
22	5,08	4,93	4,70	4,19	4,11	3,86	3,69	3,58	3,81	5,32	5,28	
23	5,06	4,90	4,79	4,18	4,09	3,85	3,68	3,58	3,80	5,78	5,23	
24	5,07	4,88	4,47	4,16	4,09	3,85	3,67	3,49	3,81	6,02	5,18	5,42
25	5,10	4,89	4,46	4,17	4,08	3,85	3,67	3,49	3,91	5,79	5,10	
26	5,11	4,92	4,45	4,16	4,07	3,84	3,67	3,49	4,36	5,60	5,02	
27	5,08	4,93	4,44	4,16	4,06	3,84	3,66	3,49	4,48	5,52	5,18	5,40
28	5,09	4,94	4,43	4,15	4,05	3,82	3,65	3,48	4,50	5,42	5,35	
29	5,17		4,42	4,14	4,04	3,81	3,64	3,48	4,49	5,35	5,37	
30	5,12		4,42	4,13	4,03	3,81	3,64	3,49	4,47	5,44	5,38	5,25
31	5,06		4,41		4,02		3,63	3,53		5,40		
T.Bình	5,19	4,90	4,69	4,25	4,11	3,91	3,71	3,56	3,83	5,08	5,35	5,30
Max	5,58	5,08	4,94	4,40	4,27	4,02	3,83	3,63	4,51	6,16	6,21	5,42
Min	5,04	4,66	4,40	4,13	4,01	3,76	3,62	3,47	3,56	4,36	4,98	5,24
ΔH	0,54	0,42	0,54	0,27	0,26	0,26	0,21	0,16	0,95	1,80	1,23	0,18

Mực nước trung bình năm: 4,43

Mực nước lớn nhất trong năm: 6,21 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 3,47 Ngày: 28/08/2023

Biên độ dao động năm: 2,74

47. Công trình: QT9a-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	4,33	3,61	3,36	2,95								
2	4,29	3,56	3,36	2,95								
3	4,22	3,53	3,36	2,94					2,18	2,56	5,01	4,51
4	4,16	3,48	3,37	2,93								
5	4,11	3,44	3,38	2,92								
6	4,06	3,40	3,38	2,90	2,52	2,62	2,62	2,41	2,20	2,63	5,03	4,43
7	4,06	3,35	3,38	2,88								
8	4,05	3,31	3,38	2,87								
9	4,02	3,27	3,38	2,87					2,25	3,11	5,04	4,40
10	3,98	3,24	3,37	2,87								
11	3,92	3,21	3,38	2,87								
12	3,86	3,17	3,36	2,86	2,44	2,64	2,59	2,28	2,32	4,14	5,06	4,22
13	3,80	3,14	3,36	2,86								
14	3,74	3,10	3,38	2,85								
15	3,69	3,11	3,38	2,84					2,38	5,01	5,08	4,25
16	3,76	3,17	3,36	2,83								
17	3,87	3,24	3,37	2,82								
18	3,89	3,28	3,38	2,81	2,37	2,66	2,57	2,22	2,41	5,68	5,12	4,33
19	3,85	3,29	3,37	2,79								
20	3,80	3,28	3,36	2,77								
21	3,75	3,26	3,36	2,74					2,44	6,00	5,06	4,38
22	3,71	3,24	3,36	2,71								
23	3,70	3,23	3,36	2,69								
24	3,69	3,36	2,98	2,68	2,63	2,69	2,55	2,14	2,50	6,11	5,04	4,42
25	3,66	3,38	2,98									
26	3,62	3,38	2,97									
27	3,59	3,36	2,97						2,50	5,23	4,64	4,14
28	3,57	3,36	2,97									
29	3,59		2,97									
30	3,62		2,96	2,62	2,63	2,65	2,53	2,14	2,51	5,03	4,58	4,00
31	3,63		2,96									
T.Bình	3,86	3,31	3,27	2,84	2,52	2,65	2,57	2,24	2,37	4,55	4,90	4,33
Max	4,34	3,63	3,39	2,96	2,63	2,69	2,62	2,41	2,51	6,11	5,12	4,51
Min	3,57	3,08	2,96	2,62	2,37	2,62	2,53	2,14	2,18	2,56	4,58	4,00
ΔH	0,77	0,55	0,43	0,34	0,26	0,07	0,09	0,27	0,33	3,55	0,54	0,51

Mực nước trung bình năm: 3,37
Mực nước lớn nhất trong năm: 6,11 Ngày: 24/10/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,14 Ngày: 24/08/2023
Biên độ dao động năm: 3,97

48.Công trình: QT12-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,23	1,02	1,04	1,01	0,88	0,85	0,84					
2	1,20	1,02	1,04	1,00	0,87	0,85	0,84					
3	1,17	1,03	1,04	1,00	0,86	0,84	0,83		0,77	0,96	1,36	1,15
4	1,17	1,02	1,04	0,99	0,86	0,84	0,84					
5	1,17	1,03	1,04	0,99	0,86	0,83	0,84					
6	1,16	1,02	1,04	0,99	0,86	0,83	0,84	0,78	0,78	0,97	1,29	1,16
7	1,17	1,03	1,04	0,97	0,85	0,83	0,83					
8	1,15	1,02	1,03	0,97	0,82	0,84	0,82					
9	1,12	1,02	1,03	0,97	0,81	0,84	0,84		0,80	0,96	1,36	1,11
10	1,10	1,02	1,03	0,98	0,81	0,85	0,85					
11	1,08	1,02	1,02	0,98	0,82	0,85	0,84					
12	1,07	1,02	1,02	0,99	0,86	0,85	0,83	0,74	0,80	1,27	1,54	1,03
13	1,05	1,01	1,02	0,98	0,87	0,84	0,83					
14	1,03	1,02	1,03	0,98	0,87	0,83	0,83					
15	1,02	1,07	1,03	0,97	0,88	0,83	0,83		0,79	1,47	1,63	0,98
16	1,03	1,15	1,01	0,98	0,88	0,83	0,83					
17	1,03	1,10	1,01	0,98	0,87	0,83	0,86					
18	1,03	1,08	1,01	0,97	0,87	0,83	0,86	0,71	0,85	1,49	1,36	1,16
19	1,02	1,06	1,01	0,97	0,87	0,85	0,85					
20	1,03	1,05	1,01	0,97	0,87	0,84	0,84					
21	1,03	1,05	1,00	0,97	0,87	0,83	0,85		0,82	1,42	1,24	1,21
22	1,03	1,05	1,01	0,96	0,87	0,83	0,83					
23	1,04	1,04	1,00	0,94	0,87	0,83	0,83					
24	1,04	1,04	1,00	0,92	0,87	0,83	0,82	0,70	0,81	1,44	1,08	1,20
25	1,03	1,05	1,00	0,90	0,87	0,84						
26	1,01	1,07	1,00	0,90	0,87	0,85						
27	1,02	1,06	1,00	0,90	0,87	0,85			1,02	1,36	1,12	1,11
28	1,05	1,06	1,01	0,89	0,87	0,84						
29	1,04		1,00	0,88	0,87	0,84						
30	1,03		1,01	0,88	0,87	0,84	0,81	0,72	0,99	1,29	1,06	1,06
31	1,02		1,01		0,86							
T.Bình	1,08	1,04	1,02	0,96	0,86	0,84	0,84	0,73	0,84	1,26	1,30	1,11
Max	1,24	1,17	1,06	1,02	0,90	0,88	0,88	0,78	1,02	1,49	1,63	1,21
Min	1,00	1,00	1,00	0,87	0,80	0,82	0,81	0,70	0,77	0,96	1,06	0,98
ΔH	0,24	0,17	0,06	0,15	0,10	0,06	0,07	0,08	0,25	0,53	0,57	0,23

Mực nước trung bình năm: 0,95

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,63 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,70 Ngày: 24/08/2023

Biên độ dao động năm: 0,93

49. Công trình: QT1a-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,64									
2												
3									1,94	2,48	2,64	2,83
4												
5												
6	2,67	2,52	2,61	2,48	2,18	2,33	2,13	1,88	2,04	2,50	2,61	2,81
7												
8												
9									2,22	2,57	2,59	2,73
10												
11												
12	2,63	2,47	2,60	2,41	2,16	2,28	2,10	1,80	2,31	2,68	2,54	2,65
13												
14												
15									2,33	2,73	3,01	2,67
16												
17												
18	2,64	2,64	2,55	2,34	2,33	2,22	2,06	1,81	2,39	2,71	2,79	2,82
19												
20												
21									2,43	2,70	2,68	2,86
22												
23												
24	2,61	2,60	2,52	2,29	2,47	2,15	2,03	1,78	2,42	2,78	2,63	2,88
25												
26												
27									2,53	2,72	2,72	2,79
28												
29												
30	2,59		2,53	2,22	2,41	2,18	1,95	1,76	2,51	2,69	2,66	2,74
31												
T.Bình	2,62	2,55	2,57	2,34	2,31	2,23	2,05	1,80	2,31	2,65	2,68	2,77
Max	2,67	2,64	2,64	2,48	2,47	2,33	2,13	1,88	2,53	2,78	3,01	2,88
Min	2,59	2,47	2,52	2,22	2,16	2,15	1,95	1,76	1,94	2,48	2,54	2,65
ΔH	0,08	0,17	0,12	0,26	0,31	0,18	0,18	0,12	0,59	0,30	0,47	0,23

Mực nước trung bình năm: 2,46

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,01 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,76 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,25

50. Công trình: QT2a-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,43	1,17	0,96	0,89	0,49	0,55						
2	1,26	1,14	0,83	0,82	0,49	0,61						
3	1,18	0,96	0,78	0,71	0,51	0,70			0,41	1,25	2,34	2,13
4	1,51	0,89	0,71	0,79	0,63	0,67						
5	1,64	0,82	0,76	0,86	0,60	0,57						
6	1,62	0,86	0,77	0,94	0,56	0,55	0,50	0,50	0,48	1,28	2,09	2,10
7	1,64	0,90	0,77	0,95	0,56							
8	1,53	0,86	0,77	0,79	0,56							
9	1,40	0,93	0,75	0,71	0,50				0,58	1,75	1,83	2,02
10	1,44	0,94	0,75	0,82	0,49							
11	1,37	0,90	0,75	0,99	0,51							
12	1,18	0,88	0,76	0,90	0,57		0,51	0,45	0,62	2,59	1,61	1,94
13	1,23	0,85	0,75	0,82	0,92							
14	1,22	1,00	0,75	0,84	0,91							
15	1,19	1,63	0,74	0,83	0,80	0,62			0,63	3,11	2,53	1,95
16	1,20	2,44	0,70	0,76	0,77							
17	1,22	2,26	0,72	0,70	0,72							
18	1,22	2,01	0,72	0,78	0,69	0,58	0,48	0,39	0,66	3,16	2,24	2,12
19	1,22	1,74	0,72	0,80	0,68							
20	1,22	1,54	0,69	0,81	0,70							
21	1,22	1,35	0,67	0,80	0,61				0,64	2,80	2,10	2,20
22	1,22	1,18	0,63	0,75	0,55							
23	1,20	1,02	0,64	0,57	0,66							
24	1,21	1,03	0,69	0,57	0,63	0,55	0,53	0,34	0,62	2,97	1,99	2,22
25	1,24	1,00	0,72	0,67	0,61							
26	1,23	1,10	0,65	0,67	0,60							
27	1,22	1,07	0,66	0,64	0,62				1,40	2,75	2,08	2,08
28	1,37	1,07	0,72	0,55	0,62							
29	1,56		0,67	0,50	0,58							
30	1,52		0,72	0,49	0,60	0,54	0,49	0,33	1,19	2,52	2,02	1,97
31	1,33		0,76		0,57							
T.Bình	1,33	1,20	0,73	0,76	0,62	0,61	0,50	0,40	0,72	2,42	2,09	2,08
Max	1,65	2,50	1,07	1,02	0,95	0,75	0,53	0,50	1,40	3,16	2,53	2,22
Min	1,14	0,71	0,56	0,48	0,45	0,51	0,48	0,33	0,41	1,25	1,61	1,94
ΔH	0,51	1,79	0,51	0,54	0,50	0,24	0,05	0,17	0,99	1,91	0,92	0,28

Mực nước trung bình năm: 0,93

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,16 Ngày: 18/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,33 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 2,83

51. Công trình: QT4a-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,29	1,30	1,25	1,05	0,97	1,04	0,94	0,89	0,82			
2	1,29	1,28	1,23	1,05	0,98	1,03	0,94	0,89	0,82			
3	1,30	1,27	1,22	1,05	0,99	1,02	0,93	0,90	0,84	1,23	1,51	1,35
4	1,33	1,26	1,21	1,05	1,01	1,02	0,93	0,89	0,84			
5	1,32	1,25	1,21	1,04	1,02	1,02	0,93	0,88	0,86			
6	1,32	1,24	1,21	1,03	1,01	1,02	0,92	0,87	0,91	1,30	1,39	1,29
7	1,31	1,23	1,20	1,00	1,00	1,01	0,92	0,86	0,95			
8	1,30	1,22	1,19	0,99	0,96	1,02	0,91	0,84	0,98			
9	1,29	1,21	1,17	0,99	0,94	1,04	0,91	0,83	1,00	1,44	1,39	1,17
10	1,28	1,20	1,17	1,01	0,94	1,05	0,90	0,83	1,03			
11	1,27	1,19	1,15	1,01	0,94	1,05	0,90	0,83	1,04			
12	1,26	1,19	1,14	1,01	0,97	1,04	0,90	0,82	1,05	1,70	1,39	1,08
13	1,25	1,18	1,13	1,01	1,01	1,04	0,89	0,81	1,06			
14	1,24	1,15	1,14	1,01	1,03	1,03	0,89	0,81	1,06			
15	1,23	1,17	1,13	0,99	1,06	1,02	0,90	0,80	1,06	1,94	2,35	1,10
16	1,21	1,21	1,12	1,00	1,08	1,01	0,89	0,80	1,07			
17	1,21	1,23	1,12	1,00	1,09	1,00	0,89	0,80	1,08			
18	1,22	1,24	1,12	1,00	1,10	1,00	0,90	0,79	1,09	1,88	1,72	1,35
19	1,23	1,22	1,11	1,00	1,10	0,99	0,89	0,79	1,09			
20	1,22	1,23	1,11	1,00	1,09	0,99	0,89	0,78	1,09			
21	1,20	1,24	1,11	1,01	1,08	0,98	0,89	0,77	1,09	1,77	1,47	1,38
22	1,19	1,25	1,10	1,01	1,07	0,98	0,88	0,76	1,08			
23	1,19	1,26	1,09	1,01	1,07	0,98	0,89	0,76	1,07			
24	1,18	1,24	1,08	1,00	1,06	0,97	0,90	0,76	1,07	1,90	1,42	1,40
25	1,24	1,23	1,07	0,99	1,05	0,97	0,89	0,79				
26	1,28	1,23	1,06	0,97	1,05	0,97	0,90	0,83				
27	1,28	1,25	1,06	0,97	1,05	0,96	0,90	0,82		1,78	1,44	1,32
28	1,31	1,25	1,04	0,98	1,05	0,96	0,90	0,82				
29	1,32		1,05	0,96	1,04	0,96	0,90	0,82				
30	1,32		1,05	0,96	1,04	0,95	0,90	0,82	1,26	1,64	1,32	1,26
31	1,30		1,05		1,04		0,89	0,82				
T.Bình	1,26	1,23	1,13	1,00	1,03	1,00	0,90	0,82	1,00	1,66	1,54	1,27
Max	1,34	1,30	1,26	1,06	1,10	1,06	0,95	0,90	1,26	1,94	2,35	1,40
Min	1,16	1,15	1,03	0,95	0,92	0,94	0,88	0,75	0,80	1,23	1,32	1,08
ΔH	0,18	0,15	0,23	0,11	0,18	0,12	0,07	0,15	0,46	0,71	1,03	0,32

Mực nước trung bình năm: 1,05

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,35 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,75 Ngày: 21/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,60

52. Công trình: QT7a-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,50	1,35	1,31									
2	1,49	1,34										
3	1,50	1,33							0,74	1,24	1,48	1,55
4	1,49	1,33										
5	1,47	1,32										
6	1,44	1,32	1,26	1,16	1,02	1,03	0,92	0,88	0,81	1,26	1,44	1,54
7	1,41	1,32										
8	1,40	1,31										
9	1,38	1,31							0,89	1,34	1,48	1,49
10	1,37	1,30										
11	1,35	1,30										
12	1,34		1,20	1,14	0,99	1,02	0,87	0,80	0,94	1,48	1,42	1,39
13	1,33											
14	1,32											
15	1,31	1,30							0,93	1,87	1,82	1,37
16	1,30											
17	1,30											
18	1,31	1,31	1,18	1,13	1,06	1,01	0,86	0,74	0,96	1,83	1,89	1,48
19	1,32											
20	1,30											
21	1,29								0,94	1,65	1,64	1,62
22	1,27											
23	1,26											
24	1,27	1,33	1,16	1,12	1,03	1,00	0,84	0,70	1,06	1,72	1,59	1,71
25	1,32											
26	1,33											
27	1,34									1,65	1,54	1,66
28	1,38											
29	1,38											
30	1,36		1,19	1,03	1,02	0,96	0,91	0,66	1,22	1,53	1,46	1,64
31	1,35											
T.Bình	1,36	1,32	1,22	1,12	1,03	1,01	0,88	0,76	0,96	1,56	1,58	1,55
Max	1,50	1,35	1,31	1,16	1,06	1,03	0,92	0,88	1,22	1,87	1,89	1,71
Min	1,25	1,29	1,16	1,03	0,99	0,96	0,84	0,66	0,74	1,24	1,42	1,37
ΔH	0,25	0,06	0,15	0,13	0,07	0,07	0,08	0,22	0,48	0,63	0,47	0,34

Mực nước trung bình năm: 1,34
Mực nước lớn nhất trong năm: 1,89 Ngày: 18/11/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,66 Ngày: 30/08/2023
Biên độ dao động năm: 1,23

I.2. Vùng ảnh hưởng triều

I.2.1. Mực nước bình quân ngày

1. Công trình: QT8-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,46	0,39	0,38	0,30	0,16	-0,15	-0,12	-0,42	-0,16	0,34	0,25	
2	0,48	0,39	0,37	0,31	0,16	-0,18	-0,16	-0,39	-0,17	0,33	0,21	
3	0,48	0,40	0,36	0,31	0,13	-0,23	-0,19	-0,33	-0,15	0,34	0,18	
4	0,48	0,43	0,36	0,28	0,13	-0,24	-0,22	-0,28	-0,14	0,31	0,17	
5	0,51	0,44	0,34	0,26	0,11	-0,24	-0,24	-0,23	-0,11	0,24	0,18	
6	0,54	0,45	0,34	0,24	0,08	-0,31	-0,26	-0,24	-0,07	0,22	0,20	0,06
7	0,50	0,46	0,35	0,23	0,05	-0,36	-0,29	-0,23	-0,07	0,27	0,22	
8	0,46	0,48	0,35	0,24	0,06	-0,27	-0,34	-0,19	-0,05	0,29	0,19	
9	0,45	0,48	0,34	0,26	0,10	-0,26	-0,48	-0,18	-0,05	0,26	0,20	
10	0,46	0,49	0,33	0,27	0,11	-0,18	-0,49	-0,18	-0,08	0,27	0,18	
11	0,48	0,48	0,32	0,27	0,14	-0,17	-0,52	-0,15	-0,13	0,27	0,16	
12	0,47	0,49	0,31	0,28	0,16	-0,17	-0,60	-0,13	-0,14	0,29	0,16	0,03
13	0,35	0,46	0,30	0,29	0,18	-0,19	-0,66	-0,12	-0,11	0,25	0,22	
14	0,35	0,45	0,29	0,30	0,18	-0,26	-0,67	-0,09	-0,05	0,22	0,15	
15	0,34	0,45	0,29	0,29	0,18	-0,24	-0,66	-0,07	-0,01	0,23	0,20	
16	0,35	0,45	0,29	0,28	0,19	-0,25	-0,69	-0,09	0,05	0,25	0,35	
17	0,35	0,46	0,29	0,28	0,16	-0,16	-0,70	-0,14	0,10	0,27	0,39	
18	0,34	0,46	0,29	0,29	0,12	-0,15	-0,67	-0,18	0,13	0,27	0,38	0,01
19	0,33	0,43	0,29	0,27	0,08	-0,15	-0,57	-0,15	0,14	0,26	0,33	
20	0,32	0,44	0,29	0,26	0,04	-0,19	-0,47	-0,12	0,12	0,29	0,27	
21	0,30	0,44	0,29	0,24	0,01	-0,27	-0,38	-0,12	0,11	0,29	0,21	
22	0,30	0,44	0,27	0,22	-0,03	-0,43	-0,31	-0,18	0,09	0,24	0,17	
23	0,34	0,44	0,24	0,20	-0,07	-0,43	-0,26	-0,19	0,12	0,24	0,18	
24	0,35	0,43	0,22	0,17	-0,05	-0,25	-0,26	-0,15	0,08	0,23	0,18	-0,06
25	0,40	0,41	0,20	0,16	-0,04	-0,22	-0,34	-0,11	0,05	0,22		
26	0,41	0,39	0,22	0,16	-0,05	-0,16	-0,36	-0,15	0,15	0,24		
27	0,40	0,39	0,23	0,16	-0,07	-0,10	-0,41	-0,18	0,36	0,26		
28	0,41	0,38	0,25	0,14	-0,09	-0,09	-0,46	-0,15	0,40	0,24		
29	0,40		0,26	0,14	-0,10	-0,09	-0,46	-0,12	0,38	0,25		
30	0,39		0,27	0,15	-0,10	-0,10	-0,46	-0,11	0,35	0,26	0,13	-0,15
31	0,38		0,29		-0,12		-0,45	-0,11		0,25		
T.Bình	0,41	0,44	0,30	0,24	0,06	-0,22	-0,42	-0,18	0,04	0,26	0,22	-0,02
Max	0,61	0,53	0,43	0,37	0,23	-0,07	-0,08	-0,04	0,53	0,42	0,49	0,06
Min	0,20	0,33	0,17	0,10	-0,16	-0,50	-0,74	-0,48	-0,22	0,16	0,10	-0,15
ΔH	0,41	0,20	0,26	0,27	0,39	0,43	0,66	0,44	0,75	0,26	0,39	0,21

Mực nước trung bình năm: 0,10

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,61 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,74 Ngày: 17/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,35

2. Công trình: QT9-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,61									
2												
3					2,61	2,54	2,68	2,84	2,94	2,83		
4												
5												
6	2,91	2,64	2,56	2,38	2,56	2,59	2,63	2,89	2,88	2,78	2,74	2,57
7												
8												
9					2,51	2,53	2,69	2,94	2,95	2,84		
10												
11												
12	2,86	2,68	2,50	2,44	2,57	2,48	2,74	2,99	2,89	2,89	2,79	2,62
13												
14												
15					2,62	2,54	2,68	3,04	2,96	2,80		
16												
17												
18	2,79	2,73	2,45	2,52	2,57	2,62	2,76	2,99	2,91	2,72	2,74	2,68
19												
20												
21					2,64	2,69	2,84	2,94	2,84	2,64		
22												
23												
24	2,74	2,67	2,39	2,61	2,59	2,74	2,79	2,89	2,79	2,55	2,68	2,59
25												
26												
27					2,54	2,79	2,74	2,95	2,84	2,64		
28												
29												
30	2,69		2,44	2,67	2,49	2,73	2,80	2,88	2,89	2,69	2,63	2,54
31												
T.Bình	2,80	2,68	2,49	2,52	2,57	2,62	2,73	2,93	2,89	2,74	2,72	2,60
Max	2,91	2,73	2,61	2,67	2,64	2,79	2,84	3,04	2,96	2,89	2,79	2,68
Min	2,69	2,64	2,39	2,38	2,49	2,48	2,63	2,84	2,79	2,55	2,63	2,54
ΔH	0,22	0,09	0,22	0,29	0,15	0,31	0,21	0,20	0,17	0,34	0,16	0,14

Mực nước trung bình năm: 2,71

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,04 Ngày: 15/08/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,38 Ngày: 06/04/2023

Biên độ dao động năm: 0,66

3. Công trình QT14-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	3,00	2,76	2,92	2,90	2,71	2,12	2,25	2,14	2,47	3,00		
2	3,01	2,77	2,93	2,75	2,54	2,39	2,16	2,22	2,40	3,04		
3	3,04	2,84	2,92	2,73	2,60	2,02	2,15	2,40	2,35	3,03		
4	3,10	2,84	2,79	2,76	2,64	2,15	2,14	2,54	2,43	2,96		
5	3,18	2,80	2,77	2,67	2,50	2,01	2,21	2,55	2,52	2,94		
6	3,24	2,93	2,81	2,76	2,48	2,17	2,12	2,48	2,66	2,91	2,25	2,26
7	3,08	2,95	2,86	2,78	2,36	2,08	2,05	2,45	2,61	2,95		
8	2,92	2,97	2,86	2,86	2,50	2,13	1,99	2,59	2,60	2,99		
9	3,04	2,93	2,78	2,83	2,56	2,02	1,89	2,39	2,72	2,89		
10	3,11	3,02	2,74	2,79	2,63	2,19	1,92	2,43	2,72	2,90		
11	3,19	2,91	2,78	2,91	2,63	2,10	1,84	2,44	2,62	2,96		
12	3,13	2,87	2,71	2,96	2,73	2,10	1,81	2,58	2,56	2,91	2,33	2,32
13	2,86	2,86	2,83	2,95	2,81	2,38	1,76	2,56	2,67	2,91		
14	2,74	2,95	2,82	2,88	2,85	2,04	1,77	2,68	2,69	2,87		
15	2,75	2,98	2,81	2,88	2,75	1,96	1,77	2,74	2,75	2,81		
16	2,82	3,02	2,78	2,77	2,76	1,98	1,73	2,61	2,90	2,85		
17	2,77	2,99	2,77	2,85	2,60	2,13	1,72	2,49	2,95	2,84		
18	2,62	2,95	2,72	2,78	2,39	2,11	1,75	2,45	2,94	2,86	2,42	2,37
19	2,49	2,82	2,74	2,71	2,33	2,10	2,04	2,43	2,99	2,77		
20	2,28	2,84	2,80	2,73	2,33	2,17	2,22	2,63	2,90	2,87		
21	2,11	2,91	2,72	2,71	2,19	1,92	2,34	2,62	2,88	3,02		
22	2,32	2,95	2,64	2,65	2,13	1,74	2,30	2,54	2,81			
23	2,61	2,96	2,59	2,55	2,16	1,85	2,19	2,54	2,79			
24	2,67	2,97	2,52	2,70	2,21	2,23	2,21	2,59	2,74	2,13	2,36	2,29
25	2,61	2,99	2,58	2,81	2,23	2,12	2,21	2,67	2,82			
26	2,61	2,83	2,69	2,96	2,17	2,29	2,16	2,64	3,05			
27	2,63	2,93	2,82	2,82	2,20	2,39	2,09	2,50	3,23	2,26		
28	2,68	2,93	2,86	2,79	2,14	2,51	2,00	2,57	3,35			
29	2,65		2,77	2,74	2,13	2,39	1,95	2,59	3,33			
30	2,62		2,83	2,80	2,15	2,34	1,96	2,57	3,18	2,19	2,31	2,24
31	2,74		2,91		2,15		2,05	2,55				
T.Bình	2,79	2,91	2,78	2,79	2,44	2,14	2,02	2,52	2,79	2,91	2,33	2,29
Max	3,45	3,23	3,14	3,16	3,03	2,71	2,63	2,93	3,51	3,38	2,42	2,37
Min	1,51	2,50	2,33	2,25	1,84	1,33	1,34	1,97	2,12	2,13	2,25	2,24
ΔH	1,94	0,73	0,81	0,91	1,19	1,38	1,29	0,96	1,39	1,25	0,17	0,13

Mực nước trung bình năm: 2,60

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,51 Ngày: 29/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,33 Ngày: 22/06/2023

Biên độ dao động năm: 2,18

4. Công trình: QT1-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,28	1,19	1,20	0,87	0,99	0,95	0,91	1,06	1,08	1,38	1,24	1,18
2	1,28	1,17	1,17	0,88	1,01	0,94	0,89	1,07	1,10	1,39	1,24	1,20
3	1,27	1,17	1,17	0,89	1,02	0,94	0,87	1,09	1,11	1,41	1,23	1,21
4	1,28	1,19	1,18	0,90	1,03	0,95	0,85	1,09	1,11	1,42	1,21	1,20
5	1,29	1,20	1,16	0,90	1,02	0,97	0,84	1,09	1,11	1,40	1,19	1,19
6	1,27	1,21	1,14	0,88	1,01	0,98	0,83	1,07	1,12	1,38	1,16	1,16
7	1,25	1,22	1,15	0,85	0,99	0,97	0,84	1,06	1,11	1,40	1,16	1,11
8	1,25	1,20	1,15	0,86	0,96	0,97	0,83	1,06	1,10	1,41	1,16	1,10
9	1,23	1,20	1,11	0,88	0,99	0,96	0,83	1,06	1,11	1,38	1,17	1,10
10	1,22	1,21	1,10	0,91	1,03	0,96	0,82	1,07	1,15	1,35	1,15	1,10
11	1,22	1,22	1,10	0,91	1,06	0,96	0,82	1,07	1,16	1,36	1,11	1,07
12	1,25	1,22	1,08	0,90	1,09	0,95	0,82	1,08	1,16	1,38	1,13	1,05
13	1,25	1,18	1,07	0,90	1,09	0,95	0,82	1,08	1,16	1,39	1,23	1,05
14	1,22	1,15	1,09	0,91	1,09	0,94	0,82	1,08	1,17	1,40	1,23	1,07
15	1,20	1,15	1,11	0,91	1,10	0,92	0,80	1,08	1,17	1,37	1,26	1,08
16	1,17	1,19	1,07	0,89	1,13	0,90	0,79	1,08	1,21	1,35	1,24	1,08
17	1,18	1,20	1,05	0,90	1,12	0,89	0,81	1,07	1,24	1,37	1,19	1,06
18	1,18	1,21	1,04	0,91	1,10	0,87	0,86	1,06	1,25	1,38	1,19	1,11
19	1,16	1,17	1,04	0,90	1,06	0,87	0,90	1,06	1,25	1,34	1,19	1,12
20	1,16	1,17	1,04	0,88	1,02	0,85	0,95	1,08	1,24	1,30	1,19	1,08
21	1,15	1,19	1,04	0,86	1,00	0,83	0,98	1,08	1,25	1,26	1,17	1,08
22	1,15	1,26	1,01	0,85	0,98	0,82	1,01	1,08	1,24	1,26	1,16	1,09
23	1,18	1,26	1,00	0,83	0,95	0,81	1,03	1,08	1,23	1,29	1,15	1,10
24	1,16	1,24	0,94	0,90	0,95	0,82	1,06	1,07	1,23	1,25	1,13	1,18
25	1,19	1,21	0,86	0,96	0,96	0,83	1,07	1,09	1,29	1,23	1,14	
26	1,22	1,22	0,85	0,97	0,97	0,87	1,09	1,09	1,41	1,22	1,18	
27	1,21	1,24	0,85	1,00	0,97	0,90	1,10	1,08	1,49	1,21	1,17	
28	1,21	1,24	0,84	1,01	0,96	0,91	1,09	1,08	1,47	1,18	1,16	
29	1,21		0,85	1,01	0,98	0,92	1,10	1,07	1,44	1,20	1,16	
30	1,19		0,85	0,99	0,98	0,92	1,10	1,07	1,40	1,21	1,16	1,07
31	1,20		0,85		0,97		1,07	1,07		1,23		
T.Bình	1,22	1,20	1,04	0,91	1,02	0,91	0,92	1,07	1,22	1,33	1,18	1,11
Max	1,40	1,34	1,31	1,12	1,21	1,12	1,20	1,23	1,62	1,54	1,41	1,32
Min	0,96	1,00	0,73	0,70	0,80	0,68	0,66	0,89	0,93	1,06	0,98	0,89
ΔH	0,44	0,34	0,58	0,42	0,41	0,44	0,54	0,34	0,69	0,48	0,43	0,43

Mực nước trung bình năm: 1,09

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,62 Ngày: 27/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,66 Ngày: 16/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,96

5. Công trình: QT3-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,04									
2												
3					0,23	-0,51	0,01	0,69	0,76	1,84		
4												
5												
6	1,14	0,24	0,14	0,09	0,14	0,04	-0,11	0,94	0,79	1,79	1,89	0,82
7												
8												
9					0,21	-0,36	-0,16	0,93	0,81	1,74		
10												
11												
12	1,09	0,09	0,09	0,04	0,34	-0,46	-0,09	0,92	0,84	1,78	1,84	0,73
13												
14												
15					0,17	-0,51	-0,12	0,91	0,89	1,82		
16												
17												
18	1,04	-0,03	0,14	0,49	-0,04	-0,56	-0,11	0,88	0,94	1,86	1,34	0,61
19												
20												
21					-0,20	-0,61	-0,08	0,86	0,99	1,90		
22												
23												
24	0,99	-0,16	0,29	0,94	-0,31	-0,06	0,14	0,84	1,04	1,94	1,04	0,54
25												
26												
27					-0,36	0,04	0,29	0,82	2,14	2,16		
28												
29												
30	0,64		0,24	0,31	-0,43	0,12	0,56	0,79	1,94	2,02	0,93	0,49
31												
T.Bình	0,98	0,04	0,16	0,37	-0,03	-0,29	0,03	0,86	1,11	1,89	1,41	0,64
Max	1,14	0,24	0,29	0,94	0,34	0,12	0,56	0,94	2,14	2,16	1,89	0,82
Min	0,64	-0,16	0,04	0,04	-0,43	-0,61	-0,16	0,69	0,76	1,74	0,93	0,49
ΔH	0,50	0,40	0,25	0,90	0,77	0,73	0,72	0,25	1,38	0,42	0,96	0,33

Mực nước trung bình năm: 0,60

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,16 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,61 Ngày: 21/06/2023

Biên độ dao động năm: 2,77

6. Công trình: QT12a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,02									
2												
3					-0,10	-0,36	-0,26	-0,32	-0,31	0,18		
4												
5												
6	0,06	-0,04	-0,04	0,06	-0,04	-0,25	-0,29	-0,33	-0,34	0,16	0,26	0,16
7												
8												
9					-0,07	-0,32	-0,32	-0,24	-0,29	0,26		
10												
11												
12	0,03	0,01	-0,06	0,02	-0,10	-0,34	-0,35	-0,22	-0,27	0,34	0,36	0,06
13												
14												
15					-0,14	-0,36	-0,38	-0,20	-0,25	0,46		
16												
17												
18	0,00	-0,01	-0,08	-0,02	-0,17	-0,37	-0,34	-0,18	-0,23	0,28	0,16	0,11
19												
20												
21					-0,20	-0,38	-0,30	-0,16	-0,21	0,21		
22												
23												
24	-0,04	-0,04	0,01	-0,04	-0,24	-0,39	-0,24	-0,14	-0,19	0,18	0,11	0,16
25												
26												
27					-0,29	-0,30	-0,29	-0,24	0,36	0,41		
28												
29												
30	-0,05		-0,04	-0,08	-0,32	-0,22	-0,31	-0,27	0,21	0,38	0,21	0,14
31												
T.Bình	0,00	-0,02	-0,03	-0,01	-0,17	-0,33	-0,31	-0,23	-0,15	0,29	0,22	0,13
Max	0,06	0,01	0,02	0,06	-0,04	-0,22	-0,24	-0,14	0,36	0,46	0,36	0,16
Min	-0,05	-0,04	-0,08	-0,08	-0,32	-0,39	-0,38	-0,33	-0,34	0,16	0,11	0,06
ΔH	0,11	0,05	0,10	0,14	0,28	0,17	0,14	0,19	0,70	0,30	0,25	0,10

Mực nước trung bình năm: -0,08

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,46 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,39 Ngày: 24/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,85

7. Công trình: QT1-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	3,21	3,37	3,02	2,40	2,37	2,88	2,79	2,58	2,08	2,67	3,98	4,45
2	3,19	3,36	2,99	2,39	2,42	2,87	2,78	2,57	2,07	2,71	4,06	4,63
3	3,17	3,35	2,97	2,37	2,49	2,85	2,77	2,56	2,07	2,73	4,10	4,67
4	3,40	3,34	2,95	2,36	2,52	2,84	2,76	2,56	2,03	2,75	4,09	4,65
5	3,55	3,32	2,95	2,35	2,53	2,83	2,75	2,56	2,03	2,76	4,38	4,61
6	3,56	3,32	2,95	2,34	2,54	2,84	2,75	2,56	2,04	2,76	4,61	4,57
7	3,58	3,30	2,95	2,32	2,55	2,86	2,74	2,56	2,03	2,74	4,56	4,53
8	3,58	3,29	2,95	2,31	2,56	2,86	2,73	2,56	2,03	2,70	4,58	4,53
9	3,59	3,28	2,95	2,30	2,59	2,85	2,72	2,57	2,02	2,70	4,59	4,53
10	3,59	3,27	2,95	2,29	2,63	2,84	2,71	2,57	2,01	2,70	4,58	4,50
11	3,61	3,26	2,95	2,27	2,66	2,84	2,70	2,57	2,00	2,71	4,57	4,47
12	3,63	3,25	2,95	2,26	2,70	2,83	2,70	2,57	2,00	2,72	4,53	4,45
13	3,63	3,24	2,95	2,25	2,81	2,82	2,69	2,56	1,99	2,76	4,85	4,42
14	3,66	3,23	2,95	2,24	2,91	2,82	2,68	2,55	1,97	2,90	5,21	4,38
15	3,68	3,22	2,95	2,22	2,97	2,81	2,67	2,55	1,96	3,24	5,21	4,37
16	3,72	3,20	2,95	2,21	2,99	2,80	2,65	2,55	1,95	3,36	5,17	4,33
17	3,69	3,19	2,94	2,20	3,00	2,79	2,64	2,56	1,95	3,41	5,13	4,23
18	3,66	3,18	2,95	2,19	3,01	2,78	2,64	2,58	1,95	3,42	5,11	4,20
19	3,62	3,19	2,94	2,18	3,01	2,78	2,63	2,57	1,99	3,45	5,08	4,18
20	3,59	3,19	2,96	2,17	3,01	2,77	2,63	2,54	2,04	3,45	5,06	4,14
21	3,56	3,18	2,94	2,16	3,01	2,76	2,62	2,56	2,04	3,44	5,03	4,10
22	3,52	3,17	2,96	2,14	3,00	2,75	2,62	2,58	2,04	3,42	5,00	4,08
23	3,49	3,16	2,94	2,13	2,99	2,75	2,62	2,59	2,03	3,41	4,99	4,06
24	3,47	3,14	2,77	2,12	2,98	2,79	2,62	2,38	2,02	3,42	4,92	4,23
25	3,45	3,09	2,49	2,13	2,97	2,83	2,62	2,13	2,01	3,45	4,50	4,47
26	3,44	3,07	2,48	2,19	2,96	2,81	2,61	2,13	2,06	3,45	4,42	4,46
27	3,43	3,04	2,47	2,22	2,95	2,81	2,61	2,12	2,20	3,44	4,41	4,45
28	3,42	3,03	2,45	2,25	2,93	2,80	2,60	2,09	2,37	3,42	4,41	4,44
29	3,40		2,44	2,28	2,92	2,80	2,59	2,07	2,46	3,41	4,39	4,43
30	3,39		2,43	2,32	2,91	2,80	2,59	2,06	2,57	3,48	4,35	4,41
31	3,38		2,42		2,90		2,59	2,06		3,80		4,39
T.Bình	3,51	3,22	2,84	2,25	2,80	2,82	2,67	2,45	2,07	3,12	4,66	4,40
Max	3,73	3,37	3,02	2,41	3,02	2,89	2,81	2,65	2,63	3,93	5,22	4,68
Min	3,16	3,02	2,41	2,11	2,35	2,73	2,58	2,05	1,95	2,62	3,93	4,05
ΔH	0,57	0,35	0,61	0,30	0,67	0,16	0,23	0,60	0,68	1,31	1,29	0,63

Mực nước trung bình năm: 3,07

Mực nước lớn nhất trong năm: 5,22 Ngày: 14/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,95 Ngày: 15/09/2023

Biên độ dao động năm: 3,27

8. Công trình: QT3a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,20	1,14	1,00	1,18	1,03	0,69	1,03	0,88	0,80	1,12	1,50	1,87
2	1,10	1,18	0,94	1,17	0,91	0,72	0,95	0,93	0,81	1,05	1,40	2,03
3	1,10	1,28	1,01	1,15	0,86	0,74	0,97	1,06	0,83	1,03	1,35	1,95
4	1,17	1,30	1,09	1,13	0,87	0,78	1,03	1,06	0,86	0,98	1,37	1,92
5	1,21	1,20	1,20	1,12	0,87	0,83	1,08	1,07	0,85	0,92	1,36	1,92
6	1,15	1,08	1,21	1,12	0,78	0,93	1,06	1,01	0,92	0,86	1,37	1,89
7	1,11	1,09	1,15	1,13	0,76	0,91	1,08	0,91	1,07	0,84	1,38	1,85
8	1,11	1,09	0,98	1,17	0,80	1,05	1,13	0,81	1,11	1,26	1,36	1,82
9	1,09	1,09	0,87	1,20	0,84	0,90	1,13	0,73	1,08	1,30	1,33	1,78
10	1,01	1,09	0,86	0,98	0,79	0,78	1,10	0,79	1,06	1,35	1,34	1,79
11	1,07	1,06	0,85	1,01	0,76	0,72	0,92	0,83	1,04	1,38	1,36	1,78
12	1,08	1,07	0,84	0,97	0,90	0,72	0,84	0,86	1,10	1,38	1,40	1,78
13	1,07	1,13	0,88	0,93	1,17	0,73	0,84	0,88	1,11	1,45	1,52	1,78
14	1,10	1,16	0,98	0,89	1,04	0,74	0,87	0,83	1,08	1,49	1,62	1,81
15	1,09	1,20	0,99	0,99	0,89	0,74	0,91	0,79	1,08	1,50	1,66	1,86
16	1,10	1,14	1,00	1,23	0,81	0,75	0,93	0,81	1,11	1,52	1,68	1,87
17	1,13	1,11	1,04	1,28	0,78	0,76	0,95	0,81	1,13	1,54	1,64	1,93
18	1,13	1,17	1,07	1,29	0,78	0,78	0,96	0,77	1,14	1,60	1,58	2,04
19	1,14	1,21	1,12	1,28	0,76	0,82	0,96	0,74	1,14	1,61	1,61	2,06
20	1,15	1,23	1,18	1,25	0,75	0,79	0,97	0,76	1,13	1,64	1,68	2,04
21	1,14	1,17	1,22	1,24	0,73	0,78	0,96	0,80	1,11	1,66	1,71	2,02
22	1,16	1,04	1,22	1,22	0,70	0,79	0,92	0,84	1,10	1,65	1,70	2,03
23	1,19	1,04	1,23	1,21	0,69	0,79	0,92	0,86	1,12	1,62	1,71	2,00
24	1,21	1,03	1,29	1,18	0,71	0,81	0,87	0,84	1,12	1,63	1,70	1,95
25	1,20	1,02	1,30	1,03	0,72	0,88	0,77	0,83	1,07	1,62	1,70	1,88
26	1,19	1,02	1,37	1,07	0,73	0,98	0,75	0,81	1,36	1,61	1,70	1,81
27	1,19	1,08	1,43	1,06	0,73	1,04	0,77	0,80	1,53	1,54	1,69	1,73
28	1,22	1,11	1,38	0,97	0,75	1,07	0,78	0,79	1,48	1,55	1,68	1,67
29	1,25		1,27	0,91	0,76	1,00	0,80	0,78	1,38	1,58	1,67	1,58
30	1,18		1,20	1,05	0,71	1,05	0,83	0,77	1,26	1,69	1,66	1,52
31	1,13		1,17		0,68		0,82	0,78		1,64		1,46
T.Bình	1,14	1,13	1,11	1,11	0,81	0,84	0,93	0,85	1,10	1,41	1,55	1,85
Max	1,26	1,32	1,44	1,32	1,23	1,09	1,24	1,10	1,56	1,73	1,73	2,10
Min	1,00	1,00	0,83	0,82	0,66	0,68	0,72	0,70	0,78	0,75	1,32	1,42
ΔH	0,26	0,32	0,61	0,50	0,57	0,41	0,52	0,40	0,78	0,98	0,41	0,68

Mực nước trung bình năm: 1,15

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,10 Ngày: 19/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,66 Ngày: 23/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,44

9. Công trình: QT4a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,65									
2												
3									0,04	0,71	1,60	1,59
4												
5												
6	0,99	0,79	0,61	0,66	0,50	0,66	0,36	0,34	0,01	0,74	1,55	1,54
7												
8												
9									0,15	1,03	1,49	1,49
10												
11												
12	0,96	0,74	0,69	0,62	0,75	0,57	0,30	0,18	0,11	0,95	1,40	1,44
13												
14												
15						0,41			0,09	1,05	1,62	1,35
16												
17												
18	0,92	0,71	0,67	0,65	0,71	0,34	0,25	0,11	0,30	1,01	1,58	1,56
19												
20												
21									0,25	1,09	1,48	1,58
22												
23												
24	0,89	0,68	0,64	0,68	0,70	0,28	0,21	0,09	0,21	1,06	1,40	1,49
25												
26												
27									0,84	1,01	1,36	1,41
28												
29												
30	0,84		0,61	0,59	0,68	0,31	0,16	0,07	0,75	1,35	1,33	1,34
31												
T.Bình	0,92	0,73	0,64	0,64	0,66	0,42	0,25	0,15	0,27	1,00	1,48	1,48
Max	0,99	0,79	0,69	0,68	0,75	0,66	0,36	0,34	0,84	1,35	1,62	1,59
Min	0,84	0,68	0,61	0,59	0,50	0,28	0,16	0,07	0,01	0,71	1,33	1,34
ΔH	0,15	0,11	0,08	0,09	0,25	0,38	0,20	0,27	0,83	0,64	0,29	0,25

Mực nước trung bình năm: 0,80

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,62 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,01 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,61

10. Công trình: QT9a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,34	1,21	1,24	1,14	1,22	1,06	0,87	0,84	1,15	1,35	1,56	1,61
2	1,29	1,23	1,23	1,15	1,21	0,99	0,84	0,86	1,10	1,33	1,46	1,64
3	1,32	1,29	1,23	1,11	1,18	0,98	0,84	0,93	0,92	1,33	1,39	1,63
4	1,24	1,29	1,23	1,14	1,20	0,97	0,85	1,01	0,94	1,24	1,40	1,60
5	1,25	1,33	1,24	1,11	1,19	0,96	0,91	0,95	1,09	1,13	1,40	1,54
6	1,27	1,34	1,24	1,08	1,12	0,97	0,81	0,91	1,21	1,02	1,27	1,50
7	1,27	1,31	1,24	1,06	1,13	0,98	0,93	0,92	1,31	1,29	1,34	1,47
8	1,28	1,24	1,26	1,08	1,22	1,02	0,72	1,07	1,37	1,60	1,33	1,44
9	1,30	1,23	1,30	1,03	1,19	1,01	0,77	0,84	1,51	1,63	1,32	1,42
10	1,27	1,22	1,25	1,11	1,18	1,00	0,80	0,88	1,34	1,57	1,26	1,39
11	1,28	1,22	1,24	1,08	1,21	0,97	0,84	0,86	1,41	1,26	1,26	1,47
12	1,29	1,20	1,26	1,18	1,31	0,95	0,80	0,86	1,12	1,26	1,32	1,39
13	1,33	1,20	1,26	1,19	1,36	0,93	0,79	0,84	0,99	1,50	1,39	1,30
14	1,28	1,19	1,28	1,09	1,36	0,92	0,79	0,85	1,01	1,53	1,49	1,37
15	1,26	1,20	1,30	1,10	1,28	0,93	0,77	0,84	1,22	1,54	1,41	1,40
16	1,18	1,21	1,28	1,16	1,25	0,94	0,78	0,83	1,13	1,51	1,49	1,40
17	1,19	1,21	1,28	1,15	1,18	0,83	0,82	0,82	1,19	1,50	1,43	1,55
18	1,18	1,22	1,28	1,20	1,24	0,82	0,82	0,80	1,22	1,35	1,39	1,56
19	1,21	1,21	1,28	1,23	1,10	0,85	0,82	0,83	1,14	1,45	1,37	1,59
20	1,19	1,21	1,29	1,23	1,05	0,85	0,83	0,90	1,20	1,47	1,37	1,47
21	1,15	1,21	1,29	1,24	1,03	0,84	0,87	0,83	1,32	1,39	1,37	1,49
22	1,16	1,24	1,28	1,22	1,00	0,83	0,90	0,80	1,20	1,41	1,39	1,45
23	1,15	1,21	1,20	1,22	1,00	0,82	0,91	0,80	1,24	1,40	1,45	1,48
24	1,26	1,22	1,19	1,18	1,02	0,83	0,92	0,81	1,30	1,51	1,46	1,58
25	1,22	1,24	1,10	1,18	1,04	0,86	0,89	0,89	1,24	1,49	1,44	1,52
26	1,21	1,29	1,13	1,15	1,00	0,92	0,89	0,85	1,38	1,50	1,50	1,50
27	1,21	1,24	1,23	1,19	0,97	0,92	0,87	0,80	1,39	1,49	1,55	1,47
28	1,21	1,33	1,17	1,15	0,98	0,91	0,84	0,79	1,37	1,30	1,50	1,50
29	1,20		1,25	1,22	1,00	0,91	0,79	0,80	1,34	1,23	1,47	1,49
30	1,21		1,18	1,24	1,03	0,90	0,83	0,88	1,40	1,46	1,48	1,44
31	1,21		1,23		1,13		0,83	1,05		1,52		1,43
T.Bình	1,24	1,24	1,24	1,15	1,14	0,92	0,84	0,87	1,23	1,41	1,41	1,49
Max	1,47	1,48	1,42	1,47	1,56	1,18	1,15	1,23	1,57	1,73	1,70	1,67
Min	1,09	1,14	0,92	0,90	0,94	0,73	0,68	0,70	0,83	1,00	1,23	1,18
ΔH	0,38	0,34	0,50	0,57	0,62	0,45	0,47	0,53	0,74	0,73	0,47	0,49

Mực nước trung bình năm: 1,18

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,73 Ngày: 16/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,68 Ngày: 08/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,05

11. Công trình: QT10a-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,71	1,43	1,55	1,20	1,14	1,00	1,02	1,00	1,15	1,37	1,63	1,57
2	1,69	1,40	1,55	1,20	1,16	1,00	1,01	1,01	1,20	1,37	1,62	1,60
3	1,68	1,38	1,55	1,19	1,17	1,01	0,99	1,02	1,22	1,38	1,60	1,61
4	1,70	1,39	1,55	1,19	1,18	1,02	0,99	1,01	1,21	1,40	1,56	1,58
5	1,69	1,39	1,55	1,19	1,17	1,01	0,99	0,99	1,20	1,40	1,52	1,56
6	1,65	1,38	1,55	1,17	1,16	1,01	0,99	0,98	1,22	1,38	1,49	1,52
7	1,62	1,38	1,55	1,17	1,15	1,01	0,98	0,97	1,20	1,38	1,49	1,52
8	1,59	1,36	1,55	1,19	1,12	1,01	0,98	0,95	1,19	1,40	1,51	1,52
9	1,56	1,36	1,55	1,22	1,13	1,01	0,98	0,94	1,18	1,41	1,52	1,49
10	1,53	1,35	1,55	1,25	1,18	1,01	0,96	0,95	1,18	1,44	1,51	1,46
11	1,51	1,34	1,55	1,24	1,19	1,03	0,95	0,95	1,17	1,53	1,49	1,42
12	1,51	1,32	1,55	1,22	1,21	1,04	0,97	0,95	1,16	1,60	1,53	1,40
13	1,48	1,29	1,55	1,21	1,22	1,04	0,98	0,95	1,15	1,71	1,66	1,40
14	1,43	1,31	1,55	1,21	1,21	1,03	0,98	0,95	1,14	1,73	1,76	1,41
15	1,39	1,48	1,55	1,21	1,19	1,02	0,98	0,95	1,16	1,71	1,86	1,42
16	1,41	1,61	1,55	1,18	1,18	1,01	0,99	0,95	1,23	1,73	1,87	1,41
17	1,46	1,63	1,55	1,17	1,17	1,02	1,01	0,96	1,25	1,75	1,81	1,50
18	1,50	1,58	1,55	1,18	1,16	1,02	1,05	0,96	1,25	1,79	1,73	1,66
19	1,50	1,53	1,55	1,17	1,14	1,01	1,02	0,97	1,23	1,72	1,67	1,68
20	1,48	1,50	1,55	1,17	1,13	1,00	1,04	0,98	1,22	1,65	1,63	1,71
21	1,46	1,52	1,55	1,17	1,12	1,00	1,05	0,98	1,22	1,62	1,58	1,73
22	1,43	1,55	1,55	1,16	1,11	0,99	1,04	0,99	1,21	1,62	1,56	1,79
23	1,45	1,53	1,55	1,16	1,09	1,00	1,02	0,98	1,21	1,63	1,54	1,85
24	1,43	1,55	1,16	1,16	1,08	1,00	1,02	1,00	1,21	1,65	1,50	1,88
25	1,47	1,55	1,17	1,16	1,08	1,02	1,05	0,98	1,32	1,67	1,51	1,86
26	1,49	1,55	1,19	1,16	1,07	1,04	1,05	0,98	1,44	1,67	1,63	1,86
27	1,48	1,55	1,21	1,18	1,07	1,04	1,05	0,98	1,43	1,68	1,63	1,85
28	1,50	1,55	1,21	1,18	1,06	1,04	1,05	0,98	1,42	1,65	1,58	1,85
29	1,51		1,22	1,18	1,04	1,04	1,05	1,01	1,40	1,65	1,55	1,82
30	1,48		1,22	1,15	1,04	1,04	1,04	1,03	1,38	1,65	1,55	1,80
31	1,45		1,21		1,04		1,01	1,10		1,66		1,79
T.Bình	1,52	1,46	1,46	1,19	1,13	1,02	1,01	0,98	1,24	1,58	1,60	1,63
Max	1,73	1,65	1,55	1,27	1,24	1,08	1,08	1,15	1,46	1,82	1,91	1,89
Min	1,37	1,26	1,14	1,11	1,01	0,96	0,93	0,91	1,11	1,32	1,47	1,37
ΔH	0,36	0,39	0,41	0,16	0,23	0,12	0,15	0,24	0,35	0,50	0,44	0,52

Mực nước trung bình năm: 1,32

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,91 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,91 Ngày: 10/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,00

12. Công trình: QT3a-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,25	1,23	1,22	1,16	1,01	1,01	1,01	0,99	1,08	1,21	1,33	1,34
2	1,26	1,23	1,21	1,15	1,00	0,98	1,00	1,00	1,06	1,20	1,35	1,36
3	1,29	1,23	1,21	1,14	0,99	0,96	1,00	1,00	1,06	1,23	1,35	1,34
4	1,28	1,22	1,20	1,14	0,99	0,97	1,01	0,99	1,09	1,27	1,33	1,33
5	1,26	1,22	1,20	1,13	0,98	1,00	1,00	0,97	1,10	1,25	1,32	1,36
6	1,24	1,21	1,19	1,13	0,96	1,09	0,98	0,95	1,23	1,23	1,33	1,33
7	1,26	1,20	1,18	1,13	0,94	1,09	0,98	0,92	1,21	1,26	1,34	1,36
8	1,25	1,21	1,18	1,13	0,87	1,09	0,97	0,90	1,20	1,26	1,37	1,34
9	1,25	1,21	1,19	1,13	0,90	1,08	0,96	0,88	1,17	1,32	1,34	1,32
10	1,23	1,21	1,19	1,13	0,94	1,08	0,97	0,86	1,18	1,37	1,34	1,31
11	1,23	1,21	1,18	1,12	0,99	1,06	0,98	0,86	1,16	1,51	1,33	1,30
12	1,22	1,20	1,17	1,12	1,06	1,06	0,97	0,88	1,14	1,47	1,33	1,30
13	1,21	1,20	1,18	1,12	1,16	1,06	0,97	0,87	1,12	1,63	1,42	1,30
14	1,21	1,20	1,19	1,11	1,16	1,05	0,97	0,93	1,11	1,71	1,41	1,30
15	1,20	1,28	1,18	1,11	1,15	1,03	0,96	0,96	1,13	1,60	1,59	1,30
16	1,20	1,28	1,17	1,14	1,14	1,06	0,96	0,94	1,18	1,50	1,67	1,29
17	1,21	1,25	1,17	1,13	1,12	1,12	0,97	0,90	1,19	1,46	1,55	1,34
18	1,28	1,24	1,16	1,11	1,11	1,10	0,96	0,87	1,17	1,53	1,44	1,38
19	1,25	1,24	1,16	1,10	1,10	1,09	0,95	0,86	1,14	1,48	1,37	1,33
20	1,24	1,28	1,16	1,09	1,08	1,08	0,94	0,86	1,12	1,40	1,36	1,39
21	1,23	1,25	1,15	1,09	1,07	1,06	1,03	0,86	1,11	1,36	1,34	1,42
22	1,22	1,24	1,15	1,09	1,07	1,06	1,01	0,85	1,10	1,38	1,33	1,46
23	1,22	1,23	1,14	1,09	1,06	1,05	0,99	0,85	1,09	1,48	1,31	1,48
24	1,21	1,22	1,14	1,08	1,04	1,03	0,97	0,88	1,11	1,57	1,30	1,51
25	1,25	1,22	1,15	1,06	1,05	1,04	0,96	1,08	1,28	1,47	1,33	1,50
26	1,22	1,22	1,15	1,04	1,04	1,03	0,95	1,05	1,33	1,40	1,42	1,50
27	1,23	1,24	1,17	1,02	1,04	1,02	0,95	1,07	1,28	1,36	1,36	1,49
28	1,29	1,23	1,17	0,99	1,03	1,03	0,93	1,08	1,26	1,35	1,34	1,48
29	1,27		1,17	0,98	1,03	1,02	0,93	1,05	1,24	1,34	1,34	1,47
30	1,24		1,17	0,99	1,03	1,02	0,94	1,07	1,22	1,35	1,35	1,47
31	1,24		1,16		1,02		0,96	1,06		1,35		1,46
T.Bình	1,24	1,23	1,17	1,10	1,04	1,05	0,97	0,94	1,16	1,40	1,38	1,38
Max	1,33	1,32	1,23	1,16	1,18	1,12	1,04	1,10	1,39	1,76	1,72	1,52
Min	1,18	1,19	1,13	0,95	0,84	0,93	0,89	0,82	1,03	1,18	1,29	1,28
ΔH	0,15	0,13	0,10	0,21	0,34	0,19	0,15	0,28	0,36	0,58	0,43	0,24

Mực nước trung bình năm: 1,17

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,76 Ngày: 13/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,82 Ngày: 10/08/2023

Biên độ dao động năm: 0,94

13. Công trình: QT6a-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,83									
2												
3									1,10	1,61	2,15	2,05
4												
5												
6	1,95	1,86	1,80	1,72	1,52	1,49	1,39	1,19	1,22	1,64	2,13	2,01
7												
8												
9									1,35	1,75	2,08	1,98
10												
11												
12	1,90	1,84	1,78	1,75	1,44	1,47	1,33	1,10	1,40	1,90	2,13	1,93
13												
14												
15									1,38	2,17	2,18	1,91
16												
17												
18	1,92	1,89	1,76	1,71	1,51	1,45	1,27	1,05	1,45	2,14	2,07	2,06
19												
20												
21									1,48	2,13	2,00	2,13
22												
23												
24	1,86	1,85	1,72	1,67	1,53	1,46	1,23	1,03	1,44	2,30	1,95	2,17
25												
26												
27										2,20	2,02	2,14
28												
29												
30	1,90		1,70	1,59	1,51	1,43	1,27	1,00	1,55	2,17	1,97	2,10
31												
T.Bình	1,91	1,86	1,77	1,69	1,50	1,46	1,30	1,08	1,38	2,00	2,07	2,05
Max	1,95	1,89	1,83	1,75	1,53	1,49	1,39	1,19	1,55	2,30	2,18	2,17
Min	1,86	1,84	1,70	1,59	1,44	1,43	1,23	1,00	1,10	1,61	1,95	1,91
ΔH	0,09	0,05	0,13	0,16	0,09	0,06	0,16	0,19	0,45	0,69	0,23	0,26

Mực nước trung bình năm: 1,73

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,30 Ngày: 24/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,00 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,30

14. Công trình: QT8a-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	3,78	3,81	3,23									
2	3,76	3,78										
3	3,77	3,75							1,78	2,44	3,95	3,79
4	3,78	3,72										
5	3,75	3,70										
6	3,74	3,67	3,14	2,82	2,35	2,25	2,03	1,76	1,87	2,48	3,81	3,72
7	3,76	3,65										
8	3,73	3,63										
9	3,73	3,60							1,98	2,56	3,78	3,67
10	3,71	3,57										
11	3,70	3,54										
12	3,68	3,51	3,07	2,76	2,23	2,23	1,94	1,70	2,07	2,78	3,75	3,63
13	3,67	3,47										
14	3,65	3,44										
15	3,62	3,36							2,03	4,33	4,05	3,59
16	3,63											
17	3,62											
18	3,69	3,32	2,95	2,67	2,26	2,24	1,89	1,67	2,08	4,23	3,91	3,77
19	3,70											
20	3,69											
21	3,68								2,06	4,14	3,83	3,95
22	3,66											
23	3,65											
24	3,68	3,28	2,84	2,61	2,30	2,22	1,78	1,63	2,05	4,21	3,79	4,06
25	3,83											
26	3,82											
27	3,80									4,13	3,75	4,03
28	3,91											
29	3,95											
30	3,89		2,86	2,49	2,27	2,09	1,80	1,60	2,41	4,00	3,68	4,00
31	3,85											
T.Bình	3,74	3,63	3,01	2,67	2,28	2,20	1,88	1,67	2,03	3,53	3,83	3,82
Max	3,99	3,83	3,23	2,82	2,35	2,25	2,03	1,76	2,41	4,33	4,05	4,06
Min	3,56	3,28	2,84	2,49	2,23	2,09	1,78	1,60	1,78	2,44	3,68	3,59
ΔH	0,43	0,55	0,39	0,33	0,12	0,16	0,25	0,16	0,63	1,89	0,37	0,47

Mực nước trung bình năm: 3,61

Mực nước lớn nhất trong năm: 4,33 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,60 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 2,73

I.2.2. Mực nước thực đo theo giờ

1. Công trình QT8-TH

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,42	0,43	0,44	0,44	0,43	0,41	0,39	0,37	0,35	0,34	0,34	0,37	0,10
2	0,40	0,43	0,45	0,45	0,44	0,42	0,39	0,37	0,35	0,33	0,33	0,35	0,12
3	0,39	0,43	0,45	0,46	0,45	0,44	0,41	0,39	0,37	0,36	0,35	0,37	0,11
4	0,41	0,45	0,48	0,49	0,48	0,47	0,44	0,42	0,39	0,38	0,37	0,37	0,12
5	0,41	0,45	0,48	0,50	0,49	0,48	0,46	0,44	0,42	0,40	0,39	0,39	0,11
6	0,41	0,46	0,49	0,51	0,51	0,50	0,48	0,46	0,44	0,42	0,40	0,40	0,11
7	0,41	0,45	0,49	0,51	0,51	0,50	0,50	0,48	0,46	0,44	0,42	0,41	0,10
8	0,42	0,45	0,49	0,51	0,52	0,52	0,51	0,50	0,48	0,46	0,44	0,43	0,10
9	0,43	0,46	0,49	0,52	0,52	0,51	0,51	0,50	0,49	0,47	0,46	0,44	0,09
10	0,44	0,45	0,49	0,52	0,53	0,52	0,51	0,50	0,49	0,48	0,47	0,46	0,09
11	0,45	0,45	0,48	0,50	0,51	0,50	0,50	0,50	0,50	0,49	0,48	0,47	0,06
12	0,47	0,47	0,48	0,50	0,51	0,51	0,50	0,50	0,50	0,48	0,48	0,47	0,04
13	0,46	0,46	0,47	0,48	0,47	0,46	0,45	0,45	0,45	0,46	0,47	0,47	0,03
14	0,47	0,46	0,47	0,47	0,46	0,45	0,43	0,42	0,42	0,43	0,45	0,46	0,05
15	0,46	0,47	0,47	0,48	0,47	0,45	0,43	0,42	0,42	0,42	0,44	0,46	0,06
16	0,48	0,49	0,50	0,50	0,48	0,46	0,44	0,42	0,41	0,41	0,43	0,46	0,09
17	0,49	0,51	0,52	0,52	0,50	0,47	0,45	0,42	0,41	0,40	0,41	0,44	0,12
18	0,47	0,51	0,52	0,53	0,51	0,48	0,45	0,43	0,41	0,39	0,39	0,41	0,14
19	0,45	0,49	0,52	0,52	0,51	0,43	0,39	0,38	0,37	0,36	0,36	0,38	0,16
20	0,44	0,48	0,51	0,52	0,51	0,48	0,45	0,42	0,39	0,36	0,35	0,35	0,17
21	0,40	0,46	0,50	0,52	0,51	0,49	0,47	0,44	0,42	0,39	0,37	0,36	0,16
22	0,39	0,44	0,48	0,50	0,50	0,49	0,48	0,46	0,44	0,42	0,39	0,37	0,13
23	0,38	0,43	0,46	0,47	0,48	0,47	0,46	0,46	0,45	0,42	0,40	0,38	0,10
24	0,38	0,40	0,43	0,45	0,48	0,44	0,43	0,44	0,45	0,44	0,42	0,40	0,10
25	0,38	0,39	0,41	0,42	0,42	0,41	0,40	0,41	0,42	0,43	0,42	0,41	0,05
26	0,40	0,40	0,41	0,42	0,40	0,38	0,36	0,37	0,39	0,40	0,41	0,42	0,06
27	0,41	0,42	0,42	0,42	0,40	0,38	0,36	0,35	0,36	0,37	0,40	0,41	0,07
28	0,42	0,42	0,42	0,42	0,40	0,37	0,35	0,34	0,34	0,34	0,38	0,41	0,08

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,20	0,20	0,21	0,20	0,19	0,16	0,15	0,14	0,13	0,12	0,13	0,16	0,09
2	0,18	0,20	0,20	0,20	0,19	0,18	0,16	0,15	0,13	0,12	0,12	0,13	0,08
3	0,15	0,17	0,17	0,17	0,15	0,14	0,13	0,13	0,12	0,10	0,09	0,10	0,08
4	0,12	0,14	0,14	0,14	0,14	0,14	0,14	0,15	0,14	0,11	0,10	0,10	0,05
5	0,10	0,11	0,12	0,11	0,10	0,10	0,12	0,14	0,14	0,11	0,09	0,08	0,06
6	0,08	0,08	0,08	0,07	0,06	0,06	0,08	0,11	0,12	0,09	0,07	0,05	0,07
7	0,05	0,05	0,05	0,03	0,02	0,01	0,03	0,07	0,08	0,08	0,08	0,05	0,07
8	0,07	0,06	0,05	0,03	0,02	0,01	0,01	0,07	0,10	0,12	0,12	0,12	0,11
9	0,11	0,10	0,09	0,07	0,05	0,04	0,04	0,08	0,12	0,15	0,16	0,16	0,12
10	0,15	0,14	0,12	0,10	0,08	0,06	0,05	0,08	0,12	0,15	0,17	0,17	0,12
11	0,18	0,17	0,16	0,14	0,11	0,09	0,07	0,08	0,12	0,15	0,18	0,21	0,14
12	0,21	0,22	0,20	0,18	0,15	0,13	0,11	0,11	0,12	0,16	0,19	0,22	0,11
13	0,23	0,23	0,23	0,21	0,18	0,15	0,14	0,13	0,13	0,15	0,18	0,21	0,10
14	0,23	0,23	0,23	0,21	0,19	0,17	0,14	0,13	0,13	0,14	0,17	0,20	0,10
15	0,22	0,23	0,23	0,22	0,21	0,18	0,16	0,15	0,14	0,14	0,16	0,18	0,09
16	0,21	0,22	0,23	0,22	0,21	0,19	0,18	0,18	0,16	0,15	0,14	0,16	0,09
17	0,18	0,19	0,19	0,19	0,19	0,19	0,18	0,17	0,16	0,11	0,10	0,10	0,09
18	0,12	0,13	0,13	0,13	0,12	0,12	0,14	0,15	0,14	0,10	0,08	0,08	0,07
19	0,08	0,09	0,08	0,07	0,06	0,07	0,09	0,12	0,11	0,08	0,06	0,05	0,07
20	0,05	0,04	0,04	0,02	0,01	0,01	0,03	0,07	0,08	0,07	0,05	0,04	0,07
21	0,03	0,02	0,01	0,00	-0,03	-0,04	-0,03	0,02	0,04	0,04	0,02	0,02	0,08
22	0,00	-0,01	-0,02	-0,03	-0,06	-0,08	-0,07	-0,03	-0,01	0,00	-0,01	-0,02	0,08
23	-0,03	-0,04	-0,05	-0,07	-0,09	-0,12	-0,12	-0,09	-0,06	-0,04	-0,02	-0,03	0,10
24	-0,02	-0,03	-0,05	-0,06	-0,08	-0,10	-0,10	-0,08	-0,04	-0,02	0,00	0,02	0,12
25	0,01	0,00	-0,01	-0,03	-0,06	-0,08	-0,09	-0,08	-0,05	-0,03	0,00	0,01	0,10
26	0,01	0,01	0,00	-0,03	-0,06	-0,08	-0,10	-0,09	-0,08	-0,07	-0,05	-0,02	0,11
27	-0,02	-0,02	-0,02	-0,04	-0,07	-0,10	-0,12	-0,12	-0,11	-0,11	-0,08	-0,06	0,10
28	-0,04	-0,04	-0,04	-0,06	-0,08	-0,11	-0,13	-0,14	-0,13	-0,13	-0,11	-0,08	0,10
29	-0,07	-0,06	-0,06	-0,07	-0,09	-0,10	-0,12	-0,12	-0,13	-0,12	-0,11	-0,08	0,07
30	-0,07	-0,06	-0,06	-0,07	-0,08	-0,10	-0,11	-0,12	-0,13	-0,14	-0,14	-0,12	0,08
31	-0,10	-0,09	-0,09	-0,09	-0,11	-0,11	-0,11	-0,11	-0,13	-0,15	-0,16	-0,15	0,07

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,41	-0,45	-0,47	-0,48	-0,48	-0,47	-0,42	-0,37	-0,36	-0,37	-0,36	-0,36	0,12
2	-0,38	-0,41	-0,44	-0,45	-0,46	-0,45	-0,42	-0,34	-0,32	-0,32	-0,31	-0,30	0,16
3	-0,31	-0,34	-0,37	-0,39	-0,39	-0,39	-0,36	-0,32	-0,30	-0,28	-0,27	-0,25	0,14
4	-0,25	-0,27	-0,29	-0,30	-0,31	-0,32	-0,32	-0,28	-0,24	-0,25	-0,23	-0,22	0,10
5	-0,21	-0,21	-0,23	-0,25	-0,25	-0,26	-0,26	-0,26	-0,23	-0,22	-0,21	-0,20	0,06
6	-0,19	-0,19	-0,20	-0,22	-0,23	-0,25	-0,26	-0,26	-0,27	-0,27	-0,26	-0,22	0,08
7	-0,21	-0,21	-0,21	-0,21	-0,21	-0,22	-0,23	-0,24	-0,25	-0,25	-0,24	-0,21	0,04
8	-0,20	-0,20	-0,19	-0,18	-0,17	-0,18	-0,18	-0,19	-0,20	-0,20	-0,19	-0,18	0,03
9	-0,18	-0,18	-0,18	-0,17	-0,15	-0,15	-0,16	-0,17	-0,18	-0,19	-0,20	-0,19	0,05
10	-0,18	-0,20	-0,20	-0,18	-0,16	-0,16	-0,16	-0,16	-0,17	-0,18	-0,18	-0,16	0,04
11	-0,17	-0,18	-0,19	-0,19	-0,15	-0,14	-0,13	-0,12	-0,12	-0,15	-0,15	-0,14	0,07
12	-0,15	-0,16	-0,17	-0,17	-0,15	-0,12	-0,10	-0,10	-0,10	-0,11	-0,11	-0,11	0,07
13	-0,12	-0,14	-0,15	-0,16	-0,15	-0,14	-0,10	-0,09	-0,07	-0,09	-0,09	-0,09	0,09
14	-0,10	-0,12	-0,13	-0,13	-0,12	-0,12	-0,09	-0,07	-0,05	-0,05	-0,05	-0,05	0,08
15	-0,05	-0,07	-0,09	-0,09	-0,10	-0,10	-0,08	-0,05	-0,04	-0,05	-0,05	-0,04	0,06
16	-0,04	-0,06	-0,07	-0,09	-0,11	-0,13	-0,12	-0,09	-0,08	-0,09	-0,08	-0,08	0,09
17	-0,09	-0,11	-0,12	-0,14	-0,16	-0,17	-0,18	-0,15	-0,14	-0,15	-0,16	-0,14	0,09
18	-0,13	-0,15	-0,16	-0,18	-0,20	-0,22	-0,21	-0,19	-0,17	-0,17	-0,17	-0,16	0,09
19	-0,13	-0,13	-0,15	-0,15	-0,17	-0,19	-0,19	-0,17	-0,15	-0,14	-0,13	-0,11	0,08
20	-0,10	-0,10	-0,10	-0,12	-0,12	-0,13	-0,14	-0,13	-0,12	-0,12	-0,11	-0,09	0,05
21	-0,08	-0,07	-0,07	-0,08	-0,10	-0,12	-0,14	-0,16	-0,15	-0,15	-0,16	-0,15	0,09
22	-0,14	-0,14	-0,13	-0,13	-0,15	-0,18	-0,21	-0,22	-0,23	-0,22	-0,22	-0,21	0,10
23	-0,19	-0,19	-0,16	-0,15	-0,15	-0,17	-0,20	-0,21	-0,19	-0,19	-0,21	-0,20	0,06
24	-0,21	-0,20	-0,17	-0,14	-0,12	-0,11	-0,13	-0,14	-0,14	-0,15	-0,15	-0,15	0,10
25	-0,15	-0,15	-0,12	-0,08	-0,06	-0,06	-0,07	-0,09	-0,11	-0,13	-0,14	-0,14	0,09
26	-0,15	-0,17	-0,18	-0,16	-0,12	-0,11	-0,11	-0,13	-0,14	-0,17	-0,19	-0,19	0,08
27	-0,18	-0,20	-0,20	-0,20	-0,18	-0,14	-0,14	-0,13	-0,16	-0,18	-0,21	-0,21	0,08
28	-0,21	-0,21	-0,20	-0,19	-0,18	-0,13	-0,10	-0,09	-0,09	-0,12	-0,13	-0,13	0,12
29	-0,13	-0,15	-0,16	-0,16	-0,15	-0,13	-0,09	-0,07	-0,07	-0,08	-0,09	-0,09	0,09
30	-0,10	-0,12	-0,14	-0,16	-0,15	-0,14	-0,10	-0,06	-0,06	-0,07	-0,08	-0,08	0,10
31	-0,09	-0,11	-0,12	-0,13	-0,14	-0,14	-0,12	-0,09	-0,08	-0,10	-0,10	-0,10	0,06

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,22	0,28	0,32	0,34	0,34	0,31	0,27	0,24	0,22	0,17	0,14	0,14	0,20
2	0,16	0,22	0,27	0,28	0,28	0,27	0,24	0,22	0,19	0,15	0,11	0,11	0,17
3	0,13	0,17	0,22	0,25	0,24	0,23	0,22	0,20	0,17	0,12	0,10	0,10	0,15
4	0,11	0,13	0,18	0,21	0,23	0,23	0,22	0,22	0,19	0,14	0,12	0,12	0,12
5	0,12	0,14	0,18	0,22	0,23	0,24	0,24	0,22	0,19	0,16	0,14	0,13	0,12
6	0,14	0,14	0,16	0,20	0,22	0,24	0,25	0,25	0,24	0,21	0,19	0,19	0,11
7	0,19	0,20	0,20	0,23	0,26	0,26	0,26	0,25	0,24	0,21	0,20	0,20	0,07
8	0,20	0,19	0,19	0,20	0,21	0,20	0,21	0,20	0,18	0,17	0,17	0,18	0,04
9	0,19	0,19	0,19	0,20	0,20	0,22	0,23	0,23	0,20	0,19	0,19	0,20	0,04
10	0,21	0,21	0,20	0,19	0,18	0,19	0,20	0,18	0,17	0,15	0,16	0,17	0,06
11	0,18	0,19	0,18	0,17	0,17	0,16	0,16	0,16	0,14	0,12	0,12	0,15	0,07
12	0,18	0,21	0,20	0,19	0,18	0,16	0,15	0,15	0,14	0,13	0,12	0,14	0,09
13	0,20	0,25	0,25	0,25	0,25	0,26	0,25	0,24	0,22	0,19	0,19	0,10	0,16
14	0,14	0,18	0,20	0,20	0,19	0,17	0,16	0,16	0,14	0,12	0,11	0,11	0,09
15	0,15	0,20	0,24	0,25	0,23	0,20	0,25	0,22	0,20	0,17	0,17	0,19	0,10
16	0,25	0,33	0,38	0,42	0,42	0,41	0,40	0,37	0,34	0,31	0,29	0,30	0,17
17	0,34	0,41	0,47	0,49	0,47	0,45	0,42	0,39	0,35	0,31	0,29	0,30	0,20
18	0,33	0,39	0,44	0,46	0,46	0,45	0,41	0,38	0,34	0,31	0,28	0,28	0,18
19	0,30	0,34	0,39	0,41	0,41	0,40	0,38	0,35	0,31	0,25	0,22	0,21	0,20
20	0,22	0,24	0,27	0,32	0,33	0,35	0,34	0,33	0,28	0,24	0,21	0,19	0,16
21	0,19	0,19	0,22	0,25	0,26	0,26	0,25	0,24	0,20	0,16	0,14	0,14	0,12
22	0,13	0,14	0,15	0,18	0,20	0,21	0,21	0,20	0,20	0,18	0,16	0,16	0,08
23	0,17	0,16	0,17	0,18	0,20	0,21	0,22	0,21	0,19	0,18	0,17	0,18	0,06
24	0,18	0,18	0,18	0,19	0,20								0,02
25													
26													
27													
28													
29													
30							0,13						0,00

2. Công trình QT14-TH

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	2,84	2,92	2,99	2,98	2,88	2,68	2,71	2,63	2,64	2,51	2,59	2,72	0,48
2	2,84	2,92	2,98	2,89	2,87	2,60	2,70	2,64	2,69	2,62	2,71	2,78	0,38
3	2,89	2,98	3,03	3,06	2,87	2,77	2,74	2,76	2,73	2,73	2,70	2,84	0,36
4	2,95	3,03	3,09	3,08	3,00	2,76	2,68	2,71	2,67	2,62	2,71	2,84	0,47
5	2,92	2,97	3,00	2,97	2,79	2,68	2,79	2,66	2,59	2,61	2,72	2,85	0,41
6	2,95	3,03	3,10	3,04	2,99	2,86	2,82	2,91	2,85	2,85	2,83	2,90	0,28
7	3,01	3,09	3,14	3,04	2,95	2,92	2,93	2,90	2,80	2,79	2,87	2,98	0,35
8	3,06	3,12	3,18	3,11	3,02	2,99	2,98	2,93	2,88	2,77	2,75	2,89	0,43
9	2,99	3,08	3,14	3,08	2,97	2,82	2,84	2,83	2,75	2,80	2,87	2,99	0,39
10	3,07	3,14	3,19	3,19	3,18	3,09	3,00	2,85	2,85	2,76	2,89	3,02	0,43
11	3,11	3,17	3,22	3,22	2,98	2,61	2,71	2,74	2,68	2,76	2,79	2,90	0,61
12	3,02	3,09	3,15	3,15	2,99	2,81	2,88	2,71	2,62	2,61	2,68	2,78	0,54
13	2,93	3,02	3,09	2,94	2,88	2,83	2,79	2,68	2,77	2,75	2,80	2,91	0,41
14	3,01	3,08	3,13	3,08	2,95	2,85	2,93	2,93	2,80	2,81	2,83	2,91	0,33
15	3,01	3,09	3,15	3,17	3,07	2,99	2,98	2,92	2,87	2,71	2,79	2,95	0,46
16	3,05	3,11	3,17	3,18	3,09	2,96	2,96	2,94	2,94	2,88	2,97	3,00	0,30
17	3,11	3,18	3,23	3,11	2,95	2,89	2,88	2,89	2,92	2,85	2,90	2,99	0,38
18	3,08	3,15	3,20	3,17	3,06	2,92	2,76	2,88	2,69	2,69	2,81	2,91	0,51
19	3,03	3,11	3,17	3,10	2,60	2,67	2,77	2,73	2,58	2,58	2,66	2,81	0,59
20	2,95	3,04	3,08	3,08	2,98	2,67	2,73	2,66	2,76	2,69	2,70	2,79	0,42
21	2,92	3,01	3,07	3,02	2,93	2,94	2,94	2,84	2,80	2,76	2,75	2,86	0,32
22	2,99	3,07	3,12	3,09	2,92	2,92	2,96	2,99	2,93	2,80	2,74	2,90	0,38
23	3,02	3,10	3,16	3,15	3,06	2,97	3,01	2,73	2,81	2,77	2,82	2,90	0,43
24	3,01	3,09	3,16	3,11	3,00	3,05	2,95	2,98	2,67	2,71	2,88	2,98	0,49
25	3,09	3,16	3,21	3,17	3,13	2,92	2,82	2,92	2,92	2,80	2,85	2,98	0,41
26	3,08	3,15	3,21	3,17	2,77	2,71	2,72	2,52	2,54	2,55	2,65	2,79	0,69
27	2,93	3,02	3,07	3,03	2,98	2,95	2,91	2,87	2,90	2,74	2,81	2,93	0,33
28	3,03	3,11	3,16	3,10	3,06	2,87	2,93	2,93	2,74	2,58	2,71	2,87	0,58

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	2,92	3,00	3,02	2,97	2,67	2,58	2,67	2,64	2,46	2,45	2,50	2,57	0,57
2	2,72	2,84	2,91	2,66	2,52	2,43	2,52	2,52	2,14	2,17	2,40	2,56	0,77
3	2,70	2,81	2,85	2,82	2,53	2,43	2,50	2,57	2,56	2,44	2,45	2,61	0,42
4	2,74	2,83	2,88	2,78	2,65	2,65	2,67	2,46	2,53	2,44	2,49	2,52	0,44
5	2,62	2,75	2,83	2,78	2,52	2,45	2,43	2,29	2,37	2,19	2,28	2,41	0,64
6	2,54	2,64	2,70	2,65	2,64	2,33	2,30	2,34	2,39	2,39	2,45	2,55	0,40
7	2,63	2,71	2,77	2,66	2,36	2,04	2,12	2,14	2,14	2,24	2,19	2,35	0,73
8	2,49	2,59	2,66	2,53	2,51	2,52	2,48	2,53	2,45	2,45	2,41	2,48	0,25
9	2,63	2,72	2,80	2,68	2,62	2,42	2,49	2,54	2,42	2,43	2,46	2,53	0,38
10	2,66	2,76	2,82	2,79	2,64	2,58	2,62	2,51	2,53	2,56	2,52	2,65	0,31
11	2,76	2,84	2,90	2,74	2,61	2,50	2,63	2,57	2,48	2,44	2,47	2,63	0,46
12	2,74	2,82	2,88	2,76	2,66	2,69	2,76	2,69	2,72	2,70	2,69	2,77	0,22
13	2,88	2,96	2,99	2,88	2,83	2,85	2,83	2,72	2,77	2,67	2,62	2,73	0,37
14	2,88	2,96	3,00	2,99	2,93	2,89	2,86	2,70	2,74	2,69	2,73	2,79	0,31
15	2,92	3,00	3,02	2,92	2,73	2,39	2,55	2,73	2,79	2,59	2,63	2,67	0,63
16	2,81	2,90	2,92	2,84	2,82	2,79	2,81	2,82	2,73	2,57	2,56	2,67	0,36
17	2,80	2,88	2,93	2,68	2,63	2,58	2,57	2,55	2,42	2,35	2,34	2,41	0,59
18	2,57	2,68	2,71	2,53	2,35	2,30	2,26	2,34	2,37	2,13	2,12	2,29	0,59
19	2,49	2,61	2,69	2,47	2,34	2,10	2,27	2,22	2,22	2,14	2,06	2,23	0,63
20	2,40	2,51	2,57	2,44	2,33	2,44	2,37	2,36	2,21	2,03	2,06	2,18	0,54
21	2,35	2,47	2,56	2,27	2,21	1,96	2,06	2,12	2,15	1,98	2,00	2,12	0,60
22	2,27	2,39	2,48	2,30	2,13	2,02	2,01	2,08	2,09	1,84	1,98	2,03	0,64
23	2,22	2,33	2,39	2,22	2,15	2,16	2,14	2,17	2,11	2,02	1,94	2,08	0,45
24	2,25	2,37	2,39	2,31	2,14	2,13	2,27	2,22	2,21	1,97	2,05	2,18	0,42
25	2,32	2,42	2,49	2,23	2,05	2,12	2,21	2,23	2,21	2,11	2,09	2,19	0,44
26	2,32	2,42	2,50	2,32	2,04	1,88	2,04	2,06	2,07	2,05	2,09	2,14	0,62
27	2,28	2,39	2,47	2,22	2,20	2,19	2,20	2,21	2,22	1,91	1,96	2,08	0,56
28	2,25	2,37	2,42	2,25	2,04	2,10	2,02	2,00	2,05	2,06	1,97	2,15	0,45
29	2,29	2,40	2,39	2,23	2,12	2,08	2,08	2,13	1,99	1,95	1,91	2,08	0,49
30	2,26	2,38	2,45	2,21	2,21	1,98	2,14	2,11	2,14	2,03	1,89	2,05	0,56
31	2,17	2,27	2,37	2,28	2,18	2,07	2,18	2,25	2,16	1,95	1,91	2,07	0,46

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	2,19	2,28	2,33	2,25	2,19	1,97	2,08	2,04	2,10	2,05	2,04	2,16	0,36
2	2,28	2,35	2,41	2,21	2,10	2,09	2,07	2,26	2,21	2,11	2,27	2,32	0,34
3	2,45	2,52	2,53	2,51	2,44	2,37	2,38	2,25	2,32	2,31	2,33	2,45	0,28
4	2,55	2,62	2,65	2,58	2,64	2,63	2,60	2,53	2,44	2,38	2,41	2,52	0,27
5	2,63	2,72	2,77	2,71	2,66	2,54	2,48	2,39	2,42	2,32	2,43	2,48	0,45
6	2,60	2,67	2,71	2,64	2,41	2,37	2,48	2,48	2,44	2,27	2,20	2,39	0,51
7	2,51	2,61	2,67	2,59	2,52	2,48	2,42	2,30	2,30	2,23	2,30	2,48	0,44
8	2,58	2,66	2,66	2,59	2,65	2,54	2,63	2,61	2,47	2,54	2,53	2,58	0,19
9	2,62	2,70	2,72	2,58	2,35	2,12	2,28	2,23	2,14	2,21	2,25	2,33	0,60
10	2,51	2,62	2,67	2,42	2,36	2,33	2,39	2,44	2,41	2,34	2,28	2,42	0,39
11	2,53	2,63	2,64	2,45	2,50	2,50	2,43	2,31	2,23	2,21	2,38	2,56	0,43
12	2,67	2,73	2,78	2,70	2,65	2,54	2,61	2,62	2,41	2,39	2,35	2,51	0,43
13	2,66	2,74	2,76	2,72	2,59	2,48	2,51	2,50	2,41	2,28	2,48	2,61	0,48
14	2,70	2,78	2,84	2,76	2,65	2,53	2,66	2,64	2,61	2,60	2,69	2,78	0,31
15	2,86	2,92	2,92	2,84	2,83	2,77	2,82	2,60	2,64	2,44	2,55	2,62	0,48
16	2,75	2,84	2,89	2,64	2,53	2,47	2,58	2,55	2,56	2,55	2,44	2,51	0,45
17	2,68	2,77	2,84	2,77	2,48	2,42	2,37	2,44	2,38	2,17	2,16	2,35	0,68
18	2,54	2,64	2,72	2,62	2,42	2,42	2,45	2,43	2,44	2,28	2,15	2,33	0,57
19	2,53	2,63	2,70	2,55	2,52	2,34	2,29	2,35	2,32	2,37	2,21	2,32	0,49
20	2,50	2,63	2,73	2,69	2,71	2,70	2,74	2,71	2,60	2,44	2,49	2,65	0,30
21	2,77	2,85	2,90	2,77	2,55	2,49	2,59	2,52	2,52	2,42	2,46	2,55	0,48
22	2,68	2,75	2,82	2,64	2,53	2,49	2,43	2,45	2,43	2,35	2,38	2,50	0,47
23	2,65	2,73	2,78	2,60	2,45	2,40	2,43	2,35	2,55	2,43	2,45	2,59	0,43
24	2,74	2,85	2,89	2,87	2,69	2,51	2,50	2,44	2,37	2,28	2,33	2,47	0,61
25	2,66	2,75	2,82	2,80	2,73	2,70	2,73	2,66	2,63	2,48	2,45	2,61	0,37
26	2,74	2,81	2,81	2,69	2,66	2,63	2,63	2,65	2,58	2,46	2,40	2,56	0,41
27	2,70	2,78	2,84	2,69	2,59	2,44	2,42	2,31	2,23	2,28	2,27	2,43	0,61
28	2,58	2,70	2,75	2,65	2,57	2,53	2,61	2,58	2,51	2,37	2,39	2,54	0,38
29	2,69	2,78	2,84	2,69	2,67	2,50	2,54	2,53	2,50	2,42	2,38	2,50	0,46
30	2,67	2,76	2,80	2,67	2,58	2,58	2,58	2,58	2,47	2,33	2,35	2,50	0,47
31	2,66	2,75	2,81	2,68	2,67	2,46	2,27	2,49	2,45	2,42	2,39	2,53	0,54

3. Công trình QT1-NA

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,28	1,29	1,30	1,28	1,23	1,18	1,12	1,09	1,08	1,10	1,15	1,22	0,22
2	1,27	1,29	1,30	1,28	1,23	1,18	1,13	1,08	1,05	1,05	1,08	1,16	0,25
3	1,22	1,26	1,27	1,27	1,24	1,19	1,13	1,08	1,05	1,05	1,07	1,15	0,22
4	1,22	1,28	1,29	1,30	1,27	1,23	1,18	1,13	1,08	1,06	1,07	1,14	0,24
5	1,22	1,29	1,32	1,32	1,29	1,26	1,21	1,16	1,10	1,05	1,07	1,11	0,27
6	1,20	1,27	1,31	1,30	1,30	1,28	1,25	1,20	1,14	1,09	1,08	1,12	0,23
7	1,20	1,27	1,31	1,31	1,31	1,29	1,27	1,22	1,16	1,10	1,06	1,09	0,25
8	1,15	1,23	1,27	1,28	1,27	1,26	1,25	1,23	1,18	1,12	1,07	1,08	0,21
9	1,14	1,21	1,26	1,27	1,26	1,26	1,25	1,24	1,20	1,14	1,09	1,08	0,19
10	1,13	1,20	1,25	1,26	1,25	1,25	1,26	1,27	1,23	1,18	1,11	1,10	0,17
11	1,13	1,20	1,24	1,25	1,23	1,22	1,25	1,27	1,27	1,23	1,17	1,14	0,14
12	1,16	1,21	1,24	1,24	1,21	1,20	1,23	1,26	1,28	1,24	1,19	1,15	0,13
13	1,15	1,19	1,21	1,20	1,16	1,13	1,14	1,18	1,23	1,22	1,19	1,17	0,10
14	1,17	1,20	1,21	1,19	1,13	1,08	1,06	1,08	1,13	1,17	1,18	1,18	0,15
15	1,18	1,20	1,21	1,19	1,14	1,09	1,05	1,06	1,10	1,16	1,21	1,24	0,19
16	1,25	1,27	1,27	1,24	1,19	1,13	1,08	1,07	1,09	1,15	1,22	1,28	0,21
17	1,31	1,33	1,32	1,29	1,23	1,17	1,11	1,07	1,07	1,11	1,18	1,26	0,26
18	1,32	1,34	1,34	1,32	1,26	1,20	1,18	1,09	1,05	1,06	1,10	1,20	0,29
19	1,27	1,32	1,32	1,31	1,26	1,20	1,14	1,08	1,03	1,00	1,03	1,12	0,32
20	1,22	1,29	1,32	1,31	1,27	1,23	1,17	1,12	1,06	1,01	1,01	1,07	0,31
21	1,17	1,26	1,30	1,29	1,29	1,26	1,23	1,18	1,13	1,07	1,05	1,10	0,25
22	1,19	1,28	1,33	1,33	1,34	1,34	1,33	1,29	1,23	1,16	1,11	1,13	0,23
23	1,19	1,28	1,31	1,31	1,30	1,32	1,34	1,33	1,29	1,22	1,15	1,13	0,21
24	1,16	1,24	1,27	1,26	1,25	1,25	1,29	1,28	1,31	1,26	1,19	1,15	0,16
25	1,15	1,20	1,22	1,20	1,16	1,15	1,20	1,26	1,29	1,27	1,22	1,19	0,14
26	1,19	1,23	1,23	1,20	1,16	1,14	1,17	1,22	1,28	1,30	1,28	1,27	0,16
27	1,26	1,28	1,28	1,24	1,18	1,14	1,15	1,20	1,26	1,31	1,32	1,31	0,18
28	1,31	1,32	1,30	1,26	1,20	1,15	1,13	1,14	1,19	1,25	1,29	1,31	0,19

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,06	1,07	1,05	1,03	1,00	0,97	0,94	0,92	0,92	0,94	0,99	1,04	0,15
2	1,07	1,06	1,05	1,05	1,03	1,01	0,99	0,96	0,95	0,96	1,00	1,04	0,12
3	1,06	1,06	1,05	1,04	1,04	1,05	1,03	1,01	0,97	0,96	0,98	1,02	0,10
4	1,03	1,03	1,01	1,02	1,04	1,07	1,09	1,06	1,02	0,98	0,99	1,01	0,11
5	1,02	1,00	0,96	0,96	0,99	1,06	1,11	1,10	1,06	1,02	1,00	1,00	0,15
6	1,01	0,98	0,93	0,90	0,92	1,00	1,08	1,11	1,09	1,05	1,02	1,00	0,21
7	1,00	0,96	0,92	0,87	0,87	0,94	1,04	1,11	1,09	1,04	0,99	1,00	0,24
8	0,97	0,96	0,90	0,84	0,80	0,83	0,94	1,04	1,07	1,07	1,04	1,02	0,27
9	1,00	0,97	0,93	0,87	0,83	0,85	0,94	1,04	1,11	1,13	1,12	1,10	0,30
10	1,07	1,04	0,98	0,92	0,88	0,88	0,94	1,04	1,13	1,17	1,16	1,17	0,29
11	1,14	1,10	1,04	0,98	0,92	0,90	0,93	1,01	1,09	1,16	1,20	1,21	0,31
12	1,21	1,18	1,12	1,05	0,99	0,95	0,95	1,00	1,07	1,14	1,18	1,21	0,26
13	1,21	1,20	1,15	1,08	1,03	0,99	0,96	0,99	1,05	1,12	1,16	1,19	0,25
14	1,20	1,20	1,16	1,12	1,06	1,01	0,98	0,99	1,02	1,08	1,13	1,17	0,22
15	1,18	1,18	1,17	1,14	1,11	1,06	1,02	1,01	1,02	1,07	1,12	1,17	0,17
16	1,18	1,18	1,18	1,17	1,16	1,14	1,11	1,07	1,05	1,07	1,12	1,15	0,13
17	1,16	1,14	1,14	1,14	1,16	1,17	1,15	1,10	1,06	1,05	1,08	1,10	0,12
18	1,09	1,07	1,04	1,05	1,10	1,16	1,18	1,15	1,10	1,07	1,07	1,08	0,14
19	1,05	1,01	0,96	0,95	0,99	1,08	1,15	1,16	1,13	1,09	1,05	1,06	0,21
20	1,04	0,99	0,93	0,89	0,90	0,97	1,07	1,13	1,12	1,09	1,06	1,04	0,24
21	1,02	0,97	0,92	0,87	0,86	0,91	1,01	1,09	1,11	1,09	1,07	1,04	0,25
22	1,01	0,96	0,91	0,86	0,84	0,87	0,96	1,05	1,10	1,09	1,07	1,04	0,26
23	1,01	0,96	0,90	0,84	0,80	0,81	0,88	0,98	1,05	1,06	1,05	1,03	0,26
24	1,00	0,97	0,91	0,86	0,84	0,82	0,85	0,95	1,02	1,06	1,05	1,05	0,24
25	1,03	0,99	0,95	0,89	0,84	0,83	0,87	0,94	1,00	1,07	1,07	1,09	0,26
26	1,07	1,04	0,99	0,94	0,89	0,86	0,86	0,92	0,97	1,03	1,05	1,06	0,21
27	1,06	1,03	0,99	0,94	0,90	0,86	0,87	0,91	0,96	1,01	1,04	1,05	0,20
28	1,05	1,04	1,01	0,96	0,92	0,88	0,87	0,89	0,93	0,98	1,01	1,02	0,18
29	1,03	1,02	1,00	0,99	0,95	0,92	0,92	0,92	0,96	1,00	1,03	1,04	0,12
30	1,04	1,04	1,01	0,99	0,97	0,95	0,93	0,92	0,94	0,96	1,00	1,01	0,12
31	1,00	0,99	0,98	0,97	0,97	0,97	0,96	0,95	0,95	0,96	0,98	0,99	0,05

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,01	0,95	0,91	0,89	0,93	1,02	1,12	1,19	1,22	1,20	1,17	1,12	0,33
2	1,06	1,00	0,94	0,90	0,91	0,98	1,08	1,17	1,22	1,21	1,20	1,16	0,32
3	1,11	1,05	0,99	0,93	0,91	0,95	1,05	1,15	1,22	1,23	1,23	1,20	0,32
4	1,16	1,12	1,06	0,99	0,94	0,95	1,02	1,11	1,17	1,21	1,20	1,20	0,27
5	1,17	1,15	1,09	1,03	0,96	0,95	0,99	1,08	1,14	1,17	1,16	1,16	0,22
6	1,16	1,16	1,12	1,05	1,00	0,96	0,96	1,02	1,06	1,09	1,10	1,10	0,20
7	1,12	1,13	1,12	1,08	1,03	0,99	0,98	1,01	1,05	1,06	1,05	1,04	0,15
8	1,04	1,08	1,11	1,10	1,07	1,02	1,03	1,05	1,08	1,06	1,03	0,99	0,12
9	0,99	1,02	1,08	1,10	1,10	1,08	1,07	1,08	1,10	1,07	1,02	0,97	0,13
10	0,94	0,96	1,00	1,07	1,10	1,12	1,13	1,14	1,14	1,12	1,06	1,00	0,20
11	0,95	0,94	0,96	1,01	1,07	1,13	1,14	1,17	1,16	1,15	1,11	1,04	0,23
12	0,99	0,95	0,95	0,99	1,05	1,11	1,16	1,17	1,19	1,17	1,13	1,07	0,24
13	1,01	0,97	0,95	0,96	1,01	1,09	1,16	1,20	1,19	1,18	1,14	1,09	0,25
14	1,04	0,99	0,95	0,95	0,98	1,05	1,13	1,19	1,20	1,18	1,15	1,11	0,25
15	1,06	1,01	0,96	0,95	0,96	1,03	1,11	1,17	1,18	1,19	1,16	1,13	0,24
16	1,09	1,04	0,99	0,95	0,95	1,00	1,08	1,14	1,18	1,18	1,17	1,14	0,23
17	1,11	1,06	1,01	0,96	0,95	0,97	1,05	1,12	1,16	1,16	1,15	1,13	0,21
18	1,12	1,08	1,03	0,98	0,95	0,96	1,03	1,10	1,14	1,12	1,11	1,12	0,19
19	1,12	1,09	1,05	0,99	0,95	0,95	1,00	1,09	1,14	1,13	1,12	1,12	0,19
20	1,13	1,13	1,09	1,04	0,99	0,99	1,03	1,09	1,12	1,13	1,11	1,12	0,14
21	1,13	1,15	1,12	1,07	1,02	1,00	1,04	1,09	1,12	1,10	1,08	1,08	0,15
22	1,11	1,14	1,13	1,10	1,05	1,02	1,04	1,09	1,11	1,09	1,04	1,03	0,12
23	1,06	1,12	1,15	1,13	1,08	1,06	1,06	1,09	1,11	1,08	1,01	0,98	0,17
24	1,00	1,05	1,11	1,13	1,11	1,09	1,10	1,12	1,11	1,07	1,02	0,97	0,16
25	0,97	1,00	1,07	1,11	1,14	1,14	1,15	1,16	1,16	1,11	1,05	1,00	0,19
26	0,96	0,97	1,03	1,09	1,14	1,16	1,17	1,17	1,16	1,12	1,05	1,00	0,21
27	0,95	0,93	0,96	1,03	1,10	1,16	1,19	1,19	1,18	1,14	1,08	1,02	0,26
28	0,97	0,93	0,93	0,98	1,05	1,13	1,19	1,21	1,21	1,16	1,11	1,04	0,28
29	1,00	0,95	0,92	0,93	1,00	1,09	1,17	1,20	1,21	1,19	1,14	1,09	0,29
30	1,03	0,98	0,94	0,93	0,96	1,05	1,13	1,19	1,21	1,19	1,16	1,12	0,28
31	1,07	1,01	0,95	0,91	0,92	0,99	1,09	1,17	1,20	1,19	1,17	1,16	0,29

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,20	1,31	1,37	1,35	1,32	1,31	1,29	1,26	1,19	1,12	1,07	1,09	0,30
2	1,16	1,27	1,34	1,36	1,34	1,34	1,31	1,28	1,21	1,14	1,08	1,07	0,29
3	1,12	1,22	1,30	1,35	1,34	1,34	1,32	1,28	1,21	1,15	1,08	1,06	0,29
4	1,08	1,16	1,24	1,30	1,32	1,33	1,31	1,28	1,23	1,16	1,09	1,05	0,28
5	1,05	1,10	1,17	1,24	1,29	1,29	1,30	1,28	1,23	1,17	1,11	1,06	0,25
6	1,04	1,06	1,12	1,18	1,23	1,26	1,26	1,25	1,21	1,16	1,11	1,07	0,22
7	1,05	1,06	1,10	1,16	1,21	1,23	1,25	1,24	1,21	1,17	1,12	1,09	0,20
8	1,06	1,06	1,09	1,13	1,19	1,22	1,23	1,22	1,21	1,18	1,16	1,13	0,17
9	1,10	1,09	1,10	1,14	1,19	1,23	1,24	1,22	1,21	1,20	1,19	1,17	0,15
10	1,13	1,11	1,10	1,11	1,15	1,19	1,19	1,17	1,14	1,14	1,15	1,16	0,09
11	1,14	1,11	1,08	1,08	1,11	1,14	1,14	1,11	1,08	1,07	1,11	1,16	0,09
12	1,17	1,15	1,12	1,10	1,12	1,15	1,15	1,12	1,08	1,06	1,10	1,19	0,13
13	1,28	1,30	1,29	1,27	1,27	1,27	1,27	1,22	1,16	1,12	1,15	1,22	0,18
14	1,30	1,34	1,32	1,29	1,27	1,26	1,25	1,20	1,15	1,11	1,12	1,20	0,23
15	1,30	1,36	1,37	1,34	1,32	1,30	1,28	1,23	1,18	1,13	1,12	1,17	0,25
16	1,28	1,37	1,41	1,40	1,38	1,33	1,28	1,21	1,13	1,06	1,01	1,04	0,40
17	1,14	1,23	1,29	1,30	1,29	1,28	1,25	1,21	1,13	1,07	1,02	1,03	0,28
18	1,10	1,21	1,29	1,32	1,31	1,30	1,27	1,22	1,15	1,08	1,02	1,01	0,31
19	1,05	1,15	1,24	1,30	1,31	1,32	1,30	1,25	1,18	1,11	1,05	1,01	0,31
20	1,03	1,09	1,18	1,26	1,29	1,31	1,31	1,27	1,21	1,15	1,09	1,04	0,28
21	1,03	1,07	1,14	1,21	1,25	1,28	1,28	1,26	1,21	1,16	1,11	1,06	0,25
22	1,03	1,05	1,10	1,16	1,21	1,24	1,25	1,25	1,22	1,18	1,14	1,10	0,22
23	1,07	1,06	1,08	1,13	1,18	1,21	1,21	1,21	1,20	1,18	1,16	1,14	0,15
24	1,10	1,07	1,08	1,11	1,12	1,17	1,16	1,15	1,14	1,15	1,17	1,18	0,11
25	1,16	1,13	1,11	1,12	1,15	1,16	1,14	1,11	1,09	1,10	1,16	1,23	0,14
26	1,25	1,24	1,21	1,20	1,21	1,21	1,18	1,13	1,07	1,07	1,12	1,21	0,18
27	1,28	1,29	1,26	1,24	1,22	1,21	1,17	1,11	1,05	1,02	1,05	1,14	0,27
28	1,23	1,29	1,29	1,26	1,24	1,21	1,18	1,11	1,05	1,00	1,00	1,07	0,29
29	1,18	1,26	1,29	1,28	1,26	1,23	1,19	1,12	1,06	1,00	0,98	1,02	0,31
30	1,13	1,22	1,28	1,28	1,27	1,25	1,21	1,15	1,08	1,02	0,99	1,01	0,29

4. Công trình QT1-HT

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	3,37	3,37	3,37	3,37	3,37	3,37	3,37	3,37	3,36	3,36	3,36	3,36	0,01
2	3,36	3,36	3,36	3,36	3,36	3,36	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	0,01
3	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,34	0,01
4	3,34	3,34	3,34	3,34	3,34	3,34	3,34	3,33	3,33	3,33	3,33	3,33	0,01
5	3,33	3,33	3,33	3,33	3,33	3,33	3,32	3,32	3,32	3,32	3,32	3,32	0,01
6	3,32	3,32	3,32	3,32	3,32	3,32	3,32	3,31	3,31	3,31	3,31	3,31	0,01
7	3,30	3,30	3,30	3,31	3,31	3,30	3,30	3,30	3,30	3,30	3,30	3,30	0,01
8	3,29	3,30	3,29	3,30	3,30	3,29	3,29	3,29	3,29	3,29	3,29	3,28	0,02
9	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	0,00
10	3,27	3,27	3,27	3,27	3,27	3,27	3,27	3,27	3,27	3,27	3,26	3,26	0,01
11	3,26	3,26	3,26	3,26	3,26	3,26	3,26	3,25	3,25	3,26	3,26	3,25	0,01
12	3,25	3,25	3,25	3,25	3,25	3,25	3,25	3,24	3,24	3,24	3,24	3,24	0,01
13	3,24	3,24	3,24	3,24	3,24	3,24	3,23	3,23	3,23	3,23	3,23	3,23	0,01
14	3,23	3,23	3,23	3,23	3,23	3,22	3,22	3,22	3,22	3,22	3,22	3,22	0,01
15	3,22	3,22	3,22	3,22	3,22	3,22	3,21	3,21	3,22	3,21	3,21	3,21	0,01
16	3,21	3,21	3,21	3,21	3,21	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	0,01
17	3,20	3,20	3,20	3,19	3,20	3,19	3,19	3,19	3,19	3,19	3,19	3,19	0,01
18	3,19	3,19	3,19	3,19	3,18	3,19	3,18	3,18	3,18	3,18	3,18	3,18	0,01
19	3,17	3,18	3,18	3,17	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	0,03
20	3,20	3,19	3,19	3,19	3,19	3,19	3,19	3,18	3,18	3,18	3,18	3,18	0,02
21	3,18	3,18	3,18	3,18	3,18	3,18	3,18	3,17	3,17	3,17	3,18	3,17	0,01
22	3,17	3,17	3,17	3,17	3,17	3,17	3,17	3,16	3,16	3,16	3,16	3,16	0,01
23	3,16	3,16	3,16	3,16	3,16	3,16	3,16	3,15	3,15	3,15	3,15	3,15	0,01
24	3,15	3,15	3,14	3,14	3,14	3,14	3,14	3,13	3,12	3,12	3,12	3,12	0,03
25	3,10	3,10	3,10	3,09	3,09	3,09	3,09	3,09	3,09	3,09	3,09	3,09	0,01
26	3,09	3,09	3,09	3,07	3,06	3,07	3,06	3,06	3,06	3,06	3,06	3,06	0,03
27	3,06	3,06	3,04	3,04	3,03	3,03	3,04	3,03	3,03	3,03	3,03	3,03	0,03
28	3,03	3,03	3,03	3,03	3,02	3,02	3,03	3,03	3,02	3,02	3,02	3,02	0,01

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	2,35	2,35	2,35	2,37	2,37	2,37	2,39	2,39	2,39	2,38	2,39	2,38	0,04
2	2,38	2,41	2,41	2,41	2,41	2,41	2,41	2,41	2,44	2,46	2,46	2,48	0,10
3	2,48	2,48	2,48	2,47	2,48	2,50	2,50	2,50	2,50	2,49	2,49	2,51	0,04
4	2,51	2,51	2,51	2,51	2,52	2,52	2,52	2,52	2,52	2,52	2,52	2,52	0,01
5	2,52	2,52	2,52	2,54	2,54	2,54	2,54	2,54	2,54	2,53	2,53	2,53	0,02
6	2,53	2,53	2,53	2,53	2,53	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	0,02
7	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,54	2,54	2,54	2,53	0,02
8	2,54	2,54	2,55	2,56	2,56	2,56	2,57	2,57	2,57	2,57	2,57	2,57	0,03
9	2,57	2,58	2,58	2,58	2,58	2,58	2,59	2,59	2,59	2,60	2,63	2,63	0,06
10	2,63	2,63	2,63	2,63	2,63	2,63	2,63	2,63	2,63	2,63	2,63	2,64	0,01
11	2,63	2,64	2,66	2,66	2,66	2,66	2,66	2,66	2,66	2,66	2,66	2,67	0,04
12	2,67	2,69	2,69	2,69	2,69	2,70	2,71	2,71	2,72	2,73	2,74	2,75	0,08
13	2,76	2,77	2,78	2,79	2,80	2,82	2,83	2,83	2,84	2,85	2,86	2,86	0,10
14	2,87	2,88	2,88	2,90	2,91	2,93	2,93	2,93	2,94	2,94	2,94	2,95	0,08
15	2,95	2,95	2,96	2,96	2,96	2,97	2,98	2,98	2,98	2,98	2,98	2,98	0,03
16	2,98	2,98	2,98	2,99	2,99	2,99	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	0,02
17	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	0,00
18	3,00	3,01	3,01	3,00	3,01	3,01	3,00	3,00	3,01	3,01	3,01	3,01	0,01
19	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,02	3,02	3,02	3,01	3,02	3,02	0,01
20	3,02	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,02	0,01
21	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,01	3,00	3,00	0,01
22	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	2,99	2,99	2,99	0,01
23	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	2,98	2,98	2,98	0,01
24	2,98	2,98	2,98	2,98	2,98	2,98	2,98	2,99	2,99	2,98	2,98	2,97	0,02
25	2,98	2,98	2,98	2,97	2,97	2,97	2,97	2,97	2,97	2,97	2,97	2,97	0,01
26	2,97	2,97	2,96	2,96	2,96	2,96	2,96	2,96	2,96	2,96	2,96	2,96	0,01
27	2,95	2,96	2,96	2,95	2,95	2,95	2,94	2,94	2,94	2,94	2,94	2,94	0,02
28	2,94	2,94	2,94	2,93	2,93	2,93	2,93	2,93	2,93	2,93	2,93	2,93	0,01
29	2,93	2,93	2,92	2,92	2,92	2,92	2,92	2,92	2,92	2,92	2,91	2,91	0,02
30	2,91	2,91	2,91	2,91	2,91	2,91	2,91	2,91	2,91	2,90	2,90	2,90	0,01
31	2,90	2,90	2,90	2,90	2,90	2,89	2,89	2,90	2,89	2,89	2,89	2,89	0,01

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	2,58	2,57	2,58	2,58	2,57	2,57	2,57	2,57	2,58	2,58	2,58	2,57	0,01
2	2,57	2,57	2,57	2,57	2,57	2,56	2,56	2,57	2,56	2,56	2,56	2,56	0,01
3	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	0,00
4	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	0,00
5	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,57	2,57	2,57	2,57	2,56	0,01
6	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,57	2,57	2,57	2,56	2,56	0,01
7	2,56	2,56	2,56	2,55	2,56	2,55	2,56	2,55	2,56	2,56	2,56	2,55	0,01
8	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,55	2,56	2,57	2,58	2,58	2,58	2,57	0,03
9	2,57	2,56	2,56	2,56	2,57	2,57	2,57	2,58	2,59	2,58	2,58	2,57	0,03
10	2,57	2,57	2,56	2,56	2,56	2,57	2,58	2,59	2,59	2,59	2,58	2,57	0,03
11	2,57	2,57	2,57	2,56	2,56	2,56	2,57	2,57	2,58	2,57	2,57	2,56	0,02
12	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56	2,57	2,58	2,58	2,57	2,56	0,02
13	2,56	2,55	2,55	2,55	2,55	2,56	2,56	2,58	2,58	2,58	2,56	2,56	0,03
14	2,55	2,55	2,55	2,55	2,54	2,54	2,55	2,55	2,56	2,56	2,55	2,55	0,02
15	2,54	2,54	2,54	2,54	2,54	2,54	2,55	2,55	2,56	2,56	2,55	2,55	0,02
16	2,54	2,54	2,53	2,54	2,54	2,55	2,56	2,56	2,57	2,56	2,55	2,54	0,04
17	2,54	2,54	2,53	2,53	2,53	2,55	2,56	2,63	2,60	2,60	2,58	2,58	0,10
18	2,57	2,56	2,56	2,55	2,56	2,58	2,60	2,64	2,61	2,60	2,58	2,57	0,09
19	2,56	2,55	2,55	2,55	2,55	2,57	2,58	2,61	2,59	2,58	2,57	2,56	0,06
20	2,55	2,55	2,54	2,54	2,54	2,54	2,54	2,55	2,55	2,54	2,54	2,54	0,01
21	2,53	2,53	2,53	2,53	2,53	2,54	2,56	2,60	2,63	2,58	2,57	2,56	0,10
22	2,56	2,55	2,55	2,54	2,55	2,56	2,58	2,62	2,65	2,61	2,59	2,58	0,11
23	2,57	2,57	2,56	2,56	2,56	2,58	2,60	2,64	2,63	2,61	2,59	2,57	0,08
24	2,57	2,56	2,55	2,55	2,55	2,52	2,34	2,26	2,17	2,16	2,14	2,13	0,44
25	2,12	2,11	2,11	2,10	2,11	2,12	2,14	2,16	2,18	2,15	2,13	2,12	0,08
26	2,11	2,11	2,10	2,10	2,10	2,12	2,15	2,17	2,18	2,15	2,13	2,12	0,08
27	2,11	2,10	2,09	2,09	2,10	2,11	2,13	2,15	2,16	2,14	2,12	2,10	0,07
28	2,10	2,09	2,08	2,09	2,09	2,09	2,10	2,10	2,10	2,09	2,09	2,08	0,02
29	2,07	2,06	2,06	2,06	2,06	2,06	2,07	2,07	2,07	2,07	2,07	2,07	0,01
30	2,06	2,06	2,06	2,06	2,05	2,05	2,05	2,06	2,06	2,06	2,06	2,06	0,01
31	2,05	2,05	2,05	2,05	2,05	2,05	2,06	2,08	2,11	2,09	2,07	2,07	0,06

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	3,94	3,94	3,95	3,95	3,96	3,97	3,99	4,00	4,01	4,01	4,01	4,01	0,07
2	4,01	4,02	4,02	4,02	4,02	4,03	4,04	4,08	4,13	4,12	4,11	4,10	0,12
3	4,10	4,10	4,09	4,09	4,09	4,09	4,11	4,13	4,13	4,12	4,10	4,09	0,04
4	4,09	4,08	4,08	4,07	4,07	4,08	4,09	4,12	4,12	4,11	4,09	4,07	0,05
5	4,07	4,07	4,05	4,05	4,05	4,49	4,51	4,66	4,68	4,66	4,64	4,62	0,63
6	4,61	4,59	4,58	4,58	4,58	4,59	4,60	4,62	4,65	4,63	4,61	4,60	0,07
7	4,59	4,58	4,56	4,55	4,55	4,56	4,56	4,56	4,56	4,56	4,56	4,56	0,04
8	4,57	4,57	4,57	4,56	4,56	4,57	4,58	4,60	4,61	4,60	4,58	4,58	0,05
9	4,58	4,57	4,57	4,56	4,56	4,57	4,60	4,65	4,65	4,62	4,59	4,58	0,09
10	4,58	4,57	4,56	4,55	4,55	4,56	4,59	4,62	4,62	4,60	4,57	4,56	0,07
11	4,56	4,55	4,54	4,54	4,54	4,55	4,58	4,62	4,61	4,59	4,56	4,56	0,08
12	4,55	4,54	4,53	4,52	4,52	4,53	4,54	4,55	4,54	4,53	4,52	4,51	0,04
13	4,50	4,50	4,50	4,51	4,65	4,93	5,05	5,11	5,14	5,16	5,17	5,18	0,68
14	5,19	5,19	5,20	5,20	5,21	5,21	5,22	5,22	5,22	5,22	5,22	5,22	0,03
15	5,22	5,22	5,22	5,22	5,21	5,21	5,22	5,22	5,21	5,21	5,20	5,20	0,02
16	5,20	5,20	5,19	5,19	5,19	5,18	5,17	5,16	5,15	5,14	5,14	5,13	0,07
17	5,13	5,13	5,13	5,12	5,12	5,13	5,13	5,15	5,16	5,15	5,13	5,12	0,04
18	5,11	5,10	5,10	5,09	5,09	5,10	5,11	5,13	5,15	5,14	5,12	5,10	0,06
19	5,09	5,08	5,07	5,06	5,06	5,07	5,07	5,08	5,09	5,09	5,08	5,06	0,03
20	5,05	5,04	5,04	5,03	5,03	5,03	5,05	5,09	5,11	5,08	5,05	5,04	0,08
21	5,04	5,03	5,02	5,01	5,01	5,01	5,02	5,06	5,07	5,05	5,03	5,01	0,06
22	5,01	5,00	4,99	4,98	4,98	4,98	5,00	5,03	5,03	5,02	5,01	4,99	0,05
23	4,98	4,97	4,96	4,98	4,98	4,98	5,00	5,03	5,03	5,02	5,01	4,99	0,07
24	4,98	4,97	4,96	4,98	4,96	4,96	4,96	4,87	4,85	4,87	4,87	4,86	0,19
25	4,48	4,47	4,45	4,45	4,45	4,45	4,74	4,65	4,61	4,59	4,54	4,54	0,30
26	4,43	4,43	4,43	4,43	4,42	4,41	4,45	4,45	4,45	4,43	4,43	4,43	0,04
27	4,40	4,41	4,41	4,41	4,41	4,41	4,42	4,42	4,42	4,42	4,42	4,42	0,02
28	4,41	4,41	4,41	4,41	4,41	4,40	4,41	4,41	4,41	4,41	4,41	4,41	0,03
29	4,37	4,37	4,37	4,37	4,37	4,37	4,41	4,41	4,38	4,38	4,38	4,37	0,04
30	4,36	4,35	4,35	4,35	4,35	4,35	4,38	4,38	4,37	4,37	4,36	4,36	0,04

5. Công trình QT3a-QB

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,13	1,13	1,13	1,13	1,13	1,14	1,16	1,15	1,14	1,13	1,14	1,14	0,03
2	1,15	1,15	1,15	1,16	1,16	1,17	1,18	1,18	1,19	1,19	1,20	1,22	0,07
3	1,23	1,24	1,25	1,26	1,27	1,28	1,29	1,30	1,30	1,30	1,29	1,29	0,07
4	1,29	1,30	1,30	1,31	1,31	1,32	1,32	1,30	1,29	1,27	1,25	1,24	0,08
5	1,23	1,24	1,24	1,25	1,25	1,25	1,24	1,22	1,18	1,13	1,09	1,06	0,19
6	1,06	1,06	1,06	1,07	1,06	1,08	1,09	1,09	1,08	1,08	1,08	1,09	0,03
7	1,09	1,09	1,09	1,08	1,08	1,09	1,10	1,10	1,09	1,09	1,09	1,09	0,02
8	1,09	1,09	1,09	1,09	1,09	1,10	1,10	1,10	1,09	1,08	1,08	1,09	0,02
9	1,09	1,09	1,09	1,09	1,09	1,10	1,10	1,10	1,09	1,09	1,08	1,08	0,02
10	1,09	1,09	1,08	1,09	1,08	1,09	1,10	1,09	1,09	1,08	1,08	1,08	0,02
11	1,09	1,09	1,08	1,09	1,08	1,07	1,05	1,03	1,03	1,03	1,03	1,04	0,06
12	1,04	1,04	1,04	1,05	1,05	1,08	1,10	1,10	1,08	1,07	1,08	1,09	0,06
13	1,09	1,10	1,10	1,10	1,12	1,15	1,16	1,16	1,14	1,13	1,13	1,13	0,07
14	1,14	1,14	1,14	1,15	1,14	1,15	1,15	1,16	1,17	1,18	1,18	1,19	0,05
15	1,20	1,20	1,20	1,21	1,20	1,21	1,21	1,20	1,20	1,19	1,19	1,20	0,02
16	1,21	1,21	1,21	1,20	1,19	1,17	1,15	1,12	1,08	1,05	1,05	1,05	0,16
17	1,06	1,07	1,08	1,09	1,08	1,10	1,12	1,12	1,12	1,12	1,13	1,13	0,07
18	1,14	1,15	1,15	1,15	1,15	1,16	1,17	1,17	1,18	1,18	1,18	1,18	0,04
19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,20	1,21	1,22	1,22	1,21	1,22	1,22	0,03
20	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,24	1,23	1,23	1,23	1,22	0,02
21	1,22	1,22	1,22	1,22	1,20	1,19	1,18	1,16	1,13	1,10	1,07	1,05	0,17
22	1,02	1,02	1,02	1,02	1,05	1,05	1,04	1,04	1,03	1,03	1,04	1,04	0,03
23	1,03	1,03	1,03	1,03	1,04	1,04	1,04	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	0,01
24	1,03	1,03	1,03	1,03	1,05	1,04	1,03	1,03	1,02	1,02	1,02	1,02	0,03
25	1,02	1,02	1,02	1,02	1,02	1,02	1,02	1,02	1,01	1,01	1,01	1,00	0,02
26	1,00	1,01	1,01	1,00	1,00	1,00	1,02	1,02	1,03	1,03	1,04	1,04	0,04
27	1,05	1,05	1,06	1,06	1,06	1,07	1,09	1,09	1,10	1,10	1,10	1,11	0,06
28	1,10	1,11	1,10	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,10	1,10	1,11	0,01

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,06	1,07	1,08	1,08	1,08	1,07	1,06	1,03	0,98	0,94	0,91	0,91	0,17
2	0,91	0,92	0,92	0,91	0,93	0,95	0,96	0,95	0,91	0,87	0,85	0,85	0,11
3	0,84	0,84	0,84	0,85	0,87	0,89	0,90	0,89	0,86	0,85	0,85	0,85	0,06
4	0,85	0,85	0,85	0,85	0,88	0,89	0,90	0,90	0,88	0,86	0,85	0,86	0,05
5	0,86	0,85	0,85	0,86	0,88	0,90	0,91	0,91	0,87	0,84	0,82	0,81	0,10
6	0,80	0,79	0,78	0,78	0,76	0,77	0,79	0,82	0,78	0,76	0,76	0,76	0,06
7	0,76	0,76	0,76	0,76	0,79	0,80	0,81	0,79	0,75	0,72	0,72	0,70	0,11
8	0,71	0,71	0,74	0,76	0,77	0,79	0,84	0,85	0,84	0,84	0,85	0,86	0,15
9	0,86	0,86	0,86	0,86	0,85	0,85	0,85	0,84	0,81	0,79	0,79	0,79	0,07
10	0,79	0,78	0,78	0,78	0,81	0,81	0,81	0,81	0,77	0,76	0,75	0,75	0,06
11	0,75	0,75	0,75	0,74	0,75	0,76	0,74	0,75	0,75	0,76	0,76	0,77	0,03
12	0,77	0,78	0,78	0,77	0,78	0,78	0,82	0,93	1,02	1,08	1,11	1,15	0,38
13	1,19	1,21	1,22	1,23	1,22	1,22	1,17	1,13	1,10	1,09	1,12	1,14	0,14
14	1,14	1,15	1,15	1,15	1,12	1,08	1,02	0,96	0,93	0,91	0,91	0,91	0,24
15	0,91	0,91	0,92	0,92	0,94	0,96	0,94	0,90	0,85	0,82	0,80	0,80	0,16
16	0,80	0,79	0,79	0,80	0,83	0,85	0,86	0,85	0,81	0,78	0,77	0,77	0,09
17	0,77	0,76	0,76	0,76	0,79	0,80	0,81	0,81	0,78	0,76	0,76	0,76	0,05
18	0,76	0,76	0,76	0,76	0,79	0,80	0,82	0,81	0,78	0,76	0,75	0,75	0,07
19	0,75	0,75	0,74	0,75	0,77	0,79	0,80	0,79	0,76	0,74	0,74	0,74	0,06
20	0,74	0,73	0,73	0,73	0,76	0,78	0,78	0,77	0,74	0,72	0,72	0,72	0,06
21	0,72	0,72	0,71	0,73	0,75	0,76	0,76	0,75	0,72	0,70	0,70	0,71	0,06
22	0,71	0,71	0,70	0,71	0,71	0,71	0,70	0,68	0,67	0,67	0,69	0,69	0,04
23	0,68	0,68	0,69	0,69	0,70	0,70	0,70	0,68	0,66	0,67	0,69	0,70	0,04
24	0,70	0,71	0,72	0,71	0,71	0,71	0,71	0,71	0,71	0,70	0,71	0,71	0,02
25	0,71	0,71	0,71	0,71	0,71	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,01
26	0,73	0,73	0,73	0,72	0,72	0,73	0,73	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,01
27	0,73	0,73	0,73	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,01
28	0,73	0,73	0,73	0,73	0,73	0,74	0,76	0,75	0,75	0,76	0,76	0,77	0,04
29	0,77	0,77	0,77	0,77	0,76	0,76	0,76	0,75	0,75	0,74	0,74	0,74	0,03
30	0,74	0,73	0,74	0,73	0,72	0,72	0,71	0,70	0,69	0,68	0,68	0,68	0,06
31	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	0,00

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,84	0,84	0,84	0,85	0,86	0,88	0,89	0,89	0,90	0,91	0,91	0,90	0,07
2	0,90	0,91	0,91	0,90	0,89	0,92	0,92	0,94	0,94	0,96	0,97	0,97	0,08
3	0,97	1,00	1,01	1,03	1,06	1,06	1,06	1,06	1,08	1,10	1,09	1,10	0,13
4	1,10	1,10	1,09	1,07	1,05	1,03	1,03	1,03	1,03	1,04	1,05	1,05	0,07
5	1,07	1,08	1,08	1,09	1,08	1,08	1,07	1,06	1,05	1,05	1,05	1,05	0,04
6	1,05	1,05	1,05	1,04	1,02	1,01	1,01	0,99	0,98	0,96	0,96	0,95	0,10
7	0,95	0,94	0,94	0,94	0,93	0,92	0,91	0,90	0,88	0,86	0,85	0,84	0,11
8	0,83	0,83	0,83	0,84	0,84	0,84	0,83	0,80	0,78	0,77	0,76	0,74	0,10
9	0,73	0,71	0,70	0,72	0,72	0,73	0,74	0,71	0,73	0,74	0,74	0,75	0,05
10	0,76	0,76	0,77	0,78	0,79	0,79	0,80	0,80	0,79	0,79	0,79	0,80	0,04
11	0,81	0,81	0,82	0,83	0,84	0,84	0,85	0,84	0,83	0,82	0,83	0,84	0,04
12	0,85	0,85	0,85	0,86	0,85	0,85	0,86	0,86	0,86	0,85	0,85	0,85	0,01
13	0,84	0,86	0,87	0,88	0,88	0,88	0,88	0,88	0,88	0,89	0,90	0,91	0,07
14	0,90	0,89	0,89	0,89	0,88	0,84	0,81	0,79	0,77	0,77	0,77	0,77	0,13
15	0,77	0,77	0,79	0,79	0,78	0,78	0,78	0,78	0,78	0,79	0,79	0,80	0,03
16	0,81	0,81	0,82	0,83	0,82	0,81	0,80	0,80	0,80	0,81	0,81	0,81	0,03
17	0,81	0,82	0,82	0,83	0,83	0,81	0,80	0,80	0,80	0,79	0,79	0,79	0,04
18	0,79	0,78	0,77	0,78	0,75	0,76	0,76	0,76	0,76	0,77	0,78	0,79	0,04
19	0,79	0,78	0,77	0,76	0,75	0,72	0,71	0,71	0,71	0,72	0,73	0,74	0,08
20	0,74	0,75	0,76	0,76	0,75	0,75	0,74	0,75	0,75	0,76	0,77	0,78	0,04
21	0,79	0,79	0,79	0,80	0,80	0,79	0,79	0,79	0,79	0,80	0,81	0,82	0,03
22	0,83	0,83	0,84	0,84	0,84	0,83	0,83	0,83	0,83	0,84	0,85	0,85	0,02
23	0,86	0,86	0,87	0,87	0,86	0,86	0,86	0,85	0,85	0,85	0,84	0,84	0,03
24	0,83	0,83	0,84	0,84	0,84	0,84	0,84	0,83	0,84	0,84	0,84	0,84	0,01
25	0,84	0,83	0,83	0,82	0,82	0,82	0,83	0,82	0,82	0,82	0,83	0,83	0,02
26	0,81	0,82	0,81	0,81	0,80	0,81	0,82	0,81	0,81	0,81	0,81	0,81	0,02
27	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,79	0,80	0,81	0,81	0,02
28	0,80	0,79	0,78	0,79	0,78	0,78	0,78	0,79	0,78	0,78	0,79	0,79	0,02
29	0,78	0,78	0,77	0,77	0,77	0,77	0,77	0,78	0,77	0,77	0,78	0,77	0,01
30	0,77	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,77	0,76	0,01
31	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,77	0,78	0,79	0,78	0,79	0,79	0,79	0,03

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,53	1,54	1,54	1,54	1,54	1,53	1,51	1,50	1,48	1,45	1,43	1,39	0,15
2	1,39	1,40	1,40	1,40	1,40	1,41	1,42	1,43	1,42	1,40	1,38	1,36	0,07
3	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,35	1,35	1,36	1,36	1,36	0,02
4	1,37	1,37	1,37	1,37	1,36	1,36	1,36	1,36	1,37	1,37	1,37	1,37	0,01
5	1,36	1,36	1,37	1,38	1,35	1,35	1,34	1,36	1,35	1,35	1,34	1,34	0,04
6	1,35	1,35	1,36	1,36	1,36	1,37	1,37	1,36	1,36	1,37	1,37	1,37	0,02
7	1,38	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,38	0,01
8	1,37	1,37	1,36	1,36	1,36	1,36	1,35	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	0,03
9	1,34	1,33	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,33	1,33	0,02
10	1,33	1,33	1,32	1,33	1,33	1,33	1,33	1,33	1,33	1,34	1,34	1,35	0,03
11	1,35	1,34	1,35	1,36	1,36	1,36	1,36	1,36	1,36	1,37	1,38	1,37	0,04
12	1,38	1,37	1,38	1,39	1,39	1,40	1,40	1,40	1,40	1,41	1,42	1,43	0,06
13	1,45	1,46	1,47	1,49	1,51	1,52	1,53	1,54	1,55	1,56	1,57	1,58	0,13
14	1,59	1,59	1,59	1,60	1,60	1,61	1,62	1,62	1,63	1,63	1,64	1,64	0,05
15	1,65	1,65	1,65	1,65	1,66	1,66	1,66	1,66	1,67	1,66	1,66	1,67	0,02
16	1,67	1,68	1,69	1,69	1,69	1,69	1,69	1,70	1,68	1,67	1,66	1,65	0,05
17	1,65	1,66	1,66	1,67	1,67	1,65	1,64	1,63	1,62	1,61	1,58	1,57	0,10
18	1,57	1,57	1,56	1,56	1,57	1,57	1,58	1,59	1,58	1,57	1,57	1,57	0,03
19	1,57	1,58	1,58	1,59	1,61	1,62	1,62	1,63	1,63	1,62	1,62	1,64	0,07
20	1,65	1,66	1,67	1,68	1,67	1,68	1,68	1,68	1,68	1,69	1,69	1,69	0,04
21	1,69	1,69	1,70	1,71	1,72	1,70	1,72	1,72	1,70	1,70	1,68	1,70	0,04
22	1,70	1,70	1,70	1,69	1,69	1,69	1,69	1,69	1,70	1,70	1,71	1,71	0,02
23	1,71	1,72	1,73	1,72	1,72	1,71	1,71	1,71	1,70	1,70	1,70	1,70	0,03
24	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	0,00
25	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,71	1,70	1,69	1,70	1,71	1,70	1,70	0,02
26	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70	1,69	1,70	1,69	0,01
27	1,69	1,69	1,69	1,69	1,69	1,69	1,68	1,69	1,69	1,69	1,69	1,68	0,01
28	1,68	1,68	1,68	1,67	1,68	1,68	1,68	1,68	1,68	1,68	1,67	1,67	0,01
29	1,67	1,67	1,67	1,67	1,67	1,67	1,66	1,66	1,67	1,67	1,67	1,66	0,01
30	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66	1,67	0,01

6. Công trình QT9a-QB

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,25	1,25	1,26	1,26	1,20	1,19	1,18	1,17	1,16	1,17	1,21	1,22	0,10
2	1,24	1,25	1,25	1,25	1,20	1,17	1,16	1,16	1,16	1,24	1,30	1,33	0,17
3	1,36	1,37	1,38	1,38	1,27	1,24	1,22	1,20	1,20	1,24	1,28	1,30	0,18
4	1,31	1,32	1,32	1,33	1,27	1,24	1,22	1,21	1,20	1,29	1,34	1,37	0,17
5	1,39	1,40	1,40	1,35	1,31	1,26	1,24	1,22	1,20	1,35	1,41	1,44	0,24
6	1,46	1,47	1,48	1,48	1,36	1,28	1,25	1,22	1,21	1,26	1,30	1,32	0,27
7	1,33	1,34	1,34	1,34	1,29	1,27	1,26	1,29	1,37	1,31	1,30	1,30	0,11
8	1,30	1,30	1,30	1,28	1,23	1,21	1,20	1,19	1,18	1,19	1,23	1,26	0,12
9	1,27	1,28	1,28	1,27	1,22	1,23	1,20	1,18	1,17	1,17	1,21	1,24	0,11
10	1,26	1,27	1,27	1,28	1,23	1,21	1,19	1,18	1,17	1,16	1,21	1,24	0,12
11	1,26	1,27	1,28	1,28	1,22	1,20	1,20	1,15	1,15	1,14	1,19	1,22	0,14
12	1,23	1,24	1,25	1,25	1,20	1,19	1,18	1,17	1,15	1,14	1,16	1,20	0,11
13	1,23	1,24	1,24	1,25	1,21	1,20	1,18	1,17	1,14	1,15	1,18	1,21	0,11
14	1,22	1,23	1,23	1,23	1,18	1,16	1,15	1,14	1,14	1,18	1,20	1,21	0,09
15	1,22	1,23	1,23	1,23	1,19	1,17	1,17	1,16	1,15	1,19	1,22	1,23	0,08
16	1,24	1,25	1,25	1,25	1,20	1,18	1,17	1,16	1,16	1,19	1,22	1,23	0,09
17	1,24	1,25	1,25	1,23	1,19	1,17	1,17	1,16	1,16	1,20	1,22	1,24	0,09
18	1,26	1,26	1,27	1,27	1,21	1,19	1,18	1,17	1,16	1,17	1,22	1,24	0,11
19	1,25	1,26	1,26	1,23	1,20	1,18	1,18	1,17	1,16	1,18	1,21	1,23	0,10
20	1,25	1,25	1,26	1,26	1,22	1,19	1,18	1,17	1,16	1,17	1,21	1,23	0,10
21	1,24	1,26	1,26	1,24	1,20	1,18	1,17	1,17	1,16	1,16	1,21	1,24	0,10
22	1,25	1,26	1,26	1,26	1,24	1,25	1,24	1,23	1,23	1,25	1,25	1,16	0,10
23	1,16	1,19	1,19	1,22	1,23	1,24	1,20	1,19	1,17	1,17	1,24	1,26	0,10
24	1,26	1,24	1,20	1,22	1,27	1,25	1,22	1,19	1,17	1,16	1,20	1,23	0,11
25	1,25	1,25	1,26	1,26	1,23	1,20	1,19	1,17	1,17	1,23	1,32	1,37	0,20
26	1,39	1,41	1,41	1,42	1,30	1,25	1,23	1,21	1,20	1,18	1,20	1,24	0,24
27	1,25	1,27	1,26	1,27	1,22	1,20	1,19	1,18	1,18	1,19	1,32	1,36	0,18
28	1,39	1,42	1,43	1,41	1,29	1,24	1,23	1,28	1,33	1,29	1,29	1,29	0,20

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,31	1,34	1,34	1,35	1,22	1,17	1,14	1,12	1,09	1,07	1,19	1,26	0,28
2	1,29	1,32	1,33	1,34	1,22	1,18	1,16	1,14	1,11	1,09	1,16	1,21	0,25
3	1,23	1,25	1,26	1,21	1,17	1,15	1,13	1,12	1,09	1,08	1,22	1,27	0,19
4	1,30	1,33	1,35	1,26	1,20	1,16	1,14	1,12	1,09	1,07	1,15	1,24	0,28
5	1,28	1,30	1,32	1,33	1,22	1,17	1,14	1,12	1,10	1,06	1,11	1,16	0,27
6	1,19	1,20	1,21	1,18	1,13	1,11	1,09	1,08	1,04	1,01	1,02	1,15	0,20
7	1,21	1,24	1,26	1,28	1,15	1,10	1,07	1,04	1,00	0,97	1,08	1,12	0,31
8	1,18	1,30	1,39	1,32	1,22	1,17	1,16	1,14	1,12	1,17	1,22	1,25	0,27
9	1,26	1,27	1,28	1,23	1,18	1,16	1,14	1,13	1,10	1,09	1,18	1,21	0,19
10	1,24	1,25	1,26	1,22	1,18	1,15	1,13	1,12	1,09	1,08	1,16	1,20	0,18
11	1,22	1,24	1,25	1,21	1,17	1,17	1,14	1,13	1,12	1,25	1,31	1,34	0,22
12	1,36	1,37	1,39	1,39	1,26	1,20	1,19	1,20	1,23	1,32	1,39	1,43	0,24
13	1,45	1,46	1,47	1,40	1,31	1,31	1,28	1,25	1,25	1,25	1,41	1,49	0,24
14	1,51	1,53	1,54	1,56	1,37	1,29	1,22	1,19	1,17	1,17	1,32	1,37	0,39
15	1,39	1,39	1,37	1,36	1,27	1,23	1,21	1,20	1,16	1,14	1,26	1,32	0,25
16	1,36	1,37	1,39	1,34	1,26	1,22	1,20	1,18	1,15	1,12	1,14	1,20	0,27
17	1,24	1,26	1,27	1,23	1,19	1,16	1,15	1,14	1,11	1,08	1,14	1,19	0,19
18	1,21	1,23	1,24	1,21	1,16	1,14	1,12	1,25	1,35	1,38	1,32	1,22	0,26
19	1,18	1,16	1,14	1,13	1,11	1,09	1,09	1,08	1,05	1,04	1,03	1,05	0,15
20	1,06	1,07	1,08	1,08	1,08	1,07	1,06	1,05	1,02	1,00	1,00	1,02	0,08
21	1,04	1,05	1,06	1,06	1,05	1,04	1,03	1,02	1,00	0,98	0,99	1,01	0,08
22	1,03	1,04	1,05	1,03	1,02	1,00	0,98	0,97	0,96	0,96	0,98	1,01	0,09
23	1,02	1,03	1,04	1,02	1,01	0,99	0,97	0,95	0,95	0,95	0,99	1,00	0,09
24	1,01	1,01	1,02	1,02	1,04	1,03	1,03	1,01	1,01	1,01	1,02	1,05	0,04
25	1,06	1,06	1,08	1,07	1,05	1,04	1,03	1,02	1,02	1,02	1,01	1,02	0,07
26	1,03	1,03	1,03	1,04	1,01	1,00	0,99	0,98	0,97	0,97	0,98	0,99	0,07
27	0,99	1,01	1,02	1,00	0,97	0,96	0,96	0,96	0,95	0,94	0,94	0,97	0,08
28	0,98	1,00	1,01	1,01	0,98	0,97	0,97	0,96	0,96	0,95	0,95	0,97	0,06
29	1,00	1,01	1,03	1,03	1,01	1,00	0,99	0,99	0,98	0,97	0,98	0,99	0,06
30	1,01	1,03	1,04	1,03	1,01	1,00	0,99	0,99	0,98	1,06	1,09	1,12	0,14
31	1,13	1,15	1,16	1,17	1,13	1,12	1,12	1,12	1,12	1,11	1,12	1,14	0,06

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,89	0,91	0,92	0,87	0,82	0,80	0,79	0,77	0,77	0,77	0,82	0,87	0,15
2	0,90	0,92	0,94	0,93	0,84	0,82	0,80	0,80	0,79	0,78	0,84	0,89	0,16
3	0,91	0,95	0,98	1,00	0,93	0,89	0,87	0,86	0,85	0,92	0,95	0,98	0,15
4	1,00	1,02	1,04	1,08	1,21	1,14	1,01	0,96	0,93	0,90	0,88	0,95	0,33
5	1,00	1,02	1,03	1,04	0,99	0,93	0,90	0,88	0,87	0,86	0,92	0,96	0,18
6	0,99	1,00	1,02	0,98	0,92	0,89	0,88	0,86	0,85	0,84	0,83	0,87	0,19
7	0,93	0,96	0,98	1,00	0,93	0,88	0,87	0,86	0,84	0,84	0,92	0,95	0,16
8	0,97	0,99	1,00	1,01	0,92	1,13	1,18	1,21	1,22	1,23	1,01	0,94	0,31
9	0,90	0,87	0,86	0,85	0,83	0,81	0,81	0,80	0,79	0,79	0,87	0,91	0,12
10	0,94	0,96	0,98	1,05	0,90	0,85	0,82	0,81	0,79	0,78	0,76	0,84	0,29
11	0,89	0,92	0,95	0,94	0,86	0,82	0,81	0,79	0,78	0,81	0,88	0,90	0,17
12	0,93	0,94	0,96	0,93	0,85	0,82	0,79	0,79	0,78	0,76	0,84	0,87	0,20
13	0,89	0,92	0,94	0,90	0,84	0,81	0,78	0,77	0,76	0,75	0,79	0,88	0,19
14	0,90	0,92	0,93	0,94	0,86	0,86	0,82	0,80	0,79	0,77	0,77	0,83	0,17
15	0,89	0,92	0,94	0,93	0,85	0,82	0,80	0,79	0,77	0,75	0,75	0,82	0,19
16	0,87	0,91	0,93	0,93	0,84	0,80	0,78	0,77	0,76	0,74	0,78	0,84	0,19
17	0,87	0,90	0,92	0,93	0,84	0,80	0,77	0,76	0,74	0,73	0,78	0,83	0,20
18	0,86	0,89	0,91	0,91	0,82	0,78	0,76	0,73	0,73	0,72	0,70	0,78	0,21
19	0,83	0,86	0,88	0,86	0,78	0,75	0,74	0,73	0,72	0,88	0,95	1,00	0,28
20	1,04	1,07	1,08	1,09	0,91	0,83	0,80	0,77	0,74	0,79	0,84	0,86	0,35
21	0,88	0,90	0,92	0,92	0,82	0,79	0,77	0,74	0,73	0,79	0,83	0,85	0,19
22	0,87	0,89	0,91	0,89	0,80	0,77	0,74	0,73	0,72	0,71	0,78	0,82	0,20
23	0,84	0,87	0,89	0,87	0,79	0,75	0,73	0,73	0,72	0,72	0,80	0,83	0,17
24	0,85	0,87	0,89	0,80	0,77	0,77	0,73	0,74	0,76	0,82	0,84	0,87	0,16
25	0,90	0,92	0,93	0,93	0,92	0,89	0,87	0,93	0,89	0,84	0,79	0,86	0,14
26	0,89	0,92	0,93	0,93	0,85	0,91	0,84	0,83	0,80	0,76	0,74	0,82	0,19
27	0,86	0,88	0,89	0,91	0,81	0,76	0,75	0,73	0,71	0,70	0,77	0,81	0,21
28	0,83	0,85	0,87	0,85	0,78	0,74	0,71	0,71	0,70	0,77	0,80	0,82	0,17
29	0,84	0,86	0,88	0,85	0,79	0,75	0,74	0,73	0,72	0,74	0,80	0,84	0,16
30	0,86	0,88	0,90	0,90	0,84	0,81	0,80	0,80	0,80	0,91	1,01	1,06	0,26
31	1,10	1,13	1,15	1,17	1,02	0,95	0,92	0,90	0,90	1,06	1,12	1,15	0,27

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,63	1,65	1,66	1,70	1,57	1,51	1,47	1,45	1,45	1,52	1,53	1,55	0,25
2	1,55	1,55	1,56	1,55	1,47	1,41	1,39	1,37	1,36	1,41	1,43	1,43	0,20
3	1,44	1,45	1,45	1,45	1,37	1,35	1,33	1,33	1,32	1,38	1,39	1,40	0,13
4	1,40	1,41	1,42	1,42	1,50	1,57	1,43	1,36	1,33	1,30	1,32	1,36	0,27
5	1,38	1,39	1,40	1,38	1,45	1,51	1,53	1,47	1,37	1,32	1,29	1,28	0,25
6	1,27	1,27	1,27	1,26	1,25	1,25	1,25	1,25	1,24	1,23	1,30	1,36	0,13
7	1,39	1,41	1,43	1,43	1,34	1,25	1,29	1,29	1,28	1,28	1,34	1,36	0,18
8	1,38	1,39	1,40	1,40	1,33	1,30	1,28	1,27	1,27	1,26	1,30	1,33	0,14
9	1,34	1,36	1,37	1,32	1,28	1,28	1,27	1,35	1,44	1,31	1,28	1,26	0,18
10	1,26	1,26	1,26	1,25	1,26	1,28	1,27	1,27	1,26	1,26	1,25	1,25	0,03
11	1,25	1,26	1,26	1,26	1,25	1,24	1,25	1,25	1,24	1,24	1,27	1,34	0,10
12	1,37	1,40	1,41	1,38	1,31	1,28	1,27	1,27	1,26	1,26	1,29	1,35	0,15
13	1,39	1,42	1,43	1,41	1,37	1,34	1,34	1,33	1,35	1,36	1,42	1,45	0,12
14	1,47	1,49	1,51	1,49	1,46	1,44	1,43	1,52	1,55	1,53	1,47	1,44	0,12
15	1,43	1,42	1,42	1,41	1,40	1,39	1,38	1,38	1,38	1,37	1,45	1,48	0,11
16	1,50	1,51	1,53	1,54	1,45	1,43	1,43	1,42	1,54	1,51	1,52	1,52	0,12
17	1,52	1,52	1,52	1,50	1,43	1,39	1,38	1,37	1,36	1,37	1,41	1,42	0,16
18	1,44	1,44	1,44	1,45	1,39	1,36	1,35	1,33	1,33	1,32	1,37	1,39	0,13
19	1,41	1,41	1,42	1,42	1,36	1,33	1,32	1,32	1,32	1,35	1,38	1,41	0,10
20	1,42	1,43	1,43	1,43	1,37	1,34	1,32	1,31	1,30	1,30	1,36	1,40	0,13
21	1,42	1,43	1,44	1,41	1,34	1,32	1,31	1,31	1,30	1,35	1,36	1,37	0,14
22	1,38	1,39	1,39	1,39	1,39	1,38	1,38	1,38	1,39	1,39	1,39	1,41	0,03
23	1,42	1,43	1,43	1,44	1,45	1,45	1,46	1,46	1,46	1,46	1,46	1,46	0,04
24	1,46	1,46	1,47	1,47	1,47	1,46	1,46	1,46	1,46	1,45	1,45	1,45	0,02
25	1,45	1,45	1,45	1,46	1,44	1,44	1,43	1,43	1,44	1,44	1,44	1,44	0,03
26	1,45	1,46	1,47	1,48	1,48	1,48	1,48	1,50	1,50	1,55	1,57	1,57	0,12
27	1,57	1,57	1,57	1,57	1,56	1,55	1,54	1,54	1,53	1,52	1,52	1,52	0,05
28	1,52	1,52	1,52	1,51	1,50	1,50	1,50	1,49	1,49	1,48	1,48	1,48	0,04
29	1,48	1,49	1,49	1,48	1,47	1,46	1,47	1,47	1,46	1,46	1,46	1,46	0,03
30	1,46	1,46	1,46	1,46	1,45	1,45	1,46	1,48	1,49	1,50	1,50	1,53	0,08

7. Công trình QT10a-QT

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,44	1,44	1,43	1,43	1,43	1,42	1,42	1,42	1,41	1,41	1,41	1,42	0,03
2	1,42	1,42	1,41	1,41	1,41	1,41	1,40	1,38	1,37	1,37	1,37	1,38	0,05
3	1,39	1,39	1,38	1,38	1,39	1,39	1,38	1,37	1,36	1,36	1,37	1,38	0,03
4	1,39	1,40	1,39	1,39	1,40	1,41	1,40	1,39	1,38	1,37	1,38	1,39	0,04
5	1,40	1,40	1,40	1,39	1,40	1,41	1,40	1,39	1,37	1,36	1,36	1,37	0,05
6	1,38	1,39	1,38	1,38	1,38	1,39	1,40	1,39	1,37	1,36	1,36	1,37	0,04
7	1,38	1,38	1,38	1,38	1,38	1,38	1,40	1,39	1,37	1,35	1,34	1,34	0,06
8	1,35	1,36	1,36	1,35	1,35	1,36	1,38	1,38	1,36	1,35	1,33	1,33	0,05
9	1,34	1,35	1,36	1,35	1,34	1,35	1,38	1,38	1,37	1,34	1,33	1,33	0,05
10	1,33	1,35	1,35	1,35	1,34	1,35	1,37	1,39	1,37	1,35	1,33	1,32	0,07
11	1,32	1,33	1,34	1,33	1,32	1,33	1,35	1,39	1,37	1,35	1,33	1,31	0,08
12	1,31	1,32	1,32	1,32	1,31	1,30	1,33	1,35	1,34	1,32	1,30	1,28	0,07
13	1,27	1,27	1,28	1,28	1,27	1,27	1,28	1,29	1,29	1,30	1,30	1,29	0,03
14	1,29	1,29	1,30	1,29	1,28	1,26	1,26	1,29	1,34	1,36	1,36	1,37	0,11
15	1,37	1,39	1,41	1,43	1,45	1,45	1,46	1,50	1,53	1,56	1,57	1,58	0,21
16	1,58	1,58	1,59	1,60	1,61	1,60	1,60	1,60	1,61	1,63	1,64	1,65	0,07
17	1,65	1,65	1,64	1,64	1,63	1,62	1,61	1,60	1,60	1,60	1,61	1,62	0,05
18	1,62	1,61	1,60	1,60	1,59	1,59	1,58	1,56	1,54	1,54	1,55	1,56	0,08
19	1,57	1,56	1,55	1,54	1,54	1,54	1,53	1,51	1,48	1,48	1,48	1,50	0,09
20	1,51	1,52	1,51	1,51	1,51	1,52	1,52	1,50	1,48	1,46	1,47	1,48	0,06
21	1,50	1,51	1,51	1,50	1,51	1,53	1,55	1,54	1,52	1,50	1,50	1,51	0,05
22	1,53	1,55	1,55	1,54	1,54	1,56	1,58	1,59	1,56	1,53	1,52	1,52	0,07
23	1,53	1,54	1,54	1,53	1,52	1,53	1,55	1,57	1,54	1,51	1,48	1,47	0,10
24	1,54	1,55	1,55	1,54	1,54	1,55	1,55	1,55	1,54	1,54	1,55	1,55	0,01
25	1,55	1,54	1,54	1,55	1,54	1,55	1,55	1,55	1,54	1,55	1,55	1,54	0,01
26	1,54	1,55	1,55	1,55	1,54	1,54	1,55	1,54	1,55	1,55	1,55	1,54	0,01
27	1,54	1,55	1,54	1,55	1,55	1,55	1,54	1,54	1,55	1,54	1,55	1,55	0,01
28	1,54	1,55	1,55	1,54	1,54	1,55	1,54	1,55	1,55	1,54	1,55	1,55	0,01

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,13	1,13	1,14	1,14	1,15	1,15	1,14	1,12	1,12	1,12	1,13	1,14	0,03
2	1,15	1,15	1,15	1,17	1,18	1,19	1,18	1,16	1,15	1,14	1,15	1,16	0,05
3	1,17	1,17	1,17	1,17	1,18	1,20	1,20	1,17	1,15	1,14	1,14	1,15	0,06
4	1,16	1,16	1,15	1,16	1,17	1,20	1,23	1,21	1,17	1,15	1,15	1,16	0,08
5	1,16	1,15	1,14	1,13	1,15	1,19	1,22	1,21	1,19	1,14	1,13	1,15	0,09
6	1,16	1,15	1,13	1,12	1,13	1,17	1,20	1,21	1,19	1,13	1,12	1,14	0,09
7	1,15	1,14	1,12	1,11	1,12	1,16	1,19	1,20	1,19	1,14	1,12	1,12	0,09
8	1,15	1,13	1,12	1,09	1,09	1,10	1,13	1,13	1,13	1,12	1,10	1,10	0,06
9	1,11	1,13	1,12	1,10	1,09	1,11	1,13	1,13	1,15	1,15	1,14	1,14	0,06
10	1,16	1,17	1,17	1,16	1,15	1,16	1,18	1,19	1,20	1,20	1,19	1,19	0,05
11	1,19	1,21	1,20	1,18	1,16	1,16	1,18	1,19	1,20	1,20	1,21	1,21	0,05
12	1,21	1,22	1,22	1,21	1,19	1,19	1,19	1,19	1,21	1,22	1,22	1,22	0,03
13	1,22	1,23	1,24	1,23	1,22	1,20	1,19	1,20	1,21	1,21	1,22	1,22	0,05
14	1,22	1,22	1,23	1,23	1,22	1,20	1,19	1,18	1,18	1,19	1,19	1,20	0,05
15	1,20	1,20	1,21	1,22	1,22	1,20	1,18	1,16	1,16	1,16	1,17	1,18	0,06
16	1,18	1,18	1,19	1,20	1,22	1,21	1,19	1,16	1,15	1,15	1,16	1,17	0,07
17	1,17	1,17	1,16	1,18	1,20	1,21	1,19	1,16	1,14	1,13	1,14	1,14	0,08
18	1,14	1,14	1,13	1,13	1,16	1,19	1,19	1,18	1,15	1,14	1,14	1,15	0,06
19	1,14	1,13	1,11	1,11	1,12	1,15	1,16	1,16	1,14	1,12	1,12	1,13	0,05
20	1,14	1,13	1,11	1,10	1,10	1,12	1,14	1,15	1,14	1,11	1,10	1,12	0,05
21	1,13	1,13	1,11	1,09	1,10	1,11	1,12	1,13	1,12	1,11	1,11	1,10	0,04
22	1,11	1,11	1,11	1,09	1,08	1,09	1,11	1,12	1,12	1,10	1,09	1,10	0,04
23	1,10	1,10	1,09	1,07	1,06	1,06	1,08	1,10	1,09	1,08	1,08	1,08	0,04
24	1,09	1,10	1,09	1,07	1,06	1,07	1,07	1,07	1,08	1,08	1,08	1,08	0,04
25	1,09	1,09	1,09	1,08	1,07	1,06	1,06	1,07	1,09	1,09	1,08	1,08	0,03
26	1,08	1,09	1,09	1,08	1,06	1,05	1,05	1,06	1,07	1,08	1,07	1,07	0,04
27	1,07	1,08	1,09	1,08	1,06	1,05	1,04	1,05	1,07	1,07	1,07	1,06	0,05
28	1,06	1,07	1,08	1,08	1,06	1,04	1,03	1,03	1,04	1,05	1,05	1,04	0,05
29	1,04	1,05	1,06	1,07	1,05	1,03	1,02	1,02	1,03	1,04	1,04	1,04	0,05
30	1,03	1,04	1,06	1,07	1,05	1,03	1,01	1,01	1,02	1,03	1,04	1,03	0,06
31	1,03	1,03	1,06	1,08	1,06	1,04	1,01	1,01	1,01	1,02	1,02	1,02	0,07

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,00	0,99	0,98	0,97	0,99	1,00	1,02	1,02	1,01	1,00	1,01	1,02	0,05
2	1,02	1,00	0,99	0,98	0,99	1,00	1,01	1,02	1,02	1,01	1,01	1,02	0,04
3	1,03	1,02	1,00	0,99	0,99	1,00	1,02	1,03	1,03	1,01	1,02	1,03	0,04
4	1,05	1,04	1,02	0,99	0,98	0,98	0,99	1,00	1,00	0,99	0,99	1,00	0,07
5	1,03	1,04	1,02	0,99	0,97	0,96	0,96	0,98	0,98	0,98	0,97	0,98	0,08
6	1,00	1,03	1,02	1,00	0,97	0,94	0,94	0,95	0,95	0,95	0,95	0,96	0,09
7	0,98	1,00	1,01	1,00	0,97	0,94	0,94	0,95	0,95	0,94	0,93	0,93	0,08
8	0,94	0,96	0,98	0,98	0,97	0,94	0,94	0,94	0,95	0,94	0,94	0,93	0,05
9	0,93	0,94	0,95	0,97	0,96	0,94	0,93	0,94	0,94	0,94	0,93	0,92	0,05
10	0,91	0,91	0,93	0,95	0,96	0,96	0,95	0,95	0,95	0,95	0,94	0,94	0,05
11	0,93	0,92	0,93	0,94	0,95	0,96	0,96	0,96	0,95	0,96	0,96	0,96	0,04
12	0,95	0,94	0,94	0,94	0,95	0,95	0,96	0,95	0,95	0,96	0,96	0,96	0,02
13	0,96	0,94	0,94	0,94	0,94	0,94	0,95	0,95	0,94	0,94	0,95	0,96	0,02
14	0,95	0,94	0,94	0,93	0,93	0,94	0,94	0,94	0,94	0,94	0,95	0,96	0,03
15	0,96	0,94	0,94	0,93	0,94	0,94	0,95	0,95	0,95	0,94	0,95	0,96	0,03
16	0,96	0,95	0,94	0,93	0,93	0,94	0,95	0,95	0,95	0,94	0,95	0,97	0,04
17	0,98	0,97	0,95	0,94	0,95	0,95	0,96	0,97	0,96	0,95	0,96	0,97	0,04
18	0,98	0,98	0,96	0,94	0,94	0,95	0,96	0,97	0,96	0,95	0,96	0,97	0,04
19	0,99	1,00	0,98	0,97	0,95	0,95	0,96	0,97	0,96	0,96	0,96	0,96	0,05
20	0,99	1,00	1,00	0,98	0,97	0,96	0,97	0,98	0,97	0,97	0,97	0,98	0,04
21	0,99	1,01	1,01	0,99	0,97	0,96	0,96	0,97	0,97	0,97	0,96	0,97	0,05
22	0,98	1,01	1,01	1,01	0,98	0,97	0,97	0,97	0,98	0,98	0,99	1,00	0,04
23	1,00	1,00	0,99	0,97	0,95	0,95	0,96	0,97	0,98	0,98	0,98	0,99	0,05
24	0,99	1,01	1,02	1,00	1,01	1,00	1,00	0,99	0,99	0,99	0,97	0,96	0,06
25	0,95	0,96	0,97	0,98	0,99	0,98	0,98	0,98	1,00	1,00	0,99	0,98	0,05
26	0,96	0,96	0,97	0,98	0,99	0,98	0,98	0,97	0,98	0,98	0,98	0,97	0,03
27	0,96	0,95	0,96	0,97	0,98	0,98	0,98	0,98	0,98	0,98	0,98	0,97	0,03
28	0,96	0,95	0,95	0,96	0,97	0,98	0,98	0,99	0,98	0,99	1,01	1,00	0,06
29	0,99	0,98	0,98	0,99	1,00	1,01	1,02	1,02	1,01	1,01	1,02	1,03	0,05
30	1,02	1,00	0,99	0,99	1,00	1,03	1,05	1,04	1,03	1,03	1,04	1,06	0,07
31	1,08	1,08	1,06	1,05	1,07	1,09	1,11	1,12	1,12	1,11	1,13	1,15	0,10

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,63	1,65	1,65	1,64	1,62	1,63	1,63	1,64	1,62	1,60	1,59	1,60	0,06
2	1,61	1,63	1,64	1,63	1,62	1,61	1,63	1,64	1,63	1,61	1,60	1,60	0,04
3	1,60	1,61	1,62	1,62	1,61	1,60	1,60	1,61	1,60	1,59	1,57	1,56	0,06
4	1,56	1,57	1,58	1,58	1,57	1,56	1,56	1,56	1,56	1,55	1,53	1,52	0,06
5	1,51	1,51	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52	1,50	1,49	0,03
6	1,48	1,48	1,48	1,48	1,48	1,48	1,49	1,49	1,49	1,49	1,48	1,48	0,01
7	1,47	1,47	1,47	1,48	1,48	1,48	1,48	1,49	1,49	1,50	1,50	1,49	0,03
8	1,48	1,49	1,48	1,49	1,50	1,50	1,50	1,51	1,52	1,52	1,53	1,52	0,05
9	1,51	1,50	1,49	1,50	1,51	1,53	1,53	1,53	1,51	1,52	1,53	1,53	0,04
10	1,51	1,51	1,50	1,51	1,52	1,52	1,51	1,50	1,49	1,50	1,51	1,51	0,03
11	1,50	1,48	1,47	1,47	1,48	1,48	1,49	1,48	1,47	1,47	1,49	1,51	0,04
12	1,51	1,50	1,52	1,51	1,52	1,53	1,54	1,54	1,53	1,53	1,55	1,57	0,07
13	1,60	1,61	1,60	1,60	1,61	1,64	1,66	1,68	1,68	1,69	1,73	1,75	0,15
14	1,77	1,77	1,75	1,74	1,74	1,75	1,77	1,77	1,75	1,74	1,74	1,75	0,03
15	1,78	1,81	1,83	1,83	1,84	1,85	1,91	1,90	1,88	1,87	1,86	1,87	0,13
16	1,89	1,89	1,89	1,87	1,86	1,86	1,88	1,88	1,85	1,83	1,82	1,82	0,07
17	1,84	1,85	1,84	1,82	1,81	1,81	1,81	1,82	1,80	1,77	1,75	1,75	0,10
18	1,76	1,77	1,76	1,76	1,74	1,73	1,73	1,73	1,72	1,69	1,67	1,67	0,10
19	1,67	1,68	1,69	1,69	1,68	1,67	1,67	1,68	1,67	1,66	1,63	1,62	0,07
20	1,62	1,63	1,64	1,64	1,64	1,64	1,64	1,64	1,64	1,63	1,61	1,59	0,05
21	1,59	1,58	1,58	1,59	1,59	1,59	1,58	1,58	1,59	1,58	1,57	1,55	0,04
22	1,53	1,53	1,53	1,54	1,55	1,55	1,56	1,56	1,57	1,58	1,58	1,56	0,05
23	1,55	1,53	1,53	1,53	1,54	1,54	1,53	1,53	1,53	1,55	1,55	1,53	0,02
24	1,52	1,49	1,48	1,48	1,49	1,49	1,48	1,48	1,48	1,49	1,51	1,52	0,04
25	1,51	1,48	1,47	1,47	1,48	1,50	1,51	1,50	1,50	1,51	1,55	1,59	0,12
26	1,62	1,62	1,61	1,61	1,62	1,64	1,65	1,64	1,62	1,62	1,63	1,66	0,05
27	1,68	1,67	1,65	1,63	1,63	1,63	1,63	1,61	1,59	1,57	1,58	1,60	0,11
28	1,61	1,61	1,60	1,58	1,58	1,58	1,58	1,57	1,55	1,53	1,53	1,55	0,08
29	1,56	1,57	1,57	1,55	1,54	1,55	1,56	1,55	1,53	1,52	1,51	1,52	0,06
30	1,54	1,56	1,56	1,55	1,54	1,55	1,56	1,56	1,55	1,53	1,53	1,53	0,03

8. Công trình QT3a-H

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,23	1,24	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	0,01
2	1,23	1,23	1,22	1,22	1,21	1,22	1,23	1,23	1,23	1,23	1,22	1,22	0,02
3	1,23	1,23	1,22	1,22	1,22	1,23	1,22	1,23	1,22	1,22	1,22	1,22	0,01
4	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22	1,21	1,21	1,22	0,01
5	1,22	1,22	1,22	1,21	1,21	1,22	1,22	1,21	1,21	1,21	1,21	1,21	0,01
6	1,21	1,21	1,21	1,21	1,20	1,21	1,21	1,21	1,21	1,20	1,20	1,20	0,01
7	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	0,00
8	1,20	1,21	1,20	1,20	1,20	1,21	1,21	1,21	1,20	1,20	1,20	1,20	0,01
9	1,20	1,21	1,20	1,20	1,21	1,21	1,21	1,21	1,20	1,20	1,21	1,21	0,01
10	1,21	1,21	1,21	1,21	1,21	1,21	1,21	1,21	1,20	1,20	1,20	1,21	0,01
11	1,21	1,21	1,21	1,20	1,20	1,21	1,21	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	0,01
12	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	0,00
13	1,20	1,20	1,20	1,19	1,19	1,20	1,20	1,20	1,19	1,19	1,19	1,19	0,01
14	1,19	1,20	1,19	1,19	1,19	1,20	1,19	1,19	1,20	1,19	1,23	1,27	0,08
15	1,26	1,25	1,26	1,24	1,27	1,30	1,30	1,30	1,30	1,29	1,31	1,31	0,07
16	1,30	1,32	1,30	1,29	1,28	1,28	1,28	1,28	1,27	1,26	1,26	1,26	0,06
17	1,26	1,27	1,26	1,25	1,25	1,25	1,25	1,25	1,24	1,24	1,24	1,25	0,03
18	1,25	1,25	1,24	1,24	1,24	1,24	1,24	1,24	1,24	1,24	1,23	1,23	0,02
19	1,24	1,24	1,23	1,23	1,26	1,25	1,25	1,25	1,24	1,24	1,23	1,24	0,03
20	1,24	1,30	1,29	1,29	1,29	1,29	1,28	1,28	1,27	1,27	1,26	1,26	0,06
21	1,26	1,25	1,25	1,25	1,25	1,24	1,25	1,25	1,24	1,24	1,24	1,24	0,02
22	1,24	1,24	1,24	1,23	1,23	1,24	1,24	1,24	1,24	1,25	1,24	1,24	0,02
23	1,24	1,24	1,24	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,22	1,22	1,22	1,22	0,02
24	1,22	1,22	1,22	1,22	1,21	1,22	1,22	1,22	1,21	1,21	1,21	1,21	0,01
25	1,21	1,22	1,21	1,21	1,22	1,23	1,23	1,21	1,22	1,22	1,21	1,22	0,02
26	1,23	1,23	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22	1,21	1,21	1,21	1,21	0,02
27	1,21	1,24	1,25	1,25	1,24	1,24	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	0,04
28	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	1,24	1,23	1,23	1,22	1,23	1,22	0,02

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,01	1,02	1,02	1,02	1,02	1,02	1,01	1,00	0,99	1,00	1,00	1,01	0,03
2	1,01	1,01	1,01	1,01	1,01	1,01	0,99	0,98	0,97	0,97	0,98	0,98	0,04
3	0,99	1,00	0,99	0,99	1,00	1,00	0,99	0,99	0,98	0,98	0,98	0,99	0,02
4	1,00	1,00	0,99	1,00	1,00	1,01	1,01	1,00	0,97	0,96	0,96	0,97	0,05
5	0,98	0,99	0,99	0,99	0,99	1,00	1,00	0,99	0,97	0,93	0,95	0,96	0,07
6	0,97	0,97	0,98	0,97	0,97	0,99	0,98	0,97	0,95	0,92	0,93	0,94	0,07
7	0,95	0,96	0,96	0,96	0,96	0,98	0,97	0,96	0,94	0,88	0,89	0,89	0,10
8	0,90	0,89	0,90	0,91	0,89	0,85	0,85	0,84	0,84	0,85	0,86	0,87	0,07
9	0,88	0,89	0,89	0,89	0,90	0,91	0,91	0,90	0,89	0,89	0,90	0,91	0,03
10	0,92	0,93	0,94	0,93	0,94	0,94	0,94	0,93	0,94	0,94	0,94	0,95	0,03
11	0,96	0,96	0,96	0,96	0,96	0,95	0,95	1,03	1,03	1,03	1,04	1,04	0,09
12	1,04	1,04	1,04	1,04	1,04	1,04	1,03	1,02	1,02	1,08	1,17	1,18	0,16
13	1,18	1,18	1,17	1,16	1,16	1,16	1,16	1,16	1,16	1,15	1,15	1,16	0,03
14	1,16	1,16	1,16	1,15	1,15	1,16	1,16	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	0,01
15	1,15	1,15	1,15	1,14	1,15	1,15	1,14	1,15	1,14	1,14	1,14	1,15	0,01
16	1,15	1,15	1,14	1,14	1,14	1,14	1,14	1,14	1,13	1,12	1,12	1,13	0,03
17	1,13	1,13	1,13	1,12	1,12	1,12	1,11	1,11	1,10	1,09	1,10	1,10	0,04
18	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	0,01
19	1,10	1,11	1,11	1,09	1,10	1,10	1,09	1,09	1,09	1,08	1,08	1,09	0,03
20	1,10	1,10	1,10	1,09	1,09	1,08	1,08	1,07	1,05	1,04	1,05	1,06	0,06
21	1,06	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	0,01
22	1,08	1,08	1,08	1,07	1,07	1,08	1,07	1,07	1,06	1,06	1,06	1,06	0,02
23	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,06	1,06	1,05	1,05	1,04	1,04	1,04	0,03
24	1,04	1,04	1,04	1,03	1,04	1,04	1,04	1,04	1,03	1,05	1,05	1,06	0,03
25	1,06	1,06	1,07	1,06	1,07	1,06	1,05	1,05	1,04	1,03	1,03	1,04	0,04
26	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05	1,04	1,04	1,03	1,02	1,02	1,03	1,03	0,03
27	1,04	1,04	1,04	1,04	1,05	1,05	1,04	1,03	1,02	1,01	1,02	1,02	0,04
28	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	1,02	1,02	1,02	1,03	1,04	0,02
29	1,03	1,02	1,03	1,04	1,03	1,04	1,04	1,04	1,03	1,02	1,03	1,03	0,02
30	1,04	1,04	1,04	1,04	1,03	1,02	1,02	1,01	1,01	1,01	1,01	1,02	0,03
31	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	1,02	1,02	1,01	1,00	1,01	1,01	0,03

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,99	0,99	0,99	0,99	0,99	0,99	0,99	0,98	0,98	0,99	0,99	1,00	0,02
2	1,00	1,01	1,01	1,00	1,00	0,99	0,99	0,98	0,99	0,99	1,00	1,00	0,03
3	1,01	1,01	1,01	1,01	1,01	1,01	1,00	0,99	0,99	0,99	1,00	1,00	0,02
4	1,01	1,01	1,01	1,01	1,00	0,99	0,98	0,97	0,97	0,98	0,98	0,99	0,04
5	1,00	1,00	1,00	1,00	0,99	0,98	0,95	0,94	0,94	0,95	0,95	0,97	0,06
6	0,98	0,98	0,98	0,98	0,96	0,94	0,92	0,91	0,91	0,92	0,93	0,94	0,07
7	0,95	0,95	0,95	0,96	0,94	0,92	0,90	0,88	0,88	0,89	0,91	0,92	0,08
8	0,93	0,93	0,94	0,93	0,92	0,90	0,87	0,85	0,85	0,87	0,88	0,90	0,09
9	0,91	0,91	0,91	0,91	0,90	0,88	0,85	0,83	0,83	0,85	0,87	0,88	0,08
10	0,89	0,89	0,90	0,90	0,88	0,86	0,84	0,83	0,82	0,83	0,85	0,86	0,08
11	0,88	0,89	0,89	0,89	0,87	0,85	0,84	0,83	0,83	0,84	0,85	0,87	0,06
12	0,88	0,89	0,89	0,89	0,89	0,89	0,88	0,88	0,87	0,87	0,88	0,87	0,02
13	0,88	0,89	0,90	0,89	0,88	0,86	0,84	0,83	0,83	0,84	0,86	0,87	0,07
14	0,89	0,90	0,90	0,89	0,89	0,86	0,88	0,97	0,97	0,97	0,98	0,98	0,12
15	0,98	0,98	0,98	0,98	0,97	0,96	0,96	0,94	0,94	0,94	0,95	0,95	0,04
16	0,96	0,96	0,96	0,96	0,95	0,93	0,92	0,91	0,91	0,91	0,92	0,92	0,05
17	0,93	0,93	0,93	0,93	0,92	0,90	0,89	0,87	0,86	0,88	0,88	0,89	0,07
18	0,90	0,91	0,91	0,91	0,89	0,87	0,85	0,83	0,83	0,84	0,85	0,86	0,08
19	0,87	0,88	0,88	0,88	0,87	0,85	0,83	0,82	0,83	0,84	0,85	0,86	0,06
20	0,87	0,88	0,88	0,88	0,87	0,86	0,84	0,82	0,82	0,84	0,85	0,85	0,06
21	0,86	0,87	0,87	0,87	0,86	0,87	0,87	0,86	0,86	0,86	0,85	0,84	0,03
22	0,85	0,85	0,85	0,86	0,86	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85	0,01
23	0,84	0,85	0,85	0,86	0,86	0,84	0,85	0,84	0,84	0,84	0,83	0,83	0,03
24	0,83	0,84	0,84	0,85	0,85	0,84	0,84	0,83	0,83	0,97	1,00	1,04	0,21
25	1,05	1,06	1,05	1,05	1,05	1,08	1,10	1,10	1,09	1,09	1,09	1,08	0,05
26	1,08	1,08	1,07	0,97	1,00	1,04	1,05	1,06	1,05	1,05	1,05	1,08	0,11
27	1,10	1,10	1,09	1,09	1,09	1,08	1,08	1,08	1,07	0,97	1,00	1,04	0,13
28	1,05	1,06	1,05	1,05	1,05	1,08	1,10	1,10	1,09	1,09	1,09	1,08	0,05
29	1,08	1,08	1,07	0,97	1,00	1,04	1,05	1,06	1,05	1,05	1,05	1,08	0,11
30	1,10	1,10	1,09	1,09	1,09	1,08	1,08	1,08	1,07	0,97	1,00	1,04	0,13
31	1,05	1,06	1,05	1,00	1,04	1,05	1,06	1,05	1,05	1,05	1,08	1,10	0,10

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,33	1,33	1,33	1,33	1,33	1,33	1,33	1,33	1,32	1,32	1,32	1,33	0,01
2	1,33	1,34	1,33	1,33	1,33	1,34	1,35	1,35	1,34	1,34	1,38	1,37	0,05
3	1,37	1,37	1,37	1,36	1,35	1,35	1,35	1,35	1,34	1,34	1,34	1,33	0,04
4	1,33	1,33	1,33	1,33	1,32	1,33	1,33	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	0,01
5	1,32	1,32	1,32	1,31	1,31	1,31	1,32	1,31	1,31	1,33	1,33	1,34	0,03
6	1,33	1,34	1,34	1,33	1,33	1,33	1,33	1,32	1,32	1,31	1,31	1,31	0,03
7	1,32	1,32	1,32	1,32	1,34	1,36	1,36	1,35	1,34	1,34	1,34	1,39	0,07
8	1,39	1,40	1,39	1,38	1,37	1,37	1,38	1,37	1,36	1,35	1,34	1,35	0,06
9	1,35	1,34	1,34	1,34	1,33	1,35	1,35	1,34	1,32	1,32	1,32	1,32	0,03
10	1,32	1,32	1,32	1,31	1,33	1,36	1,35	1,35	1,34	1,34	1,34	1,34	0,05
11	1,34	1,34	1,34	1,33	1,33	1,34	1,34	1,33	1,32	1,32	1,32	1,32	0,02
12	1,33	1,33	1,33	1,32	1,32	1,34	1,34	1,34	1,33	1,33	1,33	1,33	0,02
13	1,34	1,34	1,42	1,43	1,45	1,45	1,43	1,42	1,42	1,42	1,46	1,44	0,12
14	1,43	1,42	1,41	1,41	1,40	1,40	1,40	1,39	1,39	1,39	1,42	1,45	0,06
15	1,46	1,48	1,49	1,55	1,57	1,60	1,60	1,62	1,64	1,65	1,66	1,68	0,22
16	1,70	1,71	1,72	1,71	1,70	1,68	1,67	1,65	1,63	1,62	1,60	1,60	0,12
17	1,60	1,59	1,58	1,57	1,55	1,55	1,54	1,53	1,52	1,50	1,50	1,49	0,11
18	1,48	1,47	1,46	1,45	1,44	1,44	1,43	1,42	1,41	1,41	1,40	1,40	0,08
19	1,39	1,39	1,38	1,38	1,37	1,37	1,37	1,37	1,36	1,36	1,36	1,36	0,03
20	1,36	1,36	1,35	1,35	1,35	1,36	1,36	1,36	1,35	1,35	1,35	1,35	0,01
21	1,35	1,35	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	0,01
22	1,34	1,34	1,33	1,33	1,33	1,34	1,34	1,33	1,33	1,32	1,32	1,32	0,02
23	1,31	1,31	1,31	1,31	1,31	1,32	1,32	1,31	1,30	1,30	1,30	1,30	0,02
24	1,29	1,29	1,29	1,29	1,29	1,30	1,30	1,31	1,32	1,31	1,32	1,32	0,03
25	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,33	1,33	1,32	1,34	1,35	1,38	0,06
26	1,42	1,44	1,44	1,43	1,41	1,43	1,43	1,42	1,41	1,39	1,39	1,38	0,06
27	1,38	1,37	1,37	1,36	1,35	1,35	1,35	1,35	1,34	1,34	1,34	1,34	0,04
28	1,34	1,34	1,34	1,33	1,33	1,33	1,34	1,33	1,33	1,33	1,34	1,34	0,01
29	1,34	1,34	1,34	1,33	1,33	1,34	1,34	1,34	1,33	1,34	1,33	1,35	0,02
30	1,36	1,36	1,36	1,35	1,35	1,34	1,35	1,34	1,34	1,33	1,33	1,33	0,03

II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

II.1. Vùng không ảnh triều

1. Công trình: QT1a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,97	2,61	2,61	2,55	2,43	2,34	3,21	2,96	3,78	5,06	3,32	2,95
2	2,95	2,64	2,61	2,54	2,39	2,29	3,16	3,04	3,70	4,93	3,27	2,97
3	3,00	2,70	2,59	2,50	2,37	2,27	3,10	3,19	3,67	4,78	3,22	2,99
4	3,04	2,74	2,57	2,49	2,40	2,39	3,02	3,39	3,65	4,61	3,20	2,95
5	3,10	2,74	2,52	2,47	2,36	2,39	3,01	3,54	3,62	4,42	3,15	2,92
6	3,12	2,72	2,48	2,45	2,30	2,56	3,04	3,78	3,57	4,28	3,16	3,00
7	3,09	2,74	2,52	2,48	2,29	2,24	3,03	4,05	3,54	4,23	3,23	2,85
8	3,05	2,74	2,54	2,51	2,39	2,47	3,03	4,20	3,58	4,20	3,23	2,81
9	3,02	2,84	2,53	2,51	2,46	2,32	2,96	4,27	3,52	4,12	3,22	2,77
10	3,05	2,79	2,51	2,51	2,45	2,53	3,02	4,30	3,43	4,07	3,17	2,77
11	3,08	2,82	2,52	2,53	2,52	2,56	3,02	4,31	3,40	4,02	3,16	2,79
12	3,05	2,77	2,51	2,57	2,61	2,59	2,95	4,26	3,40	4,04	3,16	2,81
13	2,88	2,74	2,49	2,59	2,61	2,63	2,85	4,17	3,42	3,96	3,21	2,88
14	2,83	2,77	2,44	2,59	2,63	2,65	2,87	4,21	3,45	3,85	3,11	2,90
15	2,75	2,77	2,47	2,62	2,61	2,68	3,01	4,22	3,55	3,81	3,15	2,90
16	2,70	2,72	2,48	2,61	2,59	2,75	3,01	4,23	3,87	3,74	3,30	2,97
17	2,68	2,70	2,50	2,58	2,50	2,90	2,97	4,19	3,86	3,69	3,29	3,01
18	2,63	2,67	2,51	2,58	2,41	2,90	2,95	4,08	4,03	3,67	3,24	2,92
19	2,61	2,68	2,51	2,53	2,37	2,93	3,07	4,02	4,04	3,64	3,14	2,86
20	2,53	2,70	2,54	2,53	2,34	2,97	3,10	3,99	3,97	3,63	3,08	2,84
21	2,42	2,70	2,52	2,52	2,34	2,85	3,14	4,00	3,93	3,58	3,05	2,82
22	2,55	2,69	2,49	2,49	2,29	2,72	3,18	3,96	3,91	3,47	3,02	2,84
23	2,66	2,69	2,46	2,45	2,31	2,73	3,13	3,99	3,89	3,45	3,02	2,87
24	2,66	2,68	2,46	2,45	2,36	2,94	3,08	4,09	3,76	3,41	3,02	2,70
25	2,65	2,63	2,49	2,51	2,42	3,01	3,01	4,03	3,69	3,42	3,00	2,81
26	2,65	2,57	2,53	2,54	2,45	3,17	2,97	3,99	3,80	3,48	3,00	2,74
27	2,65	2,55	2,55	2,50	2,44	3,28	2,86	3,94	4,11	3,46	2,97	2,73
28	2,61	2,56	2,51	2,47	2,45	3,40	2,86	4,01	4,73	3,44	2,97	2,70
29	2,59		2,49	2,48	2,44	3,38	2,86	4,01	5,07	3,47	2,93	2,69
30	2,57		2,53	2,48	2,40	3,28	2,80	3,99	5,12	3,42	2,94	2,69
31	2,60		2,55		2,37		2,80	3,92		3,35		2,66
T.Bình	2,80	2,70	2,52	2,52	2,43	2,74	3,00	3,95	3,84	3,89	3,13	2,84
Max	3,23	2,95	2,71	2,74	2,73	3,52	3,36	4,43	5,24	5,21	3,46	3,13
Min	2,20	2,45	2,31	2,30	2,10	2,10	2,69	2,90	3,30	3,22	2,79	2,56
ΔH	1,03	0,50	0,40	0,44	0,63	1,42	0,67	1,53	1,94	1,99	0,67	0,57

Mực nước trung bình năm: 3,03

Mực nước lớn nhất trong năm: 5,24 Ngày: 30/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,10 Ngày: 22/05/2023

Biên độ dao động năm: 3,14

2. Công trình: QT2a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,63									
2												
3					1,31	1,13	1,30	1,39	1,60	1,64		
4												
5												
6	1,90	1,52	1,57	1,40	1,26	1,20	1,25	1,45	1,54	1,59	1,80	1,85
7												
8												
9					1,21	1,15	1,30	1,50	1,61	1,65		
10												
11												
12	1,81	1,58	1,52	1,45	1,27	1,10	1,35	1,55	1,53	1,70	1,85	1,91
13												
14												
15					1,33	1,15	1,31	1,60	1,59	1,76		
16												
17												
18	1,72	1,63	1,47	1,39	1,28	1,20	1,36	1,55	1,55	1,71	1,90	1,98
19												
20												
21					1,23	1,27	1,42	1,60	1,50	1,66		
22												
23												
24	1,63	1,68	1,41	1,31	1,17	1,35	1,33	1,54	1,57	1,61	1,95	1,89
25												
26												
27					1,12	1,40	1,28	1,67	1,62	1,70		
28												
29												
30	1,57		1,46	1,36	1,07	1,35	1,34	1,53	1,69	1,75	1,90	1,83
31												
T.Bình	1,73	1,60	1,51	1,38	1,23	1,23	1,33	1,54	1,58	1,68	1,88	1,89
Max	1,90	1,68	1,63	1,45	1,33	1,40	1,42	1,67	1,69	1,76	1,95	1,98
Min	1,57	1,52	1,41	1,31	1,07	1,10	1,25	1,39	1,50	1,59	1,80	1,83
ΔH	0,33	0,16	0,22	0,14	0,26	0,30	0,17	0,28	0,19	0,17	0,15	0,15

Mực nước trung bình năm: 1,51
Mực nước lớn nhất trong năm: 1,98 Ngày: 18/12/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,07 Ngày: 30/05/2023
Biên độ dao động năm: 0,91

3. Công trình: QT4a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,19	4,76	4,70	4,58	4,49	4,44	4,56	4,29	4,42	4,93	4,94	4,80
2	5,21	4,76	4,71	4,58	4,49	4,42	4,56	4,30	4,41	4,94	4,90	4,81
3	5,21	4,77	4,70	4,59	4,48	4,41	4,56	4,32	4,41	4,97	4,86	4,82
4	5,20	4,78	4,70	4,59	4,49	4,40	4,56	4,37	4,41	4,96	4,87	4,82
5	5,21	4,79	4,69	4,58	4,50	4,40	4,56	4,40	4,42	4,92	4,89	4,79
6	5,24	4,78	4,69	4,57	4,49	4,38	4,55	4,40	4,45	4,91	4,92	4,79
7	5,21	4,79	4,69	4,57	4,47	4,34	4,55	4,39	4,47	4,96	4,94	4,78
8	5,17	4,80	4,68	4,56	4,46	4,37	4,54	4,40	4,47	4,98	4,92	4,72
9	5,15	4,80	4,68	4,56	4,48	4,36	4,45	4,40	4,45	4,96	4,92	4,68
10	5,15	4,81	4,67	4,56	4,48	4,40	4,42	4,41	4,39	4,97	4,93	4,68
11	5,15	4,82	4,67	4,56	4,50	4,40	4,41	4,41	4,34	4,98	4,93	4,70
12	5,13	4,83	4,66	4,55	4,52	4,39	4,36	4,43	4,32	4,97	4,94	4,73
13	5,02	4,81	4,66	4,56	4,54	4,39	4,31	4,43	4,34	4,94	4,96	4,76
14	5,01	4,80	4,66	4,56	4,54	4,37	4,29	4,46	4,37	4,89	4,87	4,78
15	4,96	4,79	4,65	4,55	4,53	4,37	4,30	4,48	4,40	4,90	4,90	4,80
16	4,92	4,76	4,66	4,55	4,54	4,37	4,30	4,47	4,47	4,90	5,01	4,84
17	4,88	4,76	4,66	4,55	4,53	4,42	4,28	4,43	4,53	4,91	5,05	4,88
18	4,87	4,76	4,66	4,55	4,51	4,42	4,28	4,42	4,58	4,92	5,03	4,80
19	4,86	4,76	4,65	4,54	4,50	4,43	4,34	4,45	4,59	4,93	4,99	4,76
20	4,85	4,75	4,65	4,54	4,48	4,43	4,40	4,48	4,56	4,97	4,94	4,75
21	4,86	4,75	4,64	4,53	4,46	4,41	4,48	4,48	4,56	4,97	4,89	4,76
22	4,86	4,75	4,64	4,53	4,46	4,36	4,49	4,42	4,55	4,92	4,86	4,80
23	4,86	4,76	4,62	4,52	4,45	4,37	4,52	4,46	4,58	4,91	4,87	4,82
24	4,83	4,77	4,61	4,51	4,44	4,42	4,53	4,50	4,57	4,89	4,87	4,69
25	4,82	4,74	4,60	4,52	4,43	4,43	4,45	4,50	4,51	4,89	4,86	4,52
26	4,81	4,73	4,60	4,52	4,43	4,47	4,44	4,45	4,52	4,92	4,85	4,46
27	4,79	4,71	4,59	4,51	4,43	4,51	4,39	4,42	4,62	4,93	4,84	4,42
28	4,78	4,71	4,58	4,51	4,43	4,53	4,34	4,44	4,78	4,92	4,83	4,40
29	4,77		4,58	4,50	4,42	4,55	4,30	4,46	4,86	4,94	4,80	4,38
30	4,76		4,58	4,50	4,43	4,56	4,27	4,47	4,91	4,93	4,80	4,37
31	4,77		4,58		4,43		4,26	4,46		4,93		4,35
T.Bình	4,98	4,77	4,65	4,55	4,48	4,42	4,42	4,43	4,51	4,93	4,91	4,69
Max	5,27	4,84	4,72	4,61	4,55	4,57	4,58	4,56	4,93	5,02	5,09	4,92
Min	4,74	4,70	4,57	4,49	4,41	4,33	4,24	4,27	4,30	4,86	4,76	4,33
ΔH	0,53	0,14	0,15	0,12	0,14	0,24	0,34	0,29	0,63	0,16	0,33	0,59

Mực nước trung bình năm: 4,64

Mực nước lớn nhất trong năm: 5,27 Ngày: 07/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 4,24 Ngày: 30/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,03

4. Công trình: QT5a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,74									
2												
3					2,48	2,42	2,51	2,78	3,12	3,10		
4												
5												
6	3,36	3,05	2,69	2,41	2,43	2,48	2,46	2,84	3,07	3,05	3,22	2,90
7												
8												
9					2,38	2,43	2,52	2,89	3,10	3,11		
10												
11												
12	3,30	2,97	2,63	2,46	2,44	2,38	2,58	2,94	3,05	3,16	3,13	2,96
13												
14												
15					2,50	2,46	2,53	2,99	3,12	3,07		
16												
17												
18	3,25	2,88	2,58	2,40	2,56	2,41	2,61	2,94	3,06	3,15	3,05	3,01
19												
20												
21					2,51	2,48	2,66	3,01	3,01	3,23		
22												
23												
24	3,20	2,79	2,51	2,35	2,46	2,54	2,71	3,06	2,96	3,18	3,00	2,95
25												
26												
27					2,41	2,61	2,66	3,11	3,01	3,26		
28												
29												
30	3,14		2,46	2,42	2,36	2,56	2,72	3,06	3,06	3,31	2,95	2,90
31												
T.Bình	3,25	2,93	2,61	2,41	2,46	2,48	2,60	2,97	3,06	3,17	3,07	2,95
Max	3,36	3,05	2,74	2,46	2,56	2,61	2,72	3,11	3,12	3,31	3,22	3,01
Min	3,14	2,79	2,46	2,35	2,36	2,38	2,46	2,78	2,96	3,05	2,95	2,90
ΔH	0,22	0,26	0,28	0,11	0,20	0,23	0,26	0,33	0,16	0,26	0,27	0,11

Mực nước trung bình năm: 2,81
Mực nước lớn nhất trong năm: 3,36 Ngày: 06/01/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,35 Ngày: 24/04/2023
Biên độ dao động năm: 1,01

5. Công trình: QT6a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	4,21	4,23	4,31	4,37	4,23	4,34	4,85	4,49	4,40	5,72	4,26	4,07
2	4,25	4,23	4,30	4,37	4,22	4,27	4,74	4,57	4,38	5,65	4,21	4,06
3	4,26	4,26	4,29	4,32	4,23	4,26	4,67	4,64	4,38	5,56	4,18	4,07
4	4,27	4,27	4,28	4,26	4,23	4,34	4,61	4,69	4,38	5,43	4,17	4,07
5	4,31	4,29	4,27	4,18	4,21	4,36	4,56	4,73	4,39	5,28	4,20	4,04
6	4,35	4,31	4,29	4,11	4,20	4,46	4,54	4,76	4,41	5,16	4,24	4,09
7	4,34	4,31	4,31	4,07	4,18	4,38	4,51	4,74	4,42	5,12	4,30	4,06
8	4,31	4,31	4,32	4,04	4,27	4,47	4,47	4,71	4,43	5,06	4,34	3,98
9	4,31	4,33	4,31	4,00	4,38	4,38	4,39	4,62	4,43	4,92	4,29	3,92
10	4,39	4,35	4,31	4,02	4,38	4,60	4,44	4,56	4,36	4,82	4,21	3,91
11	4,45	4,35	4,30	4,08	4,41	4,62	4,47	4,58	4,33	4,74	4,17	3,94
12	4,41	4,30	4,30	4,10	4,64	4,63	4,42	4,68	4,36	4,66	4,13	3,96
13	4,29	4,26	4,30	4,14	4,78	4,55	4,37	4,75	4,50	4,56	4,18	3,98
14	4,31	4,25	4,29	4,18	4,85	4,49	4,35	4,82	4,61	4,48	4,10	3,99
15	4,27	4,23	4,29	4,25	4,83	4,56	4,36	4,88	4,75	4,46	4,17	3,96
16	4,26	4,24	4,28	4,26	4,77	4,63	4,32	4,86	4,89	4,48	4,30	4,06
17	4,22	4,25	4,29	4,28	4,66	4,76	4,30	4,76	5,02	4,49	4,31	4,16
18	4,21	4,24	4,30	4,30	4,50	4,74	4,30	4,65	5,12	4,49	4,29	4,14
19	4,19	4,26	4,30	4,29	4,38	4,72	4,43	4,59	5,10	4,45	4,25	4,13
20	4,12	4,25	4,30	4,28	4,31	4,67	4,56	4,58	5,02	4,45	4,17	4,13
21	4,05	4,27	4,28	4,28	4,25	4,54	4,67	4,51	4,94	4,40	4,08	4,16
22	4,12	4,30	4,25	4,27	4,19	4,36	4,68	4,43	4,85	4,31	4,05	4,19
23	4,17	4,32	4,24	4,23	4,18	4,40	4,65	4,48	4,81	4,31	4,06	4,20
24	4,14	4,35	4,21	4,23	4,17	4,71	4,62	4,62	4,81	4,31	4,10	4,01
25	4,12	4,33	4,24	4,26	4,23	4,72	4,53	4,52	4,75	4,33	4,10	4,08
26	4,13	4,31	4,25	4,25	4,28	4,90	4,48	4,53	4,84	4,39	4,12	4,08
27	4,16	4,32	4,29	4,26	4,35	5,00	4,42	4,52	5,23	4,42	4,12	4,05
28	4,18	4,31	4,31	4,24	4,35	5,03	4,41	4,55	5,57	4,42	4,13	4,05
29	4,19		4,35	4,24	4,35	5,02	4,38	4,53	5,72	4,42	4,06	4,06
30	4,22		4,36	4,24	4,35	4,95	4,37	4,52	5,74	4,39	4,07	4,07
31	4,24		4,36		4,32		4,40	4,48		4,32		4,07
T.Bình	4,24	4,29	4,29	4,21	4,38	4,60	4,49	4,62	4,77	4,71	4,18	4,06
Max	4,49	4,42	4,42	4,44	4,90	5,10	4,97	4,95	5,82	5,81	4,43	4,29
Min	3,89	4,14	4,13	3,93	4,06	4,14	4,19	4,31	4,27	4,19	3,94	3,81
ΔH	0,60	0,28	0,29	0,51	0,84	0,96	0,78	0,64	1,55	1,62	0,49	0,48

Mực nước trung bình năm: 4,40
Mực nước lớn nhất trong năm: 5,82 Ngày: 30/09/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 3,81 Ngày: 09/12/2023
Biên độ dao động năm: 2,01

6. Công trình: QT7a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,27	1,86	2,02	2,01	1,75	1,47	1,75	1,54	1,70	2,59	1,97	1,81
2	2,31	1,90	2,00	2,00	1,72	1,42	1,71	1,57	1,66	2,56	1,92	1,86
3	2,32	1,94	1,99	1,98	1,67	1,34	1,67	1,60	1,65	2,54	1,87	1,91
4	2,30	1,98	1,98	1,97	1,65	1,30	1,64	1,66	1,68	2,50	1,84	1,94
5	2,33	2,01	1,92	1,95	1,64	1,32	1,61	1,70	1,72	2,41	1,84	1,96
6	2,35	2,03	1,92	1,92	1,61	1,33	1,59	1,71	1,79	2,35	1,85	2,00
7	2,32	2,05	1,95	1,91	1,58	1,32	1,55	1,72	1,85	2,38	1,87	1,99
8	2,28	2,05	1,95	1,91	1,59	1,39	1,50	1,77	1,88	2,37	1,79	1,93
9	2,27	2,06	1,96	1,92	1,60	1,45	1,34	1,80	1,88	2,32	1,78	1,88
10	2,29	2,09	1,94	1,93	1,60	1,53	1,34	1,81	1,85	2,31	1,74	1,88
11	2,29	2,10	1,94	1,95	1,67	1,53	1,32	1,84	1,84	2,29	1,71	1,91
12	2,27	2,10	1,96	1,97	1,75	1,52	1,25	1,88	1,82	2,27	1,73	1,93
13	2,15	2,10	1,96	1,98	1,79	1,50	1,23	1,91	1,86	2,23	1,80	1,96
14	2,13	2,11	1,94	2,00	1,80	1,44	1,23	1,96	1,91	2,18	1,75	1,96
15	2,08	2,13	1,94	2,00	1,82	1,48	1,24	2,02	1,97	2,17	1,82	1,97
16	2,05	2,15	1,93	2,00	1,83	1,48	1,26	2,02	2,05	2,18	2,02	2,03
17	2,01	2,16	1,93	2,02	1,81	1,58	1,26	1,95	2,11	2,17	2,05	2,10
18	1,98	2,16	1,93	2,01	1,75	1,60	1,28	1,88	2,16	2,18	2,03	2,08
19	1,94	2,15	1,92	1,98	1,70	1,59	1,42	1,90	2,16	2,14	1,98	2,06
20	1,87	2,13	1,90	1,94	1,65	1,61	1,53	1,90	2,14	2,15	1,90	2,08
21	1,78	2,12	1,91	1,92	1,62	1,56	1,63	1,87	2,13	2,13	1,86	2,12
22	1,75	2,12	1,89	1,86	1,57	1,51	1,68	1,80	2,12	2,05	1,81	2,15
23	1,77	2,10	1,87	1,82	1,52	1,50	1,68	1,85	2,15	2,03	1,84	2,16
24	1,77	2,08	1,86	1,80	1,52	1,57	1,68	1,93	2,11	2,01	1,86	1,96
25	1,77	2,06	1,86	1,79	1,57	1,60	1,62	1,86	2,05	1,97	1,82	2,11
26	1,79	2,04	1,89	1,81	1,61	1,67	1,58	1,81	2,14	1,98	1,83	2,10
27	1,81	2,02	1,92	1,80	1,60	1,70	1,52	1,77	2,40	1,99	1,80	2,07
28	1,82	2,02	1,93	1,74	1,58	1,77	1,47	1,78	2,58	1,99	1,81	2,04
29	1,83		1,95	1,73	1,57	1,78	1,46	1,80	2,60	2,00	1,79	2,01
30	1,84		1,97	1,75	1,59	1,78	1,46	1,80	2,61	2,00	1,79	2,03
31	1,85		1,98		1,56		1,49	1,75		1,98		2,04
T.Bình	2,05	2,07	1,94	1,91	1,65	1,52	1,48	1,81	2,02	2,21	1,85	2,00
Max	2,39	2,20	2,05	2,05	1,86	1,81	1,80	2,06	2,64	2,66	2,15	2,21
Min	1,72	1,84	1,82	1,70	1,49	1,25	1,16	1,50	1,59	1,91	1,66	1,79
ΔH	0,67	0,36	0,23	0,35	0,37	0,56	0,64	0,56	1,05	0,75	0,49	0,42

Mực nước trung bình năm: 1,87

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,66 Ngày: 01/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,16 Ngày: 12/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,50

7. Công trình: QT9a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,25									
2												
3					2,24	2,25	2,19	2,34	2,29	2,38		
4												
5												
6	2,54	2,26	2,19	2,01	2,19	2,30	2,14	2,39	2,37	2,33	2,50	2,24
7												
8												
9					2,14	2,23	2,20	2,44	2,43	2,39		
10												
11												
12	2,46	2,32	2,14	2,06	2,20	2,18	2,26	2,49	2,36	2,45	2,45	2,30
13												
14												
15					2,26	2,24	2,21	2,54	2,42	2,53		
16												
17												
18	2,41	2,36	2,08	2,15	2,32	2,19	2,29	2,49	2,35	2,47	2,40	2,36
19												
20												
21					2,37	2,14	2,34	2,42	2,28	2,39		
22												
23												
24	2,36	2,30	2,00	2,24	2,29	2,21	2,27	2,36	2,34	2,33	2,34	2,28
25												
26												
27					2,24	2,29	2,21	2,41	2,39	2,39		
28												
29												
30	2,31		2,07	2,29	2,19	2,24	2,28	2,34	2,44	2,44	2,29	2,23
31												
T.Bình	2,42	2,31	2,12	2,15	2,24	2,23	2,24	2,42	2,37	2,41	2,39	2,28
Max	2,54	2,36	2,25	2,29	2,37	2,30	2,34	2,54	2,44	2,53	2,50	2,36
Min	2,31	2,26	2,00	2,01	2,14	2,14	2,14	2,34	2,28	2,33	2,29	2,23
ΔH	0,23	0,10	0,25	0,28	0,23	0,16	0,20	0,20	0,16	0,20	0,21	0,13

Mực nước trung bình năm: 2,30

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,54 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,00 Ngày: 24/03/2023

Biên độ dao động năm: 0,54

8. Công trình: QT10a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			5,50									
2												
3					5,13	5,04	5,29	5,61	5,70	5,73		
4												
5												
6	5,94	5,66	5,45	5,18	5,08	5,09	5,24	5,67	5,76	5,68	5,99	5,66
7												
8												
9					5,03	5,04	5,30	5,72	5,79	5,74		
10												
11												
12	5,88	5,71	5,39	5,24	5,07	5,10	5,38	5,77	5,75	5,78	5,90	5,72
13												
14												
15					5,12	5,18	5,33	5,82	5,82	5,86		
16												
17												
18	5,82	5,64	5,34	5,17	5,07	5,24	5,40	5,77	5,77	5,82	5,81	5,78
19												
20												
21					5,13	5,29	5,46	5,82	5,72	5,87		
22												
23												
24	5,77	5,56	5,28	5,11	5,08	5,34	5,54	5,76	5,67	5,81	5,76	5,69
25												
26												
27					5,03	5,39	5,49	5,81	5,74	5,87		
28												
29												
30	5,71		5,23	5,18	4,98	5,34	5,56	5,75	5,79	5,94	5,71	5,64
31												
T.Bình	5,83	5,64	5,37	5,18	5,07	5,21	5,40	5,75	5,75	5,81	5,84	5,70
Max	5,94	5,71	5,50	5,24	5,13	5,39	5,56	5,82	5,82	5,94	5,99	5,78
Min	5,71	5,56	5,23	5,11	4,98	5,04	5,24	5,61	5,67	5,68	5,71	5,64
ΔH	0,23	0,15	0,27	0,13	0,15	0,35	0,32	0,21	0,15	0,26	0,28	0,14

Mực nước trung bình năm: 5,53
Mực nước lớn nhất trong năm: 5,99 Ngày: 06/11/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 4,98 Ngày: 30/05/2023
Biên độ dao động năm: 1,01

9. Công trình: QT11a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,51	2,26	2,28	2,24	2,23	2,19	2,49	2,15	2,08	3,03	2,36	2,23
2	2,52	2,29	2,30	2,21	2,21	2,17	2,40	2,21	2,08	3,02	2,33	2,30
3	2,53	2,30	2,27	2,19	2,19	2,18	2,37	2,27	2,11	3,00	2,27	2,35
4	2,49	2,29	2,26	2,19	2,18	2,13	2,35	2,38	2,14	2,91	2,27	2,37
5	2,54	2,30	2,23	2,18	2,18	2,17	2,32	2,44	2,16	2,82	2,26	2,34
6	2,57	2,31	2,25	2,17	2,15	2,12	2,26	2,41	2,18	2,74	2,30	2,35
7	2,56	2,34	2,26	2,15	2,11	2,06	2,24	2,40	2,20	2,75	2,32	2,32
8	2,52	2,34	2,27	2,15	2,16	2,15	2,21	2,42	2,20	2,74	2,30	2,25
9	2,50	2,34	2,25	2,14	2,21	2,13	2,07	2,40	2,19	2,67	2,29	2,17
10	2,49	2,37	2,24	2,13	2,23	2,24	2,06	2,37	2,13	2,65	2,30	2,12
11	2,51	2,35	2,23	2,15	2,37	2,25	2,02	2,38	2,12	2,62	2,26	2,14
12	2,50	2,34	2,21	2,18	2,46	2,30	1,97	2,41	2,15	2,56	2,25	2,18
13	2,39	2,34	2,19	2,21	2,52	2,25	1,90	2,44	2,20	2,51	2,28	2,20
14	2,40	2,35	2,19	2,25	2,57	2,20	1,93	2,49	2,27	2,45	2,24	2,19
15	2,36	2,33	2,19	2,29	2,55	2,19	1,95	2,51	2,32	2,43	2,30	2,20
16	2,35	2,33	2,18	2,29	2,52	2,19	1,96	2,48	2,40	2,42	2,46	2,29
17	2,34	2,34	2,18	2,26	2,49	2,21	1,96	2,41	2,47	2,43	2,48	2,41
18	2,31	2,35	2,20	2,28	2,44	2,22	1,96	2,33	2,55	2,41	2,45	2,41
19	2,28	2,34	2,19	2,27	2,37	2,25	2,05	2,34	2,56	2,39	2,41	2,41
20	2,25	2,32	2,17	2,25	2,33	2,23	2,18	2,36	2,51	2,40	2,37	2,43
21	2,17	2,32	2,15	2,21	2,27	2,17	2,30	2,31	2,46	2,39	2,31	2,44
22	2,23	2,35	2,14	2,19	2,24	2,01	2,35	2,22	2,43	2,32	2,27	2,47
23	2,28	2,37	2,13	2,16	2,24	2,01	2,34	2,29	2,42	2,33	2,28	2,51
24	2,30	2,35	2,15	2,18	2,25	2,22	2,32	2,38	2,35	2,33	2,28	2,44
25	2,29	2,33	2,18	2,19	2,27	2,18	2,27	2,21	2,34	2,33	2,23	2,42
26	2,31	2,28	2,20	2,21	2,24	2,37	2,24	2,17	2,46	2,34	2,24	2,36
27	2,34	2,30	2,22	2,22	2,25	2,48	2,16	2,10	2,64	2,37	2,24	2,32
28	2,31	2,28	2,23	2,21	2,22	2,53	2,12	2,14	2,88	2,34	2,23	2,32
29	2,30		2,23	2,22	2,21	2,53	2,11	2,17	2,99	2,32	2,20	2,33
30	2,30		2,23	2,25	2,22	2,51	2,10	2,14	3,03	2,36	2,21	2,34
31	2,29		2,24		2,23		2,13	2,13		2,35		2,33
T.Bình	2,39	2,33	2,21	2,21	2,29	2,23	2,16	2,32	2,37	2,54	2,30	2,32
Max	2,62	2,41	2,32	2,33	2,59	2,56	2,54	2,54	3,06	3,09	2,57	2,53
Min	2,04	2,18	2,06	2,10	2,02	1,96	1,82	2,03	2,01	2,24	2,16	2,08
ΔH	0,58	0,23	0,26	0,23	0,57	0,60	0,72	0,51	1,05	0,85	0,41	0,45

Mực nước trung bình năm: 2,31

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,09 Ngày: 01/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,82 Ngày: 13/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,27

10. Công trình: QT12a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,82									
2												
3					0,52	0,52	0,27	0,32	0,50	0,66		
4												
5												
6	1,52	1,14	0,77	0,59	0,47	0,57	0,22	0,37	0,45	0,61	0,77	0,57
7												
8												
9					0,42	0,50	0,28	0,42	0,52	0,67		
10												
11												
12	1,44	1,05	0,72	0,64	0,48	0,45	0,35	0,47	0,44	0,72	0,82	0,63
13												
14												
15					0,55	0,40	0,29	0,52	0,51	0,78		
16												
17												
18	1,35	0,96	0,66	0,72	0,60	0,35	0,37	0,47	0,46	0,73	0,76	0,69
19												
20												
21					0,55	0,27	0,42	0,52	0,52	0,67		
22												
23												
24	1,26	0,87	0,60	0,63	0,47	0,32	0,26	0,57	0,59	0,62	0,67	0,61
25												
26												
27					0,42	0,37	0,21	0,64	0,65	0,67		
28												
29												
30	1,21		0,65	0,57	0,47	0,32	0,27	0,56	0,71	0,72	0,62	0,56
31												
T.Bình	1,36	1,01	0,70	0,63	0,50	0,41	0,30	0,49	0,54	0,69	0,73	0,61
Max	1,52	1,14	0,82	0,72	0,60	0,57	0,42	0,64	0,71	0,78	0,82	0,69
Min	1,21	0,87	0,60	0,57	0,42	0,27	0,21	0,32	0,44	0,61	0,62	0,56
ΔH	0,31	0,27	0,22	0,15	0,18	0,30	0,21	0,32	0,27	0,17	0,20	0,13

Mực nước trung bình năm: 0,60

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,52 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,21 Ngày: 27/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,31

11. Công trình: QT13a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,30	0,13	0,03	0,01	0,03	0,02	0,08	-0,11	-0,12	0,14	0,11	0,12
2	0,33	0,14	0,03	0,01	0,02	0,01	0,07	-0,13	-0,13	0,13	0,08	0,13
3	0,34	0,16	0,03	0,02	0,02	0,00	0,06	-0,10	-0,11	0,13	0,05	0,16
4	0,32	0,16	0,03	0,02	0,02	-0,01	0,05	-0,08	-0,11	0,10	0,05	0,17
5	0,35	0,16	0,03	0,01	0,02	0,00	0,04	-0,06	-0,08	0,04	0,08	0,15
6	0,38	0,17	0,03	0,01	0,01	0,01	0,04	-0,09	-0,05	0,02	0,11	0,17
7	0,36	0,16	0,03	-0,01	0,01	0,03	0,04	-0,10	-0,03	0,06	0,13	0,15
8	0,33	0,18	0,03	-0,01	0,02	0,04	0,01	-0,08	-0,03	0,07	0,11	0,09
9	0,32	0,18	0,02	-0,01	0,01	0,05	-0,09	-0,09	-0,03	0,05	0,11	0,05
10	0,33	0,18	0,02	0,00	0,01	0,05	-0,12	-0,09	-0,08	0,05	0,12	0,06
11	0,33	0,18	0,02	0,02	0,05	0,08	-0,13	-0,09	-0,12	0,07	0,10	0,09
12	0,31	0,18	0,02	0,03	0,07	0,07	-0,19	-0,10	-0,13	0,07	0,11	0,12
13	0,23	0,17	0,01	0,04	0,06	0,05	-0,23	-0,09	-0,11	0,03	0,16	0,14
14	0,21	0,17	0,01	0,04	0,05	0,06	-0,23	-0,06	-0,08	-0,01	0,16	0,14
15	0,18	0,16	0,01	0,05	0,05	0,06	-0,23	-0,04	-0,01	0,01	0,17	0,15
16	0,17	0,16	0,01	0,06	0,05	0,05	-0,24	-0,06	0,05	0,03	0,28	0,20
17	0,15	0,15	0,02	0,06	0,04	0,06	-0,27	-0,11	0,09	0,05	0,32	0,24
18	0,15	0,16	0,02	0,05	0,02	0,07	-0,25	-0,13	0,12	0,06	0,30	0,18
19	0,15	0,15	0,02	0,05	0,02	0,09	-0,16	-0,10	0,10	0,06	0,26	0,14
20	0,15	0,11	0,02	0,04	0,01	0,09	-0,06	-0,07	0,05	0,09	0,21	0,15
21	0,14	0,06	0,02	0,04	0,03	0,07	0,01	-0,09	0,03	0,10	0,16	0,16
22	0,15	0,05	0,01	0,03	0,02	0,06	0,02	-0,15	0,01	0,04	0,13	0,21
23	0,15	0,05	0,01	0,02	0,01	0,06	0,02	-0,13	0,04	0,03	0,16	0,23
24	0,14	0,05	0,01	0,02	0,02	0,07	0,00	-0,03	0,02	0,03	0,17	0,23
25	0,12	0,04	0,01	0,01	0,04	0,06	-0,05	-0,04	-0,02	0,03	0,17	0,22
26	0,13	0,03	0,00	-0,01	0,04	0,08	-0,06	-0,10	0,04	0,06	0,18	0,18
27	0,13	0,02	0,00	-0,01	0,04	0,09	-0,11	-0,14	0,14	0,09	0,16	0,15
28	0,12	0,02	0,00	0,00	0,03	0,09	-0,17	-0,11	0,19	0,08	0,15	0,13
29	0,12		0,00	0,01	0,03	0,10	-0,22	-0,08	0,18	0,09	0,11	0,12
30	0,12		0,00	0,04	0,03	0,09	-0,24	-0,07	0,16	0,12	0,12	0,12
31	0,12		0,00		0,02		-0,17	-0,08		0,10		0,11
T.Bình	0,22	0,13	0,02	0,02	0,03	0,05	-0,09	-0,09	0,00	0,06	0,15	0,15
Max	0,40	0,19	0,04	0,06	0,08	0,10	0,09	-0,01	0,22	0,17	0,35	0,27
Min	0,12	0,02	-0,01	-0,02	0,00	-0,02	-0,30	-0,19	-0,16	-0,03	0,01	0,02
ΔH	0,28	0,17	0,05	0,08	0,08	0,12	0,39	0,18	0,38	0,20	0,34	0,25

Mực nước trung bình năm: 0,05

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,40 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,30 Ngày: 17/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,70

12. Công trình: QT2b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,03									
2												
3					1,09	1,03	0,90	1,00	1,05	1,23		
4												
5												
6	1,18	1,19	1,20	1,11	1,07	1,09	0,87	1,02	1,03	1,21	1,05	1,14
7												
8												
9					1,13	1,03	0,84	1,04	1,08	1,19		
10												
11												
12	1,15	1,18	1,17	1,10	1,22	1,01	0,81	1,06	1,11	1,17	1,32	1,03
13												
14												
15					1,15	0,99	0,78	1,07	1,14	1,15		
16												
17												
18	1,14	1,16	1,15	1,20	1,11	0,97	0,88	1,08	1,17	1,13	1,20	1,08
19												
20												
21					1,08	0,95	0,98	1,09	1,19	1,12		
22												
23												
24	1,13	1,13	1,13	1,15	1,05	1,09	1,13	1,10	1,14	1,11	1,17	1,15
25												
26												
27					1,08	0,98	1,07	1,09	1,38	1,18		
28												
29												
30	1,21		1,12	1,11	1,06	0,93	1,03	1,07	1,28	1,16	1,30	1,13
31												
T.Bình	1,16	1,17	1,13	1,13	1,10	1,01	0,93	1,06	1,16	1,17	1,21	1,11
Max	1,21	1,19	1,20	1,20	1,22	1,09	1,13	1,10	1,38	1,23	1,32	1,15
Min	1,13	1,13	1,03	1,10	1,05	0,93	0,78	1,00	1,03	1,11	1,05	1,03
ΔH	0,08	0,06	0,17	0,10	0,17	0,16	0,35	0,10	0,35	0,12	0,27	0,12

Mực nước trung bình năm: 1,10

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,38 Ngày: 27/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,78 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,60

13. Công trình: QT5a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,37									
2												
3					-0,47	-1,05	-0,32	0,13	-0,33	0,98		
4												
5												
6	0,33	-0,57	-0,07	-0,18	-0,62	-0,17	-0,37	0,15	-0,34	0,93	0,98	0,20
7												
8												
9					-0,77	-0,48	-0,33	0,17	-0,35	0,96		
10												
11												
12	-0,07	-0,62	-0,12	-0,30	-0,92	-0,57	-0,30	0,18	-0,37	0,99	0,83	0,11
13												
14												
15					-1,07	-0,62	-0,35	0,08	-0,27	1,02		
16												
17												
18	-0,47	-0,64	-0,17	-0,09	-1,02	-0,67	-0,23	-0,02	-0,24	1,05	0,43	0,03
19												
20												
21					-0,99	-0,72	-0,02	-0,12	-0,21	1,08		
22												
23												
24	-0,87	-0,57	0,23	-0,01	-0,97	-0,32	0,13	-0,19	-0,17	1,13	0,13	-0,02
25												
26												
27					-1,00	-0,29	0,12	-0,27	1,33	1,33		
28												
29												
30	-0,47		-0,12	-0,32	-1,02	-0,27	0,11	-0,30	1,03	1,31	0,33	-0,07
31												
T.Bình	-0,31	-0,60	-0,10	-0,18	-0,88	-0,52	-0,16	-0,02	0,01	1,08	0,54	0,05
Max	0,33	-0,57	0,23	-0,01	-0,47	-0,17	0,13	0,18	1,33	1,33	0,98	0,20
Min	-0,87	-0,64	-0,37	-0,32	-1,07	-1,05	-0,37	-0,30	-0,37	0,93	0,13	-0,07
ΔH	1,20	0,07	0,60	0,31	0,60	0,88	0,50	0,48	1,70	0,40	0,85	0,27

Mực nước trung bình năm: -0,08
Mực nước lớn nhất trong năm: 1,33 Ngày: 27/09/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: -1,07 Ngày: 15/05/2023
Biên độ dao động năm: 2,40

14. Công trình: QT6b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,72									
2												
3					2,32	1,30	1,49	2,61	3,58	6,28		
4												
5												
6	4,54	3,74	4,14	3,94	2,24	1,94	1,44	3,02	3,49	6,04	7,33	2,99
7												
8												
9					2,13	1,62	1,39	2,82	3,64	6,42		
10												
11												
12	4,09	3,59	4,02	3,84	2,03	1,47	1,34	2,62	3,79	6,48	7,24	2,97
13												
14												
15					1,93	1,32	1,29	2,77	3,92	6,54		
16												
17												
18	3,69	3,44	3,98	3,31	1,83	1,17	1,76	2,52	4,04	6,61	4,59	2,86
19												
20												
21					1,73	1,02	2,12	3,02	3,99	6,69		
22												
23												
24	3,24	3,29	4,14	2,64	1,64	1,64	2,64	3,84	3,94	6,74	3,14	2,84
25												
26												
27					1,51	1,59	2,30	3,72	7,52	7,52		
28												
29												
30	3,84		4,02	2,40	1,39	1,54	2,06	3,64	6,59	7,49	3,23	1,99
31												
T.Bình	3,88	3,52	4,00	3,23	1,87	1,46	1,78	3,06	4,45	6,68	5,11	2,73
Max	4,54	3,74	4,14	3,94	2,32	1,94	2,64	3,84	7,52	7,52	7,33	2,99
Min	3,24	3,29	3,72	2,40	1,39	1,02	1,29	2,52	3,49	6,04	3,14	1,99
ΔH	1,30	0,45	0,42	1,54	0,93	0,92	1,35	1,32	4,03	1,48	4,19	1,00

Mực nước trung bình năm: 3,40

Mực nước lớn nhất trong năm: 7,52 Ngày: 27/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,02 Ngày: 21/06/2023

Biên độ dao động năm: 6,50

15. Công trình: QT8b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,53	0,48	0,45	0,39								
2	0,53	0,48	0,44	0,39								
3	0,53	0,47	0,43	0,38	0,34	0,21	0,20	0,05	0,08	0,44		
4	0,53	0,47	0,43	0,38								
5	0,53	0,47	0,42	0,37								
6	0,53	0,48	0,43	0,37	0,33	0,26	0,16	0,03	0,06	0,31	0,44	0,56
7	0,53	0,47	0,43	0,36								
8	0,52	0,47	0,42	0,35								
9	0,52	0,47	0,42	0,35	0,46	0,22	0,11	0,06	0,11	0,51		
10	0,52	0,48	0,41	0,36								
11	0,52	0,48	0,40	0,36								
12	0,53	0,48	0,40	0,36	0,58	0,20	0,06	0,07	0,13	0,63	0,66	0,54
13	0,52	0,48	0,39	0,36								
14	0,52	0,47	0,39	0,36								
15	0,51	0,47	0,39	0,36	0,41	0,18	0,01	0,08	0,15	0,74		
16	0,50	0,46	0,39	0,35								
17	0,51	0,46	0,39	0,35								
18	0,50	0,47	0,39	0,34	0,36	0,16	0,04	0,09	0,17	0,56	0,54	0,52
19	0,50	0,47	0,38	0,34								
20	0,50	0,46	0,38	0,33								
21	0,50	0,46	0,38	0,33	0,34	0,14	0,06	0,10	0,19	0,46		
22	0,50	0,47	0,37	0,32								
23	0,50	0,47	0,36	0,31								
24	0,49	0,46	0,36	0,31	0,31	0,19	0,11	0,11	0,10	0,36	0,46	0,51
25	0,49	0,45	0,35									
26	0,49	0,45	0,35									
27	0,49	0,45	0,36		0,29	0,25	0,08	0,10	0,66	0,76		
28	0,49	0,45	0,37									
29	0,48		0,38									
30	0,48		0,38	0,35	0,26	0,31	0,06	0,09	0,55	0,71	0,61	0,49
31	0,48		0,38									
T.Bình	0,51	0,47	0,39	0,35	0,37	0,21	0,09	0,08	0,22	0,55	0,54	0,52
Max	0,54	0,49	0,45	0,39	0,58	0,31	0,20	0,11	0,66	0,76	0,66	0,56
Min	0,48	0,44	0,35	0,31	0,26	0,14	0,01	0,03	0,06	0,31	0,44	0,49
ΔH	0,06	0,05	0,10	0,08	0,32	0,17	0,19	0,08	0,60	0,45	0,22	0,07

Mực nước trung bình năm: 0,43

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,76 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,01 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,75

16. Công trình: QT9b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,07									
2												
3					-0,21	-0,23	-0,27	-0,39	-0,37	-0,24		
4												
5												
6	-0,01	-0,02	-0,16	0,91	-0,22	-0,24	-0,29	-0,32	-0,38	-0,29	-0,19	-0,29
7												
8												
9					-0,23	-0,25	-0,31	-0,24	-0,34	-0,16		
10												
11												
12	-0,02	-0,04	-0,18	0,33	-0,24	-0,26	-0,33	-0,26	-0,32	-0,10	-0,04	-0,44
13												
14												
15					-0,25	-0,27	-0,35	-0,28	-0,30	-0,04		
16												
17												
18	-0,03	-0,09	-0,19	-0,03	-0,22	-0,28	-0,37	-0,30	-0,28	-0,18	-0,19	-0,39
19												
20												
21					-0,20	-0,30	-0,34	-0,32	-0,26	-0,27		
22												
23												
24	0,01	-0,14	-0,17	-0,20	-0,19	-0,32	-0,32	-0,34	-0,39	-0,34	-0,29	-0,34
25												
26												
27					-0,20	-0,28	-0,34	-0,35	-0,14	-0,04		
28												
29												
30	0,00		-0,19	-0,21	-0,22	-0,24	-0,36	-0,36	-0,19	-0,06	-0,14	-0,42
31												
T.Bình	-0,01	-0,07	-0,16	0,16	-0,22	-0,27	-0,33	-0,32	-0,30	-0,17	-0,17	-0,38
Max	0,01	-0,02	-0,07	0,91	-0,19	-0,23	-0,27	-0,24	-0,14	-0,04	-0,04	-0,29
Min	-0,03	-0,14	-0,19	-0,21	-0,25	-0,32	-0,37	-0,39	-0,39	-0,34	-0,29	-0,44
ΔH	0,04	0,12	0,12	1,12	0,06	0,09	0,10	0,15	0,25	0,30	0,25	0,15

Mực nước trung bình năm: -0,21

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,91 Ngày: 06/04/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,44 Ngày: 12/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,35

17. Công trình: QT10b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,13									
2												
3					-0,16	-0,30	-0,49	-0,65	-0,61	-0,48		
4												
5												
6	0,15	0,12	0,07	0,12	-0,18	-0,33	-0,53	-0,66	-0,63	-0,60	-0,17	-0,13
7												
8												
9					-0,20	-0,36	-0,57	-0,63	-0,65	-0,38		
10												
11												
12	0,13	0,17	0,06	-0,05	-0,22	-0,39	-0,61	-0,61	-0,67	-0,23	-0,19	-0,18
13												
14												
15					-0,24	-0,42	-0,65	-0,59	-0,69	-0,08		
16												
17												
18	0,11	0,12	0,07	-0,11	-0,21	-0,45	-0,69	-0,58	-0,71	-0,18	-0,20	-0,15
19												
20												
21					-0,19	-0,49	-0,68	-0,57	-0,72	-0,27		
22												
23												
24	0,10	0,07	0,05	-0,13	-0,18	-0,53	-0,65	-0,56	-0,73	-0,33	-0,21	-0,13
25												
26												
27					-0,23	-0,48	-0,63	-0,58	-0,18	-0,03		
28												
29												
30	0,11		-0,03	-0,15	-0,26	-0,43	-0,64	-0,59	-0,38	-0,04	-0,08	-0,18
31												
T.Bình	0,12	0,12	0,06	-0,06	-0,21	-0,42	-0,61	-0,60	-0,60	-0,26	-0,17	-0,15
Max	0,15	0,17	0,13	0,12	-0,16	-0,30	-0,49	-0,56	-0,18	-0,03	-0,08	-0,13
Min	0,10	0,07	-0,03	-0,15	-0,26	-0,53	-0,69	-0,66	-0,73	-0,60	-0,21	-0,18
ΔH	0,05	0,10	0,16	0,27	0,10	0,23	0,20	0,10	0,55	0,57	0,13	0,05

Mực nước trung bình năm: -0,31

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,17 Ngày: 12/02/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,73 Ngày: 24/09/2023

Biên độ dao động năm: 0,90

18. Công trình: QT11b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	3,95	3,76	3,68	3,44	3,11							
2	3,96	3,74	3,67	3,46	3,16							
3	3,85	3,78	3,65	3,43	3,18	2,66	2,59	3,02	2,89	3,31		
4	3,78	3,82	3,64	3,41	3,18							
5	3,83	3,80	3,64	3,20	3,06							
6	3,81	3,65	3,65	3,20	2,83	2,70	2,44	3,05	2,87	3,19	3,69	3,74
7	3,87	3,53	3,61	3,04	2,92							
8	3,92	3,45	3,57	3,14	2,99							
9	3,88	3,48	3,55	3,26	3,06	2,64	2,39	3,04	2,85	3,49		
10	3,92	3,25	3,52	3,35	3,10							
11	3,96	3,26	3,45	3,33	3,18							
12	3,99	3,37	3,46	3,35	3,25	2,60	2,34	3,03	2,83	3,71	3,77	3,69
13	3,92	3,40	3,42	3,40	3,30							
14	3,85	3,40	3,49	3,44	3,32							
15	3,88	3,57	3,47	3,41	3,32	2,56	2,29	2,99	2,81	3,89		
16	3,83	3,75	3,39	3,40	3,35							
17	3,83	3,79	3,27	3,39	3,35							
18	3,88	3,80	3,21	3,35	3,34	2,52	2,24	2,97	2,79	3,69	3,68	3,67
19	3,88	3,83	3,30	3,36	3,10							
20	3,88	3,80	3,35	3,36	3,02							
21	3,88	3,82	3,35	3,38	3,07	2,48	2,48	2,95	2,77	3,59		
22	3,88	3,83	3,14	3,37	2,94							
23	3,88	3,82	3,14	3,28	2,85							
24	3,89	3,77	3,05	3,27	2,91	3,51	2,89	2,94	2,79	3,54	3,64	3,64
25	3,87	3,77	3,00	3,25								
26	3,78	3,75	3,10	3,27								
27	3,79	3,66	3,19	3,19		2,99	2,94	2,93	3,79	3,84		
28	3,80	3,61	3,18	3,05								
29	3,76		3,25	2,99								
30	3,70		3,32	3,03	2,83	2,74	2,99	2,91	3,49	3,79	3,89	3,54
31	3,77		3,40									
T.Bình	3,86	3,65	3,39	3,29	3,13	2,74	2,56	2,98	2,99	3,60	3,73	3,66
Max	4,01	3,86	3,70	3,49	3,38	3,51	2,99	3,05	3,79	3,89	3,89	3,74
Min	3,68	3,19	2,95	2,93	2,67	2,48	2,24	2,91	2,77	3,19	3,64	3,54
ΔH	0,33	0,67	0,75	0,56	0,71	1,03	0,75	0,14	1,02	0,70	0,25	0,20

Mực nước trung bình năm: 3,47

Mực nước lớn nhất trong năm: 4,01 Ngày: 12/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,24 Ngày: 18/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,77

19. Công trình: QT14b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,36									
2												
3					0,92	0,82	0,74	0,48	0,40	1,29		
4												
5												
6	1,39	1,32	1,19	0,99	0,89	0,92	0,64	0,45	0,54	1,24	1,59	1,39
7												
8												
9					1,04	0,86	0,56	0,46	0,52	1,32		
10												
11												
12	1,34	1,39	1,14	0,94	1,19	0,84	0,51	0,47	0,50	1,42	1,74	1,24
13												
14												
15					1,06	0,82	0,46	0,48	0,48	1,54		
16												
17												
18	1,29	1,37	1,04	1,11	0,99	0,80	0,49	0,49	0,46	1,43	1,46	1,29
19												
20												
21					0,95	0,77	0,54	0,50	0,45	1,34		
22												
23												
24	1,24	1,34	1,19	1,02	0,92	0,74	0,64	0,49	0,44	1,29	1,34	1,34
25												
26												
27					0,89	0,79	0,54	0,46	1,44	1,82		
28												
29												
30	1,19		1,08	0,95	0,86	0,84	0,51	0,44	1,34	1,79	1,49	1,32
31												
T.Bình	1,29	1,36	1,17	1,00	0,97	0,82	0,56	0,47	0,66	1,45	1,52	1,32
Max	1,39	1,39	1,36	1,11	1,19	0,92	0,74	0,50	1,44	1,82	1,74	1,39
Min	1,19	1,32	1,04	0,94	0,86	0,74	0,46	0,44	0,40	1,24	1,34	1,24
ΔH	0,20	0,07	0,32	0,17	0,33	0,18	0,28	0,06	1,04	0,58	0,40	0,15

Mực nước trung bình năm: 0,97

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,82 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,40 Ngày: 03/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,42

20. Công trình: QT15b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,11									
2												
3					0,45	0,84	0,84	0,86	0,82	1,39		
4												
5												
6	1,29	1,24	1,12	1,44	0,97	0,79	0,76	0,84	1,06	1,54	1,32	1,24
7												
8												
9					1,09	0,74	0,72	0,86	1,04	1,64		
10												
11												
12	1,44	1,20	1,11	1,16	1,31	0,69	0,68	0,88	0,96	1,74	1,64	1,16
13												
14												
15					1,19	0,64	0,64	0,90	0,88	1,84		
16												
17												
18	1,42	1,15	1,10	0,88	1,13	0,59	0,74	0,92	0,80	1,56	1,27	1,31
19												
20												
21					1,07	0,54	0,84	0,94	0,72	1,52		
22												
23												
24	1,39	1,11	1,09	0,59	1,01	0,84	0,94	0,89	0,64	1,49	1,09	1,44
25												
26												
27					0,94	0,94	0,90	0,86	1,04	1,72		
28												
29												
30	1,30		1,07	0,50	0,89	0,99	0,88	0,84	1,24	1,66	1,32	1,39
31												
T.Bình	1,37	1,17	1,10	0,91	1,00	0,76	0,79	0,88	0,92	1,61	1,33	1,31
Max	1,44	1,24	1,12	1,44	1,31	0,99	0,94	0,94	1,24	1,84	1,64	1,44
Min	1,29	1,11	1,07	0,50	0,45	0,54	0,64	0,84	0,64	1,39	1,09	1,16
ΔH	0,15	0,13	0,05	0,94	0,86	0,45	0,30	0,10	0,60	0,45	0,55	0,28

Mực nước trung bình năm: 1,06

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,84 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,45 Ngày: 03/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,39

21. Công trình: QT16b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,41									
2												
3					-0,03	-0,01	-0,01	-0,15	-0,23	0,64		
4												
5												
6	0,54	0,34	0,29	0,62	0,17	0,07	-0,09	-0,16	-0,11	0,79	0,94	0,69
7												
8												
9					0,28	-0,03	-0,15	-0,01	-0,09	0,89		
10												
11												
12	0,47	0,49	0,25	0,49	0,40	-0,08	-0,21	-0,06	-0,07	0,94	0,99	0,65
13												
14												
15					0,31	-0,13	-0,27	-0,08	-0,05	0,99		
16												
17												
18	0,41	0,41	0,21	0,30	0,24	-0,18	-0,21	-0,10	-0,03	0,81	0,79	0,61
19												
20												
21					0,19	-0,23	-0,16	-0,12	-0,11	0,71		
22												
23												
24	0,34	0,34	0,17	0,11	0,14	-0,06	-0,11	-0,16	-0,16	0,64	0,69	0,59
25												
26												
27					0,09	-0,01	-0,13	-0,18	0,19	0,74		
28												
29												
30	0,31		0,14	0,02	0,04	0,09	-0,14	-0,20	0,49	0,81	0,79	0,51
31												
T.Bình	0,41	0,40	0,24	0,31	0,18	-0,06	-0,15	-0,12	-0,02	0,80	0,84	0,61
Max	0,54	0,49	0,41	0,62	0,40	0,09	-0,01	-0,01	0,49	0,99	0,99	0,69
Min	0,31	0,34	0,14	0,02	-0,03	-0,23	-0,27	-0,20	-0,23	0,64	0,69	0,51
ΔH	0,23	0,15	0,27	0,60	0,43	0,32	0,26	0,19	0,72	0,35	0,30	0,18

Mực nước trung bình năm: 0,23

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,99 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,27 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,26

22. Công trình: QT17a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			11,09									
2												
3					10,45	9,89	9,67	10,62	10,42	10,91		
4												
5												
6	10,84	10,59	11,03	11,02	10,39	10,09	9,76	10,66	10,32	10,83	11,09	11,49
7												
8												
9					10,33	9,89	9,89	10,65	10,44	11,04		
10												
11												
12	10,81	10,83	10,97	10,87	10,27	9,81	10,02	10,64	10,47	11,24	11,29	11,29
13												
14												
15					10,21	9,73	10,15	10,63	10,50	11,09		
16												
17												
18	10,77	10,79	10,91	10,74	10,15	9,65	10,28	10,62	10,53	11,04	11,19	11,12
19												
20												
21					10,09	9,57	10,41	10,61	10,49	10,99		
22												
23												
24	10,74	10,74	10,69	10,64	10,04	9,49	10,49	10,63	10,44	10,96	11,13	10,99
25												
26												
27					9,99	9,54	10,59	10,54	11,19	11,34		
28												
29												
30	10,66		10,58	10,52	9,94	9,58	10,64	10,48	11,01	11,31	11,69	10,94
31												
T.Bình	10,76	10,74	10,88	10,76	10,19	9,72	10,19	10,61	10,58	11,08	11,28	11,17
Max	10,84	10,83	11,09	11,02	10,45	10,09	10,64	10,66	11,19	11,34	11,69	11,49
Min	10,66	10,59	10,58	10,52	9,94	9,49	9,67	10,48	10,32	10,83	11,09	10,94
ΔH	0,18	0,24	0,51	0,50	0,51	0,60	0,97	0,18	0,87	0,51	0,60	0,55

Mực nước trung bình năm: 10,57

Mực nước lớn nhất trong năm: 11,69 Ngày: 30/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 9,49 Ngày: 24/06/2023

Biên độ dao động năm: 2,20

23. Công trình: QT18a-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	22,06	21,78	21,72	21,64	21,28	21,09	21,16	21,31	21,09	22,36	22,43	22,34
2	22,04	21,76	21,70	21,62	21,26	21,16	21,09	21,34	21,07	22,32	22,42	22,34
3	22,08	21,80	21,69	21,59	21,22	21,19	21,03	21,46	21,04	22,28	22,40	22,35
4	22,09	21,81	21,68	21,55	21,21	21,50	20,98	21,81	21,02	22,26	22,38	22,33
5	22,07	21,82	21,67	21,50	21,18	21,52	20,94	21,84	21,00	22,23	22,36	22,40
6	22,05	21,82	21,67	21,49	21,11	21,58	20,91	21,84	21,00	22,20	22,35	22,40
7	22,04	21,82	21,65	21,48	21,13	21,66	20,82	21,85	20,97	22,20	22,39	22,36
8	22,01	21,82	21,63	21,48	21,25	21,63	20,76	21,82	20,87	22,32	22,40	22,39
9	22,01	21,81	21,62	21,49	21,37	21,59	20,86	21,77	20,71	22,22	22,39	
10	22,02	21,88	21,61	21,50	21,41	21,56	20,93	21,72	20,84	22,36	22,36	
11	22,08	21,95	21,59	21,49	21,68	21,53	20,92	21,68	20,75	22,36	22,35	
12	22,11	21,93	21,58	21,48	21,86	21,46	20,90	21,67	20,71	22,36	22,32	
13	22,08	21,89	21,59	21,48	21,92	21,43	20,86	21,64	20,73	22,38	22,47	
14	22,03	21,87	21,60	21,47	21,92	21,39	20,81	21,64	20,75	22,42	22,46	
15	21,98	21,90	21,57	21,47	21,89	21,37	20,85	21,60	20,76	22,42	22,46	22,17
16	22,01	21,92	21,57	21,50	21,83	21,33	20,99	21,56	20,76	22,40	22,44	
17	22,01	21,90	21,56	21,49	21,79	21,28	21,02	21,52	20,65	22,39	22,43	
18	22,00	21,88	21,54	21,46	21,71	21,27	21,01	21,49	20,76	22,34	22,42	22,14
19	21,96	21,86	21,52	21,42	21,65	21,25	20,99	21,45	20,77	22,32	22,39	
20	21,96	21,84	21,51	21,38	21,61	21,21	20,99	21,42	20,75	22,30	22,36	
21	21,95	21,81	21,50	21,35	21,56	21,17	21,21	21,40	20,69	22,28	22,32	
22	21,93	21,85	21,46	21,33	21,52	21,15	21,53	21,37	20,68	22,27	22,35	
23	21,91	21,86	21,44	21,30	21,49	21,11	21,56	21,35	20,69	22,26	22,33	
24	21,87	21,82	21,41	21,29	21,46	21,07	21,54	21,31	20,68	22,28	22,35	22,11
25	21,87	21,79	21,40	21,24	21,47	21,11	21,51	21,29	20,72	22,36	22,34	
26	21,85	21,77	21,42	21,27	21,55	21,15	21,47	21,26	21,53	22,43	22,35	
27	21,87	21,75	21,52	21,26	21,52	21,16	21,42	21,23	22,11	22,40	22,33	
28	21,86	21,74	21,59	21,25	21,47	21,17	21,38	21,17	22,23	22,38	22,35	
29	21,82		21,64	21,24	21,45	21,23	21,38	21,14	22,32	22,45	22,34	
30	21,81		21,65	21,28	21,44	21,21	21,37	21,12	22,34	22,45	22,35	22,07
31	21,79		21,65		21,38		21,33	21,11		22,44		
T.Bình	21,97	21,84	21,58	21,43	21,50	21,32	21,11	21,49	21,03	22,34	22,38	22,35
Max	22,12	21,97	21,74	21,66	21,95	21,67	21,56	21,87	22,38	22,47	22,49	22,42
Min	21,76	21,73	21,38	21,21	21,08	20,81	20,61	21,08	20,60	22,05	22,15	22,07
ΔH	0,36	0,24	0,36	0,45	0,87	0,86	0,95	0,79	1,78	0,42	0,34	0,35

Mực nước trung bình năm: 21,65

Mực nước lớn nhất trong năm: 22,49 Ngày: 14/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 20,60 Ngày: 17/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,89

24. Công trình: QT1b-CC

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	11,68	11,37	11,20	11,30	11,26							
2	11,66	11,38	11,18	11,39	11,32							
3	11,77	11,46	11,16	11,37	11,35	10,61	11,32	11,39	11,93	14,42		
4	11,82	11,53	11,12	11,33	11,42							
5	11,72	11,59	11,15	11,27	11,47							
6	11,75	11,52	11,13	11,42	11,49	11,17	11,02	11,45	11,81	14,27	14,57	11,36
7	11,79	11,59	11,14	11,49	11,56							
8	11,73	11,70	11,15	11,41	11,48							
9	11,69	11,77	11,15	11,32	11,46	10,67	10,86	11,57	12,12	14,17		
10	11,77	11,78	11,14	11,28	11,45							
11	11,86	11,81	11,13	11,28	11,49							
12	11,77	11,77	11,21	11,30	11,46	10,55	10,70	11,69	12,37	14,32	14,97	11,29
13	11,73	11,63	11,12	11,31	11,56							
14	11,71	11,84	11,25	11,31	11,62							
15	11,68	11,70	11,22	11,38	11,50	10,44	10,54	11,81	12,47	14,37		
16	11,64	11,56	11,20	11,39	11,46							
17	11,64	11,47	11,19	11,29	11,44							
18	11,63	11,39	11,38	11,30	11,42	10,33	10,82	11,93	12,57	14,42	12,77	11,18
19	11,62	11,46	11,35	11,42	11,51							
20	11,59	11,47	11,32	11,43	11,51							
21	11,62	11,60	11,44	11,34	11,49	10,22	11,02	12,05	12,67	14,47		
22	11,62	11,60	11,45	11,38	11,53							
23	11,53	11,64	11,47	11,56	11,56							
24	11,55	11,70	11,37	11,45	11,54	11,07	11,17	12,27	12,72	14,57	11,57	11,07
25	11,55	11,52	11,44	11,58								
26	11,53	11,34	11,43	11,57								
27	11,53	11,27	11,25	11,53		11,27	11,24	12,17	14,97	15,19		
28	11,53	11,23	11,29	11,35								
29	11,46		11,25	11,31								
30	11,45		11,23	11,33	10,72	11,42	11,32	12,05	14,57	15,12	11,50	10,67
31	11,46		11,24									
T.Bình	11,65	11,56	11,25	11,38	11,47	10,78	11,00	11,84	12,82	14,54	13,08	11,12
Max	12,00	11,97	11,56	11,66	11,67	11,42	11,32	12,27	14,97	15,19	14,97	11,36
Min	11,39	11,21	11,09	11,25	10,72	10,22	10,54	11,39	11,81	14,17	11,50	10,67
ΔH	0,61	0,76	0,47	0,41	0,95	1,20	0,78	0,88	3,16	1,02	3,47	0,69

Mực nước trung bình năm: 11,48

Mực nước lớn nhất trong năm: 15,19 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 10,22 Ngày: 21/06/2023

Biên độ dao động năm: 4,97

25. Công trình: QT2a-CC

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	14,87	14,45	14,40	14,21	14,04	14,09	14,07	14,09	15,10	20,29	15,59	14,85
2	14,85	14,44	14,38	14,21	14,02	14,10	14,08	14,08	15,08	19,86	15,57	14,82
3	14,84	14,44	14,37	14,21	14,01	14,11	14,09	14,09	15,03	19,34	15,54	14,79
4	14,83	14,44	14,35	14,21	14,02	14,12	14,10	14,11	14,97	18,91	15,52	14,77
5	14,81	14,45	14,33	14,19	14,03	14,14	14,11	14,14	14,93	18,61	15,49	14,75
6	14,81	14,46	14,32	14,18	14,03	14,15	14,12	14,19	14,88	18,32	15,46	14,73
7	14,80	14,46	14,31	14,18	14,03	14,15	14,12	14,23	14,84	18,03	15,43	14,71
8	14,80	14,47	14,31	14,20	14,01	14,16	14,12	14,28	14,81	18,12	15,40	14,69
9	14,80	14,49	14,30	14,21	14,02	14,16	14,13	14,35	14,78	18,04	15,36	14,67
10	14,79	14,51	14,29	14,20	14,03	14,16	14,13	14,44	14,74	17,80	15,32	14,65
11	14,79	14,52	14,27	14,19	14,03	14,15	14,13	14,52	14,71	17,58	15,28	14,64
12	14,78	14,53	14,25	14,17	14,02	14,16	14,13	14,59	14,69	17,46	15,25	14,63
13	14,77	14,53	14,24	14,16	14,03	14,16	14,11	14,64	14,66	17,40	15,26	14,61
14	14,75	14,53	14,24	14,15	14,03	14,15	14,10	14,68	14,64	17,30	15,24	14,60
15	14,73	14,53	14,22	14,13	14,05	14,14	14,08	14,71	14,63	17,18	15,26	14,58
16	14,71	14,53	14,21	14,14	14,06	14,13	14,06	14,74	14,63	17,05	15,27	14,56
17	14,69	14,51	14,21	14,12	14,06	14,11	14,04	14,78	14,65	16,91	15,27	14,55
18	14,67	14,50	14,21	14,11	14,06	14,09	14,03	14,82	14,70	16,76	15,23	14,53
19	14,65	14,49	14,22	14,10	14,06	14,08	14,02	14,85	14,77	16,62	15,19	14,52
20	14,64	14,49	14,23	14,08	14,07	14,06	14,02	14,86	14,85	16,49	15,16	14,49
21	14,64	14,47	14,24	14,07	14,07	14,05	14,03	14,87	14,92	16,39	15,12	14,47
22	14,62	14,47	14,25	14,07	14,08	14,04	14,07	14,87	14,97	16,30	15,08	14,44
23	14,61	14,46	14,26	14,06	14,08	14,03	14,09	14,87	15,01	16,20	15,06	14,41
24	14,58	14,47	14,27	14,06	14,09	14,01	14,12	14,88	15,02	16,10	15,04	14,39
25	14,57	14,49	14,28	14,05	14,12	14,00	14,13	14,89	15,01	16,01	15,03	14,36
26	14,55	14,47	14,29	14,07	14,10	13,99	14,15	14,92	15,02	15,92	15,00	14,34
27	14,52	14,45	14,29	14,09	14,09	13,99	14,14	14,95	15,10	15,85	14,98	14,32
28	14,51	14,42	14,27	14,09	14,08	13,99	14,13	14,98	15,79	15,78	14,95	14,30
29	14,49		14,25	14,07	14,08	14,02	14,11	15,02	17,93	15,72	14,91	14,29
30	14,47		14,24	14,05	14,08	14,05	14,10	15,06	20,12	15,66	14,88	14,27
31	14,46		14,22		14,09		14,10	15,09		15,62		14,26
T.Bình	14,69	14,48	14,27	14,13	14,05	14,09	14,10	14,63	15,17	17,21	15,24	14,55
Max	14,88	14,54	14,42	14,23	14,13	14,18	14,17	15,11	20,41	20,42	15,60	14,86
Min	14,45	14,41	14,20	14,04	13,99	13,98	14,01	14,07	14,61	15,60	14,86	14,24
ΔH	0,43	0,13	0,22	0,19	0,14	0,20	0,16	1,04	5,80	4,82	0,74	0,62

Mực nước trung bình năm: 14,72

Mực nước lớn nhất trong năm: 20,42 Ngày: 01/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 13,98 Ngày: 26/06/2023

Biên độ dao động năm: 6,44

26. Công trình: QT3-CC

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	21,79	21,70	21,68	21,72	21,67	21,80	21,78	21,67	22,39	25,80	22,11	21,69
2	21,77	21,71	21,67	21,78	21,73	21,90	21,82	21,70	22,14	25,67	22,05	21,69
3	21,86	21,78	21,65	21,78	21,76	21,98	21,81	21,87	22,07	25,02	22,19	21,73
4	21,90	21,83	21,63	21,73	21,81	21,99	21,84	21,89	21,99	24,68	22,24	21,74
5	21,85	21,88	21,64	21,71	21,86	21,87	21,81	21,92	21,92	24,41	22,14	21,76
6	21,88	21,86	21,63	21,81	21,88	21,76	21,82	22,35	21,90	24,08	22,06	21,80
7	21,91	21,90	21,64	21,88	21,90	21,81	21,89	22,60	21,97	23,73	22,01	21,78
8	21,88	21,99	21,66	21,83	21,86	21,82	21,94	22,81	21,98	23,97	21,99	21,76
9	21,85	22,04	21,67	21,75	21,85	21,81	21,86	22,95	21,91	23,60	21,97	21,74
10	21,90	22,06	21,65	21,72	21,82	21,73	21,82	22,91	21,88	23,37	21,97	21,75
11	21,94	22,06	21,66	21,71	21,79	21,82	21,80	22,78	21,90	23,41	22,08	21,73
12	21,89	22,04	21,69	21,74	21,75	21,80	21,65	22,65	21,88	23,61	22,14	21,79
13	21,85	21,96	21,65	21,74	21,76	21,74	21,62	22,51	21,91	23,57	22,10	21,74
14	21,83	22,06	21,69	21,75	21,72	21,73	21,54	22,50	21,91	23,35	22,12	21,71
15	21,80	22,01	21,70	21,78	21,68	21,68	21,55	22,50	21,94	23,27	22,14	21,75
16	21,77	21,91	21,70	21,79	21,68	21,64	21,63	22,61	22,05	23,08	22,10	21,80
17	21,78	21,85	21,69	21,71	21,69	21,60	21,62	22,69	22,35	22,83	21,99	21,77
18	21,80	21,91	21,79	21,72	21,70	21,60	21,59	22,73	22,48	22,67	21,90	21,72
19	21,79	21,98	21,80	21,79	21,77	21,58	21,61	22,64	22,55	22,63	21,84	21,73
20	21,77	21,90	21,80	21,81	21,80	21,57	21,76	22,49	22,53	22,66	21,78	21,71
21	21,78	21,90	21,86	21,75	21,82	21,56	21,76	22,33	22,50	22,59	21,77	21,73
22	21,79	21,92	21,88	21,78	21,86	21,60	21,79	22,42	22,40	22,46	21,83	21,74
23	21,74	21,95	21,90	21,88	21,89	21,67	21,79	22,54	22,27	22,34	21,91	21,68
24	21,75	22,02	21,83	21,86	21,85	21,58	21,80	22,56	22,27	22,27	21,81	21,64
25	21,75	21,96	21,89	21,95	21,80	21,47	21,80	22,51	22,17	22,22	21,80	21,61
26	21,73	21,82	21,87	21,95	21,73	21,55	21,75	22,53	22,23	22,18	21,87	21,55
27	21,74	21,74	21,76	21,92	21,74	21,59	21,77	22,72	23,62	22,11	21,85	21,45
28	21,74	21,70	21,74	21,80	21,72	21,69	21,75	22,77	25,14	22,04	21,76	21,46
29	21,71		21,71	21,74	21,67	21,74	21,74	22,77	25,75	22,02	21,72	21,43
30	21,73		21,70	21,71	21,66	21,75	21,76	22,65	26,04	22,12	21,70	21,40
31	21,74		21,69		21,73		21,70	22,53		22,14		21,40
T.Bình	21,81	21,91	21,73	21,79	21,77	21,71	21,75	22,49	22,53	23,22	21,96	21,68
Max	21,97	22,09	21,93	21,99	21,95	22,02	21,96	23,07	26,10	26,05	22,31	21,83
Min	21,69	21,68	21,62	21,68	21,62	21,42	21,51	21,66	21,84	22,00	21,69	21,37
ΔH	0,28	0,41	0,31	0,31	0,33	0,60	0,45	1,41	4,26	4,05	0,62	0,46

Mực nước trung bình năm: 22,03

Mực nước lớn nhất trong năm: 26,10 Ngày: 30/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 21,37 Ngày: 31/12/2023

Biên độ dao động năm: 4,73

27. Công trình: QT3a-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			50,48									
2												
3					50,02	49,86	50,28	50,77	50,67	51,32		
4												
5												
6	50,98	50,68	50,68	50,50	49,89	50,56	50,13	50,75	50,64	51,20	50,88	50,83
7												
8												
9					50,20	50,33	49,98	50,73	50,61	51,11		
10												
11												
12	50,86	50,53	50,61	50,41	50,43	50,13	49,83	50,71	50,58	51,02	50,61	50,71
13												
14												
15					50,32	50,05	49,68	50,69	50,88	50,90		
16												
17												
18	50,78	50,46	50,53	50,53	50,23	49,97	50,40	50,67	50,83	50,82	50,43	50,78
19												
20												
21					50,14	49,89	50,66	50,65	50,78	50,78		
22												
23												
24	50,61	50,55	50,51	50,38	50,05	50,54	50,93	50,77	50,74	50,73	50,61	50,95
25												
26												
27					50,00	50,76	50,83	50,73	51,63	51,48		
28												
29												
30	50,53		50,63	50,15	49,93	50,43	50,79	50,70	51,41	51,43	50,93	50,83
31												
T.Bình	50,75	50,55	50,57	50,39	50,12	50,25	50,35	50,71	50,87	51,07	50,69	50,82
Max	50,98	50,68	50,68	50,53	50,43	50,76	50,93	50,77	51,63	51,48	50,93	50,95
Min	50,53	50,46	50,48	50,15	49,89	49,86	49,68	50,65	50,58	50,73	50,43	50,71
ΔH	0,45	0,22	0,20	0,38	0,54	0,90	1,25	0,12	1,05	0,75	0,50	0,24

Mực nước trung bình năm: 50,58

Mực nước lớn nhất trong năm: 51,63 Ngày: 27/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 49,68 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,95

28. Công trình: QT5b-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	77,80	77,63	77,44	77,42	77,25	77,71	77,92	77,94				
2	77,81	77,63	77,43	77,41	77,24	77,68	77,89	78,20				
3	77,84	77,64	77,42	77,39	77,24	77,67	77,86	78,31	78,35	79,37		
4	77,84	77,66	77,42	77,38	77,23	77,74	77,84	78,32				
5	77,82	77,67	77,43	77,36	77,22	77,77	77,81	78,36				
6	77,81	77,67	77,44	77,34	77,21	77,84	77,79	78,44	78,23	79,34	79,21	78,28
7	77,80	77,67	77,43	77,33	77,19	77,87	77,76	78,44				
8	77,77	77,66	77,42	77,33	77,26	77,87	77,74	78,44				
9	77,75	77,65	77,41	77,34	77,35	77,86	77,72	78,43	78,11	79,28		
10	77,75	77,68	77,41	77,34	77,38	77,86	77,73					
11	77,77	77,69	77,40	77,34	77,61	77,85	77,73					
12	77,79	77,66	77,40	77,33	77,78	77,86	77,73		77,99	79,24	79,01	77,77
13	77,79	77,63	77,41	77,34	77,84	77,85	77,70					
14	77,81	77,59	77,42	77,35	77,82	77,83	77,68					
15	77,78	77,56	77,40	77,35	77,80	77,83	77,67	78,39	78,43	79,30		
16	77,76	77,54	77,40	77,36	77,78	77,81	77,69					
17	77,74	77,54	77,41	77,37	77,74	77,79	77,70					
18	77,73	77,55	77,41	77,37	77,70	77,79	77,68	77,99	78,34	79,14	78,64	77,84
19	77,73	77,58	77,41	77,35	77,66	77,80	77,76					
20	77,72	77,60	77,41	77,33	77,63	77,78	77,84					
21	77,72	77,60	77,42	77,31	77,60	77,75	77,86	77,89	78,24	79,12		
22	77,71	77,59	77,41	77,29	77,57	77,73	77,89					
23	77,71	77,58	77,39	77,28	77,55	77,71	77,87					
24	77,70	77,56	77,37	77,26	77,55	77,72	77,88	78,82	78,13	79,08	78,92	77,90
25	77,71	77,54	77,37	77,27	77,59	77,74	77,86					
26	77,70	77,51	77,39	77,28	77,65	77,87	77,84					
27	77,68	77,49	77,40	77,28	77,75	77,92	77,84	78,59	79,67	79,72		
28	77,66	77,46	77,42	77,27	77,77	77,96	77,84					
29	77,64		77,43	77,26	77,76	77,97	77,85					
30	77,63		77,43	77,25	77,75	77,94	77,89	78,47	79,48	79,67	79,09	77,83
31	77,63		77,42		77,73		77,93					
T.Bình	77,75	77,60	77,41	77,33	77,55	77,81	77,80	78,31	78,49	79,32	78,97	77,92
Max	77,86	77,70	77,46	77,43	77,85	77,99	77,95	78,82	79,67	79,72	79,21	78,28
Min	77,62	77,45	77,36	77,24	77,18	77,65	77,65	77,89	77,99	79,08	78,64	77,77
ΔH	0,24	0,25	0,10	0,19	0,67	0,34	0,30	0,93	1,68	0,64	0,57	0,51

Mực nước trung bình năm: 77,65

Mực nước lớn nhất trong năm: 79,72 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 77,18 Ngày: 07/05/2023

Biên độ dao động năm: 2,54

29. Công trình: QT2a-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,58	0,58	0,60	0,56	0,54	0,42	0,57	0,54	0,58	0,68	0,80	0,86
2	0,57	0,57	0,59	0,56	0,53	0,41	0,57	0,56	0,57	0,66	0,77	0,87
3	0,57	0,58	0,59	0,56	0,53	0,40	0,56	0,57	0,57	0,65	0,77	0,83
4	0,57	0,58	0,59	0,56	0,52	0,40	0,56	0,57	0,54	0,66	0,75	0,81
5	0,57	0,58	0,58	0,56	0,51	0,40	0,56	0,58	0,54	0,66	0,77	0,81
6	0,57	0,58	0,58	0,57	0,51	0,41	0,55	0,57	0,54	0,65	0,81	0,79
7	0,57	0,58	0,58	0,57	0,51	0,42	0,55	0,57	0,55	0,64	0,81	0,78
8	0,57	0,58	0,57	0,57	0,51	0,45	0,54	0,57	0,54	0,74	0,82	0,79
9	0,57	0,58	0,56	0,57	0,51	0,48	0,54	0,57	0,55	0,72	0,82	0,82
10	0,57	0,58	0,55	0,57	0,50	0,49	0,54	0,57	0,54	0,70	0,81	0,82
11	0,58	0,58	0,54	0,58	0,50	0,49	0,54	0,57	0,53	0,67	0,81	0,82
12	0,58	0,58	0,54	0,58	0,54	0,48	0,54	0,57	0,54	0,65	0,80	0,82
13	0,57	0,59	0,54	0,59	0,54	0,48	0,54	0,57	0,52	0,67	0,97	0,81
14	0,58	0,59	0,54	0,58	0,52	0,47	0,54	0,57	0,50	0,74	0,94	0,80
15	0,57	0,60	0,55	0,57	0,52	0,47	0,53	0,57	0,50	0,75	0,86	0,82
16	0,58	0,60	0,55	0,57	0,51	0,46	0,53	0,57	0,51	0,70	0,81	0,82
17	0,60	0,61	0,56	0,57	0,51	0,46	0,54	0,59	0,54	0,68	0,78	0,75
18	0,59	0,60	0,56	0,58	0,50	0,45	0,54	0,61	0,53	0,67	0,77	0,74
19	0,59	0,60	0,57	0,58	0,50	0,46	0,54	0,60	0,56	0,67	0,75	0,76
20	0,58	0,60	0,57	0,58	0,50	0,46	0,54	0,58	0,61	0,66	0,75	0,75
21	0,58	0,60	0,57	0,58	0,49	0,46	0,56	0,59	0,61	0,64	0,77	0,73
22	0,57	0,60	0,57	0,58	0,48	0,46	0,58	0,61	0,60	0,62	0,78	0,73
23	0,57	0,60	0,56	0,58	0,48	0,47	0,57	0,62	0,60	0,63	0,76	0,73
24	0,58	0,60	0,56	0,57	0,47	0,51	0,57	0,61	0,58	0,64	0,78	0,72
25	0,59	0,60	0,56	0,55	0,46	0,57	0,56	0,61	0,61	0,66	0,76	0,73
26	0,59	0,60	0,56	0,55	0,44	0,57	0,55	0,61	0,66	0,68	0,78	0,73
27	0,58	0,60	0,56	0,55	0,44	0,57	0,55	0,61	0,72	0,77	0,78	0,75
28	0,58	0,60	0,56	0,55	0,43	0,57	0,55	0,59	0,69	0,73	0,79	0,76
29	0,58		0,56	0,55	0,43	0,58	0,54	0,56	0,69	0,69	0,79	0,77
30	0,58		0,55	0,54	0,42	0,58	0,55	0,55	0,69	0,71	0,77	0,78
31	0,58		0,56		0,42		0,54	0,56		0,81		0,78
T.Bình	0,58	0,59	0,56	0,57	0,49	0,48	0,55	0,58	0,58	0,68	0,80	0,78
Max	0,60	0,61	0,60	0,59	0,55	0,60	0,59	0,68	0,73	0,84	1,06	0,88
Min	0,55	0,57	0,53	0,53	0,41	0,39	0,52	0,53	0,49	0,60	0,60	0,71
ΔH	0,05	0,04	0,07	0,06	0,14	0,21	0,07	0,15	0,24	0,24	0,46	0,17

Mực nước trung bình năm: 0,60

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,06 Ngày: 13/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,39 Ngày: 03/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,67

30. Công trình: QT5a-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,74	1,88	1,90	1,93	1,92	1,49	1,88	1,84	1,86	2,05	2,62	3,00
2	1,74	1,88	1,90	1,94	1,91	1,47	1,88	1,83	1,86	2,00	2,43	2,94
3	1,75	1,89	1,89	1,94	1,91	1,46	1,87	1,84	1,86	1,95	2,32	2,75
4	1,75	1,89	1,89	1,94	1,92	1,43	1,87	1,84	1,83	1,93	2,23	2,57
5	1,76	1,88	1,89	1,94	1,92	1,39	1,87	1,84	1,83	1,92	2,18	2,44
6	1,77	1,88	1,90	1,95	1,92	1,40	1,87	1,83	1,83	1,90	2,43	2,34
7	1,78	1,89	1,90	1,95	1,91	1,48	1,87	1,82	1,83	1,98	2,35	2,27
8	1,80	1,89	1,90	1,95	1,93	1,56	1,87	1,83	1,83	2,89	2,36	2,24
9	1,81	1,89	1,91	1,95	1,92	1,67	1,86	1,84	1,82	2,64	2,06	2,23
10	1,83	1,90	1,91	1,95	1,92	1,77	1,86	1,84	1,81	2,67	1,94	2,21
11	1,84	1,89	1,91	1,95	1,92	1,79	1,86	1,84	1,81	2,64	1,90	2,20
12	1,84	1,90	1,91	1,96	1,92	1,79	1,86	1,84	1,82	2,71	1,88	2,19
13	1,86	1,90	1,91	1,96	1,91	1,78	1,86	1,85	1,80	2,83	2,51	2,18
14	1,89	1,90	1,92	1,96	1,90	1,78	1,86	1,84	1,78	2,85	2,77	2,16
15	1,89	1,90	1,93	1,95	1,93	1,78	1,85	1,85	1,77	2,67	2,48	2,18
16	1,88	1,91	1,93	1,95	1,92	1,78	1,85	1,85	1,77	2,41	2,74	2,17
17	1,88	1,91	1,93	1,95	1,92	1,78	1,85	1,87	1,77	2,24	2,70	2,10
18	1,87	1,92	1,93	1,96	1,92	1,79	1,86	1,89	1,77	2,14	2,47	2,10
19	1,86	1,92	1,94	1,96	1,93	1,79	1,85	1,88	1,81	2,08	2,31	2,11
20	1,86	1,91	1,94	1,96	1,93	1,80	1,84	1,85	1,85	2,03	2,23	2,09
21	1,86	1,90	1,94	1,96	1,92	1,80	2,21	1,87	1,85	1,97	2,18	2,07
22	1,86	1,89	1,94	1,96	1,91	1,80	2,36	1,89	1,85	1,93	2,14	2,06
23	1,87	1,89	1,95	1,96	1,89	1,80	2,17	1,90	1,85	1,90	2,14	2,05
24	1,87	1,90	1,95	1,96	1,72	1,83	2,05	1,90	1,84	1,90	2,09	2,06
25	1,87	1,90	1,94	1,93	1,66	1,87	1,97	1,89	1,81	2,16	2,08	2,06
26	1,87	1,89	1,94	1,92	1,65	1,87	1,92	1,89	2,30	2,23	2,08	2,07
27	1,87	1,89	1,95	1,93	1,63	1,88	1,89	1,89	2,69	2,25	2,07	2,09
28	1,87	1,89	1,94	1,93	1,61	1,88	1,87	1,87	2,41	2,02	2,08	2,11
29	1,87		1,94	1,93	1,57	1,88	1,86	1,84	2,22	2,02	2,08	2,12
30	1,88		1,93	1,92	1,52	1,88	1,86	1,84	2,11	2,39	2,07	2,13
31	1,88		1,93		1,50		1,85	1,85		2,58		2,13
T.Bình	1,84	1,90	1,92	1,95	1,84	1,72	1,91	1,86	1,91	2,25	2,26	2,24
Max	1,89	1,92	1,95	1,97	1,95	1,90	2,72	1,96	3,07	3,17	3,06	3,23
Min	1,74	1,87	1,89	1,92	1,49	1,36	1,83	1,82	1,76	1,81	1,86	2,05
ΔH	0,15	0,05	0,06	0,05	0,46	0,54	0,89	0,14	1,31	1,36	1,20	1,18

Mực nước trung bình năm: 1,97

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,23 Ngày: 01/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,36 Ngày: 06/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,87

31. Công trình: QT6-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	6,72	6,80	6,72	6,75	6,74	6,00	6,77	6,88	6,67	6,93	7,04	7,25
2	6,73	6,78	6,72	6,74	6,71	6,03	6,74	6,92	6,67	6,92	7,02	7,19
3	6,77	6,79	6,71	6,76	6,66	6,00	6,67	6,91	6,68	6,90	7,02	7,12
4	6,76	6,78	6,70	6,77	6,57	5,97	6,62	6,85	6,68	6,89	7,02	7,11
5	6,74	6,79	6,70	6,78	6,47	5,97	6,66	6,82	6,67	6,88	7,05	7,11
6	6,78	6,78	6,70	6,77	6,38	5,98	6,71	6,85	6,67	6,87	7,11	7,14
7	6,76	6,77	6,73	6,77	6,33	6,30	6,76	6,86	6,68	6,87	7,19	
8	6,74	6,77	6,73	6,76	6,84	6,54	6,78	6,87	6,67	7,10	7,16	
9	6,75	6,76	6,73	6,76	6,76	6,52	6,82	6,89	6,68	7,00	7,13	7,10
10	6,78	6,75	6,73	6,77	6,73	6,58	6,81	6,90	6,67	7,01	7,11	
11	6,80	6,73	6,74	6,78	6,70	6,61	6,81	6,86	6,67	6,96	7,10	
12	6,80	6,77	6,76	6,80	6,81	6,72	6,80	6,87	6,68	7,01	7,12	7,09
13	6,78	6,75	6,79	6,81	6,78	6,72	6,84	6,87	6,68	7,05	7,22	
14	6,77	6,74	6,78	6,83	6,76	6,70	6,86	6,89	6,67	7,08	7,14	
15	6,76	6,74	6,79	6,85	6,75	6,69	6,87	6,87	6,67	7,00	7,08	7,08
16	6,75	6,73	6,78	6,80	6,72	6,69	6,87	6,86	6,67	6,94	7,17	
17	6,74	6,77	6,80	6,80	6,65	6,72	6,88	6,86	6,72	6,93	7,11	
18	6,74	6,77	6,78	6,80	6,57	6,79	6,85	6,87	6,69	6,94	7,09	7,07
19	6,73	6,78	6,80	6,82	6,45	6,82	6,86	6,82	6,68	6,94	7,07	
20	6,75	6,80	6,79	6,81	6,31	6,82	6,85	6,79	6,62	6,94	7,08	
21	6,75	6,79	6,80	6,81	6,23	6,83	6,94	6,78	6,51	6,95	7,08	7,03
22	6,73	6,79	6,79	6,83	6,17	6,83	6,88	6,78	6,43	6,96	7,06	
23	6,72	6,81	6,79	6,85	6,13	6,81	6,83	6,78	6,37	6,99	7,06	
24	6,76	6,78	6,79	6,84	6,12	6,85	6,80	6,76	6,31	7,02	7,10	7,02
25	6,78	6,73	6,80	6,82	6,15	6,80	6,79	6,74	6,77	6,97	7,11	
26	6,77	6,73	6,79	6,85	6,13	6,79	6,78	6,68	7,05	6,95	7,14	
27	6,79	6,72	6,81	6,83	6,10	6,80	6,77	6,68	7,05	6,93	7,10	7,06
28	6,78	6,72	6,82	6,80	6,08	6,84	6,80	6,67	6,96	6,93	7,11	
29	6,78		6,80	6,79	6,10	6,83	6,83	6,66	6,94	6,97	7,11	
30	6,79		6,77	6,80	6,04	6,79	6,84	6,67	6,93	7,05	7,12	7,11
31	6,77		6,75		6,01		6,86	6,68		7,10		
T.Bình	6,76	6,77	6,76	6,80	6,45	6,58	6,80	6,81	6,69	6,97	7,10	7,15
Max	6,83	6,82	6,87	6,90	6,94	6,94	7,04	6,98	7,15	7,18	7,31	7,33
Min	6,70	6,71	6,68	6,74	5,99	5,92	6,60	6,59	6,26	6,82	6,98	7,02
ΔH	0,13	0,11	0,19	0,16	0,95	1,02	0,44	0,39	0,89	0,36	0,33	0,31

Mực nước trung bình năm: 6,78

Mực nước lớn nhất trong năm: 7,33 Ngày: 01/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 5,92 Ngày: 05/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,41

32. Công trình: QT1a-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	4,90	4,66	4,44									
2	4,87	4,64										
3	4,84	4,63							3,48	6,88	8,80	6,88
4	4,83	4,63										
5	4,82	4,62										
6	4,82	4,61	4,42	4,15	4,33	4,11	3,70	3,63	3,45	6,67	7,65	6,75
7	4,81	4,60										
8	4,81	4,62										
9	4,78	4,62							3,49	7,06	7,07	6,70
10	4,77	4,61										
11	4,77	4,60										
12	4,79	4,61	4,38	4,21	4,25	4,01	3,67	3,61	3,56	6,63	6,49	6,52
13	4,81	4,60										
14	4,80	4,58										
15	4,78	4,57							3,54	6,75	7,62	6,41
16	4,74	4,57										
17	4,76	4,57										
18	4,79	4,55	4,32	4,16	4,21	3,88	3,74	3,58	3,65	6,43	6,97	6,25
19	4,79	4,54										
20	4,78	4,52										
21	4,77	4,50							3,79	6,02	6,65	6,19
22	4,77	4,50										
23	4,74	4,49										
24	4,73	4,46	4,21	4,14	4,17	3,72	3,70	3,55	3,92	5,52	6,49	6,05
25	4,73	4,44										
26	4,74	4,46										
27	4,74	4,45							8,70	5,49	6,46	6,00
28	4,73	4,44										
29	4,75											
30	4,72		4,18	4,41	4,15	3,75	3,67	3,50	7,42	6,54	6,40	5,94
31	4,68											
T.Bình	4,78	4,56	4,35	4,21	4,22	3,89	3,69	3,57	4,50	6,40	7,06	6,37
Max	4,91	4,68	4,45	4,41	4,33	4,11	3,74	3,63	8,70	7,06	8,80	6,88
Min	4,67	4,44	4,18	4,14	4,15	3,72	3,67	3,50	3,45	5,49	6,40	5,94
ΔH	0,24	0,24	0,27	0,27	0,18	0,39	0,07	0,13	5,25	1,57	2,40	0,94

Mực nước trung bình năm: 4,72

Mực nước lớn nhất trong năm: 8,80 Ngày: 03/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 3,45 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 5,35

33. Công trình: QT2a-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	7,51	6,68	7,68	7,93	8,16	7,09	6,82	6,86	5,80	10,13	12,40	9,36
2	7,64	6,91	7,74	8,03	7,97	7,04	6,71	6,94	5,74	9,84	11,78	10,11
3	7,71	7,21	7,75	8,01	7,77	6,99	6,54	7,09	5,76	9,56	11,33	10,17
4	7,77	7,40	7,71	7,99	7,58	6,85	6,56	7,21	5,83	9,29	10,81	10,07
5	7,84	7,44	7,73	7,95	7,42	6,67	6,53	7,21	5,80	9,01	10,30	9,91
6	7,88	7,51	7,82	7,81	7,31	6,58	6,66	7,07	5,38	8,76	9,94	9,73
7	7,98	7,52	7,78	7,63	7,17	6,50	6,75	6,94	5,14	8,65	9,75	9,62
8	7,92	7,56	7,74	7,49	7,45	6,40	6,75	6,85	5,12	9,72	10,24	9,49
9	7,96	7,60	7,73	7,42	7,70	6,27	6,72	6,75	5,89	10,28	10,13	9,35
10	7,86	7,71	7,70	7,32	7,56	6,35	6,66	6,64	6,22	10,14	9,82	9,17
11	7,88	7,74	7,65	7,20	7,43	6,48	6,59	6,47	6,22	9,96	9,55	8,97
12	7,79	7,68	7,69	7,10	7,31	6,41	6,52	6,32	6,04	9,81	9,39	8,82
13	7,72	7,70	7,71	7,03	7,29	6,51	6,48	6,18	5,79	9,89	10,14	8,65
14	7,60	7,72	7,70	6,94	7,17	6,68	6,45	6,05	6,42	10,33	10,88	8,50
15	7,47	7,70	7,65	6,85	7,05	6,82	6,69	5,95	6,79	10,61	10,78	8,38
16	7,38	7,67	7,57	6,97	6,91	6,91	6,84	5,84	6,80	10,46	10,60	8,23
17	7,30	7,62	7,71	7,35	6,76	6,96	6,87	5,73	7,25	10,20	10,55	8,05
18	7,22	7,52	7,68	7,52	6,63	6,93	6,88	5,63	7,31	9,95	10,31	7,96
19	7,15	7,41	7,57	7,70	6,52	6,92	6,88	5,52	7,19	9,74	10,04	7,86
20	7,07	7,34	7,51	7,79	6,41	6,91	6,87	5,41	7,10	9,45	9,78	7,72
21	6,99	7,25	7,51	7,78	6,32	6,85	6,87	5,37	6,94	9,14	9,53	7,59
22	6,93	7,18	7,51	7,76	6,42	6,85	6,88	5,48	6,81	8,90	9,29	7,51
23	6,85	7,17	7,50	7,74	6,21	6,78	6,81	5,86	6,66	8,73	9,11	7,42
24	6,79	7,27	7,43	7,69	6,24	6,82	6,72	6,33	6,47	8,94	8,95	7,34
25	6,73	7,37	7,57	7,72	6,54	6,82	6,52	6,32	7,40	9,34	8,83	7,26
26	6,67	7,49	7,65	7,78	6,34	6,81	6,31	6,36	9,20	9,44	8,73	7,23
27	6,66	7,55	7,69	7,80	6,44	6,85	6,20	6,23	11,47	9,29	8,72	7,19
28	6,66	7,60	7,76	7,78	6,73	6,90	6,61	6,05	10,59	9,11	8,70	7,15
29	6,67		7,84	7,88	6,92	6,97	6,75	5,96	10,41	9,16	8,62	7,11
30	6,81		7,90	8,19	7,09	6,91	6,77	5,89	10,24	11,54	8,52	7,05
31	6,74		7,92		7,12		6,82	5,85		13,78		7,03
T.Bình	7,33	7,45	7,68	7,61	7,03	6,76	6,68	6,27	6,99	9,78	9,92	8,39
Max	8,02	7,77	7,95	8,22	8,20	7,13	6,91	7,23	12,24	14,36	12,99	10,20
Min	6,64	6,64	7,33	6,81	6,12	6,22	6,14	5,34	5,00	8,51	8,48	7,01
ΔH	1,38	1,13	0,62	1,41	2,08	0,91	0,77	1,89	7,24	5,85	4,51	3,19

Mực nước trung bình năm: 7,66

Mực nước lớn nhất trong năm: 14,36 Ngày: 31/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 5,00 Ngày: 08/09/2023

Biên độ dao động năm: 9,36

34. Công trình: QT3a-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	10,67	10,61	10,48	10,59	10,54	10,42	10,41	10,29	10,50	11,45	13,66	
2	10,67	10,61	10,48	10,59	10,56	10,42	10,41	10,30	10,49	11,46	13,53	
3	10,66	10,61	10,48	10,59	10,57	10,45	10,41	10,32	10,48	11,44	13,18	12,11
4	10,65	10,61	10,48	10,60	10,58	10,44	10,42	10,34	10,44	11,44	12,82	
5	10,64	10,61	10,49	10,60	10,59	10,43	10,41	10,36	10,43	11,43	12,63	
6	10,63	10,60	10,49	10,60	10,59	10,46	10,40	10,38	10,44	11,40	12,52	12,06
7	10,62	10,60	10,50	10,57	10,58	10,48	10,39	10,38	10,43	11,37	12,41	
8	10,61	10,60	10,51	10,56	10,60	10,48	10,38	10,40	10,43	11,48	12,62	
9	10,61	10,60	10,52	10,56	10,61	10,48	10,37	10,42	10,42	11,66	12,57	11,96
10	10,61	10,59	10,52	10,55	10,62	10,48	10,36	10,43	10,43	11,68	12,42	
11	10,63	10,59	10,51	10,55	10,62	10,47	10,35	10,43	10,43	11,66	12,32	
12	10,65	10,58	10,50	10,56	10,62	10,46	10,34	10,43	10,45	11,65	12,23	11,85
13	10,65	10,58	10,49	10,56	10,64	10,45	10,34	10,43	10,44	11,70	12,36	
14	10,66	10,58	10,48	10,56	10,65	10,44	10,33	10,42	10,43	11,88	12,78	
15	10,66	10,58	10,47	10,56	10,65	10,43	10,32	10,42	10,44	12,06	12,76	11,75
16	10,67	10,57	10,47	10,56	10,65	10,42	10,31	10,42	10,44	12,05		
17	10,65	10,55	10,47	10,56	10,64	10,41	10,30	10,45	10,47	12,00		
18	10,64	10,55	10,46	10,56	10,63	10,40	10,31	10,48	10,51	11,95		11,56
19	10,64	10,56	10,46	10,56	10,62	10,39	10,31	10,47	10,58	11,90		
20	10,63	10,55	10,46	10,58	10,60	10,38	10,32	10,46	10,64	11,84		
21	10,64	10,55	10,46	10,56	10,59	10,38	10,32	10,49	10,66	11,77		11,45
22	10,64	10,56	10,47	10,55	10,58	10,37	10,32	10,52	10,67	11,70		
23	10,65	10,56	10,47	10,55	10,56	10,37	10,33	10,55	10,67	11,66		
24	10,66	10,54	10,46	10,53	10,54	10,37	10,32	10,55	10,66	11,57	12,03	11,36
25	10,65	10,52	10,49	10,53	10,53	10,38	10,31	10,57	10,64	11,55		
26	10,65	10,50	10,52	10,52	10,54	10,38	10,30	10,57	10,73	11,60		
27	10,65	10,48	10,55	10,53	10,52	10,39	10,30	10,56	11,00	11,58	11,89	11,31
28	10,64	10,48	10,56	10,54	10,52	10,39	10,29	10,53	11,21	11,53		
29	10,63		10,56	10,54	10,52	10,41	10,28	10,50	11,33	11,52		
30	10,62		10,57	10,55	10,49	10,42	10,28	10,49	11,41	12,06	11,76	11,24
31	10,61		10,58		10,45		10,28	10,49		13,29		
T.Bình	10,64	10,57	10,50	10,56	10,58	10,42	10,34	10,45	10,61	11,72	12,70	11,66
Max	10,70	10,63	10,61	10,65	10,66	10,49	10,44	10,63	11,47	13,58	13,70	12,11
Min	10,60	10,48	10,46	10,51	10,42	10,37	10,28	10,28	10,40	11,35	11,76	11,24
ΔH	0,10	0,15	0,15	0,14	0,24	0,12	0,16	0,35	1,07	2,23	1,94	0,87

Mực nước trung bình năm: 10,74
Mực nước lớn nhất trong năm: 13,70 Ngày: 01/11/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 10,28 Ngày: 29/07/2023
Biên độ dao động năm: 3,42

35. Công trình: QT4a-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			10,41									
2												
3									9,57	12,15	15,32	15,36
4												
5												
6	10,96	10,75	10,30	10,20	10,33	10,25	9,90	9,80	9,54	11,77	14,38	14,95
7												
8												
9									9,50	13,12	14,67	14,39
10												
11												
12	10,81	10,66	10,26	10,13	10,37	10,13	9,83	9,76	9,53	12,94	14,02	13,80
13												
14												
15									9,75	14,55	15,05	13,29
16												
17												
18	11,04	10,52	10,22	10,10	10,36	10,02	9,71	9,72	9,86	13,77	14,97	12,88
19												
20												
21									10,00	13,18	14,09	12,52
22												
23												
24	10,95	10,44	10,12	10,05	10,17	9,93	9,69	9,67	9,91	12,93	13,67	12,24
25												
26												
27									13,77	13,79	13,76	11,95
28												
29												
30	10,91		10,24	10,16	10,30	9,97	9,66	9,61	12,72	14,13	13,52	11,71
31												
T.Bình	10,94	10,59	10,26	10,13	10,31	10,06	9,76	9,71	10,42	13,23	14,35	13,31
Max	11,04	10,75	10,41	10,20	10,37	10,25	9,90	9,80	13,77	14,55	15,32	15,36
Min	10,81	10,44	10,12	10,05	10,17	9,93	9,66	9,61	9,50	11,77	13,52	11,71
ΔH	0,23	0,31	0,29	0,15	0,20	0,32	0,24	0,19	4,27	2,78	1,80	3,65

Mực nước trung bình năm: 11,52

Mực nước lớn nhất trong năm: 15,36 Ngày: 03/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 9,50 Ngày: 09/09/2023

Biên độ dao động năm: 5,86

36. Công trình: QT5a-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			16,17									
2												
3									15,67	17,20	18,18	17,88
4												
5												
6	16,31	16,34	16,14	16,09	16,78	16,62	16,19	16,25	15,64	17,14	18,04	17,73
7												
8												
9									15,73	17,58	17,87	17,42
10												
11												
12	16,28	16,33	16,12	16,06	16,64	16,51	16,17	16,10	15,82	17,52	17,68	17,24
13												
14												
15									15,98	18,47	17,84	17,05
16												
17												
18	16,33	16,26	16,08	16,02	16,75	16,37	16,12	15,94	16,07	18,14	17,61	16,88
19												
20												
21									16,67	17,69	17,47	16,67
22												
23												
24	16,31	16,24	16,04	15,99	16,69	16,18	16,18	15,78	16,62	17,38	17,36	16,54
25												
26												
27									17,34	17,23	17,13	16,48
28												
29												
30	16,31		16,12	16,41	16,67	16,25	16,14	15,71	17,24	17,74	17,07	16,41
31												
T.Bình	16,31	16,29	16,11	16,11	16,70	16,38	16,16	15,95	16,28	17,61	17,62	17,03
Max	16,33	16,34	16,17	16,41	16,78	16,62	16,19	16,25	17,34	18,47	18,18	17,88
Min	16,28	16,24	16,04	15,99	16,64	16,18	16,12	15,71	15,64	17,14	17,07	16,41
ΔH	0,05	0,10	0,13	0,42	0,14	0,44	0,07	0,54	1,70	1,33	1,11	1,47

Mực nước trung bình năm: 16,69

Mực nước lớn nhất trong năm: 18,47 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 15,64 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 2,83

37. Công trình: QT1b-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,56									
2												
3									0,33	2,13	2,01	2,14
4												
5												
6	0,89	0,72	0,53	0,58	0,66	0,55	0,47	0,66	0,40	2,04	1,95	2,05
7												
8												
9									0,35	2,11	1,90	2,13
10												
11												
12	0,81	0,68	0,62	0,55	0,73	0,62	0,39	0,50	1,16	1,93	2,03	2,24
13												
14												
15									1,71	2,01	2,18	2,37
16												
17												
18	0,73	0,62	0,58	0,51	0,68	0,57	0,38	0,35	2,63	1,83	2,21	2,26
19												
20												
21									2,68	1,63	2,06	2,41
22												
23												
24	0,66	0,58	0,55	0,50	0,64	0,54	0,47	0,43	2,54	1,46	1,94	2,30
25												
26												
27									2,61	1,57	2,05	2,34
28												
29												
30	0,75		0,52	0,70	0,59	0,51	0,53	0,36	2,56	1,63	1,91	2,47
31												
T.Bình	0,77	0,65	0,56	0,57	0,66	0,56	0,45	0,46	1,70	1,83	2,02	2,27
Max	0,89	0,72	0,62	0,70	0,73	0,62	0,53	0,66	2,68	2,13	2,21	2,47
Min	0,66	0,58	0,52	0,50	0,59	0,51	0,38	0,35	0,33	1,46	1,90	2,05
ΔH	0,23	0,14	0,10	0,20	0,14	0,11	0,15	0,31	2,35	0,67	0,31	0,42

Mực nước trung bình năm: 1,27

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,68 Ngày: 21/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,33 Ngày: 03/09/2023

Biên độ dao động năm: 2,35

38. Công trình: QT2b-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	10,39	10,67	10,29	9,61	10,15	9,47	9,24	8,60	8,84	11,52	11,51	11,32
2	10,43	10,77	10,34	9,67	10,11	9,55	9,17	8,84	8,84	11,43	11,48	11,34
3	10,39	10,82	10,25	9,71	9,98	9,53	9,14	9,06	8,68	11,24	11,53	11,35
4	10,27	11,01	10,27	9,61	9,76	9,46	9,07	9,21	8,70	10,77	11,16	11,34
5	10,25	10,92	10,24	9,76	9,64	9,43	9,07	9,21	8,70	10,62	11,20	11,31
6	10,27	10,82	10,13	9,79	9,63	9,53	9,00	9,15	8,79	10,68	11,17	11,23
7	10,32	10,71	10,06	9,70	9,60	10,13	9,01	8,86	8,58	10,56	10,96	11,20
8	10,39	10,66	10,00	9,68	9,68	10,10	8,95	8,57	8,52	11,50	10,82	11,10
9	10,26	10,61	10,06	9,70	9,66	10,14	8,90	8,67	8,61	11,20	10,79	11,03
10	10,22	10,67	10,06	9,68	9,59	10,25	8,88	8,71	8,98	11,08	10,73	11,02
11	10,15	10,61	10,10	9,76	9,74	10,19	8,83	8,49	8,96	10,97	10,76	10,84
12	10,28	10,57	10,17	9,62	10,96	10,13	8,79	8,46	8,86	10,79	10,91	10,81
13	10,43	10,65	10,08	9,73	11,11	10,06	8,71	8,45	8,96	10,86	11,41	10,64
14	10,52	10,66	10,03	9,71	10,85	9,99	8,70	8,30	9,15	11,48	11,44	10,54
15	10,51	10,62	9,95	9,68	10,66	9,94	8,66	8,38	9,23	11,49	11,37	10,48
16	10,50	10,61	9,96	9,64	10,54	9,88	8,88	8,29	9,35	11,36	11,38	10,40
17	10,52	10,58	9,97	9,63	10,17	9,81	8,86	8,11	9,75	11,35	11,35	10,69
18	10,56	10,59	10,07	9,69	10,26	9,74	8,77	7,88	9,79	11,26	11,25	10,88
19	10,48	10,67	10,13	9,83	10,01	9,69	8,76	7,88	10,03	10,97	11,07	10,73
20	10,48	10,84	10,05	9,86	9,98	9,65	8,81	8,05	9,86	10,60	10,91	10,65
21	10,39	10,82	9,97	9,71	10,16	9,58	8,87	8,19	9,81	10,52	10,93	10,65
22	10,39	10,72	10,12	9,57	10,05	9,51	8,90	8,44	9,64	10,66	10,74	10,76
23	10,47	10,34	10,17	9,55	9,75	9,44	8,79	8,17	9,42	10,53	10,77	10,80
24	10,50	10,45	9,96	9,41	9,84	9,43	8,74	8,49	9,61	10,31	11,04	10,89
25	10,57	10,38	9,88	9,44	10,04	9,39	8,68	8,71	10,20	10,29	11,04	10,82
26	10,62	10,50	9,88	9,34	10,02	9,40	8,65	8,73	11,03	10,87	11,07	10,56
27	10,57	10,43	9,84	9,25	9,98	9,45	8,54	8,68	11,46	11,02	11,26	10,68
28	10,55	10,20	9,75	9,26	9,85	9,41	8,59	8,64	11,60	11,05	11,22	10,72
29	10,48		9,92	9,56	9,63	9,37	8,84	8,87	11,62	10,99	11,12	10,61
30	10,72		9,88	10,17	9,51	9,31	8,80	8,87	11,60	11,02	11,04	10,69
31	10,74		9,66		9,50		8,70	8,91		11,39		10,77
T.Bình	10,44	10,64	10,04	9,64	10,01	9,70	8,85	8,61	9,38	10,98	11,11	10,87
Max	10,82	11,06	10,40	10,19	11,22	10,28	9,27	9,75	11,65	11,63	11,59	11,53
Min	10,07	10,14	9,58	9,18	9,41	9,21	8,50	7,66	7,38	10,21	10,62	10,37
ΔH	0,75	0,92	0,82	1,01	1,81	1,07	0,77	2,09	4,27	1,42	0,97	1,16

Mực nước trung bình năm: 9,96

Mực nước lớn nhất trong năm: 11,65 Ngày: 28/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 7,38 Ngày: 08/09/2023

Biên độ dao động năm: 4,27

39. Công trình: QT5b-HS

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,03									
2												
3									-0,70	1,02	1,23	1,20
4												
5												
6	0,55	0,33	-0,06	0,02	-0,01	-0,74	-0,78	-0,33	-0,72	0,91	1,18	1,16
7												
8												
9									-0,74	0,98	1,14	1,21
10												
11												
12	0,39	0,22	0,08	-0,16	-0,21	-0,61	-0,82	-0,42	0,01	0,79	1,22	1,28
13												
14												
15									0,74	0,94	1,37	1,37
16												
17												
18	0,33	0,14	0,03	-0,10	-0,46	-0,66	-0,83	-0,50	1,69	0,81	1,39	1,27
19												
20												
21									1,87	0,76	1,26	1,32
22												
23												
24	0,26	0,03	-0,05	-0,20	-0,60	-0,73	-0,66	-0,57	1,79	0,69	1,08	1,19
25												
26												
27									1,64	0,83	1,26	1,25
28												
29												
30	0,20		-0,08	0,12	-0,67	-0,70	-0,58	-0,66	1,56	0,87	1,13	1,37
31												
T.Bình	0,35	0,18	-0,02	-0,06	-0,39	-0,69	-0,73	-0,50	0,72	0,86	1,23	1,26
Max	0,55	0,33	0,08	0,12	-0,01	-0,61	-0,58	-0,33	1,87	1,02	1,39	1,37
Min	0,20	0,03	-0,08	-0,20	-0,67	-0,74	-0,83	-0,66	-0,74	0,69	1,08	1,16
ΔH	0,35	0,30	0,16	0,32	0,66	0,13	0,25	0,33	2,61	0,33	0,31	0,21

Mực nước trung bình năm: 0,39

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,87 Ngày: 21/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,83 Ngày: 18/07/2023

Biên độ dao động năm: 2,70

40. Công trình: QT1b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			4,39									
2												
3									3,67	4,53	5,60	5,49
4												
5												
6	4,79	4,49	4,35	4,37	4,39	4,32	4,03	4,12	3,63	4,57	5,64	5,41
7												
8												
9									3,89	5,65	5,60	5,32
10												
11												
12	4,74	4,39	4,42	4,33	4,48	4,21	4,00	3,94	3,92	5,76	5,64	5,27
13												
14												
15									3,85	5,97	5,54	5,21
16												
17												
18	4,69	4,46	4,37	4,29	4,43	4,11	3,96	3,87	4,08	5,85	5,64	5,41
19												
20												
21									3,97	5,77	5,60	5,43
22												
23												
24	4,67	4,42	4,31	4,25	4,37	4,02	4,12	3,78	3,88	5,75	5,64	5,34
25												
26												
27									4,71	5,60	5,17	5,27
28												
29												
30	4,61		4,35	4,21	4,34	4,07	4,01	3,76	4,63	5,64	5,12	5,19
31												
T.Bình	4,70	4,44	4,36	4,29	4,40	4,14	4,02	3,89	4,02	5,52	5,56	5,33
Max	4,79	4,49	4,42	4,37	4,48	4,32	4,12	4,12	4,71	5,97	5,64	5,49
Min	4,61	4,39	4,31	4,21	4,34	4,02	3,96	3,76	3,63	4,53	5,12	5,19
ΔH	0,18	0,10	0,11	0,16	0,14	0,30	0,16	0,36	1,08	1,44	0,52	0,30

Mực nước trung bình năm: 4,79
Mực nước lớn nhất trong năm: 5,97 Ngày: 15/10/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 3,63 Ngày: 06/09/2023
Biên độ dao động năm: 2,34

41. Công trình: QT5-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,38									
2												
3									0,82	2,61	3,04	2,78
4												
5												
6	2,12	1,70	1,34	1,30	1,08	1,14	0,93	1,06	0,78	2,56	3,10	2,66
7												
8												
9									0,97	3,04	3,04	2,58
10												
11												
12	2,09	1,62	1,43	1,33	1,28	1,08	0,88	1,00	0,92	2,99	3,10	2,47
13												
14												
15									0,88	3,18	3,04	2,38
16												
17												
18	2,04	1,51	1,39	1,26	1,23	1,04	0,84	0,94	1,04	3,22	3,10	2,85
19												
20												
21									1,01	3,14	3,04	2,89
22												
23												
24	2,00	1,40	1,37	1,19	1,17	0,97	0,90	0,88	0,96	3,12	3,10	2,76
25												
26												
27									2,71	3,04	2,43	2,68
28												
29												
30	1,88		1,34	1,14	1,16	1,01	0,87	0,84	2,68	3,10	2,39	2,56
31												
T.Bình	2,02	1,55	1,37	1,24	1,18	1,05	0,88	0,94	1,27	3,00	2,94	2,66
Max	2,12	1,70	1,43	1,33	1,28	1,14	0,93	1,06	2,71	3,22	3,10	2,89
Min	1,88	1,40	1,34	1,14	1,08	0,97	0,84	0,84	0,78	2,56	2,39	2,38
ΔH	0,24	0,30	0,09	0,19	0,20	0,17	0,09	0,22	1,93	0,66	0,71	0,51

Mực nước trung bình năm: 1,87

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,22 Ngày: 18/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,78 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 2,44

42. Công trình: QT12b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,52									
2												
3									1,69	1,99	2,66	2,47
4												
5												
6	1,62	1,59	1,50	1,41	1,60	1,69	1,48	1,63	1,65	1,97	2,38	2,32
7												
8												
9									1,76	2,11	2,59	2,19
10												
11												
12	1,60	1,46	1,42	1,36	1,83	1,62	1,45	1,59	1,82	2,16	2,55	2,06
13												
14												
15									1,84	2,22	2,59	2,00
16												
17												
18	1,56	1,55	1,49	1,45	1,75	1,55	1,55	1,52	1,78	2,43	2,59	2,33
19												
20												
21									1,73	2,32	2,55	2,29
22												
23												
24	1,55	1,52	1,44	1,31	1,72	1,49	1,60	1,48	1,68	2,29	2,55	2,26
25												
26												
27									1,94	2,38	2,11	2,19
28												
29												
30	1,62		1,50	1,37	1,71	1,54	1,55	1,45	2,02	2,38	2,16	2,13
31												
T.Bình	1,59	1,53	1,48	1,38	1,73	1,58	1,53	1,54	1,80	2,23	2,48	2,23
Max	1,62	1,59	1,52	1,45	1,83	1,69	1,60	1,63	2,02	2,43	2,66	2,47
Min	1,55	1,46	1,42	1,31	1,60	1,49	1,45	1,45	1,65	1,97	2,11	2,00
ΔH	0,07	0,13	0,10	0,14	0,23	0,20	0,15	0,18	0,37	0,46	0,55	0,47

Mực nước trung bình năm: 1,86
Mực nước lớn nhất trong năm: 2,66 Ngày: 03/11/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,31 Ngày: 24/04/2023
Biên độ dao động năm: 1,35

43. Công trình: QT13a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,05	-0,13	-0,14	-0,21	-0,24	-0,20	-0,13	-0,33	-0,15	0,39	1,33	1,45
2	0,08	-0,20	-0,23	-0,22	-0,20	-0,21	-0,11	-0,34	-0,15	0,34	1,29	1,67
3	0,07	-0,20	-0,28	-0,20	-0,18	-0,22	-0,10	-0,31	-0,16	0,32	1,28	1,60
4	0,07	-0,15	-0,25	-0,17	-0,18	-0,20	-0,20	-0,30	-0,19	0,30	1,33	1,39
5	0,09	-0,14	-0,24	-0,15	-0,16	-0,19	-0,18	-0,31	-0,21	0,25	1,29	1,20
6	0,43	-0,18	-0,31	-0,16	-0,16	-0,18	-0,16	-0,33	-0,23	0,21	1,28	1,04
7	0,56	-0,21	-0,33	-0,16	-0,11	-0,11	-0,14	-0,36	-0,24	0,24	1,33	1,06
8	0,38	-0,27	-0,34	-0,14	0,05	-0,06	-0,13	-0,33	-0,27	0,39	1,29	0,88
9	0,24	-0,29	-0,24	-0,10	-0,05	-0,16	-0,18	-0,30	-0,27	0,37	1,28	0,73
10	0,16	-0,27	-0,23	-0,08	-0,11	-0,21	-0,23	-0,29	-0,21	0,36	1,33	0,59
11	0,09	-0,28	-0,20	-0,14	-0,14	-0,18	-0,24	-0,28	-0,24	0,40	1,29	0,47
12	0,05	-0,26	-0,17	-0,20	-0,02	-0,17	-0,20	-0,33	-0,30	0,57	1,28	0,36
13	0,04	-0,25	-0,12	-0,25	0,54	-0,17	-0,19	-0,30	-0,32	0,70	1,45	0,26
14	-0,02	-0,25	-0,11	-0,22	0,28	-0,18	-0,18	-0,28	-0,32	0,81	1,67	0,19
15	-0,08	-0,16	-0,12	-0,16	0,08	-0,18	-0,26	-0,26	-0,29	0,81	1,49	0,13
16	-0,07	-0,05	-0,17	-0,16	-0,01	-0,19	-0,27	-0,25	-0,29	0,78	1,35	0,07
17	0,01	-0,07	-0,24	-0,21	-0,10	-0,20	-0,24	-0,25	-0,25	0,73	1,37	0,47
18	0,03	-0,15	-0,22	-0,17	-0,21	-0,21	-0,26	-0,25	-0,22	1,30	1,16	0,75
19	-0,05	-0,23	-0,16	-0,12	-0,25	-0,22	-0,23	-0,23	-0,19	1,26	0,98	0,70
20	-0,13	-0,29	-0,11	-0,14	-0,18	-0,22	-0,18	-0,23	-0,22	1,02	0,82	0,86
21	-0,21	-0,25	-0,07	-0,14	-0,11	-0,23	-0,20	-0,21	-0,24	0,86	0,69	0,89
22	-0,28	-0,13	-0,07	-0,15	-0,09	-0,23	-0,24	-0,19	-0,25	0,74	0,57	0,86
23	-0,33	-0,07	-0,18	-0,14	-0,21	-0,21	-0,27	-0,19	-0,28	0,67	0,49	0,80
24	-0,19	-0,18	-0,23	-0,15	-0,26	-0,18	-0,30	-0,20	-0,30	1,05	0,42	0,75
25	0,12	-0,20	-0,28	-0,19	-0,24	-0,16	-0,30	-0,20	-0,11	1,29	0,37	0,70
26	0,00	-0,06	-0,25	-0,19	-0,17	-0,09	-0,29	-0,21	0,80	1,19	0,57	0,65
27	-0,02	0,00	-0,19	-0,20	-0,15	-0,10	-0,32	-0,21	0,64	0,99	0,97	0,63
28	0,18	-0,04	-0,14	-0,24	-0,18	-0,15	-0,36	-0,22	0,52	0,81	0,83	0,62
29	0,19		-0,14	-0,27	-0,18	-0,17	-0,31	-0,21	0,50	0,68	0,72	0,58
30	0,11		-0,16	-0,27	-0,19	-0,18	-0,28	-0,20	0,45	1,28	0,67	0,51
31	-0,01		-0,19		-0,21		-0,25	-0,17		1,36		0,47
T.Bình	0,05	-0,18	-0,20	-0,18	-0,11	-0,18	-0,22	-0,26	-0,10	0,72	1,07	0,75
Max	0,68	0,07	0,00	-0,06	0,64	-0,03	-0,09	-0,15	1,14	1,88	1,89	1,71
Min	-0,43	-0,37	-0,42	-0,35	-0,33	-0,28	-0,42	-0,42	-0,36	0,14	0,35	0,04
ΔH	1,11	0,44	0,42	0,29	0,97	0,25	0,33	0,27	1,50	1,74	1,54	1,67

Mực nước trung bình năm: 0,10

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,89 Ngày: 14/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,43 Ngày: 24/01/2023

Biên độ dao động năm: 2,32

44. Công trình: QT15a-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			12,87									
2												
3									12,56	12,72	13,44	13,45
4												
5												
6	13,11	12,92	12,84	12,76	12,58	12,74	12,70	12,60	12,54	12,81	13,41	13,36
7												
8												
9									12,62	12,90	13,46	13,42
10												
11												
12	13,08	12,87	12,86	12,73	12,87	12,71	12,67	12,54	12,60	12,87	13,44	13,46
13												
14												
15									12,55	12,84	13,44	13,50
16												
17												
18	13,04	12,91	12,83	12,72	12,85	12,86	13,00	12,41	12,83	12,98	13,41	13,44
19												
20												
21									12,86	13,07	13,46	13,48
22												
23												
24	13,03	12,88	12,82	12,66	12,82	12,75	12,94	12,27	12,78	13,20	13,44	13,33
25												
26												
27									12,81	13,41	13,51	13,38
28												
29												
30	12,98		12,78	12,63	12,77	12,74	12,71	12,25	12,75	13,46	13,53	13,47
31												
T.Bình	13,04	12,89	12,83	12,70	12,77	12,76	12,80	12,41	12,69	13,02	13,45	13,42
Max	13,11	12,92	12,87	12,76	12,87	12,86	13,00	12,60	12,86	13,46	13,53	13,50
Min	12,98	12,87	12,78	12,63	12,58	12,71	12,67	12,25	12,54	12,72	13,41	13,33
ΔH	0,13	0,05	0,09	0,13	0,29	0,15	0,33	0,35	0,32	0,74	0,12	0,17

Mực nước trung bình năm: 12,96
Mực nước lớn nhất trong năm: 13,53 Ngày: 30/11/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 12,25 Ngày: 30/08/2023
Biên độ dao động năm: 1,28

45. Công trình: QT1a-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,66									
2												
3									0,02	0,51	0,82	1,08
4												
5												
6	0,72	0,65	0,63	0,43	-0,08	-0,18	-0,32	0,09	0,00	0,53	0,82	1,06
7												
8												
9									0,05	0,55	0,96	1,01
10												
11												
12	0,60	0,64	0,59	0,46	0,08	-0,28	-0,35	-0,16	0,01	0,68	0,97	0,99
13												
14												
15									-0,01	0,77	1,17	0,97
16												
17												
18	0,54	0,68	0,61	0,38	0,26	-0,25	-0,26	-0,25	0,40	0,82	1,08	1,02
19												
20												
21									0,35	0,79	1,02	1,10
22												
23												
24	0,56	0,67	0,60	0,25	0,05	-0,24	-0,05	-0,34	0,30	0,83	0,99	1,12
25												
26												
27									0,42	0,45	1,07	1,05
28												
29												
30	0,67		0,55	0,16	0,15	-0,22	-0,03	-0,34	0,49	0,89	1,05	1,00
31												
T.Bình	0,62	0,66	0,61	0,34	0,10	-0,23	-0,20	-0,20	0,21	0,69	1,00	1,04
Max	0,72	0,68	0,66	0,46	0,26	-0,18	-0,03	0,09	0,49	0,89	1,17	1,12
Min	0,54	0,64	0,55	0,16	-0,08	-0,28	-0,35	-0,34	-0,01	0,45	0,82	0,97
ΔH	0,18	0,04	0,11	0,30	0,34	0,10	0,32	0,43	0,50	0,44	0,35	0,15

Mực nước trung bình năm: 0,47

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,17 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,35 Ngày: 12/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,52

46. Công trình: QT3b-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,35	2,30	2,28									
2	2,34	2,29	2,26									
3	2,36	2,28	2,24						1,71	2,23	2,60	2,34
4	2,36	2,27	2,23									
5	2,36	2,27	2,23									
6	2,36	2,26	2,22	2,00	1,74	1,65	1,53	1,68	1,70	2,30	2,52	2,33
7	2,34	2,25	2,21									
8	2,33	2,25	2,20									
9	2,32	2,24	2,19						1,73	2,35	2,43	2,29
10	2,31	2,24	2,18									
11	2,30	2,23	2,16									
12	2,29	2,22	2,16	1,95	1,85	1,61	1,50	1,61	1,68	2,51	2,37	2,30
13	2,29	2,22	2,16									
14	2,27	2,21	2,16									
15	2,26	2,22	2,17						1,67	2,48	2,55	2,28
16	2,25	2,26	2,17									
17	2,25	2,27	2,16									
18	2,27	2,27	2,15	1,92	1,88	1,70	1,92	1,57	1,85	2,55	2,39	2,56
19	2,28	2,27	2,14									
20	2,28	2,27	2,14									
21	2,28	2,27	2,14						1,80	2,47	2,35	2,51
22	2,28	2,28	2,13									
23	2,27	2,28	2,12									
24	2,28	2,27	2,11	1,83	1,77	1,60	1,83	1,54	1,78	2,71	2,30	2,60
25	2,29	2,26										
26	2,30	2,26										
27	2,30	2,27							2,06	2,46	2,41	2,43
28	2,31	2,28										
29	2,32											
30	2,31		2,08	1,79	1,71	1,59	1,72	1,53	2,28	2,65	2,32	2,47
31	2,31											
T.Bình	2,30	2,26	2,18	1,90	1,79	1,63	1,70	1,59	1,83	2,47	2,43	2,41
Max	2,36	2,30	2,28	2,00	1,88	1,70	1,92	1,68	2,28	2,71	2,60	2,60
Min	2,24	2,20	2,08	1,79	1,71	1,59	1,50	1,53	1,67	2,23	2,30	2,28
ΔH	0,12	0,10	0,20	0,21	0,17	0,11	0,42	0,15	0,61	0,48	0,30	0,32

Mực nước trung bình năm: 2,24

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,71 Ngày: 24/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,50 Ngày: 12/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,21

47. Công trình: QT5-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,44									
2												
3									2,55	2,77	3,04	2,74
4												
5												
6	2,62	2,52	2,35	2,32	2,36	2,88	2,68	2,48	2,56	2,82	3,06	2,73
7												
8												
9									2,56	2,86	3,01	2,70
10												
11												
12	2,58	2,55	2,28	2,50	2,35	2,86	2,56	2,49	2,58	2,94	2,97	2,67
13												
14												
15									2,59	3,03	2,92	2,70
16												
17												
18	2,54	2,48	2,43	2,37	2,29	2,84	2,51	2,50	2,60	3,24	3,01	2,87
19												
20												
21									2,62	3,29	2,97	2,89
22												
23												
24	2,49	2,46	2,40	2,34	2,11	2,83	2,46	2,52	2,70	3,43	2,92	2,92
25												
26												
27									2,71	3,39	2,79	2,89
28												
29												
30	2,43		2,38	2,32	2,24	2,73	2,48	2,53	2,72	3,01	2,76	2,84
31												
T.Bình	2,54	2,51	2,38	2,37	2,27	2,83	2,54	2,51	2,62	3,08	2,95	2,80
Max	2,62	2,55	2,44	2,50	2,36	2,88	2,68	2,53	2,72	3,43	3,06	2,92
Min	2,43	2,46	2,28	2,32	2,11	2,73	2,46	2,48	2,55	2,77	2,76	2,67
ΔH	0,19	0,09	0,16	0,18	0,25	0,15	0,22	0,05	0,17	0,66	0,30	0,25

Mực nước trung bình năm: 2,68

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,43 Ngày: 24/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,11 Ngày: 24/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,32

48. Công trình: QT6-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	8,94	8,07	7,72	7,57	7,34	7,09	7,02	7,01	7,06	7,94	11,47	9,77
2	8,90	8,06	7,73	7,56	7,33	7,09	7,04	7,01	7,07	7,97	11,06	10,28
3	8,86	8,04	7,72	7,55	7,32	7,08	7,04	6,99	7,08	8,00	10,74	10,49
4	8,82	8,03	7,72	7,54	7,31	7,08	7,03	7,00	7,08	8,04	10,49	10,46
5	8,78	8,01	7,71	7,53	7,29	7,07	7,03	7,00	7,08	8,10	10,28	10,33
6	8,75	7,99	7,70	7,53	7,28	7,06	7,02	7,00	7,08	8,11	10,11	10,23
7	8,71	7,97	7,70	7,52	7,27	7,05	7,00	7,01	7,08	8,13	9,99	10,40
8	8,68	7,96	7,69	7,52	7,26	7,06	6,99	7,03	7,08	8,14	9,92	10,32
9	8,65	7,95	7,69	7,50	7,23	7,06	6,99	7,03	7,09	8,14	9,86	10,15
10	8,62	7,93	7,67	7,51	7,22	7,05	6,98	7,04	7,08	8,15	9,81	10,00
11	8,58	7,91	7,65	7,50	7,21	7,06	6,98	7,03	7,09	8,21	9,93	9,90
12	8,55	7,90	7,66	7,50	7,21	7,06	6,97	7,04	7,08	8,35	10,05	9,81
13	8,53	7,88	7,66	7,49	7,21	7,07	6,98	7,04	7,07	8,70	10,97	9,73
14	8,51	7,88	7,65	7,48	7,23	7,07	6,98	7,03	7,06	9,15	12,46	9,64
15	8,50	7,86	7,65	7,48	7,22	7,06	6,99	7,03	7,05	9,39	12,35	9,55
16	8,48	7,84	7,65	7,47	7,21	7,06	7,01	7,03	7,05	9,48	12,36	9,49
17	8,46	7,83	7,64	7,46	7,20	7,05	7,02	7,04	7,05	9,51	12,17	9,65
18	8,42	7,82	7,63	7,45	7,18	7,04	7,03	7,03	7,05	10,76	11,76	10,01
19	8,40	7,82	7,62	7,44	7,17	7,03	7,04	7,04	7,07	11,98	11,35	10,06
20	8,37	7,81	7,62	7,43	7,15	7,03	7,04	7,04	7,08	11,39	11,00	10,02
21	8,34	7,80	7,62	7,42	7,14	7,01	7,04	7,03	7,10	10,92	10,72	9,97
22	8,31	7,79	7,60	7,40	7,14	7,00	7,04	7,05	7,11	10,59	10,49	9,94
23	8,28	7,79	7,59	7,39	7,13	7,00	7,04	7,06	7,13	10,82	10,30	9,87
24	8,25	7,77	7,59	7,38	7,12	6,98	7,04	7,06	7,17	12,05	10,16	9,80
25	8,23	7,76	7,58	7,38	7,12	6,98	7,02	7,07	7,25	12,31	10,03	9,71
26	8,19	7,75	7,58	7,37	7,11	6,99	7,01	7,07	7,66	11,95	9,94	9,62
27	8,17	7,73	7,58	7,36	7,10	6,98	7,01	7,07	7,74	11,45	9,98	9,53
28	8,16	7,72	7,56	7,36	7,10	7,00	7,00	7,06	7,78	11,03	9,95	9,45
29	8,14		7,57	7,35	7,10	7,01	7,01	7,06	7,87	10,70	9,87	9,36
30	8,12		7,57	7,34	7,09	7,02	7,00	7,05	7,91	11,36	9,79	9,31
31	8,09		7,57		7,09		7,00	7,05		11,91		9,26
T.Bình	8,48	7,88	7,64	7,46	7,19	7,04	7,01	7,04	7,20	9,76	10,64	9,87
Max	8,95	8,09	7,73	7,58	7,34	7,10	7,05	7,08	7,93	12,47	12,55	10,54
Min	8,08	7,71	7,54	7,34	7,08	6,95	6,94	6,97	7,01	7,92	9,76	9,24
ΔH	0,87	0,38	0,19	0,24	0,26	0,15	0,11	0,11	0,92	4,55	2,79	1,30

Mực nước trung bình năm: 8,10

Mực nước lớn nhất trong năm: 12,55 Ngày: 14/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 6,94 Ngày: 12/07/2023

Biên độ dao động năm: 5,61

49. Công trình: QT7b-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,39	1,26	1,24	1,08	1,02	0,92	0,85	0,81	0,83	1,09	1,31	1,33
2	1,37	1,23	1,21	1,07	1,03	0,91	0,84	0,81	0,83	1,09	1,32	1,36
3	1,39	1,21	1,19	1,07	1,02	0,90	0,83	0,82	0,84	1,09	1,31	1,36
4	1,39	1,19	1,19	1,06	1,02	0,90	0,82	0,82	0,84	1,12	1,29	1,36
5	1,38	1,19	1,18	1,06	1,01	0,89	0,82	0,81	0,84	1,12	1,27	1,36
6	1,36	1,18	1,17	1,05	1,00	0,92	0,81	0,81	0,86	1,10	1,28	1,34
7	1,36	1,17	1,17	1,03	0,99	0,93	0,80	0,79	0,88	1,09	1,31	1,34
8	1,35	1,16	1,16	1,02	0,97	0,93	0,80	0,79	0,89	1,10	1,27	1,32
9	1,33	1,16	1,14	1,03	0,97	0,92	0,79	0,78	0,88	1,12	1,24	1,30
10	1,32	1,16	1,13	1,05	0,96	0,92	0,79	0,77	0,87	1,15	1,28	1,29
11	1,31	1,16	1,12	1,05	1,00	0,91	0,79	0,77	0,86	1,18	1,26	1,27
12	1,31	1,16	1,12	1,05	1,04	0,90	0,79	0,76	0,85	1,25	1,25	1,26
13	1,30	1,15	1,12	1,05	1,06	0,90	0,79	0,76	0,84	1,31	1,31	1,25
14	1,28	1,13	1,12	1,05	1,06	0,89	0,79	0,76	0,83	1,30	1,36	1,25
15	1,28	1,16	1,14	1,04	1,06	0,89	0,79	0,75	0,85	1,28	1,43	1,26
16	1,29	1,22	1,14	1,04	1,05	0,89	0,79	0,75	0,90	1,28	1,44	1,25
17	1,32	1,24	1,14	1,04	1,04	0,89	0,81	0,74	0,90	1,28	1,43	1,30
18	1,32	1,23	1,14	1,03	1,02	0,89	0,83	0,74	0,89	1,34	1,42	1,38
19	1,32	1,21	1,13	1,03	1,01	0,88	0,83	0,74	0,88	1,32	1,41	1,37
20	1,30	1,20	1,12	1,02	1,00	0,88	0,83	0,74	0,87	1,28	1,39	1,39
21	1,29	1,20	1,11	1,01	0,98	0,87	0,83	0,74	0,86	1,28	1,37	1,38
22	1,30	1,21	1,10	1,00	0,98	0,86	0,83	0,74	0,86	1,28	1,35	1,40
23	1,31	1,21	1,11	1,00	0,97	0,86	0,83	0,73	0,85	1,36	1,33	1,42
24	1,30	1,21	1,07	1,01	0,96	0,85	0,83	0,73	0,91	1,40	1,31	1,43
25	1,27	1,22	1,07	1,02	0,96	0,85	0,83	0,73	1,05	1,37	1,30	1,41
26	1,27	1,23	1,06	1,02	0,96	0,86	0,83	0,72	1,15	1,34	1,35	1,37
27	1,27	1,25	1,06	1,02	0,95	0,86	0,83	0,72	1,15	1,33	1,35	1,36
28	1,29	1,25	1,06	1,02	0,94	0,86	0,83	0,73	1,13	1,32	1,32	1,35
29	1,29		1,08	1,02	0,94	0,86	0,83	0,75	1,12	1,30	1,31	1,35
30	1,28		1,09	1,01	0,94	0,86	0,83	0,76	1,11	1,32	1,32	1,34
31	1,26		1,09		0,93		0,82	0,81		1,33		1,34
T.Bình	1,32	1,20	1,13	1,03	0,99	0,89	0,82	0,76	0,91	1,24	1,33	1,34
Max	1,40	1,26	1,25	1,08	1,06	0,93	0,85	0,82	1,16	1,42	1,48	1,44
Min	1,25	1,13	1,05	0,99	0,92	0,85	0,78	0,71	0,82	1,08	1,23	1,24
ΔH	0,15	0,13	0,20	0,09	0,14	0,08	0,07	0,11	0,34	0,34	0,25	0,20

Mực nước trung bình năm: 1,08

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,48 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,71 Ngày: 26/08/2023

Biên độ dao động năm: 0,77

50. Công trình: QT8b-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,98									
2												
3									0,19	0,79	1,25	1,23
4												
5												
6	1,06	0,88	0,95	0,95	0,43	0,28	0,24	0,24	0,21	0,75	1,23	1,15
7												
8												
9									0,25	0,84	1,18	1,11
10												
11												
12	0,99	0,87	0,88	0,88	0,36	0,29	0,26	0,20	0,28	1,20	1,15	1,06
13												
14												
15									0,28	1,39	1,73	1,09
16												
17												
18	1,02	0,93	0,89	0,89	0,38	0,27	0,32	0,18	0,33	1,55	1,45	1,27
19												
20												
21									0,36	1,31	1,30	1,33
22												
23												
24	1,00	0,96	0,81	0,81	0,33	0,23	0,31	0,14	0,34	1,36	1,18	1,37
25												
26												
27									0,83	1,32	1,25	1,30
28												
29												
30	0,97		0,98	0,49	0,31	0,25	0,27	0,13	0,72	1,29	1,20	1,27
31												
T.Bình	1,01	0,91	0,92	0,81	0,36	0,27	0,28	0,18	0,38	1,18	1,29	1,22
Max	1,06	0,96	0,98	0,95	0,43	0,29	0,32	0,24	0,83	1,55	1,73	1,37
Min	0,97	0,87	0,81	0,49	0,31	0,23	0,24	0,13	0,19	0,75	1,15	1,06
ΔH	0,09	0,09	0,17	0,46	0,12	0,06	0,08	0,11	0,64	0,80	0,58	0,31

Mực nước trung bình năm: 0,81

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,73 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,13 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,60

51. Công trình: QT9b-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,40									
2												
3									2,20	2,58	5,01	4,53
4												
5												
6	4,03	3,38	3,34	2,92	2,54	2,64	2,64	2,43	2,22	2,65	5,15	4,45
7												
8												
9									2,27	3,13	5,13	4,42
10												
11												
12	3,86	3,15	3,21	2,88	2,46	2,66	2,61	2,30	2,34	4,16	5,14	4,24
13												
14												
15									2,40	5,03	5,25	4,27
16												
17												
18	3,88	3,26	3,15	2,84	2,39	2,68	2,59	2,24	2,43	5,70	5,24	4,35
19												
20												
21									2,46	6,02	5,31	4,40
22												
23												
24	3,70	3,19	2,99	2,70	2,65	2,71	2,57	2,16	2,52	6,13	5,28	4,44
25												
26												
27									2,52	5,25	4,66	4,16
28												
29												
30	3,61		2,97	2,63	2,65	2,67	2,55	2,16	2,53	5,13	4,60	4,02
31												
T.Bình	3,81	3,24	3,17	2,79	2,54	2,67	2,59	2,26	2,39	4,58	5,08	4,33
Max	4,03	3,38	3,40	2,92	2,65	2,71	2,64	2,43	2,53	6,13	5,31	4,53
Min	3,61	3,15	2,97	2,63	2,39	2,64	2,55	2,16	2,20	2,58	4,60	4,02
ΔH	0,42	0,23	0,43	0,29	0,26	0,07	0,09	0,27	0,33	3,55	0,71	0,51

Mực nước trung bình năm: 3,49

Mực nước lớn nhất trong năm: 6,13 Ngày: 24/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,16 Ngày: 24/08/2023

Biên độ dao động năm: 3,97

52. Công trình: QT11a-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,49	1,33	1,31	1,18	1,13	1,06	1,03	0,99	0,97	1,17	1,51	1,34
2	1,48	1,32	1,30	1,18	1,13	1,08	1,02	0,99	0,98	1,16	1,50	1,39
3	1,47	1,30	1,29	1,18	1,12	1,09	1,02	1,00	0,98	1,16	1,48	1,46
4	1,47	1,29	1,29	1,19	1,13	1,09	1,02	0,99	0,98	1,17	1,45	1,50
5	1,45	1,28	1,28	1,20	1,13	1,09	1,03	0,99	0,98	1,17	1,42	1,50
6	1,44	1,27	1,29	1,21	1,13	1,07	1,02	0,98	0,99	1,15	1,40	1,46
7	1,43	1,27	1,28	1,20	1,12	1,07	1,01	0,97	1,00	1,15	1,42	1,45
8	1,42	1,27	1,28	1,19	1,10	1,08	1,00	0,96	1,01	1,15	1,44	1,43
9	1,40	1,26	1,27	1,19	1,10	1,08	1,00	0,95	1,02	1,16	1,44	1,40
10	1,39	1,26	1,27	1,20	1,10	1,09	1,00	0,94	1,02	1,19	1,44	1,37
11	1,38	1,26	1,27	1,20	1,12	1,09	1,00	0,94	1,02	1,28	1,44	1,33
12	1,36	1,26	1,26	1,20	1,14	1,08	1,00	0,93	1,01	1,45	1,45	1,30
13	1,35	1,26	1,25	1,20	1,15	1,08	0,99	0,93	1,00	1,73	1,50	1,28
14	1,33	1,27	1,26	1,20	1,14	1,07	0,99	0,92	1,00	1,76	1,63	1,27
15	1,30	1,32	1,26	1,20	1,14	1,07	1,00	0,92	1,00	1,68	2,00	1,26
16	1,31	1,36	1,27	1,20	1,14	1,07	1,00	0,92	1,04	1,67	2,16	1,26
17	1,35	1,36	1,28	1,20	1,14	1,06	1,02	0,94	1,07	1,61	1,94	1,33
18	1,38	1,34	1,28	1,20	1,13	1,06	1,01	0,93	1,06	1,75	1,77	1,55
19	1,38	1,32	1,29	1,19	1,13	1,05	1,00	0,93	1,04	1,85	1,68	1,63
20	1,36	1,31	1,30	1,19	1,12	1,05	0,99	0,92	1,03	1,71	1,60	1,64
21	1,32	1,30	1,31	1,18	1,12	1,04	0,99	0,92	1,02	1,62	1,52	1,67
22	1,31	1,29	1,30	1,17	1,12	1,04	0,99	0,93	1,01	1,55	1,45	1,69
23	1,30	1,29	1,29	1,16	1,11	1,03	0,99	0,92	1,00	1,57	1,39	1,69
24	1,29	1,28	1,17	1,15	1,11	1,03	0,99	0,92	1,01	1,57	1,34	1,66
25	1,31	1,28	1,17	1,14	1,10	1,03	0,99	0,92	1,11	1,57	1,32	1,64
26	1,31	1,28	1,18	1,13	1,08	1,04	0,99	0,92	1,20	1,56	1,38	1,64
27	1,31	1,30	1,18	1,14	1,07	1,03	0,99	0,92	1,21	1,55	1,40	1,63
28	1,32	1,30	1,18	1,14	1,07	1,03	1,00	0,92	1,21	1,54	1,38	1,61
29	1,32		1,18	1,13	1,06	1,02	0,99	0,92	1,19	1,54	1,36	1,59
30	1,32		1,19	1,13	1,07	1,03	0,99	0,93	1,18	1,53	1,34	1,56
31	1,32		1,19		1,07		0,98	0,96		1,53		1,54
T.Bình	1,37	1,30	1,26	1,18	1,11	1,06	1,00	0,94	1,05	1,46	1,52	1,49
Max	1,50	1,37	1,31	1,22	1,15	1,10	1,03	1,00	1,22	1,89	2,21	1,70
Min	1,29	1,24	1,15	1,12	1,06	1,02	0,97	0,91	0,96	1,14	1,31	1,25
ΔH	0,21	0,13	0,16	0,10	0,09	0,08	0,06	0,09	0,26	0,75	0,90	0,45

Mực nước trung bình năm: 1,23

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,21 Ngày: 16/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,91 Ngày: 14/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,30

53. Công trình: QT1b-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,56									
2												
3									0,33	2,13	2,01	2,14
4												
5												
6	0,89	0,72	0,53	0,58	0,66	0,55	0,47	0,66	0,40	2,04	1,95	2,05
7												
8												
9									0,35	2,11	1,90	2,13
10												
11												
12	0,81	0,68	0,62	0,55	0,73	0,62	0,39	0,50	1,16	1,93	2,03	2,24
13												
14												
15									1,71	2,01	2,18	2,37
16												
17												
18	0,73	0,62	0,58	0,51	0,68	0,57	0,38	0,35	2,63	1,83	2,21	2,26
19												
20												
21									2,68	1,63	2,06	2,41
22												
23												
24	0,66	0,58	0,55	0,50	0,64	0,54	0,47	0,43	2,54	1,46	1,94	2,30
25												
26												
27									2,61	1,57	2,05	2,34
28												
29												
30	0,75		0,52	0,70	0,59	0,51	0,53	0,36	2,56	1,63	1,91	2,47
31												
T.Bình	0,77	0,65	0,56	0,57	0,66	0,56	0,45	0,46	1,70	1,83	2,02	2,27
Max	0,89	0,72	0,62	0,70	0,73	0,62	0,53	0,66	2,68	2,13	2,21	2,47
Min	0,66	0,58	0,52	0,50	0,59	0,51	0,38	0,35	0,33	1,46	1,90	2,05
ΔH	0,23	0,14	0,10	0,20	0,14	0,11	0,15	0,31	2,35	0,67	0,31	0,42

Mực nước trung bình năm: 1,27

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,68 Ngày: 21/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,33 Ngày: 03/09/2023

Biên độ dao động năm: 2,35

54. Công trình: QT2b-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,14									
2												
3									1,41	1,86	2,60	2,55
4												
5												
6	2,34	2,15	2,06	1,84	1,62	1,70	1,61	1,51	1,45	1,87	2,54	2,52
7												
8												
9									1,51	2,13	2,49	2,53
10												
11												
12	2,28	2,12	1,98	1,80	1,57	1,69	1,58	1,44	1,55	2,52	2,42	2,50
13												
14												
15									1,55	2,70	2,75	2,52
16												
17												
18	2,25	2,22	1,93	1,74	1,66	1,65	1,62	1,41	1,57	2,60	2,64	2,63
19												
20												
21									1,56	2,42	2,56	2,67
22												
23												
24	2,26	2,20	1,87	1,71	1,72	1,62	1,59	1,36	1,57	2,74	2,50	2,74
25												
26												
27									1,96	2,69	2,58	2,65
28												
29												
30	2,23		1,89	1,69	1,73	1,63	1,57	1,36	1,88	2,65	2,57	2,58
31												
T.Bình	2,27	2,17	1,98	1,76	1,66	1,66	1,60	1,42	1,60	2,42	2,57	2,59
Max	2,34	2,22	2,14	1,84	1,73	1,70	1,62	1,51	1,96	2,74	2,75	2,74
Min	2,23	2,12	1,87	1,69	1,57	1,62	1,57	1,36	1,41	1,86	2,42	2,50
ΔH	0,11	0,10	0,27	0,15	0,16	0,08	0,05	0,15	0,55	0,88	0,33	0,24

Mực nước trung bình năm: 2,05

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,75 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,36 Ngày: 24/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,39

55. Công trình: QT4b-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,27	1,29	1,23	1,04	0,95							
2	1,27	1,27	1,22	1,03	0,96							
3	1,28	1,26	1,21	1,03	0,97				0,86	1,25	1,53	1,37
4	1,31	1,25	1,20	1,03	0,99							
5	1,30	1,24	1,19	1,03	1,00							
6	1,29	1,23	1,19	1,02	1,00	1,04	0,93	0,87	0,95	1,32	1,66	1,31
7	1,28	1,22	1,18	0,99	0,98							
8	1,28	1,21	1,17	0,98	0,94							
9	1,27	1,20	1,16	0,97	0,93				1,01	1,46	1,53	1,19
10	1,25	1,19	1,15	0,99	0,92							
11	1,24	1,18	1,14	1,00	0,92							
12	1,24	1,18	1,12	0,99	0,94	1,05	0,92	0,83	1,05	1,72	1,66	1,10
13	1,23	1,17	1,11	0,99	0,99							
14	1,21	1,14	1,12	0,99	1,00							
15	1,21	1,16	1,11	0,98	1,03				1,07	1,96	2,35	1,12
16	1,19	1,20	1,10	0,98	1,05							
17	1,19	1,22	1,10	0,99	1,06							
18	1,19	1,22	1,10	0,99	1,07	1,00	0,91	0,82	1,11	1,90	1,74	1,37
19	1,21	1,21	1,09	0,99	1,07							
20	1,19	1,22	1,10	0,99	1,07							
21	1,18	1,22	1,09	0,99	1,06				1,09	1,79	1,49	1,40
22	1,17	1,24	1,09	1,00	1,05							
23	1,16	1,24	1,07	0,99	1,04							
24	1,16	1,23	1,06	0,99	1,04	0,97	0,93	0,77	1,10	1,92	1,44	1,42
25	1,20	1,21	1,06	0,97								
26	1,24	1,21	1,05	0,96								
27	1,25	1,23	1,04	0,96					1,37	1,80	1,46	1,34
28	1,29	1,23	1,03	0,96								
29	1,30		1,03	0,95								
30	1,30		1,03	0,95	1,06	0,96	0,91	0,78	1,28	1,66	1,34	1,28
31	1,29		1,04									
T.Bình	1,24	1,22	1,11	0,99	1,00	1,00	0,92	0,82	1,09	1,68	1,62	1,29
Max	1,32	1,29	1,24	1,04	1,08	1,05	0,93	0,87	1,37	1,96	2,35	1,42
Min	1,14	1,13	1,02	0,94	0,90	0,96	0,91	0,77	0,86	1,25	1,34	1,10
ΔH	0,18	0,16	0,22	0,10	0,18	0,09	0,02	0,10	0,51	0,71	1,01	0,32

Mực nước trung bình năm: 1,12

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,35 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,77 Ngày: 24/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,58

56. Công trình: QT5-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,91									
2												
3									0,54	0,97	1,33	1,43
4												
5												
6	0,85	0,83	0,84	0,78	0,69	0,80	0,81	0,62	0,62	1,08	1,75	1,42
7												
8												
9									0,69	1,30	1,49	1,39
10												
11												
12	0,88	0,80	0,80	0,74	0,67	0,82	0,78	0,57	0,74	1,73	1,33	1,37
13												
14												
15									0,75	2,02	1,79	1,38
16												
17												
18	0,86	0,90	0,75	0,77	0,79	0,86	0,74	0,51	0,77	1,97	1,61	1,49
19												
20												
21									0,76	1,80	1,47	1,51
22												
23												
24	0,82	0,95	0,73	0,72	0,86	0,85	0,72	0,47	0,78	1,99	1,40	1,60
25												
26												
27									1,16	1,75	1,46	1,55
28												
29												
30	0,85		0,75	0,70	0,84	0,84	0,66	0,45	1,05	1,49	1,45	1,53
31												
T.Bình	0,85	0,87	0,80	0,74	0,77	0,84	0,74	0,53	0,79	1,61	1,51	1,47
Max	0,88	0,95	0,91	0,78	0,86	0,86	0,81	0,62	1,16	2,02	1,79	1,60
Min	0,82	0,80	0,73	0,70	0,67	0,80	0,66	0,45	0,54	0,97	1,33	1,37
ΔH	0,06	0,15	0,18	0,08	0,19	0,06	0,15	0,17	0,62	1,05	0,46	0,23

Mực nước trung bình năm: 1,06

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,02 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,45 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,57

57.Công trình: QT6b-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,56	1,49	1,49	1,37	1,37	1,34	1,32	1,30	1,34	1,52	1,65	1,64
2	1,56	1,46	1,44	1,37	1,38	1,34	1,30	1,31	1,37	1,52	1,66	1,69
3	1,58	1,44	1,42	1,37	1,39	1,34	1,29	1,31	1,39	1,53	1,66	1,72
4	1,58	1,44	1,42	1,37	1,39	1,34	1,28	1,31	1,40	1,55	1,63	1,69
5	1,57	1,45	1,42	1,37	1,38	1,34	1,28	1,30	1,40	1,54	1,60	1,67
6	1,55	1,45	1,40	1,37	1,38	1,35	1,27	1,29	1,39	1,52	1,58	1,64
7	1,54	1,46	1,40	1,36	1,37	1,37	1,27	1,27	1,37	1,52	1,58	1,65
8	1,51	1,45	1,39	1,35	1,36	1,36	1,27	1,26	1,36	1,55	1,61	1,63
9	1,49	1,44	1,37	1,38	1,35	1,35	1,26	1,26	1,35	1,59	1,61	1,60
10	1,48	1,44	1,36	1,41	1,38	1,35	1,27	1,26	1,36	1,59	1,60	1,59
11	1,46	1,44	1,35	1,41	1,42	1,35	1,27	1,26	1,35	1,67	1,58	1,56
12	1,46	1,43	1,36	1,39	1,42	1,35	1,27	1,26	1,35	1,70	1,59	1,54
13	1,46	1,42	1,36	1,38	1,42	1,35	1,27	1,26	1,35	1,79	1,69	1,53
14	1,43	1,42	1,38	1,38	1,41	1,34	1,28	1,27	1,35	1,87	1,77	1,54
15	1,41	1,47	1,41	1,38	1,40	1,33	1,28	1,26	1,36	1,85	1,95	1,56
16	1,41	1,51	1,39	1,37	1,39	1,32	1,29	1,26	1,38	1,78	1,97	1,55
17	1,46	1,53	1,36	1,36	1,40	1,32	1,30	1,26	1,38	1,83	1,86	1,59
18	1,51	1,51	1,36	1,37	1,39	1,31	1,32	1,26	1,38	1,89	1,76	1,69
19	1,50	1,49	1,37	1,37	1,38	1,31	1,32	1,26	1,38	1,82	1,70	1,68
20	1,48	1,48	1,38	1,38	1,37	1,30	1,30	1,27	1,37	1,73	1,69	1,68
21	1,47	1,48	1,39	1,37	1,36	1,30	1,32	1,27	1,36	1,71	1,67	1,74
22	1,45	1,52	1,39	1,37	1,36	1,30	1,31	1,28	1,36	1,70	1,66	1,78
23	1,46	1,54	1,38	1,37	1,35	1,30	1,31	1,29	1,36	1,75	1,67	1,79
24	1,47	1,50	1,36	1,37	1,34	1,31	1,31	1,30	1,37	1,83	1,63	1,81
25	1,57	1,47	1,35	1,37	1,33	1,31	1,31	1,29	1,49	1,77	1,62	1,81
26	1,55	1,49	1,35	1,37	1,34	1,32	1,32	1,28	1,55	1,71	1,70	1,80
27	1,54	1,53	1,36	1,38	1,33	1,33	1,32	1,27	1,53	1,68	1,69	1,79
28	1,59	1,53	1,36	1,38	1,33	1,32	1,32	1,28	1,52	1,66	1,65	1,77
29	1,57		1,37	1,38	1,34	1,32	1,33	1,28	1,52	1,64	1,63	1,76
30	1,53		1,38	1,37	1,35	1,32	1,33	1,28	1,52	1,65	1,63	1,75
31	1,50		1,37		1,34		1,31	1,31		1,66		1,75
T.Bình	1,51	1,47	1,38	1,38	1,37	1,33	1,30	1,28	1,42	1,68	1,68	1,68
Max	1,61	1,54	1,51	1,42	1,43	1,39	1,34	1,33	1,56	1,91	2,04	1,82
Min	1,40	1,40	1,34	1,34	1,30	1,29	1,25	1,25	1,33	1,50	1,57	1,53
ΔH	0,21	0,14	0,17	0,08	0,13	0,10	0,09	0,08	0,23	0,41	0,47	0,29

Mực nước trung bình năm: 1,47

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,04 Ngày: 16/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,25 Ngày: 12/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,79

58. Công trình: QT7b-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,44	1,31	1,28	1,16	1,04	0,98	0,92	0,88	0,70	1,21	1,47	1,46
2	1,44	1,30	1,27	1,15	1,04	0,98	0,92	0,88	0,72	1,21	1,48	1,51
3	1,45	1,30	1,26	1,15	1,04	1,00	0,91	0,88	0,73	1,22	1,46	1,54
4	1,44	1,29	1,25	1,14	1,02	1,00	0,90	0,88	0,76	1,24	1,44	1,55
5	1,42	1,28	1,24	1,14	1,02	1,00	0,90	0,87	0,78	1,24	1,42	1,56
6	1,39	1,28	1,23	1,13	1,01	1,00	0,90	0,86	0,82	1,24	1,41	1,52
7	1,36	1,28	1,23	1,12	1,00	1,01	0,89	0,85	0,86	1,23	1,41	1,52
8	1,35	1,27	1,22	1,11	0,98	1,01	0,88	0,82	0,87	1,24	1,46	1,50
9	1,33	1,27	1,21	1,11	0,96	1,01	0,88	0,81	0,89	1,34	1,43	1,47
10	1,32	1,26	1,20	1,12	0,96	1,01	0,88	0,79	0,90	1,35	1,42	1,44
11	1,30	1,26	1,19	1,12	0,96	1,01	0,88	0,79	0,91	1,44	1,40	1,41
12	1,28	1,25	1,18	1,12	0,99	1,01	0,87	0,79	0,91	1,46	1,39	1,38
13	1,28	1,25	1,17	1,12	1,02	1,00	0,88	0,78	0,90	1,65	1,44	1,36
14	1,27	1,24	1,17	1,12	1,02	0,99	0,88	0,78	0,90	1,83	1,51	1,35
15	1,25	1,29	1,18	1,11	1,04	0,99	0,87	0,76	0,91	1,83	1,98	1,35
16	1,25	1,31	1,17	1,12	1,04	0,99	0,88	0,75	0,92	1,73	2,08	1,35
17	1,25	1,30	1,16	1,12	1,04	0,99	0,88	0,74	0,93	1,72	1,96	1,38
18	1,26	1,29	1,16	1,11	1,03	1,00	0,88	0,73	0,94	1,82	1,84	1,47
19	1,27	1,29	1,16	1,11	1,03	0,99	0,88	0,71	0,94	1,80	1,74	1,46
20	1,25	1,30	1,16	1,12	1,02	0,99	0,88	0,70	0,93	1,71	1,67	1,51
21	1,23	1,30	1,16	1,12	1,02	1,00	0,89	0,69	0,93	1,64	1,61	1,61
22	1,22	1,31	1,15	1,12	1,01	1,00	0,89	0,69	0,92	1,60	1,56	1,67
23	1,21	1,30	1,15	1,11	1,01	0,99	0,89	0,69	0,92	1,63	1,55	1,67
24	1,22	1,29	1,15	1,10	1,01	0,98	0,89	0,68	0,93	1,73	1,52	1,68
25	1,27	1,27	1,16	1,09	1,00	0,97	0,89	0,67	1,12	1,70	1,45	1,66
26	1,29	1,27	1,15	1,08	1,00	0,96	0,89	0,66	1,19	1,64	1,51	1,65
27	1,30	1,28	1,16	1,07	1,00	0,95	0,89	0,64	1,18	1,59	1,51	1,64
28	1,35	1,28	1,16	1,06	0,99	0,95	0,89	0,64	1,21	1,55	1,49	1,64
29	1,34		1,15	1,03	0,99	0,94	0,88	0,63	1,21	1,51	1,47	1,63
30	1,32		1,16	1,03	1,00	0,93	0,88	0,63	1,21	1,49	1,45	1,62
31	1,31		1,16		0,99		0,88	0,67		1,49		1,62
T.Bình	1,31	1,28	1,19	1,11	1,01	0,99	0,89	0,75	0,94	1,52	1,55	1,52
Max	1,45	1,31	1,28	1,16	1,05	1,02	0,93	0,89	1,22	1,88	2,13	1,69
Min	1,20	1,23	1,13	1,00	0,94	0,92	0,86	0,62	0,69	1,20	1,38	1,34
ΔH	0,25	0,08	0,15	0,16	0,11	0,10	0,07	0,27	0,53	0,68	0,75	0,35

Mực nước trung bình năm: 1,17

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,13 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,62 Ngày: 28/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,51

59. Công trình: QT9-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,26	1,19	1,20	0,91	0,58	0,39	0,21	0,00	-0,49	-0,07	0,00	-0,13
2	1,26	1,13	1,17	0,89	0,58	0,38	0,19	0,00	-0,50	-0,11	0,05	-0,03
3	1,31	1,09	1,14	0,88	0,58	0,38	0,18	0,00	-0,50	-0,14	0,08	0,10
4	1,36	1,05	1,15	0,86	0,57	0,37	0,19	-0,01	-0,52	-0,13	0,03	0,14
5	1,35	1,03	1,13	0,84	0,55	0,36	0,18	-0,02	-0,51	-0,12	-0,04	0,12
6	1,33	1,04	1,11	0,81	0,53	0,33	0,16	-0,03	-0,48	-0,13	-0,06	0,02
7	1,31	1,05	1,12	0,79	0,52	0,36	0,17	-0,05	-0,46	-0,16	-0,08	-0,02
8	1,26	1,06	1,11	0,77	0,51	0,35	0,16	-0,08	-0,45	-0,17	0,04	0,00
9	1,20	1,06	1,09	0,77	0,50	0,34	0,15	-0,10	-0,45	-0,02	0,05	-0,05
10	1,14	1,05	1,08	0,78	0,49	0,34	0,15	-0,12	-0,43	0,01	-0,02	-0,15
11	1,13	1,05	1,06	0,78	0,51	0,33	0,14	-0,12	-0,41	0,07	-0,11	-0,24
12	1,09	1,05	1,05	0,78	0,52	0,32	0,13	-0,13	-0,40	0,10	-0,16	-0,32
13	1,04	1,04	1,03	0,78	0,56	0,30	0,13	-0,13	-0,43	0,25	-0,06	-0,39
14	1,00	1,03	1,03	0,78	0,57	0,30	0,12	-0,13	-0,43	0,49	0,27	-0,42
15	0,96	1,05	1,01	0,77	0,56	0,29	0,11	-0,15	-0,42	0,54	0,80	-0,53
16	0,93	1,12	1,02	0,77	0,56	0,26	0,09	-0,19	-0,39	0,45	0,57	-0,61
17	0,94	1,14	1,01	0,76	0,56	0,23	0,07	-0,21	-0,38	0,52	0,51	-0,50
18	1,03	1,14	1,00	0,75	0,55	0,23	0,08	-0,23	-0,38	0,58	0,39	-0,17
19	1,09	1,15	0,98	0,73	0,54	0,23	0,10	-0,25	-0,39	0,48	0,24	-0,19
20	1,08	1,13	0,96	0,73	0,53	0,23	0,09	-0,28	-0,40	0,33	0,12	-0,17
21	1,05	1,13	0,98	0,72	0,52	0,30	0,09	-0,30	-0,41	0,24	0,03	-0,01
22	0,98	1,14	0,98	0,70	0,52	0,32	0,08	-0,29	-0,42	0,18	-0,05	0,02
23	0,92	1,16	0,97	0,69	0,52	0,31	0,08	-0,30	-0,41	0,19	-0,11	0,01
24	0,96	1,18	0,96	0,68	0,51	0,31	0,08	-0,32	-0,43	0,37	-0,15	-0,01
25	1,18	1,18	0,95	0,65	0,50	0,30	0,09	-0,33	-0,23	0,34	-0,20	-0,06
26	1,22	1,18	0,92	0,63	0,49	0,29	0,08	-0,35	-0,06	0,24	-0,01	-0,08
27	1,20	1,20	0,92	0,61	0,48	0,29	0,07	-0,38	-0,06	0,13	0,00	-0,08
28	1,29	1,22	0,91	0,59	0,45	0,27	0,06	-0,41	-0,05	0,06	-0,06	-0,10
29	1,33		0,92	0,56	0,43	0,25	0,05	-0,45	-0,04	-0,02	-0,12	-0,11
30	1,30		0,92	0,56	0,41	0,23	0,03	-0,47	-0,04	-0,06	-0,16	-0,12
31	1,25		0,92		0,40		0,01	-0,49		-0,01		-0,11
T.Bình	1,15	1,11	1,03	0,74	0,52	0,31	0,11	-0,20	-0,36	0,14	0,06	-0,14
Max	1,37	1,22	1,22	0,92	0,59	0,40	0,23	0,01	-0,02	0,62	0,94	0,15
Min	0,89	1,02	0,91	0,55	0,40	0,21	0,00	-0,49	-0,52	-0,18	-0,21	-0,63
ΔH	0,48	0,20	0,31	0,37	0,19	0,19	0,23	0,50	0,50	0,80	1,15	0,78

Mực nước trung bình năm: 0,37

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,37 Ngày: 04/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,63 Ngày: 16/12/2023

Biên độ dao động năm: 2,00

II.2. Vùng ảnh hưởng triều

II.2.1. Mực nước bình quân ngày

1. Công trình: QT8a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,36	0,21	0,12	0,04	-0,07	-0,38	-0,36	-0,65	-0,41	0,08	-0,01	-0,04
2	0,38	0,21	0,10	0,05	-0,08	-0,41	-0,39	-0,62	-0,42	0,07	-0,05	0,00
3	0,38	0,23	0,10	0,04	-0,10	-0,46	-0,43	-0,57	-0,40	0,08	-0,08	0,04
4	0,38	0,25	0,10	0,02	-0,11	-0,46	-0,45	-0,51	-0,39	0,05	-0,08	0,03
5	0,40	0,26	0,09	0,00	-0,12	-0,47	-0,47	-0,47	-0,36	-0,02	-0,07	0,00
6	0,43	0,27	0,09	-0,02	-0,16	-0,53	-0,49	-0,48	-0,32	-0,04	-0,05	0,02
7	0,40	0,28	0,09	-0,03	-0,18	-0,57	-0,52	-0,47	-0,32	0,01	-0,03	0,01
8	0,36	0,30	0,09	-0,02	-0,17	-0,49	-0,60	-0,43	-0,31	0,03	-0,06	-0,05
9	0,35	0,30	0,08	0,00	-0,14	-0,50	-0,71	-0,42	-0,30	0,00	-0,06	-0,11
10	0,36	0,31	0,07	0,01	-0,12	-0,41	-0,72	-0,42	-0,34	0,01	-0,08	-0,12
11	0,38	0,31	0,07	0,02	-0,10	-0,40	-0,75	-0,40	-0,38	0,02	-0,10	-0,10
12	0,37	0,31	0,05	0,02	-0,07	-0,40	-0,82	-0,38	-0,39	0,03	-0,10	-0,08
13	0,24	0,28	0,05	0,04	-0,06	-0,43	-0,88	-0,37	-0,36	0,00	-0,04	-0,05
14	0,24	0,27	0,05	0,05	-0,06	-0,49	-0,89	-0,34	-0,31	-0,04	-0,10	-0,04
15	0,20	0,27	0,04	0,04	-0,05	-0,46	-0,89	-0,32	-0,27	-0,03	-0,04	-0,02
16	0,18	0,27	0,03	0,03	-0,05	-0,48	-0,91	-0,34	-0,20	-0,01	0,11	0,04
17	0,19	0,28	0,03	0,03	-0,08	-0,39	-0,93	-0,39	-0,16	0,00	0,15	0,10
18	0,17	0,27	0,04	0,04	-0,12	-0,38	-0,90	-0,43	-0,12	0,00	0,13	0,08
19	0,16	0,25	0,03	0,02	-0,16	-0,39	-0,80	-0,40	-0,12	-0,01	0,09	0,05
20	0,15	0,17	0,03	0,02	-0,20	-0,42	-0,69	-0,36	-0,15	0,02	0,04	0,06
21	0,12	0,17	0,03	0,00	-0,23	-0,50	-0,61	-0,37	-0,15	0,03	-0,02	0,08
22	0,13	0,18	0,01	-0,02	-0,27	-0,56	-0,54	-0,44	-0,17	-0,02	-0,05	0,11
23	0,17	0,17	-0,01	-0,04	-0,30	-0,57	-0,53	-0,34	-0,14	-0,02	-0,04	0,11
24	0,18	0,17	-0,03	-0,07	-0,28	-0,46	-0,51	-0,24	-0,18	-0,03	-0,04	-0,04
25	0,22	0,15	-0,04	-0,08	-0,27	-0,46	-0,56	-0,35	-0,22	-0,04	-0,08	0,00
26	0,24	0,14	-0,03	-0,07	-0,28	-0,39	-0,58	-0,40	-0,14	-0,01	-0,05	-0,05
27	0,23	0,13	-0,02	-0,07	-0,30	-0,33	-0,64	-0,43	0,02	0,00	-0,05	-0,08
28	0,24	0,12	-0,01	-0,09	-0,32	-0,32	-0,68	-0,40	0,14	-0,02	-0,05	-0,11
29	0,23		0,00	-0,10	-0,33	-0,33	-0,69	-0,37	0,12	-0,01	-0,09	-0,12
30	0,22		0,01	-0,08	-0,33	-0,33	-0,68	-0,36	0,09	-0,01	-0,07	-0,10
31	0,21		0,03		-0,35		-0,68	-0,36		-0,01		-0,09
T.Bình	0,27	0,23	0,04	-0,01	-0,18	-0,44	-0,66	-0,41	-0,22	0,00	-0,03	-0,02
Max	0,54	0,37	0,18	0,13	0,01	-0,29	-0,30	-0,17	0,18	0,17	0,27	0,22
Min	0,02	0,07	-0,09	-0,16	-0,38	-0,61	-0,99	-0,73	-0,48	-0,12	-0,21	-0,23
ΔH	0,52	0,30	0,27	0,29	0,39	0,32	0,69	0,56	0,66	0,29	0,48	0,45

Mực nước trung bình năm: -0,12

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,54 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,99 Ngày: 18/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,53

2. Công trình: QT14a-TH

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	3,47	3,02	3,18	3,17	3,08	2,61	2,80	2,42	2,81	3,39	3,24	3,27
2	3,48	3,04	3,16	3,17	3,05	2,65	2,74	2,51	2,75	3,33	3,22	3,34
3	3,42	3,06	3,16	3,10	3,01	2,55	2,71	2,58	2,73	3,29	3,20	3,39
4	3,44	3,18	3,20	3,07	2,94	2,56	2,70	2,70	2,70	3,25	3,26	3,34
5	3,46	3,20	3,21	3,06	2,87	2,53	2,65	2,78	2,75	3,19	3,25	3,32
6	3,47	3,12	3,12	3,02	2,88	2,49	2,62	2,76	2,81	3,16	3,24	3,34
7	3,49	3,11	3,12	3,03	2,85	2,43	2,59	2,72	2,83	3,24	3,26	3,34
8	3,46	3,18	3,12	3,10	2,83	2,56	2,53	2,81	2,84	3,28	3,24	3,24
9	3,37	3,17	3,10	3,14	2,86	2,49	2,44	2,81	2,90	3,19	3,24	3,23
10	3,38	3,22	3,07	3,07	2,80	2,58	2,44	2,73	2,89	3,21	3,21	3,23
11	3,44	3,27	3,11	3,07	2,83	2,54	2,43	2,78	2,81	3,22	3,23	3,18
12	3,40	3,24	3,14	3,12	2,92	2,56	2,34	2,82	2,80	3,18	3,26	3,20
13	3,33	3,17	3,04	3,13	3,05	2,56	2,24	2,87	2,84	3,16	3,26	3,19
14	3,26	3,18	3,08	3,16	3,07	2,44	2,27	2,91	2,85	3,22	3,25	3,22
15	3,23	3,22	3,06	3,21	3,00	2,45	2,28	2,95	2,92	3,26	3,26	3,18
16	3,18	3,22	3,04	3,18	2,99	2,46	2,23	2,92	3,09	3,15	3,44	3,28
17	3,18	3,25	3,08	3,11	2,92	2,55	2,24	2,84	3,09	3,11	3,49	3,39
18	3,16	3,25	3,14	3,10	2,84	2,53	2,25	2,79	3,11	3,12	3,52	3,31
19	3,11	3,25	3,14	3,04	2,76	2,57	2,43	2,81	3,16	3,08	3,49	3,27
20	2,99	3,18	3,06	2,97	2,77	2,58	2,59	2,90	3,07	3,08	3,41	3,26
21	2,91	3,18	3,01	2,99	2,70	2,48	2,67	2,88	3,06	3,21	3,29	3,28
22	2,88	3,15	2,99	3,05	2,62	2,35	2,70	2,76	3,01	3,06	3,23	3,34
23	2,99	3,21	2,95	3,05	2,59	2,32	2,68	2,88	3,11	3,00	3,27	3,40
24	3,05	3,21	2,92	3,00	2,55	2,54	2,63	2,89	3,05	3,01	3,28	3,11
25	3,07	3,27	2,96	3,04	2,49	2,56	2,60	2,90	2,98	3,03	3,27	2,95
26	3,06	3,26	2,95	3,08	2,56	2,69	2,56	2,89	3,12	3,08	3,34	2,96
27	3,02	3,17	3,01	3,05	2,60	2,76	2,50	2,83	3,30	3,11	3,24	2,89
28	3,07	3,14	3,07	3,01	2,63	2,83	2,44	2,81	3,41	3,17	3,20	2,72
29	3,07		3,08	3,06	2,61	2,84	2,37	2,83	3,42	3,25	3,17	2,59
30	3,03		3,07	3,10	2,63	2,81	2,39	2,89	3,40	3,25	3,19	2,66
31	3,02		3,12		2,60		2,39	2,86		3,24		
T.Bình	3,22	3,18	3,08	3,08	2,80	2,56	2,50	2,80	2,99	3,18	3,28	3,19
Max	3,61	3,34	3,28	3,26	3,16	2,89	2,84	3,05	3,54	3,48	3,61	3,46
Min	2,74	2,88	2,80	2,80	2,43	2,26	2,10	2,35	2,58	2,83	3,03	2,49
ΔH	0,87	0,46	0,48	0,46	0,73	0,63	0,74	0,70	0,96	0,65	0,58	0,97

Mực nước trung bình năm: 2,99
Mực nước lớn nhất trong năm: 3,61 Ngày: 06/01/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,10 Ngày: 17/07/2023
Biên độ dao động năm: 1,51

3. Công trình: QT7-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-0,81	-1,05	-1,07									
2	-0,76	-1,07	-1,07									
3	-0,80	-1,10	-1,15		-2,42	-2,95	-2,68	-4,07	-4,69	-2,63		
4	-0,73	-1,12	-1,16									
5	-0,68	-1,15	-1,19									
6	-0,70	-1,10	-1,23	-1,08	-2,50	-2,65	-2,79	-4,42	-4,38	-2,91	-1,85	-0,68
7	-0,66	-1,08	-1,32									
8	-0,66	-1,05	-1,35									
9	-0,70	-1,09	-1,39		-2,40	-2,77	-2,85	-4,55	-4,33	-2,55		
10	-0,67	-1,07	-1,44									
11	-0,65	-1,04	-1,45									
12	-0,69	-1,00	-1,52	-1,50	-2,27	-2,89	-2,91	-4,08	-4,28	-2,15	-1,05	-0,75
13	-0,75	-1,06	-1,53									
14	-0,84	-1,09	-1,55									
15	-0,90	-1,07	-1,62		-2,43	-3,01	-2,97	-3,83	-4,23	-1,90		
16	-0,94	-1,07	-1,61									
17	-0,89	-1,05	-1,63									
18	-0,86	-1,00	-1,64	-1,93	-2,48	-3,13	-2,75	-3,50	-4,18	-2,05	-1,32	-0,77
19	-0,91	-1,00	-1,72									
20	-0,99	-1,03	-1,82									
21	-1,11	-1,03	-1,91		-2,53	-3,25	-2,61	-4,05	-4,25	-2,15		
22	-1,20	-1,00	-1,98									
23	-1,08	-0,95	-2,03									
24	-0,99	-0,98	-2,04	-2,11	-2,59	-2,77	-2,25	-4,35	-4,38	-2,20	-1,45	-0,80
25	-0,96	-0,98										
26	-0,96	-1,00										
27	-0,95	-1,03			-2,67	-2,71	-3,05	-4,45	-1,85	-1,65		
28	-0,93	-1,08										
29	-0,95											
30	-0,97		-2,15	-2,31	-2,80	-2,58	-3,60	-4,57	-2,35	-1,70	-0,60	-0,85
31	-1,02											
T.Bình	-0,86	-1,05	-1,51	-1,79	-2,51	-2,87	-2,85	-4,19	-3,89	-2,19	-1,25	-0,77
Max	-0,61	-0,91	-1,02	-1,08	-2,27	-2,58	-2,25	-3,50	-1,85	-1,65	-0,60	-0,68
Min	-1,24	-1,20	-2,15	-2,31	-2,80	-3,25	-3,60	-4,57	-4,69	-2,91	-1,85	-0,85
ΔH	0,63	0,29	1,13	1,23	0,53	0,67	1,35	1,07	2,84	1,26	1,25	0,17

Mực nước trung bình năm: -1,22

Mực nước lớn nhất trong năm: -0,60 Ngày: 30/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -4,69 Ngày: 03/09/2023

Biên độ dao động năm: 4,09

4. Công trình: QT12b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,40									
2												
3					0,07	-0,02	-0,04	-0,07	-0,01	0,42		
4												
5												
6	0,31	0,34	0,26	0,41	0,17	0,01	-0,14	-0,09	0,09	0,39	0,29	0,23
7												
8												
9					0,11	-0,02	-0,22	-0,04	0,11	0,36		
10												
11												
12	0,29	0,41	0,24	0,36	0,09	-0,04	-0,26	-0,02	0,13	0,46	0,36	0,16
13												
14												
15					0,07	-0,06	-0,29	0,00	0,15	0,56		
16												
17												
18	0,27	0,39	0,23	0,24	0,05	-0,08	-0,24	0,01	0,17	0,48	0,26	0,18
19												
20												
21					0,03	-0,10	-0,21	0,02	0,14	0,41		
22												
23												
24	0,26	0,36	0,22	0,09	0,04	-0,04	-0,04	0,03	0,08	0,36	0,21	0,21
25												
26												
27					0,02	0,01	-0,05	0,01	0,51	0,48		
28												
29												
30	0,36		0,21	0,08	0,00	0,06	-0,06	0,00	0,46	0,46	0,26	0,19
31												
T.Bình	0,30	0,38	0,26	0,24	0,07	-0,03	-0,16	-0,01	0,18	0,44	0,28	0,19
Max	0,36	0,41	0,40	0,41	0,17	0,06	-0,04	0,03	0,51	0,56	0,36	0,23
Min	0,26	0,34	0,21	0,08	0,00	-0,10	-0,29	-0,09	-0,01	0,36	0,21	0,16
ΔH	0,10	0,07	0,19	0,33	0,17	0,16	0,25	0,12	0,52	0,20	0,15	0,07

Mực nước trung bình năm: 0,14
Mực nước lớn nhất trong năm: 0,56 Ngày: 15/10/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,29 Ngày: 15/07/2023
Biên độ dao động năm: 0,85

5. Công trình: QT13b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-0,47	-0,50	-0,52	-0,58	-0,65	-0,67	-0,75	-0,81	-0,81	-0,34	-0,29	-0,45
2	-0,48	-0,53	-0,55	-0,56	-0,63	-0,67	-0,77	-0,80	-0,77	-0,45	-0,35	-0,42
3	-0,48	-0,53	-0,54	-0,55	-0,63	-0,68	-0,79	-0,78	-0,84	-0,53	-0,41	-0,45
4	-0,46	-0,49	-0,53	-0,55	-0,60	-0,69	-0,80	-0,77	-0,90	-0,58	-0,46	-0,48
5	-0,45	-0,48	-0,56	-0,55	-0,59	-0,68	-0,81	-0,80	-0,92	-0,63	-0,50	-0,51
6	-0,47	-0,47	-0,56	-0,57	-0,59	-0,68	-0,83	-0,83	-0,85	-0,62	-0,55	-0,55
7	-0,49	-0,47	-0,55	-0,61	-0,60	-0,69	-0,83	-0,82	-0,90	-0,66	-0,52	-0,60
8	-0,49	-0,49	-0,56	-0,60	-0,64	-0,70	-0,84	-0,83	-0,82	-0,57	-0,52	-0,60
9	-0,51	-0,48	-0,59	-0,59	-0,62	-0,71	-0,84	-0,83	-0,79	-0,56	-0,50	-0,62
10	-0,51	-0,48	-0,59	-0,56	-0,60	-0,72	-0,85	-0,82	-0,80	-0,57	-0,47	-0,63
11	-0,50	-0,48	-0,58	-0,56	-0,59	-0,72	-0,84	-0,82	-0,80	-0,54	-0,47	-0,65
12	-0,48	-0,47	-0,60	-0,59	-0,56	-0,72	-0,83	-0,82	-0,83	-0,49	-0,42	-0,67
13	-0,48	-0,49	-0,59	-0,58	-0,59	-0,72	-0,82	-0,82	-0,87	-0,46	-0,24	-0,68
14	-0,50	-0,53	-0,58	-0,58	-0,61	-0,73	-0,82	-0,82	-0,86	-0,43	-0,37	-0,68
15	-0,51	-0,52	-0,56	-0,59	-0,62	-0,73	-0,83	-0,82	-0,88	-0,48	-0,40	-0,69
16	-0,51	-0,51	-0,60	-0,63	-0,60	-0,74	-0,84	-0,82	-0,84	-0,52	-0,41	-0,70
17	-0,50	-0,50	-0,60	-0,61	-0,60	-0,75	-0,82	-0,82	-0,82	-0,53	-0,48	-0,72
18	-0,52	-0,49	-0,59	-0,59	-0,60	-0,76	-0,78	-0,82	-0,83	-0,54	-0,50	-0,72
19	-0,53	-0,51	-0,58	-0,58	-0,62	-0,77	-0,82	-0,82	-0,76	-0,53	-0,51	-0,74
20	-0,53	-0,51	-0,57	-0,58	-0,63	-0,78	-0,81	-0,83	-0,76	-0,55	-0,52	-0,81
21	-0,50	-0,48	-0,54	-0,58	-0,64	-0,79	-0,80	-0,83	-0,76	-0,54	-0,54	-0,84
22	-0,47	-0,43	-0,54	-0,58	-0,65	-0,80	-0,80	-0,83	-0,80	-0,50	-0,54	-0,85
23	-0,48	-0,44	-0,54	-0,60	-0,67	-0,79	-0,80	-0,82	-0,82	-0,48	-0,56	-0,87
24	-0,49	-0,46	-0,56	-0,63	-0,68	-0,79	-0,80	-0,81	-0,78	-0,52	-0,58	-0,87
25	-0,47	-0,50	-0,58	-0,63	-0,67	-0,78	-0,80	-0,81	-0,72	-0,48	-0,57	-0,90
26	-0,45	-0,48	-0,58	-0,64	-0,68	-0,76	-0,79	-0,81	-0,60	-0,46	-0,51	-0,90
27	-0,46	-0,47	-0,58	-0,63	-0,68	-0,75	-0,79	-0,81	-0,43	-0,53	-0,52	-0,90
28	-0,48	-0,48	-0,59	-0,63	-0,68	-0,75	-0,77	-0,80	-0,35	-0,58	-0,53	-0,91
29	-0,50		-0,58	-0,63	-0,67	-0,74	-0,77	-0,81	-0,31	-0,48	-0,54	-0,93
30	-0,52		-0,59	-0,65	-0,69	-0,73	-0,77	-0,81	-0,28	-0,33	-0,53	-0,92
31	-0,50		-0,58		-0,68		-0,80	-0,81		-0,25		-0,92
T.Bình	-0,49	-0,49	-0,57	-0,59	-0,63	-0,73	-0,81	-0,81	-0,75	-0,51	-0,48	-0,72
Max	-0,20	-0,25	-0,32	-0,35	-0,33	-0,42	-0,52	-0,52	-0,21	-0,10	-0,11	-0,22
Min	-0,78	-0,78	-0,82	-0,86	-0,92	-1,03	-1,11	-1,07	-1,15	-0,91	-0,80	-1,19
ΔH	0,58	0,53	0,50	0,51	0,59	0,61	0,59	0,55	0,94	0,81	0,69	0,97

Mực nước trung bình năm: -0,63

Mực nước lớn nhất trong năm: -0,10 Ngày: 31/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -1,19 Ngày: 28/12/2023

Biên độ dao động năm: -0,63

6. Công trình: QT7a-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,20	1,32	1,19	0,83	0,66	0,67	0,37	0,59	0,46	0,91	1,66	1,93
2	1,19	1,31	1,17	0,82	0,65	0,66	0,35	0,60	0,45	0,95	1,64	1,97
3	1,21	1,31	1,13	0,81	0,64	0,64	0,32	0,65	0,44	0,97	1,67	1,93
4	1,34	1,30	1,09	0,81	0,63	0,63	0,30	0,69	0,40	0,99	1,67	1,91
5	1,38	1,30	1,09	0,80	0,65	0,62	0,28	0,71	0,41	1,02	1,70	1,92
6	1,43	1,30	1,08	0,80	0,65	0,63	0,26	0,73	0,42	1,02	1,76	1,90
7	1,42	1,28	1,07	0,79	0,62	0,65	0,25	0,73	0,41	1,02	1,73	1,89
8	1,41	1,28	1,06	0,79	0,65	0,66	0,23	0,74	0,42	1,04	1,74	1,89
9	1,40	1,29	1,05	0,78	0,69	0,67	0,21	0,74	0,41	1,10	1,75	1,91
10	1,40	1,29	1,04	0,77	0,72	0,66	0,22	0,74	0,40	1,17	1,74	1,90
11	1,39	1,29	1,02	0,77	0,75	0,65	0,22	0,72	0,39	1,22	1,73	1,89
12	1,40	1,28	1,00	0,76	0,79	0,64	0,20	0,71	0,39	1,28	1,70	1,89
13	1,40	1,28	0,99	0,75	0,83	0,62	0,19	0,70	0,36	1,35	1,80	1,87
14	1,40	1,31	0,99	0,73	0,85	0,59	0,18	0,67	0,34	1,43	1,79	1,86
15	1,37	1,35	0,98	0,72	0,87	0,58	0,16	0,66	0,33	1,44	1,76	1,86
16	1,39	1,36	0,97	0,71	0,88	0,56	0,16	0,64	0,34	1,44	1,77	1,85
17	1,38	1,37	0,96	0,71	0,88	0,53	0,19	0,65	0,35	1,47	1,77	1,78
18	1,38	1,37	0,94	0,72	0,86	0,51	0,21	0,65	0,36	1,48	1,78	1,79
19	1,37	1,36	0,92	0,72	0,84	0,49	0,21	0,61	0,39	1,49	1,76	1,81
20	1,36	1,34	0,91	0,72	0,82	0,47	0,20	0,58	0,44	1,48	1,76	1,80
21	1,35	1,34	0,89	0,71	0,79	0,45	0,27	0,59	0,44	1,45	1,77	1,78
22	1,35	1,34	0,88	0,71	0,77	0,44	0,36	0,60	0,43	1,44	1,76	1,78
23	1,35	1,33	0,87	0,70	0,74	0,42	0,44	0,60	0,43	1,47	1,76	1,77
24	1,34	1,31	0,86	0,71	0,72	0,42	0,51	0,57	0,35	1,49	1,80	1,77
25	1,36	1,28	0,85	0,69	0,70	0,42	0,55	0,56	0,32	1,45	1,83	1,77
26	1,36	1,25	0,85	0,67	0,71	0,41	0,58	0,55	0,39	1,45	1,84	1,78
27	1,35	1,22	0,85	0,68	0,70	0,40	0,60	0,53	0,53	1,48	1,84	1,80
28	1,33	1,20	0,84	0,67	0,69	0,39	0,60	0,49	0,63	1,50	1,85	1,80
29	1,32		0,84	0,66	0,69	0,40	0,61	0,45	0,75	1,49	1,85	1,80
30	1,32		0,83	0,66	0,69	0,39	0,61	0,44	0,83	1,54	1,84	1,80
31	1,32		0,83		0,68		0,59	0,45		1,68		1,80
T.Bình	1,35	1,30	0,97	0,74	0,74	0,54	0,34	0,62	0,43	1,31	1,76	1,85
Max	1,44	1,39	1,20	0,85	0,89	0,68	0,62	0,76	0,90	1,73	1,89	2,00
Min	1,18	1,19	0,82	0,64	0,60	0,37	0,15	0,42	0,29	0,85	1,58	1,75
ΔH	0,26	0,20	0,38	0,21	0,29	0,31	0,47	0,34	0,61	0,88	0,31	0,25

Mực nước trung bình năm: 1,00

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,00 Ngày: 02/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,15 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,85

7. Công trình: QT4b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,59		0,66	0,55						
2					0,63	0,51						
3					0,60	0,49			-0,01	0,66	1,65	1,63
4					0,59	0,48						
5					0,57	0,46						
6	0,95	0,72	0,57	0,64	0,48	0,44	0,29	0,28	-0,05	0,70	1,61	1,51
7					0,43							
8					0,60							
9					0,66				0,10	0,97	1,51	1,44
10					0,66							
11					0,65							
12	0,91	0,67	0,66	0,71	0,73		0,24	0,17	0,08	0,89	1,44	1,37
13					0,81							
14					0,80							
15				0,76	0,79	0,41			0,04	0,97	1,65	1,30
16				0,77	0,77							
17				0,78	0,75							
18	0,86	0,65	0,63	0,77	0,73	0,34	0,22	0,08	0,26	0,96	1,60	1,52
19				0,75	0,77							
20				0,72	0,75							
21				0,73	0,72				0,21	0,99	1,52	1,54
22				0,74	0,70							
23				0,74	0,71							
24	0,81	0,62	0,60	0,72	0,71	0,28	0,17	0,06	0,16	0,97	1,48	1,43
25				0,70	0,70							
26				0,68	0,68							
27				0,68	0,67				0,77	1,31	1,44	1,38
28				0,65	0,65							
29				0,63	0,63							
30	0,78		0,58	0,67	0,61	0,26	0,11	0,04	0,70	1,31	1,39	1,32
31					0,59							
T.Bình	0,86	0,66	0,60	0,72	0,67	0,49	0,20	0,12	0,22	0,97	1,53	1,44
Max	0,95	0,72	0,66	0,80	0,84	0,58	0,29	0,28	0,77	1,31	1,65	1,63
Min	0,78	0,62	0,57	0,61	0,40	0,26	0,11	0,04	-0,05	0,66	1,39	1,30
ΔH	0,17	0,10	0,09	0,19	0,44	0,32	0,18	0,24	0,82	0,65	0,26	0,33

Mực nước trung bình năm: 0,68

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,65 Ngày: 03/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,05 Ngày: 06/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,70

8. Công trình: QT9b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,53	1,38	1,21									
2	1,50	1,40										
3	1,52	1,44							1,18	1,28	1,60	1,68
4	1,44	1,46										
5	1,49	1,49										
6	1,47	1,55	1,22	1,01	1,28	1,12	0,87	1,28	1,29	1,18	1,48	1,59
7	1,46											
8	1,48											
9	1,50								1,38	1,52	1,60	1,48
10	1,49											
11	1,47											
12	1,48	1,24	1,23	1,07	1,35	1,01	1,05	1,23	1,27	1,21	1,48	1,45
13	1,49											
14	1,44											
15	1,39								1,39	1,42	1,61	1,39
16	1,33											
17	1,35											
18	1,39	1,25	1,26	1,16	1,24	0,92	1,01	1,13	1,35	1,22	1,58	1,58
19	1,36											
20	1,45											
21	1,39								1,41	1,31	1,51	1,46
22	1,41											
23	1,39											
24	1,44	1,31	1,04	1,11	1,07	0,80	1,10	1,18	1,34	1,29	1,55	1,35
25	1,40											
26	1,37											
27	1,38								1,54	1,48	1,60	1,30
28	1,37											
29	1,35											
30	1,37		1,04	1,08	1,03	0,90	1,05	1,24	1,45	1,48	1,56	1,23
31	1,38											
T.Bình	1,43	1,43	1,17	1,09	1,20	0,95	1,02	1,21	1,36	1,34	1,56	1,45
Max	1,71	1,70	1,26	1,16	1,35	1,12	1,10	1,28	1,54	1,52	1,61	1,68
Min	1,21	1,24	1,04	1,01	1,03	0,80	0,87	1,13	1,18	1,18	1,48	1,23
ΔH	0,50	0,46	0,22	0,15	0,32	0,32	0,23	0,15	0,36	0,34	0,13	0,45

Mực nước trung bình năm: 1,41
Mực nước lớn nhất trong năm: 1,71 Ngày: 01/01/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,80 Ngày: 24/06/2023
Biên độ dao động năm: 0,91

9. Công trình: QT4-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,82									
2												
3									1,04	1,19	1,39	1,51
4												
5												
6	0,96	0,81	0,76	0,62	0,78	1,12	1,11	1,08	1,05	1,25	1,41	1,51
7												
8												
9									1,05	1,29	1,43	1,48
10												
11												
12	0,90	0,76	0,70	0,58	0,88	1,11	1,10	1,06	1,06	1,32	1,45	1,45
13												
14												
15									1,07	1,36	1,47	1,49
16												
17												
18	0,98	0,85	0,72	0,54	1,00	1,10	1,10	1,05	1,09	1,44	1,50	1,53
19												
20												
21									1,10	1,47	1,52	1,54
22												
23												
24	0,92	0,81	0,73	0,45	1,17	1,09	1,09	1,04	1,17	1,50	1,55	1,56
25												
26												
27									1,17	1,48	1,57	1,44
28												
29												
30	0,89		0,71	0,60	1,15	1,10	1,08	1,04	1,17	1,36	1,54	1,32
31												
T.Bình	0,93	0,80	0,74	0,55	0,99	1,10	1,09	1,05	1,09	1,36	1,48	1,48
Max	0,98	0,85	0,82	0,62	1,17	1,12	1,11	1,08	1,17	1,50	1,57	1,56
Min	0,89	0,76	0,70	0,45	0,78	1,09	1,08	1,04	1,04	1,19	1,39	1,32
ΔH	0,09	0,09	0,12	0,17	0,39	0,03	0,03	0,04	0,13	0,31	0,18	0,24

Mực nước trung bình năm: 1,13

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,57 Ngày: 27/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,45 Ngày: 24/04/2023

Biên độ dao động năm: 1,12

10. Công trình: QT10b-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,45	1,15	1,06	1,04	1,01	0,85	0,87	0,85	0,97	1,08	1,30	1,30
2	1,39	1,12	1,05	1,04	1,04	0,84	0,85	0,86	1,02	1,08	1,31	1,34
3	1,35	1,11	1,04	1,04	1,04	0,85	0,84	0,87	1,04	1,11	1,30	1,34
4	1,32	1,14	1,04	1,04	1,04	0,86	0,83	0,86	1,02	1,12	1,27	1,31
5	1,31	1,14	1,04	1,04	1,03	0,85	0,83	0,84	1,01	1,10	1,24	1,29
6	1,29	1,14	1,04	1,02	1,03	0,86	0,83	0,82	1,01	1,09	1,22	1,25
7	1,27	1,14	1,04	0,99	1,02	0,85	0,82	0,81	0,99	1,10	1,21	1,24
8	1,25	1,12	1,04	1,03	0,99	0,84	0,82	0,81	0,97	1,13	1,21	1,22
9	1,24	1,13	1,02	1,07	0,98	0,85	0,83	0,80	0,96	1,12	1,23	1,21
10	1,22	1,13	0,99	1,09	1,01	0,85	0,82	0,80	0,96	1,13	1,19	1,19
11	1,21	1,12	1,03	1,08	1,01	0,87	0,83	0,80	0,94	1,17	1,16	1,17
12	1,23	1,11	1,07	1,06	1,02	0,88	0,84	0,81	0,93	1,22	1,20	1,16
13	1,22	1,09	1,09	1,06	1,01	0,88	0,84	0,81	0,92	1,27	1,32	1,16
14	1,18	1,08	1,08	1,06	0,98	0,88	0,85	0,80	0,93	1,26	1,35	1,19
15	1,15	1,17	1,06	1,05	0,98	0,89	0,85	0,80	0,95	1,25	1,40	1,20
16	1,16	1,23	1,06	1,02	0,99	0,89	0,86	0,81	0,99	1,28	1,36	1,19
17	1,22	1,22	1,06	1,03	0,98	0,87	0,89	0,82	0,99	1,32	1,31	1,27
18	1,23	1,19	1,05	1,04	0,96	0,87	0,93	0,82	0,99	1,35	1,28	1,36
19	1,20	1,15	1,02	1,03	0,95	0,85	0,88	0,83	0,97	1,27	1,27	1,35
20	1,19	1,15	1,03	1,03	0,94	0,85	0,90	0,84	0,96	1,23	1,27	1,35
21	1,17	1,18	1,04	1,03	0,93	0,84	0,91	0,84	0,97	1,22	1,25	1,36
22	1,17	1,24	1,03	1,03	0,92	0,84	0,89	0,85	0,95	1,24	1,25	1,39
23	1,17	1,22	1,03	1,01	0,90	0,85	0,87	0,83	0,95	1,26	1,26	1,43
24	1,15	0,95	0,95	1,01	0,90	0,85	0,87	0,84	0,96	1,28	1,23	1,43
25	1,18	0,99	0,99	1,02	0,90	0,87	0,90	0,85	1,08	1,31	1,25	1,41
26	1,22	1,03	1,03	1,02	0,89	0,89	0,90	0,85	1,14	1,31	1,36	1,40
27	1,22	1,04	1,04	1,04	0,90	0,90	0,89	0,86	1,11	1,32	1,31	1,40
28	1,23	1,04	1,04	1,04	0,89	0,89	0,90	0,87	1,09	1,29	1,27	1,39
29	1,22		1,06	1,04	0,88	0,89	0,91	0,88	1,09	1,29	1,26	1,36
30	1,19		1,05	1,01	0,88	0,89	0,90	0,89	1,08	1,30	1,27	1,36
31	1,17		1,04		0,88		0,86	0,94		1,31		1,35
T.Bình	1,23	1,12	1,04	1,04	0,96	0,86	0,87	0,84	1,00	1,22	1,27	1,30
Max	1,45	1,30	1,13	1,13	1,10	0,93	0,95	0,98	1,17	1,39	1,46	1,46
Min	1,12	0,93	0,93	0,95	0,84	0,79	0,78	0,75	0,89	1,02	1,13	1,12
ΔH	0,33	0,37	0,20	0,18	0,26	0,14	0,17	0,23	0,28	0,37	0,33	0,34

Mực nước trung bình năm: 1,06

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,46 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,75 Ngày: 10/08/2023

Biên độ dao động năm: 0,71

11. Công trình: QT3b-H

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,53									
2												
3									1,43	1,52	1,67	1,65
4												
5												
6	1,61	1,55	1,50	1,45	1,44	1,48	1,36	1,41	1,49	1,53	1,62	1,63
7												
8												
9									1,47	1,60	1,58	1,61
10												
11												
12	1,58	1,53	1,48	1,49	1,39	1,46	1,34	1,36	1,45	1,70	1,55	1,58
13												
14												
15									1,42	1,79	1,81	1,60
16												
17												
18	1,56	1,58	1,44	1,53	1,43	1,41	1,38	1,35	1,44	1,81	1,70	1,68
19												
20												
21									1,43	1,74	1,63	1,74
22												
23												
24	1,54	1,55	1,42	1,50	1,40	1,37	1,40	1,32	1,45	1,85	1,60	1,86
25												
26												
27									1,57	1,78	1,66	1,77
28												
29												
30	1,57		1,47	1,48	1,43	1,39	1,39	1,30	1,54	1,73	1,65	1,72
31												
T.Bình	1,57	1,55	1,48	1,49	1,42	1,42	1,38	1,35	1,47	1,71	1,65	1,69
Max	1,61	1,58	1,53	1,53	1,44	1,48	1,40	1,41	1,57	1,85	1,81	1,86
Min	1,54	1,53	1,42	1,45	1,39	1,37	1,34	1,30	1,42	1,52	1,55	1,58
ΔH	0,07	0,05	0,11	0,08	0,05	0,11	0,06	0,11	0,15	0,33	0,26	0,28

Mực nước trung bình năm: 1,54

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,86 Ngày: 24/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,30 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 0,56

12. Công trình: QT8b-H

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,52	1,45	1,41	1,22	1,24	1,18	1,16	1,15	1,20	1,39		
2	1,53	1,41	1,37	1,22	1,25	1,18	1,14	1,16	1,23	1,39		
3	1,54	1,38	1,35	1,22	1,26	1,18	1,13	1,16	1,26	1,40	1,53	1,32
4	1,54	1,39	1,36	1,22	1,26	1,17	1,13	1,15	1,27	1,41		
5	1,53	1,39	1,35	1,22	1,26	1,17	1,12	1,14	1,31	1,40		
6	1,52	1,39	1,33	1,21	1,25	1,19	1,11	1,13	1,29	1,38	1,48	1,28
7	1,51	1,39	1,33	1,20	1,25	1,21	1,11	1,12	1,27	1,38		
8	1,48	1,38	1,32	1,20	1,23	1,18	1,10	1,11	1,26	1,41		
9	1,46	1,37	1,30	1,22	1,23	1,17	1,10	1,10	1,25	1,51	1,45	1,23
10	1,45	1,37	1,28	1,25	1,25	1,17	1,10	1,10	1,26	1,48		
11	1,43	1,37	1,28	1,25	1,27	1,17	1,10	1,10	1,25	1,56		
12	1,42	1,35	1,28	1,24	1,28	1,17	1,10	1,10	1,25		1,42	1,20
13	1,43	1,34	1,28	1,23	1,28	1,17	1,11	1,10	1,25			
14	1,40	1,32	1,29	1,23	1,27	1,16	1,11	1,10	1,27			
15	1,38	1,36	1,33	1,23	1,26	1,15	1,12	1,09	1,28	1,93	1,66	1,17
16	1,39	1,41	1,31	1,22	1,26	1,14	1,13	1,09	1,29			
17	1,43	1,43	1,28	1,21	1,26	1,14	1,14	1,09	1,29			
18	1,48	1,41	1,27	1,21	1,25	1,13	1,17	1,09	1,28	1,79	1,51	1,27
19	1,47	1,39	1,28	1,20	1,25	1,13	1,17	1,10	1,27			
20	1,46	1,38	1,28	1,19	1,24	1,12	1,15	1,10	1,26			
21	1,44	1,39	1,29	1,18	1,23	1,11	1,16	1,11	1,25	1,63	1,36	1,39
22	1,42	1,44	1,29	1,18	1,23	1,11	1,16	1,12	1,25			
23	1,43	1,44	1,27	1,18	1,21	1,11	1,15	1,12	1,24			
24	1,45	1,42	1,27	1,18	1,21	1,12	1,15	1,12	1,25	1,76	1,33	1,50
25	1,52	1,39	1,26	1,18	1,21	1,12	1,16	1,11	1,42			
26	1,50	1,43	1,25	1,20	1,19	1,14	1,17	1,11	1,47			
27	1,50	1,46	1,23	1,22	1,18	1,14	1,17	1,12	1,42	1,67	1,29	1,47
28	1,56	1,45	1,22	1,23	1,18	1,15	1,17	1,13	1,41			
29	1,54		1,23	1,25	1,19	1,16	1,18	1,13	1,41			
30	1,49		1,23	1,25	1,19	1,16	1,18	1,14	1,40	1,60	1,24	1,45
31	1,46		1,23		1,19		1,16	1,17				
T.Bình	1,47	1,40	1,29	1,21	1,24	1,15	1,14	1,12	1,29	1,44	1,42	1,33
Max	1,60	1,47	1,44	1,27	1,30	1,23	1,20	1,20	1,51	1,93	1,66	1,50
Min	1,37	1,32	1,22	1,17	1,17	1,10	1,09	1,08	1,19	1,37	1,24	1,17
ΔH	0,23	0,15	0,22	0,10	0,13	0,13	0,11	0,12	0,32	0,56	0,42	0,33

Mực nước trung bình năm: 1,26

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,93 Ngày: 15/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,08 Ngày: 15/08/2023

Biên độ dao động năm: 0,85

II.2.2. Mực nước thực đo theo giờ

1. Công trình QT8a-TH

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,28	0,28	0,28	0,26	0,23	0,19	0,17	0,15	0,15	0,17	0,20	0,24	0,13
2	0,28	0,29	0,29	0,27	0,24	0,20	0,17	0,16	0,14	0,15	0,18	0,23	0,15
3	0,27	0,29	0,30	0,28	0,25	0,22	0,19	0,18	0,16	0,16	0,19	0,24	0,14
4	0,29	0,32	0,33	0,32	0,29	0,25	0,22	0,19	0,17	0,17	0,19	0,23	0,16
5	0,29	0,32	0,34	0,34	0,30	0,27	0,24	0,22	0,20	0,19	0,20	0,24	0,15
6	0,29	0,33	0,35	0,35	0,33	0,30	0,27	0,25	0,22	0,20	0,20	0,23	0,15
7	0,28	0,33	0,36	0,36	0,33	0,31	0,29	0,27	0,24	0,22	0,21	0,24	0,15
8	0,28	0,33	0,36	0,36	0,35	0,32	0,31	0,29	0,27	0,24	0,23	0,24	0,13
9	0,28	0,33	0,36	0,36	0,34	0,32	0,32	0,31	0,28	0,26	0,24	0,24	0,12
10	0,27	0,32	0,36	0,36	0,35	0,33	0,32	0,32	0,30	0,28	0,26	0,25	0,11
11	0,27	0,31	0,35	0,35	0,33	0,31	0,32	0,33	0,33	0,30	0,28	0,27	0,08
12	0,28	0,31	0,34	0,35	0,33	0,31	0,31	0,32	0,33	0,30	0,28	0,27	0,08
13	0,27	0,29	0,31	0,31	0,28	0,26	0,26	0,28	0,30	0,31	0,29	0,28	0,05
14	0,28	0,29	0,30	0,29	0,26	0,23	0,22	0,23	0,26	0,28	0,30	0,30	0,08
15	0,29	0,30	0,30	0,29	0,26	0,23	0,22	0,23	0,24	0,28	0,31	0,33	0,11
16	0,33	0,33	0,32	0,30	0,27	0,23	0,22	0,21	0,22	0,26	0,30	0,33	0,12
17	0,35	0,36	0,35	0,32	0,28	0,24	0,22	0,20	0,20	0,23	0,27	0,32	0,16
18	0,35	0,37	0,36	0,34	0,29	0,25	0,22	0,21	0,19	0,20	0,23	0,29	0,18
19	0,33	0,36	0,37	0,34	0,30	0,27	0,23	0,20	0,17	0,15	0,15	0,15	0,22
20	0,20	0,25	0,26	0,25	0,22	0,19	0,15	0,13	0,10	0,08	0,08	0,11	0,18
21	0,18	0,23	0,26	0,26	0,23	0,20	0,18	0,15	0,12	0,09	0,08	0,10	0,18
22	0,16	0,21	0,24	0,25	0,23	0,22	0,20	0,19	0,15	0,12	0,10	0,11	0,15
23	0,14	0,20	0,22	0,22	0,21	0,20	0,20	0,20	0,17	0,13	0,10	0,10	0,12
24	0,12	0,16	0,19	0,20	0,21	0,17	0,18	0,20	0,19	0,16	0,12	0,11	0,10
25	0,12	0,14	0,17	0,17	0,14	0,13	0,15	0,17	0,19	0,18	0,15	0,13	0,07
26	0,14	0,15	0,17	0,15	0,13	0,11	0,11	0,14	0,16	0,17	0,17	0,15	0,06
27	0,15	0,16	0,16	0,14	0,11	0,09	0,09	0,11	0,13	0,15	0,16	0,17	0,08
28	0,17	0,17	0,16	0,14	0,10	0,08	0,07	0,08	0,09	0,12	0,16	0,17	0,10

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,01	-0,02	-0,03	-0,05	-0,08	-0,10	-0,10	-0,11	-0,12	-0,10	-0,07	-0,04	0,11
2	-0,02	-0,02	-0,03	-0,05	-0,07	-0,08	-0,09	-0,10	-0,12	-0,12	-0,11	-0,07	0,10
3	-0,05	-0,05	-0,06	-0,08	-0,10	-0,10	-0,10	-0,11	-0,13	-0,15	-0,14	-0,11	0,10
4	-0,08	-0,08	-0,09	-0,10	-0,09	-0,08	-0,08	-0,08	-0,12	-0,16	-0,15	-0,13	0,08
5	-0,11	-0,11	-0,12	-0,14	-0,13	-0,11	-0,07	-0,07	-0,12	-0,16	-0,17	-0,16	0,10
6	-0,15	-0,14	-0,16	-0,19	-0,19	-0,15	-0,11	-0,08	-0,12	-0,18	-0,20	-0,20	0,12
7	-0,19	-0,19	-0,20	-0,24	-0,23	-0,21	-0,15	-0,12	-0,13	-0,15	-0,17	-0,20	0,12
8	-0,18	-0,20	-0,21	-0,23	-0,25	-0,23	-0,17	-0,10	-0,09	-0,10	-0,12	-0,13	0,16
9	-0,15	-0,16	-0,18	-0,20	-0,21	-0,20	-0,16	-0,10	-0,06	-0,05	-0,07	-0,09	0,16
10	-0,11	-0,13	-0,15	-0,18	-0,19	-0,20	-0,16	-0,10	-0,06	-0,05	-0,04	-0,06	0,16
11	-0,06	-0,09	-0,11	-0,15	-0,17	-0,18	-0,16	-0,12	-0,07	-0,03	-0,01	0,00	0,18
12	-0,02	-0,03	-0,07	-0,11	-0,13	-0,15	-0,14	-0,12	-0,07	-0,03	0,00	0,01	0,16
13	0,01	-0,01	-0,04	-0,08	-0,11	-0,12	-0,13	-0,11	-0,08	-0,04	-0,01	0,01	0,14
14	0,01	0,00	-0,03	-0,06	-0,09	-0,11	-0,12	-0,11	-0,08	-0,06	-0,02	0,00	0,13
15	0,01	0,01	-0,01	-0,04	-0,06	-0,09	-0,10	-0,10	-0,10	-0,08	-0,04	-0,01	0,11
16	0,01	0,01	0,00	-0,03	-0,04	-0,06	-0,07	-0,08	-0,09	-0,10	-0,08	-0,04	0,11
17	-0,03	-0,04	-0,04	-0,05	-0,05	-0,05	-0,06	-0,08	-0,12	-0,15	-0,14	-0,11	0,12
18	-0,10	-0,10	-0,11	-0,11	-0,10	-0,08	-0,06	-0,08	-0,12	-0,18	-0,17	-0,16	0,12
19	-0,14	-0,15	-0,17	-0,18	-0,17	-0,14	-0,10	-0,09	-0,13	-0,19	-0,20	-0,20	0,11
20	-0,19	-0,20	-0,22	-0,24	-0,24	-0,20	-0,15	-0,13	-0,14	-0,19	-0,21	-0,21	0,11
21	-0,22	-0,23	-0,25	-0,28	-0,29	-0,26	-0,21	-0,17	-0,16	-0,19	-0,22	-0,24	0,13
22	-0,25	-0,27	-0,28	-0,30	-0,33	-0,32	-0,27	-0,22	-0,21	-0,22	-0,25	-0,27	0,12
23	-0,29	-0,30	-0,33	-0,35	-0,37	-0,36	-0,32	-0,27	-0,24	-0,23	-0,24	-0,26	0,14
24	-0,27	-0,29	-0,31	-0,33	-0,35	-0,36	-0,32	-0,27	-0,24	-0,22	-0,21	-0,22	0,15
25	-0,24	-0,25	-0,27	-0,29	-0,32	-0,34	-0,31	-0,28	-0,25	-0,23	-0,21	-0,22	0,13
26	-0,22	-0,24	-0,26	-0,29	-0,32	-0,34	-0,33	-0,30	-0,27	-0,26	-0,26	-0,25	0,12
27	-0,25	-0,26	-0,28	-0,31	-0,33	-0,35	-0,35	-0,33	-0,30	-0,30	-0,28	-0,26	0,10
28	-0,26	-0,27	-0,29	-0,32	-0,35	-0,37	-0,37	-0,35	-0,33	-0,33	-0,31	-0,30	0,11
29	-0,29	-0,30	-0,31	-0,34	-0,36	-0,36	-0,36	-0,36	-0,35	-0,34	-0,31	-0,29	0,07
30	-0,29	-0,30	-0,30	-0,32	-0,33	-0,34	-0,34	-0,35	-0,35	-0,36	-0,34	-0,33	0,07
31	-0,33	-0,32	-0,33	-0,34	-0,35	-0,35	-0,35	-0,35	-0,37	-0,38	-0,37	-0,37	0,06

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,67	-0,71	-0,72	-0,73	-0,70	-0,65	-0,60	-0,56	-0,56	-0,59	-0,61	-0,62	0,17
2	-0,65	-0,67	-0,69	-0,71	-0,70	-0,66	-0,58	-0,53	-0,52	-0,54	-0,56	-0,57	0,19
3	-0,59	-0,61	-0,63	-0,65	-0,64	-0,62	-0,56	-0,52	-0,50	-0,50	-0,51	-0,50	0,15
4	-0,51	-0,53	-0,56	-0,57	-0,57	-0,57	-0,53	-0,48	-0,45	-0,46	-0,46	-0,46	0,12
5	-0,46	-0,48	-0,49	-0,51	-0,51	-0,51	-0,49	-0,46	-0,44	-0,44	-0,43	-0,44	0,08
6	-0,43	-0,44	-0,45	-0,48	-0,49	-0,51	-0,51	-0,49	-0,48	-0,49	-0,48	-0,46	0,08
7	-0,45	-0,45	-0,45	-0,47	-0,47	-0,48	-0,48	-0,48	-0,48	-0,49	-0,48	-0,45	0,04
8	-0,44	-0,43	-0,42	-0,42	-0,42	-0,43	-0,43	-0,43	-0,44	-0,44	-0,44	-0,43	0,02
9	-0,42	-0,42	-0,40	-0,40	-0,39	-0,40	-0,41	-0,42	-0,42	-0,44	-0,46	-0,45	0,07
10	-0,44	-0,44	-0,43	-0,40	-0,38	-0,39	-0,39	-0,40	-0,42	-0,43	-0,44	-0,43	0,06
11	-0,43	-0,44	-0,43	-0,42	-0,37	-0,36	-0,36	-0,36	-0,37	-0,40	-0,42	-0,42	0,08
12	-0,41	-0,43	-0,43	-0,41	-0,37	-0,33	-0,31	-0,32	-0,34	-0,38	-0,39	-0,39	0,12
13	-0,39	-0,41	-0,42	-0,41	-0,38	-0,35	-0,31	-0,31	-0,31	-0,34	-0,36	-0,37	0,11
14	-0,37	-0,38	-0,39	-0,39	-0,36	-0,34	-0,30	-0,28	-0,29	-0,31	-0,32	-0,33	0,11
15	-0,33	-0,34	-0,35	-0,36	-0,35	-0,32	-0,29	-0,27	-0,27	-0,29	-0,31	-0,31	0,09
16	-0,31	-0,33	-0,34	-0,37	-0,38	-0,37	-0,33	-0,30	-0,31	-0,33	-0,34	-0,34	0,08
17	-0,35	-0,37	-0,39	-0,41	-0,43	-0,42	-0,39	-0,36	-0,36	-0,40	-0,41	-0,40	0,08
18	-0,40	-0,42	-0,44	-0,46	-0,48	-0,47	-0,44	-0,40	-0,39	-0,42	-0,43	-0,41	0,09
19	-0,39	-0,39	-0,42	-0,43	-0,45	-0,45	-0,42	-0,38	-0,36	-0,38	-0,38	-0,36	0,09
20	-0,35	-0,35	-0,36	-0,39	-0,39	-0,40	-0,37	-0,35	-0,34	-0,35	-0,36	-0,34	0,06
21	-0,32	-0,31	-0,32	-0,34	-0,37	-0,39	-0,38	-0,39	-0,38	-0,39	-0,41	-0,40	0,10
22	-0,38	-0,37	-0,37	-0,40	-0,42	-0,45	-0,46	-0,46	-0,46	-0,48	-0,48	-0,47	0,11
23	-0,43	-0,41	-0,38	-0,40	-0,39	-0,36	-0,34	-0,32	-0,31	-0,25	-0,25	-0,26	0,18
24	-0,25	-0,22	-0,19	-0,17	-0,18	-0,21	-0,23	-0,25	-0,27	-0,27	-0,29	-0,30	0,13
25	-0,33	-0,35	-0,34	-0,30	-0,29	-0,31	-0,33	-0,34	-0,36	-0,40	-0,42	-0,42	0,13
26	-0,42	-0,42	-0,41	-0,37	-0,34	-0,35	-0,35	-0,38	-0,40	-0,44	-0,46	-0,46	0,12
27	-0,45	-0,46	-0,45	-0,43	-0,39	-0,36	-0,37	-0,38	-0,42	-0,47	-0,50	-0,49	0,14
28	-0,48	-0,47	-0,46	-0,43	-0,39	-0,35	-0,32	-0,32	-0,35	-0,39	-0,41	-0,41	0,16
29	-0,41	-0,42	-0,43	-0,42	-0,38	-0,34	-0,30	-0,29	-0,32	-0,35	-0,38	-0,38	0,14
30	-0,39	-0,40	-0,41	-0,42	-0,40	-0,35	-0,31	-0,28	-0,29	-0,33	-0,36	-0,36	0,14
31	-0,36	-0,38	-0,39	-0,41	-0,40	-0,37	-0,33	-0,30	-0,31	-0,36	-0,37	-0,36	0,11

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,01	0,08	0,10	0,10	0,07	0,03	-0,01	-0,04	-0,08	-0,13	-0,15	-0,11	0,25
2	-0,05	0,02	0,06	0,05	0,03	0,00	-0,03	-0,06	-0,11	-0,15	-0,18	-0,16	0,24
3	-0,10	-0,04	0,01	0,02	0,00	-0,03	-0,05	-0,08	-0,14	-0,18	-0,19	-0,18	0,21
4	-0,14	-0,08	-0,03	0,00	0,00	-0,01	-0,03	-0,06	-0,12	-0,16	-0,17	-0,16	0,17
5	-0,14	-0,09	-0,03	0,00	0,01	0,00	-0,01	-0,05	-0,10	-0,14	-0,16	-0,16	0,17
6	-0,14	-0,10	-0,05	-0,01	0,00	0,01	0,01	-0,01	-0,05	-0,09	-0,10	-0,10	0,15
7	-0,08	-0,06	-0,03	0,01	0,03	0,03	0,03	0,00	-0,04	-0,08	-0,09	-0,08	0,12
8	-0,08	-0,06	-0,05	-0,03	-0,02	-0,02	-0,02	-0,05	-0,09	-0,11	-0,11	-0,09	0,09
9	-0,09	-0,07	-0,06	-0,04	-0,03	-0,01	0,00	-0,03	-0,07	-0,09	-0,08	-0,07	0,09
10	-0,06	-0,06	-0,07	-0,07	-0,06	-0,04	-0,04	-0,07	-0,11	-0,12	-0,11	-0,08	0,08
11	-0,07	-0,07	-0,08	-0,09	-0,09	-0,08	-0,07	-0,11	-0,15	-0,16	-0,13	-0,08	0,09
12	-0,04	-0,04	-0,06	-0,09	-0,09	-0,09	-0,09	-0,11	-0,14	-0,16	-0,13	-0,08	0,12
13	-0,02	0,02	0,01	-0,02	-0,02	-0,02	-0,02	-0,04	-0,07	-0,10	-0,07	-0,11	0,13
14	-0,06	-0,04	-0,04	-0,07	-0,09	-0,10	-0,11	-0,12	-0,15	-0,17	-0,16	-0,11	0,13
15	-0,05	-0,01	0,01	-0,01	-0,05	-0,06	-0,01	-0,04	-0,08	-0,09	-0,08	-0,02	0,10
16	0,07	0,14	0,18	0,19	0,17	0,15	0,12	0,09	0,05	0,03	0,03	0,08	0,16
17	0,15	0,23	0,27	0,27	0,23	0,20	0,17	0,12	0,07	0,04	0,03	0,06	0,24
18	0,13	0,20	0,24	0,25	0,23	0,20	0,15	0,10	0,05	0,02	0,01	0,03	0,24
19	0,09	0,15	0,20	0,21	0,20	0,18	0,14	0,09	0,02	-0,03	-0,05	-0,04	0,26
20	-0,01	0,05	0,08	0,12	0,13	0,13	0,11	0,08	0,00	-0,04	-0,07	-0,07	0,20
21	-0,05	-0,02	0,03	0,06	0,06	0,05	0,03	0,00	-0,07	-0,11	-0,13	-0,12	0,19
22	-0,11	-0,08	-0,05	-0,01	0,00	0,01	0,00	-0,03	-0,05	-0,08	-0,10	-0,10	0,12
23	-0,08	-0,08	-0,06	-0,02	0,00	0,01	0,01	-0,02	-0,05	-0,07	-0,08	-0,06	0,09
24	-0,06	-0,06	-0,05	-0,04	-0,01	0,00	-0,02	-0,03	-0,06	-0,07	-0,06	-0,04	0,07
25	-0,03	-0,03	-0,04	-0,14	-0,13	-0,12	-0,05	-0,06	-0,09	-0,10	-0,07	-0,02	0,12
26	0,02	0,02	0,00	-0,03	-0,02	-0,03	-0,05	-0,09	-0,12	-0,12	-0,08	-0,02	0,14
27	0,03	0,05	0,03	0,01	-0,02	-0,05	-0,08	-0,11	-0,15	-0,16	-0,12	-0,05	0,21
28	0,02	0,06	0,07	0,03	0,01	-0,06	-0,07	-0,09	-0,15	-0,17	-0,17	-0,10	0,24
29	-0,02	0,03	0,04	0,01	-0,03	-0,07	-0,11	-0,15	-0,19	-0,21	-0,21	-0,15	0,25
30	-0,07	-0,01	0,03	0,03	-0,01	-0,03	-0,08	-0,10	-0,14	-0,16	-0,17	-0,13	0,20

2. Công trình QT14a-TH

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	3,09	3,10	3,13	3,11	3,00	2,97	2,97	2,96	2,89	2,99	2,98	3,02	0,24
2	3,05	3,09	3,12	3,07	3,02	3,05	3,07	2,99	2,92	3,02	3,01	3,03	0,20
3	3,07	3,11	3,14	3,14	2,99	2,94	2,91	3,07	3,06	3,09	3,12	3,15	0,24
4	3,16	3,18	3,21	3,17	3,20	3,18	3,13	3,20	3,15	3,17	3,18	3,20	0,08
5	3,21	3,23	3,24	3,15	3,20	3,20	3,20	3,22	3,23	3,20	3,17	3,22	0,09
6	3,23	3,24	3,27	3,26	3,13	3,08	3,14	2,95	3,00	2,99	3,06	3,10	0,32
7	3,15	3,19	3,21	3,23	3,05	3,04	3,02	3,03	3,00	3,14	3,11	3,15	0,23
8	3,19	3,22	3,19	3,26	3,15	3,13	3,21	3,13	3,15	3,12	3,18	3,21	0,14
9	3,22	3,23	3,25	3,24	3,14	3,12	3,09	3,12	3,12	3,16	3,19	3,21	0,16
10	3,24	3,26	3,27	3,29	3,17	3,24	3,14	3,24	3,27	3,07	3,22	3,24	0,22
11	3,26	3,29	3,30	3,28	3,29	3,24	3,28	3,30	3,25	3,24	3,25	3,27	0,06
12	3,28	3,29	3,30	3,31	3,28	3,27	3,25	3,24	3,14	3,15	3,20	3,19	0,17
13	3,23	3,25	3,25	3,24	3,16	3,13	3,16	3,06	3,10	3,16	3,15	3,19	0,19
14	3,22	3,23	3,25	3,26	3,14	3,13	3,08	3,14	3,16	3,16	3,19	3,21	0,18
15	3,24	3,25	3,27	3,26	3,19	3,15	3,20	3,26	3,26	3,21	3,12	3,21	0,15
16	3,24	3,27	3,28	3,30	3,16	3,15	3,23	3,16	3,18	3,20	3,24	3,26	0,15
17	3,28	3,29	3,30	3,30	3,21	3,13	3,23	3,24	3,27	3,22	3,24	3,26	0,17
18	3,28	3,29	3,32	3,33	3,30	3,28	3,26	3,31	3,13	3,04	3,21	3,24	0,29
19	3,26	3,28	3,30	3,28	3,26	3,25	3,25	3,20	3,24	3,19	3,24	3,25	0,11
20	3,27	3,28	3,23	3,26	3,06	3,12	3,19	3,09	3,20	3,14	3,08	3,18	0,22
21	3,21	3,23	3,25	3,20	3,10	3,21	3,22	3,12	3,14	3,07	3,18	3,20	0,18
22	3,22	3,24	3,26	3,19	3,13	3,08	3,07	3,17	3,19	3,07	3,15	3,18	0,19
23	3,21	3,24	3,26	3,25	3,16	3,22	3,10	3,17	3,23	3,21	3,24	3,26	0,16
24	3,27	3,29	3,30	3,20	3,09	3,24	3,27	3,16	3,15	3,18	3,14	3,25	0,21
25	3,27	3,29	3,31	3,28	3,20	3,23	3,28	3,28	3,30	3,28	3,26	3,29	0,11
26	3,30	3,32	3,33	3,34	3,18	3,21	3,26	3,28	3,27	3,24	3,14	3,23	0,20
27	3,25	3,27	3,28	3,26	3,15	3,09	3,10	3,07	3,11	3,18	3,21	3,23	0,21
28	3,25	3,25	3,28	3,17	3,10	3,02	3,18	3,09	2,99	3,04	3,15	3,18	0,29

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	3,13	3,15	3,16	3,10	3,13	3,09	3,07	3,08	3,12	3,05	2,94	3,03	0,22
2	3,06	3,09	3,09	3,11	3,09	3,02	3,07	3,06	3,06	3,00	2,90	3,00	0,21
3	3,03	3,05	3,06	3,03	3,01	2,97	2,97	3,00	2,99	3,01	3,02	3,02	0,09
4	3,04	3,05	3,05	2,92	2,89	2,90	2,86	2,87	2,94	2,87	2,94	2,95	0,19
5	2,97	3,00	3,02	2,92	2,81	2,77	2,78	2,81	2,82	2,84	2,90	2,87	0,25
6	2,90	2,93	2,95	2,95	2,87	2,81	2,83	2,90	2,85	2,85	2,88	2,89	0,14
7	2,91	2,92	2,86	2,93	2,89	2,68	2,83	2,84	2,83	2,82	2,80	2,84	0,25
8	2,86	2,87	2,89	2,86	2,88	2,80	2,77	2,78	2,75	2,78	2,85	2,88	0,14
9	2,90	2,92	2,89	2,82	2,79	2,74	2,86	2,89	2,91	2,86	2,88	2,91	0,18
10	2,93	2,95	2,96	2,81	2,70	2,75	2,76	2,71	2,72	2,72	2,80	2,85	0,26
11	2,89	2,92	2,90	2,79	2,74	2,76	2,76	2,72	2,84	2,84	2,87	2,90	0,20
12	2,93	2,95	2,97	2,90	2,87	2,82	2,93	2,96	2,90	2,94	2,97	2,98	0,16
13	3,03	3,05	3,06	3,08	3,08	3,05	3,08	3,07	3,08	2,93	3,01	3,04	0,15
14	3,06	3,08	3,10	3,10	3,11	3,08	3,07	3,06	3,10	3,00	3,01	3,06	0,11
15	3,08	3,09	3,06	2,93	2,91	3,02	2,98	2,93	3,04	2,99	3,01	3,03	0,18
16	3,05	3,07	3,09	3,04	2,99	2,90	2,92	2,92	2,95	2,97	2,96	3,00	0,19
17	3,03	3,04	3,06	2,92	2,81	2,73	2,79	2,94	2,95	2,93	2,90	2,89	0,33
18	2,94	2,96	2,97	2,90	2,84	2,81	2,78	2,76	2,82	2,68	2,72	2,80	0,29
19	2,84	2,87	2,84	2,74	2,75	2,67	2,68	2,77	2,77	2,72	2,73	2,66	0,21
20	2,76	2,80	2,82	2,81	2,75	2,80	2,81	2,79	2,76	2,64	2,73	2,76	0,18
21	2,77	2,78	2,81	2,74	2,74	2,71	2,69	2,68	2,65	2,66	2,61	2,61	0,20
22	2,68	2,71	2,71	2,61	2,58	2,55	2,66	2,61	2,63	2,50	2,60	2,60	0,21
23	2,64	2,65	2,68	2,49	2,54	2,51	2,59	2,63	2,64	2,56	2,59	2,62	0,19
24	2,65	2,67	2,69	2,65	2,60	2,47	2,47	2,49	2,51	2,47	2,47	2,47	0,22
25	2,48	2,48	2,47	2,49	2,49	2,47	2,44	2,49	2,54	2,54	2,51	2,58	0,14
26	2,61	2,65	2,67	2,62	2,57	2,52	2,43	2,54	2,55	2,50	2,56	2,59	0,24
27	2,62	2,65	2,67	2,66	2,62	2,56	2,55	2,56	2,60	2,54	2,56	2,60	0,13
28	2,62	2,65	2,67	2,66	2,59	2,62	2,66	2,67	2,52	2,56	2,62	2,62	0,15
29	2,64	2,67	2,69	2,58	2,58	2,64	2,66	2,63	2,55	2,52	2,50	2,60	0,19
30	2,61	2,64	2,67	2,67	2,69	2,67	2,67	2,69	2,63	2,63	2,51	2,58	0,18
31	2,63	2,65	2,67	2,59	2,56	2,56	2,61	2,59	2,62	2,64	2,59	2,61	0,11

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	2,44	2,44	2,45	2,42	2,42	2,43	2,44	2,45	2,43	2,36	2,38	2,45	0,09
2	2,48	2,49	2,49	2,50	2,50	2,51	2,51	2,56	2,54	2,53	2,53	2,59	0,11
3	2,62	2,63	2,63	2,63	2,63	2,51	2,60	2,57	2,58	2,49	2,46	2,56	0,17
4	2,62	2,65	2,66	2,68	2,72	2,74	2,75	2,74	2,74	2,72	2,69	2,74	0,13
5	2,77	2,79	2,80	2,80	2,82	2,82	2,80	2,78	2,78	2,73	2,75	2,76	0,09
6	2,79	2,79	2,80	2,80	2,80	2,77	2,78	2,76	2,72	2,71	2,68	2,75	0,12
7	2,77	2,77	2,78	2,79	2,69	2,63	2,69	2,72	2,72	2,71	2,70	2,75	0,16
8	2,77	2,79	2,76	2,81	2,83	2,83	2,83	2,81	2,81	2,80	2,83	2,85	0,09
9	2,87	2,87	2,86	2,86	2,85	2,79	2,83	2,73	2,80	2,61	2,76	2,80	0,26
10	2,82	2,80	2,82	2,73	2,65	2,70	2,77	2,70	2,67	2,70	2,69	2,74	0,17
11	2,78	2,80	2,80	2,77	2,78	2,76	2,75	2,78	2,79	2,76	2,78	2,82	0,07
12	2,84	2,84	2,85	2,82	2,86	2,80	2,86	2,83	2,79	2,77	2,80	2,84	0,09
13	2,87	2,87	2,88	2,89	2,91	2,89	2,89	2,88	2,86	2,85	2,85	2,88	0,06
14	2,90	2,91	2,92	2,92	2,91	2,93	2,93	2,91	2,87	2,85	2,89	2,95	0,10
15	2,98	2,99	3,00	2,99	2,98	2,89	2,95	2,96	2,89	2,91	2,90	2,93	0,11
16	2,96	2,97	2,97	2,94	2,91	2,92	2,94	2,91	2,85	2,88	2,89	2,91	0,12
17	2,93	2,93	2,92	2,85	2,87	2,86	2,87	2,76	2,73	2,71	2,74	2,80	0,22
18	2,84	2,85	2,86	2,82	2,80	2,82	2,80	2,83	2,77	2,69	2,69	2,74	0,17
19	2,80	2,83	2,84	2,84	2,86	2,86	2,79	2,79	2,84	2,68	2,77	2,82	0,18
20	2,84	2,88	2,90	2,89	2,93	2,94	2,91	2,93	2,92	2,87	2,89	2,92	0,10
21	2,95	2,96	2,97	2,94	2,95	2,86	2,86	2,88	2,79	2,76	2,79	2,84	0,21
22	2,88	2,89	2,87	2,79	2,74	2,61	2,78	2,67	2,71	2,69	2,75	2,78	0,28
23	2,82	2,83	2,86	2,80	2,83	2,83	2,82	2,81	3,04	2,93	3,00	3,01	0,24
24	3,03	3,04	3,05	3,02	2,97	2,91	2,85	2,80	2,76	2,72	2,78	2,83	0,33
25	2,91	2,93	2,93	2,91	2,95	2,91	2,93	2,92	2,92	2,75	2,84	2,90	0,20
26	2,92	2,93	2,93	2,94	2,94	2,90	2,89	2,87	2,86	2,77	2,83	2,87	0,17
27	2,90	2,92	2,92	2,83	2,72	2,86	2,85	2,84	2,83	2,71	2,78	2,79	0,21
28	2,85	2,89	2,91	2,84	2,79	2,75	2,87	2,78	2,76	2,71	2,76	2,85	0,20
29	2,89	2,91	2,94	2,87	2,76	2,83	2,87	2,73	2,78	2,82	2,83	2,86	0,21
30	2,91	2,93	2,94	2,93	2,88	2,90	2,92	2,93	2,88	2,83	2,84	2,89	0,11
31	2,92	2,93	2,88	2,90	2,86	2,86	2,85	2,83	2,84	2,82	2,77	2,83	0,16

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	3,33	3,35	3,32	3,22	3,27	3,20	3,22	3,18	3,20	3,23	3,18	3,28	0,17
2	3,31	3,34	3,33	3,22	3,24	3,11	3,22	3,15	3,12	3,19	3,22	3,25	0,23
3	3,29	3,31	3,15	3,15	3,14	3,12	3,15	3,20	3,18	3,19	3,20	3,25	0,19
4	3,28	3,30	3,30	3,28	3,25	3,30	3,28	3,27	3,24	3,17	3,20	3,25	0,13
5	3,29	3,32	3,32	3,23	3,23	3,15	3,24	3,26	3,20	3,23	3,24	3,25	0,17
6	3,29	3,32	3,26	3,25	3,14	3,21	3,25	3,17	3,22	3,25	3,27	3,30	0,18
7	3,34	3,37	3,26	3,30	3,22	3,21	3,19	3,22	3,25	3,23	3,23	3,28	0,18
8	3,33	3,35	3,26	3,25	3,32	3,20	3,19	3,17	3,15	3,06	3,22	3,28	0,29
9	3,31	3,34	3,29	3,30	3,32	3,17	3,14	3,18	3,20	3,19	3,22	3,27	0,20
10	3,31	3,34	3,27	3,26	3,12	3,26	3,16	3,14	3,17	3,16	3,17	3,22	0,22
11	3,27	3,30	3,31	3,12	3,17	3,28	3,29	3,30	3,16	3,17	3,20	3,21	0,19
12	3,26	3,31	3,32	3,31	3,25	3,26	3,25	3,26	3,19	3,22	3,24	3,25	0,13
13	3,28	3,33	3,31	3,22	3,29	3,21	3,20	3,22	3,24	3,24	3,29	3,23	0,13
14	3,26	3,29	3,29	3,23	3,22	3,25	3,29	3,19	3,25	3,27	3,23	3,25	0,10
15	3,30	3,32	3,34	3,09	3,23	3,18	3,30	3,33	3,29	3,28	3,30	3,33	0,25
16	3,39	3,44	3,47	3,39	3,37	3,43	3,48	3,43	3,40	3,48	3,49	3,54	0,17
17	3,55	3,59	3,61	3,48	3,49	3,40	3,41	3,47	3,47	3,38	3,48	3,52	0,23
18	3,55	3,58	3,59	3,59	3,56	3,57	3,51	3,51	3,44	3,39	3,44	3,47	0,20
19	3,52	3,55	3,56	3,56	3,49	3,50	3,49	3,48	3,43	3,43	3,44	3,45	0,13
20	3,47	3,49	3,47	3,50	3,40	3,48	3,43	3,45	3,41	3,23	3,30	3,35	0,27
21	3,39	3,42	3,43	3,29	3,26	3,28	3,23	3,20	3,21	3,25	3,27	3,30	0,23
22	3,33	3,26	3,24	3,25	3,22	3,21	3,18	3,16	3,17	3,22	3,21	3,28	0,17
23	3,32	3,35	3,34	3,21	3,22	3,19	3,33	3,22	3,28	3,20	3,22	3,29	0,16
24	3,33	3,36	3,38	3,27	3,33	3,26	3,33	3,23	3,20	3,17	3,17	3,26	0,21
25	3,31	3,34	3,36	3,11	3,14	3,18	3,31	3,32	3,32	3,32	3,33	3,35	0,25
26	3,38	3,40	3,35	3,29	3,35	3,33	3,25	3,34	3,33	3,31	3,33	3,35	0,15
27	3,37	3,39	3,26	3,27	3,24	3,17	3,10	3,11	3,20	3,19	3,20	3,27	0,29
28	3,30	3,33	3,26	3,22	3,19	3,11	3,19	3,15	3,16	3,15	3,13	3,21	0,22
29	3,26	3,29	3,30	3,15	3,20	3,20	3,06	3,03	3,14	3,14	3,15	3,18	0,27
30	3,22	3,25	3,24	3,14	3,19	3,15	3,12	3,13	3,16	3,19	3,23	3,26	0,14

3. Công trình QT7-NA

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-1,07	-1,05	-1,04	-1,02	-1,01	-1,01	-1,02	-1,05	-1,04	-1,07	-1,08	-1,09	0,08
2	-1,08	-1,07	-1,05	-1,03	-1,04	-1,04	-1,04	-1,05	-1,06	-1,10	-1,11	-1,11	0,08
3	-1,10	-1,08	-1,06	-1,05	-1,06	-1,07	-1,09	-1,10	-1,12	-1,13	-1,15	-1,17	0,12
4	-1,16	-1,14	-1,12	-1,12	-1,13	-1,12	-1,11	-1,09	-1,09	-1,11	-1,12	-1,12	0,07
5	-1,12	-1,12	-1,14	-1,19	-1,20	-1,18	-1,16	-1,15	-1,13	-1,12	-1,12	-1,13	0,08
6	-1,12	-1,11	-1,09	-1,08	-1,08	-1,08	-1,07	-1,08	-1,08	-1,11	-1,13	-1,13	0,06
7	-1,12	-1,10	-1,08	-1,06	-1,05	-1,05	-1,06	-1,07	-1,07	-1,08	-1,11	-1,10	0,07
8	-1,09	-1,07	-1,05	-1,04	-1,02	-1,02	-1,02	-1,02	-1,03	-1,06	-1,08	-1,09	0,07
9	-1,07	-1,06	-1,05	-1,03	-1,06	-1,08	-1,13	-1,13	-1,12	-1,13	-1,13	-1,13	0,10
10	-1,12	-1,10	-1,08	-1,06	-1,05	-1,03	-1,04	-1,05	-1,05	-1,07	-1,07	-1,06	0,09
11	-1,05	-1,04	-1,02	-1,00	-0,99	-1,00	-1,04	-1,04	-1,05	-1,07	-1,07	-1,05	0,08
12	-1,04	-1,02	-1,00	-0,98	-0,97	-0,98	-0,99	-0,99	-0,99	-1,02	-1,03	-1,04	0,07
13	-1,04	-1,03	-1,03	-1,02	-1,03	-1,02	-1,04	-1,05	-1,06	-1,11	-1,13	-1,12	0,11
14	-1,12	-1,10	-1,09	-1,08	-1,08	-1,07	-1,08	-1,09	-1,10	-1,11	-1,11	-1,10	0,05
15	-1,09	-1,07	-1,05	-1,03	-1,02	-1,02	-1,06	-1,08	-1,09	-1,10	-1,10	-1,09	0,08
16	-1,07	-1,06	-1,04	-1,03	-1,02	-1,01	-1,04	-1,07	-1,08	-1,11	-1,14	-1,14	0,13
17	-1,12	-1,09	-1,06	-1,03	-1,01	-1,00	-1,01	-1,02	-1,02	-1,08	-1,10	-1,09	0,12
18	-1,06	-1,04	-1,01	-0,98	-0,97	-0,96	-0,97	-0,97	-0,99	-1,02	-1,03	-1,03	0,10
19	-1,02	-1,01	-0,99	-0,97	-0,97	-0,99	-0,99	-0,99	-1,00	-1,02	-1,03	-1,05	0,08
20	-1,05	-1,03	-1,01	-1,00	-0,99	-0,99	-1,00	-1,04	-1,03	-1,07	-1,06	-1,06	0,08
21	-1,06	-1,04	-1,02	-1,01	-1,01	-1,00	-1,01	-1,01	-1,02	-1,04	-1,06	-1,05	0,06
22	-1,04	-1,03	-1,01	-0,99	-0,99	-0,98	-0,99	-0,98	-1,01	-1,01	-1,01	-0,99	0,06
23	-0,98	-0,96	-0,94	-0,92	-0,91	-0,91	-0,92	-0,93	-0,93	-0,98	-1,00	-1,00	0,09
24	-0,99	-0,97	-0,95	-0,93	-0,94	-0,96	-0,97	-0,98	-0,97	-0,99	-1,03	-1,02	0,10
25	-1,00	-0,99	-0,97	-0,96	-0,95	-0,95	-0,95	-0,97	-0,99	-1,00	-1,00	-1,01	0,06
26	-1,00	-0,99	-0,98	-0,97	-0,98	-0,98	-0,99	-0,99	-0,99	-1,00	-1,03	-1,06	0,09
27	-1,05	-1,03	-1,02	-1,00	-1,00	-1,00	-1,02	-1,03	-1,03	-1,07	-1,07	-1,06	0,07
28	-1,05	-1,03	-1,01	-1,00	-1,01	-1,04	-1,07	-1,10	-1,12	-1,17	-1,17	-1,15	0,17

4. Công trình QT13b-NA

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,32	-0,31	-0,34	-0,38	-0,45	-0,55	-0,63	-0,69	-0,70	-0,65	-0,54	-0,43	0,39
2	-0,35	-0,32	-0,33	-0,38	-0,45	-0,55	-0,64	-0,70	-0,74	-0,72	-0,64	-0,52	0,42
3	-0,41	-0,34	-0,33	-0,36	-0,44	-0,52	-0,61	-0,67	-0,73	-0,72	-0,66	-0,53	0,40
4	-0,41	-0,32	-0,29	-0,31	-0,37	-0,45	-0,53	-0,62	-0,68	-0,71	-0,67	-0,55	0,42
5	-0,42	-0,31	-0,27	-0,28	-0,34	-0,41	-0,49	-0,57	-0,65	-0,70	-0,69	-0,61	0,43
6	-0,46	-0,35	-0,28	-0,30	-0,34	-0,40	-0,45	-0,52	-0,60	-0,67	-0,69	-0,63	0,41
7	-0,49	-0,37	-0,29	-0,29	-0,33	-0,38	-0,43	-0,49	-0,57	-0,66	-0,70	-0,68	0,41
8	-0,56	-0,43	-0,34	-0,33	-0,36	-0,40	-0,43	-0,46	-0,54	-0,62	-0,69	-0,67	0,36
9	-0,58	-0,44	-0,36	-0,33	-0,37	-0,41	-0,43	-0,44	-0,50	-0,58	-0,66	-0,67	0,34
10	-0,61	-0,47	-0,39	-0,34	-0,40	-0,44	-0,42	-0,41	-0,44	-0,52	-0,62	-0,65	0,31
11	-0,62	-0,50	-0,42	-0,38	-0,43	-0,47	-0,46	-0,42	-0,40	-0,44	-0,55	-0,60	0,24
12	-0,59	-0,51	-0,42	-0,40	-0,45	-0,51	-0,50	-0,45	-0,39	-0,40	-0,49	-0,56	0,20
13	-0,57	-0,52	-0,45	-0,45	-0,51	-0,58	-0,58	-0,52	-0,42	-0,39	-0,43	-0,51	0,19
14	-0,53	-0,50	-0,46	-0,47	-0,55	-0,64	-0,67	-0,65	-0,55	-0,47	-0,43	-0,43	0,24
15	-0,47	-0,47	-0,46	-0,47	-0,54	-0,62	-0,68	-0,68	-0,61	-0,50	-0,41	-0,36	0,32
16	-0,35	-0,37	-0,39	-0,44	-0,52	-0,61	-0,68	-0,71	-0,67	-0,57	-0,44	-0,34	0,37
17	-0,29	-0,28	-0,32	-0,38	-0,48	-0,57	-0,65	-0,71	-0,72	-0,64	-0,51	-0,38	0,44
18	-0,29	-0,25	-0,26	-0,33	-0,43	-0,54	-0,63	-0,69	-0,73	-0,71	-0,61	-0,46	0,48
19	-0,33	-0,26	-0,25	-0,30	-0,40	-0,51	-0,61	-0,69	-0,75	-0,78	-0,73	-0,59	0,53
20	-0,43	-0,31	-0,26	-0,28	-0,36	-0,45	-0,54	-0,62	-0,70	-0,76	-0,76	-0,66	0,50
21	-0,50	-0,36	-0,28	-0,28	-0,33	-0,39	-0,44	-0,52	-0,61	-0,70	-0,73	-0,66	0,45
22	-0,50	-0,36	-0,27	-0,26	-0,29	-0,32	-0,34	-0,39	-0,49	-0,59	-0,67	-0,66	0,41
23	-0,55	-0,41	-0,32	-0,31	-0,37	-0,38	-0,37	-0,35	-0,41	-0,52	-0,62	-0,66	0,35
24	-0,61	-0,47	-0,41	-0,38	-0,45	-0,47	-0,44	-0,36	-0,34	-0,39	-0,55	-0,62	0,28
25	-0,63	-0,54	-0,48	-0,48	-0,56	-0,59	-0,56	-0,45	-0,37	-0,37	-0,46	-0,54	0,26
26	-0,56	-0,51	-0,47	-0,48	-0,55	-0,61	-0,60	-0,52	-0,40	-0,34	-0,34	-0,41	0,27
27	-0,45	-0,43	-0,43	-0,46	-0,55	-0,62	-0,64	-0,59	-0,45	-0,36	-0,31	-0,33	0,33
28	-0,37	-0,39	-0,40	-0,45	-0,54	-0,63	-0,68	-0,66	-0,57	-0,45	-0,36	-0,32	0,36

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,49	-0,52	-0,57	-0,62	-0,67	-0,71	-0,76	-0,79	-0,79	-0,75	-0,65	-0,56	0,30
2	-0,51	-0,52	-0,56	-0,60	-0,62	-0,64	-0,68	-0,72	-0,75	-0,74	-0,67	-0,57	0,24
3	-0,53	-0,52	-0,59	-0,61	-0,62	-0,60	-0,61	-0,65	-0,72	-0,74	-0,71	-0,62	0,22
4	-0,56	-0,57	-0,63	-0,65	-0,63	-0,55	-0,51	-0,53	-0,62	-0,69	-0,69	-0,64	0,18
5	-0,58	-0,60	-0,67	-0,72	-0,68	-0,58	-0,45	-0,42	-0,50	-0,61	-0,65	-0,64	0,30
6	-0,61	-0,62	-0,70	-0,77	-0,75	-0,64	-0,47	-0,38	-0,42	-0,53	-0,61	-0,63	0,39
7	-0,62	-0,65	-0,72	-0,80	-0,81	-0,72	-0,55	-0,42	-0,38	-0,46	-0,54	-0,57	0,43
8	-0,62	-0,68	-0,74	-0,83	-0,87	-0,84	-0,66	-0,50	-0,42	-0,44	-0,49	-0,56	0,45
9	-0,61	-0,65	-0,72	-0,79	-0,86	-0,84	-0,71	-0,55	-0,43	-0,37	-0,41	-0,48	0,49
10	-0,55	-0,60	-0,69	-0,77	-0,84	-0,84	-0,76	-0,60	-0,45	-0,35	-0,35	-0,39	0,49
11	-0,44	-0,52	-0,62	-0,71	-0,79	-0,84	-0,81	-0,68	-0,53	-0,41	-0,34	-0,33	0,51
12	-0,37	-0,46	-0,53	-0,63	-0,70	-0,76	-0,77	-0,71	-0,59	-0,47	-0,38	-0,35	0,42
13	-0,37	-0,43	-0,52	-0,62	-0,70	-0,76	-0,79	-0,77	-0,67	-0,54	-0,45	-0,40	0,42
14	-0,40	-0,44	-0,52	-0,60	-0,68	-0,74	-0,79	-0,80	-0,74	-0,62	-0,51	-0,45	0,40
15	-0,44	-0,48	-0,52	-0,58	-0,63	-0,69	-0,75	-0,79	-0,77	-0,69	-0,58	-0,50	0,35
16	-0,46	-0,49	-0,52	-0,55	-0,57	-0,59	-0,64	-0,71	-0,74	-0,72	-0,63	-0,54	0,28
17	-0,51	-0,54	-0,60	-0,59	-0,56	-0,52	-0,54	-0,60	-0,70	-0,73	-0,69	-0,61	0,22
18	-0,60	-0,63	-0,70	-0,70	-0,64	-0,51	-0,45	-0,46	-0,57	-0,65	-0,67	-0,64	0,25
19	-0,63	-0,68	-0,77	-0,81	-0,75	-0,61	-0,47	-0,41	-0,47	-0,57	-0,62	-0,63	0,40
20	-0,64	-0,69	-0,78	-0,85	-0,83	-0,71	-0,54	-0,42	-0,41	-0,49	-0,56	-0,61	0,44
21	-0,63	-0,69	-0,77	-0,85	-0,87	-0,79	-0,62	-0,48	-0,42	-0,46	-0,52	-0,59	0,45
22	-0,63	-0,69	-0,77	-0,85	-0,88	-0,84	-0,68	-0,53	-0,44	-0,45	-0,50	-0,57	0,44
23	-0,63	-0,69	-0,78	-0,86	-0,92	-0,90	-0,77	-0,61	-0,50	-0,44	-0,47	-0,52	0,48
24	-0,58	-0,66	-0,75	-0,83	-0,90	-0,91	-0,83	-0,67	-0,55	-0,47	-0,47	-0,50	0,44
25	-0,57	-0,63	-0,71	-0,79	-0,87	-0,89	-0,85	-0,72	-0,59	-0,49	-0,46	-0,47	0,43
26	-0,52	-0,59	-0,68	-0,76	-0,84	-0,89	-0,86	-0,77	-0,66	-0,56	-0,51	-0,50	0,39
27	-0,53	-0,59	-0,67	-0,74	-0,81	-0,87	-0,86	-0,80	-0,69	-0,59	-0,53	-0,50	0,37
28	-0,52	-0,57	-0,64	-0,71	-0,78	-0,83	-0,84	-0,81	-0,73	-0,63	-0,57	-0,53	0,32
29	-0,54	-0,58	-0,63	-0,68	-0,73	-0,77	-0,81	-0,79	-0,75	-0,66	-0,58	-0,55	0,27
30	-0,56	-0,61	-0,66	-0,69	-0,72	-0,75	-0,77	-0,77	-0,76	-0,71	-0,63	-0,60	0,21
31	-0,60	-0,65	-0,68	-0,70	-0,69	-0,68	-0,69	-0,71	-0,73	-0,71	-0,65	-0,62	0,13

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,90	-0,98	-1,05	-1,07	-1,00	-0,87	-0,71	-0,59	-0,54	-0,56	-0,64	-0,73	0,53
2	-0,83	-0,92	-1,00	-1,06	-1,04	-0,93	-0,78	-0,64	-0,56	-0,55	-0,59	-0,67	0,51
3	-0,76	-0,86	-0,94	-1,02	-1,05	-0,99	-0,84	-0,68	-0,56	-0,52	-0,54	-0,60	0,53
4	-0,67	-0,76	-0,85	-0,94	-1,00	-1,01	-0,89	-0,74	-0,62	-0,56	-0,57	-0,62	0,45
5	-0,68	-0,72	-0,81	-0,90	-0,99	-1,02	-0,96	-0,82	-0,72	-0,64	-0,66	-0,69	0,38
6	-0,71	-0,71	-0,77	-0,86	-0,95	-1,01	-1,01	-0,90	-0,81	-0,72	-0,72	-0,75	0,30
7	-0,75	-0,72	-0,73	-0,78	-0,86	-0,93	-0,95	-0,91	-0,83	-0,78	-0,80	-0,84	0,23
8	-0,85	-0,81	-0,75	-0,73	-0,79	-0,87	-0,90	-0,88	-0,82	-0,81	-0,85	-0,91	0,18
9	-0,94	-0,90	-0,81	-0,74	-0,74	-0,79	-0,82	-0,82	-0,80	-0,82	-0,87	-0,95	0,21
10	-1,00	-1,00	-0,92	-0,80	-0,72	-0,70	-0,73	-0,71	-0,73	-0,76	-0,83	-0,91	0,30
11	-1,00	-1,03	-1,00	-0,91	-0,79	-0,70	-0,67	-0,68	-0,69	-0,72	-0,81	-0,88	0,36
12	-0,96	-1,02	-1,03	-0,96	-0,85	-0,73	-0,66	-0,63	-0,65	-0,70	-0,77	-0,85	0,40
13	-0,93	-1,00	-1,04	-1,01	-0,92	-0,78	-0,67	-0,60	-0,61	-0,67	-0,75	-0,82	0,44
14	-0,90	-0,97	-1,02	-1,02	-0,97	-0,84	-0,72	-0,63	-0,60	-0,64	-0,71	-0,78	0,42
15	-0,86	-0,93	-1,00	-1,03	-1,01	-0,89	-0,75	-0,64	-0,60	-0,62	-0,69	-0,76	0,43
16	-0,82	-0,90	-0,97	-1,03	-1,03	-0,94	-0,79	-0,66	-0,60	-0,64	-0,69	-0,75	0,43
17	-0,79	-0,86	-0,93	-1,01	-1,03	-0,98	-0,84	-0,69	-0,63	-0,65	-0,71	-0,74	0,40
18	-0,76	-0,82	-0,89	-0,97	-1,02	-1,00	-0,87	-0,72	-0,65	-0,67	-0,73	-0,75	0,37
19	-0,76	-0,78	-0,85	-0,94	-1,01	-1,00	-0,91	-0,77	-0,68	-0,67	-0,74	-0,76	0,34
20	-0,76	-0,76	-0,82	-0,89	-0,98	-0,99	-0,94	-0,81	-0,73	-0,71	-0,77	-0,79	0,28
21	-0,78	-0,75	-0,77	-0,85	-0,95	-0,98	-0,94	-0,83	-0,76	-0,75	-0,81	-0,84	0,23
22	-0,82	-0,75	-0,74	-0,78	-0,89	-0,95	-0,93	-0,84	-0,77	-0,77	-0,85	-0,89	0,21
23	-0,87	-0,79	-0,70	-0,72	-0,81	-0,87	-0,87	-0,82	-0,77	-0,78	-0,87	-0,94	0,24
24	-0,94	-0,86	-0,75	-0,70	-0,72	-0,80	-0,81	-0,80	-0,77	-0,80	-0,87	-0,96	0,26
25	-0,99	-0,96	-0,84	-0,73	-0,68	-0,71	-0,75	-0,75	-0,75	-0,78	-0,86	-0,94	0,31
26	-1,00	-1,00	-0,92	-0,79	-0,69	-0,64	-0,66	-0,69	-0,71	-0,77	-0,85	-0,93	0,36
27	-1,00	-1,03	-0,99	-0,89	-0,75	-0,65	-0,61	-0,62	-0,67	-0,74	-0,83	-0,92	0,42
28	-0,98	-1,03	-1,03	-0,96	-0,82	-0,68	-0,58	-0,56	-0,60	-0,69	-0,78	-0,87	0,47
29	-0,95	-1,01	-1,05	-1,03	-0,92	-0,77	-0,63	-0,56	-0,57	-0,65	-0,74	-0,82	0,49
30	-0,90	-0,97	-1,03	-1,05	-0,99	-0,85	-0,69	-0,58	-0,57	-0,63	-0,71	-0,78	0,48
31	-0,85	-0,92	-1,01	-1,06	-1,05	-0,93	-0,76	-0,62	-0,56	-0,60	-0,66	-0,71	0,50

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,36	-0,22	-0,13	-0,12	-0,15	-0,21	-0,27	-0,33	-0,38	-0,42	-0,46	-0,50	0,38
2	-0,48	-0,34	-0,21	-0,15	-0,18	-0,23	-0,30	-0,36	-0,42	-0,46	-0,51	-0,56	0,41
3	-0,57	-0,45	-0,30	-0,19	-0,20	-0,26	-0,33	-0,41	-0,47	-0,53	-0,58	-0,64	0,45
4	-0,67	-0,57	-0,43	-0,27	-0,22	-0,28	-0,34	-0,42	-0,49	-0,55	-0,61	-0,68	0,46
5	-0,73	-0,67	-0,54	-0,38	-0,28	-0,29	-0,35	-0,41	-0,48	-0,55	-0,62	-0,69	0,45
6	-0,75	-0,73	-0,64	-0,53	-0,44	-0,40	-0,41	-0,45	-0,50	-0,54	-0,60	-0,67	0,35
7	-0,74	-0,73	-0,67	-0,52	-0,37	-0,32	-0,34	-0,41	-0,45	-0,48	-0,54	-0,60	0,42
8	-0,66	-0,68	-0,65	-0,54	-0,41	-0,37	-0,39	-0,47	-0,48	-0,50	-0,53	-0,58	0,31
9	-0,65	-0,69	-0,66	-0,57	-0,43	-0,37	-0,36	-0,43	-0,46	-0,45	-0,44	-0,48	0,33
10	-0,53	-0,59	-0,60	-0,53	-0,42	-0,37	-0,36	-0,43	-0,48	-0,47	-0,44	-0,42	0,24
11	-0,46	-0,52	-0,55	-0,51	-0,43	-0,38	-0,40	-0,47	-0,53	-0,52	-0,47	-0,38	0,17
12	-0,34	-0,38	-0,44	-0,43	-0,39	-0,37	-0,38	-0,45	-0,51	-0,52	-0,47	-0,33	0,19
13	-0,23	-0,17	-0,11	-0,12	-0,12	-0,14	-0,18	-0,24	-0,30	-0,46	-0,46	-0,38	0,35
14	-0,25	-0,20	-0,22	-0,29	-0,34	-0,36	-0,38	-0,42	-0,47	-0,52	-0,54	-0,48	0,34
15	-0,31	-0,19	-0,19	-0,27	-0,33	-0,37	-0,41	-0,46	-0,52	-0,58	-0,62	-0,58	0,43
16	-0,41	-0,25	-0,15	-0,20	-0,25	-0,30	-0,38	-0,46	-0,55	-0,63	-0,69	-0,68	0,54
17	-0,56	-0,40	-0,29	-0,28	-0,34	-0,38	-0,43	-0,50	-0,58	-0,64	-0,70	-0,71	0,43
18	-0,63	-0,47	-0,32	-0,27	-0,32	-0,36	-0,42	-0,49	-0,59	-0,67	-0,74	-0,76	0,49
19	-0,72	-0,57	-0,43	-0,32	-0,29	-0,32	-0,38	-0,46	-0,55	-0,64	-0,71	-0,75	0,46
20	-0,75	-0,64	-0,50	-0,38	-0,31	-0,31	-0,35	-0,42	-0,51	-0,61	-0,68	-0,74	0,44
21	-0,76	-0,71	-0,59	-0,46	-0,38	-0,35	-0,36	-0,42	-0,50	-0,57	-0,65	-0,71	0,41
22	-0,75	-0,74	-0,66	-0,53	-0,44	-0,38	-0,38	-0,41	-0,47	-0,53	-0,59	-0,64	0,37
23	-0,70	-0,72	-0,69	-0,61	-0,49	-0,44	-0,43	-0,48	-0,51	-0,53	-0,55	-0,59	0,29
24	-0,63	-0,69	-0,69	-0,65	-0,56	-0,50	-0,49	-0,55	-0,58	-0,57	-0,54	-0,50	0,20
25	-0,52	-0,59	-0,64	-0,64	-0,59	-0,53	-0,52	-0,59	-0,64	-0,63	-0,54	-0,41	0,23
26	-0,35	-0,36	-0,47	-0,51	-0,51	-0,47	-0,49	-0,56	-0,65	-0,67	-0,60	-0,44	0,32
27	-0,32	-0,28	-0,35	-0,44	-0,48	-0,50	-0,54	-0,62	-0,70	-0,75	-0,71	-0,57	0,47
28	-0,40	-0,29	-0,29	-0,38	-0,44	-0,49	-0,53	-0,62	-0,70	-0,77	-0,76	-0,66	0,48
29	-0,49	-0,35	-0,28	-0,33	-0,40	-0,47	-0,52	-0,61	-0,69	-0,77	-0,80	-0,73	0,52
30	-0,58	-0,42	-0,32	-0,31	-0,35	-0,42	-0,48	-0,56	-0,66	-0,73	-0,77	-0,72	0,46

5. Công trình QT7a-HT

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,33	1,32	1,32	1,33	1,33	1,33	1,31	1,30	1,30	1,31	1,32	1,32	0,03
2	1,32	1,31	1,31	1,32	1,33	1,32	1,31	1,30	1,29	1,30	1,31	1,32	0,04
3	1,31	1,31	1,31	1,32	1,32	1,32	1,31	1,30	1,29	1,29	1,30	1,31	0,03
4	1,31	1,30	1,31	1,31	1,31	1,32	1,31	1,30	1,29	1,29	1,30	1,31	0,03
5	1,31	1,30	1,30	1,30	1,31	1,31	1,31	1,30	1,29	1,29	1,30	1,30	0,02
6	1,30	1,30	1,30	1,30	1,30	1,31	1,30	1,29	1,28	1,28	1,28	1,29	0,03
7	1,29	1,29	1,28	1,28	1,28	1,29	1,29	1,28	1,27	1,27	1,27	1,28	0,02
8	1,29	1,28	1,28	1,27	1,28	1,28	1,28	1,29	1,29	1,28	1,28	1,29	0,02
9	1,29	1,29	1,28	1,28	1,29	1,29	1,29	1,29	1,29	1,28	1,28	1,29	0,01
10	1,29	1,29	1,29	1,28	1,28	1,28	1,29	1,29	1,28	1,28	1,28	1,28	0,01
11	1,29	1,29	1,28	1,29	1,29	1,29	1,29	1,29	1,29	1,28	1,28	1,29	0,01
12	1,28	1,29	1,29	1,28	1,28	1,28	1,27	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	0,02
13	1,28	1,28	1,29	1,29	1,28	1,28	1,27	1,27	1,28	1,28	1,30	1,30	0,03
14	1,30	1,30	1,30	1,31	1,31	1,30	1,30	1,31	1,32	1,33	1,34	1,35	0,05
15	1,35	1,35	1,35	1,36	1,35	1,35	1,34	1,33	1,34	1,35	1,36	1,36	0,03
16	1,36	1,36	1,37	1,37	1,37	1,36	1,35	1,34	1,35	1,36	1,37	1,37	0,03
17	1,37	1,36	1,37	1,38	1,39	1,38	1,37	1,35	1,35	1,36	1,37	1,38	0,04
18	1,37	1,36	1,37	1,38	1,38	1,38	1,37	1,35	1,35	1,35	1,37	1,37	0,03
19	1,37	1,36	1,36	1,37	1,38	1,38	1,37	1,35	1,34	1,34	1,35	1,36	0,04
20	1,35	1,34	1,33	1,34	1,35	1,36	1,35	1,34	1,33	1,33	1,33	1,34	0,03
21	1,34	1,33	1,33	1,33	1,34	1,35	1,35	1,34	1,33	1,32	1,33	1,34	0,03
22	1,34	1,34	1,33	1,33	1,33	1,34	1,35	1,34	1,33	1,33	1,33	1,33	0,02
23	1,34	1,33	1,33	1,32	1,32	1,33	1,33	1,33	1,32	1,32	1,32	1,32	0,02
24	1,32	1,33	1,32	1,31	1,31	1,31	1,32	1,31	1,31	1,29	1,30	1,30	0,04
25	1,29	1,28	1,28	1,28	1,28	1,29	1,28	1,27	1,26	1,26	1,26	1,27	0,03
26	1,26	1,26	1,26	1,26	1,26	1,25	1,25	1,24	1,23	1,23	1,23	1,23	0,03
27	1,24	1,24	1,23	1,22	1,22	1,22	1,23	1,22	1,21	1,20	1,19	1,19	0,05
28	1,19	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20	1,21	1,21	1,20	1,19	1,19	1,19	0,02

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,65	0,66	0,67	0,67	0,66	0,66	0,66	0,67	0,67	0,66	0,65	0,65	0,02
2	0,65	0,66	0,66	0,66	0,65	0,65	0,65	0,66	0,66	0,66	0,64	0,64	0,02
3	0,64	0,64	0,65	0,64	0,64	0,63	0,63	0,64	0,65	0,65	0,64	0,63	0,02
4	0,62	0,63	0,64	0,64	0,63	0,62	0,62	0,63	0,64	0,63	0,63	0,62	0,02
5	0,61	0,62	0,63	0,63	0,62	0,64	0,65	0,66	0,68	0,68	0,67	0,67	0,07
6	0,66	0,66	0,67	0,67	0,66	0,64	0,63	0,64	0,65	0,65	0,65	0,64	0,04
7	0,63	0,63	0,64	0,64	0,63	0,62	0,61	0,60	0,61	0,61	0,61	0,60	0,04
8	0,63	0,64	0,65	0,66	0,65	0,64	0,64	0,64	0,64	0,66	0,67	0,67	0,04
9	0,67	0,68	0,68	0,69	0,70	0,70	0,69	0,69	0,69	0,70	0,71	0,71	0,04
10	0,71	0,71	0,72	0,73	0,73	0,73	0,72	0,72	0,71	0,71	0,72	0,73	0,02
11	0,73	0,75	0,75	0,75	0,76	0,76	0,76	0,75	0,75	0,74	0,75	0,76	0,03
12	0,77	0,77	0,77	0,78	0,79	0,80	0,80	0,80	0,79	0,79	0,79	0,80	0,03
13	0,81	0,82	0,82	0,82	0,83	0,84	0,84	0,84	0,84	0,83	0,83	0,83	0,03
14	0,84	0,85	0,85	0,85	0,85	0,86	0,86	0,87	0,87	0,86	0,85	0,85	0,03
15	0,86	0,87	0,87	0,87	0,87	0,87	0,88	0,89	0,89	0,88	0,87	0,87	0,03
16	0,87	0,88	0,89	0,89	0,88	0,87	0,88	0,89	0,89	0,89	0,88	0,87	0,02
17	0,87	0,88	0,88	0,88	0,87	0,87	0,87	0,88	0,89	0,88	0,87	0,87	0,02
18	0,86	0,87	0,88	0,87	0,86	0,85	0,85	0,85	0,86	0,86	0,85	0,84	0,04
19	0,84	0,85	0,85	0,85	0,84	0,82	0,82	0,83	0,83	0,84	0,84	0,83	0,03
20	0,83	0,83	0,84	0,84	0,83	0,81	0,80	0,80	0,81	0,81	0,81	0,81	0,04
21	0,80	0,80	0,81	0,81	0,81	0,79	0,78	0,78	0,78	0,78	0,78	0,78	0,03
22	0,78	0,78	0,78	0,79	0,78	0,77	0,76	0,75	0,75	0,75	0,76	0,76	0,04
23	0,75	0,75	0,76	0,76	0,76	0,75	0,74	0,73	0,73	0,73	0,73	0,73	0,03
24	0,73	0,72	0,72	0,73	0,73	0,72	0,72	0,71	0,71	0,71	0,70	0,69	0,04
25	0,69	0,70	0,70	0,70	0,70	0,71	0,71	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,02
26	0,70	0,70	0,71	0,71	0,71	0,71	0,72	0,71	0,71	0,70	0,70	0,70	0,02
27	0,70	0,71	0,70	0,70	0,70	0,71	0,71	0,71	0,70	0,69	0,69	0,69	0,02
28	0,69	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,68	0,68	0,68	0,68	0,02
29	0,68	0,69	0,69	0,69	0,69	0,69	0,70	0,70	0,70	0,69	0,68	0,68	0,02
30	0,68	0,69	0,70	0,70	0,69	0,69	0,69	0,70	0,70	0,69	0,68	0,68	0,02
31	0,68	0,69	0,69	0,69	0,68	0,68	0,68	0,69	0,69	0,69	0,67	0,67	0,02

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,58	0,59	0,60	0,60	0,59	0,58	0,57	0,58	0,59	0,60	0,60	0,59	0,03
2	0,59	0,59	0,60	0,61	0,60	0,59	0,59	0,59	0,60	0,62	0,62	0,62	0,03
3	0,62	0,62	0,63	0,65	0,66	0,65	0,64	0,64	0,65	0,66	0,67	0,67	0,05
4	0,67	0,67	0,68	0,69	0,70	0,69	0,68	0,68	0,68	0,69	0,70	0,70	0,03
5	0,70	0,69	0,70	0,71	0,72	0,72	0,71	0,71	0,72	0,72	0,72	0,72	0,03
6	0,72	0,71	0,72	0,72	0,73	0,74	0,73	0,73	0,73	0,73	0,74	0,73	0,03
7	0,73	0,72	0,72	0,72	0,73	0,73	0,73	0,73	0,73	0,74	0,74	0,74	0,02
8	0,73	0,73	0,72	0,72	0,73	0,73	0,74	0,75	0,76	0,76	0,76	0,75	0,04
9	0,75	0,74	0,73	0,73	0,73	0,73	0,74	0,75	0,76	0,75	0,75	0,74	0,03
10	0,74	0,73	0,73	0,72	0,72	0,73	0,74	0,75	0,76	0,75	0,74	0,73	0,04
11	0,73	0,73	0,72	0,71	0,70	0,70	0,71	0,72	0,73	0,72	0,72	0,71	0,03
12	0,71	0,72	0,71	0,71	0,70	0,69	0,70	0,71	0,73	0,72	0,71	0,70	0,04
13	0,70	0,70	0,70	0,70	0,69	0,68	0,69	0,70	0,71	0,71	0,69	0,68	0,03
14	0,68	0,68	0,68	0,68	0,66	0,65	0,66	0,66	0,68	0,68	0,68	0,66	0,03
15	0,66	0,67	0,67	0,67	0,66	0,65	0,65	0,66	0,67	0,67	0,66	0,65	0,02
16	0,64	0,64	0,64	0,64	0,64	0,64	0,64	0,65	0,66	0,66	0,64	0,63	0,03
17	0,62	0,62	0,63	0,63	0,63	0,63	0,64	0,70	0,68	0,68	0,66	0,65	0,08
18	0,63	0,63	0,63	0,64	0,64	0,65	0,66	0,70	0,67	0,66	0,64	0,62	0,08
19	0,60	0,60	0,60	0,61	0,61	0,62	0,63	0,65	0,63	0,62	0,61	0,60	0,05
20	0,58	0,58	0,58	0,58	0,59	0,58	0,58	0,57	0,58	0,58	0,58	0,57	0,02
21	0,56	0,55	0,56	0,56	0,57	0,58	0,59	0,62	0,65	0,61	0,60	0,59	0,10
22	0,58	0,56	0,56	0,56	0,57	0,59	0,61	0,64	0,67	0,63	0,62	0,60	0,11
23	0,58	0,57	0,56	0,57	0,58	0,60	0,62	0,66	0,64	0,62	0,60	0,59	0,10
24	0,58	0,56	0,55	0,55	0,55	0,56	0,58	0,61	0,61	0,60	0,58	0,57	0,06
25	0,56	0,55	0,54	0,53	0,53	0,55	0,57	0,60	0,61	0,59	0,56	0,55	0,08
26	0,54	0,53	0,52	0,51	0,52	0,54	0,57	0,60	0,61	0,58	0,55	0,54	0,10
27	0,53	0,52	0,52	0,51	0,50	0,51	0,53	0,56	0,58	0,55	0,52	0,51	0,08
28	0,50	0,50	0,49	0,49	0,48	0,47	0,48	0,49	0,50	0,50	0,48	0,47	0,03
29	0,46	0,46	0,46	0,46	0,44	0,44	0,43	0,45	0,46	0,46	0,45	0,44	0,03
30	0,44	0,45	0,45	0,45	0,44	0,43	0,42	0,43	0,45	0,45	0,45	0,44	0,03
31	0,43	0,44	0,45	0,45	0,44	0,43	0,43	0,46	0,50	0,49	0,47	0,45	0,07

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,65	1,64	1,65	1,67	1,68	1,67	1,67	1,67	1,66	1,66	1,65	1,63	0,05
2	1,61	1,59	1,59	1,60	1,62	1,64	1,65	1,67	1,72	1,71	1,69	1,67	0,13
3	1,66	1,65	1,64	1,64	1,65	1,67	1,69	1,72	1,72	1,70	1,69	1,67	0,08
4	1,66	1,65	1,64	1,64	1,64	1,65	1,68	1,70	1,71	1,70	1,68	1,66	0,07
5	1,66	1,65	1,63	1,63	1,63	1,58	1,64	1,80	1,83	1,82	1,79	1,77	0,25
6	1,76	1,75	1,73	1,72	1,72	1,73	1,76	1,78	1,81	1,79	1,77	1,75	0,09
7	1,74	1,73	1,72	1,70	1,70	1,71	1,72	1,74	1,74	1,74	1,73	1,73	0,04
8	1,73	1,73	1,73	1,72	1,71	1,72	1,73	1,76	1,78	1,76	1,74	1,73	0,07
9	1,73	1,73	1,73	1,72	1,71	1,72	1,75	1,81	1,81	1,78	1,75	1,73	0,10
10	1,73	1,73	1,73	1,72	1,71	1,71	1,75	1,78	1,79	1,77	1,73	1,72	0,08
11	1,71	1,72	1,72	1,71	1,71	1,71	1,74	1,79	1,79	1,76	1,72	1,71	0,08
12	1,70	1,70	1,70	1,70	1,69	1,69	1,71	1,72	1,72	1,72	1,70	1,68	0,04
13	1,68	1,69	1,75	1,80	1,85	1,87	1,87	1,87	1,85	1,83	1,81	1,79	0,19
14	1,78	1,80	1,82	1,82	1,81	1,79	1,78	1,78	1,77	1,77	1,75	1,74	0,08
15	1,73	1,74	1,76	1,78	1,78	1,77	1,77	1,77	1,77	1,77	1,76	1,74	0,05
16	1,73	1,74	1,75	1,77	1,80	1,80	1,79	1,78	1,78	1,77	1,77	1,75	0,07
17	1,74	1,73	1,74	1,75	1,76	1,77	1,77	1,79	1,81	1,80	1,79	1,77	0,08
18	1,76	1,74	1,74	1,74	1,76	1,77	1,78	1,81	1,83	1,82	1,79	1,77	0,09
19	1,75	1,73	1,72	1,72	1,73	1,75	1,77	1,78	1,79	1,79	1,78	1,76	0,07
20	1,75	1,73	1,72	1,71	1,72	1,73	1,75	1,80	1,82	1,80	1,77	1,77	0,11
21	1,77	1,76	1,74	1,73	1,73	1,74	1,76	1,81	1,83	1,80	1,77	1,76	0,10
22	1,75	1,75	1,74	1,73	1,73	1,73	1,76	1,80	1,80	1,79	1,77	1,75	0,07
23	1,75	1,74	1,74	1,75	1,74	1,73	1,76	1,80	1,80	1,79	1,77	1,75	0,07
24	1,75	1,74	1,74	1,75	1,80	1,83	1,83	1,85	1,85	1,84	1,82	1,81	0,11
25	1,81	1,81	1,82	1,83	1,82	1,82	1,82	1,86	1,86	1,85	1,84	1,83	0,05
26	1,83	1,82	1,83	1,84	1,84	1,83	1,83	1,84	1,86	1,87	1,85	1,84	0,05
27	1,83	1,83	1,85	1,85	1,85	1,84	1,84	1,84	1,85	1,85	1,85	1,83	0,02
28	1,82	1,82	1,83	1,84	1,85	1,84	1,84	1,87	1,88	1,88	1,87	1,86	0,06
29	1,84	1,81	1,81	1,82	1,83	1,83	1,84	1,87	1,89	1,88	1,87	1,85	0,08
30	1,83	1,82	1,82	1,83	1,84	1,84	1,85	1,85	1,86	1,87	1,87	1,87	0,05

6. Công trình QT4b-QB

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,68	0,69	0,68	0,67	0,67	0,67	0,67	0,67	0,65	0,63	0,62	0,64	0,07
2	0,65	0,65	0,65	0,64	0,64	0,64	0,65	0,64	0,62	0,59	0,59	0,61	0,06
3	0,62	0,62	0,62	0,62	0,62	0,62	0,62	0,62	0,60	0,58	0,57	0,59	0,05
4	0,60	0,60	0,61	0,59	0,62	0,62	0,63	0,61	0,59	0,56	0,56	0,58	0,07
5	0,58	0,59	0,58	0,57	0,60	0,59	0,60	0,60	0,57	0,53	0,53	0,55	0,07
6	0,55	0,56	0,56	0,55	0,57	0,45	0,47	0,47	0,44	0,41	0,41	0,42	0,16
7	0,43	0,44	0,44	0,44	0,46	0,46	0,47	0,46	0,43	0,40	0,40	0,40	0,07
8	0,47	0,52	0,56	0,59	0,59	0,61	0,64	0,65	0,64	0,64	0,64	0,65	0,18
9	0,66	0,66	0,66	0,66	0,66	0,67	0,68	0,69	0,67	0,65	0,66	0,66	0,04
10	0,67	0,67	0,66	0,66	0,67	0,67	0,67	0,67	0,66	0,64	0,64	0,64	0,03
11	0,66	0,65	0,65	0,64	0,64	0,66	0,64	0,65	0,65	0,64	0,65	0,67	0,03
12	0,67	0,67	0,67	0,66	0,66	0,69	0,74	0,77	0,79	0,80	0,81	0,83	0,17
13	0,84	0,84	0,84	0,82	0,82	0,82	0,80	0,79	0,79	0,80	0,82	0,83	0,05
14	0,82	0,82	0,82	0,82	0,82	0,81	0,79	0,79	0,79	0,80	0,79	0,79	0,03
15	0,79	0,78	0,78	0,78	0,79	0,79	0,79	0,79	0,79	0,80	0,80	0,81	0,03
16	0,80	0,79	0,78	0,79	0,79	0,78	0,76	0,74	0,75	0,77	0,78	0,78	0,06
17	0,78	0,76	0,77	0,77	0,77	0,75	0,73	0,73	0,73	0,75	0,76	0,75	0,05
18	0,74	0,74	0,73	0,73	0,73	0,73	0,72	0,71	0,74	0,74	0,76	0,77	0,06
19	0,77	0,77	0,77	0,77	0,78	0,78	0,77	0,77	0,77	0,78	0,78	0,79	0,02
20	0,78	0,77	0,77	0,77	0,77	0,77	0,75	0,73	0,72	0,74	0,75	0,75	0,06
21	0,75	0,74	0,74	0,74	0,75	0,74	0,72	0,69	0,69	0,71	0,72	0,72	0,06
22	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72	0,70	0,68	0,67	0,69	0,70	0,70	0,05
23	0,71	0,69	0,72	0,72	0,73	0,72	0,72	0,72	0,73	0,71	0,72	0,72	0,04
24	0,72	0,71	0,72	0,70	0,71	0,71	0,72	0,72	0,71	0,70	0,70	0,70	0,02
25	0,70	0,70	0,70	0,69	0,70	0,71	0,71	0,71	0,70	0,70	0,69	0,69	0,02
26	0,69	0,69	0,68	0,69	0,69	0,70	0,70	0,70	0,69	0,68	0,67	0,67	0,03
27	0,67	0,67	0,66	0,66	0,67	0,68	0,68	0,69	0,67	0,67	0,66	0,66	0,03
28	0,66	0,66	0,64	0,64	0,65	0,66	0,67	0,67	0,65	0,64	0,63	0,63	0,04
29	0,63	0,63	0,62	0,62	0,63	0,64	0,65	0,65	0,64	0,64	0,63	0,63	0,03
30	0,62	0,61	0,60	0,60	0,61	0,62	0,63	0,63	0,61	0,60	0,60	0,61	0,03
31	0,60	0,60	0,58	0,58	0,59	0,60	0,61	0,61	0,60	0,60	0,59	0,59	0,03

7. Công trình QT10b-QT

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,18	1,17	1,17	1,17	1,17	1,16	1,14	1,13	1,11	1,11	1,12	1,14	0,07
2	1,14	1,14	1,13	1,13	1,13	1,13	1,12	1,10	1,08	1,08	1,09	1,10	0,06
3	1,11	1,11	1,10	1,10	1,11	1,12	1,11	1,09	1,08	1,08	1,10	1,11	0,04
4	1,13	1,13	1,13	1,13	1,14	1,15	1,15	1,14	1,12	1,11	1,12	1,13	0,04
5	1,15	1,16	1,15	1,14	1,15	1,16	1,16	1,14	1,12	1,10	1,10	1,12	0,06
6	1,14	1,14	1,14	1,13	1,13	1,15	1,17	1,16	1,13	1,11	1,11	1,12	0,06
7	1,14	1,15	1,15	1,14	1,13	1,15	1,17	1,17	1,14	1,11	1,09	1,10	0,08
8	1,11	1,13	1,12	1,11	1,11	1,12	1,15	1,15	1,13	1,11	1,09	1,09	0,06
9	1,11	1,12	1,12	1,11	1,11	1,12	1,15	1,17	1,15	1,12	1,09	1,09	0,08
10	1,10	1,12	1,13	1,12	1,11	1,12	1,15	1,18	1,16	1,14	1,10	1,09	0,09
11	1,09	1,10	1,11	1,11	1,09	1,10	1,12	1,17	1,16	1,14	1,10	1,08	0,09
12	1,08	1,09	1,10	1,10	1,08	1,08	1,12	1,16	1,15	1,14	1,11	1,08	0,08
13	1,07	1,07	1,09	1,08	1,07	1,06	1,09	1,12	1,12	1,12	1,10	1,08	0,06
14	1,06	1,07	1,08	1,08	1,05	1,03	1,02	1,05	1,11	1,13	1,12	1,12	0,11
15	1,11	1,11	1,13	1,15	1,16	1,15	1,15	1,17	1,20	1,22	1,23	1,23	0,12
16	1,22	1,22	1,22	1,22	1,23	1,22	1,21	1,20	1,21	1,22	1,24	1,26	0,06
17	1,25	1,24	1,23	1,23	1,23	1,22	1,20	1,18	1,18	1,19	1,21	1,22	0,07
18	1,22	1,21	1,20	1,20	1,20	1,20	1,18	1,16	1,14	1,15	1,16	1,18	0,08
19	1,19	1,19	1,17	1,16	1,16	1,17	1,16	1,13	1,10	1,09	1,10	1,13	0,10
20	1,15	1,16	1,16	1,15	1,15	1,17	1,17	1,15	1,12	1,10	1,10	1,13	0,07
21	1,16	1,17	1,17	1,16	1,17	1,20	1,23	1,22	1,19	1,16	1,15	1,18	0,08
22	1,21	1,23	1,23	1,22	1,22	1,25	1,29	1,30	1,26	1,22	1,19	1,19	0,11
23	1,22	1,24	1,23	1,22	1,21	1,22	1,22	1,23	1,22	1,21	1,19	1,18	0,06
24	0,93	0,93	0,94	0,95	0,95	0,96	0,96	0,95	0,94	0,95	0,94	0,93	0,03
25	0,95	0,97	0,95	0,96	0,96	0,98	1,00	1,00	1,00	1,01	1,01	1,01	0,06
26	1,02	1,04	1,03	1,00	0,97	0,98	1,00	1,04	1,07	1,07	1,04	1,03	0,10
27	1,04	1,05	1,05	1,03	1,01	0,99	1,01	1,04	1,06	1,06	1,05	1,04	0,07
28	1,04	1,05	1,05	1,04	1,02	1,00	1,01	1,03	1,05	1,06	1,06	1,05	0,06

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,01	1,01	1,02	1,03	1,03	1,03	1,01	0,99	0,98	0,98	0,99	1,01	0,05
2	1,02	1,02	1,02	1,04	1,06	1,07	1,05	1,03	1,01	1,01	1,02	1,03	0,06
3	1,04	1,04	1,04	1,04	1,06	1,08	1,09	1,05	1,01	0,99	1,00	1,02	0,10
4	1,03	1,02	1,01	1,01	1,03	1,08	1,10	1,08	1,03	1,00	1,00	1,02	0,10
5	1,03	1,02	0,99	0,98	1,01	1,06	1,10	1,10	1,06	1,00	0,99	1,01	0,12
6	1,03	1,02	0,99	0,97	0,99	1,04	1,08	1,09	1,07	1,00	0,99	1,00	0,12
7	1,02	1,02	0,99	0,97	0,98	1,02	1,06	1,08	1,07	1,02	0,99	0,99	0,11
8	1,02	1,02	0,99	0,95	0,95	0,96	1,00	1,01	1,01	0,99	0,97	0,96	0,07
9	0,98	1,00	0,99	0,96	0,94	0,96	0,99	0,96	0,98	0,99	0,97	0,97	0,06
10	0,98	1,00	1,00	0,98	0,96	0,97	1,00	1,02	1,04	1,04	1,02	1,02	0,08
11	1,02	1,03	1,03	1,01	0,98	0,97	0,99	1,00	1,02	1,02	1,02	1,02	0,06
12	1,02	1,03	1,04	1,02	1,00	0,98	0,98	0,99	1,01	1,02	1,03	1,02	0,06
13	1,02	1,02	1,03	1,03	1,01	0,99	0,97	0,98	0,99	1,00	1,00	1,01	0,06
14	1,00	1,00	1,01	1,02	1,00	0,98	0,95	0,94	0,94	0,95	0,97	0,98	0,08
15	0,98	0,98	0,99	1,00	1,01	1,00	0,96	0,94	0,94	0,94	0,95	0,98	0,07
16	0,98	0,98	0,99	1,01	1,03	1,03	1,00	0,96	0,94	0,94	0,95	0,97	0,09
17	0,98	0,97	0,96	0,98	1,01	1,04	1,02	0,98	0,94	0,92	0,93	0,95	0,12
18	0,95	0,94	0,92	0,93	0,96	1,01	1,02	1,00	0,96	0,94	0,94	0,96	0,10
19	0,96	0,94	0,91	0,90	0,92	0,95	0,98	0,99	0,96	0,93	0,92	0,94	0,09
20	0,96	0,94	0,92	0,89	0,90	0,93	0,96	0,97	0,96	0,93	0,91	0,93	0,08
21	0,95	0,95	0,92	0,90	0,90	0,91	0,94	0,95	0,95	0,93	0,92	0,92	0,05
22	0,93	0,94	0,92	0,90	0,89	0,90	0,93	0,95	0,94	0,92	0,91	0,91	0,06
23	0,92	0,92	0,90	0,88	0,86	0,86	0,89	0,91	0,91	0,90	0,89	0,89	0,06
24	0,91	0,92	0,92	0,89	0,87	0,88	0,88	0,88	0,89	0,89	0,89	0,89	0,05
25	0,90	0,91	0,91	0,89	0,88	0,87	0,87	0,89	0,91	0,91	0,91	0,90	0,04
26	0,90	0,92	0,92	0,90	0,88	0,86	0,86	0,87	0,89	0,90	0,90	0,89	0,06
27	0,89	0,91	0,92	0,91	0,89	0,87	0,86	0,88	0,90	0,91	0,90	0,89	0,06
28	0,89	0,91	0,93	0,92	0,90	0,86	0,85	0,86	0,87	0,88	0,88	0,87	0,08
29	0,86	0,88	0,90	0,91	0,89	0,87	0,84	0,85	0,86	0,88	0,88	0,87	0,07
30	0,86	0,88	0,91	0,92	0,91	0,88	0,85	0,85	0,86	0,88	0,89	0,88	0,07
31	0,87	0,88	0,91	0,94	0,92	0,89	0,86	0,84	0,85	0,86	0,87	0,86	0,10

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,85	0,83	0,81	0,80	0,83	0,85	0,88	0,88	0,86	0,85	0,86	0,87	0,08
2	0,88	0,86	0,83	0,82	0,83	0,84	0,86	0,88	0,87	0,86	0,85	0,87	0,06
3	0,89	0,87	0,85	0,82	0,82	0,84	0,87	0,89	0,88	0,87	0,87	0,88	0,07
4	0,91	0,91	0,88	0,83	0,81	0,82	0,84	0,85	0,86	0,85	0,84	0,86	0,10
5	0,89	0,90	0,87	0,84	0,80	0,80	0,80	0,82	0,83	0,83	0,81	0,82	0,10
6	0,85	0,88	0,88	0,84	0,81	0,78	0,78	0,79	0,80	0,79	0,78	0,79	0,10
7	0,82	0,86	0,87	0,86	0,82	0,79	0,78	0,79	0,79	0,79	0,77	0,77	0,10
8	0,78	0,81	0,84	0,85	0,83	0,80	0,79	0,79	0,81	0,80	0,79	0,78	0,07
9	0,77	0,79	0,81	0,84	0,83	0,81	0,80	0,79	0,80	0,80	0,79	0,77	0,07
10	0,75	0,75	0,77	0,80	0,82	0,82	0,81	0,81	0,82	0,82	0,81	0,79	0,07
11	0,78	0,76	0,77	0,78	0,80	0,81	0,81	0,81	0,81	0,82	0,82	0,81	0,06
12	0,80	0,78	0,77	0,78	0,80	0,81	0,81	0,81	0,81	0,81	0,82	0,83	0,06
13	0,81	0,79	0,78	0,78	0,79	0,80	0,81	0,81	0,81	0,81	0,82	0,83	0,05
14	0,81	0,80	0,78	0,78	0,78	0,80	0,80	0,81	0,80	0,80	0,81	0,82	0,04
15	0,82	0,80	0,78	0,77	0,78	0,79	0,80	0,81	0,81	0,80	0,81	0,83	0,06
16	0,83	0,82	0,80	0,78	0,78	0,78	0,80	0,81	0,81	0,80	0,81	0,84	0,06
17	0,85	0,84	0,82	0,80	0,80	0,80	0,82	0,83	0,82	0,82	0,82	0,83	0,05
18	0,85	0,85	0,83	0,81	0,79	0,80	0,81	0,83	0,82	0,81	0,81	0,83	0,06
19	0,85	0,87	0,85	0,82	0,80	0,80	0,82	0,83	0,83	0,82	0,82	0,83	0,07
20	0,86	0,88	0,87	0,84	0,81	0,81	0,82	0,84	0,84	0,84	0,83	0,84	0,07
21	0,87	0,89	0,89	0,86	0,82	0,81	0,82	0,83	0,83	0,83	0,82	0,82	0,08
22	0,85	0,88	0,89	0,87	0,84	0,82	0,82	0,83	0,83	0,83	0,83	0,85	0,07
23	0,87	0,87	0,85	0,82	0,79	0,79	0,80	0,82	0,81	0,81	0,81	0,82	0,08
24	0,81	0,84	0,84	0,82	0,83	0,83	0,84	0,84	0,85	0,84	0,84	0,82	0,04
25	0,81	0,82	0,84	0,87	0,87	0,86	0,85	0,85	0,86	0,87	0,86	0,84	0,06
26	0,82	0,82	0,83	0,85	0,87	0,87	0,86	0,85	0,86	0,87	0,86	0,85	0,05
27	0,83	0,82	0,83	0,84	0,86	0,87	0,87	0,87	0,86	0,86	0,86	0,86	0,05
28	0,84	0,82	0,83	0,84	0,85	0,87	0,88	0,88	0,87	0,88	0,89	0,89	0,07
29	0,87	0,85	0,84	0,85	0,86	0,88	0,90	0,90	0,89	0,88	0,89	0,90	0,06
30	0,90	0,87	0,85	0,84	0,86	0,89	0,91	0,90	0,89	0,88	0,89	0,92	0,08
31	0,94	0,93	0,90	0,88	0,89	0,92	0,95	0,96	0,95	0,94	0,95	0,98	0,10

- **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,29	1,30	1,31	1,31	1,29	1,29	1,31	1,33	1,31	1,28	1,26	1,27	0,07
2	1,29	1,32	1,33	1,32	1,31	1,30	1,32	1,34	1,33	1,30	1,28	1,28	0,06
3	1,28	1,30	1,32	1,31	1,30	1,29	1,30	1,31	1,31	1,29	1,26	1,25	0,07
4	1,25	1,26	1,28	1,28	1,28	1,27	1,27	1,28	1,28	1,27	1,24	1,23	0,05
5	1,22	1,22	1,23	1,24	1,24	1,24	1,24	1,25	1,26	1,25	1,23	1,22	0,04
6	1,20	1,20	1,20	1,21	1,22	1,22	1,22	1,22	1,24	1,24	1,23	1,22	0,04
7	1,20	1,20	1,19	1,21	1,20	1,21	1,21	1,21	1,22	1,22	1,22	1,21	0,03
8	1,19	1,19	1,18	1,19	1,20	1,21	1,21	1,21	1,22	1,23	1,24	1,24	0,06
9	1,22	1,20	1,19	1,20	1,21	1,24	1,24	1,24	1,23	1,24	1,25	1,26	0,07
10	1,24	1,20	1,18	1,17	1,18	1,20	1,18	1,17	1,16	1,17	1,19	1,20	0,08
11	1,19	1,17	1,14	1,14	1,14	1,16	1,16	1,15	1,13	1,14	1,16	1,19	0,06
12	1,21	1,19	1,20	1,17	1,18	1,21	1,22	1,21	1,19	1,18	1,20	1,25	0,08
13	1,28	1,29	1,28	1,26	1,27	1,31	1,34	1,35	1,33	1,33	1,36	1,38	0,12
14	1,40	1,40	1,36	1,34	1,33	1,34	1,36	1,35	1,33	1,30	1,30	1,33	0,10
15	1,37	1,40	1,41	1,40	1,39	1,40	1,46	1,44	1,40	1,36	1,34	1,36	0,12
16	1,38	1,39	1,39	1,36	1,35	1,35	1,38	1,38	1,35	1,31	1,29	1,30	0,10
17	1,33	1,35	1,34	1,32	1,29	1,29	1,31	1,33	1,31	1,27	1,25	1,25	0,10
18	1,27	1,29	1,30	1,30	1,28	1,27	1,28	1,29	1,28	1,25	1,23	1,22	0,08
19	1,23	1,25	1,27	1,28	1,27	1,26	1,27	1,29	1,29	1,27	1,24	1,23	0,06
20	1,23	1,25	1,26	1,27	1,28	1,28	1,28	1,29	1,30	1,29	1,26	1,24	0,07
21	1,23	1,23	1,23	1,25	1,25	1,25	1,25	1,25	1,27	1,27	1,25	1,22	0,05
22	1,21	1,20	1,21	1,22	1,24	1,25	1,25	1,25	1,28	1,29	1,30	1,28	0,10
23	1,25	1,23	1,22	1,23	1,24	1,25	1,25	1,25	1,26	1,28	1,29	1,27	0,07
24	1,25	1,21	1,19	1,19	1,21	1,22	1,21	1,21	1,21	1,23	1,26	1,28	0,09
25	1,26	1,23	1,20	1,20	1,22	1,24	1,25	1,24	1,23	1,26	1,30	1,36	0,16
26	1,39	1,39	1,35	1,34	1,35	1,37	1,38	1,35	1,32	1,31	1,33	1,37	0,08
27	1,39	1,37	1,34	1,31	1,30	1,32	1,32	1,29	1,26	1,24	1,25	1,28	0,15
28	1,31	1,31	1,30	1,27	1,26	1,27	1,29	1,27	1,24	1,22	1,22	1,25	0,09
29	1,28	1,29	1,28	1,26	1,25	1,26	1,28	1,27	1,25	1,22	1,22	1,24	0,07
30	1,26	1,29	1,28	1,27	1,26	1,27	1,29	1,29	1,27	1,25	1,24	1,25	0,05

8. Công trình QT8b-H

- **Mực nước giờ tháng 2**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,46	1,47	1,47	1,46	1,45	1,45	1,45	1,45	1,44	1,44	1,44	1,43	0,04
2	1,43	1,43	1,43	1,43	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	1,40	1,40	0,03
3	1,40	1,40	1,40	1,39	1,39	1,38	1,38	1,39	1,38	1,38	1,38	1,38	0,02
4	1,39	1,39	1,40	1,39	1,39	1,38	1,38	1,39	1,39	1,40	1,39	1,39	0,02
5	1,40	1,41	1,41	1,41	1,39	1,39	1,39	1,39	1,40	1,40	1,39	1,39	0,02
6	1,39	1,40	1,40	1,40	1,39	1,38	1,38	1,39	1,40	1,40	1,39	1,39	0,02
7	1,39	1,40	1,41	1,40	1,40	1,39	1,38	1,39	1,39	1,40	1,39	1,38	0,03
8	1,39	1,39	1,39	1,39	1,38	1,37	1,37	1,37	1,38	1,38	1,38	1,37	0,02
9	1,37	1,37	1,38	1,38	1,37	1,36	1,36	1,36	1,37	1,38	1,38	1,37	0,02
10	1,37	1,37	1,38	1,38	1,38	1,37	1,36	1,37	1,37	1,38	1,38	1,38	0,02
11	1,37	1,37	1,38	1,38	1,37	1,36	1,36	1,36	1,36	1,37	1,38	1,37	0,02
12	1,36	1,36	1,37	1,36	1,36	1,35	1,35	1,35	1,35	1,36	1,36	1,36	0,02
13	1,36	1,35	1,35	1,35	1,35	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34	0,02
14	1,34	1,34	1,34	1,33	1,33	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32	1,33	0,02
15	1,33	1,34	1,34	1,33	1,34	1,35	1,36	1,37	1,38	1,39	1,40	1,41	0,08
16	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	1,42	1,42	1,42	1,42	1,43	1,44	0,03
17	1,44	1,44	1,44	1,43	1,43	1,42	1,42	1,42	1,42	1,43	1,42	1,43	0,02
18	1,43	1,43	1,43	1,42	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	1,41	0,02
19	1,41	1,42	1,42	1,41	1,40	1,39	1,39	1,39	1,39	1,39	1,38	1,38	0,04
20	1,38	1,39	1,39	1,39	1,38	1,37	1,37	1,38	1,39	1,39	1,38	1,38	0,02
21	1,38	1,39	1,40	1,40	1,39	1,38	1,38	1,39	1,40	1,41	1,41	1,41	0,03
22	1,41	1,42	1,44	1,44	1,43	1,42	1,43	1,44	1,46	1,46	1,46	1,45	0,05
23	1,45	1,45	1,46	1,46	1,45	1,44	1,43	1,44	1,45	1,45	1,45	1,44	0,03
24	1,43	1,43	1,43	1,43	1,42	1,42	1,41	1,41	1,41	1,42	1,42	1,42	0,02
25	1,41	1,40	1,40	1,40	1,39	1,39	1,38	1,38	1,39	1,41	1,41	1,41	0,03
26	1,42	1,41	1,42	1,42	1,43	1,42	1,42	1,43	1,43	1,44	1,45	1,46	0,05
27	1,46	1,46	1,46	1,46	1,47	1,46	1,46	1,46	1,46	1,47	1,47	1,47	0,01
28	1,47	1,47	1,47	1,46	1,46	1,45	1,45	1,45	1,44	1,45	1,44	1,44	0,03

- **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,25	1,25	1,25	1,24	1,24	1,24	1,25	1,26	1,25	1,25	1,25	1,24	0,02
2	1,25	1,25	1,25	1,24	1,24	1,25	1,26	1,26	1,27	1,27	1,26	1,26	0,03
3	1,26	1,27	1,26	1,26	1,26	1,26	1,27	1,28	1,28	1,28	1,27	1,26	0,02
4	1,26	1,26	1,26	1,26	1,25	1,25	1,26	1,27	1,27	1,27	1,26	1,26	0,02
5	1,26	1,26	1,27	1,26	1,25	1,25	1,25	1,27	1,27	1,27	1,26	1,25	0,02
6	1,25	1,26	1,26	1,26	1,25	1,25	1,25	1,26	1,26	1,27	1,25	1,25	0,02
7	1,24	1,25	1,25	1,25	1,25	1,24	1,25	1,25	1,26	1,26	1,25	1,24	0,02
8	1,24	1,23	1,24	1,24	1,24	1,23	1,23	1,24	1,24	1,25	1,23	1,22	0,03
9	1,22	1,22	1,23	1,23	1,22	1,22	1,22	1,23	1,24	1,25	1,24	1,24	0,03
10	1,23	1,23	1,24	1,24	1,25	1,24	1,25	1,26	1,27	1,28	1,27	1,27	0,05
11	1,26	1,26	1,26	1,27	1,27	1,26	1,25	1,28	1,29	1,29	1,30	1,29	0,05
12	1,29	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,29	1,30	1,30	1,30	0,02
13	1,29	1,29	1,29	1,28	1,28	1,28	1,28	1,29	1,29	1,29	1,29	1,28	0,01
14	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28	1,27	1,27	1,27	0,01
15	1,27	1,27	1,26	1,26	1,26	1,26	1,27	1,28	1,27	1,27	1,26	1,26	0,02
16	1,26	1,26	1,26	1,26	1,26	1,26	1,27	1,28	1,28	1,27	1,26	1,26	0,02
17	1,26	1,27	1,26	1,26	1,25	1,26	1,27	1,28	1,28	1,27	1,26	1,25	0,03
18	1,25	1,26	1,26	1,26	1,24	1,24	1,25	1,26	1,27	1,26	1,26	1,25	0,03
19	1,25	1,26	1,26	1,25	1,24	1,24	1,24	1,25	1,26	1,26	1,24	1,24	0,02
20	1,24	1,24	1,25	1,25	1,24	1,23	1,24	1,25	1,25	1,25	1,24	1,23	0,02
21	1,23	1,23	1,24	1,24	1,24	1,23	1,23	1,24	1,24	1,24	1,23	1,22	0,02
22	1,22	1,22	1,23	1,23	1,22	1,23	1,23	1,24	1,24	1,24	1,23	1,21	0,03
23	1,21	1,21	1,21	1,22	1,22	1,21	1,21	1,23	1,23	1,23	1,22	1,21	0,02
24	1,21	1,20	1,21	1,21	1,21	1,21	1,21	1,22	1,22	1,22	1,21	1,21	0,02
25	1,20	1,20	1,20	1,21	1,21	1,21	1,22	1,22	1,21	1,21	1,21	1,21	0,02
26	1,20	1,20	1,20	1,20	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	0,01
27	1,18	1,18	1,17	1,17	1,18	1,18	1,18	1,19	1,19	1,18	1,18	1,18	0,02
28	1,18	1,18	1,17	1,18	1,18	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	0,02
29	1,19	1,18	1,18	1,18	1,19	1,19	1,20	1,20	1,20	1,20	1,19	1,19	0,02
30	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,20	1,20	1,20	1,20	1,19	1,19	1,19	0,01
31	1,19	1,18	1,18	1,18	1,18	1,19	1,20	1,21	1,20	1,19	1,19	1,19	0,03

- **Mực nước giờ tháng 8**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,14	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	1,16	1,16	1,16	1,16	1,16	1,14	0,02
2	1,15	1,15	1,16	1,16	1,15	1,15	1,16	1,17	1,18	1,18	1,16	1,16	0,03
3	1,15	1,16	1,16	1,16	1,16	1,16	1,16	1,17	1,18	1,18	1,17	1,15	0,03
4	1,15	1,16	1,16	1,17	1,16	1,15	1,15	1,16	1,16	1,16	1,16	1,14	0,03
5	1,14	1,14	1,15	1,16	1,15	1,15	1,14	1,14	1,15	1,15	1,14	1,13	0,03
6	1,13	1,13	1,14	1,14	1,14	1,14	1,13	1,13	1,13	1,13	1,13	1,12	0,02
7	1,12	1,12	1,12	1,13	1,13	1,13	1,12	1,12	1,12	1,12	1,12	1,11	0,02
8	1,11	1,11	1,11	1,11	1,12	1,12	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	0,01
9	1,10	1,11	1,11	1,10	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,10	1,10	0,01
10	1,10	1,10	1,09	1,10	1,10	1,10	1,11	1,10	1,11	1,10	1,10	1,10	0,02
11	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,11	1,11	1,11	1,09	1,10	1,10	0,02
12	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,11	1,10	1,10	1,10	1,10	1,09	0,02
13	1,09	1,10	1,10	1,10	1,10	1,11	1,11	1,11	1,11	1,10	1,09	1,09	0,02
14	1,09	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,11	1,11	1,10	1,10	1,09	0,02
15	1,09	1,09	1,10	1,10	1,10	1,09	1,10	1,11	1,11	1,10	1,09	1,08	0,03
16	1,09	1,09	1,10	1,10	1,09	1,09	1,10	1,10	1,11	1,10	1,09	1,08	0,03
17	1,08	1,09	1,09	1,10	1,09	1,09	1,09	1,10	1,10	1,09	1,09	1,08	0,02
18	1,08	1,09	1,10	1,10	1,09	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,09	1,09	0,02
19	1,09	1,09	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10	1,11	1,11	1,11	1,10	1,09	0,02
20	1,09	1,10	1,10	1,11	1,11	1,11	1,10	1,10	1,11	1,11	1,10	1,10	0,02
21	1,09	1,10	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,12	1,12	1,11	0,03
22	1,11	1,12	1,13	1,14	1,14	1,12	1,12	1,11	1,12	1,12	1,12	1,12	0,03
23	1,12	1,12	1,13	1,14	1,14	1,13	1,11	1,11	1,12	1,12	1,13	1,12	0,03
24	1,11	1,11	1,12	1,12	1,12	1,12	1,13	1,12	1,12	1,12	1,12	1,12	0,02
25	1,11	1,12	1,11	1,11	1,12	1,12	1,12	1,12	1,12	1,11	1,11	1,11	0,01
26	1,11	1,11	1,11	1,11	1,12	1,12	1,13	1,13	1,12	1,12	1,11	1,11	0,02
27	1,11	1,12	1,12	1,12	1,12	1,13	1,13	1,13	1,13	1,12	1,12	1,12	0,02
28	1,12	1,13	1,13	1,13	1,13	1,13	1,14	1,14	1,14	1,13	1,13	1,12	0,02
29	1,13	1,14	1,14	1,13	1,13	1,14	1,14	1,15	1,15	1,14	1,13	1,13	0,02
30	1,14	1,14	1,14	1,14	1,13	1,14	1,14	1,15	1,15	1,15	1,14	1,13	0,02
31	1,13	1,15	1,16	1,17	1,17	1,17	1,18	1,18	1,19	1,19	1,20	1,19	0,07

III. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

1. Công trình: QT8b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,97	1,82	1,74	1,72	1,51	1,56	1,36	1,18	1,23	1,65	2,12	2,19
2	1,96	1,81	1,74	1,71	1,49	1,55	1,34	1,18	1,23	1,65	2,07	2,29
3	1,96	1,81	1,73	1,70	1,48	1,55	1,33	1,21	1,23	1,65	2,02	2,27
4	1,95	1,82	1,72	1,70	1,47	1,55	1,32	1,22	1,23	1,64	1,98	2,23
5	1,94	1,82	1,72	1,69	1,48	1,54	1,32	1,24	1,22	1,64	1,95	2,19
6	1,94	1,82	1,72	1,66	1,48	1,54	1,31	1,25	1,22	1,64	1,93	2,16
7	1,94	1,81	1,73	1,64	1,50	1,54	1,30	1,26	1,25	1,66	1,93	2,15
8	1,93	1,81	1,72	1,63	1,54	1,54	1,29	1,26	1,28	1,69	1,95	2,13
9	1,92	1,80	1,71	1,66	1,58	1,54	1,28	1,26	1,32	1,70	1,97	2,12
10	1,92	1,80	1,72	1,66	1,60	1,55	1,27	1,26	1,33	1,71	1,98	2,11
11	1,92	1,80	1,70	1,62	1,61	1,54	1,26	1,26	1,34	1,73	1,99	2,09
12	1,92	1,80	1,70	1,62	1,63	1,52	1,25	1,26	1,34	1,75	1,99	2,07
13	1,92	1,79	1,71	1,62	1,66	1,51	1,24	1,26	1,34	1,82	2,01	2,06
14	1,93	1,78	1,73	1,62	1,66	1,50	1,24	1,27	1,35	1,86	2,04	2,04
15	1,91	1,77	1,73	1,62	1,68	1,49	1,24	1,27	1,35	1,90	2,05	2,03
16	1,89	1,77	1,73	1,64	1,70	1,48	1,24	1,26	1,36	1,90	2,07	2,02
17	1,88	1,77	1,73	1,65	1,70	1,47	1,25	1,26	1,38	1,89	2,08	2,07
18	1,87	1,77	1,73	1,65	1,69	1,46	1,24	1,26	1,38	1,92	2,08	2,07
19	1,86	1,77	1,72	1,66	1,69	1,45	1,23	1,25	1,38	1,90	2,06	2,09
20	1,86	1,77	1,72	1,65	1,68	1,44	1,23	1,25	1,38	1,88	2,04	2,13
21	1,86	1,76	1,73	1,66	1,67	1,42	1,24	1,25	1,38	1,88	2,02	2,13
22	1,87	1,77	1,73	1,65	1,65	1,41	1,24	1,24	1,39	1,87	2,01	2,13
23	1,86	1,76	1,72	1,65	1,63	1,41	1,24	1,24	1,39	1,87	2,03	2,12
24	1,84	1,76	1,71	1,62	1,66	1,40	1,24	1,23	1,39	1,88	2,04	2,11
25	1,84	1,74	1,70	1,59	1,68	1,40	1,22	1,22	1,43	1,88	2,04	2,10
26	1,84	1,73	1,69	1,58	1,67	1,41	1,21	1,21	1,52	1,88	2,06	2,08
27	1,83	1,73	1,69	1,57	1,65	1,40	1,20	1,21	1,55	1,87	2,08	2,07
28	1,82	1,73	1,70	1,56	1,63	1,39	1,19	1,20	1,57	1,86	2,08	2,07
29	1,81		1,71	1,53	1,61	1,38	1,20	1,21	1,59	1,86	2,08	2,06
30	1,81		1,71	1,53	1,60	1,37	1,19	1,22	1,64	1,93	2,08	2,05
31	1,82		1,71		1,58		1,18	1,23		2,12		2,05
T.Bình	1,89	1,78	1,72	1,63	1,61	1,48	1,25	1,24	1,37	1,81	2,03	2,11
Max	1,98	1,83	1,76	1,74	1,73	1,58	1,38	1,29	1,65	2,14	2,14	2,31
Min	1,80	1,73	1,69	1,51	1,46	1,36	1,17	1,17	1,21	1,62	1,91	2,02
ΔH	0,18	0,10	0,07	0,23	0,27	0,22	0,21	0,12	0,44	0,52	0,23	0,29

Mực nước trung bình năm: 1,66

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,31 Ngày: 02/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,17 Ngày: 31/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,14

2. Công trình: QT1b-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,71	0,67	0,68	0,57	0,18	0,07	-0,28	-0,02	-0,03	0,47	0,86	0,79
2	0,70	0,67	0,67	0,55	0,15	-0,01	-0,32	0,01	0,01	0,48	0,80	0,81
3	0,70	0,68	0,66	0,54	0,10	-0,07	-0,34	0,04	0,00	0,49	0,78	0,83
4	0,71	0,69	0,64	0,53	0,04	-0,12	-0,34	0,07	0,00	0,51	0,75	0,81
5	0,71	0,68	0,64	0,51	-0,02	-0,16	-0,34	0,07	-0,01	0,51	0,72	0,80
6	0,71	0,67	0,65	0,49	-0,10	-0,19	-0,34	0,05	0,00	0,51	0,72	0,79
7	0,69	0,66	0,66	0,46	-0,16	-0,19	-0,35	0,01	0,04	0,51	0,74	0,81
8	0,67	0,65	0,65	0,47	-0,13	-0,18	-0,36	-0,03	0,04	0,53	0,75	0,78
9	0,65	0,66	0,64	0,49	-0,02	-0,20	-0,37	-0,10	0,03	0,54	0,73	0,74
10	0,64	0,67	0,63	0,51	0,03	-0,23	-0,36	-0,15	0,01	0,56	0,73	0,71
11	0,63	0,67	0,61	0,49	0,06	-0,25	-0,36	-0,18	-0,01	0,61	0,77	0,71
12	0,62	0,66	0,59	0,50	0,12	-0,27	-0,36	-0,19	-0,02	0,67	0,83	0,71
13	0,61	0,65	0,60	0,50	0,21	-0,25	-0,38	-0,18	-0,03	0,71	0,85	0,72
14	0,59	0,65	0,63	0,49	0,25	-0,24	-0,43	-0,22	-0,03	0,73	0,92	0,70
15	0,57	0,66	0,65	0,48	0,28	-0,26	-0,45	-0,25	-0,01	0,73	0,91	0,68
16	0,55	0,69	0,65	0,49	0,28	-0,26	-0,45	-0,28	0,23	0,73	0,88	0,69
17	0,55	0,69	0,63	0,49	0,28	-0,27	-0,35	-0,28	0,38	0,74	0,85	0,77
18	0,55	0,70	0,62	0,47	0,26	-0,27	-0,26	-0,29	0,37	0,87	0,82	0,84
19	0,55	0,68	0,60	0,46	0,19	-0,25	-0,22	-0,30	0,35	0,93	0,80	0,85
20	0,55	0,69	0,58	0,42	0,13	-0,24	-0,19	-0,36	0,33	0,83	0,78	0,89
21	0,54	0,71	0,55	0,38	0,07	-0,23	-0,15	-0,37	0,32	0,77	0,77	0,93
22	0,54	0,71	0,54	0,36	0,07	-0,24	-0,11	-0,36	0,30	0,75	0,75	0,97
23	0,56	0,70	0,52	0,32	0,11	-0,25	-0,08	-0,35	0,28	0,77	0,74	0,98
24	0,60	0,66	0,53	0,27	0,07	-0,26	-0,06	-0,35	0,27	0,85	0,74	0,98
25	0,63	0,64	0,54	0,22	0,11	-0,24	-0,03	-0,35	0,27	0,86	0,74	0,93
26	0,65	0,64	0,53	0,23	0,16	-0,24	-0,01	-0,36	0,38	0,80	0,77	0,83
27	0,66	0,65	0,55	0,25	0,19	-0,23	-0,01	-0,37	0,40	0,76	0,80	0,83
28	0,68	0,66	0,56	0,25	0,19	-0,21	-0,01	-0,38	0,43	0,74	0,78	0,81
29	0,69		0,57	0,19	0,18	-0,22	-0,03	-0,38	0,45	0,73	0,76	0,79
30	0,68		0,58	0,17	0,15	-0,24	-0,05	-0,35	0,46	0,91	0,77	0,80
31	0,68		0,59		0,12		-0,04	-0,20		0,94		0,79
T.Bình	0,63	0,67	0,60	0,42	0,11	-0,21	-0,24	-0,21	0,17	0,69	0,79	0,81
Max	0,73	0,71	0,68	0,59	0,29	0,10	0,00	0,09	0,48	1,00	0,94	1,00
Min	0,50	0,63	0,49	0,14	-0,20	-0,30	-0,51	-0,39	-0,10	0,46	0,70	0,66
ΔH	0,23	0,08	0,19	0,45	0,49	0,40	0,51	0,48	0,58	0,54	0,24	0,34

Mực nước trung bình năm: 0,35

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,00 Ngày: 30/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,51 Ngày: 16/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,51

3. Công trình: QT3c-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,49									
2												
3									1,24	1,74	1,80	
4												
5												
6	1,53	1,47	1,44	1,32	1,06	0,98	0,90	1,06	1,23	1,81	1,87	
7												
8												
9									1,25	1,85	2,04	
10												
11												
12	1,47	1,44	1,38	1,27	1,16	0,95	0,87	1,02	1,20	2,00	1,80	
13												
14												
15									1,19	1,97	1,87	
16												
17												
18	1,46	1,49	1,40	1,23	1,19	1,07	1,22	1,00	1,35	2,04	2,04	
19												
20												
21									1,31	1,96	1,80	
22												
23												
24	1,48	1,48	1,41	1,14	1,10	0,96	1,15	0,97	1,30	2,20	1,70	
25												
26												
27									1,57	1,87		1,65
28												
29												
30	1,51		1,40	1,11	1,05	0,95	1,08	0,96	1,78	2,04		1,71
31												
T.Bình	1,49	1,47	1,42	1,22	1,11	0,98	1,05	1,00	1,34	1,95	1,87	1,68
Max	1,53	1,49	1,49	1,32	1,19	1,07	1,22	1,06	1,78	2,20	2,04	1,71
Min	1,46	1,44	1,38	1,11	1,05	0,95	0,87	0,96	1,19	1,74	1,70	1,65
ΔH	0,07	0,05	0,11	0,21	0,14	0,12	0,35	0,10	0,59	0,46	0,34	0,06

Mực nước trung bình năm: 1,43
Mực nước lớn nhất trong năm: 2,20 Ngày: 24/10/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,87 Ngày: 12/07/2023
Biên độ dao động năm: 1,33

4. Công trình: QT7c-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,22	1,19	1,08	0,94	0,94	0,92	0,86	0,83	0,85	1,06	1,18	1,19
2	1,21	1,17	1,07	0,94	0,94	0,91	0,85	0,83	0,85	1,05	1,18	1,22
3	1,23	1,17	1,06	0,93	0,94	0,90	0,84	0,84	0,86	1,05	1,18	1,23
4	1,24	1,15	1,06	0,93	0,94	0,90	0,83	0,83	0,86	1,07	1,16	1,22
5	1,23	1,12	1,07	0,93	0,94	0,89	0,82	0,82	0,87	1,07	1,15	1,21
6	1,23	1,10	1,07	0,93	0,93	0,92	0,82	0,82	0,88	1,05	1,15	1,21
7	1,23	1,09	1,07	0,94	0,93	0,93	0,81	0,80	0,89	1,04	1,17	1,22
8	1,22	1,07	1,08	0,94	0,92	0,93	0,81	0,80	0,90	1,04	1,17	1,18
9	1,21	1,06	1,08	0,94	0,93	0,93	0,80	0,79	0,90	1,05	1,17	1,15
10	1,20	1,05	1,08	0,96	0,97	0,92	0,81	0,78	0,88	1,08	1,18	1,12
11	1,20	1,05	1,08	0,97	1,00	0,92	0,80	0,78	0,86	1,10	1,18	1,13
12	1,20	1,04	1,08	0,96	1,04	0,91	0,80	0,78	0,85	1,16	1,17	1,13
13	1,20	1,04	1,07	0,96	1,05	0,91	0,80	0,78	0,84	1,21	1,21	1,13
14	1,19	1,02	1,07	0,97	1,04	0,90	0,81	0,78	0,83	1,20	1,25	1,12
15	1,19	1,04	1,07	0,96	1,03	0,89	0,81	0,77	0,84	1,18	1,31	1,12
16	1,20	1,08	1,07	0,97	1,02	0,89	0,81	0,77	0,88	1,17	1,31	1,13
17	1,22	1,09	1,08	0,97	1,01	0,90	0,83	0,77	0,88	1,18	1,28	1,19
18	1,22	1,08	1,09	0,97	0,99	0,89	0,85	0,77	0,88	1,23	1,26	1,26
19	1,22	1,07	1,10	0,97	0,99	0,89	0,85	0,77	0,86	1,21	1,25	1,25
20	1,21	1,06	1,10	0,96	0,98	0,88	0,85	0,78	0,85	1,18	1,24	1,29
21	1,19	1,06	1,09	0,95	0,97	0,87	0,84	0,77	0,85	1,16	1,23	1,30
22	1,20	1,07	1,09	0,95	0,96	0,86	0,84	0,77	0,84	1,16	1,22	1,34
23	1,21	1,08	1,09	0,94	0,95	0,86	0,84	0,77	0,83	1,22	1,21	1,37
24	1,21	1,08	0,90	0,94	0,94	0,86	0,85	0,77	0,90	1,26	1,18	1,37
25	1,18	1,08	0,91	0,95	0,95	0,86	0,85	0,77	1,05	1,24	1,17	1,34
26	1,19	1,08	0,92	0,94	0,94	0,87	0,85	0,77	1,15	1,21	1,21	1,31
27	1,19	1,08	0,92	0,94	0,93	0,86	0,86	0,77	1,13	1,20	1,22	1,27
28	1,20	1,08	0,91	0,95	0,93	0,86	0,85	0,77	1,12	1,19	1,19	1,27
29	1,21		0,92	0,95	0,92	0,86	0,85	0,79	1,09	1,17	1,18	1,27
30	1,20		0,93	0,94	0,93	0,86	0,85	0,79	1,08	1,19	1,18	1,26
31	1,20		0,94		0,92		0,84	0,84		1,19		1,27
T.Bình	1,21	1,08	1,04	0,95	0,96	0,89	0,83	0,79	0,91	1,15	1,20	1,22
Max	1,24	1,20	1,10	0,98	1,06	0,94	0,86	0,85	1,15	1,27	1,36	1,38
Min	1,18	1,01	0,89	0,91	0,91	0,85	0,79	0,76	0,82	1,03	1,13	1,10
ΔH	0,06	0,19	0,21	0,07	0,15	0,09	0,07	0,09	0,33	0,24	0,23	0,28

Mực nước trung bình năm: 1,03

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,38 Ngày: 23/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,76 Ngày: 15/08/2023

Biên độ dao động năm: 0,62

5. Công trình: QT8c-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,67									
2												
3									-0,08	0,47	0,93	0,96
4												
5												
6	0,82	0,64	0,64	0,41	0,15	0,01	-0,02	-0,03	-0,05	0,45	0,91	0,87
7												
8												
9									-0,03	0,51	0,85	0,82
10												
11												
12	0,74	0,58	0,58	0,34	0,09	0,00	-0,01	-0,08	0,00	0,91	0,82	0,76
13												
14												
15									0,02	1,07	1,41	0,80
16												
17												
18	0,79	0,63	0,60	0,30	0,09	-0,03	0,05	-0,10	0,05	1,25	1,14	1,00
19												
20												
21									0,10	0,94	1,00	1,05
22												
23												
24	0,76	0,65	0,53	0,27	0,07	-0,05	0,04	-0,13	0,09	1,00	0,87	1,07
25												
26												
27									0,53	0,99	0,95	1,01
28												
29												
30	0,74		0,47	0,23	0,06	0,00	0,01	-0,15	0,41	0,98	0,91	0,96
31												
T.Bình	0,77	0,63	0,58	0,31	0,09	-0,01	0,02	-0,10	0,11	0,86	0,98	0,93
Max	0,82	0,65	0,67	0,41	0,15	0,01	0,05	-0,03	0,53	1,25	1,41	1,07
Min	0,74	0,58	0,47	0,23	0,06	-0,05	-0,02	-0,15	-0,08	0,45	0,82	0,76
ΔH	0,08	0,07	0,20	0,18	0,09	0,06	0,07	0,12	0,61	0,80	0,59	0,31

Mực nước trung bình năm: 0,50

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,41 Ngày: 15/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,15 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,56

6. Công trình: QT10c-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,12									
2												
3									0,95	1,08	1,25	1,29
4												
5												
6	1,26	1,12	1,07	0,99	0,93	0,80	0,80	0,77	0,99	1,06	1,16	1,20
7												
8												
9									0,92	1,07	1,19	1,15
10												
11												
12	1,17	1,05	0,95	0,97	0,92	0,79	0,81	0,75	0,89	1,16	1,14	1,09
13												
14												
15									0,86	1,21	1,36	1,14
16												
17												
18	1,15	1,14	1,01	1,00	0,90	0,80	0,89	0,74	0,91	1,30	1,22	1,33
19												
20												
21									0,90	1,17	1,21	1,29
22												
23												
24	1,09	1,10	0,90	0,95	0,83	0,78	0,79	0,77	0,89	1,23	1,15	1,38
25												
26												
27									1,05	1,27	1,23	1,34
28												
29												
30	1,11		0,96	0,92	0,84	0,84	0,83	0,85	0,99	1,24	1,21	1,32
31												
T.Bình	1,16	1,11	1,01	0,97	0,89	0,81	0,83	0,78	0,94	1,18	1,22	1,26
Max	1,26	1,14	1,12	1,00	0,93	0,84	0,89	0,85	1,05	1,30	1,36	1,38
Min	1,09	1,05	0,90	0,92	0,83	0,78	0,79	0,74	0,86	1,06	1,14	1,09
ΔH	0,17	0,09	0,22	0,08	0,10	0,06	0,10	0,11	0,19	0,24	0,22	0,29

Mực nước trung bình năm: 1,04
Mực nước lớn nhất trong năm: 1,38 Ngày: 24/12/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,74 Ngày: 18/08/2023
Biên độ dao động năm: 0,64

7. Công trình: QT11b-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,48	1,31	1,34	1,20	1,16	1,08	1,05	1,01	1,00	1,20	1,54	1,36
2	1,46	1,31	1,33	1,20	1,16	1,10	1,05	1,01	1,01	1,19	1,52	1,41
3	1,45	1,31	1,33	1,20	1,15	1,11	1,04	1,02	1,01	1,19	1,51	1,48
4	1,45	1,30	1,32	1,21	1,16	1,11	1,05	1,02	1,01	1,20	1,48	1,52
5	1,44	1,30	1,32	1,23	1,17	1,11	1,05	1,01	1,01	1,20	1,45	1,52
6	1,42	1,30	1,32	1,23	1,16	1,10	1,04	1,00	1,02	1,18	1,43	1,48
7	1,42	1,30	1,31	1,22	1,16	1,10	1,04	1,00	1,03	1,18	1,44	1,47
8	1,41	1,30	1,31	1,21	1,13	1,10	1,03	0,99	1,04	1,18	1,46	1,45
9	1,39	1,29	1,30	1,22	1,13	1,11	1,03	0,98	1,04	1,19	1,46	1,42
10	1,37	1,29	1,30	1,22	1,13	1,12	1,03	0,97	1,05	1,22	1,46	1,39
11	1,36	1,29	1,30	1,23	1,14	1,12	1,03	0,97	1,05	1,31	1,46	1,35
12	1,35	1,29	1,29	1,22	1,16	1,11	1,02	0,96	1,04	1,48	1,47	1,32
13	1,34	1,29	1,28	1,22	1,17	1,10	1,02	0,96	1,03	1,76	1,52	1,30
14	1,31	1,29	1,29	1,23	1,16	1,10	1,02	0,95	1,03	1,79	1,64	1,28
15	1,28	1,35	1,29	1,22	1,16	1,10	1,02	0,95	1,03	1,71	2,01	1,28
16	1,29	1,39	1,28	1,22	1,16	1,10	1,02	0,95	1,07	1,69	2,17	1,28
17	1,33	1,39	1,27	1,22	1,16	1,09	1,04	0,97	1,09	1,64	1,96	1,34
18	1,36	1,37	1,26	1,22	1,15	1,09	1,04	0,96	1,09	1,78	1,79	1,57
19	1,36	1,35	1,25	1,22	1,15	1,08	1,03	0,95	1,07	1,88	1,70	1,65
20	1,34	1,33	1,24	1,21	1,14	1,07	1,02	0,95	1,06	1,74	1,61	1,66
21	1,30	1,32	1,22	1,21	1,14	1,07	1,02	0,95	1,05	1,64	1,54	1,68
22	1,29	1,32	1,21	1,19	1,14	1,06	1,02	0,95	1,03	1,58	1,47	1,71
23	1,28	1,32	1,19	1,19	1,13	1,06	1,02	0,95	1,03	1,58	1,42	1,70
24	1,28	1,32	1,19	1,17	1,13	1,06	1,01	0,95	1,03	1,59	1,36	1,67
25	1,30	1,31	1,20	1,17	1,12	1,06	1,01	0,95	1,13	1,59	1,34	1,66
26	1,30	1,31	1,20	1,16	1,11	1,06	1,02	0,95	1,23	1,59	1,40	1,66
27	1,30	1,33	1,20	1,17	1,10	1,06	1,02	0,95	1,24	1,57	1,42	1,64
28	1,31	1,33	1,20	1,16	1,09	1,05	1,02	0,95	1,24	1,56	1,40	1,62
29	1,31		1,20	1,16	1,09	1,05	1,02	0,95	1,22	1,56	1,38	1,61
30	1,31		1,21	1,16	1,10	1,06	1,01	0,96	1,21	1,55	1,36	1,58
31	1,31		1,21		1,09		1,01	0,99		1,55		1,56
T.Bình	1,35	1,32	1,26	1,20	1,14	1,09	1,03	0,97	1,07	1,49	1,54	1,50
Max	1,49	1,40	1,34	1,24	1,18	1,12	1,06	1,02	1,25	1,91	2,22	1,71
Min	1,27	1,27	1,17	1,15	1,08	1,04	1,00	0,93	0,99	1,17	1,33	1,27
ΔH	0,22	0,13	0,17	0,09	0,10	0,08	0,06	0,09	0,26	0,74	0,89	0,44

Mực nước trung bình năm: 1,25

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,22 Ngày: 16/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,93 Ngày: 21/08/2023

Biên độ dao động năm: 1,29

8. Công trình: QT13-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	40,59	40,35	39,91	36,54	35,52	34,82	34,00	33,42	33,08	32,79	38,37	41,45
2	40,56	40,26	39,91	36,50	35,50	34,79	33,98	33,40	33,08	32,78	38,61	41,33
3	40,58	40,19	39,90	36,47	35,47	34,76	33,95	33,39	33,08	32,77	38,77	41,20
4	40,63	40,14	39,90	36,43	35,46	34,73	33,93	33,37	33,08	32,76	38,86	41,08
5	40,72	40,08	39,89	36,39	35,43	34,70	33,91	33,36	33,08	32,75	38,91	40,96
6	40,93	40,02	39,90	36,34	35,40	34,67	33,89	33,35	33,08	32,74	38,95	40,85
7	41,43	39,96	39,91	36,29	35,37	34,64	33,86	33,33	33,08	32,74	39,03	40,75
8	42,03	39,90	39,90	36,24	35,36	34,62	33,84	33,32	33,08	32,73	39,30	40,66
9	42,44	39,84	39,91	36,21	35,38	34,60	33,82	33,30	33,08	32,72	39,96	40,57
10	42,63	39,97	39,89	36,20	35,36	34,57	33,80	33,30	33,08	32,71	40,61	40,50
11	42,70	39,98	39,90	36,17	35,33	34,54	33,78	33,28	33,08	32,73	41,04	40,46
12	42,68	39,91	39,91	36,13	35,32	34,51	33,75	33,28	33,08	32,90	41,26	40,43
13	42,62	39,86	39,90	36,10	35,31	34,48	33,74	33,29	33,08	33,13	41,43	40,41
14	42,54	39,91	39,91	36,07	35,29	34,45	33,72	33,30	33,08	33,42	41,59	40,38
15	42,40	40,00	39,91	36,03	35,28	34,43	33,70	33,30	33,08	33,66	41,75	40,36
16	42,22	39,93	39,91	35,99	35,26	34,40	33,68	33,31	33,08	33,80	41,89	40,33
17	42,07	39,88	39,88	35,97	35,23	34,37	33,66	33,31	33,08	33,88	42,05	40,31
18	41,92	39,91	39,91	35,94	35,20	34,34	33,65	33,31	33,08	34,11	42,26	40,32
19	41,79	39,91	39,90	35,92	35,18	34,32	33,63	33,32	33,08	34,71	42,42	40,44
20	41,66	39,89	39,90	35,88	35,15	34,29	33,62	33,32	33,08	35,00	42,50	40,67
21	41,55	39,90	39,90	35,84	35,12	34,26	33,60	33,32	33,08	35,13	42,52	41,15
22	41,43	39,91	39,91	35,79	35,09	34,24	33,58	33,32	33,08	35,22	42,49	41,82
23	41,31	39,89	39,91	35,75	35,08	34,21	33,57	33,32	33,08	35,29	42,41	42,35
24	41,14	39,90	36,87	35,71	35,05	34,17	33,55	33,08	32,91	35,57	42,30	42,71
25	41,04	39,91	36,83	35,69	35,00	34,15	33,54	33,08	32,82	36,13	42,19	43,25
26	40,95	39,91	36,78	35,66	34,97	34,12	33,52	33,08	32,86	36,50	42,08	43,86
27	40,81	39,89	36,73	35,63	34,95	34,10	33,51	33,08	32,83	36,73	41,96	44,11
28	40,68	39,90	36,67	35,61	34,92	34,07	33,49	33,08	32,81	36,88	41,83	44,15
29	40,58		36,64	35,58	34,89	34,05	33,47	33,08	32,81	36,97	41,70	44,09
30	40,48		36,61	35,55	34,87	34,03	33,45	33,07	32,80	37,27	41,57	43,99
31	40,43		36,58		34,85		33,44	33,08		38,00		43,87
T.Bình	41,47	39,97	39,08	36,02	35,21	34,42	33,70	33,26	33,02	34,34	41,02	41,57
Max	42,71	40,40	39,94	36,56	35,53	34,83	34,02	33,43	33,09	38,20	42,54	44,17
Min	40,40	39,79	36,55	35,53	34,83	34,01	33,43	33,07	32,76	32,71	38,23	40,29
ΔH	2,31	0,61	3,39	1,03	0,70	0,82	0,59	0,36	0,33	5,49	4,31	3,88

Mực nước trung bình năm: 36,91

Mực nước lớn nhất trong năm: 44,17 Ngày: 28/12/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 32,71 Ngày: 09/10/2023

Biên độ dao động năm: 11,46

IV. Tầng chứa nước khe nứt trong đá Bazan (Bz)

1. Công trình: QT2-QT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	21,16	20,77	20,00	19,00	18,09	17,57	16,61	15,59				
2	21,11	20,68	19,97	18,97	18,07	17,54	16,57	15,56				
3	21,04	20,63	19,94	18,93	18,05	17,51	16,53	15,53	14,85	15,01	15,54	15,26
4	21,07	20,62	19,91	18,90	18,03	17,49	16,49	15,51				
5	21,33	20,59	19,89	18,85	18,00	17,46	16,45	15,49				
6	21,94	20,54	19,85	18,81	17,98	17,44	16,42	15,46	14,85	15,06	15,61	15,21
7	22,09	20,47	19,86	18,77	17,95	17,42	16,38	15,43				
8	22,16	20,40	19,91	18,73	17,92	17,40	16,34	15,40				
9	22,06	20,34	19,89	18,69	17,92	17,38	16,31	15,37	14,86	15,24	15,58	15,16
10	21,92	20,27	19,86	18,66	17,90	17,35	16,28	15,34				
11	21,76	20,22	19,85	18,63	17,89	17,32	16,24	15,33				
12	21,59	20,15	19,92	18,59	17,88	17,29	16,20	15,33	14,86	15,33	15,54	15,11
13	21,43	20,12	19,89	18,56	17,86	17,27	16,17	15,32				
14	21,27	20,05	19,86	18,54	17,85	17,24	16,13	15,33				
15	21,10	20,01	19,83	18,50	17,84	17,22	16,09	15,34	14,86	15,38	15,47	15,15
16	20,91	20,11	19,92	18,47	17,84	17,19	16,06	15,34				
17	20,76	20,12	19,90	18,45	17,83	17,17	16,04	15,35				
18	20,65	20,11	19,87	18,43	17,80	17,14	16,02	15,35	14,87	15,50	15,43	15,23
19	20,60	20,07	19,84	18,41	17,79	17,11	15,99	15,34				
20	20,57	19,99	19,91	18,38	17,77	17,08	15,96	15,33				
21	20,53	20,00	19,90	18,34	17,75	17,06	15,93	15,33	14,87	15,74	15,36	15,28
22	20,48	20,00	19,88	18,30	17,73	17,03	15,90	15,32				
23	20,42	20,00	19,84	18,27	17,70	17,00	15,87	15,33				
24	20,41	20,04	19,26	18,24	17,69	16,95	15,84	15,33	14,89	15,84	15,31	15,32
25	20,49	20,10	19,26	18,22	17,68	16,91	15,81					
26	20,55	20,05	19,22	18,20	17,67	16,85	15,78					
27	20,50	20,02	19,18	18,18	17,66	16,80	15,75		14,90	15,78	15,29	15,29
28	20,78	20,01	19,13	18,16	17,64	16,75	15,72					
29	20,88		19,10	18,13	17,62	16,71	15,68					
30	20,85		19,06	18,11	17,61	16,66	15,65	14,85	14,91	15,46	15,28	15,26
31	20,83		19,03		17,59		15,62					
T.Bình	21,07	20,23	19,70	18,51	17,82	17,18	16,09	15,39	14,88	15,44	15,44	15,23
Max	22,18	20,80	20,01	19,02	18,10	17,58	16,64	15,61	14,91	15,84	15,61	15,32
Min	20,37	19,95	19,01	18,09	17,56	16,63	15,60	14,85	14,85	15,01	15,28	15,11
ΔH	1,81	0,85	1,00	0,93	0,54	0,95	1,04	0,76	0,06	0,83	0,33	0,21

Mực nước trung bình năm: 18,28

Mực nước lớn nhất trong năm: 22,18 Ngày: 08/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 14,85 Ngày: 30/08/2023

Biên độ dao động năm: 7,33

V. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Triat (t) và Triat giữa (t_2)

1. Công trình: QT4b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,04									
2												
3					2,39	1,79	3,10	2,74	2,60	3,35		
4												
5												
6	3,99	3,59	2,89	2,77	2,24	3,04	3,04	2,69	2,58	3,26	3,54	3,08
7												
8												
9					2,09	2,64	3,08	2,79	2,61	3,19		
10												
11												
12	3,79	3,29	2,84	2,86	1,94	2,37	3,11	2,82	2,59	3,22	3,49	2,97
13												
14												
15					1,79	2,14	3,03	2,72	2,63	3,25		
16												
17												
18	3,59	3,09	2,79	2,83	1,88	1,99	3,05	2,69	2,67	3,26	3,19	2,88
19												
20												
21					1,96	1,86	3,02	2,67	2,71	3,28		
22												
23												
24	3,29	2,89	2,91	2,79	2,04	3,09	3,09	2,66	2,74	3,29	2,99	2,79
25												
26												
27					1,97	3,02	2,91	2,64	3,64	3,64		
28												
29												
30	3,64		2,84	2,54	1,89	3,19	2,79	2,62	3,44	3,61	3,19	2,74
31												
T.Bình	3,66	3,22	2,89	2,76	2,02	2,51	3,02	2,70	2,82	3,34	3,28	2,89
Max	3,99	3,59	3,04	2,86	2,39	3,19	3,11	2,82	3,64	3,64	3,54	3,08
Min	3,29	2,89	2,79	2,54	1,79	1,79	2,79	2,62	2,58	3,19	2,99	2,74
ΔH	0,70	0,70	0,25	0,32	0,60	1,40	0,32	0,20	1,06	0,45	0,55	0,34

Mực nước trung bình năm: 2,86

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,99 Ngày: 06/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,79 Ngày: 15/05/2023

Biên độ dao động năm: 2,20

2. Công trình: QT5b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,39									
2												
3					-0,49	-1,07	-0,34	0,11	-0,35	0,96		
4												
5												
6	0,31	-0,59	-0,09	-0,20	-0,64	-0,19	-0,39	0,13	-0,36	0,91	0,96	0,18
7												
8												
9					-0,79	-0,50	-0,35	0,15	-0,37	0,94		
10												
11												
12	-0,09	-0,64	-0,14	-0,32	-0,94	-0,59	-0,32	0,16	-0,39	0,97	0,81	0,09
13												
14												
15					-1,09	-0,64	-0,37	0,06	-0,29	1,00		
16												
17												
18	-0,49	-0,66	-0,19	-0,11	-1,04	-0,69	-0,25	-0,04	-0,26	1,03	0,41	0,01
19												
20												
21					-1,01	-0,74	-0,04	-0,14	-0,23	1,06		
22												
23												
24	-0,89	-0,59	0,21	-0,03	-0,99	-0,34	0,11	-0,21	-0,19	1,11	0,11	-0,04
25												
26												
27					-1,02	-0,31	0,10	-0,29	1,31	1,31		
28												
29												
30	-0,49		-0,14	-0,34	-1,04	-0,29	0,09	-0,32	1,01	1,29	0,31	-0,09
31												
T.Bình	-0,33	-0,62	-0,12	-0,20	-0,91	-0,54	-0,18	-0,04	-0,01	1,06	0,52	0,03
Max	0,31	-0,59	0,21	-0,03	-0,49	-0,19	0,11	0,16	1,31	1,31	0,96	0,18
Min	-0,89	-0,66	-0,39	-0,34	-1,09	-1,07	-0,39	-0,32	-0,39	0,91	0,11	-0,09
ΔH	1,20	0,07	0,60	0,31	0,60	0,88	0,50	0,48	1,70	0,40	0,85	0,27

Mực nước trung bình năm: -0,10

Mực nước lớn nhất trong năm: 1,31 Ngày: 27/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -1,09 Ngày: 15/05/2023

Biên độ dao động năm: 2,40

3. Công trình: QT18b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	22,01	21,74	21,69									
2	22,00	21,72	21,67									
3	22,04	21,76	21,65		20,98	21,17	20,69	21,42	20,77	22,02		
4	22,04	21,76	21,65									
5	22,02	21,78	21,63									
6	22,01	21,78	21,63	22,02	20,94	21,27	20,62	21,47	20,72	21,96	22,12	22,17
7	21,99	21,78	21,61									
8	21,96	21,77	21,60									
9	21,96	21,76	21,58		21,17	21,15	20,67	21,32	20,67	22,06		
10	21,98	21,84	21,57									
11	22,03	21,90	21,55									
12	22,05	21,89	21,54	21,67	21,37	21,04	20,61	21,22	20,62	22,17	22,27	22,12
13	22,03	21,85	21,55									
14	21,98	21,83	21,56									
15	21,93	21,85	21,53		21,31	20,93	20,57	21,12	20,57	22,22		
16	21,95	21,87	21,52									
17	21,96	21,85	21,51									
18	21,95	21,84	21,49	21,32	21,29	20,82	20,77	21,07	20,52	22,10	22,17	22,07
19	21,91	21,81	21,48									
20	21,91	21,80	21,47									
21	21,90	21,77	21,43		21,27	20,71	20,87	21,04	20,47	22,07		
22	21,89	21,81	21,42									
23	21,86	21,82	21,39									
24	21,82	21,78	21,38	21,12	21,25	20,61	21,22	21,02	20,40	22,05	22,12	22,04
25	21,83	21,76										
26	21,81	21,73										
27	21,83	21,72			21,22	20,71	21,27	20,97	22,17	22,27		
28	21,82	21,71										
29	21,78											
30	21,76		21,25	21,03	21,20	20,79	21,37	20,87	22,07	22,25	22,21	21,99
31	21,75											
T.Bình	21,93	21,80	21,55	21,43	21,20	20,92	20,87	21,15	20,90	22,12	22,18	22,08
Max	22,07	21,92	21,71	22,02	21,37	21,27	21,37	21,47	22,17	22,27	22,27	22,17
Min	21,72	21,68	21,25	21,03	20,94	20,61	20,57	20,87	20,40	21,96	22,12	21,99
ΔH	0,35	0,24	0,46	0,99	0,43	0,66	0,80	0,60	1,77	0,31	0,15	0,18

Mực nước trung bình năm: 21,74

Mực nước lớn nhất trong năm: 22,27 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 20,40 Ngày: 24/09/2023

Biên độ dao động năm: 1,87

4. Công trình: QT1b-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			43,10									
2												
3					42,52	42,33	43,30	44,74	44,25	44,84		
4												
5												
6	43,85	43,00	43,17	43,02	42,38	43,49	43,26	44,65	44,15	44,73	44,35	44,30
7												
8												
9					42,70	43,15	43,22	44,56	44,05	44,62		
10												
11												
12	43,49	42,89	43,14	42,90	42,94	42,75	43,18	44,47	43,95	44,54	43,79	44,15
13												
14												
15					42,76	42,55	43,14	44,55	44,30	44,43		
16												
17												
18	43,35	42,78	43,09	43,08	42,71	42,35	43,35	44,69	44,40	44,35	43,35	44,23
19												
20												
21					42,66	42,15	43,40	44,60	44,45	44,22		
22												
23												
24	43,25	43,20	43,03	42,92	42,61	43,43	43,48	44,53	44,51	44,12	44,18	44,34
25												
26												
27					42,55	43,50	44,35	44,45	45,35	45,50		
28												
29												
30	43,13		43,10	42,66	42,44	43,35	44,50	44,35	45,03	45,35	44,45	44,05
31												
T.Bình	43,42	42,97	43,11	42,92	42,63	42,91	43,52	44,56	44,45	44,67	44,03	44,22
Max	43,85	43,20	43,17	43,08	42,94	43,50	44,50	44,74	45,35	45,50	44,45	44,34
Min	43,13	42,78	43,03	42,66	42,38	42,15	43,14	44,35	43,95	44,12	43,35	44,05
ΔH	0,72	0,42	0,14	0,42	0,56	1,35	1,36	0,39	1,40	1,38	1,10	0,29

Mực nước trung bình năm: 43,68

Mực nước lớn nhất trong năm: 45,50 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 42,15 Ngày: 21/06/2023

Biên độ dao động năm: 3,35

5. Công trình: QT3b-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,75	0,95	0,91	0,89	0,80	0,47	0,76	0,77	0,72	1,21	1,67	1,59
2	0,74	0,94	0,90	0,89	0,79	0,47	0,75	0,80	0,71	1,21	1,60	1,74
3	0,75	0,92	0,90	0,88	0,78	0,47	0,74	0,86	0,68	1,19	1,51	1,65
4	0,80	0,90	0,90	0,88	0,74	0,53	0,72	0,88	0,63	1,18	1,47	1,61
5	0,82	0,89	0,90	0,88	0,70	0,55	0,71	0,91	0,62	1,18	1,44	1,58
6	0,84	0,88	0,91	0,88	0,69	0,57	0,69	0,93	0,62	1,17	1,51	1,47
7	0,87	0,87	0,90	0,88	0,66	0,61	0,67	0,93	0,61	1,14	1,52	1,45
8	0,90	0,86	0,90	0,88	0,64	0,62	0,65	0,94	0,61	1,49	1,61	1,46
9	0,91	0,86	0,90	0,88	0,63	0,63	0,63	0,94	0,60	1,54	1,59	1,47
10	0,94	0,87	0,89	0,88	0,63	0,64	0,63	0,91	0,59	1,39	1,56	1,47
11	0,96	0,88	0,88	0,89	0,63	0,65	0,65	0,90	0,58	1,34	1,54	1,46
12	0,98	0,88	0,90	0,89	0,69	0,65	0,66	0,87	0,59	1,28	1,52	1,46
13	0,99	0,88	0,92	0,89	0,71	0,65	0,66	0,87	0,57	1,30	1,82	1,43
14	1,03	0,87	0,93	0,88	0,71	0,64	0,65	0,85	0,54	1,50	1,90	1,42
15	1,00	0,87	0,93	0,87	0,71	0,63	0,65	0,84	0,53	1,66	1,71	1,43
16	1,02	0,87	0,94	0,87	0,73	0,63	0,68	0,83	0,53	1,50	1,58	1,41
17	1,03	0,87	0,95	0,87	0,73	0,64	0,70	0,83	0,56	1,40	1,52	1,33
18	1,03	0,87	0,94	0,89	0,73	0,66	0,73	0,83	0,60	1,35	1,51	1,32
19	1,03	0,86	0,94	0,91	0,73	0,66	0,73	0,81	0,64	1,35	1,49	1,34
20	1,02	0,86	0,93	0,92	0,71	0,64	0,75	0,81	0,70	1,33	1,49	1,33
21	1,01	0,86	0,91	0,93	0,69	0,64	0,79	0,86	0,72	1,30	1,48	1,32
22	1,02	0,87	0,90	0,93	0,66	0,64	0,82	0,92	0,73	1,27	1,47	1,33
23	1,02	0,88	0,90	0,92	0,64	0,64	0,81	0,95	0,73	1,26	1,47	1,32
24	1,01	0,88	0,90	0,92	0,63	0,67	0,82	0,90	0,73	1,27	1,44	1,32
25	1,01	0,88	0,91	0,90	0,63	0,72	0,82	0,84	0,79	1,28	1,42	1,33
26	1,00	0,89	0,91	0,87	0,62	0,73	0,82	0,83	0,95	1,39	1,42	1,33
27	0,99	0,91	0,89	0,87	0,58	0,74	0,82	0,82	1,39	1,68	1,42	1,34
28	0,98	0,91	0,89	0,86	0,54	0,76	0,80	0,78	1,25	1,55	1,44	1,36
29	0,98		0,89	0,84	0,53	0,77	0,78	0,74	1,18	1,42	1,44	1,38
30	0,97		0,89	0,82	0,50	0,77	0,78	0,72	1,21	1,40	1,42	1,39
31	0,96		0,89		0,48		0,78	0,72		1,54		1,40
T.Bình	0,95	0,88	0,91	0,89	0,67	0,64	0,73	0,85	0,73	1,36	1,53	1,43
Max	1,04	0,96	0,96	0,94	0,81	0,80	0,84	0,98	1,43	1,72	2,08	1,75
Min	0,72	0,85	0,88	0,81	0,47	0,46	0,62	0,69	0,52	1,12	1,25	1,30
ΔH	0,32	0,11	0,08	0,13	0,34	0,34	0,22	0,29	0,91	0,60	0,83	0,45

Mực nước trung bình năm: 0,96

Mực nước lớn nhất trong năm: 2,08 Ngày: 13/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,46 Ngày: 02/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,62

6. Công trình: QT6b-HT

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	6,37	6,90	6,99	6,86	6,98	6,22	6,95	6,90	6,35	7,14	7,29	7,49
2	6,37	6,90	6,96	6,84	6,93	6,24	6,90	6,82	6,31	7,12	7,23	7,46
3	6,44	6,92	6,92	6,85	6,84	6,18	6,82	6,75	6,31	7,09	7,22	7,39
4	6,85	6,98	6,88	6,89	6,76	6,15	6,75	6,76	6,31	7,07	7,20	7,36
5	6,83	7,01	6,84	6,90	6,66	6,16	6,76	6,85	6,31	7,05	7,13	7,35
6	6,88	7,00	6,82	6,90	6,59	6,23	6,85	6,90	6,31	7,02	7,29	7,34
7	6,91	7,01	6,83	6,89	6,51	6,55	6,90	6,94	6,31	6,99	7,38	7,36
8	6,91	7,02	6,85	6,88	6,95	6,67	6,94	6,96	6,31	7,29	7,41	7,33
9	6,93	7,02	6,87	6,87	6,99	6,70	6,96	6,97	6,31	7,26	7,36	7,33
10	6,95	7,03	6,88	6,87	6,95	6,77	6,97	6,98	6,31	7,23	7,33	7,32
11	6,97	7,03	6,88	6,90	6,90	6,81	6,98	6,98	6,31	7,21	7,32	7,31
12	6,99	7,02	6,89	6,91	6,98	6,90	6,98	7,00	6,31	7,22	7,31	7,31
13	6,98	7,00	6,92	6,93	7,03	6,90	7,00	7,01	6,31	7,28	7,46	7,29
14	6,97	7,01	6,93	6,93	6,98	6,85	7,01	7,01	6,31	7,32	7,43	7,29
15	6,94	7,04	6,92	6,95	6,96	6,86	7,01	7,03	6,31	7,27	7,34	7,30
16	6,91	7,07	6,92	6,93	6,92	6,86	7,03	7,04	6,31	7,19	7,39	7,29
17	6,90	7,05	6,93	6,93	6,83	6,89	7,04	7,03	6,60	7,16	7,38	7,31
18	6,88	7,08	6,91	6,94	6,73	6,94	7,03	7,03	6,65	7,15	7,34	7,29
19	6,89	7,08	6,93	6,94	6,62	6,97	7,03	7,08	6,66	7,15	7,30	7,29
20	6,92	7,03	6,94	6,95	6,52	6,98	7,08	7,15	6,64	7,13	7,29	7,30
21	6,90	6,99	6,93	6,94	6,45	7,00	7,15	7,14	6,57	7,11	7,29	7,24
22	6,88	7,01	6,89	6,95	6,39	7,01	7,14	7,07	6,51	7,11	7,27	7,24
23	6,91	7,04	6,88	6,97	6,35	6,99	7,07	7,04	6,45	7,15	7,27	7,22
24	6,91	7,07	6,89	6,97	6,36	7,02	7,03	6,80	6,39	7,20	7,33	7,22
25	6,92	7,04	6,94	6,95	6,36	6,99	6,99	6,76	6,72	7,15	7,35	7,20
26	6,94	7,03	6,93	7,05	6,32	6,96	6,96	6,70	7,20	7,13	7,36	7,20
27	6,94	7,02	6,92	7,06	6,30	6,96	6,96	6,59	7,31	7,11	7,35	7,21
28	6,93	7,02	6,97	7,02	6,32	6,99	6,99	6,48	7,20	7,11	7,34	7,22
29	6,92		6,94	7,00	6,28	7,03	7,03	6,44	7,17	7,15	7,33	7,23
30	6,91		6,91	7,02	6,24	6,99	6,99	6,41	7,16	7,25	7,32	7,24
31	6,90		6,88		6,23		6,95	6,39		7,36		7,23
T.Bình	6,87	7,02	6,91	6,93	6,65	6,76	6,98	6,87	6,54	7,17	7,32	7,30
Max	7,00	7,11	7,01	7,08	7,06	7,05	7,23	7,23	7,36	7,38	7,53	7,51
Min	6,35	6,89	6,79	6,82	6,20	6,14	6,71	6,35	6,28	6,96	6,88	7,17
ΔH	0,65	0,22	0,22	0,26	0,86	0,91	0,52	0,88	1,08	0,42	0,65	0,34

Mực nước trung bình năm: 6,94

Mực nước lớn nhất trong năm: 7,53 Ngày: 13/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 6,14 Ngày: 04/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,39

7. Công trình: QT1b-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	6,12	5,92	5,66	5,55	5,40	5,05	4,90	4,63	4,62	7,22	11,26	7,04
2	6,11	5,90	5,66	5,55	5,40	5,05	4,89	4,63	4,62	7,01	9,78	7,21
3	6,10	5,89	5,65	5,54	5,38	5,06	4,88	4,64	4,61	6,88	8,76	7,28
4	6,09	5,89	5,64	5,54	5,36	5,05	4,87	4,64	4,57	6,68	8,12	7,31
5	6,09	5,88	5,64	5,54	5,34	5,03	4,85	4,64	4,57	6,56	7,77	7,33
6	6,08	5,88	5,64	5,53	5,34	5,04	4,84	4,65	4,57	6,50	7,60	7,32
7	6,07	5,87	5,63	5,51	5,31	5,06	4,83	4,65	4,56	6,45	7,36	7,30
8	6,07	5,86	5,62	5,50	5,32	5,06	4,82	4,66	4,57	6,92	7,23	7,30
9	6,06	5,86	5,62	5,49	5,31	5,05	4,80	4,67	4,59	7,17	7,21	7,31
10	6,05	5,86	5,62	5,48	5,31	5,05	4,79	4,68	4,61	6,96	7,17	7,27
11	6,05	5,85	5,60	5,48	5,30	5,05	4,78	4,67	4,61	6,83	7,12	7,20
12	6,05	5,85	5,59	5,47	5,30	5,03	4,77	4,67	4,63	6,72	7,06	7,15
13	6,04	5,85	5,57	5,46	5,32	5,02	4,75	4,67	4,62	6,69	7,35	7,08
14	6,02	5,84	5,58	5,46	5,33	5,01	4,74	4,66	4,62	6,79	8,19	7,03
15	6,02	5,82	5,57	5,45	5,34	4,99	4,72	4,66	4,62	7,15	7,68	7,02
16	6,00	5,81	5,56	5,45	5,34	4,99	4,72	4,66	4,64	7,03	7,48	7,00
17	5,99	5,80	5,55	5,44	5,33	4,98	4,71	4,67	4,68	6,90	7,35	6,90
18	5,98	5,79	5,55	5,44	5,32	4,96	4,70	4,68	4,72	6,77	7,31	6,88
19	5,98	5,79	5,54	5,46	5,31	4,95	4,69	4,67	4,78	6,67	7,29	6,87
20	5,98	5,78	5,54	5,46	5,30	4,93	4,67	4,67	4,85	6,61	7,27	6,82
21	5,98	5,77	5,53	5,46	5,28	4,91	4,68	4,67	4,88	6,53	7,23	6,78
22	5,98	5,77	5,53	5,45	5,27	4,90	4,68	4,69	4,89	6,46	7,20	6,75
23	5,97	5,78	5,52	5,45	5,25	4,88	4,69	4,69	4,91	6,41	7,15	6,73
24	5,96	5,74	5,51	5,44	5,21	4,87	4,69	4,67	4,91	6,35	7,15	6,71
25	5,95	5,68	5,53	5,42	5,19	4,88	4,68	4,67	4,95	6,36	7,12	6,66
26	5,94	5,67	5,54	5,42	5,18	4,88	4,68	4,67	5,53	6,36	7,08	6,64
27	5,95	5,67	5,54	5,41	5,17	4,87	4,68	4,67	8,62	6,35	7,04	6,61
28	5,93	5,67	5,53	5,41	5,16	4,88	4,68	4,64	8,41	6,23	7,03	6,56
29	5,92		5,53	5,39	5,15	4,90	4,67	4,61	7,76	6,49	7,00	6,55
30	5,92		5,53	5,39	5,12	4,91	4,66	4,60	7,41	8,37	6,98	6,53
31	5,92		5,54		5,08		4,65	4,60		12,06		6,51
T.Bình	6,01	5,81	5,58	5,47	5,28	4,98	4,75	4,66	5,16	6,92	7,58	6,96
Max	6,13	5,93	5,68	5,58	5,41	5,08	4,93	4,76	8,81	12,21	11,92	7,38
Min	5,92	5,67	5,51	5,39	5,06	4,87	4,64	4,58	4,54	6,14	6,97	6,50
ΔH	0,21	0,26	0,17	0,19	0,35	0,21	0,29	0,18	4,27	6,07	4,95	0,88

Mực nước trung bình năm: 5,76

Mực nước lớn nhất trong năm: 12,21 Ngày: 31/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 4,54 Ngày: 08/09/2023

Biên độ dao động năm: 7,67

8. Công trình: QT2b-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,14	5,00	4,97	5,08	5,17	4,22	4,27	3,88	3,81	7,86	12,29	6,97
2	5,11	4,96	4,98	5,08	5,12	4,23	4,23	3,89	3,79	7,45	11,54	8,14
3	5,12	4,96	4,98	5,04	5,05	4,26	4,18	3,99	3,75	7,04	10,61	8,19
4	5,15	4,97	4,97	5,03	4,98	4,27	4,13	4,13	3,70	6,73	9,43	7,91
5	5,17	4,97	4,98	5,01	4,90	4,25	4,12	4,24	3,71	6,50	8,55	7,66
6	5,19	4,94	4,96	4,98	4,81	4,31	4,10	4,28	3,70	6,31	7,97	7,45
7	5,23	4,95	4,96	4,93	4,73	4,38	4,08	4,27	3,68	6,19	7,67	7,30
8	5,24	4,97	4,97	4,90	4,77	4,39	4,05	4,26	3,67	7,22	8,37	7,14
9	5,21	4,98	4,99	4,89	4,91	4,36	4,03	4,24	3,72	8,41	8,09	7,03
10	5,21	4,99	4,99	4,86	4,90	4,34	4,01	4,22	3,81	7,96	7,66	6,87
11	5,23	4,99	4,97	4,84	4,88	4,33	4,00	4,14	3,82	7,58	7,36	6,69
12	5,25	4,99	4,97	4,83	4,91	4,28	3,98	4,11	3,84	7,31	7,17	6,61
13	5,29	4,96	4,95	4,82	5,01	4,25	3,97	4,10	3,83	7,20	7,89	6,51
14	5,28	4,94	4,98	4,82	4,99	4,23	3,94	4,07	3,89	7,87	9,66	6,42
15	5,23	4,97	4,98	4,81	4,91	4,24	3,95	4,04	4,02	8,71	9,30	6,35
16	5,17	5,01	4,97	4,85	4,85	4,24	4,02	4,02	4,11	8,42	8,63	6,28
17	5,23	5,04	4,97	4,85	4,78	4,23	4,02	3,99	4,23	7,86	8,54	6,21
18	5,25	5,04	4,95	4,87	4,72	4,23	3,99	3,99	4,42	7,42	8,15	6,17
19	5,25	5,04	4,93	4,92	4,66	4,21	3,96	3,95	4,56	7,12	7,77	6,07
20	5,23	5,01	4,88	4,90	4,60	4,19	4,00	3,89	4,63	6,87	7,43	5,95
21	5,20	5,00	4,85	4,87	4,56	4,18	4,09	3,87	4,61	6,66	7,17	5,87
22	5,19	5,04	4,82	4,85	4,50	4,17	4,16	3,89	4,62	6,50	6,98	5,84
23	5,14	5,05	4,78	4,82	4,45	4,15	4,17	3,89	4,58	6,36	6,80	5,81
24	5,10	5,03	4,78	4,74	4,41	4,18	4,14	3,92	4,47	6,29	6,69	5,74
25	5,13	4,93	4,80	4,71	4,39	4,21	4,10	3,97	4,64	6,49	6,66	5,68
26	5,15	4,94	4,83	4,77	4,36	4,19	4,06	3,96	6,58	6,69	6,57	5,63
27	5,11	4,93	4,86	4,82	4,33	4,18	4,02	3,92	9,67	6,52	6,51	5,60
28	5,13	4,95	4,93	4,82	4,33	4,20	4,00	3,84	9,33	6,43	6,50	5,56
29	5,14		5,00	4,82	4,29	4,26	3,98	3,79	8,80	6,59	6,46	5,52
30	5,07		5,04	5,10	4,26	4,28	3,95	3,81	8,27	9,84	6,43	5,46
31	5,03		5,06		4,24		3,91	3,83		13,49		5,49
T.Bình	5,18	4,98	4,94	4,89	4,70	4,25	4,05	4,01	4,81	7,42	8,03	6,46
Max	5,33	5,11	5,11	5,20	5,22	4,44	4,33	4,32	11,16	13,91	12,84	8,33
Min	4,97	4,88	4,71	4,69	4,20	4,13	3,84	3,71	3,62	6,14	6,39	5,44
ΔH	0,36	0,23	0,40	0,51	1,02	0,31	0,49	0,61	7,54	7,77	6,45	2,89

Mực nước trung bình năm: 5,31

Mực nước lớn nhất trong năm: 13,91 Ngày: 31/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 3,62 Ngày: 08/09/2023

Biên độ dao động năm: 10,29

9. Công trình: QT3b-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	10,67	10,62	10,48	10,58	10,53	10,42	10,44	10,30	10,49	11,45	13,64	11,82
2	10,66	10,62	10,48	10,58	10,55	10,42	10,43	10,30	10,48	11,45	13,51	12,04
3	10,65	10,62	10,48	10,58	10,57	10,44	10,44	10,32	10,47	11,44	13,16	12,08
4	10,64	10,62	10,47	10,59	10,58	10,44	10,43	10,34	10,43	11,43	12,80	12,11
5	10,63	10,61	10,48	10,60	10,58	10,43	10,42	10,37	10,43	11,42	12,61	12,10
6	10,62	10,60	10,48	10,59	10,58	10,43	10,41	10,39	10,43	11,39	12,50	12,05
7	10,61	10,60	10,49	10,57	10,57	10,44	10,40	10,39	10,42	11,36	12,39	12,02
8	10,61	10,59	10,50	10,56	10,59	10,46	10,39	10,41	10,42	11,47	12,60	12,00
9	10,61	10,59	10,51	10,55	10,60	10,49	10,38	10,43	10,41	11,65	12,55	11,98
10	10,61	10,58	10,51	10,54	10,61	10,50	10,36	10,44	10,42	11,67	12,41	11,94
11	10,61	10,58	10,50	10,55	10,61	10,49	10,35	10,44	10,42	11,65	12,30	11,89
12	10,61	10,57	10,49	10,55	10,61	10,48	10,35	10,44	10,43	11,64	12,21	11,86
13	10,62	10,57	10,48	10,55	10,63	10,47	10,34	10,44	10,43	11,69	12,33	11,81
14	10,63	10,57	10,47	10,56	10,63	10,46	10,33	10,43	10,42	11,87	12,76	11,77
15	10,63	10,57	10,46	10,56	10,64	10,45	10,32	10,43	10,42	12,05	12,70	11,75
16	10,63	10,56	10,46	10,56	10,64	10,44	10,31	10,43	10,43	12,03	12,59	11,71
17	10,62	10,54	10,46	10,55	10,63	10,43	10,30	10,46	10,45	11,99	12,61	11,60
18	10,62	10,54	10,46	10,55	10,62	10,42	10,31	10,49	10,49	11,94	12,50	11,55
19	10,62	10,55	10,45	10,56	10,61	10,41	10,31	10,48	10,57	11,89	12,37	11,54
20	10,62	10,55	10,45	10,58	10,59	10,40	10,32	10,47	10,63	11,83	12,27	11,48
21	10,63	10,55	10,45	10,58	10,58	10,40	10,32	10,49	10,65	11,76	12,20	11,43
22	10,64	10,56	10,46	10,56	10,57	10,39	10,32	10,53	10,66	11,70	12,13	11,39
23	10,65	10,57	10,46	10,55	10,55	10,39	10,33	10,55	10,66	11,65	12,07	11,36
24	10,65	10,55	10,46	10,54	10,53	10,39	10,32	10,55	10,66	11,57	12,01	11,34
25	10,64	10,50	10,48	10,53	10,52	10,39	10,31	10,56	10,64	11,54	11,95	11,33
26	10,65	10,49	10,51	10,52	10,53	10,40	10,31	10,57	10,73	11,59	11,90	11,30
27	10,65	10,48	10,53	10,52	10,51	10,41	10,31	10,56	10,99	11,57	11,84	11,27
28	10,64	10,48	10,55	10,51	10,51	10,42	10,30	10,53	11,21	11,53	11,82	11,26
29	10,63		10,56	10,50	10,51	10,43	10,29	10,50	11,33	11,51	11,79	11,24
30	10,63		10,57	10,51	10,49	10,43	10,29	10,48	11,40	12,04	11,75	11,21
31	10,62		10,58		10,44		10,29	10,49		13,26		11,19
T.Bình	10,63	10,56	10,49	10,55	10,57	10,43	10,35	10,45	10,60	11,71	12,41	11,66
Max	10,68	10,63	10,61	10,64	10,65	10,51	10,46	10,63	11,46	13,55	13,69	12,13
Min	10,60	10,47	10,45	10,49	10,41	10,38	10,29	10,29	10,39	11,34	11,73	11,18
ΔH	0,08	0,16	0,16	0,15	0,24	0,13	0,17	0,34	1,07	2,21	1,96	0,95

Mực nước trung bình năm: 10,87

Mực nước lớn nhất trong năm: 13,69 Ngày: 01/11/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 10,29 Ngày: 29/07/2023

Biên độ dao động năm: 3,40

10. Công trình: QT4b-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	11,10	10,93	10,38	10,41	10,49	10,25	9,97	9,63	9,76	12,69	16,24	14,21
2	11,06	10,91	10,38	10,39	10,46	10,22	9,94	9,67	9,74	12,52	15,76	15,24
3	11,03	10,88	10,37	10,35	10,42	10,22	9,92	9,84	9,71	12,35	15,28	15,35
4	11,00	10,87	10,34	10,33	10,38	10,21	9,89	10,05	9,68	12,22	14,88	15,32
5	10,97	10,84	10,33	10,31	10,34	10,17	9,88	10,10	9,67	12,10	14,58	15,15
6	10,95	10,81	10,31	10,30	10,30	10,20	9,86	10,09	9,67	11,97	14,37	14,94
7	10,93	10,78	10,30	10,30	10,25	10,22	9,84	10,05	9,66	11,87	14,24	14,79
8	10,90	10,76	10,29	10,30	10,33	10,20	9,82	10,04	9,65	12,66	14,83	14,60
9	10,87	10,74	10,28	10,30	10,34	10,19	9,81	10,03	9,65	13,29	14,66	14,42
10	10,85	10,72	10,27	10,28	10,32	10,18	9,79	9,99	9,67	13,20	14,42	14,21
11	10,82	10,69	10,27	10,29	10,33	10,14	9,77	9,95	9,66	13,17	14,19	13,99
12	10,83	10,67	10,27	10,28	10,42	10,11	9,77	9,92	9,66	13,14	14,02	13,81
13	10,81	10,64	10,26	10,28	10,54	10,10	9,74	9,91	9,65	13,64	14,51	13,63
14	10,80	10,62	10,26	10,27	10,53	10,08	9,73	9,88	9,75	14,30	15,29	13,46
15	10,79	10,60	10,25	10,28	10,48	10,06	9,73	9,86	9,77	14,68	14,98	13,33
16	10,89	10,58	10,25	10,30	10,45	10,03	9,73	9,85	9,79	14,41	15,02	13,18
17	11,01	10,56	10,24	10,28	10,40	10,01	9,71	9,85	9,91	14,14	15,18	13,00
18	11,03	10,54	10,23	10,27	10,36	9,99	9,69	9,86	9,94	13,92	14,93	12,87
19	11,03	10,53	10,21	10,28	10,32	9,96	9,68	9,84	9,98	13,72	14,66	12,75
20	11,02	10,52	10,19	10,25	10,28	9,94	9,69	9,81	10,04	13,50	14,41	12,62
21	11,01	10,50	10,17	10,21	10,24	9,93	9,70	9,82	10,03	13,31	14,19	12,49
22	11,01	10,51	10,16	10,21	10,20	9,92	9,70	9,85	10,03	13,13	13,98	12,40
23	10,98	10,50	10,13	10,21	10,17	9,92	9,69	9,86	10,01	12,98	13,80	12,31
24	10,98	10,47	10,15	10,20	10,24	9,94	9,68	9,85	9,97	13,02	13,66	12,22
25	10,97	10,45	10,20	10,18	10,57	9,96	9,67	9,86	10,30	13,54	13,62	12,10
26	10,93	10,42	10,24	10,19	10,56	9,96	9,66	9,85	12,43	13,79	13,65	12,01
27	10,94	10,39	10,31	10,19	10,51	10,00	9,65	9,82	13,71	13,66	13,75	11,93
28	10,98	10,39	10,41	10,16	10,48	10,01	9,67	9,78	12,92	13,50	13,68	11,85
29	10,98		10,42	10,18	10,44	10,01	9,67	9,75	12,76	13,41	13,59	11,77
30	10,95		10,43	10,49	10,38	9,99	9,67	9,76	12,85	14,93	13,49	11,69
31	10,94		10,42		10,31		9,65	9,76		16,67		11,70
T.Bình	10,95	10,64	10,28	10,28	10,38	10,07	9,75	9,88	10,33	13,40	14,46	13,33
Max	11,13	10,96	10,45	10,52	10,60	10,30	9,99	10,11	13,97	16,84	16,45	15,37
Min	10,76	10,37	10,09	10,12	10,14	9,88	9,62	9,59	9,59	11,83	13,44	11,65
ΔH	0,37	0,59	0,36	0,40	0,46	0,42	0,37	0,52	4,38	5,01	3,01	3,72

Mực nước trung bình năm: 11,15

Mực nước lớn nhất trong năm: 16,84 Ngày: 31/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 9,59 Ngày: 02/08/2023

Biên độ dao động năm: 7,25

11. Công trình: QT5b-HK

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	16,50	16,44	16,24	16,21	16,02	15,88	16,01	15,87	15,91	17,44	18,71	17,58
2	16,49	16,44	16,25	16,19	16,01	15,89	15,99	15,87	15,89	17,41	18,54	18,03
3	16,49	16,45	16,26	16,18	16,01	15,91	15,97	15,90	15,87	17,36	18,39	18,16
4	16,49	16,46	16,25	16,18	16,00	15,92	15,96	15,95	15,85	17,32	18,24	18,17
5	16,49	16,44	16,25	16,18	15,99	15,90	15,94	16,01	15,85	17,29	18,15	18,10
6	16,49	16,42	16,24	16,17	15,98	15,94	15,93	16,04	15,85	17,25	18,08	18,00
7	16,48	16,42	16,23	16,16	15,96	15,98	15,92	16,05	15,84	17,20	17,95	17,94
8	16,46	16,41	16,23	16,16	16,01	15,99	15,91	16,08	15,84	17,32	18,02	17,87
9	16,45	16,40	16,23	16,15	16,03	15,99	15,89	16,10	15,86	17,45	17,95	17,82
10	16,45	16,40	16,23	16,13	16,04	15,99	15,88	16,08	15,88	17,49	17,88	17,72
11	16,46	16,38	16,22	16,14	16,05	15,97	15,87	16,05	15,88	17,56	17,80	17,63
12	16,46	16,36	16,21	16,14	16,08	15,96	15,86	16,05	15,90	17,56	17,72	17,56
13	16,47	16,36	16,20	16,13	16,12	15,95	15,84	16,03	15,89	17,72	17,75	17,48
14	16,47	16,35	16,21	16,14	16,13	15,95	15,83	16,00	15,92	18,08	17,91	17,40
15	16,46	16,35	16,21	16,14	16,12	15,95	15,85	15,98	15,95	18,34	17,89	17,36
16	16,46	16,34	16,21	16,13	16,13	15,95	15,86	15,96	15,95	18,19	17,96	17,29
17	16,47	16,33	16,21	16,12	16,12	15,95	15,83	15,97	15,95	18,04	18,08	17,19
18	16,48	16,32	16,21	16,13	16,11	15,94	15,82	15,98	15,99	17,93	18,00	17,14
19	16,49	16,33	16,19	16,13	16,10	15,92	15,83	15,95	16,05	17,83	17,90	17,10
20	16,48	16,32	16,18	16,13	16,09	15,92	15,85	15,91	16,12	17,73	17,80	17,07
21	16,46	16,32	16,18	16,13	16,06	15,91	15,87	15,93	16,14	17,63	17,72	17,03
22	16,47	16,33	16,18	16,13	16,04	15,91	15,89	15,95	16,16	17,53	17,63	17,02
23	16,46	16,33	16,18	16,11	16,04	15,90	15,89	15,96	16,15	17,47	17,56	16,99
24	16,48	16,31	16,15	16,11	16,02	15,91	15,90	15,96	16,12	17,43	17,55	16,96
25	16,49	16,27	16,15	16,11	15,99	15,92	15,90	15,96	16,17	17,42	17,52	16,94
26	16,48	16,25	16,15	16,09	16,00	15,91	15,90	15,95	16,90	17,40	17,47	16,91
27	16,49	16,24	16,17	16,07	15,98	15,94	15,92	15,94	17,12	17,35	17,46	16,89
28	16,50	16,25	16,20	16,05	15,98	15,95	15,93	15,90	17,14	17,31	17,43	16,87
29	16,47		16,20	16,04	15,97	15,97	15,92	15,89	17,27	17,27	17,40	16,82
30	16,45		16,20	16,04	15,94	16,00	15,91	15,91	17,41	18,04	17,38	16,81
31	16,44		16,21		15,91		15,89	15,90		18,73		16,78
T.Bình	16,47	16,36	16,21	16,13	16,03	15,94	15,90	15,97	16,16	17,62	17,86	17,37
Max	16,54	16,47	16,27	16,23	16,15	16,04	16,03	16,12	17,46	18,92	18,76	18,18
Min	16,42	16,23	16,13	16,02	15,88	15,86	15,81	15,86	15,82	17,17	17,37	16,76
ΔH	0,12	0,24	0,14	0,21	0,27	0,18	0,22	0,26	1,64	1,75	1,39	1,42

Mực nước trung bình năm	16,50	
Mực nước lớn nhất trong năm	18,92	Ngày: 30/10/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm	15,81	Ngày: 14/07/2023
Biên độ dao động năm	3,11	

VI. Tầng chứa nước khe nứt - karst trong trầm tích carbonat Carbon-Pecmi (c-p)

1. Công trình: QT3b-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			50,39									
2												
3					49,99	49,86	50,27	50,58	50,58	51,22		
4												
5												
6	50,96	50,64	50,59	50,39	49,85	50,59	50,12	50,54	50,55	51,10	50,86	50,69
7												
8												
9					50,19	50,29	49,97	50,50	50,52	51,01		
10												
11												
12	50,84	50,54	50,54	50,33	50,53	50,10	49,82	50,46	50,49	50,92	50,56	50,55
13												
14												
15					50,24	50,03	49,67	50,42	50,74	50,80		
16												
17												
18	50,74	50,42	50,49	50,49	50,17	49,96	50,39	50,38	50,69	50,72	50,41	50,67
19												
20												
21					50,10	49,89	50,65	50,34	50,64	50,68		
22												
23												
24	50,56	50,46	50,43	50,36	50,05	50,56	50,92	50,62	50,60	50,62	50,64	50,81
25												
26												
27					50,00	50,75	50,79	50,64	51,53	51,44		
28												
29												
30	50,49		50,51	50,13	49,93	50,42	50,69	50,61	51,31	51,41	50,83	50,79
31												
T.Bình	50,71	50,51	50,49	50,34	50,10	50,24	50,32	50,50	50,76	50,99	50,66	50,70
Max	50,96	50,64	50,59	50,49	50,53	50,75	50,92	50,64	51,53	51,44	50,86	50,81
Min	50,49	50,42	50,39	50,13	49,85	49,86	49,67	50,34	50,49	50,62	50,41	50,55
ΔH	0,47	0,22	0,20	0,36	0,68	0,89	1,25	0,30	1,04	0,82	0,45	0,26

Mực nước trung bình năm: 50,51
Mực nước lớn nhất trong năm: 51,53 Ngày: 27/09/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 49,67 Ngày: 15/07/2023
Biên độ dao động năm: 1,86

2. Công trình: QT4-HĐ

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			61,25									
2												
3					61,04	60,90	61,10	61,83	61,63	62,28		
4												
5												
6	61,85	61,58	61,46	61,30	60,96	61,33	61,05	61,80	61,61	62,20	62,20	62,10
7												
8												
9					61,19	61,20	61,00	61,77	61,59	62,09		
10												
11												
12	61,78	61,52	61,40	61,24	61,42	61,10	60,95	61,74	61,57	61,98	61,69	61,67
13												
14												
15					61,25	61,05	60,90	61,71	61,90	61,89		
16												
17												
18	61,76	61,44	61,36	61,32	61,20	61,00	61,18	61,68	61,88	61,85	61,58	61,75
19												
20												
21					61,14	60,95	61,35	61,65	61,86	61,80		
22												
23												
24	61,74	61,33	61,31	61,28	61,08	61,26	61,49	61,84	61,83	61,78	62,08	61,82
25												
26												
27					61,00	61,34	61,65	61,70	62,76	62,88		
28												
29												
30	61,70		61,39	61,12	60,95	61,20	61,72	61,65	62,35	62,82	62,30	61,74
31												
T.Bình	61,77	61,47	61,36	61,25	61,12	61,13	61,24	61,74	61,90	62,16	61,97	61,82
Max	61,85	61,58	61,46	61,32	61,42	61,34	61,72	61,84	62,76	62,88	62,30	62,10
Min	61,70	61,33	61,25	61,12	60,95	60,90	60,90	61,65	61,57	61,78	61,58	61,67
ΔH	0,15	0,25	0,21	0,20	0,47	0,44	0,82	0,19	1,19	1,10	0,72	0,43

Mực nước trung bình năm: 61,56

Mực nước lớn nhất trong năm: 62,88 Ngày: 27/10/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 60,90 Ngày: 03/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,98

VII. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nuyên Cacbon dưới (c_1)

1.Công trình: QT2b-CC

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	15,44	15,00	15,02	14,82	14,81	14,87	14,82	14,87	14,89	20,21	15,32	14,59
2	15,42	14,98	15,00	14,82	14,79	14,89	14,84	14,86	14,86	19,73	15,30	14,56
3	15,40	14,98	14,99	14,82	14,78	14,90	14,85	14,86	14,81	19,15	15,28	14,53
4	15,39	14,99	14,97	14,82	14,79	14,91	14,87	14,89	14,75	18,69	15,26	14,51
5	15,38	14,99	14,95	14,81	14,79	14,92	14,88	14,92	14,70	18,38	15,24	14,48
6	15,37	15,00	14,93	14,80	14,81	14,91	14,88	14,95	14,66	18,07	15,20	14,47
7	15,37	15,03	14,92	14,81	14,82	14,88	14,89	14,99	14,62	17,77	15,17	14,45
8	15,35	15,07	14,92	14,82	14,82	14,89	14,90	15,05	14,58	17,88	15,13	14,42
9	15,35	15,10	14,90	14,83	14,83	14,89	14,90	15,13	14,55	17,80	15,09	14,40
10	15,34	15,12	14,89	14,81	14,84	14,90	14,91	15,22	14,51	17,53	15,05	14,39
11	15,33	15,14	14,88	14,80	14,84	14,89	14,91	15,31	14,49	17,31	15,02	14,37
12	15,32	15,15	14,86	14,81	14,84	14,90	14,91	15,38	14,46	17,19	15,00	14,36
13	15,32	15,15	14,86	14,78	14,84	14,90	14,90	15,44	14,42	17,13	15,00	14,35
14	15,30	15,15	14,85	14,76	14,85	14,89	14,87	15,47	14,41	17,03	14,99	14,33
15	15,29	15,16	14,84	14,76	14,87	14,88	14,85	15,50	14,39	16,89	15,00	14,32
16	15,27	15,14	14,83	14,77	14,89	14,87	14,83	15,53	14,39	16,76	15,02	14,30
17	15,25	15,12	14,82	14,75	14,89	14,85	14,81	15,56	14,41	16,62	15,01	14,29
18	15,23	15,14	14,82	14,73	14,89	14,83	14,81	15,60	14,47	16,46	14,97	14,27
19	15,21	15,14	14,83	14,75	14,88	14,82	14,79	15,64	14,55	16,33	14,93	14,25
20	15,20	15,15	14,84	14,75	14,88	14,81	14,79	15,65	14,63	16,20	14,89	14,23
21	15,18	15,14	14,85	14,76	14,89	14,79	14,82	15,66	14,70	16,10	14,86	14,20
22	15,17	15,13	14,86	14,75	14,90	14,78	14,85	15,65	14,76	16,01	14,82	14,17
23	15,15	15,12	14,88	14,74	14,90	14,77	14,88	15,65	14,79	15,91	14,79	14,15
24	15,14	15,12	14,88	14,75	14,89	14,76	14,90	15,04	14,80	15,83	14,77	14,13
25	15,14	15,12	14,89	14,75	14,89	14,74	14,91	14,62	14,78	15,75	14,76	14,12
26	15,11	15,09	14,90	14,77	14,88	14,73	14,92	14,66	14,78	15,66	14,73	14,09
27	15,09	15,06	14,90	14,81	14,87	14,72	14,92	14,71	14,85	15,59	14,70	14,07
28	15,07	15,04	14,88	14,84	14,86	14,73	14,91	14,76	15,50	15,51	14,68	14,05
29	15,05		14,86	14,84	14,85	14,77	14,89	14,81	17,71	15,45	14,65	14,02
30	15,03		14,85	14,83	14,86	14,80	14,88	14,86	20,09	15,39	14,62	14,01
31	15,02		14,83		14,87		14,88	14,88		15,35		13,99
T.Bình	15,25	15,09	14,89	14,79	14,85	14,84	14,87	15,16	14,94	16,96	14,98	14,29
Max	15,45	15,16	15,04	14,85	14,92	14,94	14,94	15,68	20,40	20,38	15,34	14,60
Min	15,00	14,97	14,81	14,72	14,77	14,71	14,78	14,57	14,38	15,33	14,60	13,98
ΔH	0,45	0,19	0,23	0,13	0,15	0,23	0,16	1,11	6,02	5,05	0,74	0,62

Mực nước trung bình năm: 15,08
Mực nước lớn nhất trong năm: 20,40 Ngày: 30/09/2023
Mực nước nhỏ nhất trong năm: 13,98 Ngày: 31/12/2023
Biên độ dao động năm: 6,42

VIII. Tầng chức nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)

1. Công trình: QT3b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,35	0,25	0,26	0,52								
2	0,36	0,26	0,24	0,58								
3	0,35	0,25	0,24	0,60					-0,12	0,53	0,65	0,54
4	0,34	0,25	0,26	0,60								
5	0,34	0,26	0,26	0,63								
6	0,32	0,27	0,26	0,65	0,46	0,28	-0,10	-0,22	-0,17	0,50	0,63	0,43
7	0,32	0,28	0,25	0,64								
8	0,33	0,27	0,26	0,65								
9	0,32	0,26	0,27	0,66					0,48	0,55	0,49	0,39
10	0,31	0,26	0,27	0,67								
11	0,28	0,26	0,27	0,67								
12	0,28	0,26	0,27	0,69	0,33	0,18	-0,15	0,08	0,86	0,48	0,42	0,32
13	0,27	0,27	0,26	0,70								
14	0,27	0,24	0,25	0,71								
15	0,26	0,25	0,25	0,72					0,64	0,71	0,39	0,28
16	0,25	0,27	0,25	0,73								
17	0,24	0,29	0,27	0,75								
18	0,23	0,29	0,26	0,77	0,35	0,11	-0,06	0,06	0,40	0,64	0,47	0,24
19	0,25	0,29	0,26	0,77								
20	0,27	0,28	0,27	0,78								
21	0,27	0,29	0,27	0,78					0,32	0,58	0,43	0,17
22	0,25	0,30	0,28	0,77								
23	0,25	0,34	0,27	0,77								
24	0,27	0,33	0,31	0,78	0,40	0,04	-0,12	-0,01	0,43	0,61	0,37	0,13
25	0,26	0,30	0,35									
26	0,26	0,29	0,37									
27	0,26	0,27	0,37						0,39	0,71	0,40	
28	0,26	0,27	0,37									
29	0,27		0,41									
30	0,28		0,44	0,64	0,34	-0,04	-0,18	-0,07	0,48	0,68	0,34	
31	0,27		0,45									
T.Bình	0,29	0,28	0,29	0,69	0,38	0,12	-0,12	-0,03	0,38	0,60	0,46	0,32
Max	0,44	0,40	0,50	0,84	0,46	0,28	-0,06	0,08	0,86	0,71	0,65	0,54
Min	0,15	0,16	0,15	0,41	0,33	-0,04	-0,18	-0,22	-0,17	0,48	0,34	0,13
ΔH	0,29	0,24	0,35	0,43	0,13	0,32	0,12	0,30	1,03	0,23	0,31	0,41

Mực nước trung bình năm: 0,37

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,86 Ngày: 12/09/2022

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,22 Ngày: 06/08/2022

Biên độ dao động năm: 1,08

2. Công trình: QT6b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	6,76	5,70	5,66	5,85	6,21	5,46	3,96	4,12	4,29	7,01	6,59	6,62
2	6,68	5,77	5,57	6,71	6,73	5,31	4,01	4,21	4,30	7,08	6,51	6,82
3	6,64	5,76	5,56	6,94	6,81	5,28	3,96	4,24	4,19	7,09	6,53	6,88
4	6,59	5,72	5,53	6,86	6,77	5,20	3,75	4,26	4,20	7,04	6,47	6,78
5	6,55	5,73	5,48	6,74	6,67	5,09	3,66	4,07	4,26	6,89	6,48	6,95
6	6,52	5,65	5,35	6,72	6,64	5,24	3,57	4,27	4,20	6,88	6,43	6,94
7	6,49	5,68	5,48	6,62	6,50	5,16	3,59	4,27	4,24	6,84	6,40	6,85
8	6,48	5,59	5,68	6,49	6,44	5,13	3,72	4,63	4,51	6,76	6,33	6,79
9	6,39	5,58	5,64	6,50	6,42	5,02	3,78	5,09	5,62	6,81	6,36	6,75
10	6,38	5,53	5,66	6,43	6,43	5,04	3,82	5,37	6,58	6,90	6,32	6,65
11	6,40	5,50	5,47	6,41	6,34	4,97	3,78	4,50	6,64	6,98	6,32	6,65
12	6,37	5,48	5,35	6,39	6,31	4,68	3,93	4,89	6,56	6,88	6,32	6,59
13	6,30	5,41	5,48	6,25	6,26	4,80	3,93	4,83	6,44	6,80	6,30	6,56
14	6,28	5,47	5,51	6,27	6,19	4,64	4,24	4,85	6,37	6,74	6,29	6,46
15	6,25	5,36	5,43	6,21	6,17	4,57	4,22	4,89	5,77	7,00	6,28	6,47
16	6,15	5,40	5,42	6,12	6,33	4,58	4,01	4,55	5,85	7,06	6,35	6,44
17	6,14	5,36	5,44	6,09	6,35	4,61	3,90	4,56	5,61	6,97	6,33	6,52
18	6,29	5,32	5,39	6,21	6,29	4,46	4,01	4,86	5,45	6,88	6,27	6,59
19	6,25	5,26	5,30	6,27	6,25	4,45	3,79	4,44	5,55	6,75	6,23	6,49
20	6,22	5,39	5,28	6,31	6,18	4,13	3,69	4,63	5,66	6,74	6,23	6,5
21	6,16	5,70	5,28	6,17	6,09	4,26	4,38	4,58	5,64	6,69	6,27	6,58
22	6,14	5,88	5,19	6,18	6,15	4,15	4,36	4,55	6,06	6,83	6,70	6,59
23	6,11	5,88	5,25	6,21	6,13	4,26	4,58	4,46	6,22	6,86	6,91	6,57
24	6,06	5,86	5,32	6,15	6,06	4,21	4,71	4,61	6,27	6,83	7,00	6,6
25	6,02	5,86	5,24	6,07	6,00	4,06	4,76	4,55	6,42	7,07	7,12	
26	5,99	5,78	5,28	6,04	5,88	4,00	4,78	4,51	6,48	7,11	7,01	
27	5,90	5,76	5,09	5,91	5,85	4,09	4,46	4,44	6,54	7,10	6,90	
28	5,68	5,70	5,16	5,92	5,74	3,94	4,47	4,22	6,83	6,97	6,84	
29	5,72		5,17	5,84	5,62	3,77	4,46	4,14	6,90	6,88	6,76	
30	5,69		5,13	5,76	5,60	3,79	4,41	4,26	6,92	6,80	6,64	
31	5,76		5,10		5,50		4,32	4,07		6,71		
T.Bình	6,24	5,61	5,38	6,29	6,22	4,61	4,10	4,51	5,69	6,90	6,52	6,65
Max	6,85	5,93	5,82	6,99	6,92	5,62	4,98	5,87	7,02	7,21	7,17	7,03
Min	5,41	5,00	4,43	5,09	4,92	3,55	2,84	3,47	3,87	6,59	6,12	6,22
ΔH	1,44	0,93	1,39	1,90	2,00	2,07	2,14	2,40	3,15	0,62	1,05	0,81

Mực nước trung bình năm: 5,71

Mực nước lớn nhất trong năm: 7,21 Ngày: 25/10/2022

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 2,84 Ngày: 17/07/2022

Biên độ dao động năm: 4,37

3. Công trình: QT11b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,17								2,88	2,82
2											2,83	2,84
3									1,65	2,69	2,75	2,9
4											2,66	2,86
5											2,61	2,9
6	2,57	2,20	2,03	2,30	2,33	2,01	1,64	1,71	1,62	2,74	2,56	2,97
7											2,53	2,94
8											2,48	2,89
9									2,29	2,79	2,44	2,83
10											2,41	2,77
11											2,42	2,74
12	2,40	2,17	2,24	2,34	2,24	1,91	1,62	1,78	2,84	2,90	2,44	2,72
13											2,42	2,7
14											2,51	2,64
15									2,68	3,18	2,56	2,63
16											2,63	2,59
17											2,76	2,56
18	2,22	2,19	2,15	2,30	2,52	1,80	1,70	1,76	2,62	3,09	2,81	2,59
19											2,77	2,62
20											2,81	2,59
21									2,56	3,05	3,00	2,58
22											3,07	2,62
23											3,09	2,59
24	2,17	2,15	2,01	2,27	2,44	1,75	1,77	1,72	2,66	2,97	3,14	2,59
25										3,11	3,17	
26										3,22	3,14	
27									2,64	3,19	3,11	
28										3,14	3,04	
29										3,07	2,97	
30	2,14		1,98	2,21	2,09	1,70	1,76	1,67	2,63	3,01	2,90	
31										2,94		
T.Bình	2,30	2,18	2,10	2,29	2,33	1,84	1,70	1,73	2,42	3,07	2,76	2,73
Max	2,57	2,20	2,24	2,34	2,52	2,01	1,77	1,78	2,84	3,24	3,20	2,99
Min	2,14	2,15	1,98	2,21	2,09	1,70	1,62	1,67	1,62	2,69	2,36	2,54
ΔH	0,43	0,05	0,26	0,13	0,43	0,31	0,15	0,11	1,22	0,55	0,84	0,45

Mực nước trung bình năm: 2,75

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,24 Ngày: 26/10/2022

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 1,62 Ngày: 12/07/2022

Biên độ dao động năm: 1,62

4. Công trình: QT13b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,20	0,35	0,23	1,25	0,62	0,37	0,43	0,41	0,41	1,26	0,94	0,69
2	1,26	0,29	0,36	2,20	0,80	0,34	0,49	0,43	0,43	1,30	0,88	0,78
3	1,33	0,26	0,42	1,73	0,76	0,35	0,44	0,37	0,42	1,21	0,82	0,88
4	1,18	0,27	0,38	1,37	0,66	0,34	0,34	0,32	0,38	1,15	0,74	0,82
5	1,08	0,32	0,42	1,13	0,59	0,34	0,29	0,30	0,35	1,11	0,66	0,90
6	0,99	0,37	0,38	0,95	0,51	0,36	0,27	0,27	0,29	1,09	0,59	1,00
7	0,92	0,39	0,37	0,77	0,45	0,38	0,25	0,27	0,30	1,10	0,57	0,9
8	0,86	0,37	0,48	0,64	0,41	0,36	0,25	0,31	0,47	1,15	0,53	0,82
9	0,83	0,41	0,48	0,56	0,39	0,38	0,28	0,34	0,50	1,48	0,51	0,75
10	0,77	0,41	0,43	0,51	0,35	0,43	0,35	0,33	0,54	2,42	0,48	0,69
11	0,75	0,37	0,37	0,45	0,33	0,45	0,45	0,28	0,55	2,18	0,44	0,63
12	0,72	0,33	0,32	0,40	0,33	0,44	0,44	0,26	0,50	1,95	0,39	0,57
13	0,70	0,32	0,33	0,37	0,33	0,44	0,42	0,24	0,46	1,74	0,35	0,51
14	0,66	0,37	0,40	0,35	0,33	0,45	0,48	0,27	0,42	1,61	0,36	0,45
15	0,60	0,34	0,44	0,33	0,36	0,50	0,48	0,30	0,38	2,71	0,44	0,40
16	0,55	0,31	0,45	0,32	0,51	0,40	0,46	0,34	0,41	3,10	0,53	0,36
17	0,55	0,32	0,39	0,36	0,51	0,33	0,43	0,37	0,50	2,37	0,51	0,38
18	0,64	0,30	0,37	0,41	0,49	0,35	0,35	0,38	0,54	1,93	0,46	0,48
19	0,62	0,33	0,36	0,47	0,43	0,40	0,30	0,37	0,55	1,67	0,41	0,49
20	0,56	0,41	0,37	0,42	0,36	0,42	0,28	0,40	0,73	1,52	0,53	0,46
21	0,51	0,54	0,43	0,38	0,58	0,43	0,35	0,38	0,83	1,34	0,66	0,44
22	0,49	0,76	0,46	0,35	0,67	0,43	0,41	0,34	0,94	2,15	1,01	0,41
23	0,48	0,70	0,50	0,40	0,69	0,43	0,34	0,37	0,95	1,94	1,11	0,32
24	0,43	0,69	0,53	0,38	0,63	0,43	0,29	0,36	0,75	1,58	1,18	0,28
25	0,41	0,57	0,47	0,39	0,52	0,44	0,31	0,39	0,87	1,62	1,24	
26	0,40	0,47	0,35	0,44	0,46	0,45	0,28	0,39	0,93	1,73	1,23	
27	0,42	0,36	0,33	0,42	0,39	0,42	0,26	0,39	0,97	1,52	1,16	
28	0,36	0,27	0,44	0,35	0,33	0,36	0,25	0,39	1,42	1,35	1,04	
29	0,31		0,45	0,32	0,28	0,30	0,24	0,39	1,48	1,20	0,92	
30	0,37		0,43	0,33	0,34	0,34	0,29	0,40	1,34	1,09	0,79	
31	0,42		0,42		0,40		0,35	0,40		1,00		
T.Bình	0,69	0,40	0,41	0,63	0,48	0,40	0,35	0,35	0,65	1,63	0,72	0,61
Max	1,39	0,83	0,59	2,41	0,85	0,54	0,57	0,49	1,60	3,53	1,48	1,05
Min	0,23	0,15	0,15	0,25	0,22	0,24	0,18	0,19	0,22	0,98	0,29	0,27
ΔH	1,16	0,68	0,44	2,16	0,63	0,30	0,39	0,30	1,38	2,55	1,19	0,78

Mực nước trung bình năm: 0,61

Mực nước lớn nhất trong năm: 3,53 Ngày: 15/10/2022

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 0,15 Ngày: 28/02/2022

Biên độ dao động năm: 3,38

5. Công trình: QT15b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	13,76	13,35	13,26									
2	13,76	13,36	13,25									
3	13,74	13,35	13,23						12,43	12,71	13,16	13,29
4	13,70	13,36	13,22									
5	13,66	13,42	13,19									
6	13,62	13,41	13,19	13,11	12,86	12,82	12,74	12,58	12,41	12,70	13,09	13,31
7	13,58	13,38	13,17									
8	13,57	13,40	13,27									
9	13,55	13,39	13,25						12,56	12,78	13,08	13,27
10	13,54	13,36	13,21									
11	13,56	13,35	13,18									
12	13,56	13,35	13,15	13,00	12,97	12,81	12,70	12,56	12,58	12,98	13,08	13,23
13	13,53	13,40	13,12									
14	13,49	13,37	13,10									
15	13,48	13,31	13,09						12,57	13,17	13,09	13,18
16	13,45	13,29	13,06									
17	13,44	13,30	13,06									
18	13,64	13,30	13,04	13,03	12,99	12,79	12,68	12,52	12,53	13,53	13,13	13,25
19	13,63	13,39	13,04									
20	13,58	13,44	12,99									
21	13,52	13,46	12,97						12,56	13,49	13,21	13,22
22	13,52	13,49	12,95									
23	13,49	13,46	12,94									
24	13,49	13,39	12,94	12,94	12,95	12,74	12,63	12,51	12,60	13,44	13,35	13,2
25	13,46	13,38										
26	13,44	13,34										
27	13,42	13,32							12,63	13,35	13,30	
28	13,37	13,28										
29	13,32											
30	13,37		12,86	12,92	12,85	12,76	12,61	12,45	12,74	13,24	13,23	
31	13,32											
T.Bình	13,53	13,37	13,12	13,00	12,92	12,78	12,67	12,52	12,56	13,13	13,17	13,24
Max	13,80	13,54	13,29	13,11	12,99	12,82	12,74	12,58	12,74	13,53	13,35	13,31
Min	13,26	13,25	12,86	12,92	12,85	12,74	12,61	12,45	12,41	12,70	13,08	13,18
ΔH	0,54	0,29	0,43	0,19	0,14	0,08	0,13	0,13	0,33	0,83	0,27	0,13

Mực nước trung bình năm: 13,34

Mực nước lớn nhất trong năm: 13,80 Ngày: 01/01/2022

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 12,41 Ngày: 06/09/2022

Biên độ dao động năm: 1,39

6. Công trình: QT16b-QB

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	12,71	11,76	11,09	10,95	11,30	10,87	10,35	10,20	10,23			
2	12,68	11,73	11,06	11,50	11,44	10,84	10,35	10,19	10,23			
3	12,64	11,71	11,03	11,71	11,49	10,81	10,34	10,19	10,23	13,39	14,72	15,06
4	12,61	11,68	11,02	11,76	11,50	10,80	10,32	10,19	10,22			
5	12,58	11,66	10,99	11,78	11,48	10,80	10,30	10,18	10,20			
6	12,55	11,63	10,97	11,78	11,45	10,79	10,29	10,17	10,19	13,70	14,53	15,02
7	12,53	11,61	10,97	11,77	11,43	10,76	10,28	10,18				
8	12,51	11,59	10,97	11,75	11,39	10,75	10,27	10,19				
9	12,48	11,56	10,95	11,74	11,37	10,74	10,26	10,26		13,89	14,38	14,78
10	12,45	11,54	10,93	11,71	11,35	10,72	10,26	10,28				
11	12,42	11,51	10,91	11,69	11,31	10,69	10,27	10,27				
12	12,39	11,49	10,89	11,67	11,27	10,67	10,28	10,27		14,83	14,26	14,54
13	12,37	11,46	10,87	11,65	11,24	10,64	10,29	10,26				
14	12,34	11,44	10,85	11,63	11,18	10,62	10,29	10,26				
15	12,31	11,40	10,84	11,61	11,15	10,61	10,30	10,26	11,52	15,29	14,15	14,22
16	12,28	11,38	10,83	11,58	11,17	10,62	10,29	10,25				
17	12,25	11,36	10,82	11,56	11,15	10,61	10,27	10,26				
18	12,22	11,34	10,81	11,54	11,13	10,59	10,26	10,26	11,46	15,18	14,09	14,06
19	12,20	11,31	10,80	11,54	11,11	10,57	10,26	10,25				
20	12,17	11,30	10,79	11,53	11,08	10,56	10,28	10,26				
21	12,14	11,30	10,78	11,51	11,06	10,53	10,28	10,26	11,38	14,99	14,56	13,91
22	12,12	11,27	10,76	11,48	11,04	10,50	10,28	10,25				
23	12,09	11,24	10,75	11,45	11,03	10,48	10,27	10,24				
24	12,04	11,22	10,75	11,44	11,01	10,43	10,26	10,24	11,51	15,09	15,08	13,79
25	11,99	11,20	10,75	11,42	11,01	10,41	10,26	10,23				
26	11,96	11,17	10,76	11,39	11,00	10,39	10,25	10,23				
27	11,92	11,13	10,76	11,36	11,00	10,38	10,24	10,25	11,69	15,58	15,11	
28	11,89	11,11	10,76	11,32	10,97	10,37	10,24	10,26				
29	11,86		10,76	11,30	10,94	10,36	10,23	10,26				
30	11,82		10,74	11,27	10,92	10,35	10,21	10,26	12,20	15,19	15,04	
31	11,79		10,72		10,89		10,20	10,24				
T.Bình	12,27	11,43	10,86	11,55	11,19	10,61	10,28	10,24	10,34	14,72	14,60	14,43
Max	12,73	11,77	11,10	11,78	11,50	10,88	10,36	10,29	12,20	15,58	15,11	15,06
Min	11,77	11,09	10,71	10,73	10,86	10,34	10,18	10,16	10,18	13,39	14,09	13,79
ΔH	0,96	0,68	0,39	1,05	0,64	0,54	0,18	0,13	2,02	2,19	1,02	1,27

Mực nước trung bình năm: 11,06

Mực nước lớn nhất trong năm: 15,58 Ngày: 27/10/2022

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 10,16 Ngày: 06/08/2022

Biên độ dao động năm: 5,42

IX. Tầng chức nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ordovic trên – Silua dưới (o_3-s_1)

1. Công trình: QT17b-NA

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			10,80								10,81	10,82
2											10,73	10,89
3					10,75	10,50	9,87	10,28	10,51	11,55	10,78	10,86
4											10,92	11,05
5											10,98	11,02
6	10,57	10,48	10,85	10,70	10,45	10,40	9,80	10,48	11,21	11,33	10,96	10,59
7											10,80	10,34
8											10,68	10,37
9					10,50	10,30	9,70	10,60	11,12	10,94	10,70	10,39
10											10,83	10,43
11											10,44	10,48
12	10,52	10,45	10,98	10,60	9,90	10,20	10,30	10,53	11,39	10,79	10,48	10,61
13											10,50	10,44
14											10,65	10,36
15					10,04	10,08	10,50	10,37	10,89	10,55	10,70	10,41
16											10,69	10,56
17										10,52	10,62	10,27
18	10,47	10,42	11,12	10,48	10,77	10,05	10,45	10,82	10,56	10,45	10,64	10,49
19										10,54	10,80	10,70
20										10,19	10,86	10,47
21					10,75	10,00	10,43	11,00	10,28	10,31	10,64	10,09
22										10,55	10,48	10,07
23										10,54	10,62	10,27
24	10,40	10,65	11,20	10,45	10,77	10,23	10,40	10,75	11,25	10,68	10,99	10,31
25										10,46	11,31	
26										10,54	11,13	
27					10,70	10,00	10,33	11,09	11,28	10,69	11,18	
28										10,64	11,19	
29										10,66	10,98	
30			11,00	10,53	10,60	9,92	10,06	10,90	11,65	10,86	10,78	
31	10,38									10,95		
T.Bình	10,47	10,50	10,99	10,55	10,52	10,17	10,18	10,68	11,01	10,58	10,80	10,52
Max	10,57	10,65	11,20	10,70	10,77	10,50	10,50	11,09	11,65	11,55	11,39	11,14
Min	10,38	10,42	10,80	10,45	9,90	9,92	9,70	10,28	10,28	9,96	9,93	9,65
ΔH	0,19	0,23	0,40	0,25	0,87	0,58	0,80	0,81	1,37	1,59	1,46	1,49

Mực nước trung bình năm: 10,65

Mực nước lớn nhất trong năm: 11,65 Ngày: 30/09/2022

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 9,65 Ngày: 21/12/2022

Biên độ dao động năm: 2,00

PHẦN 3
NHIỆT ĐỘ

- Đơn vị nhiệt độ nước là ^oC, lấy đến 1 số sau phần thập phân.
- Nhiệt độ NDĐ được tổng hợp thống kê các giá trị trung bình, các giá trị cao nhất, thấp nhất, biên độ dao động (ΔT) trong tháng và trong năm.
- Việc thống kê cũng được sắp xếp theo các tầng chứa nước tương tự như phần mực nước.

I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT2-TH	T.Bình	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,2	25,8	25,8	25,7	25,8	26,1	
		Max	26,5	26,3	26,5	26,4	26,6	26,5	26,5	26,5	26,0	26,0	26,0	26,0	26,6	18/5/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,0	26,2	26,0	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	30/8/2023
		ΔT	0,3	0,1	0,3	0,2	0,6	0,3	0,5	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	1,1	
2	QT3-TH	T.Bình	26,4	26,3	26,3	26,4	26,5	26,4	26,4	26,4	25,9	25,9	25,8	25,8	26,2	
		Max	26,5	26,4	26,5	26,5	26,6	26,5	26,6	26,5	26,2	26,1	26,0	26,0	26,6	9/5/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	26,2	26,2	26,0	25,7	25,6	25,5	25,5	25,5	12/11/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	1,1	
3	QT4-TH	T.Bình	27,7	27,8	27,7	27,8	27,8	27,7	27,8	27,8	27,8	27,8	27,6	27,6	27,7	
		Max	28,0	28,0	28,0	28,0	28,0	28,0	28,0	28,0	28,0	28,0	27,8	27,7	28,0	12/1/2023
		Min	27,5	27,5	27,4	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	27,4	6/3/2023
		ΔT	0,5	0,5	0,6	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,3	0,2	0,6	
4	QT5-TH	T.Bình	26,4	26,3	26,4	26,4	26,3	26,4	26,5	26,5	26,4	26,3	26,3	26,3	26,4	
		Max	26,5	26,4	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,4	26,4	26,6	15/6/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	26,3	26,3	26,3	26,2	26,2	26,2	26,2	12/1/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,4	
5	QT6-TH	T.Bình	27,0	26,8	26,7	26,6	26,6	26,6	26,7	26,8	26,9	26,9	27,0	27,1	26,8	
		Max	27,1	26,9	26,8	26,7	26,7	26,7	26,8	26,8	26,9	27,0	27,1	27,1	27,1	1/1/2023
		Min	26,9	26,8	26,6	26,5	26,6	26,6	26,6	26,7	26,8	26,9	27,0	27,0	26,5	23/4/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,6	
6	QT11-TH	T.Bình	25,8	25,3	25,1	25,1	25,3	25,5	26,1	26,7	27,1	27,3	27,3	27,1	26,1	
		Max	26,1	25,5	25,2	25,2	25,4	25,8	26,4	27,0	27,2	27,3	27,3	27,2	27,3	12/10/2023
		Min	25,4	25,1	25,0	25,1	25,2	25,4	25,8	26,4	27,0	27,2	27,2	26,8	25,0	2/3/2023
		ΔT	0,7	0,4	0,2	0,1	0,2	0,4	0,6	0,6	0,2	0,1	0,1	0,4	2,3	
7	QT12-TH	T.Bình	26,3	26,3	26,4	26,3	26,4	26,4	26,4	26,5	26,4	26,4	26,3	26,3	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,5	26,4	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,4	26,6	3/8/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,0	26,4	26,3	26,2	26,0	26,2	26,0	24/7/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,3	0,2	0,3	0,3	0,5	0,2	0,3	0,3	0,5	0,2	0,6	
8	QT13-TH	T.Bình	25,2	24,4	24,4	24,7	25,3	26,5	27,5	28,2	28,5	28,4	28,1	27,2	26,5	
		Max	25,8	24,9	24,6	24,9	25,8	27,0	28,0	28,3	28,6	28,4	28,3	27,8	28,6	20/9/2023
		Min	24,7	24,2	24,2	24,6	24,8	25,8	27,0	27,9	28,3	28,3	27,8	26,7	24,2	20/2/2023
		ΔT	1,1	0,7	0,4	0,3	1,0	1,2	1,0	0,4	0,3	0,1	0,5	1,1	4,4	
9	QT2a-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,5	25,3	25,5	25,3	25,5	25,4	25,4	25,3	12/5/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	0,0	0,2	0,0	0,2	0,0	0,1	0,1	0,2	
10	QT4a-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,5	25,3	24/6/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,2	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,0	0,2	
11	QT6a-NA	T.Bình	25,1	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	30/1/2023
		Min	25,0	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,5	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,5	
12	QT8a-NA	T.Bình	26,1	25,3	24,9	24,7	24,9	25,2	25,6	26,2	26,7	27,0	27,2	27,2	25,9	
		Max	26,6	25,7	25,1	24,9	25,0	25,4	25,9	26,5	26,8	27,1	27,3	27,2	27,3	6/11/2023
		Min	25,6	25,0	24,7	24,6	24,8	25,0	25,4	25,9	26,5	26,8	27,1	27,1	24,6	7/4/2023
		ΔT	1,0	0,7	0,4	0,3	0,2	0,4	0,5	0,6	0,3	0,3	0,2	0,1	2,7	
13	QT9a-NA	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,1	25,0	
		Max	25,1	25,1	25,1	25,2	25,1	25,1	25,2	25,1	25,2	25,2	25,1	25,1	25,2	6/4/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
14	QT10a-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,4	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	27/9/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
15	QT11a-NA	T.Bình	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	18/1/2023
		Min	25,3	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	6/1/2023
		ΔT	0,2	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
16	QT13a-NA	T.Bình	25,8	25,7	25,7	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,6	
		Max	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,7	25,8	1/1/2023
		Min	25,7	25,7	25,6	25,5	25,5	25,4	25,4	25,5	25,5	25,5	25,6	25,6	25,4	14/6/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,4	
17	QT14a-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	21/7/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
18	QT15a-NA	T.Bình	25,8	25,8	25,7	25,6	25,5	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,6	25,7	25,6	
		Max	25,9	25,8	25,8	25,8	25,6	25,5	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,9	10/1/2023
		Min	25,8	25,8	25,7	25,6	25,5	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,4	25,3	22/7/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,1	0,0	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,3	0,6	
19	QT16a-NA	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	
		Max	25,1	25,0	25,0	25,1	25,2	25,1	25,2	25,0	25,2	25,2	25,1	25,1	25,2	9/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,2	0,1	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
20	QT1a-CC	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	
		Max	25,1	25,0	25,0	25,1	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,2	18/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
21	QT1a-HĐ	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	
		Max	25,1	25,0	25,0	25,0	25,2	25,2	25,2	25,1	25,2	25,2	25,1	25,1	25,2	9/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
22	QT2-HĐ	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,3	25,3	25,3	25,3	25,5	25,4	25,3	18/7/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,0	0,1	0,2	
23	QT5a-HĐ	T.Bình	25,6	25,6	25,5	25,4	25,4	25,2	25,2	25,3	25,4	25,5	25,0	25,0	25,4	
		Max	25,7	25,6	25,6	25,5	25,4	25,3	25,3	25,4	25,5	25,5	25,1	25,1	25,7	17/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,4	25,2	25,2	25,2	25,3	25,3	25,1	25,0	25,0	25,0	6/11/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,4	0,1	0,1	0,7	
24	QT2-HT	T.Bình	27,2	26,9	26,3	26,2	26,4	26,5	26,8	27,3	27,8	28,1	28,2	27,9	27,1	
		Max	27,4	27,1	26,6	26,3	26,5	26,6	27,1	27,5	28,1	28,2	28,3	28,1	28,3	13/11/2023
		Min	27,0	26,5	26,1	26,0	26,1	26,1	26,6	27,0	27,5	27,9	27,9	27,8	26,0	23/4/2023
		ΔT	0,4	0,6	0,5	0,3	0,4	0,5	0,5	0,5	0,6	0,3	0,4	0,3	2,3	
25	QT3-HT	T.Bình	26,0	26,0	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,9	25,9	25,9	
		Max	26,0	26,0	26,0	25,9	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,9	25,9	26,0	1/1/2023
		Min	26,0	26,0	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,9	25,8	23/3/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,2	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,2	
26	QT4-HT	T.Bình	26,4	26,4	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,5	26,4	26,6	26,7	26,7	26,6	
		Max	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,7	26,6	26,7	26,6	26,8	26,9	26,9	26,9	3/11/2023
		Min	26,4	26,4	26,4	26,5	26,4	26,4	26,3	26,3	26,2	26,4	26,5	26,6	26,2	15/9/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,3	0,3	0,4	0,4	0,4	0,4	0,3	0,7	
27	QT5-HT	T.Bình	25,6	25,5	25,3	25,3	25,2	25,2	25,2	25,3	25,4	25,5	25,6	25,6	25,4	
		Max	25,8	25,5	25,5	25,3	25,2	25,2	25,3	25,3	25,4	25,5	25,6	25,6	25,8	1/1/2023
		Min	25,5	25,4	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,3	25,4	25,5	25,1	25,1	12/1/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,3	0,1	0,3	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,5	0,7	
28	QT7-HT	T.Bình	26,7	26,3	26,0	26,0	26,2	26,5	26,8	27,3	27,7	28,1	28,1	27,8	26,9	
		Max	27,1	26,4	26,1	26,1	26,4	26,6	27,0	27,6	27,9	28,2	28,2	27,9	28,2	24/10/2023
		Min	26,3	26,0	25,9	25,8	26,0	26,3	26,6	27,0	27,5	27,9	27,9	27,5	25,8	20/4/2023
		ΔT	0,8	0,4	0,2	0,3	0,4	0,3	0,4	0,6	0,4	0,3	0,3	0,4	2,4	
29	QT1a-HS	T.Bình	26,0	26,0	26,1	26,2	26,2	26,4	26,3	26,4	26,4	26,4	26,7	26,6	26,4	
		Max	26,1	26,1	26,2	26,2	26,3	26,5	26,5	26,5	26,6	26,5	26,8	26,8	26,8	12/11/2023
		Min	26,0	26,0	26,1	26,1	26,2	26,3	26,2	26,2	26,2	26,3	26,6	26,5	26,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,3	0,4	0,2	0,2	0,3	0,8	
30	QT2a-HS	T.Bình	26,4	26,4	26,3	26,2	26,1	26,2	26,2	26,3	26,3	26,4	26,3	26,2	26,3	
		Max	26,4	26,4	26,3	26,2	26,2	26,3	26,3	26,3	26,4	26,5	26,5	26,3	26,5	9/10/2023
		Min	26,4	26,3	26,2	26,1	25,9	26,1	26,2	26,2	26,2	26,4	26,2	26,0	25,9	12/5/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,3	0,2	0,1	0,1	0,2	0,1	0,3	0,3	0,6	
31	QT3-HS	T.Bình	26,5	26,6	26,5	26,6	26,7	26,8	26,7	26,8	26,8	26,9	27,0	26,8	26,8	
		Max	26,5	26,6	26,6	26,6	26,8	26,9	26,9	27,0	27,0	26,9	27,1	27,0	27,1	12/11/2023
		Min	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,8	26,8	26,6	26,5	6/1/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,3	0,4	0,3	0,1	0,3	0,4	0,6	
32	QT4-HS	T.Bình	26,4	26,5	26,5	26,6	26,7	26,6	26,6	26,7	26,6	26,7	26,6	26,7	26,6	
		Max	26,5	26,5	26,6	26,6	26,7	26,8	26,7	26,9	26,9	26,8	26,8	26,8	26,9	30/8/2023
		Min	26,4	26,4	26,5	26,5	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,3	0,2	0,4	0,4	0,3	0,3	0,3	0,5	
33	QT5a-HS	T.Bình	25,9	25,9	26,0	26,1	26,2	26,1	26,1	26,3	26,4	26,5	26,4	26,4	26,2	
		Max	25,9	25,9	26,0	26,1	26,3	26,2	26,2	26,4	26,5	26,6	26,5	26,5	26,6	21/10/2023
		Min	25,8	25,8	25,9	26,0	26,1	26,0	26,1	26,1	26,2	26,4	26,3	26,3	25,8	24/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2	0,8	
34	QT1a-QB	T.Bình	26,9	26,9	27,0	27,0	27,1	27,2	27,3	27,2	27,3	27,2	27,1	27,1	27,1	
		Max	26,9	26,9	27,0	27,1	27,1	27,3	27,3	27,3	27,3	27,3	27,1	27,2	27,3	24/6/2023
		Min	26,8	26,8	26,9	27,0	27,0	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,0	27,0	26,8	24/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,5	
35	QT2-QB	T.Bình	25,7	25,8	25,8	25,8	25,8	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,8	
		Max	25,7	25,8	25,8	25,9	25,8	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,8	25,9	12/4/2023
		Min	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	6/1/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	
36	QT6a-QB	T.Bình	27,3	27,1	26,9	26,8	26,6	26,7	26,7	26,8	27,0	27,4	27,5	27,4	26,9	
		Max	27,3	27,2	27,0	26,9	26,8	26,7	26,7	26,9	27,2	27,5	27,5	27,5	27,5	21/10/2023
		Min	27,2	27,0	26,8	26,7	26,5	26,5	26,7	26,7	26,9	27,2	27,4	27,3	26,5	12/5/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	0,0	0,2	0,3	0,3	0,1	0,2	1,0	
37	QT7-QB	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	26,7	26,7	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	
		Max	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,7	26,7	26,7	26,7	26,6	26,6	26,7	24/6/2023
		Min	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	12/4/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
38	QT8a-QB	T.Bình	26,1	26,2	26,2	26,2	26,3	26,2	26,3	26,3	26,4	26,4	26,5	26,6	26,3	
		Max	26,1	26,2	26,2	26,2	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,5	26,6	26,6	26,6	21/11/2023
		Min	26,1	26,1	26,1	26,1	26,2	26,2	26,2	26,3	26,3	26,3	26,4	26,5	26,1	6/1/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,5	
39	QT10-QB	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,6	
		Max	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,6	1/1/2023
		Min	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	20/5/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	
40	QT11a-QB	T.Bình	26,2	26,3	26,3	26,4	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	26,5	26,6	26,5	
		Max	26,3	26,3	26,4	26,4	26,5	26,6	26,6	26,5	26,6	26,7	26,6	26,6	26,7	12/10/2023
		Min	26,2	26,2	26,3	26,4	26,4	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,2	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,2	0,1	0,1	0,5	
41	QT12a-QB	T.Bình	26,9	26,9	26,8	26,7	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,7	26,7	
		Max	26,9	26,9	26,8	26,8	26,7	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,7	26,9	1/1/2023
		Min	26,9	26,8	26,7	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,7	26,5	25/6/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,4	
42	QT14-QB	T.Bình	27,6	27,6	27,6	27,7	27,6	27,6	27,6	27,7	27,5	27,6	27,7	27,7	27,6	
		Max	27,8	27,7	27,7	27,8	27,8	27,8	27,8	27,8	27,6	27,7	27,9	27,9	27,9	27/11/2023
		Min	27,3	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	27,6	27,4	27,4	27,5	27,5	27,3	6/1/2023
		ΔT	0,5	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,3	0,4	0,4	0,6	
43	QT16a-QB	T.Bình	26,5	26,5	26,6	26,5	26,6	26,6	26,6	26,5	26,6	26,7	26,6	26,6	26,5	
		Max	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,8	26,7	26,6	26,8	18/10/2023
		Min	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,3	
44	QT17-QB	T.Bình	26,7	26,8	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,9	26,9	26,9	26,8	
		Max	26,9	26,9	26,9	26,9	27,0	27,0	27,0	26,8	26,9	27,0	27,0	27,0	27,0	12/5/2023
		Min	26,4	26,7	26,8	26,8	26,9	26,8	26,8	26,7	26,7	26,7	26,8	26,9	26,4	1/1/2023
		ΔT	0,5	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,3	0,2	0,1	0,6	
45	QT3a-QT	T.Bình	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,1	27,1	27,1	27,0	27,0	27,1	
		Max	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,1	27,1	27,1	27,0	27,0	27,2	1/1/2023
		Min	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,1	27,1	27,1	27,0	27,0	27,0	27,0	19/10/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,2	
46	QT7a-QT	T.Bình	26,8	26,8	26,8	26,8	26,7	26,7	26,7	26,7	26,7	26,7	26,5	25,8	26,7	
		Max	26,8	26,8	26,8	26,8	26,7	26,7	26,7	26,7	26,7	26,7	27,2	25,8	27,2	8/11/2023
		Min	26,8	26,8	26,8	26,7	26,7	26,7	26,6	26,6	26,7	26,7	25,8	25,7	25,7	15/12/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	1,4	0,1	1,5	
47	QT9a-QT	T.Bình	26,4	26,3	26,1	26,0	26,1	26,3	26,4	26,9	26,7	25,9	26,1	25,4	26,2	
		Max	26,5	26,4	26,1	26,0	26,3	26,5	27,1	27,0	26,9	26,3	26,6	26,0	27,1	30/7/2023
		Min	26,4	26,1	26,0	25,9	25,9	26,1	26,2	26,8	26,5	25,3	25,5	24,5	24,5	24/12/2023
		ΔT	0,1	0,3	0,1	0,1	0,4	0,4	0,9	0,2	0,4	1,0	1,1	1,5	2,6	
48	QT12-QT	T.Bình	27,4	27,4	27,3	27,3	27,3	27,3	27,3	27,2	27,3	27,3	27,3	27,3	27,3	
		Max	27,4	27,4	27,4	27,3	27,4	27,3	27,3	27,4	27,5	27,5	27,5	27,5	27,5	18/9/2023
		Min	27,3	27,3	27,3	27,3	27,3	27,3	27,2	27,1	27,0	27,1	27,0	27,1	27,0	12/9/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,3	0,5	0,4	0,5	0,4	0,5	
49	QT1a-H	T.Bình	27,0	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,9	26,8	26,7	26,8	26,8	26,7	26,8	
		Max	27,2	27,1	27,1	27,1	27,0	27,0	27,1	27,0	27,0	27,0	27,0	26,9	27,2	12/1/2023
		Min	26,8	26,7	26,6	26,8	26,6	26,5	26,7	26,6	26,5	26,6	26,5	26,5	26,5	6/6/2023
		ΔT	0,4	0,4	0,5	0,3	0,4	0,5	0,4	0,4	0,5	0,4	0,5	0,4	0,7	
50	QT2a-H	T.Bình	26,8	26,8	26,8	26,7	26,8	26,7	26,8	26,8	26,9	26,8	26,8	26,8	26,8	
		Max	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,9	27,0	27,1	27,1	27,0	27,0	26,9	27,1	12/8/2023
		Min	26,7	26,7	26,7	26,7	26,7	26,6	26,6	26,7	26,6	26,6	26,5	26,6	26,5	15/11/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,3	0,4	0,4	0,5	0,4	0,5	0,3	0,6	
51	QT4a-H	T.Bình	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,7	26,7	26,9	
		Max	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	27,0	26,9	26,9	27,0	15/10/2023
		Min	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,5	26,5	26,5	26,5	9/10/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,5	0,4	0,4	0,5	
52	QT7a-H	T.Bình	26,7	26,6	26,7	26,6	26,8	26,8	26,8	26,9	26,8	26,8	26,6	26,6	26,7	
		Max	26,7	26,7	26,7	26,7	26,8	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,7	26,6	26,9	12/6/2023
		Min	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,5	26,5	26,5	15/11/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,4	
53	QT8-TH	T.Bình	25,5	25,4	25,3	25,3	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,9	25,3	
		Max	25,5	25,5	25,4	25,3	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,8	26,0	26,0	12/6/2023
		Min	25,4	25,4	25,3	25,2	25,2	25,1	25,1	25,2	25,2	25,2	25,3	25,7	25,1	7/6/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,5	0,3	0,9	
54	QT9-TH	T.Bình	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,5	26,5	26,4	26,3	26,3	26,3	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,5	26,4	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,3	26,6	3/7/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,0	26,2	26,4	26,3	26,2	26,2	26,0	26,2	26,0	3/5/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,2	0,2	0,3	0,2	0,5	0,3	0,2	0,3	0,3	0,3	0,5	0,1	0,6	
55	QT14-TH	T.Bình	26,8	26,4	26,2	25,9	25,8	25,9	26,1	26,3	26,7	26,9	26,0	25,8	26,3	
		Max	26,9	26,6	26,3	26,0	25,9	26,0	26,2	26,5	26,8	26,9	26,3	26,2	26,9	1/1/2023
		Min	26,6	26,3	26,0	25,8	25,8	25,8	26,0	26,2	26,5	26,4	25,5	25,5	25,5	12/11/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,3	0,2	0,1	0,2	0,2	0,3	0,3	0,5	0,8	0,7	1,4	
56	QT1-NA	T.Bình	26,5	26,4	26,3	26,2	26,1	26,0	26,0	26,0	26,1	26,1	26,2	26,3	26,2	
		Max	26,5	26,4	26,4	26,3	26,2	26,1	26,1	26,1	26,1	26,2	26,2	26,3	26,5	1/1/2023
		Min	26,4	26,4	26,3	26,1	26,1	26,0	26,0	26,0	26,0	26,1	26,2	26,2	26,0	2/6/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,5	
57	QT3-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,3	25,3	25,3	25,4	25,3	25,4	25,5	25,3	25,4	25,5	25,4	25,3	24/2/2023
		ΔT	0,0	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,1	0,0	0,2	0,1	0,0	0,1	0,2	
58	QT12a-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,4	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	27/9/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
59	QT1-HT	T.Bình	27,8	27,6	27,3	27,2	27,1	27,0	27,1	27,1	27,3	27,4	27,6	27,7	27,3	
		Max	27,9	27,8	27,5	27,3	27,1	27,1	27,2	27,2	27,3	27,5	27,7	27,7	27,9	1/1/2023
		Min	27,7	27,4	27,2	27,0	27,0	27,0	27,0	27,1	27,2	27,3	27,4	27,7	27,0	29/4/2023
		ΔT	0,2	0,4	0,3	0,3	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,2	0,3	0,0	0,9	
60	QT3a-QB	T.Bình	26,4	26,4	26,3	26,2	26,1	26,1	26,0	26,1	26,1	26,2	26,2	26,2	26,2	
		Max	26,5	26,4	26,3	26,2	26,2	26,1	26,1	26,1	26,2	26,2	26,2	26,2	26,5	8/1/2023
		Min	26,4	26,3	26,2	26,1	26,1	26,0	25,9	26,1	26,1	26,2	26,2	26,2	25,9	25/7/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,6	
61	QT4a-QB	T.Bình	26,2	26,2	26,2	26,3	26,4	26,7	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,7	26,5	0/1/1900
		Max	26,3	26,2	26,2	26,3	26,4	27,2	26,6	26,6	26,6	26,7	26,6	26,7	27,2	24/6/2023
		Min	26,2	26,1	26,1	26,2	26,3	26,3	26,4	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,1	18/2/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,9	0,2	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	1,1	0/1/1900
62	QT9a-QB	T.Bình	25,9	25,5	25,2	25,2	25,3	25,6	25,9	26,3	26,6	26,8	26,8	26,6	26,0	
		Max	26,2	25,7	25,4	25,3	25,5	25,7	26,1	26,4	26,7	26,8	26,8	26,7	26,8	5/10/2023
		Min	25,6	25,3	25,1	25,1	25,2	25,5	25,7	26,1	26,4	26,7	26,7	26,4	25,1	24/3/2023
		ΔT	0,6	0,4	0,3	0,2	0,3	0,2	0,4	0,3	0,3	0,1	0,1	0,3	1,7	
63	QT10a-QT	T.Bình	27,2	27,2	27,2	27,1	27,1	27,0	26,9	26,9	26,9	26,8	26,9	26,9	27,0	
		Max	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,0	27,0	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	27,2	14/1/2023
		Min	27,1	27,2	27,2	27,1	27,0	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,8	26,9	26,8	14/9/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,4	
64	QT3a-H	T.Bình	27,5	27,5	27,5	27,4	27,4	27,3	27,3	27,2	27,1	27,1	27,0	27,0	27,3	
		Max	27,5	27,5	27,5	27,5	27,4	27,4	27,3	27,2	27,1	27,1	27,1	27,0	27,5	1/1/2023
		Min	27,5	27,5	27,4	27,4	27,3	27,3	27,2	27,1	27,1	27,1	27,0	26,9	26,9	13/12/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,6	
65	QT6a-H	T.Bình	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,7	26,7	26,5	26,6	26,6	26,6	26,5	26,6	
		Max	26,6	26,5	26,5	26,6	26,6	26,7	26,7	26,6	26,6	26,7	26,7	26,6	26,7	18/6/2023
		Min	26,5	26,4	26,4	26,5	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	24/2/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,2	0,3	
66	QT8a-H	T.Bình	26,6	26,7	26,7	26,8	26,8	26,7	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	
		Max	26,7	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,7	26,8	18/2/2023
		Min	26,6	26,6	26,7	26,7	26,7	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	12/7/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,3	

II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT1a-TH	T.Bình	25,9	25,8	25,7	25,6	25,5	25,4	25,5	25,7	25,8	25,9	26,0	26,0	25,7	
		Max	25,9	25,9	25,8	25,7	25,5	25,5	25,6	25,7	25,9	26,0	26,0	26,1	26,1	12/1/2023
		Min	25,8	25,8	25,7	25,5	25,5	25,4	25,4	25,6	25,7	25,8	25,9	26,0	25,4	6/6/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,2	0,0	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,7	
2	QT2a-TH	T.Bình	26,4	26,3	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	25,8	25,8	25,8	25,8	26,2	
		Max	26,5	26,4	26,5	26,5	26,6	26,5	26,5	26,5	26,0	26,0	26,0	26,0	26,6	21/5/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,3	26,2	26,2	26,0	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	30/8/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,3	0,2	0,4	0,3	0,5	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	1,1	
3	QT4a-TH	T.Bình	28,3	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,3	28,3	28,4	28,3	28,4	28,4	
		Max	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	28,4	15/1/2023
		Min	28,3	28,3	28,4	28,4	28,4	28,3	28,3	28,3	28,3	28,3	28,3	28,3	28,3	1/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	
4	QT5a-TH	T.Bình	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,5	26,5	26,4	26,4	26,2	26,3	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,3	26,4	26,6	15/6/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	26,3	26,3	26,2	26,2	26,2	26,2	6/1/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,4	0,3	0,3	0,3	0,4	0,1	0,2	0,4	
5	QT6a-TH	T.Bình	27,1	27,0	26,8	26,7	26,6	26,6	26,7	26,8	26,9	27,0	27,0	27,1	26,8	
		Max	27,1	27,0	26,9	26,7	26,7	26,7	26,8	26,9	26,9	27,0	27,1	27,1	27,1	1/1/2023
		Min	27,0	26,8	26,7	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,8	26,9	27,0	27,1	26,6	16/4/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	0,0	0,5	
6	QT7a-TH	T.Bình	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,1	26,1	
		Max	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,0	26,0	26,0	26,0	26,1	26,1	26,1	1/1/2023
		Min	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,1	26,0	1/6/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	
7	QT9a-TH	T.Bình	26,3	26,3	26,3	26,4	26,3	26,4	26,4	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	26,5	26,6	26,5	26,5	26,6	26,5	26,6	12/8/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,3	26,2	26,2	26,4	26,4	26,3	26,2	26,3	26,2	26,2	12/1/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,3	0,1	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,4	
8	QT10a-TH	T.Bình	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,5	26,4	26,5	26,6	26,6	26,5	26,6	26,5	26,5	26,4	26,6	21/6/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	26,4	26,3	26,2	26,3	26,2	26,2	26,2	12/1/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,3	0,2	0,3	0,3	0,2	0,2	0,4	0,2	0,3	0,2	0,4	
9	QT11a-TH	T.Bình	26,1	25,6	25,4	25,3	25,4	25,6	26,1	26,7	27,1	27,3	27,3	27,2	26,2	
		Max	26,5	25,8	25,4	25,4	25,5	25,8	26,4	26,9	27,2	27,3	27,4	27,2	27,4	4/11/2023
		Min	25,8	25,4	25,3	25,3	25,3	25,5	25,8	26,4	26,9	27,2	27,2	27,0	25,3	8/3/2023
		ΔT	0,7	0,4	0,1	0,1	0,2	0,3	0,6	0,5	0,3	0,1	0,2	0,2	2,1	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
10	QT12a-TH	T.Bình	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,4	
		Max	26,4	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,5	26,5	26,6	9/10/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,1	26,3	26,2	26,2	26,3	26,2	26,1	24/7/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,4	0,2	0,3	0,4	0,2	0,3	0,5	
11	QT13a-TH	T.Bình	25,9	25,9	25,7	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,6	25,7	25,8	25,7	
		Max	25,9	25,9	25,9	25,6	25,6	25,5	25,5	25,6	25,6	25,7	25,8	25,8	25,9	1/1/2023
		Min	25,9	25,9	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,6	25,7	25,8	25,5	25/4/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,3	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,4	
12	QT2b-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,3	25,5	25,3	25,5	25,3	25,5	25,3	25,3	25,3	12/5/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,2	0,0	0,2	0,0	0,2	0,0	0,2	0,2	0,2	
13	QT5a-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,3	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	24/1/2023
		ΔT	0,2	0,0	0,0	0,0	0,1	0,2	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
14	QT6b-NA	T.Bình	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,4	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,3	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	24/1/2023
		ΔT	0,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
15	QT8b-NA	T.Bình	27,1	27,0	26,9	26,7	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	26,9	
		Max	27,1	27,1	26,9	26,8	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	27,1	1/1/2023
		Min	27,1	26,9	26,8	25,5	25,3	25,4	25,4	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	12/5/2023
		ΔT	0,0	0,2	0,1	1,3	0,2	0,1	0,1	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	1,8	
16	QT9b-NA	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	
		Max	25,1	25,0	25,0	25,2	25,1	25,1	25,1	25,0	25,2	25,2	25,1	25,0	25,2	6/4/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,2	0,1	0,1	0,1	0,0	0,2	0,2	0,1	0,0	0,2	
17	QT10b-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,4	25,5	25,3	25,3	25,3	25,4	25,3	27/9/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	
18	QT11b-NA	T.Bình	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	25,7	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	26,1	
		Max	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	26,1	1/1/2023
		Min	26,1	26,0	26,0	26,1	26,1	25,4	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	21/7/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,7	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,8	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
19	QT14b-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,4	25,4	25,5	25,3	25,3	25,4	25,5	25,3	12/5/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	0,1	0,1	0,0	0,2	0,2	0,1	0,0	0,2	
20	QT15b-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,4	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	12/5/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	0,1	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
21	QT16b-NA	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	
		Max	25,1	25,0	25,0	25,1	25,2	25,1	25,2	25,0	25,2	25,1	25,1	25,1	25,2	6/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,2	0,1	0,2	0,0	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	
22	QT17a-NA	T.Bình	25,1	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	30/1/2023
		Min	25,0	25,5	25,5	25,3	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,5	0,0	0,0	0,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,5	
23	QT18a-NA	T.Bình	26,4	26,2	25,9	25,8	25,8	25,9	26,0	26,2	26,5	26,6	26,7	26,7	26,2	
		Max	26,6	26,3	26,1	25,9	25,8	25,9	26,1	26,3	26,6	26,7	26,8	26,8	26,8	21/11/2023
		Min	26,3	26,0	25,8	25,7	25,7	25,8	25,9	26,1	26,3	26,5	26,6	25,4	25,4	18/12/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,3	0,2	0,1	0,1	0,2	0,2	0,3	0,2	0,2	1,4	1,4	
24	QT1b-CC	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,2	25,2	25,1	25,2	25,2	25,1	25,0	25,5	1/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	30/5/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,5	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,0	0,5	
25	QT2a-CC	T.Bình	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	
		Max	25,9	25,9	25,9	25,9	26,0	26,0	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	26,0	26/5/2023
		Min	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	
26	QT3-CC	T.Bình	25,7	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	
		Max	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	22/1/2023
		Min	25,7	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,6	25,5	17/10/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,0	0,3	
27	QT3a-HĐ	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,4	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,3	25,4	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,3	25,3	12/5/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,2	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
28	QT5b-HĐ	T.Bình	25,1	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,1	25,0	25,1	25,0	25,0	25,1	25,1	
		Max	25,1	25,2	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,2	25,2	25,2	25,1	25,2	25,2	½/2023
		Min	25,1	25,1	25,2	25,2	25,1	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	19/7/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	
29	QT2a-HT	T.Bình	27,1	26,9	26,4	26,3	26,4	26,6	26,8	27,3	27,8	28,1	28,2	27,9	27,1	
		Max	27,5	26,9	26,7	26,4	26,5	26,7	27,0	27,5	28,0	28,2	28,2	28,1	28,2	21/10/2023
		Min	26,9	26,7	26,2	26,2	26,3	26,4	26,7	27,0	27,5	28,0	28,1	27,7	26,2	30/3/2023
		ΔT	0,6	0,2	0,5	0,2	0,2	0,3	0,3	0,5	0,5	0,2	0,1	0,4	2,0	
30	QT5a-HT	T.Bình	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	
		Max	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,8	25,7	25,8	1/1/2023
		Min	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	26/4/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	
31	QT6-HT	T.Bình	24,3	24,0	23,5	23,4	24,0	24,7	25,3	25,9	26,3	26,4	26,1	25,3	24,9	
		Max	24,9	24,2	23,8	23,6	24,5	24,9	25,6	26,1	26,5	26,5	26,3	25,6	26,5	16/9/2023
		Min	23,9	23,8	23,2	23,3	23,6	24,5	24,9	25,6	26,1	25,5	25,2	24,4	23,2	1/1/2023
		ΔT	1,0	0,4	0,6	0,3	0,9	0,4	0,7	0,5	0,4	1,0	1,1	1,2	3,3	
32	QT1a-HK	T.Bình	26,3	26,2	26,2	26,2	26,3	26,4	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,5	26,3	
		Max	26,3	26,2	26,2	26,3	26,3	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	30/9/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,4	26,2	1/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,4	
33	QT2a-HK	T.Bình	25,7	25,4	25,1	24,8	24,6	24,6	24,7	25,0	25,4	25,8	25,8	25,8	25,2	
		Max	25,7	25,6	25,3	24,9	24,7	24,6	24,9	25,2	25,7	25,9	25,9	25,8	25,9	25/10/2023
		Min	25,6	25,3	24,9	24,6	24,5	24,5	24,6	24,9	25,2	25,6	25,7	25,8	24,5	29/5/2023
		ΔT	0,1	0,3	0,4	0,3	0,2	0,1	0,3	0,3	0,5	0,3	0,2	0,0	1,4	
34	QT3a-HK	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,1	25,1	25,1	25,2	25,2	
		Max	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,1	25,1	25,1	25,2	25,2	1/1/2023
		Min	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,1	25,0	25,0	25,1	25,1	25,0	16/9/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,1	0,2	
35	QT4a-HK	T.Bình	24,9	24,9	24,9	25,0	25,1	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,0	25,1	25,0	
		Max	24,9	24,9	24,9	25,0	25,1	25,3	25,3	25,2	25,2	25,1	25,1	25,1	25,3	24/6/2023
		Min	24,8	24,9	24,8	24,9	25,0	25,1	25,1	25,1	25,0	25,0	24,9	25,0	24,8	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,1	0,2	0,1	0,5	
36	QT5a-HK	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,7	25,9	26,1	25,9	25,8	25,7	25,8	25,7	
		Max	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,7	26,0	26,1	26,0	25,9	25,8	25,8	26,1	6/8/2023
		Min	25,5	25,6	25,5	25,5	25,6	25,6	25,8	26,0	25,8	25,7	25,6	25,7	25,5	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,6	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
37	QT1b-HS	T.Bình	25,9	26,0	26,1	26,1	26,2	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,8	26,6	26,4	
		Max	26,0	26,0	26,1	26,2	26,3	26,6	26,6	26,7	26,8	26,7	26,9	26,7	26,9	12/11/2023
		Min	25,9	25,9	26,0	26,1	26,1	26,3	26,4	26,4	26,3	26,3	26,7	26,5	25,9	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,2	0,3	0,5	0,4	0,2	0,2	1,0	
38	QT2b-HS	T.Bình	26,4	26,4	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,4	26,4	26,4	26,7	26,5	26,4	26,4	26,7	26/9/2023
		Min	26,3	26,3	26,3	26,3	26,2	26,3	26,4	26,3	26,3	26,4	26,3	26,3	26,2	11/5/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,1	0,4	0,1	0,1	0,1	0,5	
39	QT5b-HS	T.Bình	26,0	25,9	26,1	26,1	26,2	26,4	26,3	26,4	26,3	26,4	26,6	26,7	26,3	
		Max	26,0	26,0	26,1	26,2	26,2	26,5	26,4	26,6	26,6	26,6	26,8	26,8	26,8	15/11/2023
		Min	26,0	25,9	26,0	26,1	26,2	26,3	26,2	26,2	26,2	26,2	26,5	26,6	25,9	12/2/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,2	0,2	0,4	0,4	0,4	0,3	0,2	0,9	
40	QT1b-QB	T.Bình	26,6	26,7	26,8	26,7	26,8	26,9	27,0	27,1	27,1	27,0	27,0	27,0	26,9	
		Max	26,7	26,7	26,8	26,8	26,8	26,9	27,0	27,1	27,1	27,1	27,0	27,0	27,1	12/8/2023
		Min	26,6	26,6	26,7	26,7	26,7	26,8	26,9	27,0	27,0	27,0	26,9	26,9	26,6	12/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,5	
41	QT5-QB	T.Bình	26,5	26,6	26,6	26,5	26,6	26,6	26,7	26,7	26,7	26,7	26,7	26,8	26,7	
		Max	26,6	26,6	26,6	26,5	26,6	26,7	26,7	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	6/8/2023
		Min	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,7	26,5	12/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	0,3	
42	QT12b-QB	T.Bình	26,7	26,8	26,7	26,8	26,9	27,0	27,0	27,1	27,2	27,2	27,1	27,2	27,0	
		Max	27,0	27,0	26,8	26,8	26,9	27,0	27,1	27,2	27,2	27,3	27,2	27,2	27,3	3/10/2023
		Min	26,5	26,5	26,6	26,6	26,8	26,9	27,0	27,0	27,1	27,1	27,0	27,1	26,5	6/1/2023
		ΔT	0,5	0,5	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,8	
43	QT13a-QB	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	
		Max	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,6	1/1/2023
		Min	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	13/6/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	
44	QT15a-QB	T.Bình	26,8	26,9	26,9	27,0	26,9	26,8	26,8	26,6	26,5	26,6	26,6	26,5	26,7	
		Max	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	26,8	26,8	26,7	26,7	26,7	26,7	27,0	6/1/2023
		Min	26,6	26,6	26,8	26,9	26,8	26,6	26,6	26,5	26,3	26,4	26,5	26,4	26,3	15/9/2023
		ΔT	0,4	0,4	0,2	0,1	0,2	0,4	0,2	0,3	0,4	0,3	0,2	0,3	0,7	
45	QT1a-QT	T.Bình	26,7	26,8	26,9	27,0	27,0	26,9	26,9	26,8	26,7	26,9	26,8	26,8	26,8	
		Max	27,0	27,0	27,0	27,2	27,1	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,2	24/4/2023
		Min	26,5	26,5	26,8	26,8	26,9	26,8	26,8	26,6	26,5	26,8	26,6	26,7	26,5	18/1/2023
		ΔT	0,5	0,5	0,2	0,4	0,2	0,2	0,2	0,4	0,5	0,2	0,4	0,3	0,7	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
46	QT3b-QT	T.Bình	27,4	27,4	27,4	26,8	26,9	27,4	27,4	27,1	26,8	26,9	26,8	26,9	27,4	
		Max	27,4	27,4	27,4	26,9	27,2	27,5	27,5	27,2	27,0	27,1	27,0	27,0	27,5	12/6/2023
		Min	27,4	27,4	26,7	26,6	26,7	27,3	27,3	26,7	26,6	26,7	26,7	26,8	26,6	24/4/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,7	0,3	0,5	0,2	0,2	0,5	0,4	0,4	0,3	0,2	0,9	
47	QT5-QT	T.Bình	26,6	26,4	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,7	26,6	25,9	26,2	25,4	26,3	
		Max	26,8	26,6	26,6	26,7	26,7	26,8	26,8	26,8	26,8	26,4	26,6	26,0	26,8	12/1/2023
		Min	26,5	26,3	26,4	26,3	26,3	26,4	26,4	26,7	26,4	25,5	25,7	24,5	24,5	24/12/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,2	0,4	0,4	0,4	0,4	0,1	0,4	0,9	0,9	1,5	2,3	
48	QT6-QT	T.Bình	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,7	25,8	25,8	25,7	
		Max	25,9	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	25,8	25,8	25,9	24/1/2023
		Min	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,8	25,6	17/6/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,2	0,1	0,0	0,3	
49	QT7b-QT	T.Bình	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	
		Max	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,9	1/1/2023
		Min	26,9	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	3/2/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	
50	QT8b-QT	T.Bình	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,7	26,8	26,8	26,7	26,8	26,7	26,8	26,8	
		Max	27,0	27,1	27,1	27,0	27,1	26,8	27,0	27,0	27,0	27,1	27,0	27,0	27,1	12/2/2023
		Min	26,7	26,7	26,6	26,6	26,7	26,5	26,6	26,7	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	18/6/2023
		ΔT	0,3	0,4	0,5	0,4	0,4	0,3	0,4	0,3	0,5	0,6	0,5	0,5	0,6	
51	QT9b-QT	T.Bình	26,7	26,7	26,9	26,9	26,7	26,9	26,8	26,9	26,7	25,9	26,1	25,4	26,4	
		Max	26,9	26,9	27,1	27,1	26,9	27,1	27,1	27,0	26,9	26,3	26,6	26,0	27,1	6/3/2023
		Min	26,5	26,5	26,7	26,7	26,6	26,8	26,6	26,8	26,5	25,3	25,5	24,5	24,5	24/12/2023
		ΔT	0,4	0,4	0,4	0,4	0,3	0,3	0,5	0,2	0,4	1,0	1,1	1,5	2,6	
52	QT11a-QT	T.Bình	27,3	27,3	27,3	27,3	27,3	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,3	
		Max	27,4	27,4	27,3	27,3	27,3	27,3	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,4	1/1/2023
		Min	27,3	27,3	27,3	27,3	27,3	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	8/6/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	
53	QT1b-H	T.Bình	26,9	26,9	27,0	26,6	26,5	26,4	26,3	26,3	26,3	26,2	26,1	26,1	26,3	
		Max	27,1	27,0	27,2	27,1	26,5	26,4	26,3	26,3	26,3	26,2	26,2	26,2	27,2	1/3/2023
		Min	26,6	26,7	26,8	26,5	26,4	26,3	26,3	26,3	26,2	26,2	26,1	26,1	26,1	2/11/2023
		ΔT	0,5	0,3	0,4	0,6	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	1,1	
54	QT2b-H	T.Bình	26,7	26,7	26,8	27,0	26,8	26,9	26,8	26,7	26,8	26,8	26,7	26,8	26,8	
		Max	26,8	26,9	27,0	27,1	27,1	27,1	27,1	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,1	18/4/2023
		Min	26,5	26,5	26,6	26,8	26,6	26,8	26,7	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,5	18/1/2023
		ΔT	0,3	0,4	0,4	0,3	0,5	0,3	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,4	0,6	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
55	QT4b-H	T.Bình	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	27,0	26,9	27,0	26,8	26,9	
		Max	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	27,1	27,1	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,2	6/8/2023
		Min	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,6	26,8	26,7	26,7	26,7	26,7	26,6	26,6	30/6/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,5	0,3	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,6	
56	QT5-H	T.Bình	25,6	25,7	25,7	25,8	26,0	26,0	26,0	26,1	26,1	26,1	26,1	26,0	26,0	
		Max	25,7	25,7	25,7	25,8	26,1	26,2	26,2	26,2	26,3	26,3	26,3	26,2	26,3	3/9/2023
		Min	25,6	25,6	25,6	25,7	25,7	25,8	25,8	25,9	25,9	25,9	25,9	25,8	25,6	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,4	0,4	0,4	0,3	0,4	0,4	0,4	0,4	0,7	
57	QT6b-H	T.Bình	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	
		Max	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,2	27,2	27,2	1/1/2023
		Min	27,2	27,2	27,2	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	¾/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	
58	QT7b-H	T.Bình	27,1	27,1	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	26,9	26,9	26,9	27,0	
		Max	27,1	27,1	27,1	27,0	27,1	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	26,9	27,1	1/1/2023
		Min	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	27/7/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,2	
59	QT9-H	T.Bình	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	
		Max	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	1/1/2023
		Min	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	27,0	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
60	QT8a-TH	T.Bình	26,1	26,0	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,9	26,0	26,1	26,2	25,8	
		Max	26,1	26,1	25,7	25,6	25,6	25,6	25,7	25,8	25,9	26,0	26,1	26,2	26,2	12/1/2023
		Min	26,1	25,7	25,6	25,6	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,9	26,0	26,1	25,5	4/5/2023
		ΔT	0,0	0,4	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,7	
61	QT14a-TH	T.Bình	26,9	26,6	26,3	26,2	26,1	26,2	26,3	26,5	26,8	27,1	27,3	27,3	26,6	0/1/1900
		Max	27,1	26,8	26,5	26,3	26,2	26,2	26,4	26,7	27,0	27,2	27,3	27,4	27,4	12/4/2023
		Min	26,8	26,4	26,2	26,1	26,1	26,1	26,2	26,4	26,7	27,0	27,2	27,3	26,1	8/4/2023
		ΔT	0,3	0,4	0,3	0,2	0,1	0,1	0,2	0,3	0,3	0,2	0,1	0,1	1,3	0/1/1900
62	QT7-NA	T.Bình	26,0	26,0	25,9	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,4	25,9	
		Max	26,0	26,0	26,0	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	26,0	1/1/2023
		Min	25,9	25,9	25,5	25,4	25,3	25,3	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	12/5/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,5	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,7	
63	QT12b-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,5	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	24/7/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
64	QT13b-NA	T.Bình	26,2	26,2	26,2	26,0	25,7	25,7	25,6	25,5	25,6	25,5	25,5	25,6	25,8	
		Max	26,2	26,2	26,2	26,2	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,6	26,2	1/1/2023
		Min	26,2	26,2	26,1	25,8	25,6	25,6	25,6	25,4	25,4	25,4	25,5	25,5	25,4	14/8/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,1	0,4	0,2	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,0	0,1	0,8	
65	QT7a-HT	T.Bình	26,5	26,2	25,9	25,9	26,2	26,4	26,8	27,3	27,7	28,1	28,1	27,6	26,9	
		Max	27,0	26,3	26,0	26,0	26,4	26,6	27,0	27,5	27,9	28,2	28,2	27,8	28,2	24/10/2023
		Min	26,2	25,9	25,8	25,8	26,0	26,3	26,6	27,0	27,5	27,9	27,8	27,4	25,8	8/3/2023
		ΔT	0,8	0,4	0,2	0,2	0,4	0,3	0,4	0,5	0,4	0,3	0,4	0,4	2,4	
66	QT4b-QB	T.Bình	27,1	26,9	27,0	27,2	27,2	27,2	27,3	27,2	27,2	27,3	27,3	27,3	27,2	
		Max	27,2	27,0	27,0	27,2	27,2	27,2	27,3	27,3	27,3	27,4	27,4	27,4	27,4	3/10/2023
		Min	27,0	26,9	26,9	27,1	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	26,9	12/2/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,5	
67	QT9b-QB	T.Bình	26,4	26,4	26,6	26,7	26,6	26,7	26,7	26,6	26,6	26,7	26,6	26,6	26,4	
		Max	26,4	26,5	26,6	26,7	26,7	26,8	26,8	26,7	26,7	26,8	26,7	26,7	26,8	24/6/2023
		Min	26,4	26,4	26,5	26,6	26,6	26,7	26,7	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,4	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,4	
68	QT4-QT	T.Bình	26,5	26,6	26,6	26,7	26,7	26,8	26,7	26,8	26,6	25,9	26,3	25,3	26,4	
		Max	26,8	26,8	26,7	26,8	26,9	27,0	26,8	26,9	26,9	26,5	26,6	26,0	27,0	24/6/2023
		Min	26,3	26,3	26,5	26,5	26,6	26,6	26,7	26,7	26,5	25,0	26,0	24,0	24,0	24/12/2023
		ΔT	0,5	0,5	0,2	0,3	0,3	0,4	0,1	0,2	0,4	1,5	0,6	2,0	3,0	
69	QT10b-QT	T.Bình	27,4	27,4	27,4	27,4	27,4	27,3	27,3	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,3	
		Max	27,4	27,4	27,4	27,4	27,4	27,4	27,3	27,3	27,2	27,2	27,2	27,3	27,4	1/1/2023
		Min	27,4	27,4	27,4	27,4	27,3	27,3	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	31/7/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,2	
70	QT3b-H	T.Bình	27,1	27,1	27,1	27,1	26,9	26,9	26,8	26,9	26,9	26,9	26,9	26,7	26,9	
		Max	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,1	27,0	27,1	27,1	27,1	27,1	27,0	27,1	6/1/2023
		Min	27,0	27,0	27,0	27,0	26,7	26,7	26,6	26,7	26,6	26,7	26,6	26,5	26,5	15/12/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,4	0,4	0,4	0,4	0,5	0,4	0,5	0,5	0,6	
71	QT8b-H	T.Bình	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,3	26,2	26,1	26,0	26,0	25,9	25,9	26,3	
		Max	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,3	26,2	26,1	26,1	26,0	26,0	25,9	26,5	5/1/2023
		Min	26,4	26,5	26,5	26,4	26,3	26,2	26,1	26,0	26,0	25,9	25,8	25,8	25,8	15/11/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,7	

III. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT8b-QB	T.Bình	26,4	26,4	26,4	26,3	26,2	26,0	26,0	26,0	25,8	25,9	25,9	25,9	26,1	
		Max	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	26,0	26,1	26,0	25,9	25,9	25,9	25,9	26,5	1/5/2023
		Min	26,4	26,4	26,3	26,2	25,9	25,9	26,0	25,8	25,8	25,9	25,8	25,8	25,8	29/8/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,1	0,2	0,6	0,1	0,1	0,2	0,1	0,0	0,1	0,1	0,7	
2	QT1b-QT	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	
		Max	26,7	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,7	1/1/2023
		Min	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	24/7/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,3	
3	QT3c-QT	T.Bình	26,8	26,8	26,9	27,1	27,2	27,1	27,0	26,7	26,6	26,7	26,6	26,6	26,8	
		Max	27,2	27,0	27,0	27,2	27,3	27,2	27,1	26,8	26,8	26,9	26,8	26,8	27,3	12/5/2023
		Min	26,5	26,5	26,8	26,8	27,1	27,0	26,9	26,6	26,4	26,5	26,5	26,5	26,4	21/9/2023
		ΔT	0,7	0,5	0,2	0,4	0,2	0,2	0,2	0,2	0,4	0,4	0,3	0,3	0,9	
4	QT7c-QT	T.Bình	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,9	
		Max	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,8	26,8	26,9	1/1/2023
		Min	26,9	26,9	26,9	26,9	26,9	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	27/6/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	
5	QT8c-QT	T.Bình	27,0	27,0	26,8	26,8	26,9	26,7	26,8	26,9	26,9	26,7	26,8	26,9	26,8	
		Max	27,1	27,2	27,1	27,0	27,0	27,0	27,0	27,1	27,2	27,0	27,0	27,1	27,2	18/2/2023
		Min	26,8	26,8	26,5	26,6	26,8	26,5	26,6	26,8	26,7	26,5	26,5	26,7	26,5	30/3/2023
		ΔT	0,3	0,4	0,6	0,4	0,2	0,5	0,4	0,3	0,5	0,5	0,5	0,4	0,7	
6	QT10c-QT	T.Bình	26,8	26,9	26,8	26,9	26,8	26,7	26,8	26,7	26,8	26,8	26,9	26,8	26,8	
		Max	26,9	27,1	27,0	27,1	27,1	27,0	27,0	26,9	27,0	27,1	27,1	27,1	27,1	18/2/2023
		Min	26,7	26,6	26,6	26,7	26,7	26,5	26,6	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,5	6/6/2023
		ΔT	0,2	0,5	0,4	0,4	0,4	0,5	0,4	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,6	
7	QT11b-QT	T.Bình	27,6	27,6	27,6	27,5	27,5	27,4	27,4	27,5	27,5	27,6	27,7	27,7	27,6	
		Max	27,6	27,6	27,6	27,6	27,5	27,5	27,4	27,5	27,6	27,6	27,7	27,7	27,7	10/11/2023
		Min	27,6	27,6	27,6	27,5	27,4	27,4	27,4	27,4	27,5	27,6	27,6	27,7	27,4	23/5/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,3	
8	QT13-QT	T.Bình	25,9	25,9	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	
		Max	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,9	1/1/2023
		Min	25,9	25,9	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	1/5/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	

IV. Tầng chứa nước khe nứt trong đá Bazan (Bz)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT2-QT	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,3	25,9	26,2	25,6	26,6	
		Max	26,7	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,7	26,3	26,6	26,0	26,7	1/1/2023
		Min	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	25,3	25,5	25,7	25,0	25,0	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	1,4	0,8	0,9	1,0	1,7	

V. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Triat (t) và Triat giữa (t_2)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT4b-NA	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	25,4	25,4	25,3	25,5	25,5	25,5	25,3	24/6/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,2	0,1	0,1	0,2	0,0	0,0	0,0	0,2	
2	QT5b-NA	T.Bình	25,1	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	30/1/2023
		Min	25,0	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,5	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,5	0,0	0,0	0,0	0,1	0,2	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,0	0,5	
3	QT18b-NA	T.Bình	26,4	26,3	26,1	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	26,2	
		Max	26,4	26,3	26,2	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	26,4	1/1/2023
		Min	26,3	26,2	25,5	25,3	25,4	25,4	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	6/4/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,7	0,2	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	1,1	
4	QT1b-HĐ	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,1	25,0	
		Max	25,1	25,0	25,0	25,0	25,2	25,2	25,2	25,1	25,2	25,2	25,1	25,1	25,2	9/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
5	QT3b-HT	T.Bình	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	26,4	26,4	26,3	
		Max	26,5	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,2	26,2	26,3	26,3	26,4	26,4	26,5	24/1/2023
		Min	26,4	26,4	26,4	26,3	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	26,3	26,4	26,2	25/5/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,3	
6	QT6b-HT	T.Bình	25,6	25,3	24,9	24,8	25,1	25,4	25,6	26,0	26,3	26,5	26,5	26,2	25,7	
		Max	26,1	25,4	25,2	24,9	25,3	25,5	25,8	26,2	26,5	26,6	26,6	26,4	26,6	28/10/2023
		Min	25,3	25,2	24,8	24,7	24,9	25,2	25,5	25,8	26,2	26,4	26,3	26,0	24,7	20/4/2023
		ΔT	0,8	0,2	0,4	0,2	0,4	0,3	0,3	0,4	0,3	0,2	0,3	0,4	1,9	
7	QT1b-HK	T.Bình	26,3	26,2	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,3	26,7	26,2	26,2	26,2	
		Max	26,3	26,3	26,2	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	27,5	27,4	26,4	26,2	27,5	26/9/2023
		Min	26,3	26,2	26,1	26,0	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,2	26,1	26,2	26,0	16/4/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	1,4	1,2	0,3	0,0	1,5	
8	QT2b-HK	T.Bình	25,7	25,7	25,6	25,6	25,5	25,5	25,4	25,5	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	
		Max	25,7	25,7	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,4	25,7	1/1/2023
		Min	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	16/6/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,3	
9	QT3b-HK	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	24,9	24,9	24,9	24,8	24,8	24,8	24,9	
		Max	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	24,9	24,9	24,9	24,8	24,8	25,0	1/1/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	24,9	24,9	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	28/9/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,2	

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
10	QT4b-HK	T.Bình	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,7	24,7	24,7	24,8	
		Max	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	1/1/2023
		Min	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,8	24,7	24,7	24,7	24,7	24,7	25/9/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	
11	QT5b-HK	T.Bình	25,4	25,2	24,9	24,7	24,6	24,7	24,8	25,0	25,2	25,4	25,5	25,4	25,1	
		Max	25,5	25,3	25,1	24,8	24,6	24,7	24,9	25,1	25,4	25,6	25,5	25,5	25,6	14/10/2023
		Min	25,3	25,1	24,8	24,6	24,6	24,6	24,7	24,9	25,0	25,4	25,4	25,4	24,6	30/4/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,3	0,2	0,0	0,1	0,2	0,2	0,4	0,2	0,1	0,1	1,0	

VI. Tầng chức nước khe nứt – karst trong trầm tích carbonat Carbon-Pecmi (c-p)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT3b-HĐ	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,3	25,4	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	12/5/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,2	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	
2	QT4-HĐ	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,3	25,4	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,3	25,3	9/5/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,2	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	

VII. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Cacbon dưới (c_1)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT2b-CC	T.Bình	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	
		Max	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	1/1/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

VIII. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT3b-QB	T.Bình	26,0	26,2	26,2	26,3	26,3	26,3	26,4	26,5	26,5	26,4	26,5	26,6	26,4	
		Max	26,0	26,2	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	12/3/2023
		Min	26,0	26,1	26,2	26,2	26,2	26,3	26,3	26,4	26,4	26,3	26,4	26,5	26,0	6/1/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,6	
2	QT6b-QB	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	
		Max	26,6	26,7	26,7	26,7	26,7	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,7	26,7	18/2/2023
		Min	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	
3	QT11b-QB	T.Bình	26,2	26,1	25,9	25,8	25,7	25,7	25,8	25,9	26,0	26,2	26,3	26,3	26,0	
		Max	26,3	26,1	26,0	25,9	25,8	25,7	25,8	25,9	26,1	26,2	26,3	26,4	26,4	21/12/2023
		Min	26,1	26,0	25,8	25,7	25,6	25,6	25,7	25,8	25,9	26,1	26,2	26,3	25,6	13/5/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,8	
4	QT13b-QB	T.Bình	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	
		Max	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	1/1/2023
		Min	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,3	7/11/2023

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,2	
5	QT15b-QB	T.Bình	26,6	26,7	26,6	26,8	26,7	26,6	26,4	26,4	26,2	26,4	26,4	26,3	26,5	
		Max	26,7	26,8	26,7	26,9	26,9	26,7	26,5	26,5	26,4	26,5	26,5	26,4	26,9	30/4/2023
		Min	26,4	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,3	26,2	26,1	26,3	26,3	26,2	26,1	21/9/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,2	0,3	0,3	0,2	0,2	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2	0,8	
6	QT16b-QB	T.Bình	25,4	25,4	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	5/8/2023
		Min	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,8	25,9	25,9	25,9	25,8	25,3	24/1/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,6	

IX. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur dưới (o_3-s_1)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	QT17b-NA	T.Bình	26,0	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	
		Max	26,0	26,0	25,9	25,8	25,8	25,9	25,9	25,9	25,8	25,8	25,9	25,8	26,0	1/1/2023
		Min	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	28/2/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,2	

PHẦN 4
CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đối với chất lượng nước nước dưới đất, công bố toàn bộ số liệu phân tích thực tế trong năm 2023. Các chỉ tiêu nghiên cứu mùa khô (kí hiệu K) và mùa mưa (kí hiệu M). Các chỉ tiêu nghiên cứu được chia làm hai loại: nguyên tố đa lượng và nguyên tố vi lượng.

Đối với nguyên tố đa lượng:

Các kết quả được xác định trong các điều kiện khác nhau và các phương pháp khác nhau. Các chỉ tiêu được lấy mẫu và phân tích theo các phương pháp như sau:

- Độ pH xác định bằng dụng cụ chuyên dụng đo độ pH hiện có
- SiO_2 xác định bằng phương pháp trắc quang
- Độ cứng xác định bằng phương pháp thể tích
- Cặn sấy khô (TDS) xác định bằng phương pháp trọng lượng cặn thu được khi chưng cất nước ở nhiệt độ ổn định 105^oC.
- Xác định HCO_3^- bằng phương pháp thể tích
- Xác định Cl^- bằng phương pháp thể tích
- Xác định SO_4^{2-} bằng phương pháp thể tích
- Xác định NH_4^+; NO_3^-; NO_2^- bằng phương pháp trắc quang
- Xác định Ca^{+2} bằng phương pháp thể tích
- Xác định Mg^{+2} theo kết quả xác định độ cứng tổng quát và Ca^{+2}
- Xác định Fe^{+2} và Fe^{+3} bằng phương pháp thể tích
- Xác định K^+ và Na^+ bằng phương pháp trắc quang

Đối với nguyên tố vi lượng:

Các chỉ tiêu vi lượng (As, Hg, Se, Be, Cr, Cd, Pb, Cu, Zn, Mn, Ni), nhiễm bẩn (NH_4^+, NO_3^-, NO_2^-, PO_4^{-3}), phenol, Cyanua, và COD phân tích hai mùa trong năm. Phương pháp phân tích các chỉ tiêu này như sau:

- Các chỉ tiêu vi lượng: Hấp thụ nguyên tử, riêng F, I là hoá- hoá lý
- Phenol:ISO 6439-90
- Cyanua: ATCVN 6181-96
- COD: TCVN 4565-88
- NH_4^+, NO_3^-, NO_2^-, PO_4^{-3}: So màu

Các chỉ tiêu phân tích mẫu toàn diện, sắt chuyên môn, nhiễm bẩn, vi sinh (trừ độ pH) có đơn vị tính là mg/l, lấy chính xác đến 0,01mg/l, các chỉ

tiêu vi lượng đơn vị tính là mg/l, tuỳ theo mức độ phát hiện lấy chính xác từ 0,01mg/l đến 0,0001mg/l, độ tổng khoáng hóa (TDS) lấy bằng cặn sấy khô không lấy phần thập phân.

Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá so sánh với Quy chuẩn quốc gia QCVN09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất.

I. Các nguyên tố đa lượng

I.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT2-TH	K	58,00	6,90	26,05	14,59	0,44	2,10	**13,25**	48,74	0,00	286,79	0,00	0,01	0,02	250	14,78	336	7,05
		M	63,60	5,00	22,04	14,59	0,48	1,89	**13,83**	44,31	9,61	283,74	0,00	0,01	0,02	230	15,00	342	7,16
2	QT3-TH	K	15,30	1,00	34,07	21,89	0,04	0,22	0,27	16,84	0,00	222,72	3,00	0,01	0,02	350	6,80	218	8,32
		M	32,20	1,25	26,05	24,32	0,02	0,23	0,28	23,93	19,21	225,77	0,00	0,05	0,02	330	11,22	263	7,72
3	QT4-TH	K	9,00	13,80	34,07	11,85	0,02	0,60	0,46	24,82	3,60	164,75	0,00	0,03	0,30	268	12,42	200	6,20
		M	14,40	9,40	31,56	9,73	0,09	0,34	0,22	25,70	7,20	146,45	0,00	0,01	0,29	238	12,58	192	6,52
4	QT5-TH	K	44,60	1,00	16,03	16,72	3,20	4,80	**8,62**	87,74	1,20	152,55	0,00	0,01	0,02	218	8,54	276	**5,67**
		M	36,00	0,50	22,04	13,07	0,44	2,93	**9,83**	83,31	1,20	128,14	0,00	0,01	0,02	218	8,40	251	6,05
5	QT6-TH	K	24,20	1,25	17,03	9,73	3,20	4,80	**3,85**	27,47	2,40	152,55	0,00	0,01	0,02	165	16,16	193	5,92
		M	23,70	1,25	19,04	6,99	1,04	1,72	**4,56**	27,47	2,40	131,19	0,00	0,01	0,02	153	13,61	178	6,15
6	QT11-TH	K	65,60	5,00	20,04	24,32	2,24	2,40	**5,05**	119,64	4,80	183,06	0,00	0,01	0,02	300	10,72	361	6,09
		M	64,80	4,10	20,04	19,46	0,48	4,01	**4,75**	121,42	4,80	152,55	0,00	0,01	0,02	260	11,77	341	5,82
7	QT12-TH	K	62,80	10,00	68,14	55,93	1,60	2,40	**2,67**	66,47	9,61	564,44	0,00	0,01	0,02	800	13,62	584	6,86
		M	72,80	9,40	70,14	49,86	0,31	0,67	**3,50**	69,13	14,41	549,18	0,00	0,21	0,02	760	13,00	592	6,83
8	QT13-TH	K	120,00	42,50	90,18	46,21	0,34	2,02	**16,25**	223,34	24,02	540,03	0,00	0,01	0,02	830	8,25	854	7,00
		M	130,00	50,00	44,09	66,88	0,27	0,50	**25,35**	205,61	52,83	561,38	0,00	0,60	0,02	770	7,68	875	7,31
9	QT2a-NA	K	1.180,00	25,00	220,44	267,52	0,20	1,60	0,84	**2.889,18**	0,00	222,72	0,00	0,05	0,02	3.300	7,31	**4.736**	6,32
		M	445,00	16,40	130,26	106,40	0,20	1,10	0,22	**1.001,46**	96,06	308,15	0,00	0,10	0,90	1.525	8,00	**1.981**	7,17

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
10	QT4a-NA	K	1.810,00	22,40	260,52	340,48	0,38	1,89	**5,80**	**4.209,69**	0,00	125,09	0,00	0,03	0,02	4.100	4,77	**6.754**	5,98
		M	1.840,00	27,20	300,60	304,00	0,02	0,86	**5,29**	**4.165,38**	96,06	106,79	0,00	0,01	0,02	4.000	5,61	**6.833**	5,95
11	QT6a-NA	K	8,20	1,00	15,53	5,78	0,13	0,30	0,01	9,75	6,00	76,28	0,00	0,01	0,55	125	9,70	103	6,65
		M	13,50	0,50	15,53	5,78	0,02	0,04	0,01	13,29	6,00	82,38	0,00	0,01	0,47	125	7,89	112	6,52
12	QT8a-NA	K	14,50	7,60	70,14	19,46	0,20	0,29	0,01	54,06	14,41	219,67	15,00	0,07	1,67	510	5,54	323	**8,67**
		M	14,80	8,40	62,12	17,03	0,13	0,18	0,01	39,88	14,41	241,03	0,00	0,03	0,26	450	8,44	293	7,54
13	QT9a-NA	K	157,00	17,00	36,07	29,19	0,45	0,56	**6,46**	187,89	0,00	402,73	0,00	0,01	0,02	420	10,04	656	7,25
		M	209,00	16,40	42,08	25,54	0,37	0,48	**6,50**	**269,42**	4,80	393,58	0,00	0,01	0,02	420	9,83	794	7,80
14	QT10a-NA	K	642,50	13,80	205,41	176,32	1,16	2,69	**1,12**	**1.772,50**	12,01	192,21	0,00	0,01	0,02	2.475	7,90	**2.958**	7,04
		M	700,00	10,00	165,33	188,48	0,26	0,74	0,92	**1.790,23**	48,03	192,21	0,00	0,17	0,02	2.375	9,03	**3.038**	7,81
15	QT11a-NA	K	18,80	0,50	13,53	6,99	0,80	3,20	**6,44**	25,70	3,60	112,89	0,00	0,01	0,02	125	12,00	153	6,13
		M	27,20	0,50	13,53	6,08	0,14	0,56	**5,66**	29,25	2,40	112,89	0,00	0,01	0,02	118	9,87	158	6,67
16	QT13a-NA	K	85,50	9,60	53,11	32,83	0,25	8,15	**4,80**	114,33	64,84	335,61	0,00	0,01	0,02	535	13,95	562	7,15
		M	72,40	8,40	44,09	34,05	0,21	0,40	**3,54**	111,67	9,61	320,36	0,00	0,14	0,02	500	8,86	467	7,44
17	QT14a-NA	K	158,00	13,80	46,09	10,95	4,00	4,48	**6,72**	**283,60**	0,00	195,26	0,00	0,01	0,02	320	10,00	643	5,93
		M	110,00	16,40	26,05	23,11	0,44	3,72	**4,70**	**258,79**	28,82	61,02	0,00	0,01	0,02	320	9,60	521	6,29
18	QT15a-NA	K	28,10	2,00	44,09	10,94	2,80	3,20	**17,50**	52,29	0,00	253,23	0,00	0,01	0,02	310	10,00	307	7,06
		M	41,60	2,50	36,07	14,59	0,02	0,10	**15,00**	55,83	9,61	241,03	0,00	0,01	0,02	300	9,54	314	7,27

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
19	QT16a-NA	K	0,80	14,80	28,56	14,29	2,40	3,04	0,28	23,93	7,20	149,50	0,00	0,05	0,28	260	5,60	184	6,43
		M	17,10	11,80	31,56	15,20	0,02	0,19	0,01	24,82	25,22	161,70	0,00	0,01	0,50	283	6,03	221	7,19
20	QT1a-CC	K	13,40	2,00	36,07	27,97	0,02	0,06	0,56	45,20	19,21	189,16	0,00	0,01	0,02	410	5,80	253	5,97
		M	47,60	2,50	38,08	25,53	0,10	0,16	0,35	46,97	81,65	192,21	0,00	0,01	0,02	400	6,41	357	6,48
21	QT1a-HĐ	K	9,30	1,00	30,06	10,94	0,20	0,40	0,01	34,45	1,20	109,84	0,00	0,01	4,05	240	9,20	160	6,50
		M	15,20	1,25	12,02	15,81	0,20	1,15	0,20	33,68	15,61	82,38	0,00	0,01	3,24	190	8,00	156	6,69
22	QT2-HĐ	K	6,90	1,00	100,20	4,86	0,02	0,40	0,01	10,64	0,00	332,56	0,00	0,01	0,10	540	4,00	302	7,06
		M	18,50	0,50	56,11	7,30	0,02	0,26	0,28	12,41	14,41	219,67	0,00	0,01	0,02	340	7,55	235	8,06
23	QT5a-HĐ	K	7,20	2,90	22,55	5,77	0,55	1,94	**1,09**	14,18	1,20	106,79	0,00	0,01	0,02	160	6,33	120	6,04
		M	10,30	4,10	24,05	5,17	0,02	0,20	0,59	14,18	8,41	100,68	0,00	0,01	0,02	163	2,95	127	7,83
24	QT2-HT	K	233,00	6,95	34,07	82,69	0,02	0,12	0,28	**432,49**	62,44	326,46	0,00	0,02	0,02	850	7,20	1.031	7,60
		M	92,80	3,70	24,05	58,37	0,70	0,17	0,01	155,09	48,03	292,90	0,00	0,01	0,18	600	8,83	551	6,70
25	QT3-HT	K	182,00	3,20	30,06	37,70	0,02	0,20	0,28	54,06	249,76	329,51	15,00	0,02	0,02	460	3,20	754	8,38
		M	185,00	4,20	26,05	40,13	0,02	0,06	0,01	52,29	225,74	402,73	0,00	0,04	0,02	460	6,86	756	7,10
26	QT4-HT	K	19,50	4,25	64,13	42,56	0,05	0,74	0,84	49,63	81,65	283,74	0,00	0,01	0,16	670	4,00	417	7,25
		M	27,10	0,25	26,05	64,45	0,40	9,05	0,65	44,31	153,70	237,98	0,00	0,01	0,02	660	16,70	470	6,53
27	QT5-HT	K	32,60	5,70	26,05	25,54	0,08	0,11	0,01	29,25	48,03	192,21	0,00	0,01	0,02	340	4,00	275	7,14
		M	8,20	6,20	31,06	4,56	0,63	0,71	0,05	12,41	12,01	115,94	0,00	0,01	0,43	193	7,03	151	7,10

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
28	QT7-HT	K	18,50	2,50	9,02	3,34	0,02	0,24	0,28	22,16	14,41	42,71	0,00	0,01	0,02	73	4,00	102	6,62
		M	18,40	2,50	7,52	3,64	0,02	0,55	0,04	24,82	15,61	33,56	0,00	0,01	0,02	68	9,72	106	**5,51**
29	QT1a-HS	K	24,20	5,80	16,03	30,40	0,40	1,60	0,62	27,47	9,61	201,37	0,00	**16,60**	0,44	330	12,00	253	7,19
		M	36,60	6,20	16,03	30,40	2,36	3,99	**10,95**	29,25	24,01	283,74	0,00	0,01	0,02	330	12,00	329	6,25
30	QT2a-HS	K	13,90	1,25	4,01	1,82	0,02	0,02	0,22	15,07	3,60	24,41	3,00	0,01	0,20	35	4,00	60	8,33
		M	4,80	6,80	47,60	3,40	0,79	0,81	0,23	9,75	12,01	158,65	0,00	0,01	0,02	266	5,30	179	6,51
31	QT3-HS	K	12,00	1,25	2,51	1,21	0,02	0,25	0,50	7,98	0,00	36,61	0,00	0,01	0,02	23	8,00	53	7,54
		M	13,90	1,25	2,00	0,61	0,75	0,79	0,03	12,41	7,20	21,36	0,00	0,01	0,72	15	5,00	56	**5,28**
32	QT4-HS	K	328,00	5,00	42,08	47,43	0,21	1,28	**5,94**	**735,59**	4,80	0,00	0,00	0,19	0,02	600	4,00	1.190	**3,39**
		M	338,00	6,80	50,10	37,70	2,09	2,62	**3,93**	**709,00**	33,62	18,31	0,00	0,02	0,02	560	3,97	1.215	**4,50**
33	QT5a-HS	K	15,60	0,50	9,52	4,86	0,02	0,08	0,05	15,95	1,20	67,12	0,00	0,03	0,02	88	6,00	92	6,17
		M	8,30	0,50	14,03	3,65	0,09	0,56	0,01	12,41	13,21	45,77	0,00	0,03	2,28	100	5,20	85	5,81
34	QT1a-QB	K	11,70	0,50	1,00	0,31	0,02	0,20	0,28	11,52	0,00	18,31	0,00	0,01	0,12	8	2,00	38	6,82
		M	14,40	0,50	2,00	0,31	0,08	0,11	0,01	13,29	4,80	18,31	0,00	0,01	0,09	13	5,12	51	**5,73**
35	QT2-QB	K	13,10	0,50	35,57	5,17	0,20	0,81	**1,57**	15,95	3,60	146,45	0,00	0,10	0,02	220	2,00	156	7,88
		M	12,50	0,50	33,57	6,69	0,02	0,23	0,53	14,18	6,00	140,35	0,00	0,01	0,02	223	3,18	154	6,25
36	QT6a-QB	K	24,70	4,25	23,05	7,60	0,02	0,02	0,01	39,88	16,81	88,48	0,00	0,01	2,56	178	3,20	170	6,99
		M	18,80	5,60	22,04	43,78	0,02	0,03	0,09	54,06	33,62	204,42	0,00	0,01	5,99	470	6,06	301	6,57

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
37	QT7-QB	K	18,70	2,50	1,50	0,91	0,02	0,02	0,01	14,18	3,60	33,56	0,00	0,02	0,39	15	4,00	64	6,90
		M	14,80	3,20	2,51	1,52	0,02	0,11	0,01	13,29	2,40	33,56	0,00	0,01	0,56	25	6,35	63	6,07
38	QT8a-QB	K	25,40	6,95	5,51	2,74	0,10	0,25	0,34	52,29	1,20	15,26	0,00	0,01	4,85	50	3,20	116	**4,23**
		M	30,00	7,40	5,51	3,34	0,27	0,28	0,22	49,63	9,61	18,31	0,00	0,01	11,95	55	2,90	136	**4,25**
39	QT10-QB	K	16,90	0,50	3,51	2,13	0,02	0,02	0,44	12,41	6,00	39,66	0,00	0,01	0,02	35	3,20	67	7,52
		M	18,20	0,80	4,51	1,52	0,07	0,28	0,32	11,52	6,00	45,77	0,00	0,01	0,02	35	3,98	72	6,02
40	QT11a-QB	K	38,00	2,20	38,08	12,16	0,02	0,02	0,67	131,17	9,61	45,77	0,00	0,04	0,02	290	3,20	268	7,17
		M	30,00	2,50	33,07	14,89	0,02	0,12	0,40	119,64	4,80	48,82	0,00	0,01	0,02	288	2,62	241	5,95
41	QT12a-QB	K	74,40	5,00	6,01	3,04	0,02	0,02	0,40	66,47	6,00	3,05	57,00	0,01	0,02	55	2,00	230	**8,93**
		M	83,60	5,60	22,04	17,03	0,02	0,07	0,56	70,01	19,21	241,03	0,00	0,34	0,02	250	4,93	354	6,95
42	QT14-QB	K	12,60	0,50	0,25	1,67	0,19	0,19	0,28	14,18	4,80	15,26	0,00	0,01	0,02	15	3,20	46	**4,79**
		M	15,40	0,50	0,50	1,52	0,02	0,21	0,01	12,41	7,20	21,36	0,00	0,01	0,02	15	3,52	53	**5,32**
43	QT16a-QB	K	19,60	1,80	4,01	1,82	0,02	0,02	0,28	21,27	0,00	39,66	0,00	0,02	1,24	35	4,00	76	7,45
		M	23,50	2,50	5,01	1,82	0,15	0,16	0,01	20,38	16,81	33,56	0,00	0,01	1,94	40	4,89	97	**5,34**
44	QT17-QB	K	9,90	5,70	6,51	2,74	0,02	0,02	0,49	17,73	2,40	36,61	0,00	0,01	0,63	55	2,00	67	6,74
		M	8,50	2,50	7,01	2,74	0,16	0,33	0,01	17,73	3,60	24,41	0,00	0,01	3,92	58	3,00	63	**5,39**
45	QT3a-QT	K	17,20	1,25	15,53	4,56	0,02	0,02	0,28	15,07	1,20	67,12	12,00	0,04	0,02	115	3,60	112	8,37
		M	19,00	1,25	22,04	5,17	0,05	0,24	0,01	14,18	4,80	115,94	0,00	0,13	0,02	153	3,16	134	7,06

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
46	QT7a-QT	K	12,60	0,50	12,53	1,52	0,22	1,17	0,28	11,52	3,60	61,02	0,00	0,01	0,02	75	6,00	84	7,26
		M	18,60	0,50	13,03	2,13	0,67	1,92	0,01	10,64	15,61	70,17	0,00	0,01	0,14	83	3,61	109	6,60
47	QT9a-QT	K	8,90	6,95	2,00	2,43	0,02	0,02	**4,70**	12,41	2,40	42,71	0,00	0,04	1,84	30	2,40	67	6,59
		M	10,60	8,10	8,52	2,73	0,02	0,02	**1,52**	12,41	4,80	54,92	0,00	0,05	3,34	65	3,48	85	**5,75**
48	QT12-QT	K	352,00	5,14	11,02	9,12	0,16	0,91	**3,85**	**482,12**	86,50	97,63	1,50	0,01	0,60	130	7,12	1.035	8,31
		M	354,00	8,40	4,51	8,51	0,29	0,66	**11,75**	**496,30**	38,42	149,50	0,00	0,15	0,02	93	5,18	1.023	6,80
49	QT1a-H	K	11,60	0,50	1,00	0,31	0,16	0,20	0,24	9,75	2,40	18,31	0,00	0,01	0,02	8	1,40	38	6,29
		M	15,60	0,50	1,00	0,61	0,28	0,38	0,02	8,86	15,61	15,26	0,00	0,01	0,02	10	2,41	54	**5,40**
50	QT2a-H	K	31,60	3,60	14,03	5,17	0,02	0,40	0,56	35,45	14,41	33,56	24,00	0,06	0,02	113	4,80	156	8,50
		M	17,60	1,25	5,51	3,34	0,16	0,28	0,58	13,29	8,41	51,87	0,00	0,01	0,46	55	6,99	86	**5,61**
51	QT4a-H	K	1.110,00	42,50	80,16	39,52	0,02	0,40	**4,91**	**1.426,86**	12,01	1.006,83	0,00	0,01	0,02	725	3,60	**3.248**	7,06
		M	1.140,00	32,00	82,16	35,27	0,29	0,91	**2,43**	**1.444,59**	14,41	1.012,93	0,00	0,01	0,02	700	4,35	**3.298**	6,11
52	QT7a-H	K	227,00	9,00	26,05	23,11	0,18	2,19	0,63	**457,31**	28,82	0,00	0,00	0,01	0,02	320	6,00	791	**3,22**
		M	234,00	6,20	30,06	19,46	1,06	2,52	0,29	**460,85**	33,62	0,00	0,00	0,01	0,02	310	7,36	810	**3,25**
53	QT8-TH	K	160,00	11,20	52,10	43,78	0,20	0,60	0,84	**269,42**	4,80	356,97	0,00	0,05	0,02	620	10,50	741	6,73
		M	183,00	10,00	18,04	47,42	0,19	0,37	0,22	**262,33**	24,02	314,25	0,00	0,23	0,40	480	11,82	716	7,53
54	QT9-TH	K	82,40	17,00	54,11	20,67	0,36	0,70	**6,38**	77,10	0,00	405,78	0,00	0,05	0,02	440	7,52	478	7,15
		M	126,00	33,60	32,06	31,62	0,28	0,38	**13,87**	139,14	14,41	436,29	0,00	0,01	0,02	420	11,35	634	7,55

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
55	QT14-TH	K	170,00	7,60	8,52	4,25	1,20	1,60	**1,12**	93,06	2,40	360,02	0,00	0,01	0,02	78	4,00	483	6,87
		M	169,00	5,90	8,52	4,25	1,55	1,60	0,96	93,06	2,40	353,93	0,00	0,01	0,02	78	8,80	485	6,82
56	QT1-NA	K	3.750,00	50,00	400,80	395,20	0,20	0,82	**2,10**	**7.134,31**	**528,33**	305,10	0,00	0,02	0,02	5.250	7,36	**12.467**	5,93
		M	3.710,00	68,00	380,76	407,36	0,02	0,20	**3,17**	**7.178,63**	**408,26**	302,05	0,00	0,09	0,02	5.250	7,81	**12.360**	6,40
57	QT3-NA	K	2.540,00	72,00	20,04	218,88	0,10	0,22	**1,34**	**4.289,31**	144,09	460,70	0,00	0,42	1,25	1.900	6,80	**7.560**	7,51
		M	535,00	33,60	40,08	82,08	0,02	0,02	0,01	**850,80**	144,09	320,36	15,00	0,46	9,68	875	6,54	**1.903**	8,37
58	QT12a-NA	K	2.215,00	100,00	70,14	267,52	0,02	0,20	**46,90**	**3.633,63**	0,00	1.507,19	0,00	0,01	0,02	2.550	10,41	**7.132**	8,19
		M	2.375,00	82,00	50,10	237,12	0,46	0,82	**32,67**	**3.633,63**	120,08	1.488,89	0,00	0,02	0,02	2.200	8,31	**7.320**	7,60
59	QT1-HT	K	8,70	0,90	7,01	8,51	0,01	0,08	0,02	16,84	20,40	33,56	0,00	0,01	1,63	105	3,60	92	7,23
		M	15,00	0,80	3,01	4,56	0,02	0,25	0,01	15,07	13,21	30,51	0,00	0,01	0,78	53	5,03	75	6,83
60	QT3a-QB	K	207,00	10,00	40,08	29,18	0,02	0,02	0,25	219,79	28,82	411,89	0,00	**5,33**	1,61	440	6,00	761	7,82
		M	182,00	12,40	28,06	60,80	0,27	0,35	**8,11**	205,61	0,00	567,49	0,00	0,97	0,02	640	10,40	807	7,19
61	QT4a-QB	K	15,50	1,80	21,04	1,22	0,02	0,02	0,01	11,52	0,00	94,58	0,00	0,01	0,02	115	2,40	107	7,85
		M	13,40	3,20	18,54	3,65	0,02	0,15	0,01	13,29	1,20	91,53	0,00	0,01	0,02	123	3,88	108	6,97
62	QT9a-QB	K	25,60	1,25	15,53	2,74	0,02	0,02	0,01	27,47	6,00	76,28	0,00	0,02	0,02	100	2,80	128	7,57
		M	26,90	0,80	21,04	3,65	0,04	0,12	0,01	25,70	10,81	97,63	0,00	0,06	0,02	135	3,07	142	6,89
63	QT10a-QT	K	32,20	6,95	16,53	7,60	0,02	0,02	0,28	23,04	7,20	106,79	15,00	0,01	0,02	145	4,80	173	**8,84**
		M	22,20	4,70	15,53	7,30	0,23	0,47	0,04	23,93	1,20	109,84	0,00	0,03	0,02	138	4,92	141	6,90

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
64	QT3a-H	K	92,40	2,50	5,01	3,95	0,20	0,60	0,45	119,64	2,40	54,92	12,00	0,01	0,02	58	5,20	280	8,35
		M	122,00	0,10	8,02	13,37	0,07	3,88	0,45	175,48	42,63	76,28	0,00	0,02	0,02	150	23,39	438	6,52
65	QT6a-H	K	13,80	2,20	3,01	0,91	0,25	0,82	0,63	13,29	2,40	15,26	9,00	0,01	0,02	23	4,40	60	8,34
		M	11,90	1,25	2,00	0,31	0,56	1,87	0,02	12,41	2,40	24,41	0,00	0,01	0,02	13	3,26	50	**5,60**
66	QT8a-H	K	14,80	1,25	1,00	1,07	0,02	0,20	0,20	12,41	9,01	18,31	0,00	0,01	0,02	14	2,00	52	6,13
		M	19,50	0,20	3,51	3,65	0,48	0,55	0,23	17,73	29,20	18,31	0,00	0,01	0,02	48	7,25	98	6,32

I.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT1a-TH	K	28,30	1,40	37,07	10,34	0,24	12,15	**2,40**	14,18	67,24	183,06	0,00	0,02	0,02	270	7,00	275	6,67
		M	26,60	0,50	28,06	10,94	0,03	0,43	0,87	12,41	4,80	189,16	0,00	0,02	0,02	230	11,31	202	7,16
2	QT2a-TH	K	27,60	6,90	21,54	10,95	0,26	2,30	**1,56**	25,70	0,00	173,91	0,00	0,02	0,02	198	7,79	198	6,86
		M	35,00	5,90	20,04	11,55	0,12	0,62	**1,31**	26,59	4,80	176,96	0,00	0,02	0,02	195	11,06	219	7,39
3	QT4a-TH	K	19,50	2,50	70,14	20,67	0,02	0,40	0,23	28,36	14,41	308,15	0,00	0,01	0,02	520	10,63	330	7,03
		M	21,50	1,25	64,13	20,67	0,12	0,20	0,20	24,82	9,61	305,10	0,00	0,01	0,02	490	10,26	317	7,29
4	QT5a-TH	K	26,50	1,25	13,03	8,21	0,60	2,88	**7,88**	17,73	1,20	158,65	0,00	0,01	0,02	133	7,17	171	6,22
		M	29,20	0,50	14,03	6,08	0,07	0,36	**9,26**	18,61	4,80	146,45	0,00	0,01	0,02	120	11,98	180	6,64
5	QT6a-TH	K	84,40	3,60	42,08	12,16	0,20	0,40	**3,09**	76,22	0,00	302,05	0,00	0,01	0,02	310	9,90	394	7,08
		M	85,20	2,50	4,01	36,48	0,26	0,58	**4,19**	76,22	9,61	299,00	0,00	0,01	0,02	320	9,75	391	7,22
6	QT7a-TH	K	38,00	2,00	18,54	8,51	0,19	2,14	0,28	38,11	0,00	146,45	0,00	0,01	0,02	163	9,60	197	6,97
		M	51,00	1,25	18,04	8,21	0,04	1,07	0,22	49,63	2,40	149,50	0,00	0,01	0,02	158	12,09	228	6,90
7	QT9a-TH	K	4.240,00	100,00	270,54	468,16	3,60	4,00	**38,00**	**8.508,00**	0,00	112,89	0,00	0,01	0,02	5.200	8,00	**13.743**	**5,76**
		M	4.260,00	82,00	310,62	437,76	4,03	4,06	**36,45**	**8.552,31**	0,00	18,31	0,00	0,01	0,02	5.150	12,60	**13.745**	**3,94**
8	QT10a-TH	K	16,90	6,30	10,52	4,56	0,80	1,00	0,28	7,98	3,60	97,63	0,00	0,01	0,02	90	8,00	115	6,10
		M	12,70	1,25	7,52	2,12	0,24	0,80	0,22	12,41	4,80	45,77	0,00	0,01	0,02	55	8,00	76	6,34
9	QT11a-TH	K	193,00	13,80	40,08	64,45	0,20	0,60	**1,87**	**361,59**	14,89	347,81	0,00	0,01	0,02	730	7,92	885	7,01
		M	267,00	4,50	32,06	49,86	0,02	1,53	**3,05**	**347,41**	124,88	323,41	0,00	0,01	0,17	570	9,12	1.012	6,58

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105º (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
10	QT12a-TH	K	422,50	10,00	75,15	51,68	0,60	3,20	**4,09**	**850,80**	12,01	173,91	0,00	0,01	0,02	800	6,00	**1.536**	6,92
		M	445,00	9,40	85,17	39,52	0,25	1,17	**4,55**	**868,53**	12,01	170,86	0,00	0,02	0,02	750	9,62	**1.586**	6,58
11	QT13a-TH	K	2.380,00	29,00	350,70	723,52	0,43	1,81	**3,64**	**6.203,75**	72,05	311,20	0,00	0,02	0,02	7.700	8,53	**9.976**	6,48
		M	2.380,00	33,60	410,82	656,64	0,02	0,21	**3,99**	**6.159,44**	24,02	299,00	0,00	0,54	0,02	7.450	9,79	**9.854**	7,61
12	QT2b-NA	K	895,00	36,00	210,42	209,76	3,54	4,60	**2,02**	**2.339,70**	48,03	76,28	0,00	0,01	0,02	2.775	4,00	**3.825**	**5,52**
		M	940,00	50,00	170,34	212,80	0,40	3,90	**1,30**	**2.286,53**	168,11	33,56	0,00	0,01	0,02	2.600	6,80	**3.884**	**5,53**
13	QT5a-NA	K	17,30	2,00	40,08	14,59	0,02	0,35	0,01	20,38	9,61	198,32	0,00	0,01	0,02	320	5,80	216	7,64
		M	28,80	2,50	30,06	14,59	0,02	0,02	0,13	22,16	14,41	189,16	0,00	0,01	0,23	270	6,79	223	7,13
14	QT6b-NA	K	29,10	1,00	15,03	5,78	4,34	4,90	**1,06**	21,27	0,00	146,45	0,00	0,01	0,02	123	15,20	172	6,28
		M	22,90	0,50	17,54	4,25	0,10	1,15	0,87	21,27	2,40	103,73	0,00	0,01	0,02	123	9,45	140	6,25
15	QT8b-NA	K	1.040,00	15,20	380,76	307,04	0,66	1,04	**1,40**	**3.137,33**	12,01	82,38	0,00	0,01	0,02	4.425	2,81	**4.969**	7,10
		M	1.060,00	11,80	400,80	279,68	0,02	0,23	**2,72**	**3.119,60**	24,02	67,12	0,00	0,01	0,02	4.300	9,45	**4.972**	7,17
16	QT9b-NA	K	2.450,00	29,00	380,76	522,88	1,03	2,19	**6,01**	**5.937,88**	0,00	149,50	0,00	0,03	0,02	6.200	6,69	**9.446**	6,50
		M	1.255,00	34,00	400,80	480,32	0,02	0,38	**4,35**	**3.970,40**	72,05	115,94	0,00	0,60	0,02	5.950	6,37	**6.317**	6,73
17	QT10b-NA	K	200,00	8,80	100,20	51,68	0,67	1,79	**1,68**	**535,30**	12,01	186,11	0,00	0,01	0,02	925	5,03	1.027	7,39
		M	249,00	8,40	72,14	69,31	0,25	0,84	0,10	**577,84**	43,23	195,26	0,00	0,99	0,02	930	7,30	1.143	7,22
18	QT11b-NA	K	31,00	1,00	22,04	13,38	0,80	3,20	**9,80**	23,93	4,80	216,62	0,00	0,01	0,02	220	11,20	237	6,94
		M	48,00	0,50	22,04	9,73	0,26	0,40	**7,92**	25,70	24,02	198,32	0,00	0,01	0,02	190	11,44	259	7,19

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105º (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
19	QT14b-NA	K	390,80	18,30	46,09	43,78	0,35	12,70	**3,90**	**521,12**	45,63	527,82	0,00	0,03	0,02	590	10,00	1.363	6,75
		M	395,00	13,60	42,08	40,13	0,11	0,19	**33,35**	**553,02**	28,82	530,87	0,00	0,01	0,02	540	8,31	1.403	7,25
20	QT15b-NA	K	74,80	7,60	46,09	26,75	0,80	3,20	**17,50**	59,38	0,00	454,60	0,00	0,01	0,02	450	12,00	485	7,10
		M	90,40	7,60	44,09	24,32	0,26	0,32	**14,98**	60,27	14,41	439,34	0,00	0,01	0,02	420	10,21	496	7,49
21	QT16b-NA	K	165,00	6,90	24,05	18,24	0,40	2,50	**17,50**	**262,33**	4,80	225,77	0,00	0,01	0,02	270	4,00	629	7,02
		M	191,00	5,00	20,04	14,59	0,02	0,21	**14,20**	**258,79**	14,41	234,93	0,00	0,01	0,02	220	5,90	653	7,50
22	QT17a-NA	K	14,50	2,00	30,06	5,78	0,52	1,34	0,01	13,29	3,60	140,35	0,00	0,01	0,02	198	7,20	152	7,16
		M	23,00	1,00	22,55	13,68	0,17	1,24	0,07	15,95	40,83	125,09	0,00	0,01	0,24	225	7,93	195	6,85
23	QT18a-NA	K	8,40	5,00	3,51	0,91	0,02	0,02	0,01	9,75	1,20	24,41	0,00	0,01	3,02	25	6,00	51	**5,65**
		M	17,30	5,00	3,01	0,61	0,02	0,05	0,01	13,29	12,01	27,46	0,00	0,01	0,65	20	10,06	79	6,67
24	QT1b-CC	K	25,80	2,90	50,10	14,59	0,32	1,08	0,49	33,68	4,80	241,03	0,00	0,01	0,02	370	8,00	271	6,37
		M	33,60	3,40	54,11	9,73	0,04	0,84	0,35	36,34	19,21	225,77	0,00	0,01	0,02	350	7,55	290	7,22
25	QT2a-CC	K	9,30	1,00	4,51	1,52	1,98	2,64	**6,50**	6,20	1,20	70,17	0,00	0,01	0,28	35	5,83	79	**5,70**
		M	12,90	1,25	4,51	2,13	0,13	0,34	**7,26**	7,09	1,20	73,22	0,00	0,01	0,02	40	6,25	85	6,78
26	QT3-CC	K	17,40	0,50	54,11	10,94	0,05	0,91	0,01	20,38	4,80	228,83	0,00	0,01	0,02	360	5,93	237	7,01
		M	22,40	0,50	60,12	8,51	0,11	0,83	0,17	19,50	14,41	237,98	0,00	0,01	0,02	370	5,57	260	7,93
27	QT3a-HĐ	K	11,80	0,50	17,54	1,52	0,02	0,28	0,01	9,75	2,40	70,17	0,00	0,01	4,33	100	3,80	90	5,92
		M	18,60	0,50	4,51	0,91	0,02	0,02	0,41	15,95	7,20	30,51	0,00	0,01	2,91	30	1,94	71	7,07

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
28	QT5b-HĐ	K	9,00	2,00	21,54	4,87	0,02	0,02	0,51	12,41	0,00	91,53	3,00	0,01	0,02	148	5,11	112	8,33
		M	34,40	1,15	21,54	6,39	0,05	0,11	0,25	16,84	52,23	97,63	0,00	0,01	0,28	160	6,35	192	6,75
29	QT2a-HT	K	1.520,00	32,00	240,48	492,48	3,63	5,09	**12,06**	**4.165,38**	144,09	6,10	0,00	0,01	0,02	5.250	3,20	**6.656**	**3,80**
		M	1.470,00	37,00	230,46	516,80	5,50	5,52	**2,50**	**4.209,69**	0,00	51,87	0,00	0,02	0,02	5.400	8,70	**6.548**	**5,37**
30	QT5a-HT	K	74,00	8,30	20,04	24,32	0,02	0,29	0,84	118,76	19,21	167,81	0,00	0,01	0,02	300	2,40	360	6,97
		M	43,40	5,60	25,05	13,07	0,39	0,54	0,03	69,13	12,01	134,24	0,00	0,02	0,59	233	4,49	250	6,50
31	QT6-HT	K	14,80	0,50	4,51	0,30	0,02	0,02	0,28	20,38	0,00	21,36	0,00	0,02	0,02	25	2,40	55	5,90
		M	18,00	0,50	4,01	1,21	0,04	0,13	0,02	17,73	9,61	24,41	0,00	0,01	0,50	30	5,98	72	**5,36**
32	QT1a-HK	K	32,80	1,25	7,01	2,13	0,02	0,11	0,05	7,98	3,60	103,73	0,00	0,01	0,02	53	4,00	115	7,66
		M	16,80	0,80	6,51	3,35	0,29	0,32	0,01	7,98	14,41	51,87	0,00	0,01	0,46	60	4,84	85	5,92
33	QT2a-HK	K	10,10	0,50	0,50	1,82	0,02	0,02	0,36	9,75	1,20	21,36	0,00	0,01	0,02	18	4,00	40	7,31
		M	14,70	0,50	0,50	1,82	0,02	0,02	0,01	10,64	8,41	21,36	0,00	0,01	0,38	18	5,95	55	**5,47**
34	QT3a-HK	K	12,90	0,50	29,56	6,69	0,02	0,02	0,30	14,18	2,40	131,19	0,00	0,04	1,16	203	4,00	141	7,71
		M	13,80	0,50	30,56	3,65	0,02	0,02	0,01	12,41	10,81	112,89	0,00	0,01	1,04	183	5,81	142	6,82
35	QT4a-HK	K	13,90	0,50	38,08	12,16	0,02	0,02	0,24	9,75	9,61	186,11	0,00	0,03	0,83	290	2,40	186	7,59
		M	14,30	0,50	44,09	8,21	0,02	0,02	0,01	11,52	10,81	180,01	0,00	0,01	1,07	288	4,37	193	6,56
36	QT5a-HK	K	9,50	0,50	11,02	4,87	0,02	0,02	0,24	11,52	0,00	64,07	0,00	0,06	1,12	95	2,40	76	7,11
		M	13,70	0,50	8,02	3,95	0,12	0,20	0,01	12,41	15,61	39,66	0,00	0,01	1,90	73	3,62	82	5,90

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105º (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
37	QT1b-HS	K	54,80	2,50	5,51	5,78	0,02	1,40	0,31	54,06	0,00	106,79	0,00	0,01	1,23	75	8,00	192	7,38
		M	61,00	3,20	5,51	5,47	0,57	1,10	**1,44**	54,95	8,41	115,94	0,00	0,01	0,02	73	7,60	212	6,30
38	QT2b-HS	K	16,10	1,80	10,52	3,34	0,02	0,08	0,39	20,38	2,40	51,87	3,00	0,02	0,02	80	4,00	90	8,31
		M	4,30	11,20	47,60	3,95	0,78	0,80	0,13	8,86	14,41	164,75	0,00	0,01	0,40	270	5,20	188	6,70
39	QT5b-HS	K	46,40	1,25	1,50	2,13	0,02	0,02	0,29	12,41	1,20	118,99	0,00	0,03	0,02	25	6,00	136	6,98
		M	42,00	0,50	2,51	1,52	0,10	0,17	0,05	13,29	0,00	106,79	0,00	0,01	0,02	25	5,40	127	6,68
40	QT1b-QB	K	17,90	6,95	3,51	9,73	0,02	0,02	0,28	14,18	0,00	94,58	0,00	0,01	0,02	98	2,00	108	7,51
		M	14,90	8,60	4,01	10,03	0,06	0,56	0,38	13,29	3,60	91,53	0,00	0,01	0,02	103	7,19	112	6,46
41	QT5-QB	K	22,30	1,80	34,07	10,94	0,02	0,14	0,84	13,29	0,00	201,37	0,00	0,01	0,02	260	4,00	193	7,94
		M	20,30	0,80	26,05	34,05	0,20	0,36	0,05	13,29	4,80	277,64	0,00	0,46	0,18	410	7,70	256	6,71
42	QT12b-QB	K	35,60	1,80	38,08	13,37	0,02	0,02	0,38	41,65	9,61	198,32	0,00	0,01	0,02	300	3,20	248	7,69
		M	27,90	2,00	40,08	15,81	0,02	0,11	0,01	38,11	4,80	207,47	0,00	0,01	0,02	330	2,81	241	7,32
43	QT13a-QB	K	20,10	0,50	3,01	3,95	0,30	0,53	0,35	15,07	2,40	9,15	24,00	0,01	0,02	48	6,00	83	**8,52**
		M	19,10	1,25	5,01	3,34	0,05	0,76	0,74	14,18	1,20	64,07	0,00	0,01	0,02	53	10,45	91	6,04
44	QT15a-QB	K	33,10	1,80	6,01	3,65	0,01	0,10	0,03	18,61	13,80	79,33	0,00	0,01	0,26	60	6,35	132	7,12
		M	19,60	0,50	3,51	2,73	0,02	0,11	0,01	12,41	6,00	48,82	0,00	0,01	0,02	40	7,36	80	5,96
45	QT1a-QT	K	53,50	2,50	10,52	4,86	0,13	0,33	0,27	34,56	0,00	146,45	0,00	0,01	0,02	93	6,00	193	7,01
		M	59,20	2,50	12,53	4,56	0,31	0,89	0,01	34,56	6,00	158,65	0,00	0,10	0,02	100	9,35	213	6,49

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105º (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
46	QT3b-QT	K	296,00	5,70	32,06	26,75	0,02	0,12	0,56	**478,58**	33,62	128,14	18,00	0,04	0,02	380	7,60	975	8,39
		M	255,00	6,20	38,08	29,18	0,02	0,30	0,01	**453,76**	14,41	152,55	0,00	0,42	0,02	430	3,68	892	6,84
47	QT5-QT	K	19,70	0,50	1,00	0,91	0,02	0,02	0,01	15,95	9,61	21,36	0,00	0,01	0,02	13	4,00	63	5,95
		M	12,20	0,50	2,00	0,61	0,02	0,04	0,01	15,07	1,20	15,26	0,00	0,01	0,11	15	3,29	44	**5,33**
48	QT6-QT	K	14,80	0,50	4,01	2,43	0,02	0,40	0,01	11,52	0,00	45,77	0,00	0,04	0,39	40	8,00	66	6,45
		M	16,40	0,50	5,01	2,43	0,02	0,20	0,01	11,52	8,41	39,66	0,00	0,01	2,45	45	7,29	76	5,97
49	QT7b-QT	K	164,00	12,80	60,12	29,18	2,92	3,32	**3,11**	**453,76**	24,02	3,05	0,00	0,02	0,02	540	6,00	775	**3,65**
		M	173,00	10,00	74,15	21,89	4,58	4,91	**2,06**	**453,76**	0,00	64,07	0,00	0,01	0,02	550	5,00	796	**5,60**
50	QT8b-QT	K	1.350,00	50,00	12,02	55,94	0,02	0,24	**35,68**	**2.197,90**	28,82	286,79	0,00	0,90	0,02	520	6,00	**3.906**	7,01
		M	1.190,00	32,00	14,03	38,91	0,02	0,02	**18,58**	**1.861,13**	28,82	292,90	0,00	0,01	0,02	390	4,54	**3.364**	6,70
51	QT9b-QT	K	13,30	2,50	1,50	0,91	0,02	0,11	0,19	14,18	0,00	24,41	0,00	0,04	0,76	15	4,00	51	6,13
		M	27,30	0,30	3,01	3,04	0,02	0,05	0,45	13,29	39,62	24,41	0,00	0,02	2,50	40	10,63	118	6,11
52	QT11a-QT	K	272,00	12,80	32,06	17,03	0,02	0,23	0,56	241,06	4,80	494,26	0,00	**10,60**	0,28	300	10,00	861	7,78
		M	284,00	9,40	30,06	18,24	0,36	0,49	**8,70**	244,61	9,61	552,23	0,00	0,02	0,02	300	9,12	907	7,26
53	QT1b-H	K	22,10	2,50	5,01	1,82	0,02	0,80	0,52	11,52	3,60	67,12	0,00	0,03	0,02	40	8,00	92	7,13
		M	20,40	1,25	4,51	2,13	0,57	3,27	0,13	11,52	2,40	70,17	0,00	0,01	0,02	40	10,02	93	6,09
54	QT2b-H	K	124,00	11,40	4,01	13,37	0,02	0,20	**30,50**	109,01	0,00	338,66	0,00	**3,50**	0,08	130	4,00	480	7,42
		M	138,00	10,00	6,01	14,59	0,26	0,33	**22,10**	108,12	9,61	353,92	0,00	0,01	0,02	150	4,31	507	7,27

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105º (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
55	QT4b-H	K	1.105,00	25,00	28,06	23,10	0,02	0,02	**1,40**	**1.409,14**	24,02	729,19	0,00	0,02	0,02	330	4,00	**3.005**	7,20
		M	1.125,00	20,00	30,06	23,10	0,13	0,18	0,74	**1.435,73**	24,02	735,29	0,00	0,01	0,02	340	3,97	**3.065**	5,84
56	QT5-H	K	55,80	17,00	26,05	17,03	0,02	0,20	0,56	33,68	9,01	201,37	3,00	**48,00**	1,67	270	8,00	329	8,31
		M	80,00	20,00	48,10	25,53	0,43	0,53	**46,45**	34,56	19,21	594,95	0,00	0,02	0,02	450	12,11	596	6,74
57	QT6b-H	K	23,60	3,80	10,52	5,47	0,02	0,11	0,73	10,64	14,41	94,58	0,00	0,01	0,02	98	6,00	128	7,35
		M	16,10	2,50	10,52	7,60	0,30	1,69	0,11	8,86	8,41	97,63	0,00	0,01	0,02	115	4,87	118	6,38
58	QT7b-H	K	213,00	7,70	42,08	35,27	0,25	1,19	**1,06**	**517,57**	0,00	0,00	0,00	0,01	0,02	500	3,80	835	**3,15**
		M	235,00	5,60	42,08	34,05	3,98	4,45	0,54	**531,75**	4,80	36,61	0,00	0,01	0,02	490	5,39	898	**5,39**
59	QT9-H	K	766,00	32,80	48,10	65,66	0,02	0,02	0,21	**1.169,85**	0,00	533,93	0,00	**12,10**	0,71	780	6,00	**2.403**	7,52
		M	850,00	20,00	54,11	64,45	0,18	0,38	**10,20**	**1.276,20**	0,00	625,46	0,00	0,01	0,02	800	1,97	**2.620**	7,18
60	QT8a-TH	K	171,00	8,20	148,30	60,80	0,28	2,32	**1,40**	**482,12**	0,00	408,83	0,00	0,01	0,02	1.240	10,72	1.102	6,49
		M	184,00	6,80	156,31	52,29	0,10	0,72	**1,13**	**485,67**	4,80	402,73	0,00	0,15	0,02	1.210	12,83	1.126	7,52
61	QT14a-TH	K	257,00	9,45	64,13	35,26	2,60	3,88	0,45	**592,02**	0,00	70,17	0,00	0,01	0,02	610	7,07	1.019	5,95
		M	260,00	9,40	66,13	30,40	0,13	0,93	0,22	**581,38**	9,61	51,87	0,00	0,01	0,02	580	5,91	1.003	**5,75**
62	QT7-NA	K	388,00	8,20	110,22	36,48	0,02	0,21	0,34	**744,45**	0,00	286,79	0,00	0,01	0,02	850	5,69	1.452	7,14
		M	506,00	11,80	70,14	51,68	0,02	0,06	0,44	**833,08**	72,05	311,20	0,00	0,05	0,02	775	6,12	**1.731**	7,18
63	QT12b-NA	K	338,00	15,20	80,16	27,36	0,64	3,14	**43,82**	**717,86**	0,00	228,83	0,00	0,01	0,02	625	6,46	1.360	7,37
		M	432,00	11,80	60,12	39,52	0,11	0,56	**32,67**	**717,86**	168,11	213,57	0,00	0,01	0,02	625	4,85	**1.590**	7,65

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105º (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
64	QT13b-NA	K	306,00	13,80	95,19	42,56	3,10	4,70	**34,75**	**762,18**	12,01	152,55	0,00	0,01	0,02	825	6,12	1.371	7,32
		M	332,00	13,60	80,16	48,64	0,02	0,19	**25,73**	**744,45**	48,03	137,30	0,00	0,01	0,02	800	6,24	1.392	6,93
65	QT7a-HT	K	151,00	5,00	8,02	4,25	0,10	0,21	0,67	31,02	2,40	378,32	12,00	0,04	0,26	75	8,00	420	8,35
		M	151,00	4,70	9,52	3,04	0,37	0,47	0,14	31,02	10,81	390,53	0,00	0,19	0,02	73	10,26	427	7,60
66	QT4b-QB	K	2.846,00	89,00	50,10	322,24	0,20	0,76	**1,63**	**5.228,88**	312,20	64,07	0,00	**11,60**	0,02	2.900	2,00	**8.942**	6,32
		M	610,00	20,00	20,04	51,68	0,02	0,33	0,76	**1.063,50**	36,02	100,68	0,00	0,35	0,02	525	4,91	**1.883**	6,20
67	QT9b-QB	K	36,80	0,50	6,01	3,04	0,12	0,15	0,01	48,74	6,00	42,71	0,00	0,01	0,02	55	3,20	131	7,33
		M	31,20	0,80	4,51	3,34	0,20	0,23	0,01	38,11	10,81	36,61	0,00	0,01	0,02	50	5,14	119	7,03
68	QT4-QT	K	29,90	1,80	21,04	6,69	0,02	0,33	0,56	45,20	3,60	100,68	0,00	0,03	0,02	160	4,80	169	7,50
		M	31,20	2,00	21,54	6,69	0,03	0,47	0,18	46,09	3,60	103,73	0,00	0,01	0,02	163	4,79	175	6,23
69	QT10b-QT	K	485,00	11,40	112,22	43,78	2,59	4,38	**4,70**	**1.036,91**	100,86	0,00	0,00	0,02	0,02	920	7,20	**1.823**	**3,20**
		M	452,00	8,60	102,20	54,72	5,20	5,50	**1,31**	**1.054,64**	4,80	18,31	0,00	0,02	0,02	960	7,12	**1.731**	**4,35**
70	QT3b-H	K	14,70	5,00	2,00	3,35	0,02	0,40	0,56	21,27	2,40	33,56	0,00	0,01	0,02	38	5,20	74	7,35
		M	20,20	4,20	3,01	2,73	0,21	0,44	0,09	22,16	8,41	36,61	0,00	0,01	0,02	38	5,24	87	**5,63**
71	QT8b-H	K	35,60	3,30	12,02	10,95	0,26	8,00	0,60	22,16	38,45	134,24	0,00	0,01	0,70	150	8,15	215	8,10
		M	41,80	2,50	12,53	7,60	0,22	0,34	0,14	70,90	8,41	54,92	3,00	0,01	0,02	125	3,79	185	8,32

I.3. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TĐC (meg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT8b-QB	K	275,00	4,25	28,06	5,17	0,02	0,29	0,56	**450,22**	6,00	70,17	0,00	0,01	0,09	183	2,00	819	6,61
		M	278,00	5,20	22,04	31,01	0,29	0,44	0,68	**469,71**	81,65	79,33	0,00	0,01	0,02	365	9,80	953	6,78
2	QT1b-QT	K	330,00	13,90	14,03	15,81	0,02	0,02	0,28	**397,04**	28,82	286,79	9,00	0,01	0,02	200	6,00	971	8,32
		M	326,00	11,20	16,03	15,81	0,02	0,11	0,12	**397,04**	19,21	308,15	0,00	0,01	0,02	210	4,62	958	7,39
3	QT3c-QT	K	10,80	1,80	3,01	4,25	0,44	0,80	0,01	13,29	0,00	42,71	0,00	0,04	0,02	50	6,00	63	6,55
		M	12,00	2,50	4,51	4,56	1,09	1,61	0,18	13,29	0,00	57,97	0,00	0,01	0,02	60	5,88	78	**5,77**
4	QT7c-QT	K	91,20	12,80	19,04	14,29	0,02	0,02	**1,54**	169,27	0,00	106,79	0,00	0,04	0,02	213	6,00	381	7,13
		M	98,00	8,40	20,04	14,29	0,20	0,57	0,83	171,05	6,00	109,84	0,00	0,01	0,02	218	5,14	389	6,63
5	QT8c-QT	K	3.220,00	100,00	120,24	224,96	0,02	0,25	**37,73**	**5.760,63**	240,15	122,04	0,00	**2,91**	0,56	2.450	4,00	**9.808**	6,25
		M	3.160,00	64,00	120,24	243,20	0,37	1,73	**31,58**	**5.716,31**	168,11	180,01	0,00	0,01	0,02	2.600	4,75	**9.643**	5,98
6	QT10c-QT	K	550,00	10,00	125,25	56,24	0,02	0,02	0,56	**1.045,78**	102,06	213,57	0,00	0,01	0,30	1.088	7,20	**2.014**	7,51
		M	524,00	8,60	130,26	62,02	0,32	1,26	**1,61**	**1.090,09**	14,41	231,88	0,00	0,02	0,02	1.160	8,30	**1.977**	6,75
7	QT11b-QT	K	304,00	10,00	14,03	15,81	0,02	0,23	0,56	149,78	33,62	622,40	0,00	**18,90**	0,28	200	6,00	874	7,40
		M	296,00	10,00	16,03	14,59	1,12	1,63	**12,68**	155,98	0,00	707,83	0,00	0,01	0,02	200	9,50	886	7,39
8	QT13-QT	K	18,10	1,80	4,01	3,04	0,02	0,02	0,47	18,61	3,60	24,41	9,00	0,04	0,99	45	4,80	79	8,34
		M	21,10	2,00	5,01	3,04	0,02	0,09	0,01	18,61	8,41	45,77	0,00	0,01	1,71	50	9,76	96	**5,77**

I.4. Tầng chứa nước khe nứt trong đá Bazan (Bz)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa															
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TDC (mg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT2-QT	K	12,10	0,50	1,00	0,31	0,02	0,83	0,28	12,41	1,20	18,31	0,00	0,01	0,15	8	2,40	41	6,01
		M	13,90	0,50	1,50	0,31	0,02	0,02	0,01	12,41	4,80	15,26	0,00	0,01	1,30	10	2,34	46	**4,56**

I.5. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Triat (t) và Triat giữa (t_2)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa															
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TDC (mg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT4b-NA	K	1.429,00	22,40	651,30	407,36	0,91	2,12	**2,92**	**4.386,94**	0,00	323,41	0,00	0,01	0,02	6.600	7,75	**7.112**	5,97
		M	1.410,00	27,20	661,32	395,20	0,20	1,31	**3,50**	**4.298,31**	72,05	311,20	0,00	0,01	0,02	6.550	7,76	**7.071**	7,21
2	QT5b-NA	K	14,20	2,00	46,09	14,59	0,02	0,46	0,01	17,73	4,80	219,67	0,00	0,01	0,02	350	6,53	221	7,24
		M	22,40	2,50	31,06	9,73	0,02	0,27	0,01	19,50	9,61	161,70	0,00	0,01	0,42	235	5,11	189	7,34
3	QT18b-NA	K	10,80	5,00	3,26	0,76	0,02	0,02	0,01	10,64	1,20	27,46	0,00	0,01	3,11	23	6,50	57	**5,41**
		M	16,20	4,10	3,26	0,15	0,02	0,02	0,01	12,41	8,41	27,46	0,00	0,01	0,75	18	9,07	70	6,87
4	QT1b-HĐ	K	18,00	2,00	90,18	21,89	0,07	0,09	0,01	34,56	0,00	375,27	0,00	0,16	1,17	630	9,48	375	7,14
		M	25,60	1,25	78,16	17,02	0,02	0,18	0,33	27,47	14,41	329,51	0,00	0,01	0,39	530	9,33	344	8,02
5	QT3b-HT	K	1.355,00	9,60	330,66	425,60	0,02	0,34	**4,13**	**3.704,53**	96,06	274,59	0,00	0,10	0,02	5.150	8,00	**6.098**	7,41
		M	1.455,00	8,60	200,40	516,80	0,26	1,45	**1,07**	**3.810,88**	216,14	265,44	0,00	0,01	0,02	5.250	9,35	**6.380**	6,55

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TDC (mg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
6	QT6b-HT	K	57,80	0,50	36,07	9,73	0,02	0,02	0,28	14,18	19,21	265,44	0,00	0,01	0,02	260	4,80	281	7,74
		M	64,00	0,50	20,04	18,24	0,13	0,17	0,01	11,52	33,62	262,39	0,00	0,01	0,02	250	6,88	296	7,40
7	QT1b-HK	K	3,10	2,20	23,55	0,91	0,02	0,20	0,25	9,75	0,00	57,97	6,00	0,02	2,83	125	6,00	87	8,35
		M	8,60	2,00	17,54	3,34	0,02	0,05	0,01	7,98	10,81	67,12	0,00	0,01	1,97	115	2,59	90	6,34
8	QT2b-HK	K	19,00	0,50	22,04	29,19	0,02	0,02	0,11	10,64	24,02	216,62	0,00	0,01	0,02	350	4,00	225	7,51
		M	15,20	0,50	28,56	1,52	0,08	0,46	0,01	8,86	12,01	106,79	0,00	0,02	0,58	155	4,38	131	6,98
9	QT3b-HK	K	12,10	1,25	33,07	6,69	0,02	0,02	0,36	13,29	2,40	143,40	0,00	0,02	0,66	220	1,80	147	7,75
		M	18,20	0,50	18,04	40,13	0,03	0,44	0,01	13,29	14,41	265,44	0,00	0,01	0,58	420	6,60	253	7,16
10	QT4b-HK	K	12,70	0,50	30,06	18,24	0,02	0,02	0,31	11,52	4,80	192,21	0,00	0,05	0,78	300	2,40	182	7,80
		M	11,60	0,50	16,03	31,62	0,02	0,02	0,01	10,64	4,80	213,57	0,00	0,01	1,47	340	4,02	195	7,29
11	QT5b-HK	K	8,90	0,50	28,56	3,65	0,02	0,02	0,24	12,41	1,20	106,79	0,00	0,01	1,05	173	1,60	117	7,37
		M	9,30	0,80	21,54	3,95	0,31	0,32	0,01	15,07	9,61	73,22	0,00	0,01	1,93	140	3,95	107	6,23

I.6. Tầng chức nước khe nứt - karst trong trầm tích carbonat Carbon-Pecmi (c-p)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TDC (mg/l)	SiO_2 (mg/l)	$TDS105^o$ (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT3b-HĐ	K	37,15	2,20	67,13	10,95	0,12	1,90	0,20	12,41	60,04	268,49	0,00	0,02	5,80	425	14,40	365	7,40
		M	12,00	0,50	50,10	20,67	0,02	0,30	0,12	11,52	0,00	268,49	0,00	0,02	2,39	420	4,43	243	7,97
2	QT4-HĐ	K	5,80	1,00	86,17	20,67	0,02	0,05	0,01	14,18	19,21	332,56	0,00	0,01	2,51	600	5,59	336	7,15
		M	23,00	0,50	80,16	13,38	0,02	0,02	0,32	12,41	24,02	320,36	0,00	0,01	2,32	510	4,56	329	7,80

I.7. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Cacbon dưới (c_1)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TDC (mg/l)	SiO_2 (mg/l)	$TDS105^o$ (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT2b-CC	K	12,40	0,50	0,50	0,91	0,02	0,02	0,01	11,52	1,20	18,31	0,00	0,01	0,26	10	4,65	42	**5,38**
		M	11,70	0,50	0,50	0,61	0,02	0,11	0,01	8,86	2,40	18,31	0,00	0,01	0,23	8	3,16	40	6,15

I.8. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TDC (mg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT3b-QB	K	6.020,00	139,00	651,30	528,96	0,02	0,32	**34,85**	**11.299,69**	**816,51**	485,11	0,00	0,23	0,02	7.600	4,00	**19.789**	7,25
		M	6.000,00	136,00	621,24	553,28	0,02	0,80	**24,81**	**11.388,31**	**672,42**	488,16	0,00	0,01	0,02	7.650	7,01	**19.698**	6,62
2	QT6b-QB	K	29,50	1,80	34,07	21,89	0,02	0,02	0,28	63,81	14,41	167,81	0,00	0,01	0,02	350	4,00	262	7,70
		M	29,50	3,20	29,06	26,45	0,02	0,14	0,01	69,13	33,62	143,40	0,00	0,01	0,21	363	10,69	283	6,42
3	QT11b-QB	K	620,00	13,90	65,13	95,76	0,02	0,02	0,56	**1.125,54**	114,07	277,64	0,00	0,08	0,02	1.113	4,00	**2.198**	7,84
		M	650,00	12,40	105,21	76,00	0,02	0,17	0,53	**1.116,68**	204,13	274,59	0,00	0,01	0,02	1.150	6,77	**2.345**	7,15
4	QT13b-QB	K	164,50	1,80	0,25	0,76	0,02	0,02	0,16	24,82	0,00	305,10	48,00	0,01	0,02	8	4,00	408	**8,73**
		M	174,00	2,50	0,50	1,52	0,02	0,08	0,01	23,93	22,81	375,27	15,00	0,05	0,21	15	5,10	443	8,36
5	QT15b-QB	K	20,00	0,50	8,52	4,86	0,02	0,39	0,28	13,29	1,20	82,38	0,00	0,01	0,02	83	8,00	100	7,84
		M	20,70	0,50	9,52	4,56	0,13	0,49	0,01	11,52	6,00	82,38	0,00	0,01	0,02	85	10,62	110	6,49
6	QT16b-QB	K	23,10	1,25	7,52	3,34	0,80	1,20	0,28	15,07	1,20	82,38	0,00	0,01	0,02	65	7,20	107	7,28
		M	27,60	2,50	10,02	3,04	0,35	0,37	0,02	15,07	10,81	85,43	0,00	0,01	0,02	75	9,90	129	6,24

I.9. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur dưới (o_3-s_1)

STT	Số hiệu công trình	Mùa phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na^+ (mg/l)	K^+ (mg/l)	Ca^{2+} (mg/l)	Mg^{2+} (mg/l)	Fe^{2+} (mg/l)	Fe^{3+} (mg/l)	NH_4^+ (mg/l)	Cl^- (mg/l)	SO_4^{2-} (mg/l)	HCO_3^- (mg/l)	CO_3^{2-} (mg/l)	NO_2^- (mg/l)	NO_3^- (mg/l)	TDC (mg/l)	SiO_2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									**1**	**250**	**400**			**1**	**15**			**1500**	**5,8-8,5**
1	QT17b-NA	K	16,30	2,00	40,58	6,38	0,42	1,18	0,56	12,41	1,20	186,11	0,00	0,01	0,02	255	6,86	188	7,77
		M	18,90	2,50	34,57	6,99	0,09	0,74	0,24	11,52	1,20	176,96	0,00	0,01	0,02	230	8,52	184	7,70

II. Các nguyên tố vi lượng

II.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
1	QT2-TH	K	0,10	0,0037	0,0005	0,0007	0,0003	0,0032	0,00175	0,0020	0,00021	**13,00**	0,01	0,02	0,29
		M	0,13	0,0047	0,0012	0,0330	0,0000	0,0158	0,00618	0,0020	0,00076	**13,99**	0,04	0,02	0,61
2	QT3-TH	K	**3,21**	0,0040	0,0014	0,0031	0,0003	0,0005	0,00032	0,0021	0,00020	0,28	0,01	0,02	0,26
		M	0,32	0,0002	0,0010	0,0007	0,0001	0,0024	0,00206	0,0027	0,00073	0,22	0,01	0,02	0,24
3	QT4-TH	K	**5,78**	0,0042	0,0004	0,0026	0,0003	0,0010	0,00073	0,0021	0,00020	0,34	0,07	0,30	0,24
		M	**1,17**	0,0004	0,0009	0,0157	0,0000	0,0015	0,00118	0,0025	0,00011	0,26	0,02	0,26	0,19
4	QT5-TH	K	**4,48**	0,0021	0,0008	0,0023	0,0003	0,0116	0,00104	0,0017	0,00021	**8,62**	0,01	0,02	0,81
		M	**0,69**	0,0043	0,0031	0,0264	0,0000	0,0279	0,00733	0,0015	0,00072	**9,69**	0,01	0,02	0,16
5	QT6-TH	K	**6,87**	0,0017	0,0015	0,0034	0,0003	0,0016	0,00019	0,0022	0,00020	**5,60**	0,01	0,02	1,08
		M	**0,84**	0,0003	0,0011	0,0014	0,0000	0,0069	0,00283	0,0028	0,00080	**4,50**	0,01	0,02	0,84
6	QT11-TH	K	**4,32**	0,0015	0,0013	0,0027	0,0003	0,0016	0,00016	0,0019	0,00021	**5,60**	0,01	0,02	0,60
		M	0,22	0,0007	0,0010	0,0014	0,0000	0,0057	0,00098	0,0025	0,00042	**4,75**	0,01	0,02	0,46
7	QT12-TH	K	**8,36**	0,0096	0,0002	0,0019	0,0003	0,0016	0,00133	0,0017	0,00020	**2,46**	0,01	0,02	0,77
		M	0,14	0,0008	0,0010	0,0044	0,0001	0,0087	0,00015	0,0027	0,00021	**3,55**	0,01	0,02	0,67
8	QT13-TH	K	**0,90**	0,0112	0,0015	0,0029	0,0003	0,0029	0,00084	0,0016	0,00020	**16,25**	0,01	0,02	0,28
		M	**1,32**	0,0017	0,0011	0,0059	0,0000	0,0097	0,01470	0,0014	0,00073	**26,43**	0,01	0,02	0,20

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
9	QT6a-NA	K	0,04	0,0020	0,0015	0,0024	0,0003	0,0017	0,00022	0,0010	0,00020	0,01	0,01	0,55	0,01
		M	0,15	0,0008	0,0011	0,0007	0,0001	0,0004	0,00011	0,0024	0,00046	0,11	0,01	0,48	0,03
10	QT8a-NA	K	0,23	0,0139	0,0014	0,0030	0,0003	0,0008	0,00027	0,0018	0,00019	0,28	0,06	1,67	0,25
		M	0,04	0,0007	0,0007	0,0033	0,0000	0,0009	0,00044	0,0025	0,00038	0,22	0,02	0,23	0,27
11	QT9a-NA	K	0,21	0,0081	0,0008	0,0018	0,0003	0,0008	0,00157	0,0016	0,00019	**7,94**	0,01	0,02	1,09
		M	0,05	0,0008	0,0011	0,0051	0,0000	0,0001	0,00068	0,0023	-	**6,50**	0,01	0,02	1,06
12	QT11a-NA	K	**4,34**	0,0064	0,0013	0,0000	0,0003	0,0232	0,00035	0,0019	0,00012	**6,72**	0,01	0,02	1,35
		M	0,00	0,0009	0,0010	0,0007	0,0000	0,0010	0,00031	0,0022	0,00047	**5,45**	0,01	0,02	0,86
13	QT13a-NA	K	**4,03**	0,0099	0,0013	0,0036	0,0003	0,0015	0,00065	0,0020	0,00017	**4,65**	0,01	6,70	0,42
		M	0,01	0,0062	0,0047	0,0204	0,0001	0,0033	0,00194	0,0020	0,00056	**3,62**	0,01	0,02	0,98
14	QT14a-NA	K	**8,76**	0,0758	0,0013	0,0005	0,0003	0,0011	0,00276	0,0017	0,00017	**7,28**	0,01	0,02	0,34
		M	**1,43**	0,0030	0,0018	0,0236	0,0001	0,0021	0,00856	0,0011	0,00079	**4,70**	0,01	0,02	0,34
15	QT15a-NA	K	0,10	0,0130	0,0015	0,0028	0,0003	**0,2175**	0,00040	0,0019	0,00015	**17,50**	0,01	0,02	0,94
		M	0,12	0,0001	0,0008	0,0625	0,0000	**0,2150**	0,00415	0,0006	0,00013	**15,00**	0,01	0,02	0,21
16	QT16a-NA	K	**4,17**	0,0101	0,0014	0,0007	0,0003	0,0004	0,00007	0,0019	0,00015	0,28	0,04	0,30	0,09
		M	**1,34**	0,0005	0,0007	0,0249	0,0000	0,0028	0,00305	0,0007	0,00010	0,10	0,01	0,53	0,06
17	QT1a-CC	K	**4,16**	0,0049	0,0015	0,0023	0,0002	0,0019	0,00008	0,0021	0,00015	0,39	0,01	0,02	0,01
		M	0,01	0,0012	0,0011	0,0017	0,0000	0,0009	0,00031	0,0020	0,00060	0,22	0,01	0,02	0,03

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
18	QT1a-HĐ	K	0,26	0,0180	**0,0136**	0,0153	0,0003	0,0017	0,00055	0,0014	0,00017	0,28	0,02	4,05	0,12
		M	0,04	0,0007	0,0011	0,0005	0,0001	0,0009	0,00252	0,0029	0,00059	0,22	0,05	3,27	0,01
19	QT2-HĐ	K	0,16	0,0145	0,0091	0,0100	0,0001	0,0017	0,00157	0,0012	0,00020	0,01	0,01	0,10	0,01
		M	0,09	0,0009	0,0011	0,0019	0,0000	0,0009	0,00020	0,0028	0,00055	0,22	0,01	0,12	0,01
20	QT5a-HĐ	K	**7,84**	0,0027	0,0014	0,0004	0,0001	0,0039	0,00028	0,0021	0,00020	**1,08**	0,01	0,02	0,01
		M	0,01	0,0002	0,0002	0,0019	0,0000	0,0010	0,00002	0,0024	0,00005	0,52	0,01	0,02	0,01
21	QT2-HT	K	**0,80**	0,0036	0,0010	0,0116	0,0001	0,0014	0,01780	0,0034	0,00025	0,28	0,02	0,02	0,01
		M	0,44	0,0024	0,0002	0,0012	0,0005	0,0041	0,00462	0,0084	0,00026	0,04	0,01	0,17	0,02
22	QT3-HT	K	**0,64**	0,0346	**0,0350**	0,0371	0,0002	0,0023	0,01130	0,0037	0,00057	0,28	0,02	0,02	0,01
		M	**0,75**	0,0307	**0,0215**	0,0230	0,0004	0,0015	0,00894	0,0069	0,00031	0,14	0,01	0,02	0,01
23	QT4-HT	K	**1,23**	0,0259	0,0012	0,0208	0,0001	0,0017	0,00635	0,0014	0,00030	**1,01**	0,01	0,02	0,01
		M	**0,63**	0,0052	0,0000	0,0016	0,0005	0,0039	0,00312	0,0010	0,00023	-	-	-	-
24	QT5-HT	K	0,23	0,0108	0,0070	0,0260	0,0001	0,0010	0,00848	0,0040	0,00044	0,01	0,01	0,02	0,02
		M	0,43	0,0145	0,0080	0,0267	0,0004	0,0031	0,00773	0,0077	0,00023	0,01	0,01	0,44	0,01
25	QT7-HT	K	0,12	0,0002	0,0002	0,0205	0,0001	0,0020	0,00249	0,0011	0,00016	0,28	0,01	0,02	0,02
		M	0,09	0,0009	0,0002	0,0023	0,0005	0,0036	0,00111	0,0084	0,00024	**1,30**	0,01	0,02	0,03
26	QT1a-HS	K	0,40	0,0031	0,0023	0,0287	0,0002	0,0275	0,01420	0,0008	0,00028	-	-	-	-
		M	0,19	0,0004	0,0003	0,0005	0,0005	0,0104	0,01720	0,0075	0,00034	-	-	-	-

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
27	QT2a-HS	K	0,15	0,0112	0,0036	0,0858	0,0003	0,0010	0,00553	0,0031	0,00014	-	-	-	-
		M	0,15	0,0069	0,0067	0,0084	0,0004	0,0021	0,00529	0,0062	0,00063	-	-	-	-
28	QT3-HS	K	0,07	0,0141	0,0055	0,0657	0,0002	0,0033	0,00188	0,0040	0,00025	0,01	0,01	0,47	0,01
		M	0,09	0,0032	0,0043	0,0081	0,0004	0,0041	0,00420	0,0062	0,00027	0,02	0,01	0,74	0,01
29	QT4-HS	K	**1,42**	0,0707	0,0064	0,1190	0,0009	0,0055	0,03830	0,0064	0,00026	-	-	-	-
		M	**1,86**	0,0260	0,0008	0,0247	0,0002	0,0015	0,01330	0,0077	0,00048	-	-	-	-
30	QT5a-HS	K	0,30	0,0193	**0,0219**	0,0302	0,0005	0,0015	0,01480	0,0031	0,00005	-	-	-	-
		M	0,16	0,0387	**0,0129**	0,0449	0,0002	0,0036	0,01100	0,0052	0,00022	-	-	-	-
31	QT1a-QB	K	0,03	0,0122	0,0035	0,0217	0,0001	0,0009	0,00269	0,0060	0,00061	-	-	-	-
		M	0,02	0,0066	0,0004	0,0041	0,0005	0,0044	0,00014	0,0080	0,00021	-	-	-	-
32	QT2-QB	K	**4,25**	0,0007	0,0001	0,0481	0,0001	0,0049	0,00345	0,0018	0,00026	-	-	-	-
		M	**4,65**	0,0000	0,0004	0,0022	0,0005	0,0017	0,00160	0,0084	0,00023	-	-	-	-
33	QT6a-QB	K	0,04	0,0086	0,0042	0,0252	0,0001	0,0007	0,00387	0,0031	0,00006	-	-	-	-
		M	0,03	0,0021	0,0011	0,0044	0,0005	0,0043	0,00245	0,0052	0,00029	-	-	-	-
34	QT7-QB	K	0,10	0,0001	0,0011	0,0211	0,0001	0,0005	0,00147	0,0005	0,00013	-	-	-	-
		M	0,04	0,0009	0,0001	0,0024	0,0005	0,0045	0,00028	0,0086	0,00023	-	-	-	-
35	QT8a-QB	K	0,04	0,0141	0,0039	0,0494	0,0001	0,0007	0,00349	0,0027	0,00018	-	-	-	-
		M	0,04	0,0083	0,0024	0,0154	0,0004	0,0044	0,00147	0,0084	0,00027	-	-	-	-

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
36	QT10-QB	K	0,03	0,0001	0,0003	0,0067	0,0001	0,0008	0,00114	0,0011	0,00009	0,67	0,01	0,02	0,05
		M	0,03	0,0003	0,0005	0,0008	0,0005	0,0039	0,00003	0,0087	0,00027	-	-	-	-
37	QT11a-QB	K	**0,61**	0,0009	0,0006	0,0598	0,0001	0,0009	0,00388	0,0005	0,00056	-	-	-	-
		M	0,40	0,0002	0,0005	0,0053	0,0005	0,0042	0,00093	0,0086	0,00021	-	-	-	-
38	QT12a-QB	K	0,02	0,0005	0,0001	0,0102	0,0001	0,0016	0,00416	0,0014	0,00043	-	-	-	-
		M	0,02	0,0010	0,0004	0,0016	0,0005	0,0040	0,00170	0,0087	0,00037	-	-	-	-
39	QT14-QB	K	0,03	0,0005	0,0002	0,0047	0,0001	0,0008	0,00051	0,0011	0,00037	0,14	0,01	0,02	0,01
		M	0,04	0,0001	0,0005	0,0056	0,0005	0,0043	0,00001	0,0088	0,00024	-	-	-	-
40	QT16a-QB	K	0,02	0,0036	0,0009	0,0331	0,0001	0,0006	0,00293	0,0018	0,00040	0,01	0,01	1,43	0,01
		M	0,03	0,0022	0,0006	0,0032	0,0005	0,0045	0,00133	0,0084	0,00021	0,01	0,01	1,97	0,03
41	QT17-QB	K	0,05	0,0010	0,0001	0,0190	0,0001	0,0052	0,00216	0,0014	0,00057	-	-	-	-
		M	0,03	0,0007	0,0004	0,0002	0,0005	0,0045	0,00043	0,0082	0,00021	-	-	-	-
42	QT3a-QT	K	0,07	0,0002	0,0002	0,0005	0,0001	0,0002	0,00049	0,0005	0,00051	-	-	-	-
		M	0,07	0,0061	0,0019	0,0080	0,0003	0,0153	0,00130	0,0034	0,00021	-	-	-	-
43	QT7a-QT	K	0,07	0,0002	0,0002	0,0023	0,0000	0,0013	0,00283	0,0008	0,00039	-	-	-	-
		M	0,08	0,0010	0,0001	0,0014	0,0004	0,0015	0,00089	0,0040	0,00053	-	-	-	-
44	QT9a-QT	K	0,11	0,0075	0,0021	0,0228	0,0001	0,0007	0,00580	0,0021	0,00030	**4,74**	0,01	3,14	0,01
		M	0,31	0,0000	0,0002	0,0028	0,0003	0,0023	0,00061	0,0035	0,00023	-	-	-	-

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
45	QT12-QT	K	0,12	0,0030	0,0004	0,0050	0,0001	0,0081	0,03390	0,0008	0,00023	**4,70**	0,01	0,79	0,02
		M	0,07	0,0056	0,0003	0,0007	0,0004	0,0018	0,00363	0,0046	0,00059	**12,75**	0,01	0,02	0,04
46	QT1a-H	K	0,01	0,0030	0,0006	0,0136	0,0000	0,0010	0,00170	0,0012	0,00047	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	0,00	0,0005	0,0004	0,0011	0,0004	0,0024	0,00017	0,0048	0,00034	-	-	-	-
47	QT2a-H	K	0,10	0,0019	0,0006	0,0157	0,0001	0,0019	0,00279	0,0026	0,00053	**1,90**	0,10	1,21	0,23
		M	0,03	0,0019	0,0003	0,0061	0,0003	0,0002	0,00005	0,0042	0,00028	0,77	0,01	0,46	0,07
48	QT7a-H	K	**0,64**	0,0127	0,0014	0,0125	0,0001	0,0018	0,02300	0,0009	0,00050	**1,40**	0,01	0,02	0,03
		M	0,03	0,0058	0,0005	0,0016	0,0004	0,0017	0,00265	0,0049	0,00029	0,30	0,01	0,02	0,01
49	QT8-TH	K	**5,84**	0,0124	0,0028	0,0033	0,0002	0,0003	0,00117	0,0009	0,00020	**1,12**	0,01	0,02	0,01
		M	**2,86**	0,1190	0,0056	0,1290	0,0007	0,0034	0,02490	0,0010	0,00034	0,65	0,02	0,02	0,03
50	QT9-TH	K	0,21	0,0061	0,0015	0,0034	0,0003	0,0019	0,00018	0,0019	0,00020	**6,20**	0,01	0,02	0,27
		M	0,26	0,0009	0,0010	0,0017	0,0001	0,0007	0,01010	0,0011	0,00078	**13,93**	0,01	0,02	0,35
51	QT14-TH	K	0,15	0,0007	0,0007	0,0521	0,0003	0,0011	0,00068	0,0008	0,00018	**1,34**	0,01	0,02	0,48
		M	0,00	0,0011	0,0011	0,0039	0,0000	0,0009	0,00041	0,0022	0,00008	**1,09**	0,01	0,02	0,50
52	QT1-HT	K	0,01	0,0001	0,0002	0,0031	0,0001	0,0070	0,00168	0,0014	0,00020	0,01	0,01	2,40	0,01
		M	0,00	0,0005	0,0005	0,0016	0,0005	0,0045	0,00010	0,0086	0,00023	0,01	0,01	0,78	0,01
53	QT3a-QB	K	0,24	0,0048	0,0004	0,0179	0,0000	0,0021	0,01110	0,0031	0,00025	-	-	-	-
		M	0,15	0,0052	0,0002	0,0020	0,0005	0,0031	0,00593	0,0087	0,00024	-	-	-	-

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
54	QT4a-QB	K	0,01	0,0002	0,0004	0,0371	0,0001	0,0021	0,00136	0,0008	0,00062	-	-	-	-
		M	0,01	0,0005	0,0005	0,0026	0,0005	0,0033	0,00022	0,0086	0,00022	-	-	-	-
55	QT9a-QB	K	0,01	0,0002	0,0006	0,0037	0,0001	0,0006	0,00139	0,0018	0,00043	-	-	-	-
		M	0,02	0,0003	0,0004	0,0027	0,0005	0,0045	0,00016	0,0081	0,00022	-	-	-	-
56	QT10a-QT	K	0,16	0,0016	0,0003	0,0167	0,0001	0,0015	0,00401	0,0014	0,00020	-	-	-	-
		M	0,10	0,0048	0,0003	0,0056	0,0004	0,0015	0,00014	0,0045	0,00032	-	-	-	-
57	QT3a-H	K	0,11	0,0018	0,0004	0,0033	0,0001	0,0009	0,00804	0,0004	0,00031	-	-	-	-
		M	0,09	0,0020	0,0001	0,0013	0,0004	0,0023	0,00107	0,0010	0,00028	-	-	-	-
58	QT6a-H	K	0,03	0,0001	0,0006	0,0039	0,0000	0,0008	0,00125	0,0006	0,00010	-	-	-	-
		M	0,00	0,0010	0,0004	0,0042	0,0004	0,0024	0,00298	0,0019	0,00026	-	-	-	-
59	QT8a-H	K	0,02	0,0006	0,0001	0,0075	0,0000	0,0009	0,00143	0,0001	0,00018	-	-	-	-
		M	0,10	0,0006	0,0004	0,0026	0,0004	0,0021	0,00038	0,0051	0,00026	-	-	-	-

II.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
1	QT1a-TH	K	0,22	0,0024	0,0009	0,0012	0,0003	0,0121	0,00095	0,0019	0,00020	-	-	-	-
		M	0,25	0,0005	0,0010	0,0087	0,0001	0,0273	0,00091	0,0024	0,00048	0,79	0,01	0,02	0,18
2	QT2a-TH	K	0,02	0,0019	0,0015	0,0036	0,0003	0,0013	0,00027	0,0020	0,00020	**1,68**	0,01	0,02	1,15
		M	0,03	0,0001	0,0006	0,0220	0,0000	0,0005	0,00245	0,0022	0,00056	**1,31**	0,02	0,02	0,73
3	QT4a-TH	K	0,18	0,0081	0,0014	0,0041	0,0003	0,0001	0,00016	0,0021	0,00021	0,20	0,01	0,02	0,10
		M	0,11	0,0003	0,0010	0,0069	0,0001	0,0010	0,00102	0,0028	0,00033	0,22	0,01	0,02	0,05
4	QT5a-TH	K	0,11	0,0012	0,0014	0,0040	0,0003	0,0336	0,00019	0,0022	0,00021	**7,75**	0,01	0,02	0,75
		M	0,12	0,0005	0,0010	0,0228	0,0000	**0,0620**	0,00089	0,0025	0,00063	**9,25**	0,01	0,02	0,50
5	QT6a-TH	K	0,16	0,0041	0,0015	0,0016	0,0003	0,0035	0,00004	0,0020	0,00020	**3,64**	0,01	0,02	1,46
		M	0,18	0,0000	0,0010	0,0050	0,0000	0,0094	0,00342	0,0027	0,00053	**4,22**	0,01	0,02	1,50
6	QT7a-TH	K	0,19	0,0014	0,0015	0,0029	0,0003	0,0011	0,00023	0,0022	0,00020	0,28	0,01	0,02	0,11
		M	0,24	0,0002	0,0010	0,0197	0,0001	0,0017	0,00336	0,0020	0,00027	0,22	0,01	0,02	0,07
7	QT10a-TH	K	0,10	0,0358	**0,0290**	0,0299	0,0002	0,0009	0,00156	0,0063	0,00020	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	0,03	0,0221	**0,0129**	0,0410	0,0000	0,0002	0,00139	0,0019	0,00029	0,22	0,01	0,02	0,01
8	QT11a-TH	K	**1,51**	0,0028	0,0015	0,0045	0,0003	0,0010	0,00042	0,0019	0,00021	**1,58**	0,01	0,02	0,12
		M	0,01	0,0008	0,0011	0,0024	0,0000	0,0004	0,00153	0,0024	0,00064	**2,80**	0,01	0,24	0,01
9	QT12a-TH	K	0,14	0,0088	0,0015	0,0030	0,0003	0,0016	0,00292	0,0010	0,00020	**4,14**	0,01	0,02	0,25
		M	0,01	0,0009	0,0011	0,0008	0,0000	0,0009	0,00088	0,0019	0,00055	**4,60**	0,01	0,02	0,13

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
10	QT5a-NA	K	0,16	0,0074	0,0008	0,0027	0,0003	0,0017	0,00003	0,0020	0,00019	0,01	0,01	0,02	0,01
		M	0,16	0,0010	0,0011	0,0019	0,0001	0,0011	0,00028	0,0025	0,00003	0,01	0,01	0,31	0,05
11	QT6b-NA	K	**6,03**	0,0022	0,0015	0,0034	0,0003	0,0021	0,00018	0,0021	0,00019	**1,68**	0,01	0,02	0,59
		M	0,01	0,0010	0,0011	0,0040	0,0001	0,0009	0,00035	0,0025	0,00006	0,87	0,01	0,02	0,46
12	QT10b-NA	K	**3,68**	0,0193	0,0012	0,0030	0,0003	0,0010	0,00428	0,0009	0,00010	**1,68**	0,01	0,02	0,23
		M	0,00	0,0011	0,0011	0,0059	0,0000	0,0010	0,00020	0,0017	0,00047	**1,31**	0,01	0,02	0,22
13	QT11b-NA	K	0,48	0,0132	0,0029	0,0090	0,0002	0,0163	0,00247	0,0015	0,00011	**10,50**	0,01	0,02	0,42
		M	0,33	0,0008	0,0011	0,0002	0,0000	0,0063	0,00001	0,0027	0,00062	**8,17**	0,01	0,02	0,25
14	QT14b-NA	K	0,12	0,0148	0,0013	0,0015	0,0003	0,0303	0,00586	0,0015	0,00017	**4,03**	0,03	0,02	0,90
		M	0,48	0,0024	0,0008	0,0311	0,0001	0,0354	0,02840	0,0014	0,00022	**33,75**	0,01	0,02	2,05
15	QT15b-NA	K	0,02	0,0141	0,0009	0,0026	0,0003	0,0242	0,00052	0,0019	0,00016	**17,50**	0,01	0,02	2,54
		M	0,03	0,0008	0,0001	0,0222	0,0000	0,0363	0,00519	0,0001	0,00057	**14,97**	0,01	0,02	1,95
16	QT16b-NA	K	0,15	0,0077	0,0015	0,0032	0,0003	**0,0692**	0,00305	0,0015	0,00014	**18,20**	0,01	0,02	0,45
		M	0,19	0,0017	0,0007	0,0423	0,0001	**0,1040**	0,01260	0,0006	0,00066	**14,20**	0,01	0,02	0,41
17	QT17a-NA	K	**3,42**	0,0087	0,0013	0,0021	0,0003	0,0011	0,00007	0,0019	0,00019	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	0,18	0,0003	0,0009	0,0056	0,0000	0,0002	0,00858	0,0025	0,00023	0,10	0,01	0,28	0,05
18	QT18a-NA	K	0,00	0,0009	0,0009	0,0005	0,0003	0,0018	0,00015	0,0019	0,00019	0,01	0,01	3,02	0,01
		M	0,14	0,0008	0,0008	0,0034	0,0001	0,0009	0,00030	0,0024	0,00005	0,10	0,01	0,62	0,01
19	QT1b-CC	K	**8,61**	0,0093	0,0001	0,0011	0,0001	0,0015	0,00194	0,0017	0,00013	0,56	0,01	0,02	0,01
		M	**1,09**	0,0007	0,0011	0,0002	0,0000	0,0010	0,00068	0,0028	0,00059	0,26	0,01	0,02	0,03

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH_4	NO_2	NO_3	PO_4
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
20	QT2a-CC	K	**1,97**	0,0060	0,0034	0,0098	0,0002	0,0024	0,00853	0,0013	0,00020	**7,00**	0,02	0,02	0,01
		M	0,02	0,0007	0,0010	0,0030	0,0000	0,0006	0,00007	0,0023	0,00050	**7,30**	0,01	0,14	0,03
21	QT3-CC	K	0,07	0,0098	0,0015	0,0037	0,0003	0,0014	0,00007	0,0021	0,00020	0,01	0,01	0,02	0,09
		M	0,00	0,0007	0,0010	0,0042	0,0000	0,0009	0,00001	0,0027	0,00031	0,13	0,01	0,02	0,03
22	QT3a-HĐ	K	0,04	0,0028	0,0014	0,0005	0,0003	0,0018	0,00010	0,0013	0,00020	0,01	0,01	4,33	0,01
		M	0,09	0,0004	0,0005	0,0067	0,0000	0,0009	0,00156	0,0025	0,00060	0,22	0,01	2,99	0,01
23	QT5b-HĐ	K	**3,83**	0,0026	0,0015	0,0025	0,0001	0,0018	0,00016	0,0021	0,00020	0,32	0,01	0,02	0,01
		M	0,19	0,0002	0,0011	0,0082	0,0000	0,0027	0,00017	0,0026	0,00052	0,22	0,01	0,24	0,01
24	QT5a-HT	K	**7,04**	0,0001	0,0000	0,0997	0,0001	0,0079	0,00520	0,0008	0,00022	0,89	0,02	0,02	0,01
		M	**6,60**	0,0008	0,0048	0,0002	0,0005	0,0014	0,00263	0,0089	0,00024	0,25	0,01	0,53	0,04
25	QT6-HT	K	0,29	0,0023	0,0012	0,0156	0,0000	0,0005	0,00217	0,0011	0,00033	0,01	0,02	0,09	0,01
		M	0,17	0,0021	0,0003	0,0026	0,0004	0,0044	0,00098	0,0084	0,00028	0,02	0,01	0,54	0,01
26	QT1a-HK	K	0,14	0,0131	0,0066	0,0389	0,0002	0,0079	0,01810	0,0031	0,00051	-	-	-	-
		M	0,17	0,0134	0,0004	0,0014	0,0004	0,0007	0,00573	0,0052	0,00030	-	-	-	-
27	QT2a-HK	K	0,11	0,0026	0,0005	0,0205	0,0002	0,0006	0,00189	0,0014	0,00013	0,01	0,02	0,09	0,01
		M	0,04	0,0013	0,0001	0,0016	0,0005	0,0045	0,00104	0,0082	0,00020	0,01	0,01	0,49	0,01
28	QT3a-HK	K	0,02	0,0016	0,0001	0,0145	0,0000	0,0006	0,00393	0,0021	0,00055	0,01	0,02	1,38	0,01
		M	0,04	0,0016	0,0004	0,0032	0,0004	0,0044	0,00375	0,0078	0,00023	0,01	0,01	1,05	0,04
29	QT4a-HK	K	0,29	0,0026	0,0006	0,0327	0,0009	0,0007	0,00406	0,0024	0,00020	0,16	0,02	1,12	0,01
		M	0,14	0,0012	0,0002	0,0112	0,0000	0,0044	0,00328	0,0080	0,00029	0,01	0,01	1,08	0,01

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
30	QT5a-HK	K	0,27	0,0072	0,0034	0,0385	0,0005	0,0012	0,00361	0,0050	0,00020	0,01	0,02	1,47	0,01
		M	0,04	0,0018	0,0001	0,0048	0,0004	0,0043	0,00216	0,0071	0,00026	0,02	0,01	1,90	0,01
31	QT1b-HS	K	0,42	0,0008	0,0001	0,0526	0,0001	**0,0692**	0,00793	0,0014	0,00010	-	-	-	-
		M	0,21	0,0010	0,0003	0,0019	0,0005	0,0257	0,00340	0,0079	0,00026	-	-	-	-
32	QT2b-HS	K	0,25	0,0031	0,0021	0,0429	0,0003	0,0011	0,00901	0,0040	0,00007	0,28	0,02	0,10	0,01
		M	0,05	0,0058	0,0032	0,0045	0,0004	0,0034	0,00618	0,0059	0,00031	0,16	0,01	0,40	0,05
33	QT5b-HS	K	0,24	0,0011	0,0003	0,0128	0,0002	0,0008	0,00362	0,0005	0,00028	-	-	-	-
		M	0,16	0,0015	0,0004	0,0024	0,0005	0,0043	0,00255	0,0071	0,00049	-	-	-	-
34	QT1b-QB	K	**0,94**	0,0001	0,0009	0,0487	0,0001	0,0012	0,00519	0,0008	0,00040	0,67	0,01	0,02	0,19
		M	0,49	0,0001	0,0005	0,0001	0,0004	0,0041	0,00082	0,0087	0,00023	0,60	0,03	0,02	0,35
35	QT5-QB	K	0,31	0,0003	0,0002	0,0155	0,0001	0,0028	0,00388	0,0011	0,00034	**1,01**	0,01	0,02	0,13
		M	0,20	0,0011	0,0002	0,0004	0,0005	0,0035	0,00363	0,0086	0,00024	0,92	0,02	0,02	0,16
36	QT12b-QB	K	0,12	0,0001	0,0002	0,0103	0,0001	0,0007	0,00267	0,0008	0,00045	0,14	0,01	0,02	0,01
		M	0,11	0,0001	0,0003	0,0021	0,0005	0,0043	0,00138	0,0085	0,00023	0,11	0,01	0,02	0,01
37	QT13a-QB	K	0,11	0,0000	0,0001	0,0068	0,0001	0,0017	0,00252	0,0018	0,00057	**1,68**	0,01	0,02	0,04
		M	0,11	0,0002	0,0005	0,0018	0,0005	0,0035	0,00080	0,0088	0,00027	0,85	0,01	0,02	0,12
38	QT15a-QB	K	0,01	0,0003	0,0002	0,0065	0,0001	0,0008	0,00045	0,0008	0,00014	-	-	-	-
		M	0,03	0,0170	0,0003	0,0004	0,0005	0,0041	0,00019	0,0070	0,00024	-	-	-	-
39	QT1a-QT	K	0,01	0,0008	0,0006	0,0077	0,0001	0,0008	0,00056	0,0008	0,00027	-	-	-	-
		M	0,06	0,0064	0,0026	0,0071	0,0003	0,0004	0,00171	0,0032	0,00023	-	-	-	-

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
40	QT3b-QT	K	0,11	0,0002	0,0005	0,0025	0,0001	0,0031	0,00050	0,0011	0,00036	**1,12**	0,01	0,02	0,09
		M	0,42	0,0082	0,0029	0,0051	0,0003	0,0015	0,01050	0,0033	0,00022	0,75	0,01	0,02	0,11
41	QT5-QT	K	0,01	0,0006	0,0003	0,0020	0,0000	0,0007	0,00043	0,0018	0,00030	-	-	-	-
		M	0,01	0,0014	0,0009	0,0087	0,0003	0,0021	0,00007	0,0036	0,00020	-	-	-	-
42	QT6-QT	K	0,00	0,0005	0,0002	0,0016	0,0001	0,0005	0,00017	0,0011	0,00038	-	-	-	-
		M	0,02	0,0018	0,0001	0,0035	0,0004	0,0024	0,00122	0,0034	0,00023	-	-	-	-
43	QT7b-QT	K	**1,83**	0,0040	0,0004	0,0108	0,0001	0,0097	0,03200	0,0002	0,00056	**4,20**	0,01	0,02	0,01
		M	0,08	0,0036	0,0087	0,0073	0,0003	0,0016	0,01100	0,0045	0,00047	**4,75**	0,01	0,02	0,01
44	QT9b-QT	K	0,11	0,0006	0,0005	0,0028	0,0001	0,0005	0,00019	0,0008	0,00005	-	-	-	-
		M	0,04	0,0001	0,0003	0,0033	0,0004	0,0024	0,00036	0,0010	0,00028	-	-	-	-
45	QT11a-QT	K	0,03	0,0017	0,0049	0,0091	0,0001	0,0008	0,01030	0,0011	0,00059	-	-	-	-
		M	0,03	0,0059	0,0033	0,0020	0,0004	0,0022	0,00272	0,0048	0,00035	-	-	-	-
46	QT1b-H	K	0,14	0,0017	0,0007	0,0055	0,0001	0,0037	0,00130	0,0005	0,00037	**1,12**	0,01	0,02	0,27
		M	0,07	0,0002	0,0004	0,0016	0,0004	0,0012	0,00017	0,0049	0,00030	0,32	0,01	0,02	0,28
47	QT2b-H	K	0,03	0,0013	0,0007	0,0046	0,0000	**0,1870**	0,00735	0,0003	0,00012	**28,65**	0,01	0,02	2,42
		M	0,02	0,0018	0,0004	0,0008	0,0004	**0,0884**	0,00083	0,0049	0,00034	**21,12**	0,01	0,02	1,42
48	QT5-H	K	0,09	0,0143	0,0010	0,0150	0,0000	0,0080	0,00579	0,0013	0,00041	**57,30**	0,01	0,02	3,56
		M	0,05	0,0018	0,0002	0,0004	0,0004	0,0008	0,00119	0,0049	0,00028	**46,10**	0,01	0,02	2,24
49	QT6b-H	K	0,19	0,0000	0,0007	0,0039	0,0000	0,0012	0,00048	0,0002	0,00051	0,56	0,01	0,02	0,10
		M	0,02	0,0004	0,0004	0,0012	0,0004	0,0023	0,00003	0,0053	0,00028	0,33	0,01	0,02	0,14

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
50	QT7b-H	K	**0,71**	0,0013	0,0007	0,0040	0,0000	0,0016	0,02310	0,0003	0,00061	**2,91**	0,02	0,02	0,01
		M	0,40	0,0030	0,0004	0,0019	0,0004	0,0017	0,00259	0,0052	0,00027	0,47	0,01	0,02	0,01
51	QT9-H	K	0,21	0,0050	0,0007	0,0029	0,0000	0,0027	0,04590	0,0003	0,00042	**17,11**	0,01	0,02	0,04
		M	0,16	0,0002	0,0004	0,0021	0,0004	0,0023	0,00002	0,0053	0,00028	**11,12**	0,01	0,02	0,01
52	QT8a-TH	K	0,11	0,0172	0,0015	0,0027	0,0003	0,0008	0,00149	0,0015	0,00020	**1,68**	0,01	0,02	0,35
		M	0,18	0,0025	0,0011	0,1620	0,0000	0,0018	0,02350	0,0018	0,00078	**1,31**	0,01	0,02	0,16
53	QT14a-TH	K	**4,81**	0,0080	0,0014	0,0000	0,0003	0,0011	0,00234	0,0014	0,00020	0,45	0,01	0,02	0,01
		M	0,00	0,0011	0,0011	0,0051	0,0000	0,0010	0,00013	0,0023	0,00040	0,35	0,01	0,02	0,01
54	QT7-NA	K	0,10	0,0164	0,0014	0,0034	0,0003	0,0013	0,00472	0,0009	0,00020	0,39	0,01	0,02	0,01
		M	0,02	0,0009	0,0010	0,0011	0,0000	0,0010	0,00051	0,0023	0,00003	0,44	0,01	0,02	0,04
55	QT12b-NA	K	0,03	0,0115	0,0014	0,0035	0,0003	0,0405	0,00474	0,0013	0,00018	**44,22**	0,01	0,02	0,21
		M	0,04	0,0019	0,0007	0,0680	0,0000	**0,0537**	0,01610	0,0012	0,00024	**33,00**	0,01	0,02	0,34
56	QT13b-NA	K	0,06	0,0157	0,0015	0,0034	0,0003	0,0092	0,00473	0,0011	0,00017	**32,62**	0,01	0,02	0,46
		M	0,15	0,0052	0,0007	0,1340	0,0000	0,0345	0,00372	0,0005	0,00073	**26,00**	0,01	0,02	0,14
57	QT7a-HT	K	0,02	0,0010	0,0005	0,0193	0,0002	**0,3040**	0,00896	0,0008	0,00011	0,56	0,01	0,02	0,23
		M	0,03	0,0035	0,0004	0,0015	0,0005	**0,1920**	0,01300	0,0084	0,00023	0,43	0,01	0,02	0,25
58	QT9b-QB	K	0,01	0,0000	0,0044	0,0036	0,0001	0,0006	0,00186	0,0008	0,00013	0,28	0,01	0,02	0,16
		M	0,00	0,0002	0,0010	0,0027	0,0005	0,0044	0,00008	0,0081	0,00021	0,05	0,01	0,02	0,14
59	QT4-QT	K	0,04	0,0003	0,0023	0,0028	0,0000	0,0008	0,00224	0,0011	0,00009	0,84	0,01	0,02	0,01
		M	0,07	0,0006	0,0019	0,0020	0,0004	0,0019	0,00103	0,0037	0,00024	0,30	0,01	0,02	0,01

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
60	QT10b-QT	K	**0,74**	0,0026	0,0004	0,0951	0,0001	0,0019	0,01830	0,0057	0,00004	**5,60**	0,01	0,02	0,08
		M	**0,56**	0,0083	0,0002	0,0011	0,0004	0,0009	0,00804	0,0047	0,00031	**1,18**	0,01	0,02	0,03
61	QT3b-H	K	0,21	0,0003	0,0002	0,0091	0,0000	0,0012	0,00183	0,0000	0,00047	0,84	0,01	0,02	0,05
		M	0,13	0,0003	0,0003	0,0002	0,0004	0,0021	0,00011	0,0049	0,00027	0,14	0,01	0,02	0,02
62	QT8b-H	K	0,23	0,0000	0,0008	0,0025	0,0000	0,0008	0,00300	0,0003	0,00014	0,36	0,01	0,70	0,02
		M	0,01	0,0005	0,0001	0,0025	0,0004	0,0024	0,00021	0,0048	0,00027	0,20	0,01	0,02	0,01

II.3. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH_4	NO_2	NO_3	PO_4
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
1	QT8b-QB	K	0,22	0,0041	0,0012	0,0679	0,0001	0,0016	0,01160	0,0021	0,00007	0,67	0,01	0,02	0,16
		M	0,16	0,0048	0,0004	0,0002	0,0005	0,0039	0,00390	0,0010	0,00024	-	-	-	-
2	QT1b-QT	K	0,00	0,0000	0,0000	0,0072	0,0000	0,0006	0,00207	0,0014	0,00049	0,45	0,01	0,02	0,04
		M	0,01	0,0104	0,0009	0,0007	0,0004	0,0015	0,01080	0,0030	0,00043	0,27	0,01	0,02	0,06
3	QT3c-QT	K	**0,74**	0,0002	0,0002	0,0031	0,0001	0,0008	0,00343	0,0014	0,00056	0,14	0,01	0,02	0,01
		M	0,38	0,0004	0,0058	0,0066	0,0004	0,0013	0,00170	0,0037	0,00023	0,17	0,01	0,02	0,01
4	QT7c-QT	K	0,14	0,0016	0,0005	0,0047	0,0001	0,0012	0,01280	0,0015	0,00009	**1,23**	0,01	0,02	0,08
		M	0,08	0,0014	0,0002	0,0003	0,0003	0,0022	0,00168	0,0046	0,00036	**1,03**	0,01	0,02	0,05
5	QT10c-QT	K	0,35	0,0032	0,0004	0,0550	0,0001	0,0016	0,02070	0,0050	0,00002	**2,10**	0,01	0,02	0,11
		M	0,28	0,0125	0,0002	0,0009	0,0004	0,0013	0,00759	0,0049	0,00039	**1,75**	0,01	0,02	0,05
6	QT11b-QT	K	0,04	0,0018	0,0005	0,0141	0,0001	0,0015	0,01000	0,0021	0,00024	**17,53**	0,01	0,02	3,20
		M	0,03	0,0057	0,0005	0,0022	0,0003	0,0012	0,00302	0,0048	0,00032	**12,42**	0,01	0,02	2,08
7	QT13-QT	K	0,00	0,0003	0,0002	0,0052	0,0001	0,0005	0,00131	0,0008	0,00017	-	-	-	-
		M	0,01	0,0056	0,0004	0,0106	0,0003	0,0023	0,00659	0,0028	0,00021	-	-	-	-

II.4. Tầng chứa nước khe nứt trong đá Bazan (Bz)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH_4	NO_2	NO_3	PO_4
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
1	QT2-QT	K	0,00	0,0002	0,0001	0,0021	0,0000	0,0006	0,00097	0,0008	0,00060	-	-	-	-
		M	0,02	0,0054	0,0014	0,0141	0,0003	0,0024	0,00096	0,0030	0,00022	-	-	-	-

II.5. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Triat (t) và Triat giữa (t_2)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH_4	NO_2	NO_3	PO_4
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
1	QT5b-NA	K	0,20	0,0084	0,0015	0,0039	0,0003	0,0015	0,00018	0,0020	0,00019	0,01	0,01	0,02	0,01
		M	0,05	0,0006	0,0007	0,0393	0,0001	0,0009	0,00024	0,0023	0,00005	0,17	0,01	0,40	0,03
2	QT18b-NA	K	0,00	0,0009	0,0012	0,0002	0,0003	0,0019	0,00009	0,0020	0,00018	0,01	0,01	3,11	0,01
		M	0,00	0,0002	0,0008	0,0003	0,0000	0,0010	0,00028	0,0018	0,00045	0,10	0,01	0,80	0,01
3	QT1b-HĐ	K	**2,96**	0,0120	0,0003	0,0003	0,0003	0,0017	0,00148	0,0020	0,00019	0,28	0,06	1,17	0,15
		M	0,03	0,0010	0,0003	0,0054	0,0000	0,0009	0,00102	0,0026	0,00038	0,22	0,01	0,51	0,03
4	QT6b-HT	K	0,04	0,0004	0,0010	0,0089	0,0001	0,0010	0,00423	0,0008	0,00026	0,01	0,02	0,02	0,01
		M	0,03	0,0006	0,0039	0,0019	0,0005	0,0043	0,00234	0,0085	0,00024	0,01	0,01	0,02	0,01
5	QT1b-HK	K	0,08	0,0045	0,0015	0,0347	0,0003	0,0018	0,00564	0,0021	0,00008	0,01	0,02	3,12	0,01
		M	0,05	0,0097	0,0022	0,0127	0,0003	0,0022	0,00296	0,0051	0,00027	0,01	0,01	1,87	0,01
6	QT2b-HK	K	0,21	0,0006	0,0003	0,0130	0,0002	0,0008	0,00251	0,0008	0,00017	0,01	0,02	0,02	0,01
		M	0,05	0,0008	0,0024	0,0019	0,0004	0,0044	0,00089	0,0084	0,00021	0,02	0,01	0,56	0,01
7	QT3b-HK	K	0,04	0,0012	0,0001	0,0102	0,0002	0,0006	0,00359	0,0021	0,00006	0,01	0,02	0,80	0,01
		M	0,05	0,0015	0,0000	0,0003	0,0004	0,0044	0,00377	0,0081	0,00025	0,01	0,01	0,56	0,01
8	QT4b-HK	K	0,01	0,0006	0,0003	0,0094	0,0001	0,0006	0,00321	0,0008	0,00042	0,01	0,02	0,84	0,01
		M	0,01	0,0002	0,0004	0,0018	0,0004	0,0045	0,00283	0,0085	0,00024	0,01	0,01	1,48	0,01
9	QT5b-HK	K	0,08	0,0018	0,0004	0,0142	0,0003	0,0081	0,00355	0,0027	0,00040	0,01	0,02	1,59	0,05
		M	0,07	0,0007	0,0001	0,0036	0,0003	0,0040	0,00337	0,0066	0,00028	0,02	0,01	2,04	0,03

II.6. Tầng chức nước khe nứt - karst trong trầm tích carbonat Carbon-Pecmi (c-p)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH_4	NO_2	NO_3	PO_4
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	QT3b-HĐ	K	0,02	0,0113	0,0000	0,0031	0,0003	0,0018	0,00002	0,0021	0,00020	0,10	0,02	0,02	0,80
		M	0,00	0,0008	0,0007	0,0012	0,0000	0,0010	0,00014	0,0026	0,00079	0,01	0,01	2,41	0,01
2	QT4-HĐ	K	0,00	0,0114	0,0015	0,0037	0,0003	0,0019	0,00020	0,0022	0,00020	0,01	0,01	2,51	0,01
		M	0,02	0,0007	0,0010	0,0012	0,0002	0,0010	0,00026	0,0020	0,00014	0,26	0,01	2,36	0,01

II.7. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Cacbon dưới (c_1)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH_4	NO_2	NO_3	PO_4
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	QT2b-CC	K	0,04	0,0038	0,0015	0,0001	0,0002	0,0019	0,00018	0,0021	0,00019	0,01	0,01	0,26	0,01
		M	0,12	0,0077	0,0055	0,0186	0,0000	0,0016	0,01330	0,0020	0,00022	0,01	0,01	0,27	0,01

II.8. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH_4	NO_2	NO_3	PO_4
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	QT6b-QB	K	0,32	0,0000	0,0003	0,0130	0,0001	0,0008	0,00386	0,0008	0,00059	0,01	0,02	0,08	0,38
		M	0,22	0,0005	0,0003	0,0002	0,0005	0,0043	0,00190	0,0083	0,00024	0,01	0,01	0,36	0,02

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
2	QT11b-QB	K	0,04	0,0031	0,0002	0,0099	0,0001	0,0016	0,02160	0,0040	0,00056	0,56	0,01	0,02	0,01
		M	0,04	0,0104	0,0004	0,0031	0,0005	0,0035	0,00658	0,0088	0,00030	0,58	0,01	0,02	0,02
3	QT13b-QB	K	0,00	0,0046	0,0009	0,0064	0,0001	0,0057	0,00432	0,0011	0,00004	0,45	0,02	0,02	0,35
		M	0,00	0,0027	0,0005	0,0035	0,0005	0,0006	0,00232	0,0086	0,00038	0,35	0,01	0,02	0,36
4	QT15b-QB	K	0,05	0,0004	0,0001	0,0036	0,0001	0,0007	0,00034	0,0011	0,00049	0,01	0,01	0,02	0,38
		M	0,09	0,0037	0,0004	0,0007	0,0005	0,0043	0,00022	0,0084	0,00021	0,01	0,01	0,02	0,42
5	QT16b-QB	K	0,44	0,0644	**0,0273**	0,1700	0,0003	0,0019	0,02630	0,0083	0,00028	0,01	0,01	0,02	0,03
		M	0,06	0,0044	0,0017	0,0041	0,0005	0,0043	0,00179	0,0083	0,00023	0,02	0,01	0,02	0,06

II.9. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur dưới (o_3-s_1)

STT	Số hiệu công trình	Mùa Phân tích	Kết quả phân tích (mg/l)												
			Mn	**Cu**	**Pb**	**Zn**	**Cd**	**As**	**Cr**	**Se**	**Hg**	**NH_4**	**NO_2**	**NO_3**	**PO_4**
QCVN 09:2023/BTNMT			**0,5**	**1**	**0,01**	**3**	**0,005**	**0,05**	**0,05**	**0,01**	**0,001**	**1**	**1**	**15**	
1	QT17b-NA	K	**4,77**	0,0102	0,0013	0,0036	0,0003	0,0017	0,00012	0,0022	0,00019	0,56	0,01	0,02	0,01
		M	0,07	0,0006	0,0010	0,0024	0,0000	0,0007	0,00004	0,0026	0,00067	0,22	0,01	0,02	0,04

MỤC LỤC

Số TT	Nội dung	Trang
1	Lời nói đầu	1
2	Thuyết minh tóm tắt nội dung quyển niên giám tài nguyên nước dưới đất	3
3	Mục tra cứu	7
4	Danh sách các công trình quan trắc	13
5	Phần 1. Đánh giá tổng quát đặc điểm tài nguyên nước dưới đất	23
6	Phần 2. Mực nước	55
7	Phần 3. Nhiệt độ	289
8	Phần 4. Chất lượng nước	313